

ĐÀO TRINH NHẤT

(*Hồng Phong*)

LÊ VĂN KHÔI

(*Tiểu thuyết lịch sử*)

NGUYỄN Q. THẮNG

(Sưu tầm và giới thiệu)



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LÊ VĂN KHÔI

ĐÀO TRINH NHẬT
(Hong Phong)

LÊ VĂN KHÔI
(Tiểu thuyết lịch sử)



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Lịch sử tiểu thuyết của Hồng Phong

I

MỘT BÓ ĐUỐC BẰNG THỊT NGƯỜI

Chạng vạng chiều hôm 18 tháng 5 năm Quý Tỵ (1833).

Thầy đội trưởng Nguyễn Kiều từ trong thành Phiên An tể ngựa như bay như biển, một mạch về đến nhà ở Bình Hòa xã. Buộc ngựa ngoài cổng, thầy rào bước vào trong nhà, kêu réo vợ và cô em gái đang hì hục giã gạo ở sau bếp để mai gánh đi Chợ Lớn bán:

- Bay đâu? Dọn cơm ta ăn ba hột mau mau, còn phải đi có việc thượng khẩn, nghe!

Thím đội và cô Tần cùng đưa mắt nhìn nhau, trao đổi ý tứ kinh ngạc. Mười mấy năm nay, thầy đội về nhà khinh thường dục dã bữa cơm tối là lần thứ nhất. Vì thầy vẫn quen tính phong lưu, bệ vệ, bao giờ bữa cơm tối của thầy cũng có ý nghĩa hầu như một vấn đề thể thống, một nghi tiết quan hệ. Dù gặp việc quan khẩn cấp đến đâu, ngay lúc Thượng Công hầy còn cũng vậy, thầy chỉ cắt người thay, không thì bỏ mặc kệ: cứ về nhà ngồi đánh chén một mình khề khà, ngất ngưỡng, hạc sách người nhà từng li từng tí, kéo dài từ giờ Thân đến giờ Dậu mới xong. Suốt ngày, chỉ đến bữa chén ấy, thầy đội mới cảm giác vui sống, cho nên người vợ và cô em gái vẫn phải hết sức cung phụng, chiều chuộng, quanh năm như một ngày, thành ra cô lệ. Hôm nay, thầy bỏ thói quen, có vẻ vội vàng, hộc tốc, ý chừng vì một duyên cớ gì hệ trọng lắm.

Tuy vậy, hai người cùng phải bỏ dở công việc, để thấp đèn và dọn cơm bung lên, không ai dám mở lời vặn hỏi gì cả.

Thầy đội Kiều để nguyên cả nón áo võ phục và đeo thanh kiếm bên mình, chỉ ngồi ghé bên bộ ván, lẳng lặng và sắp và ngửa lấy hai bát cơm, đứng dậy bung tô trà Huế uống một hơi, rồi tắt cả đi ngay.

Thím đội lờm theo và nói lầm rầm:

- Có giặc ở đâu mà chạy rồi lên thế, không biết!

Câu nói hình như chợt dạ thầy đội, cho nên thầy đã chạy ra đến giữa sân, bỗng ngảnh mặt lại, hỏi vợ:

- Ngày mai có đi chợ không?

- Có chứ! Thím đội trả lời, tôi với cô Tần đang giã năm sáu thúng gạo dưới bếp kia kìa! Cốt để mai gánh đi Chợ Lớn bán. Hôm nọ nhà ông bang Mạch Tấn Giai dặn lấy hai giạ, nhân thể đem giao cho người ta.

- Thế, lúc nào thì đi?

Cô Tần vừa nói vừa cười:

- Kỳ quá, hôm nay anh đội làm như khách lạ nhà này, hay là người đăng trí... Bao giờ chị em chúng tôi đi chợ, cũng phải dậy đi từ đầu trống canh năm anh còn lạ gì?

- Nhưng ngày mai để sáng rõ hãy đi, có được không?

Thím đội xem chồng như có vẻ khả nghi, nên thím bắt bình:

- Không thể được! Phải đi thật sớm, đến nơi bán hàng xong, còn mua sắm các thứ, để trở về nhà này vào khoảng nửa buổi thì vừa. Sáng rõ mới đi, gánh nặng đường xa, trời nắng vát và lắm, rồi đến quá trưa mới về à?... Nhưng mà thôi, công việc chợ búa buôn bán để mặc kệ chị em chúng tôi, miễn sao mỗi buổi tôi có một mâm cao lương mỹ vị cho ông gật gù đánh chén, hạc lạc người ta, thế là được rồi; cần gì phải can thiệp vào giờ khắc đi sớm đi trưa của chúng tôi?...

- Đã thành như thế!... Có điều, tôi phải dặn trước hai chị em: khuya nay đi ngang chỗ lăng mộ Thượng Công, có thấy sự gì khác

lạ, cứ việc ngậm tằm mà đi, chớ tò mò dòm ngó hay là hoảng lên, thì khổ thân đấy, nghe!

Nói xong, thầy đội Kiều chạy tốc ra ngõ, nhảy lên mình ngựa, gia roi đi thẳng.

Trở lại công việc xay lúa giã gạo, chị dâu em chồng vừa làm vừa bán tán thị phi. Cô Tần mở lời trước:

- CỬ CHỈ ANH ĐỘI NHÀ TA HÔM NAY LẠ THẬT, CHỊ HAI NHỈ! LÀM NHƯ CÓ chuyện gì bí mật thì phải.

- HỨ! KHÔNG KHÉO CÓ MÈO CHÓ HẸN HÒ GÌ VỚI ANH CHÀNG ĐÊM NAY ĐÂY THÔI.

- CHƯA GÌ CHỊ ĐÃ GHEN BÓNG GHEN GIÓ! CÔ TẦN NÓI. VẬY MÀ EM VẪN NGHĨ CHỊ KHÔNG BIẾT GHEN.

- CÔ NÀY NÓI LẠ, AI CÓ CHỒNG LẠI CHẴNG GHEN. ĐỂ CHO THIÊN HẠ MỘT LÚA ĐỒNG RUỘNG NHÀ MÌNH, LIỆU MÌNH ĐỨNG TRƠ MẮT MÀ NHÌN ĐƯỢC À? MỘT MAI CÔ CÓ CHỒNG, THỬ XEM CÓ GHEN HAY KHÔNG CHO BIẾT?

- NHƯNG CHỊ VỊN LẤY CHỨNG CỐ NÀO MÀ NGHI ĐÊM NAY ANH ĐỘI NHÀ TA HẸN HÒ VỚI MÈO CHÓ?

- TÔI BẢO CÔ NHỚ: KHÔNG THỂ SAO HẮN TA LẠI TÍNH ĐI SUỐT ĐÊM NAY KHÔNG VỀ? ĐÀN ÔNG CÓ NHÀ, Ở NHÀ CÓ VỢ, BỎ ĐI SUỐT ĐÊM LÀ ĐI ĐÂU MỚI ĐƯỢC CHỨ NẾU KHÔNG PHẢI CÓ NGOẠI TÌNH? KHÔNG THỂ, SAO HẮN TA LẠI DẶN DÒ CHỊ EM MÌNH ĐI NGANG LĂNG MỘ THƯỢNG CÔNG, ĐỪNG CÓ DÒM HÀNH MÀ KHỐN?

- THẾ RA CHỊ ĐOÁN CHỪNG ANH ĐỘI NHÀ TA ĐÊM NAY SẼ ĐƯA MỘT CÔ NÀO TỚI CHỖ ĐÓ TỰ TÌNH À? CHỊ KHÉO NGHĨ QUẢN: TRAI GÁI NÀO DÁM ĐƯA NHAU TỚI BÊN MỒ MẢ TRÒ CHUYỆN BAO GIỜ, NHẤT LÀ LĂNG MỘ THƯỢNG CÔNG TÔN NGHIÊM VÀ CÓ QUÂN LÍNH CANH GÁC.

- CÔ QUÊN RỒI SAO, LÂU NAY LĂNG MỘ THƯỢNG CÔNG BỎ HOANG, LÀM GÌ CÒN LÍNH CANH GÁC NHƯ HỒI NĂM NGOÁI, NGÀI MỚI QUÁ ĐỜI. VẢ LẠI, NHỮNG THỨ TRAI GÁI ĐẾN LÚC SAY ĐẮM U MÊ, CÒN BIẾT KIÊNG NỀ GÌ NỮA.

- EM HỎI CÂU NÀY, CHỊ NÓI CHO THẬT NHÉ: MỘT HAI CHỊ NGHĨ ANH ĐỘI CÓ NHÂN TÌNH NHƯNG NGƯỜI ẤY LÀ AI, CHỊ CÓ THẤY CHƯA?

- TÔI QUYẾT CHẮC NHƯ HAI NĂM LÀ MƯỜI, CHẢ CÒN NGHI NGỜ GÌ CẢ... HÈN NÀO MẤY LÚC NAY HẮN TA VỀ NHÀ HAY KHOE RẰNG ÔNG

chánh vệ Thái Công Triều có một cô cháu họ mới ở ngoài Huế vô, góa chồng mà tuổi trẻ sắc đẹp; hần ta tấm tắc khen mãi, tỏ ý thèm muốn lắm. Tôi chắc là cô ả đó. Khuya nay chị em mình đi chợ, qua lăng Thượng công, tôi quyết bắt quả tang con đĩ cá m đố chồng tôi, tôi xé tan xác nó ra, lấy thịt về làm mắm ngấu cho cô xem!

- Trời ơi! chị nói tôi nghe gớm quá, lạnh toát cả người. Cô Tần cười và đáp. Thôi, giờ chị em mình dọn dẹp đi nghỉ, sáng mai sẽ hay.

- Nhưng cô phải rình bắt với tôi, nghe?

- Vâng, nhưng thứ mắm ngấu chị định làm, em không thèm ăn đâu, xin giao hẹn trước.

- Thím đội mắng bần khoản với ý nghĩ ghen tuông vợ vắn, chỉ những trần trọc thờ dài, không sao chộp mắt được.

Đêm khuya thanh vắng, tiếng trống cầm canh trong thành vọng ra nghe rõ mồn một.

Mới sang canh tư, thím đội Kiều đã trỗi dậy nấu cơm, đánh thức cô Tần dậy ăn hồi hủ, rồi chị em quẩy gánh ra đi. Chủ tâm đi thật sớm đến lăng Thượng công, tìm chỗ ẩn núp để rình.

Trong ý thím đội chắc hẳn sẽ bắt được một đám dâu bộc quả tang, mà vai tuồng chính thức là thầy đội Kiều, chồng thím.

*

Không ngờ đến nơi, hai chị em cùng giựt mình kinh ngạc, thấy lăng Thượng công hôm nay không phải vắng vẻ tối tăm như mọi khi, ai nhát bóng vĩa qua đây khuya khoắt vẫn sợ thấp thỏm chọn tóc gáy. Trái lại, ở lăng Thượng công đêm nay, giờ này, lại có đèn đuốc sáng rực, cờ xí thâm nghiêm, có người tụ họp lố nhố, đông đảo; từ đằng xa đã nghe rõ những tiếng sóng người ồ ạt.

Họ bảo thăm nhau: hẳn là có cuộc tế lễ.

Nhưng nghĩ phải lấy làm quái lạ: Thượng công tạ thế mùng 1 tháng 8 năm ngoái, đến nay mới được ngót mười tháng, tức là

chưa đến giờ đầu, sao lại có cuộc tế lễ; mà tế lễ vào giữa đêm khuya thế này mới kỳ?

Như có liên cảm ước hẹn tự nhiên, chẳng ai phải bảo ai, hai người cùng đặt gánh xuống mé ruộng, rồi rón rén bước lại gần, đứng nép mình bên một bụi cây để xem. Cảnh tượng rùng rợn hãi hùng làm hai chị em run sợ mất vía. Họ phải khoác tay nương dựa lẫn nhau cho đầu gối đứng vững; cổ đờ nén hơi thở hồi hộp chuyện khôi bật tiếng kêu rú lên.

Vì những cái họ trông thấy mà khủng khiếp.

Từ trong từ đường ra ngoài mộ, hai hàng giáp sĩ đứng giàn hầu; mỗi người đứng bên một lá cờ, lạng lẽ uy nghi như pho tượng sống, toàn mặc áo trắng, đội nón lính, cầm gương tuốt trần. Ghê nhất là hai bên rìa mộ Thượng công, thấy cắm mỗi bên ba ngọn mác, lưỡi mài sáng quắc; dưới mỗi lưỡi mác, buộc một đầu lâu người, cái thì có râu, cái thì nhẵn trọc, mà hình như mới cắt không lâu, vì chốc chốc còn mấy giọt máu đọng rơi xuống. Chưa kể trên mộ còn đến chục chiếc đầu lâu khác, máu me nhoe nhoét, bày trong một mâm cỗ vuông vẫn có chân, đứng xa trông tựa tựa như mâm bông xếp toàn dừa quả có ngọn lên vậy.

Còn có cái đáng khiếp hơn nữa. Mộ cách từ đường bởi một cái sân nhỏ; chính giữa sân ấy thấy có một người bị đóng cọc trói đứng, quanh mình quấn vải chằng chịt từ chân lên đến cổ, để hở có cái đầu, búi tóc xéch ngược lên và quay mặt vào trong đền. Thím đội và cô Tần đứng chéo góc về phía ngoài, thành ra không thể nhìn được mặt người bị trói đứng quần giẻ ấy già trẻ hay là thế nào.

Nhưng chắc chắn là giẻ quần chung quanh thân thể người khốn khổ ấy có tấm dầu mỡ sẵn sàng, để làm một ngọn đuốc sống. Một lát, giữa bầu không khí êm lặng, nghe từ trong đền có tiếng thét nguyên đồng dục: “*Thắp đuốc lên!*”, tức thời một người lính cầm mỗi lửa ra sân, châm vào chân bó đuốc sống, để cho ngọn lửa từ dưới cháy lên.

Đồng thời, chuông trống cất tiếng vang động, nhịp nhàng, xé tan tản man tịch tịch lúc nãy. Trong từ đường, nhấp nhô bóng người chạy đi chạy lại: kẻ thì lúi húi thắp hương, đốt trầm, người thì sửa soạn khăn trắng áo trắng, lục tục kéo ra trước mộ, bài ban làm lễ.

Tội nghiệp! người làm bó đuốc sống ở giữa sân, tay chân đã bị trói chặt, thêm mấy lớp vải quấn quanh, bó kín thân thể, đành đứng trơ mắt nhìn ngọn lửa châm dưới chân mình từ từ cháy lên, đành cắn răng chờ đợi đau đớn sắp đến, không thể trốn tránh đi đâu, mà cũng chẳng còn cựa quậy đỡ gạt gì được.

Ý chừng cũng là người có ít nhiều can đảm, nhẫn nhục, có vẻ khinh bỉ những kẻ hành phạt mình mà không thêm kêu van; hoặc chỉ là một xác chết đã lạnh từ hồi nào mà họ đem buộc vào đấy, cho nên thím đội nhận thấy từ lúc người ấy bị trói cho tới khi dưới chân bắt đầu châm lửa, chẳng nghe nói năng hay nhúc nhích tí nào. Nhưng rồi lửa thiêu cháy hết lớp vải ngoài, sém đến da thịt và bốc dần lên cao, bây giờ vừa bỏng, vừa đau, vừa bị khói dầu tứ phía xông thẳng vào mũi, làm cho nghẹt đường hô hấp, người ấy không chịu được nữa, thấy cái đầu lắc lư bên này bên kia, - vì chỉ còn cái đầu là được tự do vận động, - còn miệng thì kêu gào rên rĩ thất thanh, nghe rất thê thảm.

- Ôi chao ôi!... Nóng quá! ... Chết! chết! Chết tôi mất!... Cởi trói ra hộ, mau!... Ôi chao ôi!... chết... chết...

Thịt cháy có tiếng xèo xèo, chị em cô Tần đứng cách xa mà cũng nghe rõ, và lại ngửi thấy mùi khen khét...

Có lẽ lúc ấy lửa đang nướng hai bắp đùi. Tiếng gào thét đau đớn, át cả sức mạnh chuông trống đang rền:

- Trời đất ơi!... Chết tôi!... chết tôi!... Trăm lạy các quan, sinh phúc tha cho tôi; các quan muốn bắt chuộc mạng bao nhiêu vàng bạc, tôi cũng xin chịu!... Nóng quá!... Đau quá!... Ôi chao ôi!...

Một người trong bọn khăn áo trắng, đứng trên thềm từ đường nói ra:

- Câm miệng! Ai thêm vàng bạc của nhà mi! Mi kêu van làm sao được truy hồn Thượng Công truyền lệnh chúng ta tha thứ, thì chúng tao tha cho.

- Ôi chao ôi!, ... Chết!... chết!... Bọn loạn thần tặc tử!... Nóng chết tôi mất, trời ôi! Bay hành hạ tao thế này à?

Người vừa mới rồi lại thét:

- Lính đâu? Vả bóp vào miệng nó kia! Đồ tham tàn khốn nạn, chết đến đít mà hãy còn láo!

Một cậu lính ứng thỉnh dạ và chạy ra sân nhưng không phải mặt công in bàn tay vào mặt người bị hình phạt thảm khốc nữa: người ấy đã há hốc miệng, thè lưỡi, hai mắt trắng già, đầu ngả xuống vai, chết rồi. Người ấy cố thu hết tàn lực, chửi mắng những kẻ hành hạ mình được mấy câu, đến mấy tiếng “bay hành hạ tao thế này à?...” là cùng tận, muốn tiếp thêm không được nữa: lửa đã khoét xong cái lỗ ở bụng dưới, ruột gan xô ra lòng thòng.

Cây đuốc thịt người tẩm với dầu mỡ, bốc cháy phừng phừng, chiếu sáng khắp sân, ra đến ngoài mộ.

Thím đội sợ quá, lấy khăn trùm kín mặt, không dám nhìn lâu hơn nữa; nếu cô Tần không ngắt trên vai thím và nói nhỏ bên tai, có lẽ thím đã kêu rú lên.

- Chị xem người ta đang tế kia kìa!

Thật quá, những người đội khăn mặc áo trắng ở trong từ đường lục tục kéo ra lúc này, đang cung kính tế lễ trước mộ Thượng Công.

Nhờ ánh sáng của cây đuốc thịt người tỏa ra tứ phía, hai chị em nhận diện được một vài người đứng gần hương án hơn hết, vì có thêm cả đèn sáp nhiều hơn.

Họ rì tai hỏi đồ lẫn nhau:

- Người trẻ tuổi đứng chủ tế là ai, em đồ chị biết? Cô Tần hỏi:

- Tôi trông rõ như cậu ba Hán, con nuôi Thượng Công, có phải không cô? Thím đội nói.

- Chính phải! Mắt chị cũng tinh đáo để.

- Người cao lớn vạm vỡ đứng bồi tế thì tôi không biết.

- Ông phó vệ úy đấy mà, chị quên rồi sao?

- A! Ông Lê Văn Khôi...

- Phải, trước đã có mấy lần đến chơi nhà ta.

Bỗng nghe tiếng xướng: “Độc chúc”, kẻ thấy một người cao mà hơi gầy, cũng toàn thân tang phục như các người kia, tiến lên hương án, bưng bài văn tế rồi quỳ xuống đọc: tiếng trong giọng tốt,

nghe rất náo nùng, ai oán. Thấy nhiều người chung quanh, lấy áo gạt nước mắt.

Bài văn tế bằng chữ nho, cố nhiên chị em thím đội không hiểu; nhưng thấy bóng người đọc văn và nghe tiếng đọc, cả hai chị em càng giựt mình, sùng sốt. Cô Tần hỏi nhỏ:

- Em đồ chị biết người nào đấy?

- Hình như nhà tôi! Thím đội đáp, tiếng nói hơi run.

- Lại còn ai nữa! Lúc mới thấy bóng, em còn ngờ ngợ, chùng nghe tiếng đọc thì quyết chắc lắm rồi: chính anh đội Kiều nhà ta.

- Quái lạ! Họ bày trò trống gì bí mật, khủng khiếp, lại có bỏ đội nhà mình dự vào, không khéo thì khốn... Tôi lo quá!

- Đấy! chị đi rình đã bắt gặp, giờ thử vào đánh ghen đi xem nào? Cô Tần nói vào làm bộ như đẩy thím đội bước tới.

Thím mình cầu trên vai cô.

- Tôi đang lo sợ phân vân, cô đừng nói chuyện giả ngộ! Mà người ta làm trò trống gì lạ lòng ghê gớm thế cô nhỉ?

Trông thấy quang cảnh này giờ, em đã đoán phỏng được đại khái rồi, để lát nữa đi đường, em nói chị nghe.

- Thôi, chúng ta đi chợ, kéo sáng mắt rồi, còn đứng đây làm gì nữa xem thế là đủ.

Thím đội kéo tay cô Tần. Hai người chạy ra mé ruộng, lấy gánh quảy đi. Lúc ấy mới san canh năm độ một chốc; trên đường vào Chợ Lớn đã có nhiều người gồng gánh qua lại.

Đi được một quãng đường, chưa nghe cô Tần nói gì, thím đội Kiều nóng ruột, gọi chuyện:

- Cô bảo nói cho tôi nghe những gì, nói đi.

Cô Tần đang mãi suy nghĩ về tấn bi kịch mới diễn, nên không nghe tiếng. Thím đội gọi giật lại, giọng hơi gắt.

- Sao khéo giả điếc thế, cô Tần?

- Chị hỏi em thế nào?

- Cô chẳng hẹn đi đường sẽ nói gì đấy, quên à?

- Chuyện ban nãy?

- Ủ!

- Ấy chính em đang suy nghĩ để nói chuyện với chị. Em đoán chắc đây chỉ là một cuộc phục thù tuyệt hận cho Thượng Công, do ở lòng người cảm nhớ ơn đức mà ra. Sinh thời, là bấy tôi trung dũng, có công lao như núi như non; đối với nhân dân Gia Định ta đây và tất cả Lục Châu cũng có ân to nghĩa nặng, thiên hạ đều biết. Thế mà ngài vừa nằm xuống, thịt chưa nguội, xương chưa tàn, người ta đã vội trở mặt làm trái, đổi ân ra thù, bày điều đặt chuyện để bôi nhọ kẻ chết và làm khổ kẻ sống, dân tâm phần nhiều lấy làm phẫn hận bất bình. Chị nghĩ thế nào, em không biết, chính em thấy thế cũng phải sôi tiết lên và ghét thói đời bạc bẽo. Ai cũng thiên lý ấy, nhân tâm ấy, nó tích lại thành cái ung độc, giờ chín mục thì phải vỡ ra đó thôi.

- Cô nói thế thì anh đội Kiều cũng là một trong số người bất bình ấy.

- Cố nhiên! Vì anh cũng trong bọn thù hạ thân tín của Thượng Công ngày trước.

- Nhưng còn người bị trói làm bó đuốc sống kia là người nào, tội tình gì chứ?

- Trưa chị em ta đi chợ về, hỏi anh đội nhà thì biết.

Đến ngã ba Thuận Kiều, hai chị em đặt gánh xuống, vào một quán nước bên đường nghỉ chân.

Phía trước mấy hàng quán chỗ ấy, đồ ngổn ngang những võng cánh và xe thổ mộ, đang tranh nhau chào khách. Bên trong đây những quan khách với chăn chiếu hòm xiềng của họ đem theo. Ông già bà lão, người lớn trẻ con, xem lẫn bình dân và quyền quý, trông mặt ai cũng có vẻ hốc hác, lo buồn. Thì ra họ đều là dân ở trong thành chạy loạn, thoát ra cửa tây đến đây, đang đợi thuyền hoặc thuê xe thuê võng, tìm đường về quê đào nạn.

Số người chậm bước chạy đến sau, kế tiếp mỗi phút một thêm đông đảo.

Cứ lóng tai nghe họ kháo chuyện với nhau cũng đủ kinh khủng.

- “Thật là đất bằng nổi sóng, giặc dậy bất ngờ, lại nhè đêm hôm tăm tối, chẳng biết đảng nào mà chạy. Không khéo người ta dày đạp lẫn nhau mà chết cũng nhiều”.

- “Ghê quá! Lúc đêm vì thằng bé nhà tôi nó ươn, thành ra tôi còn thức sẵn sóc nó; bỗng nghe trong dinh quan Thượng có tiếng la hét như sấm vang, tiếng chân người chạy đi chạy lại rầm rầm, tiếng lay van gào khóc, tiếng đâm chém nghe rõ òng ọc như người ta chọc tiết con heo, làm tôi rợn cả tóc gáy, không còn hồn vía nào!”

- “Dễ thương cả nhà quan Thượng bị giặc giết hết, không để một móng”.

- “Có lẽ thế. Tại lính Hồi Lương như đàn cọp dữ, chúng được sổ chuồng hăng máu thì phải biết. Tôi nghe rõ tiếng chúng nó kêu réo nhau đi tìm xem còn đứa nào thì giết nốt đi”.

- “Hình như quan Ân và quan Lãnh tẩu thoát”.

- “Thế à?”

- “Phải, chúng tôi trông thấy dường như hai trong y đi chân không, mặc áo cánh, chạy bán sống bán chết, ra phía cửa nam”.

- “Nhưng cả nhà quan Bồ cũng bị tàn sát thì phải...”

- “Gia quyền thế nào không rõ, nhưng chính ngài thì bị giặc bắt sống, trói lại, rồi điệu ra khỏi dinh, đem đi trầm hà hay xử trảm ở đâu chẳng biết”.

- “Nghe họ nói ban nãy, vào khoảng canh ba, canh tư, ở lãng Thượng Công có cuộc cúng tế linh đình lắm, chẳng biết có thật không? Chắc hẳn bọn khởi ngụy kéo nhau vào cúng bái vong linh Thượng Công chứ gì? Lúc ở trong thành chạy ra, lại nghe văng vẳng chuông trống về mạn ấy”.

Ông lão nói và đưa mắt nhìn quanh mọi người, như có ý hỏi chung có phải thế không.

Cô Tần đứng gần, nhanh nhẹn đáp:

- Thừa cụ, hồi khuya ở lãng Thượng Công có tế lễ thật. Quan viên và lính tráng dễ thường đến hơn trăm người, mặc toàn đồ trắng.

Cháu và chị của cháu đây (trỏ vào thím đội), hai chị em đứng nấp một chỗ dòm xem, thấy mà phát sợ. Họ bày một mâm đầy những đầu lâu người vừa cắt ra xong, máu me nhễ nhại; giữa sân họ trói một người quán vải tấm dầu để thấp làm đuốc mà tế; khốn nạn người ấy bị đốt sống như quay con heo. Kêu la rất thảm thiết, cháu nghe tiếng kêu, đoán là người đã có tuổi...

Mọi người xúm quanh, nghe cô thiếu nữ kể chuyện cúng tế khủng khiếp, ở đất Gia Định xưa nay mới thấy là một. Ông lão vỗ trán mình và nói:

- Trời ơi! Thế thì phải rồi: bọn khởi loạn trói quan Bồ điệu vào Bình Hòa xã, tấm dầu làm đuốc tế mộ Thượng Công. Còn những đầu lâu kia là gia quyến của hai quan đầu tỉnh, không sai...

Rồi mỗi người nói một câu, góp một chuyện, kể một sự thấy, thuật một tin đồn, thím đội Kiều và cô Tần hiểu rằng ban đêm trong thành Phiên An đã nổi lên cuộc phiến loạn đổ máu. Mà cuộc phiến loạn ấy, thầy đội Kiều, chồng thím và anh ruột cô, tức là một phần tử. Cuộc phiến loạn ấy với đám tế lễ kinh hồn mà hai người đã được mục kích, có thứ tự trước sau liên tiếp với nhau.

Đại khái là bọn khởi loạn, có những lính Bắc Thuận và Hồi Lương hưởng ứng, nửa đêm nổi lên, đánh phá dinh thự các quan đầu tỉnh, giết quan Tổng đốc Nguyễn Văn Quế, trói quan Bồ chánh Bạch Xuân Nguyên làm đuốc tế thờ Thượng Công, và chiếm cứ thành trì Phiên An, ra mặt chống với triều đình. Giữa lúc thím đội với cô Tần nghỉ chân nghe chuyện ở hàng quán bên đường này, thành Phiên An đã đổi chủ, về tay bọn khởi loạn mất rồi.

Người đứng đầu chính là Lê Văn Khôi, họ thấy ông đứng chiếu bồi bái ở đám tế lễ ban nãy.

II. THƯỢNG CÔNG LÀ AI?

Phải đi lùi trở lại một chặng thời gian dĩ vãng ít lâu, cho được thấy rõ nguyên ủy sâu xa và cái động cơ gây ra cuộc loạn ở thành Phiên An năm 1833 dưới triều Minh Mạng.

Chúng ta đã thấy cái cử chỉ trước nhất của đảng Lê Văn Khôi là làm lễ truy điệu Thượng Công. Họ làm thành việc một cách có tổ chức; họ lôi kéo được một số đông dân tâm đi theo; họ ra mặt chống chọi với triều đình được ngót ba năm, tất cả then chốt ở hai tiếng “Thượng Công” làm linh hồn, làm phương hướng, làm sức mạnh cho họ.

Thượng Công là ai, sao đã quá vãng rồi mà còn cảm được lòng người, làm chuyển biến được cả thời cuộc một miền to rộng như thế?

Ấy là ông Lê Văn Duyệt.

Ta nên biết qua thân thế và công nghiệp ông, mới dễ hiểu vì sao có vụ loạn Lê Văn Khôi mà các ngài đã thấy ở đoạn trước một tấm màn đầu.

Có nhân mới có quả, việc gì chẳng thế.

Ông Lê Văn Duyệt sinh trưởng trong một nhà tiểu nông ở chợ Ông Hồ, bên Rạch Gầm, thuộc về làng Long Hưng, hạt Mỹ Tho. Thật là sẵn sàng tài liệu cho các thầy phong thủy và tướng số tha hồ tán rộng: sinh đẻ vào chỗ có “hồ”, có “long”, lại thêm con sông nhỏ chảy qua trước nhà, tên là “Gầm”, không trách lớn lên gặp được vị sáng nghiệp đế vương đi theo phò tá, rồi trở nên một bậc khai quốc nguyên huân, công danh hiển hách.

Nhưng tương lai ở đâu chưa thấy, chỉ biết lúc cậu Duyệt mới chào ánh sáng mặt trời, ba má cậu thất vọng đáo đẽ. Vì cậu ra đời đủ cả ngũ quan tứ chi như ai, duy có cái bộ phận trọng yếu để nối dõi tông môn thì bà mẹ lại quên mất không nặn.

Tuy vậy, song thân cũng cố cày cấy lam lũ để nuôi con đi học, trong ý chỉ mong con về sau làm nên một chút thơ lại để lại gì cũng tạm về vang cho nhà mình. Tại chợ Ông Hồ lúc bấy giờ có một thầy đồ Huế mở trường dạy học, cậu Duyệt xin nhập môn. Nhưng chỉ học chữ được mấy năm rồi đâm chán, bỏ đi tìm thầy học võ, thu nghiệp côn quyền với mấy ông võ cử ở ngoài Bình Định vào.

Được theo sở thích, cậu học võ mau tấn tới lạ lùng; đâu chừng ba năm thì ông thầy dốc hết cả túi võ nghệ cho cậu, không

còn nghề ngón nào hơn nữa. Đi xa tìm học danh sư thì tình thế gia đình không cho cậu đành ở nhà tự rèn tập thêm, và giúp đỡ cha mẹ trong việc đồng áng. Tính nóng và thẳng, cậu thường lấy bắp thịt làm cho lũ du côn anh chị trong vùng phải chiết phục; trước mặt cậu, chúng không dám dờ thói hoành bạo lấy thịt đè người, cá lớn nuốt cá bé như trước. Dù là bậc đáng vai trưởng thượng và có quyền thế trong làng xóm, làm việc gì trái với lẽ phải, cậu cũng công kích không sợ.

Chính cái thiên tính cương trực nóng nảy ấy, sau này làm cho vua và nhiều đại thần trong triều, kiêng nể ngoài mặt mà thù ghét trong lòng, đến nỗi không dám làm hại lúc sống thì vu oan bôi nhọ sau khi nhắm mắt.

Hồi cơ nghiệp Nguyễn chúa ở Phú Xuân bị Tây Sơn làm nghiêng đổ, chúa Nguyễn Phúc Ánh - tức là vua Gia Long sau này - chạy vào miền Nam chiêu nạp hào kiệt, để tìm cách khôi phục, Lê Văn Duyệt là một người trong những nam trang anh tài đem thân ra truy tùy phò tá ngay lúc đầu tiên.

Song, bấy giờ Duyệt còn trẻ tuổi, chưa hề có danh vọng sở trường gì, trong tay lại cũng không có gia đình hộ hạ như Đỗ Thanh Nhân hay Châu Văn Tiếp, thành ra có tài sức hơn người mà chưa được tri ngộ, trọng dụng. Thoạt tiên, Chúa Nguyễn thu nạp cho làm một tên nội thị; công việc chỉ có hầu hạ trong cung, vâng lời sai phái; nhưng quân cơ đại sự đâu đã đến lượt nói bàn, mà cũng chẳng ai thêm hỏi đến. Người anh hùng đành phải khuất thân như một cây dùi nằm trong túi, chưa trỗi được mũi nhọn ra.

Có một lần Chúa Nguyễn bại trận, phải chạy về mạn Hà Tiên, phần đông tướng sĩ tan tác mỗi người một nơi, bị quân Tây Sơn đuổi theo bấn gót, tình thế rất là nguy cấp, từ đây đến chỗ bị giặc bắt sống chỉ còn cách nhau có một sợi tóc. Một mình Lê Văn Duyệt ra tay hộ vệ và đối địch. Trong cơn thảng thốt mà ông nghĩ ra mưu mẹo bày đặt nghi binh để chia bớt phần nửa đại đội quân giặc tách đi ngả khác, vì chúng tưởng Chúa Nguyễn có thể chạy trốn ngả ấy; còn lại phần nửa kia, thì ông với ngót trăm bại tốt tàn binh đã được ông thúc giục và truyền cho sức điện hăng hái cảm tử, tay mộc tay

đao, thầy trò cùng lăn xả vào mà đánh, bắ, đâm, chém, khiến quân giặc phải bỏ lại một ít tử thi và khí giới mà chạy tháo thân, không dám đuổi theo nữa. Máu giặc nhuộm đỏ cả y phục mặt mũi ông, mà ông chẳng bị suốt da trầy thịt chỗ nào. Triệu Tử Long ở Đương Dương Trảng Bàng ngày xưa bất quá cũng thế.

Kết quả, chuyến ấy Chúa Nguyễn thoát nạn thật cả trăm phần nhờ ở mưu cơ dũng lực của Lê Văn Duyệt.

Từ đây, Chúa mới biết tài ông, đem lòng yêu mến, tin dùng vào việc quân; rồi lần lần chiến công tích lũy, đưa ông tới ngôi đại tướng, cầm ấn nguyên nhung, và kể vào đệ nhất khai quốc công thần khi Chúa Nguyễn trở nên Gia Long hoàng đế.

Hai mươi năm nằm sừng gỏi giáo, trăm trận giao phong, thủy có, bộ có, Lê Văn Duyệt luôn luôn với tấm lòng trung dũng, với tinh thần hy sinh, tỏ bày ra một người thao lược, can đảm, hiến thân vì Chúa, chẳng coi cái chết ra gì. Có thể nói cả quyền sử sáng nghiệp vẻ vang của vua Gia Long, trang nào cũng có công lao của Lê Văn Duyệt dự phần đóng góp, xây dựng.

Cứ xem một trận đánh ở cửa Thị Nại năm Tân Dậu (1801), đủ thấy Lê Văn Duyệt can đảm hy sinh đến thế nào?

Năm ấy, Tây Sơn tụ tập rất nhiều tinh binh mãnh tướng vây thành Quy Nhơn, vua từ trong Gia Định đem binh ra đánh, sai hai tướng Nguyễn Văn Trương và Tống Phúc Lương dẫn quân tiên đạo đánh vào đồn thủy của giặc lập trên bờ bể, còn việc công phá hải cảng Thị Nại là việc gian nan nguy hiểm nhất, thì giao cho Lê Văn Duyệt và Võ Di Nguy, Ngài biết tài Duyệt, không những thiện chiến ở trên bộ thôi, cả dưới thủy nữa.

Cửa Thị Nại lúc ấy do một danh tướng của Tây Sơn là Vũ Văn Dũng trấn giữ. Quân Tây Sơn dùng hai chiếc tàu lớn và hơn 100 chiếc chiến thuyền án ngữ ngay ở cửa bể, làm như một hàng rào sắt, một chiến lũy hết sức kiên cố. Hai bên cửa bể lại có địa thế hiểm trở thiên nhiên giúp cho quân giặc càng dễ phòng thủ: bên trái có cù lao là Hòn Nhạn, bên phải có núi Tam Tòa, đều xây pháo đài và đặt súng thần công hạng lớn, chĩa mũi ra bể. Thuyền ấy, súng ấy,

núi ấy hợp lại thành một sức mạnh chẳng phải tầm thường, làm sao lọt vào Thị nại bãi khấu, cố nhiên không có chuyện dễ vậy.

Nửa đêm, ông Duyệt đem một đội thuyền chiến từ ngoài bể tiến vào. Đêm tháng giêng, trời tối đen như mực, ông thúc quân lặng lẽ từ từ vào gần chiến tuyến bên giặc. Vào khoảng một giờ khuya, đến bên cù lao Hòn Đất, xuất kỳ bất ý, bắt sống cả mấy tên quân giặc canh tuần trối lại, ông kẻ gươm vào cổ và hỏi:

- Khẩu hiệu của bay đêm nay chữ gì, nói mau; tao tha giết và thưởng công cho.

- Bẩm lạy quan lớn, hai chữ “*thanh phong*” ạ! Quan lớn sinh phúc, chúng con xin quy hàng.

Nhờ có khẩu hiệu, ông tiến binh qua lọt qua mấy vòng ngoài, gần đến giữa đại trại của giặc mà chúng không ngờ gì cả, vẫn tưởng quân nhà đi đánh đâu về.

Trong lúc ấy, Tổng Phúc Lương bơi chiếc tam bản, lên đến tận trại giặc, châm lửa đốt.

Ấy là hiệu lệnh tổng công kích.

Ông Duyệt liền hô quân nổi trống, reo hò xông vào công pháo trận giặc.

Quân Tây Sơn bị đánh bất ngờ, nhưng vẫn ra sức kháng chiến rất hăng, không hề nao núng.

Hai bên đánh nhau từ sáng sớm đến trưa, tiếng súng nổ liên thanh bất tuyệt, làm rung chuyển cả núi non, đạn bắn như mưa rào. Nhất là thân công ở những pháo đài giặc trên Hòn Nhạn và núi Tam Tòa bắn xuống dữ dội. Chiến thuyền bên Đồng Nai – Tây Sơn gọi quân chúa Nguyễn như thế, nghĩa là quân trong Gia Định - bị tổn thương khá nhiều; đại tướng Võ Di Nguy cầm đại đao đứng trước mũi thuyền áp trận, bị một viên đạn trúng ngay giữa ngực, lăn tòm xuống bể, mất xác.

Có lúc chính quân Đồng Nai xem thế đã nao núng, suýt nữa

tan vỡ. Nhưng ông Duyệt rần sức đông xung tây đột, chạy ra đầu này, nhảy tới đằng kia, kêu gào khuyến khích tướng sĩ cố đánh, tự ông lại xông pha tên đạn để làm gương cảm tử cho mọi người. Nhờ thế mà khí phách ba quân thêm phấn chấn, ai nấy tranh nhau lăn mình vào trận giặc, không kẻ sống chết.

Tuy vậy, quân Tây Sơn cứ vững trận tuyến, chẳng lùi bước nào.

Hai ba lần, chúa Nguyễn đã thất vọng, vì thấy giặc đánh rất quá không mong gì thắng trận lọt qua Thị Nại được nữa, bèn sai người truyền lệnh cho ông Duyệt lui binh. Nhưng lần nào ông cũng gửi lời tâu lại:

- Thần hạ đem binh vào sâu trọng địa quá mất rồi, không lùi được nữa. Nếu không thắng trận, thà xin gởi xác ở đây.

Thế rồi ông cứ thúc quân đánh.

Thì ra “sự thắng bại quan hệ ở chỗ gắng gượng một khắc đồng hồ sau cùng”, các tay danh tướng bao giờ cũng cầm vững cái chiến lược ấy.

Quả nhiên đến xế chiều thì trận thế Tây Sơn tan vỡ.

Một trong hai chiếc tàu của giặc còn kháng chiến không thôi; súng trên tàu bắn ra như vãi trấu, làm chiến thuyền Đồng Nai không dám lại gần. Ông Duyệt nổi xung, đứng lên mũi thuyền rồi thuận theo chiều gió, ném hỏa mai tứ tung vào tàu giặc. Một lát, tàu này phát hỏa rồi chìm lĩm. Lửa lại bén sang các thuyền nhỏ, bốc cháy tung bùng; hơn trăm chiến thuyền giặc bị thiêu gần hết.

Vũ Văn Dũng phải bỏ cửa Thị Nại và các đồn lũy trên bờ bể; quân sĩ bị thương và chết nằm ngổn ngang, lương thực khí giới cũng bỏ lại vô số.

Nhờ vì khéo dùng chiến lược, nhất là khinh sinh quyết thắng, ông Lê Văn Duyệt chiếm được Thị Nại một cách mạo hiểm vẻ vang, và tàn phá bên địch tổn hại rất lớn.

Quân Tây Sơn thua chạy thoát thân mà vẫn hồi hộp kinh hãi, vì đã trông thấy ông Duyệt cầm binh lâm trận, dũng mãnh hạ thường,

khiến họ hoảng hồn khiếp vía, bảo nhau gọi là “*hổ tướng*”. Đến nỗi về sau giao chiến ở chỗ nào, hễ nghe có hổ tướng Lê Văn Duyệt thì quân Tây Sơn đã nhụt khí phách hết đôi ba phần rồi.

Sau trận Thi Nại, tháng 5 năm ấy, Nguyễn Vương đem binh ra đánh Phú Xuân, nhưng đến cửa Tư Dung thì bị tướng Tây Sơn là phò mã Nguyễn Văn Trị chống cự kịch liệt, không sao tiến lên được. Ngài lại sai Lê Văn Duyệt hiệp với Lê Chất đem thủy quân đánh tập hậu, phá được đồn lũy và đuổi sạch quân Tây Sơn.

Với công trận ấy, ông Duyệt mở đường cho Nguyễn Vương tiến binh, lấy lại được kinh thành Phú Xuân là nơi căn bản cơ nghiệp của tổ phụ, mà ngài đã phải xa lìa 27 năm trời, bây giờ mới được trở lại.

Qua năm sau (1802), ông vâng lệnh vào thu phục thành Quy Nhơn, rồi trở ra theo Nguyễn Vương đi đánh Bắc Hà, sau khi ngài đã lên ngôi tôn, kỷ nguyên Gia Long.

Vì có nhiều công lao chinh chiến như thế, nên khi ở Bắc Hà về, ông được nhà vua cất lên đến chức Tả quân và tước Quận công.

Ban đầu quốc gia mới định, mọi việc đang cần xếp đặt mở mang, sửa cũ đổi mới, trong chốn triều đình, ông là một người được nhà vua thường hỏi ý kiến, thường nghe lời khuyên hơn hết. Vì ngài ưa tính ông trung trực, thật thà, bao giờ cũng lo nghĩ đến việc lợi ích cho nhà nước, cho nhân dân, không màng những sự bồi đắp vinh hoa, cao hưởng phú quý, như các người thành công đắc chí kia.

Chính ông thời thường nhắc nhở nhà vua nên ghi nhớ ân đức của đức thầy Bá đa lộc, thân thiện với nước Pháp và ưu đãi những người Pháp đã có công lao giúp ngài trong việc đánh dẹp Tây Sơn, dựng nên đế nghiệp. Suốt đời vua Gia Long, đạo Thiên Chúa được truyền bá trong nước một cách thông thả, dễ dàng, các vị giáo sĩ thuở ấy phải nhìn nhận có ông Duyệt giúp đỡ bênh vực rất nhiều.

Cách ít lâu, thấy miền Nam nước ta tiếp giáp với Chân Lạp, Xiêm La, hay có nhiều việc đối phó giao thiệp khó khăn, phi một

người vừa giỏi việc binh vừa có tài chính trị như Lê Văn Duyệt thì không cáng đáng nổi, nên chỉ năm Tân Mùi (1811), vua sai ông vào thay ông Nguyễn Văn Nhân làm quan Tổng trấn Gia Định. Nghĩa là nhà vua phú thác cho ông tất cả công việc miền Nam.

Giữa thời kỳ ấy được có việc Xiêm La dùng binh xâm nhiễu Chân Lạp, vua Chân Lạp là Nặc Ông Chân chạy sang Nam Kỳ, cầu ta cứu viện. Triều đình lấy chính sách ngoại giao hòa bình, viết thư trách hỏi Xiêm La. Họ trả lời rất từ tốn khôn ngoan, nhưng kéo dài đưa đến hai năm, vẫn đóng quân ở thành La Bích (La bát) mà họ chiếm cứ, không chịu rút lui đi; hành ra Nặc Ông Chân vẫn lưu lạc tha hương, chưa được về nước phục vị, theo như sở nguyện.

Vì thế năm Quý Dậu (1813) vua Gia Long sai ông Duyệt đem một vạn quân, hộ tống vua Chân Lạp về bản quốc.

Cho đem một số quân lính như thế, chỉ tỏ nhà vua có ý cho ông được tiện nghi hành sự: hễ khi tướng Xiêm cưỡng mệnh, có phải đánh nhau thì đánh.

Trong khi đại đội quân mã còn đang thu xếp lên đường, thì ông đã cùng mười mấy người bộ hạ tùy tùng, dẫn cả Nặc Ông Chân đi theo, nhắm thẳng Chân Lạp tấn phát. Một gia tướng can:

- Chết nổi! Tướng công đi nói chuyện với những kẻ đang tranh hành cừ địch với mình, nay toan thâm nhập trọng địa, lại không đợi quân sĩ cùng đi, ngộ xảy ra việc nguy hiểm thì làm thế nào?

- Mặc kệ! Sinh bình ta đơn thân độc mã xông pha trận giặc đã quen rồi, giờ có mười hai thầy trò cùng đi với nhau thế này là nhiều chán. Cứ để quân sĩ thu xếp thông thả, rồi họ đi sau.

Thế là ông dẫn hơn chục người tùy tùng, đi lên Chân Lạp trước, đi như một cuộc ngao du sơn thủy, chẳng những không có quân giá hộ vệ, lại trong tay cũng chẳng cầm theo miếng sắt nào hết. Nặc Ông Chân lo ngại, nhiều người tùy tùng cũng lấy làm nguy, nhưng ông cười nói vui vẻ, thái nhiên như không.

Đến nơi, ông cỡi ngựa ung dung đi thẳng vào đồn La Bích là chỗ tướng Xiêm đóng đại bản doanh.

Tướng Xiêm, đã biết dung nhan và oai danh ông, lấy lễ nhà binh đón tiếp ông một cách cung kính.

Hai bên mở cuộc hội thương.

Ông yêu cầu Xiêm phải trả lại thành trì kho tàng của Chân Lạp mà Xiêm đã lấy, rồi thì rút quân về bản quốc, lại cùng nước Nam hòa hảo như cũ.

Tướng Xiêm nhất nhất y theo, không dám cãi chối khoản nào, vì kiêng nể ông vũ dũng mà sau lưng có đại binh sắp sửa đến nơi.

Nhưng quân Xiêm rút về đến tỉnh Bắc Tầm Bôn lại đóng giữ ở đây, lấy cớ rằng để đất ấy phân phong cho mấy người em vua Nặc Ông Chân. Ông Lê Văn Duyệt viết thư sang trách, bấy giờ Xiêm mới triệt binh hẳn.

Nhân tiện, ông xin xây thành Nam Vang và thành La Lem, sau nhà vua sai tướng Nguyễn Văn Thụy (Thoại) đem một nghìn quân vào trấn thủ để bảo hộ Chân Lạp một cách rất gân guốc, nhàn hạ, không tốn một tên quân, một viên đạn nào, mà từ đây Chân Lạp lại quy phụ nước ta.

Vua Gia Long nghe chuyện ông Duyệt nhất thân nhất mã đến trại binh Xiêm, ngài cũng phải sửng sốt, nói với mấy quan cận thần:

- Cái mặt của Lê Văn Duyệt dễ thương to hơn quả trứng!

Lúc quốc gia thái bình, không cần dùng đến bắp thịt nữa, ông vận dụng bộ óc chính trị kinh tế, lo mở mang cho xứ Nam kỳ nhiều việc có ích.

Nhất là về nông nghiệp, Ông sốt sắng khuyên giục nhân dân khai khẩn điền địa. Thấy đất Lục Châu màu mỡ béo tốt, mà nhiều khu vực còn để hoang phế mênh mông, chỉ vì thiếu nhân công và không tiện đường dẫn nước, cho nên ông lo một mặt chiêu dụ dân nghèo ở Đàng Ngoài vô, một mặt khởi công đào kinh xẻ rạch, đem nước Cửu Long vào các đồng xa cho dân cày cấy.

Công việc thứ hai, ông giao cho ông Huỳnh Công Lý chuyên trách; bắt đầu khơi sông rạch ở phía tây nam, tức là mấy tỉnh Hậu Giang.

Lê Văn Duyệt có công lao với Nguyễn Triều, ân đức với Lục Châu, đại khái là thế.

Người trong Nam thời bấy giờ, chỉ gọi là Thượng Công, chứ không nói phạm đến tên, không nhắc đến tước vị cao sang thiên hạ cũng đủ biết, ấy là một dấu tỏ kính mến tha thiết lắm vậy.

III. NHỮNG VUA MINH MẠNG KHÔNG ƯA

Giữa năm Kỷ Mão (1819), vua Gia Long phát bệnh, tự liệu mình không qua khỏi thiên số, liền giáng chỉ vời ông Duyệt về triều, để phú thác hậu sự.

Ông giao ấn tín Gia Định thành Tổng trấn cho ông Huỳnh Công Lý quyền tạm, rồi tức tốc lên đường, đi suốt đêm ngày ra kinh đô.

Nằm trên giường bệnh, vua Gia Long truyền gọi ông Duyệt lại gần, lấy lời ân cần dặn bảo ông hết lòng giúp đỡ tự quân:

Trẫm vẫn biết khanh là người trung, nghĩa lại nhiều lịch duyệt việc đời, tự quân một mai thân chính, chắc hẳn quốc gia đại sự, ban đầu hãy còn bỡ ngỡ, vậy khanh phải nghĩ phúc nước lợi dân làm trọng, mỗi việc đều nên trình trọng suy xét, phò tá tự quân, chớ phụ lòng trẫm tin cậy, ký thác.

Ông cảm động quá, vừa khóc vừa tâu:

- Lão thần được thờ bệ hạ từ những thuở Chúa tôi còn nằm sương gói giáo, trăm nỗi gian truân cho đến ngày nay, khăng khăng một niềm trung ái thế nào, bệ hạ thánh minh, tất đã lượng xét. Một mai bệ hạ thiên thu vạn tuế, trời cho lão thần còn được dư sinh ngày nào, thề xin báo đáp thánh triều ngày ấy, *dù ai hờn ghét cũng chẳng đổi tiết sờn lòng; lão thần chỉ biết tận tâm tận chức mong cho phúc nước lợi dân, như lời vàng ngọc bệ hạ vừa mới dạy bảo.*

Mấy hôm sau, vua Gia Long thăng hà.

Hoàng thái tử Đờm nối ngôi, tức là vua Minh mạng.

Qua năm Canh Thìn (1820), ông Duyệt vẫn còn ở lại kinh đô, chưa về Gia Định.

Theo sự biết của phần nhiều giáo sĩ, cùng sách vở người Pháp thông thuộc công việc nước ta ở đời bấy giờ viết ra, thì khi vừa lên ngôi, việc làm thứ nhất của vua Minh Mạng là quyết định khu trừ những công thần như Nguyễn Văn Thanh, Lê Văn Duyệt. Ngay trong quyển sử của một nhà Pháp học tiên bối ở nước ta là ông Trương Vĩnh Ký cũng chép như thế.

Về việc ông Thành, sử ta chép rõ là ông bị tội phải uống thuốc độc tự tử vào năm Gia Long thứ 15, nghĩa là lúc vua Gia Long còn đang tại vị. Ai cũng nhớ nguyên do chỉ tại một bài thơ ngông cuồng của người con là Nguyễn Văn Thuyên, đồ cử nhân, viết gửi cho vài người bạn văn chương ở Thanh Hóa, tỏ ý ngưỡng mộ và mời vào kinh đánh chén làm thơ với nhau chơi. Khổ sở nên chuyện ở hai câu kết thế này:

“Thử hồi nhược đặc sơn trung tể.

Tá ngã kinh luân chuyển hóa ky”⁽¹⁾

Có kẻ đem đi cáo giác, rồi những bạn đồng liêu (trong số đó ông Duyệt là một) vẫn ghét ông Thành xưa nay thù dệt tau vua, buộc cha con ông Thành có ý mưu phản. Vì thế, ông Thành phải uống thuốc độc tự tử, còn Nguyễn Văn Thuyên thì bị kết án chém.

Nhưng các nhà chép sách kia đặt vụ án này vào thời kỳ Minh Mạng năm đầu. Họ nói nhà vua quyết trừ bỏ ông Thành, ông Duyệt. Những kẻ muốn lập công, đón biết ý vua bèn nghĩa ra mưu kế vãi tiền mua chuộc bộ hạ thân mật của hai ông, giả làm ra giấy tờ mưu phản, rồi ăn cắp ấn tín riêng của hai ông mà đóng vào, thì dù có mọc cánh bay lên đàng trời cũng không khỏi tội chết.

Ông Trương Vĩnh Ký thuật chuyện như vậy:

“Cách mấy hôm sau, có một bức thư giả, người ta rình bắt được và đưa trình vua Minh Mạng. Thư ấy kêu gọi nhân dân khởi loạn, chính là bút tích người con ông Tổng trấn Bắc Hà (tức là ông Thành), lại có ấn riêng của ông đóng ở dưới.

“Vua đòi ngay ông Thành vào cung xét hỏi; chữ con mình viết, ấn tín mình đóng rành rành, ông không cãi chối vào đâu được, Chứng cứ minh bạch nặng nề như thế, lập tức vua bắt buộc cha con

(1) Nghĩa là: “Sơn tể phen này dù gặp gỡ, giúp nhau xoay đổi hội cơ này” (Theo bản dịch của ông Trần Trọng Kim trong *Việt Nam sử lược*).

ông Thành phải tự tử, không đợi cho ông được giải tỏ nỗi oan, cũng không kể gì công nghiệp vẻ vang của ông lúc trước.

“Phiên châu ấy có ông Duyệt.

“Ông Thành bị kết án tự tử ngay trước mắt ông Duyệt.

“Ông này từng hiểu dụng tâm của vua Minh Mạng, và đoán chắc người bạn già của mình bị người ta giả mạo, vu oan giá họa cho. Bỗng dưng ông thấy chột dạ, tức khắc từ giả chốn triều đường, vội vã trở về dinh xem quả án của mình còn nguyên chỗ cũ hay không. Thì ra phải thấy quả án đâu mất. Thế là ông biết chắc rồi, liền sai gọi người thơ lại đến. Xem bộ anh này lúng túng khả nghi, ông khám xét trong mình hắn, chẳng những thấy quả án Tả quân, lại cả một tờ giả mạo, hắn đã viết rồi, sắp sửa đóng ấn thì gian mưu bại lộ.

“Chẳng giam cầm xét xử gì hết, ông rút gươm chặt phăng ngay đầu hắn ta, rồi vào trong cung bái biệt nhà vua để trở về Gia Định, vì có lắm việc rối ren, ông cần về thu xếp trật tự mới được. Rồi ông lên đường quy trần ngay.”

Nếu quả thật câu chuyện ông Trương Vĩnh Ký vừa kể là đúng, thì ông Tiền quân Nguyễn Văn Thành bị người ta âm mưu giả mạo giấy tờ mà phải tội chết, là việc ở đời Minh Mạng nguyên niên; chỉ thiếu có một sợi tóc nữa, thì ông Duyệt cũng đi đời nhà ma in rập một kiểu như thế, nhưng ông nhanh trí mà tránh khỏi tai họa sát thân. Chúng tôi nhận thấy nhiều người Pháp nghiên cứu lịch sử ta, như các ông Delvaux, Maybon, Silvestre, Schreiner, Gaultier v.v... đều nói thế cả.

Nhưng cứ lấy sách “*Đại Nam thực lục*” của ta làm bằng, thì việc ông Thành phát ra từ bốn năm trước kia rồi.

Còn ông Duyệt, đến triều Minh Mạng, vẫn giữ chức Gia Định Tổng trấn như thường, không bị bạc đãi, cũng không có chuyện mưu hại gì như các nhà viết sử kể trên đã nói.

Tuy vậy, có điều chắc chắn là ông chỉ được nhà vua vì nể ngoài mặt, nhưng thật trong lòng thì không ưa thích tí nào.

Có ba nguyên nhân trọng yếu, đều từ bản tính ông cương trực xui nên, mà cùng là thành tâm vì nước cả, chứ không có mảy may tư danh tư lợi gì.

Ai cũng nhớ vua Gia Long có người con đầu lòng là Hoàng tử Cảnh, sinh ra giữa hồi cơn ba loạn lạc, ngài còn là Nguyễn Chúa lĩnh đêngh nay đây mai đó ở đất Nam Kỳ, đang tìm cách đánh dẹp Tây Sơn, khôi phục cơ nghiệp

Năm Quý Mão (1783), ngài bị thua trận xiềng liềng, phải ăn núp quanh quẩn ở mấy hòn cù lao Cổ Cốt, Côn Lôn, Phú Quốc. Đến nỗi lương thực hết nhẵn, thầy trò phải hái rau và đào củ chuối ăn trừ bữa, tình cảnh thật là khổ sở gian nan, hầu như cùng đường tuyệt lộ. Chính lúc này ngài gặp ông Giám mục Bá Đa Lộc bàn nên cầu nước Pháp giúp đỡ.

Nhân thế, có việc ông Bá Đa Lộc đem quốc thư và Hoàng tử Cảnh, lúc ấy mới có 4 tuổi đầu, vượt bể sang tận nước Pháp, cầu cứu vua Louis XVI.

Hoàng tử đi từ 1784 đến 1789 mới về.

Tuy Pháp hoàng nhận lời ký ước mà rồi không thực hành được, nhưng ông Bá Đa Lộc tự mộ được hơn 10 người Pháp tài nghệ (các ông Chaigneau, Vanier, de Forcant, Ollivier, Dayot v.v...) sang Gia Định giúp đỡ Nguyễn Chúa luyện quân, đóng tàu, đúc súng, sửa sang mọi việc vũ bị. Ngài trở lại có thanh thế lực lượng mạnh, chắc bụng phá được Tây Sơn từ đó.

Đền lại công lao đi cầu viện, mà cũng là thuận lẽ tự nhiên trong chế độ quân chủ, năm 1793, Hoàng tử Cảnh được lập làm Đông cung, nghĩa là một người dự bị nối ngôi sau này. Đồng thời lại được phong chức nguyên soái, lĩnh tả quân doanh, dự việc quân cơ chinh chiến, có ông Bá Đa Lộc ở bên phò tá.

Nhân dân Gia Định sốt sắng tôn phù yêu mến vua Gia Long chừng nào, cũng sốt sắng tôn phù yêu mến Đông cung Cảnh chừng này. Ta nên nhận kỹ điều ấy cho được hiểu rõ cái ý nghĩa sâu xa của việc loạn Lê Văn Khôi về sau.

Nhưng ông trời cay nghiệt, chỉ bắt Đông cung nếm mùi lưu ly binh hỏa, chứ không cho kịp đợi đến lúc sông trong bể lặng mà hưởng cái lạc thú đế vương. Vì việc nước nghiệp nhà, hồi còn bé bỏng, Đông cung đã phải vất vả đi xa; lớn lên lại phải truy tùy chinh chiến khó nhọc, mà bản chất lại yếu, thành ra dễ bị bệnh tật vô lây. Năm 1801, sau ngày ông phụ đạo Bá Đa Lộc mất hai năm và trước khi phụ hoàng

Gia Long chính vị thiên tử độ mười tháng, Đông cung Cảnh nhắm mắt già đời ở Gia Định, mới có 22 tuổi.

Mặc dầu đoán số, Đông cung để lại cho phụ hoàng hai đứa cháu đích tôn: Thái Bình và Ứng Hòa.

Từ đây cho đến mười lăm năm sau, ngôi Đông cung vẫn để khuyết. Mãi tới 1816, vua Gia Long thấy mình già yếu, xem ra mỗi ngày một thêm gần đất xa trời, bèn để tâm lo việc lập ngôi trừ nhị.

Giữa lúc ấy ông Duyệt ở Gia Định về kinh triều cận, vua nhân dịp vờ tất cả các vị cựu thần vào trong điện hỏi ý kiến. Ngài bảo:

- Ta với các người cùng chia xẻ hoạn nạn an lạc đã lâu ngày, đạo là vua tôi mà tình như thầy trò, vậy các người cứ lấy công nghĩa quốc gia mà nói.

Ba ông Thành, Duyệt và Lê Chất cùng tâu:

- Từ xưa, các bậc đế vương vẫn lấy sự truyền nối cho dòng đích tự làm trọng. Hoàng trưởng tử đã từng chính vị Đông cung, thiên hạ đều biết; nay Đông cung đã qua đời, nhưng còn hoàng tôn đó là dòng đích tự, bệ hạ còn phải lựa chọn gì nữa. Nhất là Đông cung sinh thời có công lao trong cuộc khai sáng cơ nghiệp rất lớn, lại được lòng người tưởng nhớ tôn sùng.

Vua Gia Long ngẫm nghĩ giây lát rồi nói:

- Đã đành rằng thế, nhưng hoàng tôn hãy còn nhỏ quá, chưa biết gì, ta định lập hoàng tử Đờm thì hơn.

Lúc bấy giờ hoàng tử Đờm 26, 27 tuổi, đã trưởng thành, còn hoàng tôn Thái Bình mới có 15 hay 16 tuổi.

Sở dĩ bọn ông Thành, Duyệt một hai chủ trương phù lập hoàng tôn lên ngôi Đông cung, vì đã rõ biết phải hoàng tử Đờm có tính đa nghi và hiếu thắng lắm, e về sau có chỗ bất lợi cho việc nước nhà. Song, thấy ý vua Gia Long đã quyết định sẵn rồi, nên các ông ấy không dám nói nữa.

Sự thật, vua Gia Long cũng có lẽ phải của ngài, vì ngài nghĩ cơ nghiệp đang buổi nhất sơ khai sáng, cần phải có ông vua lớn tuổi, để tự quyết lấy mọi việc chính lệnh thì hơn. Nếu lập vua nhỏ tuổi, thế tất rồi đây trong cung không khỏi có đàn bà can dự vào quốc sự, ngoài

triều thì các ông phụ chính đại thần không khỏi sinh chuyện tranh dành lẫn nhau hoặc mưu đồ bất trắc, thành ra những việc rối loạn, cướp ngôi, như các tiền triều thường có.

Bởi vậy, ngài nhất định lập hoàng tử Đổm làm Đông cung, bốn năm sau lên nối ngôi, là vua Minh Mạng.

Từ lúc còn ở Đông cung vua Minh Mạng vẫn căm những người không muốn phù lập mình, ông Duyệt là một. Đến khi được chính vị ngôi lớn, cũng không quên hoài hận chuyện cũ. Huống chi ông Duyệt hiển hách một phương trọng trấn, chức lớn quyền to, mà lại dám làm dám nói, chẳng trách nhà vua không ưa.

Đó là một chuyện.

*

Quốc pháp vô thân, ông Duyệt thực hành bốn chữ ấy một cách cặn tào ráo máng.

Nếu phạm vào đạo công và phép nước, thì dầu có một người đẻ ra một nàng ái cơ của vua, như Huỳnh Công Lý, ông cũng thẳng tay, không hề nhân nhượng dung tha.

Trên kia đã nói, lúc vua Gia Long ngọa bệnh, ông Duyệt giao ấn Gia Định Tổng trấn cho ông Huỳnh Công Lý quyền nhiếp, để ra kinh đô châu thỉnh an. Rồi ông phải ở luôn qua năm sau, vì hận việc tang lễ vua Gia Long, kể tới vua Minh Mạng đăng quang, một bậc lão thần như ông không thể thiếu mặt ở trên sân điện Thái Hòa bàn ban triều hạ.

Trong thời kỳ ông Duyệt đi vắng, Huỳnh Công Lý lạm dụng quả ấn Tổng trấn nhất thời, làm nhiều việc lạm quyền trái phép.

Nguyên trước Huỳnh được ủy thác trông coi đào kênh xẻ rạch ở vùng Hậu Giang. Công việc trải mấy năm nay vẫn còn tiếp tục chưa hết. Số dân phu cần dùng kể hàng mấy vạn. Lạ gì cái nạn “bắt phu” ở xứ mình thuở xưa, dùi đánh đục, đục đánh sãng, rút lại chỉ khổ bọn dân đen, mà quan nha lý dịch thì nhân cơ hội ấy để tác oai thủ lợi. Hồi có mặt ông Duyệt tại trấn, Huỳnh phải kiêng sợ ông là người liêm chánh, không dám thò ra ngón gì những lạm, hà hiếp dân. Nay được dịp tung

hoành một mình, chẳng lo bị ai kềm chế, lại còn thêm cái oai quyền Tổng trấn của ông Duyệt để lại cho, Huỳnh tha hồ tác oai tác phước, sách nhiễu hối lộ tứ tung. Xã nào chậm trễ hay là thiếu số dân phu đưa ra đào sông, kẻ có trách nhiệm bị cùm kẹp đánh khảo, chường nào ngọn roi tóe bạc nén mới thôi. Huỳnh lại lấy cớ làm việc công ích, bắt buộc các nhà giàu ở Lục Châu quyên nạp tiền bạc vô số; nhưng người ta biết chắc mười phần chui vào tư nang hết chín. Lại còn những nhà nào không có con em đi phu, Huỳnh hạnh hợ bắt chuộc tiền là đằng khác. Tình tệ có vạn trạng thiên hình, kể ra không xiết.

Ấy là thủ đoạn làm tiền bằng cách bóc bán ngôi thứ, còn chưa nói đến.

Huỳnh dám công nhiên tác tệ như vậy, chẳng những vì lẽ ý mình làm quan đầu trấn, lại còn cậy thế trong triều có bè đảng vây cánh đông, tất không ai có thể kẻ vạch hay làm gì mình được. Chỗ Huỳnh tự tin tự thị hơn hết, là có một cô con gái nhan sắc, tuyển vào hậu cung, được vua Minh Mạng sủng ái. Một người có con được làm phi tần, tức là một thế lực mạnh như sắt, lớn như trời, ai dám động đến.

Hơn nữa, Huỳnh chắc mẩm thế nào cái ngôi Tổng trấn thực thụ cũng về mình chỉ trong sớm tối. Vì có tai mắt của Huỳnh ở trong Triều đã bí mật thông tin cho ông ta biết rằng: chuyến này Lê Văn Duyệt về kinh, tức là đem thân vào vòng truy lạc, sắp đi theo chân Nguyễn Văn Thành, Đặng Trần Thường, chứ đừng mong trở về Gia Định nữa. Rồi quan Gia Định Tổng trấn sẽ là Huỳnh Công Lý, trong triều đã dự định thế rồi.

Thành ra Huỳnh càng đắc thế làm già, vượt cả ra ngoài đạo công phép nước, chẳng sợ gì cả.

Có biết đâu ông Duyệt ở kinh đã tiếp được nhiều hơn khiếu nại, nhiều thơ tố giác mọi việc Huỳnh lạm quyền nhiễu dân; ông cứ lẳng lẳng cất đầy một tráp, rồi vội vã thu xếp về Nam.

Lúc vào bái biệt nhà vua, ông tâu “*có việc khẩn cấp phải xin về ngay để chỉnh đốn trật tự*”, chính là việc Huỳnh Công Lý.

Ông đi suốt ngày đêm, về Gia Định một cách thình lình, Huỳnh Công Lý không ngờ.

Đơn thưa kiện lại bay thêm đến công đường Tổng trấn như bướm bướm.

Huỳnh liền bị hạ ngục để xét xử.

Chiếu theo luật hình ban bố năm Gia Long thứ 11, Huỳnh bị kết án trăm quyết, vì những việc gian tham hối lộ có tang chứng rõ ràng.

Ông Duyệt thi hành chức quyền của nhà vua ủy thác, truyền lệnh đem phạm nhân ra giữa chợ xử chém, cốt để treo gương cho quan lại thấy mà răn sợ, luôn dịp bày tỏ cho dân chúng biết rằng phép vua luật nước chí công, chẳng bao giờ dung thứ một kẻ có tội, dù làm quan lớn đến đâu cũng thế.

Hôm hành hình, thiên hạ kéo đi xem như đám hội. Nhiều người từ các làng các tỉnh đến, cơm hàng cháo chợ, cho được xem thấy cái giây phút chính pháp một chú tham quan. Ai nấy đều lấy làm thống khoái, bảo nhau:

- Con một dân, thế cho đáng kiếp!

Độ một tuần trước ngày chém Huỳnh Công Lý, ông Duyệt làm sớ tâu về kinh cho vua biết, mặc dầu ông có quyền “tiền trăm hậu tấu”.

Nàng ái cơ Huỳnh Thị Liễu hay tin, khóc lóc vật vã, xin vua làm sao cứu dùm cha nàng, không thì nàng nhảy xuống hồ Tịnh Tâm.

Vua Minh Mạng thừa biết tính khí ông Duyệt nóng nảy, nghiêm khắc, nếu để chậm trễ ngày giờ thì tính mạng Huỳnh Công Lý không còn, lập tức ngài sai mấy người chạy ngựa lưu tinh, bắt phân mộ dạ, đem dụ chỉ vào Gia Định, bảo phải hoãn cuộc hành hình và cho giải Huỳnh Công Lý ra kinh phúc thẩm. Ngài có ý muốn cứu họ Huỳnh vậy.

Đồng thời, trong dụ chỉ lại có những lời ban khen ông Duyệt, nào công bằng chính trực, nào vì nước vì dân, để cho ông được vui lòng.

Nhưng ông tâu về rằng chính phạm đã bị hành hình từ mấy hôm trước rồi.

Vua không quở trách ông vào chỗ nào được, nhưng trong thâm tâm thì ghét ngầm ngầm, vì lẽ ông ta không biết “vị thần phải nể cây đa”.

Ấy là hai chuyện.

*

Đến chuyện thứ ba, nhà vua bạc đãi những người Pháp có công với tiên đế thuở trước, lại xua đuổi hành hạ các giáo sĩ, ông Duyệt thường lấy lẽ phải can ngăn một cách cương trực.

Hẳn ai đọc quốc sử cũng nhớ hồi vua Gia Long còn tại vị, những người Pháp có công lao giúp ngài trong buổi tranh giành thiên hạ với Tây Sơn, như các ông *Chaigneau* (tên ta là Nguyễn Văn Thắng, làm chúa tàu Long), *Vannier* (Nguyễn Văn Chấn, chúa tàu Phụng), *De Forçant* (Lê Văn Lăng), *Ollivier* (Ông Tín) vân vân, sau khi dựng xong nghiệp lớn, đều được ngài tin dùng hậu đãi. Ví dụ phong cho quan chức ở trong triều; lúc nào Triều kiến được miễn lạy; mỗi ông có dinh thự lương bổng rộng rãi và 50 tên lính hầu. Ngài lại kiếm chỗ tử tế hỏi vợ cho: ông Chaigneau cưới cô Benoitte Hồ Thị Huệ, sinh hạ 11 đứa con; ông De Forçant thì kết duyên với cô em là Hồ Thị Nhon, đều là con nhà hiền lương mộ đạo ở đất Thần Kinh.

Cổ nhiên trong khi ấy các tên buôn Pháp lui tới nước ta thông thả, đạo Thiên Chúa được tuyên truyền tự do.

Trước ngày lâm chung, ngài đình ninh dặn bảo Hoàng thái tử Đờm tức vua Minh Mạng nay mai, phải nhớ đối đãi với những người công hầu Phú lãng sa cho thủy chung; đối với các giáo sĩ cũng thế, không bao giờ nên quên công đức của ông Bá Đa Lộc.

Nhưng vua Minh Mạng lên ngôi được mấy tháng, liền thay đổi thái độ, ra mặt ghẻ lạnh ngờ vực, đến nỗi mấy người Pháp làm quan tại triều phải chán ngán, lần lượt bỏ đi hết.

Tàu Pháp đến cũng bị đuổi đi không tiếp.

Hai ba phen ông Duyệt dâng sớ can gián, nói rằng “lời tiên đế di chúc thế nào, bệ hạ sao đã vội quên”. Tính vốn hiếu thắng, độc đoán, vua Minh Mạng thấy ông trực ngôn như thế, trong bụng ghét lắm. Lần sau, có sớ ở Gia Định ra, biết là ông Duyệt lại can gián, ngài bảo dẹp lại một chỗ, không xem đến.

Rồi thì thi hành chính sách cấm đạo và trừng phạt giáo sĩ, hết lệnh nọ đến lệnh kia, càng ngày càng nghiêm, càng ngày càng độc.

May mắn cho các giáo sĩ ở địa phận Nam Kỳ không bị những cấm lệnh thi hành gắt quá, vì nhờ có ông Tả quân che chở, bênh vực. Chẳng phải là con chiên, nhưng ông đối với đạo Thiên Chúa và giáo sĩ tây dương rất có cảm tình, độ lượng.

Vua Minh Mạng biết thế, bèn ra lệnh vờ tất cả giáo sĩ tây dương gấp gấp về kinh để giúp triều đình về việc phiên dịch sách mới và làm lịch. Lẽ đương nhiên, có cả Nam Kỳ trong đó.

Ai cũng tưởng là thật, khắp khởi mừng thầm, cho là một điềm tốt. Ý chừng nhà vua đã hồi tâm, không cấm đạo nữa, lại biết lo việc dịch sách khoa học phương tây, thì văn hóa nước Nam sẽ được mở mang bổ ích không nhỏ.

Trong số giáo sĩ người Tây ở địa phận Nam Kỳ lúc bấy giờ có ông Giám mục Taberd.

Được lệnh triều đình truyền gọi, ông Duyệt mời các cố vào dinh Tổng trấn thật tình khuyên khích thêm:

- Hoàng thượng đã có hảo ý như vậy, các ông cứ vững lòng, nên đi.

Được lời như cời tấm lòng, các cố lên đường lai kinh, đem theo hy vọng chan chứa.

Đến nơi họ mới ngã ngựa. Kỳ thật, chỉ là một cách gài bẫy, để tom gộp giáo sĩ lại một chỗ mà quản thúc, không cho họ đi lại dân gian giảng đạo, chứ không thật bụng muốn dịch sách vở gì cả. Họ còn có cái nguy công cùm và mã tấu sắp sửa đến nơi, vì nghe như triều đình đang âm mưu quét hết một mẻ cho xong.

Biết mình chui đầu vào cạm, tình thế rất nguy, giám mục Taberd viết một bức thư khẩn thiết, sai người tức tốc đem vô Gia Định cho ông Duyệt, cầu ông tìm cách giải thoát họ.

Tiếp thư, ông Duyệt giựt mình, la hét vang nhà, nói chuyện với kẻ tả hữu:

- Tức quá! Nào ta có ngờ đâu có sự ra thế? Làm như ta nói khéo đánh lừa các thầy Phú lãng sa tư đem mình vào chỗ nguy khốn vậy. Không biết các thầy ấy làm nên tội tình gì mà mình ngược đãi người ta?...

Mỗi khi nói về giáo sĩ tây dương, ông Duyệt quen gọi là các thầy.

Rồi ông thở dài, nói tiếp:

- Hồi nào đức tiên đế thua trận, bôn ba cùng khổ, nhờ có người ta đi đem nhân tài khí giới về, mới chuyển bại làm thắng, dựng nên đại nghiệp. Người ta giúp mình như thế, đức Kim thượng quên rồi hay sao không biết.

- Tướng công dăng sớ về can gián đi! Một người nói.

- Ôi! Sớ mãi chỉ tốn giấy. Chuyến này ta ông thân hành về kinh điện, ấy mới được.

Cách vài hôm sau ông lên đường ra Huế đem theo một tập thư từ của vua Gia Long và ông Bá Đa Lộc ngày trước giao thiệp với nhau và đem cả tang chứng các võ quan người Pháp đã dày công giúp đức tiên đế sáng nghiệp những thế nào, để trình vua Minh Mạng xem, một hai khẩn khoản xin vua chớ có thay đổi chính sách ngoại giao của tiên đế.

Vua tức giận tím ruột, nhưng không để lộ ra ngoài, bấy đặc dĩ phải chuẩn lời tâu và hạ lệnh phóng thích các giáo sĩ ở đâu về đó. Không cầm giữ ở kinh đô nữa.

Thế là thêm một việc cho vua chẳng ưa ông Duyệt.

Ông Chaigneau thâm hiểu công việc triều đình nước ta rất cặn kẽ, nói về ông Duyệt đại khái như sau này.

- “Trong số các quan nước Nam thân thiện người Pháp, chỉ có một mình ông Tả quân, Tổng trấn Gia Định thành, dám đương đầu với vua Minh Mạng và tả hữu của ngài. Ông ta công nhiên trách ngài đã dày xéo những chính sách khôn khéo vẻ vang của đức tiên đế và quên cả ơn nghĩa tiên đế dựng nên đế nghiệp.

“Ông Tả quân cương trực hiếm có; về chiến trận cũng như về việc cai trị, ông đều có tài năng đặc biệt. Chỗ nào người ta cũng kiêng

sợ ông, nhưng dân chúng thì cảm mến vô cùng, bởi ông có tính công bằng ngay thẳng. Chính ông là một vị trong năm vị đại thần được vua Gia Long tín nhiệm. Lúc ngài sắp thăng bà, ân cần dặn ông hết lòng phò tá hộ vệ tự quân. Ngài lại dạy Hoàng thái tử phải nghe lời khuyên can của vị lão thần trung dũng ấy.

“Nhưng vua Minh Mạng đã chẳng nghe lời ông Tả quân, lại còn làm trái ngược hẳn và hờn ghét ông lạ lùng. Tuy vậy, nhà vua không dám triệt chức vị Gia Định Tổng trấn của ông, cũng chẳng hành hạ gì ông được, thấy ông được nhân tâm và có oai vọng to quá”⁽¹⁾.

Thật thế, ông Duyệt được nhân tâm yêu mến lạ thường, nhất là nhân tâm ở Nam Kỳ. Một là vì ông sinh trưởng ở đó, từ trong đám bình dân phấn phát làm nên. Hai là ông thanh liêm chính trực, thật lòng thương dân, không hề bóp nặn dầu mỡ của họ để xây dựng vinh hoa phú quý như hầu hết kẻ khác. Ba là ông chẳng lo mở mang cuộc sinh sống và mọi việc công ích thịnh vượng cho dân khá nhiều. Lòng dân bao giờ chẳng thế: ai làm cho người ta có bát cơm no đủ, được sống trong cảnh yên vui, không bị hà lạm hiếp bức gì, tự nhiên người ta kính yêu ghi nhớ mãi.

Theo sách *Gia Định Thông chí* của ông Trịnh Hoài Đức, xứ Nam Kỳ lúc bấy giờ thường được phong đăng hòa cốc, nhiều năm sản vật canh nông thừa thãi quá, như dầu phộng (tức dầu lạc) chẳng hạn, dân bản địa dùng không hết mà bán ra ngoài cũng còn dư. Tại Chợ Lớn, hàng năm xuất cảng độ chừng 12.000 tấn gạo, 2.200 tấn bông gòn, 400 tấn đường, còn các thứ gỗ quý, mật ong, cá khô v.v... thuyền buôn ngoại quốc đến mua tấp nập.

Thời đại ấy, canh nông thương mại xứ Nam hoạt động được thế, kể cũng là thịnh vượng tốt đẹp khá lắm. Ai bảo đấy không phải là kết quả của cái chính sách đào sông mở ruộng ông Duyệt thực hành bấy lâu.

Không ưa mặc lòng, có lẽ vua Minh Mạng thông minh cũng

(1) Mấy câu trên thấy trong quyển *Souvenir de Hué* của ông Michel Đức Chaigneau chính là con của ông I.B. Chaigneau và do cô Benoite Hồ Thị Huê sinh ra theo cha về bên Tây, bà thọ 91 tuổi.

phải nhìn nhận ông Duyệt là một tay làm quan xứng chức, được việc cho dân.

Nếu ngài không tự nhổ cây đinh trong mắt ấy đi được, rồi có vị thần số mệnh nhổ thay.

Ông Duyệt già yếu mắc bệnh, mồng 1 tháng 8 năm Nhâm Thìn (1832) tạ thế tại Sài Gòn. Thương tiếc, nhớ ơn, cả thành Gia Định, cho đến khách thương Hoa Kiều ở Chợ Lớn, làm tang lễ cộ long trọng, đưa ông về chôn yên nghỉ thiên thu ở Bình Hòa xã. Người ta gọi “*Lăng ông Bà Chiểu*” là đây.

Vua Minh Mạng liền bỏ chức Tổng trấn ở Nam Kỳ, để thu cả quyền hành về trung ương. Tỉnh Gia Định cũng đặt quan như các tỉnh khác, có tổng đốc, tuần phủ, bố chánh, án sát, lãnh binh.

Ngài bổ vào Gia Định: Nguyễn Văn Quế làm tổng đốc, Bạch Xuân Nguyên làm bố chánh Nguyễn Chương Đạt làm án sát.

Đồng thời hạ lệnh cấm đạo, bắt giáo sĩ rất nghiêm, và dụ cho tỉnh thần Gia Định mở ngay cuộc truy cứu Lê Văn Duyệt về tội sinh thời làm nhiều việc lạm quyền nghịch đạo.

Người chết bị kiện.

Ta sẽ thấy một người sống bất bình, ấy là Lê Văn Khôi.

IV. MỘT CHÚ MƯỜNG VỀ TRUNG CHÂU

Lê Văn Khôi dòng dõi người Mường ở tỉnh Cao Bằng xứ Bắc. Chính tên là Hựu Khôi, họ Nguyễn.

Sinh trưởng giữa khoảng rừng núi Vân Trung (tức Bảo Lạc). Khôi cũng như phần nhiều anh em đồng chủng, vì lẽ mưu sinh và cần phải giữ mình chống với độc xà mãnh thú từng bước, thành ra từ bé đã quen trái chạy nhảy, xông pha, khinh sinh, mạo hiểm. Khôi nhờ hoàn cảnh tự nhiên rèn đúc, lại được bề thế gia đình cho luyện

tập thêm, có gân cốt nở nang, bắp thịt rắn rỏi, mới 14, 15 tuổi đầu, coi dáng đã đầy đặn cao lớn như một người tráng niên. Cả ngày chỉ xách dao tay súng, một mình cỡi ngựa vào rừng săn bắn; nhiều khi đến tối không về kịp, trèo lên cây nằm ngủ là sự thường, người chú họ răn bảo thế nào cũng không nghe. (Hình như Khôi mồ côi rất sớm, nhờ ông chú họ chăn nuôi từ nhỏ)

Ông cưới vợ cho, tưởng rằng lấy dây tình ái có thể ràng buộc thằng cháu phóng túng ấy được.

Trái lại, khi ông được thêm một người bạn trẻ, Nông Văn Vân, chính là anh vợ, ngày ngày dắt nhau đi luông tuồng hết ngọn núi này qua đầu ghềnh khác; có bận đi đến năm bảy ngày mới về, chẳng thèm nghĩ đến gia đình hay sinh nghiệp gì cả. Hai người giao du rất tương đắc, vì có ý khí ngang tàng như nhau.

Cách sau mấy tháng, Khôi bỏ nhà đi xuống Thăng Long, ý hăm mình tìm đường hiến thân lập nghiệp.

Lúc ấy vào khoảng 1798, Khôi mới có 17 tuổi. Xứ Bắc Kỳ đang ở trong quyền Tây Sơn, mà Tây Sơn thì đang dần dà suy yếu.

Nhân tâm vẫn tưởng nhớ nhà Lê, nhưng sự nghiệp anh hùng của vua Quang Trung một trận phá tan mười mấy vạn quân Tàu, người ta không thể không khen thắm và truyền làm giai thoại. Khôi nghe kể chuyện bỗng nức lòng phấn khởi, lấy làm khoái ý nhất là vua Quang Trung xuất thân từ chỗ hàn vi, mình đây như gặp được cơ hội thì chưa biết đâu là chừng. Rồi va cứ ngồi tẩm tắc khen mãi.

Gặp lúc Tây Sơn yết thị tuyển lính, va liền vào thành xin ứng mộ, được trực thuộc về đạo binh của Vũ Văn Dũng, một kiện tướng Tây Sơn.

Nhờ sức khỏe và mỗi khi ra trận can đảm lạ thường, Vũ Văn Dũng phải đề ý, cho làm chức đội trưởng. Hai năm sau, đạo binh Vũ Văn Dũng vô giữ cửa bể Thị Nại, để chặn đường thủy sư chúa Nguyễn tới Qui Nhơn.

Chính ông Lê Văn Duyệt đánh cửa Thị Nại hồi tháng giêng năm

Tân Dậu (1801), như đã kể chuyện ở đoạn thứ 2; chiến thuật và tinh thần vô cùng anh dũng của ông khiến cho Khôi ở bên đối địch trông thấy, phải kinh phục là hồ tướng.

Va có lòng ngưỡng mộ ông Duyệt từ đó.

Mà chính va cũng được ông Duyệt nghe tên.

Trận ấy, các ngài đã biết quân Đồng Nai đánh rất từ tốn sáng đến quá trưa, đốt cháy gần hết lớp chiến thuyền Tây Sơn trước cửa Thị Nại, bấy giờ Vũ Văn Dũng mới chịu lui binh. Nhưng còn pháo đài trên núi Tam tòa vẫn cứng cổ kháng chiến, bắn như mưa bắc, hơn một giờ đồng hồ sau thật là thế cùng lực kiệt, không còn đạn bắn nữa, tàn quân ở đấy mới chịu bỏ chạy.

Quân Đồng Nai lên núi, thấy pháo đài tan vỡ tứ tung, tử thi chồng chất lên nhau; riêng ở đồn này không còn sót lấy một viên đạn. Có một số người bị thương, không thể chạy được, đành ngồi lại để chờ chịu trôi.

Quân sĩ giải bọn ấy đến nộp, ông Duyệt sai lấy thuốc rịt cho họ, rồi hỏi chuyện tỉ mỉ:

- Chính Vũ Văn Dũng tự giữ đồn Tam Tòa hay sao, mà kháng chiến đáo để vậy?

- Bẩm lạy tướng quân: không phải.

- Thế thì ai cầm quân đồn ấy?

- Bẩm, một viên đội trưởng tin dùng của Vũ Văn Dũng.

- Bay nói: một viên đội trưởng?

- Dạ, bẩm tướng quân chính thế!

- Nó ép chúng bay chống giữ tới cùng?

- Thừa vâng.

- Chắc nó từ trận, nằm trong đồng thây ngổn ngang kia?

- Bẩm không ạ, lúc quân Đồng Nai lên núi, sắp sửa hãm đồn và bắt sống tất cả chúng con, thì viên đội trưởng ấy dẫn năm sáu chục

tàn quân chạy thoát.

- Chắc nó đã có tuổi, trải trận mạc nhiều, sao chỉ mới được chức đội trưởng thôi? Tây Sơn nhà chúng bay chết đến nơi là đáng lắm.

- Bẩm tướng quân, thầy Đội chúng con còn trẻ lắm.

- Nó bao nhiêu tuổi mà bay nói còn trẻ.

- Bẩm, chỉ độ 20 tuổi thôi.

- Thật à?

- Dạ thật thế.

- Tên là gì?

- Thừa tên là Nguyễn Hựu Khôi.

- Người ở Đảng Trong hay Đảng ngoài?

- Bẩm chúng con nghe nói là người Mường ở đất Cao Bằng, miền thượng du Đảng Ngoài.

- Ủa! Mường có thằng khá thế à!

Ông Duyệt trợn mắt nói câu ấy, tỏ ý lấy làm lạ. Thâm tâm ông có lẽ tiếc cho Khôi có tài chiến trận thế mà lại đi theo Tây Sơn.

Lúc ấy, Khôi theo Vũ Văn Dũng ra giữ Phú Xuân, đến khi Phú Xuân vỡ lại chạy ra Đảng ngoài.

Qua năm sau, ông Duyệt hộ giá vua Gia Long đem đại binh ra Bình Định Bắc Hà, Khôi dòm biết Tây Sơn kiệt quệ lắm rồi, không còn lực lượng gì hòng gượng gạo được nữa.

Khi đạo binh ông Duyệt đi qua Nghệ An, Khôi cùng vài ba người bạn đồng chí ra đón trước đầu ngựa, giải tỏ tác lòng kính mộ và xin cho theo hầu trận mạc.

Ông rất vui lòng khi thấy người đến quy phục, chính là Nguyễn Hựu Khôi. Trông vẻ người tráng kiện, rắn rỏi, và xét ra tâm ý thành thực, ông liền nhận lời, cho sung vào hàng bộ hạ dưới trướng. Từ đây, Khôi đem hết tài lực và thành tâm thờ ông Duyệt như bậc sư phụ, càng ngày càng được ông yêu mến tin dùng sau nhiều việc thí nghiệm, coi như một

gia thân, hơn nữa, một nghĩa tử, cho truy tùy luôn bên cạnh mình.

Mười năm, ông làm quan tại trào, Khôi ở ngay trong phủ Tả quân, trông nom phục dịch mọi việc hơn là con đối với cha. Nhất là ông không có con đẻ, nay thấy Khôi trung thành như thế, bèn cho đổi theo họ mình, gọi là *Lê Văn Khôi*. Có ai hỏi Khôi là người nào, ông đều trả lời:

- Nó là con nuôi của tôi!

Đến khi ông vào làm Tổng trấn Gia Định, đem Khôi đi theo giúp việc, bấy giờ mới bắt đầu bổ cho một chức vị trong ngạch võ, trực thuộc dưới quyền ông. Lần hồi cất nhắc lên đến chức Phó vệ úy, tức là phó tướng, cai quản riêng một đội lính, đồn trú ở trong thành Phiên An, gọi là lính *Hồi lương*.

Thuở ấy, những người phạm vào trọng tội, ở Đàng ngoài thì đày vào Đàng trong, cũng như ở Đàng trong thì đày ra Đàng ngoài. Tại Gia Định, có đến hàng nghìn người từ ở xứ Bắc đày vào; trong số ấy, một phần là quân đầu trộm đuôi cướp, sát nhân thủ tài; còn một phần nữa, có lẽ đông hơn, chỉ là quốc sự phạm, hoặc vì trước kia đã theo phò Tây Sơn, hoặc vì muốn vận động khôi phục nhà Lê tức là phạm tội phản nghịch đối với đương triều.

Sau khi mãn hạn lưu đồ khổ sai, họ được trả lại tự do, ra ngoài cày cấy làm ăn thông thả. Nhưng, mấy năm về trước, cái phần tử phạm tội trộm cướp, một khi mãn hạn ra ngoài, chẳng lo sinh nghiệp lương thiện, lại quần tam tụ ngũ, đi cướp bóc các phố phường và dân xã chung quanh, làm cho người ta phải kêu ca thiệt hại luôn luôn. Hai đời Tổng trấn trước không biết tìm cách thế nào xử trí cho phải.

Đến ông Duyệt nghĩa ra tổ chức một đội lính riêng, để thu dụng bọn ấy. Ông xét họ làm bậy, chỉ vì không có nghề nghiệp làm ăn, bây giờ lấy họ vào quân ngũ, cho ai nấy đều có cơm ăn áo mặc, vừa có thể hiệu lực với nhà nước và tu tỉnh lấy bản thân, đó là một cách lương thiện.

Vì thế đặt tên là lính *Hồi lương*, nghĩa là *những người trở về đời sống lương thiện*.

Quả thật họ sợ uy đức ông Duyệt và có chỗ no ấm, không ai dám nhúc nhích làm cản như khi trước nữa.

Lại thêm Lê Văn Khôi, viên trưởng quan mới, khéo cai quản, khuyên răn đối đãi họ với tình thân ái, thành ra ai cũng quý mến, khâm phục. Toàn đội bảy tám trăm người, hỗn tạp đủ các nhân cách, tâm tính, thế mà kỷ luật và hiệu lệnh của Khôi được tuân hành răm rắp. Họ nhân ông Duyệt mà kính nể Khôi, nhân kính nể Khôi càng nhớ ân đức ông Duyệt. Người ta nói nếu như Khôi muốn, chỉ hô lên một tiếng, dù bảo họ nhảy vào nồi nước sôi, đám lửa cháy, họ cũng nhắm mắt nhảy vào ngay, không kể tính mạng.

Nhờ danh vọng ông Tả quân, vả lại tự Khôi biết đạo xử kỷ tiếp vật, không hề kiêu hãnh với ai, chỉ lo giúp ích cho người mà chẳng màng tư lợi chút nào, thành ra Khôi được lòng cả những đội quân khác và phần đông dân chúng Nam Kỳ nữa, chẳng phải riêng đội lính Hồi lương mến phục mà thôi.

Bởi vậy, ông Duyệt vừa nhắm mắt được ít lâu, Khôi và những tâm phúc thân thuộc ông bị bắt hạ ngục, không biết bao nhiêu người lấy làm phần khích âm thầm.

Ông Duyệt mất đầu tháng 8 năm Nhâm Thân, đến khoảng tháng chạp thì tỉnh thành Gia Định tiếp nhận chỉ dụ ở Huế gửi vô, truyền mở cuộc truy cứu Lê Văn Duyệt sinh thời lộng quyền tiếm phép, đề tâu về triều đình nghị tội.

Hai vị quan tỉnh chuyên trách việc này, là Bố chánh Bạch Xuân Nguyên và Án sát Nguyễn Chương Đạt.

Họ Bạch sai bắt giam Lê Văn Khôi trước nhất, vì thấy Khôi là người thân tín số một của ông Duyệt, chắc hẳn biết rõ mọi việc ông cử động lúc sinh bình. Kế tới Dương Văn Nhã, Đặng Vĩnh Ứng, Võ Vĩnh Tiên, Võ Vĩnh Lộc, tất cả đến hơn bốn ngục người, đều có liên lạc với ông Tả Quân vì họ hàng hay vì giao thiệp thân mật.

Mấy thuở có một vụ án to lớn quan trọng như thế: bị cáo mặc dầu đã quá vãng, nhưng tiếng tăm vẫn là một bậc công thần khai

quốc, làm quan tới cực phẩm triều đình, gần hai chục năm cai trị một đại trấn; còn những người chứng tá liên can, từ Lê Văn Khôi trở xuống, phần nhiều có địa vị trong xã hội. Vụ án này chính là một cơ hội cho tham quan ô lại, vẽ chuyện làm tiền, có thể vơ vét bạc vạn.

Bạch Xuân Nguyên vốn tham tàn, giảo quyệt, vớ được vụ án này như con mèo vớ được miếng thịt mỡ béo. Ông ta thừa thời, trát bắt lung tung cả trong hạt Gia Định, cho tới mấy tỉnh ở miền Hậu Giang, tất cả hơn vài trăm người bị đòi hỏi, giam cầm lôi thôi. Họ toàn là người vô can vô có, chả đến cửa dinh Tổng trấn bao giờ, nhưng chỉ vì giàu có nhiều tiền, cho nên quan Bố ta gấp vào để dọa nạt, ăn lễ.

Ngài có mấy tay môn hạ làm chó săn cò mồi, thấy nhà có máu mặt, lần lượt mò đến, đe dọa người ta và bảo phải sớm liệu cầu khẩn quan Bố làm ngơ đi cho, không thì trát bắt hạ ngục đến nơi. Vướng chân vào vụ này cứ cầm chắc là mất đầu, có nhẹ cũng bị lưu đồ hai ba nghìn dặm, đến chết mục xương ở chỗ núi rừng lam chướng.

Ai bị đưa hơi như thế cũng sợ hoảng hồn vội vàng lặn lưng dăm bảy chục một trăm nén bạc, lên lễ quan Bố cho được yên thân. Người nào cứng cổ, tự tin mình vô tội không phải lo, thì quả nhiên một hai hôm sau, có trát tập nã lên tỉnh giam lại để xét hỏi. Các ông phú gia điền chủ Lục Châu lo sợ ngay ngáy, thậm chí có người phải trốn vào trong rừng, chứ không dám ở nhà.

Số người vô có mắc họa ấy, nằm chặt trong hai trại giam ở dinh quan Bố và dinh quan Án.

Ngày hai buổi hầu, Bạch Xuân Nguyên đòi những chính phạm là bọn Khôi, Nhã, ra trước công đường hỏi cung và tra tấn, buộc phải khai rằng sinh tiền ông Duyệt quả có lộng quyền vi pháp.

Khôi khóc lóc và nói:

- Bẩm quan lớn, dù chúng tôi sống hay chết không thể nào chúng tôi bịa chuyện vu cáo cho Thượng Công...

Bạch Xuân Nguyên bứt ngang lời Khôi và hét rầm lên:

- Không có Thượng Công nào cả! Ta chỉ vâng mệnh triều đình tra xét một tên phạm tội là Lê Văn Duyệt, nghe chưa?

- Bẩm, Thượng Công đến ngày tạ thế, vẫn còn là thần tử của triều đình, Hoàng thượng phái quan Khâm mạng vô truy tặng và điều tang, sự vẻ vang ấy ai nấy đều biết. Nếu là người có tội, sao lại được nhà vua ưu lễ như vậy? Nếu là người có tội, sao không truy cứu lúc Thượng Công còn sống?

Khôi nói ra vẻ phẫn khích, làm cho Bạch giận thêm:

- À! Mi dám cãi lý với ta! Lính đâu, nọc cổ ra, đánh cho nó ba chục roi.

Bị trấn nọc giữa sân, đánh ba chục hèo rất đau, Khôi cắn răng mà chịu, không hề kêu van nửa tiếng. Nha lại trông thấy, phải khen thầm là người gan góc lạ thường.

Đến lượt Dương Văn Nhã, Đặng Vĩnh Ứng, nội bọn hơn ba chục người, đều bị khảo đả tàn nhẫn, bắt phải cung nhận các việc phi pháp do ông Bạch Xuân Nguyên bịa đặt ra, đổ tội cho ông Duyệt: từ việc xây thành Phiên An, mưu tính tự lập làm vua, cho đến việc kết giao với sứ thần Miến Điện và Anh Cát Lợi, chủ ý tư thông ngoại quốc mong họ giúp mình.

Nhưng người nào cũng cam tâm chịu đòn, chịu khổ, chẳng khai một lời nào gọi là phạm đến thanh danh trung nghĩa của ông Duyệt; trái lại càng làm tỏ rạng công đức ông hơn lên thì có.

Thành ra công việc xét hỏi kéo dài năm tháng, chưa thu được kết quả bởi nhờ tiếng tăm ông Duyệt, theo ý người ta muốn. Tinh thần Gia Định không thể tâu về triều đình với những tờ cung khai mà bọn Khôi Nhã khai trái nghịch hẳn. Có lẽ bản ý Bạch Xuân Nguyên cũng mình để dây dưa lâu ngày, hầu vợ vét cho đầy túi tham hơn. Cho nên sau mấy lần ra oai đánh khảo và lấy cung bọn Khôi Nhã không ăn thua gì, họ Bạch xếp lại một bên, để lo theo đuổi kiếm chác những người vô tội, nằm đầy trong ngục. Đám này đút lót xong được ra, thì đám khác kể chân vào.

Khôi Nhã bị nhốt ở trại giam trong dinh quan Án. Lính Hối lương nghĩ tình thầy trò, luân phiên nhau đưa cơm nước quả bánh vào nuôi nấng từ tể.

Quan Án Nguyễn Chương Đạt cũng là người hạt Cao Bằng, đối với Khôi có tình đồng hương, nên sự giam cầm canh gác có phần dễ dãi không bị thất ngật quá như người. Ông để Khôi ở riêng một mình một buồng đầu chái nhà giam, không phải cùm phải xích, lại dặn lính tráng vài ba ngày cho người vào thăm nom và đưa vật thực vào một lần. Và lại, lính tráng cũng có ý thương hại, vì nể; ngày thường, Khôi xử với ai cũng nhã nhặn được lòng, mặc dầu có chức phận là quan Phó vệ úy, một chức phận không phải tầm thường về ngạch bên võ; bây giờ mắc nạn ở lao, người ta nghĩ tình không nở bạc đãi.

Chính ông Nguyễn Chương Đạt, tuy là vì công danh, vì chức vụ phải vâng mệnh triều đình bảo sao làm vậy, không dám nói ra, nhưng trong thâm ý cũng cho rằng triều đình xử với ông Tả quân như thế, thật là bất công và quá đáng. Ông ngẫm nghĩ mấy lời Khôi nói trước công đường hôm nọ có lý: Nếu quả thật ông Tả quân có tội khi quân lộng quyền thì sao lúc ông còn sống không cách chức, không làm án, để thân mình quốc pháp có được không? Việc gì để ông chết rồi mới phanh phui ra, làm cho xao xuyến cả nhân tâm dư luận? Sự thật, ông Nguyễn Chương Đạt hẳn cũng nhìn nhận sinh bình ông Tả quân chẳng có tội lỗi gì, chỉ trung trực vì nước vì vua, và dày công lao khai sáng đối với hoàng triều thì có; bất quá nhà vua vì chuyện tư hiềm, nhưng phải dằn lòng kiêng kỵ một bậc lão thần có đại công, chẳng thể nào trả thù khi hãy còn sống, bây giờ đợi người ta quá cố mới sinh sự trả thù với nắm xương tàn! Bộ mặt thật của vụ án này chỉ có thế.

Bởi vậy, ông Chương Đạt đối đãi với Khôi một cách êm dịu, không phải chỉ vì cái tình đồng hương mà cũng vì cái lý theo như lương tâm đã âm thầm suy xét.

Khôi cứ nằm dài trong ngục hết ngày nọ qua tháng kia, ăn rồi đọc thuyết Tào làm vui, vì từ ngày được gặp ông Duyệt trở đi, có dịp

học tập văn tự ít nhiều, khác hẳn lúc mới từ giã núi rừng Vân Trung ra đi chỉ có bắp thịt rắn rỏi; lâu nay Khôi thêm được sự biết chữ nữa. Có một người khách, bị tội gì không rõ, ở cùng trại giam, cho mượn bộ Tam quốc. Khôi xem mê mết. Mỗi khi thấy một người nào trong truyện, anh hùng trung nghĩa mà bị vu oan mắc họa, Khôi lại mũi lòng chạnh nhớ đến ông Tả quân, rồi xếp sách lại, khóc tầm tã một mình. Có đêm, người lính canh trại thấy Khôi khoanh tay sau lưng và đi bách bộ trong buồng, chốc chốc lại tự đâm ngực một cái rầm, miệng nói hục hặc:

- Tức chết, trời ơi!

Hoặc là cười nói như người phát khùng:

- Ôi chao! Chú chuột mang hia... con trâu ăn kẹo... thật là chuyện chướng đời chả bao giờ có. Mà cổ lai mới thấy có việc người chết còn bị tra án là một!...

Thấm thoát đến ngày 16 tháng năm.

Sáng dậy, Khôi nhờ một người lính bẩm với quan Án cho mình lên hầu có việc khẩn thiết.

Ông Nguyễn Chương Đạt cho gọi lên ngay:

- Thế nào? Chắc thầy Phó vệ đã hồi tâm nghĩ chín, bây giờ chịu cung khai như lời quan Bố khuyên bảo chứ gì.

- Bẩm không ạ! Khôi lắc đầu và đáp. Nếu các quan bảo chúng tôi khai những công nghiệp của Thượng công đã gian nan với hoàng triều những thế nào, thì chúng tôi xin ngay, dù một trăm giấy bản chép cũng chưa đủ. Còn nếu bảo khai vu cáo cho ngài thì chúng tôi thà chịu tru di tam tộc.

- Thế thì hôm nay thầy có chuyện gì?

- Chúng tôi mình xin quan lớn nghĩ tình đồng châu đồng quán, gia ơn cho một việc.

- Việc gì đấy? Nếu có thể, tôi không hề từ nan.

- Bẩm quan lớn, ngày mai là ngày giỗ thân phụ chúng tôi, mà cả

họ hàng chỉ còn lại một mình chúng tôi lo việc cúng cấp, nếu để nhan tàn khói lạnh, lòng hiếu tử thật không ổn chút nào. Vậy xin quan lớn rộng lượng cho phép chúng tôi được về nhà mấy hôm, lo việc cúng giỗ xong, lại xin vào ngục đợi lệnh.

- Nhà thầy ở đâu nhỉ?

- Bẩm ở Chợ Quán trong thành này.

- Được, phần riêng tôi thì tôi sẵn lòng, nhưng để tôi sang hỏi qua ông Bố đã, nghe.

Ông Nguyễn Chương Đạt liền qua dinh Bố chánh hỏi ý kiến của Bạch Xuân Nguyên, vì thả tù về nhà là một việc hệ trọng ông không dám lãnh hết trách nhiệm một mình.

Bạch Xuân Nguyên chịu ngay, là vì lão chỉ tham tiền, hôm qua tôi đã nhấn riêng một cậu lính Hồi lương về bảo người nhà đem 30 nén bạc đến lễ quan Bố rồi. Như chuyện “ăn xôi ngậm miệng”. Huống chi nhà Khôi cũng ở trong thành, cách xa các quan có mấy trăm bước, lại cho lính đi theo anh giữ, chắc hẳn ta không trốn đi đâu được mà lo.

Trở về dinh, quan Án gọi Khôi lên bảo:

- May quá! Quan Bố cũng rộng lượng cho thầy về nhà ba bữa, lo việc nhang khói tổ tiên. Giờ tôi cho mấy tên lính hộ tống thầy về, nghe.

- Dạ, chúng tôi cảm tạ quan lớn! Khôi nói.

- Nhớ sáng sớm ngày 19, phải đúng hẹn trở vô đây, nghe!

- Xin vâng.

Đến hôm 19 thì còn gì là đời! Vì ngay lúc này, trong đầu óc bất bình của Khôi đã xếp đặt một âm mưu ghê gớm, là đánh thành khởi loạn.

V. LỜI THỀ VIẾT BẰNG 28 GIỌT MÁU

Nhà của Khôi ở - hình như ông Tả quân mới cất cho vài bốn năm trước khi ông tạ thế – là một tòa nhà ngói năm gian, rộng rãi, cao ráo. Cánh cửa chạm trổ và sơn thếp. Gian giữa bày bàn thờ; hoành phi câu đối treo la liệt. Đồ bài trí trong nhà phần nhiều bằng gỗ cẩm lai và gỗ trắc, đóng theo kiểu Tàu; mỗi món là một giá trị không phải hồ bao của ai muốn sắm cũng được.

Phía trước có sân gạch, giàn hoa; có bể nước thả cá vàng, cá bạc; có đôn sứ chầu cảnh với những cây cỏ quý lạ của khách trú ở Chợ Lớn cho. Từ ngoài cổng vào, hai bên trồng hai cây ngọc lan đã cao hơn mười thước, trên mỗi cây treo mấy lồng chim sơn ca, bạch yến và nhiều giống lạ khác mà người ta không biết tên. Vì tính Khôi bình nhật rất thích chơi chim, có thứ gởi mua từ bên Tàu hoặc cù lao Giang long ba (người mình đời ấy gọi đảo Batavia như thế), đắt mấy cũng không ngại.

Tất cả khu vũ rộng đến gần mẫu đất, chung quanh có đoãn tường bao bọc. Trông cơ ngơi có vẻ như một dinh thự nho nhỏ. Ta không nên quên rằng Khôi làm quan võ tới chức Phó vệ úy, không phải tầm thường, lại còn thêm cái địa vị cao sang là gia tướng, là con nuôi của ông Tả quân Duyệt.

Chính trong khu vũ ấy, người ta sắp tụ họp bất bình, bàn soạn mưu lược, không khác gì một cuộc quân sự hội nghị, kín đáo và quyết định, rồi thì khởi lên vụ phản đối làm cho tung bừng Lục châu và báo hại vua Minh Mạng lo ngay ngáy ba năm ròng rã!

*

Khôi được quan Bố và quan Án rộng lượng cho về ba ngày lo việc cúng giỗ thân phụ, là về ở nhà ấy.

Người vợ họ Nông, lấy nhau từ lúc hàn vi ở Cao Bằng, đã qua đời tại Huế. Sau vào Gia Định, Khôi lấy vợ kế, người tỉnh An Giang, con một nhà điền chủ giàu có. Nhưng chỉ được mấy năm, nàng bị bệnh ban của nặng quá, có một ngày thì mất, để lại một đứa con trai béo tốt, đỉnh ngộ, tên là thằng Kiệt hay Cừ.

Lúc trước, nhà Khôi ngày nào cũng có khách khứa đông đảo, hầu như một nhà chứa trọ. Nhiều người từ xa đến làm thực khách lưu liên hàng tháng. Vì Khôi biết nhún mình kết nạn bạn bè, có tiếng là Tiểu Mạnh thường quân. Song từ ngày Khôi bị bắt, họ sợ lụy đến mình, rủ nhau bỏ đi hết. *“Khi vui thì vỗ tay vào, đến cơn hoạn nạn thì nào thấy ai”*, thế thái như tình đời nào cũng rứa!

Thành ra lúc này nhà Khôi vắng vẻ tiêu điều; chỉ có mẹ con mụ Trê đóng vai quản gia trung thành, ở lại phục dịch ông chủ tí hơn là thằng Kiệt; vài tên gia bộc trai tráng trông nom nhà cửa. Gọi là bạn tri giao bốn biển chỉ còn sót lại một mình ông võ cử nhân Tăng Vô Ngại, người ở ngoài Phú Yên hay Bình Thuận vào từ năm trước, giữa hồi cả thành Gia Định làm tang lễ ông Tả quân, rồi lưu lại nhà Khôi, mặc dầu nguy hiểm. Những người kia rủ đi tị nạn, ông nhất định không.

- Cổ nhân bảo “Nguy bang bất nhập, loạn bang bất cư” (*Nước nguy đừng đến, nước loạn đừng ở*); đây chính là một nhà hiểm nguy rồi mà ông không tránh đi, sao lại đại thế?

- Mình kết giao người ta lúc yên vui là để nhờ nhau lúc nguy hiểm, bây giờ mình bỏ đi là nghĩa thế nào! Ông điềm tĩnh trả lời.

Rồi ông cứ ở lại, thường ngày đi tìm chỗ dạy võ để kiếm ăn, tối về ngủ tại nhà Khôi, giúp đỡ việc nhà, chăm nom thằng Kiệt, y như nhà mình con mình vậy. Có đồng tiền nào, ông mua trà tậu thuốc lá và quà bánh nhờ mấy cậu lính Hồi lương đem vào ngục chờ Khôi. Hơn nữa, ông đang dự định ra Huế đánh trống dâng văn hoặc đón quý ngự giá, cầu khiêu oan cho anh linh ông Tả quân và xin vua tha cho tất cả bọn Khôi ra ngục.

Buổi trưa hôm ấy, ông đang ngồi trước án thư, cặm cụi viết tờ biểu khiêu oan, chợt ngẩng đầu ngó ra ngoài cổng, thấy Khôi sừng sững về nhà.

Ông mừng quá, ném bút xuống đất và quên cả giày guốc, tất tả chạy cẳng không ra đón. Khôi lấy làm lạ, hỏi ông trước:

- Kia, Tăng đại huynh còn lưu luyến ở đây, không sợ vạ lây à?

- Sợ gì?... Tôi đang làm tờ khiêu oan cho ông... Chà, thấy ông được về tôi mừng dữ!... Kiệt ơi! Ba cháu đã về đây nè! Tội nghiệp thằng bé thương nhớ ông, chẳng ngày nào nó không nhắc đến.

Nhưng trông thấy sau lưng Khôi sáu bảy người lính bước vào sau, ông Tăng Vô Ngại sừng sốt, hỏi nhỏ:

- Sao lại có tụi lính đi theo?

Vì ông nhận ra sắc áo, là lính Thuận Quảng trú phòng, chứ không phải lính Hồi lương mà bảo rằng họ đến chào mừng chủ tướng.

Khôi trở tay chiếc nhà ngang ở phía tả, bảo mấy chú lính kia vào ngồi uống nước, rồi day lại cười nói với họ Tăng:

- Lính võ lâm thị vệ theo hầu tôi đây, ông ạ!

Kỳ thật là toàn lính vâng lệnh quan Bồ chánh Bạch Xuân Nguyên đi theo canh gác Khôi trong ba bữa được phép ở nhà làm giỗ.

Thằng Kiệt nghe tiếng gọi, chạy ra, trông thấy ba nó, nó reo mừng nhảy nhót, ôm lấy cẳng ba nó, hỏi dồn hỏi thúc:

- Ba ơi! Họ thả ba về với con, phải không ba?

Câu hỏi thằng bé ngây thơ làm cho Khôi mũi lòng, sa nước mắt, nhưng gượng cười và hun hít con:

- Ba về thăm bà nội, giờ ba trở vô, chứ ba có bị ai bắt hỏi nào mà được họ thả!

- Ô! Ba nói gạt con, con biết rồi! Mạ Trê đã mách con rằng họ bắt giam ba ở tòa Bồ mà! Bây giờ ba phải ở nhà hoài hoài với con. Hễ chúng tới bắt ba đi nữa, thì con xách dao con chém đa!

Thằng bé phùng mang trợn mắt, nói mấy tiếng sau cùng ra vẻ châm bầm, tỏ hết ái tình con thương cha.

- Ủ, từ rày ba ở nhà với con hoài.

Khôi nói và ẵm con vào trong nhà. Mẹ con mụ Trê và hai người gia bộc gọi nhau ra chào mừng ông chủ. Nét mặt ai nấy đều tươi như hoa nở.

Mụ Trê ngót sáu chục tuổi, góa chồng từ lúc đứa con duy nhất là con Thu mới có một tuổi, năm nay nó mười lăm. Phục dịch nhà Khôi ngoại hai mươi năm, mụ thật thà, chăm chỉ, được lòng Khôi tin cậy, nuôi cả hai mẹ con như thân thuộc, trong mọi việc nhà nhất thiết ủy thác cho mụ. Mấy năm nay, kể thất Khôi qua đời, rồi chính Khôi bị hoạn nạn, một tay mụ săn sóc thằng Kiệt, trông nom việc nhà. Mụ kính mến chủ hết sức, giờ thấy chủ về, mụ mừng rỡ lính quỳnh:

- May quá! Ông về vừa vặn đến ngày giỗ cụ cố. Nhà ta lại vui như tết.

- Vậy, mẹ đã sắm sửa gì chưa? Khôi hỏi.

- Dạ, tường ông vắng nhà kỳ giỗ này, cho nên tôi chỉ mua một cặp gà lớn, để hôm giỗ, em Kiệt cúng cụ gọi là tỏ lòng thành kính, thế thôi.

- Nhưng bây giờ tôi về, phải cúng giỗ thật lớn mới được. Vì tôi định mời khách khứa đông...

- Thưa ông, thế thì phải mổ heo.

- Ủ, phải ba bốn con là ít.

- Trời ơi! Làm gì mà nhiều thế.

- Nhiều gì? Ngoài ra còn phải thêm một trăm con gà vịt mới đủ. Mẹ phải đi mua sắm các thứ ngay; nhớ gọi bếp Khách ở Chợ Lớn về nấu... À, nhà ta còn bao nhiêu tiền.

- Dạ, mấy chục nén bạc, ông cất trong rương còn y nguyên đó.

- Mẹ lấy số tiền ấy đi mua sắm lần đi. Lát chiều, tôi sẽ mượn người ta rồi đưa thêm. Tôi giao hết công việc cỗ bàn cho mẹ, rán làm sao hăn hoi tử tế nghe.

- Dạ, xin ông yên tâm... Tôi phải lo đi chợ liền mới kịp.

Mẹ tất tả bước ra, Khôi gọi giục lại:

- Khoan, còn một chuyện nữa. Còn bảy chú lính ở nhà ngang, mỗi bữa mẹ lo cơm nước cho họ đảng hoàng, đừng để họ phải than phiền đa!

Mẹ Trê đi rồi, Khôi bảo thằng Ba và thằng Chín đi mời một ít người bạn thân đến nhà đàm đạo.

*

Chiều hôm sau, nhà Khôi tụ họp thân bằng khá đông. Phần nhiều là nông gia thổ hào quanh vùng Gia Định xưa nay vẫn kính Thượng Công, và một ít người là thuộc hạ hay đồng liêu bên ngạch võ. Người ta đến, không phải vì bữa chén; chỉ vì nghe tin Khôi được về nhà thành linh, tưởng y được tha hăn và vụ án Thượng Công làm áy náy nhân tâm bấy lâu, chắc đã kết liễu vô sự rồi.

Người xóm giềng để ý nhận thấy thiếu bóng vồng cáng ngựa xe các quan. Ngày nay những năm trên, tổng đốc tuần phủ các tỉnh, cò mở trống rong, về gần khắp mặt.

Nhưng khách tới ăn buổi chiều hôm ấy, chỉ là tám màn phủ ngoài; Khôi mình tỏ mình kính cẩn và thành thực cúng giỗ, để che mắt các quan tỉnh, vì thế nào chẳng có kẻ đi ăn giỗ về thuật lại tình hình cho Bộ chánh Bạch Xuân Nguyên hay Tổng đốc Nguyễn Văn Quế nghe. Bởi vậy, hễ ai gọi chuyện hỏi thăm vụ án liệu chừng sẽ ra thế nào, Khôi làm ra dáng nhỏ nhoi sợ sệt và nói:

- Thưa các ngài, cơm vua áo chúa như trời như bể, mình chỉ biết có phận sự làm tôi con, tùy lượng triều đình thương cho thế nào, được nhờ thế ấy.

Sự thật, Khôi chỉ cốt triệu tập một bọn người thật lòng cảm mến Thượng Công và đối với mình cũng là chỗ thâm giao chí thiết, có thể nói chuyện tâm sự với nhau được. Sau khi những tạp khách kia no say tản mác ra về hết rồi, buổi tối, bọn nay mới lục tục kéo đến.

Ấy là Lê Đắc Lực, Nguyễn Văn Tòng, Hoàng Nghĩa Thu, Nguyễn Văn Bột, Trần Văn Tha, Nguyễn Văn Trân, Lưu Tín, Nguyễn Văn Đà, Sáu Khả, Huỳnh, Trầm, Thê. Chú khách Mịch Tấn Giai, chủ một hiệu buôn trong Chợ Lớn v.v... tất cả 26 người, kể luôn cả ông chủ võ Tăng Vô Ngại.

Khôi mời các đồng chí vào nhà trong, để tránh tai mắt của mấy chú lính gác.

Tiệc rượu đặt theo lối Tàu, ngồi vòng quanh một chiếc bàn tròn rộng lớn, Khôi gọi là "*Quần anh đại hội*".

Ban đầu, chén chú chén anh, câu cười tiếng nói, đầy không khí êm đềm vui vẻ, dường như cả chủ lẫn khách quên hết mọi sự lo nghĩ ở đời. Câu chuyện chỉ có đánh me với o mèo ve gái; nếu có kẻ nào rình rập lúc bấy giờ, tin chắc bọn này chỉ là một phường tửu nhục vô lại. Lần lần, họ đuổi hết tôi tớ xuống nhà dưới, mặc họ thông thả tự châm tự chúc với nhau. Sẵn có hai thanh kiếm treo trên vách, Hoàng Nghĩa Thu và Lưu Tín lấy xuống cùng múa làm vui. Trong khi ấy, Nguyễn Văn Trân ca vọng cổ bài "*Kinh Kha nhập Tân*" rất hay, cả tiệc nghe đều giục lòng phần khích.

Lúc này ai cũng có máu vận lên mặt ít nhiều, ra vẻ ngà ngà say cả rồi. Khôi bỗng ôm mặt khóc rung rức.

Mọi người lấy làm lạ, xúm lại ân cần gạn hỏi căn do và tìm lời khuyên giải. Sáu Khả nói:

- Thì hôm nay là ngày giỗ anh hai chúng ta tưởng nhớ công đức sinh thành, sao khỏi mũi lòng hiếu tử, nhất là hiện thời đang lâm vào hoạn nạn bất ngờ...

- Không phải thế đâu! Khôi gạt lệ và nói: Sở dĩ tôi phải động lòng tới phát khóc, là vì có hai lẽ quan hệ hơn nhiều.

- Những lẽ gì anh cứ cho biết, để chúng tôi chia lo xê buồn với anh chứ? Trần Văn Tha hỏi.

- Ô! Tha nói phải lắm. Người anh hùng bình nhật kết giao, cốt giúp đỡ nhau trong lúc sinh tử hoạn nạn; chẳng thế thì anh hùng có hơn gì ai! Nguyễn Văn Trân nói thêm.

Mọi người tán thành, xúm quanh mình Khôi và thúc giục phải nói:

Khôi đứng phắt dậy, khoanh tay trước ngực, hai mắt trợn ngược và đỏ như hai hồ máu, không phải vì mới khóc, mà vì có than lửa phần khích cháy trong tâm cao, bốc ngọn lên đây. Chỉ còn thiếu có thanh kiếm cầm tay, trông vẻ người hùng dũng và đầy sát khí, như lúc lâm trận ở pháo đài Tam Tòa ngày trước. Đêm hồ khuya, tiếng nói nghe rang rang.

- Trước hết tôi khóc là vì tưởng nhớ Thượng Công chúng ta. Nhất sinh ngài có huân lao khai sáng cơ nghiệp cho đương triều như núi như non, có công đức giữ gìn sự yên, mở mang sự sống cho nhân dân Lục Châu ta ngót hai chục năm, tóm lại ngài cúc cung tận tụy với nước với dân cho đến hơi thở cuối cùng, hễ các anh đã biết...

- Vâng điều ấy hẳn thế! Lê Đắc Lực và mấy người nữa đồng thanh nói. Họa có kẻ đui mù mới không trông thấy.

- Ấy thế mà người đời vô ơn bạc nghĩa với Thượng Công thế nào, anh có ngờ tới được không? Khôi nói tiếp. Ngài vừa nằm xuống, thịt chưa rã, cô còn xanh, đương triều đã vì chuyện tư hiềm – mà Thượng Công gây nên tư hiềm ấy chính là vì nước – vu cáo ngài nào khi quân, nào lộng quyền muốn khai quật mồ mả lên để hình phạt

nắm xương khô cho được hả giận. Lại quyết chém giết lưu đồ tất cả những người có quan hệ xa gần với Thượng Công lúc bình nhật. Giờ họ đang bắt đầu từ tôi và các anh Dương Văn Nhã, Đặng Vĩnh Ứng, mấy chục người đang giam cùm trong ngục. Rồi nay mai lần lượt đến anh em ta đây, dù anh em có mọc cánh mà bay cũng không chạy khỏi. Một lũ quan lại tham ô lại thừa đục nước thả câu, làm hại bao nhiêu người vô can vô tội. Trời ơi! Tức chết đi được, anh em ạ! Khôi tự đâm ngực và thở dài. Phàm ai là người có huyết khí ứng trước tình cảnh này mà không đầy gan ói mật? Tôi chắc trong quả tim các anh cũng phải đập cùng một nhịp như tôi.

- Thật thế! nhiều tiếng cùng đáp. Người ta xử với Thượng Công như vậy thì khốn nạn quá.

- Nào có phải một mình Thượng Công! Khôi rồi rít lên từng tiếng. Họ nhất định quét hết cả thân nhân và cựu chức của ngài nữa. Bởi vậy, tôi có lẽ thứ hai bắt phải cảm động phát khóc, là cùng các anh em vĩnh biệt từ hôm nay. Tôi cốt hỏi lộ và năn nỉ lão Bố chính Bạch Xuân Nguyên cho về nhà cúng giỗ vài ba hôm, tức là để cùng anh em nâng chén vĩnh quyết. Họ sai một toán lính Thuận Quảng theo canh gác tôi, đang nằm trong nhà ngang đằng trước kia kia. Mấy hôm nữa họ sẽ đóng cũi giải tôi ra Huế...

- Mèng ơi! Đóng cũi giải ra Huế nữa à?

Nguyễn Văn Tông hỏi câu ấy với dáng kinh dị và ngây thơ, vì y không tưởng vụ án lại to tát đến thế.

Khôi trừng mắt, nói:

- Chứ sao! Họ sẽ giải tôi ra tới triều đình hậu chất để cùm kẹp đánh khảo cho đã đời, bắt buộc tôi phải cung nhận rằng Thượng Công bình nhật quả có khi quân lộng quyền, theo những việc họ sẽ bịa đặt ra thiếu gì. Rồi họ đem tôi ra phanh thây chém đầu trước, đến lượt những người khác sai. Chúng ta vĩnh quyết nhau ở trần gian hôm nay, nhưng sớm muộn thế nào cũng được trùng phùng tái hội dưới âm giới. Tôi đã lóng tai nghe bọn tinh yêu thuộc dinh Bồ và dinh Án nói thì thảo với nhau rằng cuối tháng này đóng cũi giải tôi lên đường rồi, sẽ nã tróc năm bảy chục người khác nữa. Chẳng đến lượt các anh em thì còn ai, vì họ thừa biết ngày thường anh em có cảm với Thượng Công. Tôi chắc trong đám anh em tụ họp với

nhau đêm nay, sẽ có năm bảy cái đầu mất chỗ đội nón là ít, còn thì xiềng chân gông cổ đày ra Cao Bằng, Lạng Sơn ngoài Bắc, làm bạn với sốt rét, với muỗi mòng, với các giống độc thú mãnh xà, rình rập vô mình từng bước, như thế đến măn đời măn kiếp, đừng trông có ngày nào được trở lại với quê hương gia quyến.

Nội đám, Nguyễn Văn Tòng quê mùa thật thà nhất, nghe Khôi nói tới đó thì rùng mình lè lưỡi thật dài, tỏ vẻ lo sợ hãi hùng:

- Trời đất ơi! Nếu thế thì sống cũng như chết. Đại ca nói tôi nghe lạnh buốt xương sống.

- Vậy thì chúng ta phải liệu thân trước, mỗi người trốn đi một phương?... Lưu Tín ngó ý.

- Trốn đi đâu bây giờ? Một người hỏi.- Thiếu gì chỗ mà lo. Ví dụ sang Cao Miên hay trốn tuốt qua Xiêm chẳng hạn! Lưu Tín đáp:

- Anh này nói chuyện thật khủng quá! Người vừa hỏi mới rồi cãi lại. Đi đày với đi chốn cũng là một mẹ, vì hai đảng cùng phải vĩnh biệt vợ con nhà cửa, cũng sống nhờ đất khách, thác chôn quê người có khác gì nhau?

Lưu Tín cứng họng, làm thinh.

Khôi nói tiếp:

- Phải đấy, đi đày với đi trốn, đảng nào cũng là khổ thân mạt kiếp. Thà cứ cam tâm đợi ngày chịu chết, may ra vợ con còn lượm được nắm xương đem về đắp đấm; hay là bị đày ra mạn ngược xứ Bắc, có chết cũng là trong vòng đất nước ông bà, vợ con nó thấp hương khấn vọng thỉnh không, oan hồn chúng mình có lẽ còn nghe mùi lần bước trở về từ đường tổ tiên được. Đi trốn thì tiêu mất cả xác, lạc mất cả hồn. Rút lại đảng nào cũng là một cái chết vô danh, vô tích, còn ai đếm xia tới mình. Tôi nghĩ lại, anh em chúng ta vì một bức người anh hùng trung nghĩa như Thượng Công mà bị chém giết hay đày đọa, dù thật oan uổng mà kẻ cũng vẻ vang, nhất là bộc lộ ra chỗ ác độc khốn nạn của những kẻ vô ân bạc tình, rồi thế nào cũng có công luận. Chi đáng tiếc cho thanh danh chúng ta, một bọn đường đường nam tử thế này, có trí khôn biết suy nghĩ phải có bấp thịch cảm nỗi thanh gươm xông pha chiến trường, hoặc có gia thế, có địa vị trước mắt dân chúng, bình nhật mang ơn Thượng Công để lại tri ngộ biết bao, thế mà bây giờ chúng ta đành chịu khoanh tay nhắm mắt để cho sự nghiệp ngai bị người ta vổ tuột,

anh linh ngài bị người ta bôi nhọ, nay mai xuống hoàng tuyền gặp ngài, anh em mình sao khỏi hổ thẹn? Đã vậy, mình lại mang tiếng là hạng anh hùng hảo hớn thuở nay, mà tự nhiên ngựa cổ chịu lấy hình phạt một cách bất công bất bình như vậy, chẳng dám ho he, nhúc nhích, nghĩ thật là hư sinh, thật là tui hổ. Thà trước kia đừng sinh ra làm người, cho làm con vật hay là giống cỏ cây vô tri vô giác còn hơn!

Mấy lời Khôi nói thiết tha kích thích quá, như đoi vào ruột gan, đâm vào lòng tự ái, nấu sôi cả mạch máu người ta lên. Ai nấy đều thấm thía cảm động, không sao dằn được cái khí phẫn uất bốc lên phừng phừng trên mặt. Mỗi người nói một câu, phụ vào một lời giận dữ rít lên một hơi thán tức bất bình, góp lại thành một cơn ồ ạt, sôi nổi, không thể phân biệt câu nào lời nào của ai.

- Tôi thấy điên tiết lên rồi đây...

- Ô! Thế thái nhân tình thật là khốn nạn!

- Thượng Công linh thiêng, vạn hòng chúng nó đi!

- Đồ quên ơn bạc nghĩa!

- Lê đại huynh nói phải lắm: mang tiếng hảo hớn mà phải chịu thế này, nghĩ thật nhục nhã.

- Hừ! cho chúng nó một bài học công lý.

- Tôi cũng nghĩ thế.

- Đưa thanh mã tấu đây, tiểu đệ đi hót quách chỗ đội mũ cánh chuồn của Bạch Xuân Nguyên cho mà coi.

- Còn thằng Nguyễn Văn Quế không đem làm mắm ngấu cho luôn, để mà thờ à?

Người nào cũng cố đặt một vài tiếng của mình vào để tỏ ý bức tức, nhưng chưa ai nghĩ ra phương pháp giải quyết ra thế nào. Lê Văn Khôi nghe chừng tâm huyết mọi người đã nung nấu tới nhiệt độ cần dùng rồi, liền đưa tay ra hiệu và cất tiếng nói lớn:

- Xin anh em yên lặng cho tôi nói một lời.

Ai nấy đều lặng lẽ chú ý.

- Nếu tôi không hiểu sai tâm ý của anh em, Khôi nói, thì không lẽ nào chúng ta lại khoanh tay cúi đầu cho người ta chém giết đầy đọa mình mà không chống lại, có phải thế chẳng?

- Chính thế! Cả 26 tiếng cùng ứng một lượt.

- Tôi khen anh em, thế mới không hề danh hảo hán ở đời. Vậy thì bây giờ chỉ có một cách, là...

Khôi chưa nói dứt câu, mọi người đã nhao lên, đặt tiếng nói vào:

- Giết kẻ tham tàn Bạch Xuân Nguyên!

- Hạ thành Phiên An!

- Khôi gật đầu lia lịa, chờ anh em ngừng tiếng rồi nói:

- Kẻ mưu trí ở đời, sở kiến bao giờ cũng ám hợp với nhau. Anh em đều là hảo hán có khác, đoán trúng ngay tâm ý của tôi. Thật thế, chúng ta chỉ có một cách tự cứu, là cử đồ đại sự. Tôi đã xếp đặt phương lược rồi: sách Bình thư dạy rằng “xuất kỳ bất ý, công kỳ vô bị”, vậy nội đêm mai mỗi đứa chúng ta một thanh đoản đao, giết Bạch Xuân Nguyên để tế cờ, chiếm lấy thành Phiên An làm căn bản, kháng cự triều đình và tuyên bố Lục châu thành một quốc gia riêng; rồi cho đạo Thiên Chúa tự do truyền bá, mở cửa cho các nước Tây dương đến thương mại, cải lương cả mọi việc chính trị, kinh tế, học thuật, dân sinh, theo như cái chương trình phú cường của Thượng Công ngày trước đã có dịp tâu bày cùng vua Gia Long, và được mấy người Phú lãng sa tài giỏi là ông Long (Chaigneau, chúa tể Long), ông Thắng (Vannier) chịu tận lực giúp đỡ, nhưng bị đình thần độ ấy tìm cách phá ngầm, không cho Thượng Công được thực hành mở mang xứ Nam Kỳ theo mới... Chúng ta sẽ kế tiếp sự nghiệp của Thượng công. Đại khái phương lược tôi trù tính là thế, anh em nghĩ sao?

Hoàng Nghĩa Thư và Lưu Tín cùng nói:

- Lê đại huynh mưu tính như thế là hay tuyệt. Nhưng đường đi tắt phải lần bước từ đầu: việc trước nhất chúng ta phải ra tay, là lấy thành Phiên An làm căn bản, mà trong thành hiện có binh triều đồn trú khá đông, chúng ta chỉ có một tốp mấy chục người, làm sao đàn áp cho được? Đại huynh hẳn đã nghĩ cách giải quyết chỗ đó.

- Vâng, tôi đã nghĩ cả rồi, Khôi đáp. Hiện ở Gia Định có 800 lính *Hồi lương*, chẳng nói, anh em cũng biết: họ tuy là mặc binh phục của triều đình cấp cho, nhưng kỳ thật là bộ hạ tôi, tôi chỉ nói một tiếng, họ vâng theo răm rắp và sẽ là đảng vũ chúng ta, điều ấy cầm chắc. Còn đạo binh Thuận Quảng độ năm trăm người, dù có

phải giao chiến, hấn anh em cũng chẳng ngại, vì ta đã có trong tay tám trăm lính Hồi lương kia, can đảm và luyện tập hơn. Nhưng tôi muốn thuyết họ về với chúng ta, không thì họ cũng ngán ngổ lơ, để mặc chúng ta hành động. Việc ấy nội ngày mai tôi quyết trang trải xong, anh em khỏi lo. Còn đến dân tâm thì không phải nói: ai nghe chúng ta vì Thượng Công mà dấy nghĩa, lại không lấy làm khoan khoái và hết giúp đỡ. Bởi thế, binh lực có, dân tâm có, tôi tin quyết đại sự chúng ta định làm, mười phần thành công cả mười.

Cả bọn nghe phân giải minh bạch, không còn chỗ nào ngờ vực lo ngại nên cũng hăng hái tán thành và tình nguyện theo lệnh Khôi cắt đặt:

- Chúng tôi xin tôn đại huynh làm chủ tướng.

- Anh em sẵn lòng tin yêu, phú thác cho cái gánh ấy, kể cũng quá nặng cho tài lực tôi, nhưng vì thanh danh Thượng Công, vì việc chung, tôi xin vâng lĩnh, bề nào cũng nhờ anh em tận tâm hiệp lực, giúp đỡ cho tôi mới được.

Khôi nói rồi vòng tay xá chung cả anh em ba xá, tỏ dấu đã thụ lĩnh cái uy quyền các bạn đồng chí đặt lên vai mình. Đáp lễ, mọi người cũng xá lại ba xá. Lễ nghi rất đơn giản ở giữa giây phút rất thiêng liêng.

- Tất cả anh em đều nhất tâm quyết định cùng nhau khởi nghĩa không có nghi nan điều gì nữa chứ? Khôi hỏi lại.

- Vâng, chúng tôi quyết định lắm! Cả bấy nhiêu người cùng đáp một lượt.

- Dù sinh tử tồn vong cũng chẳng quên?

- Vâng, đại trượng phu chỉ có một lời.

- Nghĩa là hai mươi bảy anh em chúng ta thề đồng tâm cộng sự tới cùng...

Khôi vừa nói tới đó và anh em đồng chí đang lắng tai nghe, bỗng dưng thấy động cánh cửa ngoài thông với nhà trong và có tiếng lạ nói chỗ vào:

- Cho tôi nhập bọn nữa là 28!

Ai nầy đều giựt nảy mình, tái mặt, giá có địa lôi nổ dưới bàn chân, dễ thường họ cũng không sững sốt lạ lùng đến thế. Năm mươi tư con mắt cùng nhìn chòng chọc về phía cửa hông, ban nầy gài then đóng chặt hấn hoi, bấy giờ tự dưng mở banh ra, thấy một người khăn

lướt áo the, ngoài thắt lưng nhiều điều, gài thanh mã tấu bên cạnh, chân đi ghép quai ngang, từ bậc cửa lững thững đi vào, nét mặt rắn rỏi và tươi cười, tỏ ra không có một chút nào ác ý.

Khôi và mọi người càng ngạc nhiên khi nhìn mặt mũi khách lạ:
Đội trưởng Nguyễn Kiều!

- Vâng, tôi là Nguyễn Kiều xin chào các ngài.

Đội Kiều cúi mình chào rất lễ phép rồi tiến lại gần.

Chính là thầy đội vâng lệnh các quan tỉnh sai dẫn sáu tên lính đi theo coi chừng trong lúc Khôi được phép về nhà làm giỗ.

Nhưng đột nhiên thầy xông vào tư thất, giữa cuộc tư hội thế này, giống như một cách khiêu khích phá đám. Hoàng Nghĩa Thư, bản tính nóng nảy, còn cầm thanh kiếm trong tay, phăm phăm chạy lại muốn chém vì tưởng chắc thầy đội Kiều đem lính tới vây bắt cả đám.

Mau lẹ như chớp, thầy đội bắt lấy thanh kiếm trong tay Hoàng Nghĩa Thư, đồng thời rút mã tấu giắt bên mình ra, để cả trên bàn và nói:

- Quân tử mưu sự, lấy lòng thành thật tin cậy nhau làm đầu. Giờ hãy để khí giới một chỗ, ngày mai mới dùng đến.

Đứng trước cử chỉ ngôn ngữ ấy, cử tọa càng ngơ ngác khó hiểu. Trong khi chưa ai kịp nghĩ đối phó thế nào, đã nghe thầy đội tha thiết bày tỏ:

- Thưa các ngài, lúc này đến giờ các ngài mưu định việc gì, tôi đều nghe rõ cả. Tất nhiên các ngài lấy làm lạ: tường dày cửa kín, tứ phía như bưng, sao tôi lại rình nghe được? Xin trông lên mái nhà kia kìa, tôi tháo hai miếng ngói ra, dán tai in mắt vào đấy, cho nên chẳng những nghe rõ từng câu lại thấy rõ từng người nữa; tôi vui mừng nghĩ thầm trong bụng: Đây là các bạn đồng tâm đồng chí với ta. Bởi vậy tôi không nề hà mạo muội, nguy hiểm, tự đến yết kiến xin cho tôi nhập bọn với, là 28 người, chưa đủ "*nhị thập bát tú*". Tôi thề cùng các ngài quyên sinh cộng sự, vì tôi cũng một lòng bất bình triều đình bạc đãi Thượng Công, một lòng giận ghét những kẻ tham tằm hại dân. Chúng ta cùng một tâm chí, theo một mục đích, sẽ cùng chia xẻ tử sinh ưu hoạn. Vừa rồi nghe các ngài đang mình tìm người thuyết khách, để rú

đạo binh Thuận Quảng theo mình, bằng không thì họ khoanh tay ngó lảng, để mình hành động tự do, họ đừng can thiệp. Thưa các ngài, tôi xin đảm đương việc ấy, cam đoan rằng thành công, nếu không thì tôi xin chịu quân lệnh. Vì rằng đạo binh ấy phần nhiều là bộ thuộc của tôi, tôi bảo họ tuân lời chắc chắn. Tối mai, tôi xin cùng các ngài ra tay, và tình nguyện làm tiên phong, sống chết không quản.

Mọi người lẳng lặng nghe thầy đội Kiều nói rồi đưa mắt nhìn nhau, chưa biết đối đáp xử trí thế nào cho phải. Quái lạ! Một người mặc nhung phục của triều đình; có trách nhiệm trừ loạn an dân, và phụng mạng đi coi chừng một tên tù trọng yếu; nay tên tù bí mật mưu loạn, mà người ấy không hề tổ giác, không đem một vài đội lính tới bao vây tróc nã, người ấy lại thành thật yêu cầu nhập bọn khởi loạn?

Thầy đội hiểu ý họ còn nghi ngại bất quyết, nhất là Khôi đứng ngó thầy trừng trừng, cho nên thầy đồng đặc nói tiếp:

- Xem chừng các ngài chưa tin bụng tôi thì phải. Nếu quả các ngài ngờ vực tôi nhị tâm, gài bẫy hay là thế nào, thì xin hãy trừ bỏ tôi đi lập tức. Nay ông Phó vệ Úy! Tôi là người vâng lệnh theo canh phòng ông, nhưng tôi yêu cầu ông hãy lấy thanh gươm hay mã tấu đang để trên bàn kia, đâm ngay cho tôi một nhát, cho tôi được tỏ lòng thành thật quân tử, nếu thằng Kiều này than thở hay kêu la nửa tiếng, nó không phải là hảo hán, trượng phu.

Thầy đội vừa nói vừa vạch áo đưa ngực ra:

- Đây, các ông thích một mũi gươm vào chỗ này thì đúng quả tim, tôi chết được mát ruột.

Trước cái cử chỉ cương quyết lạ thường, ai nấy cùng lắc đầu, le lưỡi.

Ông cử võ Tăng Vô Ngại nói nhỏ với Khôi:

- Người ấy chính là anh hùng tráng sĩ, mình chớ phụ lòng người ta!

Tức thời, Khôi chạy lại ôm lấy thầy đội reo mừng nói với mọi người:

- Bớ anh em ta! Trời đem thầy đội Kiều đến cho chúng ta thật là bất ngờ và quý hóa. Ấy là điềm trời báo trước cho anh em ta nắm

vững thành công trong tay rồi. Tan nên vui vẻ đón rước thầy đội vào số 28 đồng chí.

Bấy giờ người ta mới xúm lại cùng thầy đội Kiều tay bắt mặt mừng, chuyện vãn hết sức vồn vã, niềm nở.

- Giờ chúng ta nên làm tờ huyết thệ, lấy thần minh làm chứng, các ông nghĩ thế nào? Thầy đội Kiều ngỏ ý.

- Phải lắm! Tất cả tán thành.

Lập tức, mỗi người cầm dao tự chích đầu ngón tay cho mấy giọt máu nhỏ chung vào một cái ché, nghĩa là máu của 28 người hòa chung trộn lại với nhau để tả huyết thư. Khôi lấy bút chấm máu ấy viết thành huyết thư, cả bấy nhiêu người cũng chấm máu ký tên mình vào: đứng đầu là Lê Văn Khôi, sau cùng là Nguyễn Kiều.

Huyết thư viết chữ Hán, chúng tôi dịch ra sau này:

“Năm Quý Ty, tháng 5, đêm hôm 17, rạng ngày 18, hai mươi tám người chúng tôi trộn máu viết lời thệ ước và ký tên dưới đây, thề nguyện cùng nhau một lòng góp sức, cử đồ đại sự, gian nan cùng chịu, sống chết không màng, nếu ai phụ lời, thần minh giết chết”.

Ta để ý thấy họ viết ***năm Quý Ty***, chứ không để niên hiệu ***Minh Mạng thứ 14***, đủ tỏ ra chỗ dụng tâm kháng cự triều đình vậy.

Họ lại đặt hương án giữa sân, làm lễ tế cáo trời đất và tuyên đọc lời thề bằng máu, rồi trở vào trong nhà, ngồi bàn định những việc sẽ làm đêm mai. Cuộc tiến công nhất định khởi từ nhà Khôi và ám hiệu là hai chữ Tả quân.

Trước khi giải tán, Khôi đình ninh căn dặn thầy đội Nguyễn Kiều:

- Tôi ủy thác tin cậy ngô huynh tất cả việc xử trí đạo binh Thuận Quảng, nhé! Cuộc thành bại của chúng ta quan hệ ở việc ấy nhiều lắm đó.

- Vâng, xin minh chủ yên tâm; tôi đã nói nếu việc không thành thì chịu quân lệnh! thầy đội trả lời.

*

Giữa đêm hôm 28 tháng sĩ tụ họp ở nhà Khôi thề nguyện khởi

nghĩa, như chúng ta được thấy tình hình trên đây, Bố chánh Bạch Xuân Nguyên qua dinh Tổng đốc trao tay cho Nguyễn Văn Quế 75 lạng bạc trong số 200 lạng mà Bạch đã được hối lộ của một thầy cự cai tổng, nhà giàu ở Gia Định, đem tới lễ quan lúc chập tối, cho khỏi bị vu oan giá họa vào vụ án Lê Văn Duyệt.

Bạch vốn tham lam, đục khoét được món nào cũng giấu bớt đi, tiếng là phân phỉ “cưa hai” với tổng đốc Nguyễn Văn Quế, nhưng kỳ thực chưa bao giờ Bạch cũng giữ phần sư tử về mình. Còn với Án sát Nguyễn Chương Đạt thì năm ba món mới cho dây máu ăn phần có một.

Có mấy tháng trời, thù đoạn tham nhũng của Bạch vợ vét được hàng vạn. Bạc nén, đồ vàng xếp đầy mấy tráp, để dưới sập gụ đóng theo kiểu riêng, có đáy, ở trong tư thất, và chính là chiếc sập Bạch nằm ngồi trấn thủ đêm ngày với bộ bàn đèn nha phiến. Người vợ cả về ở nhà quê, vì khinh bỉ chồng tàn ác với dân, nhiều lần khuyên can chẳng được, giận dữ không thèm ở chung; tại dinh chỉ có hai cô ái thiếp, sắc sảo ranh ma nhất là Thị Huệ, thường bày mưu vẽ chuyện để bón tưới thêm vào mầm ác của Bạch cho nên người ta oán thán Bạch lại nguyên rửa cả năng nữa.

Đêm hôm ấy, Bạch ở bên dinh quan thượng trở về dinh nhà, còn sai lính dẫn một vài tên tù béo bở ký giam dưới trại lên dọa nạt đồ dành ít câu, rồi mới đi ngủ.

Một lúc sau, đang giữa giấc ngủ, bỗngưng Bạch kêu rú lên, hỏi liên thanh “*Mấy tráp bạc đâu? Mấy tráp bạc đâu?*” Rồi ngồi vùng dậy, hai mắt cú vọ trợn trừng, dồn hết tia sáng vào chỗ để vàng bạc dầu mỡ dân chưa hề suy chuyển.

Té ra một giấc mộng.

Thị Huệ hơi hải chạy đến, hỏi:

- Quan khó ở, hay làm sao thế?

Bạch ngồi lặng một lát cho hoàn hồn mới nói:

- Ô! Ta nằm mộng ghê quá.

- Mộng thấy thế nào?

- Ta thấy cả dinh thự tự nhiên bay bổng lên không, còn ta thì bị một vầng mây đỏ quấn chặt lấy thân thể, mình gỡ ra nhưng không sao

gờ được; ta sợ mất mấy tráp vàng bạc, cho nên hốt hoảng kêu rú lên thế. May quá, chỉ là mộng mị!

- Ôi chà! Có thể thôi ư? Vậy mà tưởng đang đêm phải gió động kinh gì kia, làm cho người ta hết hồn, dở dang mất giấc ngủ đang ngon.

Nàng nói với nét mặt cau có rồi bỏ về chỗ nằm như cũ, để mặc Bạch thao thức và suy nghĩ vơ vẩn, từ đây tới sáng, không biết thế là điềm lành hay dữ.

Trưa lại, xong buổi hầu trở vào tư thất, Bạch sai một tên lính phi ngựa vào Chợ Lớn mời thầy khách Thiên lý Minh ra đoán mộng.

Lão thầy khách này tướng pháp giỏi có tiếng, lại khéo thủ phụng các nhà đương đạo, nhất là hồi này càng phải kiêng sợ, vì họ mình vu hãm bắt bớ ai mà chẳng được. Sau khi nghe Bạch kể lại giấc mộng, Thiên Lý Minh đứng tên vòng tay và nói:

- Công hỉ quan lớn, thật là mộng tốt lạ lùng.

- Thầy bảo thế nào mà tốt? Bạch hỏi.

- Bẩm quan lớn, dinh thự bay bổng lên cao mà ngài lại được vàng mây bao bọc lấy mình, ấy là điềm lành báo trước quan lớn sắp được vinh thăng một cách đặc biệt. Bỏ chuyện dị đoan ra một bên, cứ lấy ngay nhân sự mà đoán: xong vụ án Lê Văn Duyệt này rồi, tất nhiên ngài được triều đình nghĩ đến công lao, cho đặc cách đi tổng đốc một tỉnh hay lai kinh làm đầu một bộ cũng nên. Sách nho chẳng có câu “phan thanh vân nhi trực thượng” (*vịnh mây xanh mà thẳng vút lên cao*) là gì? Bởi vậy, nằm mộng thấy mình bay lên mây, tức thị điềm tốt, còn phải nghi ngờ gì nữa.

- Nhưng đằng này tôi mộng thấy mây đỏ kia mà? Bạch hỏi lại.

- Bẩm, thế lại càng tốt! Thiên Lý Minh nói. Vì mây đỏ chính là hồng vận đấy.

Bạch nghe đoán, hớn hờ mừng thầm, lấy một nén bạc thưởng cho thầy khách.

Lúc ở dinh Bồ về, giữa đường Thiên Lý Minh gặp Mạch Tấn Giai, gọi đứng lại nói chuyện, nhân tiện kể lại câu chuyện mình vừa mới đoán mộng cho quan Bồ họ Bạch:

- Ấy, tôi chỉ lựa gió xoáy buồm, đoán thủ phụng mấy câu mà đi

cho rồi, chứ kỳ thực hắn ta nằm mộng như thế, chính là điềm vận số của hắn sắp hãm vào tuyệt lộ mất rồi.

- Thật à? Mạch Tấn Giai hỏi với tất cả vẻ mặt ngạc nhiên.

Thiên Lý Minh chăm rai nói:

- Quả thế! Con người ác tâm thế nào cũng có ác báo chờ bên, chẳng sớm thì muộn. Ban nãy tôi dòm khí sắc hắn ta thấy u ám lạ thường, huống chi cái điềm mây đỏ quấn mình, không khéo rồi phải bắt đắc kỳ tử đến nơi, mà chết về lửa có lẽ. Ông cứ nhớ mà nghiệm xem, tôi đoán không sai.

Mạch Tấn Giai nghĩ thầm trong trí, càng lấy làm kinh dị:

- Trời ơi! Thầy dám tiên tri đến thế kia ư?

- Chứ sao! Thiên Lý Minh cười ha hả và nói. Nay đến sắc mặt ông hôm nay, rõ ràng có sát khí ngùn ngụt, tôi cũng trông thấy; ý chừng đang mưu toan một cuộc chém giết bạo động gì hắn thôi? Có thì xin chịu thầy đi?

Mạch Tấn Giai sợ quá, giựt nẩy mình, mồ hôi đượm trên trán lấm tẩm, định chắc lão thầy tướng này là thám tử của các quan tỉnh Gia Định và đã biết rõ cái mưu của mình cùng các bạn đồng chí hiện đang bôn tẩu xếp đặt. Vì giữa lúc ấy, Mạch cũng như 27 người kia, mỗi người một việc, đang đi sửa soạn để tối nay khởi sự.

Trông thấy Mạch có vẻ hốt hoảng, lúng túng. Thiên Lý Minh càng đoán già, Mạch càng sợ cuống, suýt nữa đến quỳ xuống bên đường van lơn, năn nỉ:

- Tôi van ông Trần Đoàn quý cốt tái sinh chớ có tiết lộ mảy may gì mà chết cả chúng tôi đây. Ông nên nghĩ tình chúng ta là người đồng hương với nhau, nghe!

Thiên Lý Minh đắc ý, kiêu lời an ủi:

- Xin ông yên tâm, tôi không bao giờ thổ lộ sở kiến của mình để thiệt hại cho ông, Chẳng qua vận số cả vùng này sắp lâm vào tai họa bình cách một độ mới yên, có lẽ ông sẽ bị lôi cuốn vào trong thời

cuộc ấy, Tôi chỉ khuyên ông làm việc gì cũng phải cẩn thận, mới khỏi đi lụy đến thân mình về sau.

Mạch Tấn Giai trân trọng cảm tạ, rồi từ giã Thiên Lý Minh, đi thẳng ra Saigon, đến nhà Khôi, báo cáo cho mình chủ biết rằng khí giới và mọi vật liệu dân hỏa đã thu xếp xuống thuyền, do đường thủy chở ra, chập tối đến nơi. Đồng thời, mấy người khác cũng lục tục đến trình Khôi về nhiệm vụ họ đã xong xuôi, hoàn hảo, chỉ còn có việc chờ hiệu lệnh.

Buổi chiều, trong thành Gia Định, từ các nha môn dinh thự cho đến phố phường dân xã, đều hoạt động yên tĩnh như thường, không ai ngờ sắp có một cuộc thay đổi lớn.

Thứ nhất là Bạch Xuân Nguyên, từ lúc trưa được nghe mấy lời Thiên Lý Minh đoán mộng trong lòng thấy phần chấn, vui vẻ, tin chắc kết quả vụ án Lê Văn Duyệt sẽ đưa mình chóng lên tới cực phẩm triều đình. Phen này lại được khoét được tiền của xứ Gia Định khá nhiều, nay mai tha hồ làm nhà tậu ruộng ở quê quán, cái cảnh hưu dưỡng về sau đã nắm vững giàu có sung sướng. Muốn cho mau chóng xong việc và tỏ ra mình làm quan trung thành mẫn cán, nội buổi chiều hôm ấy, Bạch sai căng nọc tra tấn mười người oan uổng, đánh vãi máu tươi; phi sức đi bắt thêm mấy chục người khác xem chừng có máu mặt, một hai bảo họ có dự vào âm mưu Lê Văn Duyệt; ấy là chưa kể mấy người đem hối lộ đi vào cửa sau, do Thị Huệ dẫn mối.

Tối lại, Bạch còn ngồi ở công đường phê phát giấy tờ, hạc sách tù tội, khá lâu mới vào tư thất.

Một mâm cơm đầy cao lương mỹ vị, hai cô hầu non ngồi hai bên đơm xới và quạt hầu, Bạch ăn uống phê phỡn, cười nói hề hà luôn miệng, trong ý dương dương tự đắc, thấy cuộc đời mình, cả hiện tại lẫn tương lai, một màu tươi đẹp như vườn anh đào đua nở.

Khuya thế, mà đưa con trai Thị Huệ sinh ra, bảy tám tuổi đầu, còn ngồi khóc nhè vùi ăn. Bạch nựng nịu con và hỏi:

- Nào, cậu ẩm đọc bài học hôm nay cho ta nghe, ta thưởng một cuốn chả giò.

Thị Huệ thở dài:

- Ẩm với chén gì! Thằng bé, rõ con nhà quan mà ngu như con

heo, chỉ giỏi ăn tham, còn học thì dốt ôi là dốt, cả tháng có ba chữ thiên trời địa đất mà nhai mãi chẳng thuộc, thầy đồ phải khổ sở bực mình với nó!... Quý hóa gì cái thứ cậu ám sứt vôi!...

- Hừ! Cô mình gàn quá? Bạch vừa nói vừa cười. Ở đời này chị có lệ luật nào bắt buộc người ta tất phải có tính nết tốt, học hành giỏi, mới làm được quan. Thằng con nhà mình ngu độn thể lại hóa hay đấy. Cụ Tô Đông Pha ngày xưa đã có hai câu thơ ngôn chí rất truyền tụng: “Đã nguyện nhi tôn ngu thả lỗ; vô tai vô nạn đáo công khanh”, nghĩa là “*Chỉ muốn bày con ngu với độn, vô tài vô nạn đến công danh*”, cô mình hiểu chưa? Cậu ám nhà ta học hành tối tăm thể nào mặc kệ nó, đã là quan từ trong trứng đẻ ra, mai sau cứ việc tập ám rồi ra làm quan như bốn!...

Bạch nói đoạn, rung đùi và ngân giọng ngâm nga mãi hai câu giai cú của họ Tô, vẻ đắc ý phơi tăt trên gương mặt.

Bỗng dưng Thị Huệ biến sắc, khoát tay ra hiệu cho Bạch dừng ngâm thơ nữa:

- Ông hãy im để tôi nghe: rõ ràng có tiếng la cháy, cháy, ở ngay cổng dinh nhà ta.

Quả thật có những tiếng kêu cháy rất gần, thêm những tiếng người la ó ồn ào, rùng rợn, hình như lại có tiếng khí giới đụng chạm nhau nghe xoang xoảng, làm dựng tóc gáy, nhất là chỉ cách xa tư thất Bạch có mấy bước. Lúc bấy giờ vào khoảng canh hai.

Ấy là hiệu lệnh khởi sự của bọn Khôi. Họ đốt cái chòi canh ngoài cổng dinh Bồ để làm hiệu rồi tiến bừa vào; đồng thời, những người bị giam trong trại đã được mật báo từ trước, thấy hiệu lửa nổi lên, ủa nhau phá khám đánh ra; hai cánh nhập lại làm một.

Nhanh như chớp, họ bồng vây dinh Bồ, đụng ai chém nấy, bất cứ lính hầu hay người nhà trong khi ấy một tốp đích thân Khôi chỉ huy, xông vào tư thất tìm bắt Bạch Xuân Nguyên.

Lúc Bạch nghe rõ những tiếng động lạ tai, đã có ý chọn, toan chạy ra ngoài xem thử chuyện gì, nhưng chưa kịp cất nhắc thì loạn đảng đã ào ào đến ngay trước mắt, ai nấy nai nịt gọn ghẽ và cầm mã tấu sáng quắc. Khôi chỉ mũi gươm ngay mặt Bạch Xuân Nguyên và hô đồng chí:

- Anh em trói thẳng một dân này lại cho ta!

Từ hai nàng hầu, ấy đứa trẻ, cho đến gia đình thị nữ, đều bỏ chạy

tán loạn: người tuôn xuống bếp, kẻ vào trong buồng, đóng chặt cửa lại. Vì biến cố xảy tới bất ngờ và táo tợn quá, chính Bạch cũng run sợ đến mê mẩn tinh thần, bủn rủn chân tay, mất cả tiếng nói, chẳng thốt ra được lời nào cũng không cưỡng lại gì cả. Con người tham tàn, lúc nào hé miệng ra lừa, bóp dân ra tiền, bây giờ một mực thụ động và trở như khúc gỗ, chỉ khác có hồn.

Loạn đảng cốt bắt sống một mình Bạch vì có chỗ định dùng, cho nên khi đã bắt được rồi, liền dẫn Bạch ra ngoài và nổi lửa đốt dinh Bồ chính. Cử chỉ ấy có hai mục đích thâm hiểm: một là thiêu cả gia quyến kẻ tham tàn ra tro; hai là dẫn dụ Tổng đốc Quế và Án sát Đạt tự đến nộp mình cho họ thịt nốt.

Khôi cầm đầu mọi việc, nhất thời truyền hiệu này, thét lệnh kia, đông xung tây đột nhanh nhẹn như cái cắt, sức khỏe như mãnh hổ; lính tráng trong dinh có muốn chống cự, nhưng chỉ thấy bóng Khôi cũng đủ làm cho họ run người chùn tay. Những kẻ làm bạo chống lại, đều nghe lưỡi đao loạn đảng đưa lạnh vào đầu cổ hay bả vai cạnh sườn, nằm ngổn ngang tứ phía.

Quả nhiên, Tổng đốc Nguyễn Văn Quế nghe bên dinh Bồ phát hỏa ồn ào, chẳng hiểu sự tình thế nào, vội vàng đầu trần chạy đến, bị loạn đảng đón đường cho một đao ngã quay chết liền tại trận, không kịp ngáp hay hỏi han câu nào.

Khôn hồn cho Án sát Nguyễn Chương Đạt không sang. Ngay lúc ấy lão đưa gia quyến thoát ra cửa Bắc chạy lên Biên Hòa. Hình như lão biết trước sự thế nguy hiểm. Có người nói chính Khôi thông tin cho lão đào tẩu, vì nghĩ tình đồng hương và nhờ lão cho phép về nhà làm giỗ, Khôi mới có cơ hội thông thả mưu loạn.

Nội đêm, loạn đảng chiếm lĩnh trọn thành Gia Định một cách dễ dàng, không phí hơi sức. Vì các cửa thành, các dinh thự, các trại lính, cho tới lẫm lúa, kho tiền, đồn thủy sư, xưởng khí giới, đâu đâu Khôi cũng xếp đặt có người vây cánh đồng tâm; lúc thấy hiệu lửa ở dinh Bồ phát lên, họ hưởng ứng một loạt, thành việc như trở bàn tay.

Vì thế, đang đêm Khôi có thể thái nhiên đưa Bạch Xuân Nguyên vào trước mộ ông Duyệt ở làng Bình Hòa, bày ra cuộc tế lễ

bằng bó đuốc thịt người, cảnh tượng hãi hùng mà hai người đàn bà đi chợ khuya là thím đội Kiều và cô Tần đã được chứng kiến.

VI. BÌNH NAM ĐẠI NGUYÊN SOÁI

Sáng sớm hôm sau, dân cư trong ngoài thành Phiên An thức dậy với sự kinh ngạc.

Việc dữ dội xảy ra ban đêm, duy có những xóm nhà ở gần xung quanh được trông thấy và hiểu ngay ý nghĩa quan hệ. Người ở những xóm ấy hầu hết là thuộc viên văn võ cùng nha lại trong ba dinh quan tỉnh; ngay lúc nửa đêm thấy tình thế nguy hiểm, đã gói ghém tiền của và dắt vợ con chạy ra ngoài thành trốn nạn. Phố phường và những làng xóm ở cách xa, đêm khuya tuy có trông thấy ngọn lửa và nghe văng vẳng tiếng kêu, nhưng ai cũng yên trí là một đám cháy nhà, mùa hè thường có, chẳng hề tưởng đến giữa lúc thái bình vô sự lại có việc gì lạ lùng xảy ra.

Mặt trời mọc lên, người nào việc ấy, họ từ trong túp nhà tranh bước ra, sự nhìn thấy trước nhất, khiến cho ai nấy đều phải giựt mình sững sốt, không hiểu mình tỉnh hay mộng, ấy là quang cảnh thành trì phường phố đã thay màu đổi vẻ, không giống mọi ngày.

Trên chòm cột cờ cao ngất, không phải pháp phối lá cờ đuôi nheo thêu rồng, như hôm qua trở về trước, ai cũng trông thấy quen mắt; giờ tung bay trước gió một lá hồng kỳ to bằng hai ba chiếc chiếu, trên đề hai chữ , “*chiêu an*” thật lớn, người đứng phía xa cũng thấy rõ ràng từng nét rần rỏi, lực lưỡng.

Các cửa thành đều có binh lính nai nịt chiến bào và tuốt gươm trần đứng canh gác, xem xét mọi người ra vào. Nhất là cửa Tuyên Hóa, cửa chính của thành Phiên An, thiên hạ lui tới tấp nập, có vài ba trăm lính đứng án ngữ, từ trên vọng lâu xuống chân thành, lộ nhỏ toàn những nón sơn áo nẹp, xen lẫn với gươm đao sáng chói cả mắt. Trên mặt thành, mỗi bên để hai khẩu thần công hạng lớn, chĩa đầu ra ngoài, trông rất hùng hổ.

Có điều lạ, người ta để ý những binh lính ấy không phiền nhiễu ai, cũng không có thái độ trừng trị khoan nạt thiên hạ như mọi khi. Họ nghiêm trang, đứng đắn; những người ở ngoài muốn vào trong thành với gồng gánh buôn bán, hoặc xem có vẻ lương thiện làm ăn, họ bảo: - “Các người cứ việc đi lại tự nhiên, mạnh bạo; chúng tôi đứng đây cốt vì nghĩa vụ trấp đạo an dân, chứ không có mảy may ác gì đâu mà các người rụt rè, lo ngại. Các người trông lên hai chữ trên là cờ kia thì biết!”

Nhưng đám nào ở trong thành muốn đi ra ngoài, mà trẻ già dắt díu, hòm xiềng bộn bề, có vẻ tìm đường chạy loạn, thì người chỉ huy toán lính tuần phòng cửa thành, thế nào cũng hô thủ hạ ngăn lại, khám xét đồ đạc một cách nhã nhặn, hỏi dò chủ nhà là ai, làm nghề gì, có sao lại muốn bồng bế đi đâu; thế rồi họ khuyên bảo người ta nên trở về:

- Các ông các bà cứ ở trong thành an cư lạc nghiệp như thường, chớ nên xao xuyên vô ích. Nhất thiết tính mạng tài sản và sự yên ổn của các ông các bà, đã có chúng tôi chăm nom, bênh vực, dù một sợi tơ sợi tóc, của ai nấy làm chủ, không suy chuyển đi đâu mà sợ...

- Tại sao có cuộc biến đổi thành hình thế này, thưa ông? Có người thấy vị trưởng quan đám lính ra dáng hiền lành thì đánh bạo hỏi.

- Tại triều đình dùng bọn tham quan ô lại, làm khổ lương dân Gia Định, cho nên chúng tôi nổi lên vì dân trừ hại, để dựng lại cuộc đời sung sướng yên ổn cho cả bá tính. Chúng tôi là nghĩa sĩ, chứ không phải giặc cướp, xin các ông các bà phải hiểu cho như thế.

- Nhưng ngộ quân triều đến đánh thì làm thế nào? Người kia lại hỏi.

- Thì chúng tôi đánh lại chứ sao! Vị trưởng quan trả lời. Các ông các bà cứ việc yên tâm lưu trú trong thành; quân triều đình dù có mọc cánh, cũng không bay đến chân thành Phiên An của chúng ta được đâu.

Đoạn lại nói tiếp:

- Chúng tôi vì đại nghĩa làm việc, đã có ước pháp với dân, hiểu thị khắp nơi, các ông các bà chưa xem thấy à? Mời đến chỗ kia mà xem.

Vị trưởng quan vừa nói vừa trở tay về phía cửa thành.

Thật thế, cách đó mấy bước, trên một cánh cửa thành, dán nguyên cả tờ giấy bản rộng, viết toàn chữ nôm, nhiều người đang xúm quanh đọc lầm rầm từng chữ.

Tờ biểu thị như sau này:

“Nghĩa quân Minh chủ họ Lê có lời hiểu thị cho tất cả quan dân sĩ thứ Gia Định được rõ:

“Triều đình “chẳng những vội quên công nghiệp Thượng Công là người đã nhọc nhằn giúp đỡ tiên đế khai quốc, lại phụ bạc dân chúng Gia Định là nơi đã đóng góp bao nhiêu con em tiền của vào cuộc sáng lập bản triều. Gần đây lại thi hành những chính lệnh tàn hại dân lành, tăng gia sưu thuế, và sai bọn tham quan ô lại trấn nhậm xứ ta, rập nhau vu oan giá họa, hối lộ ban ngày, cậy oai xiềng xích gông cùm, hãm người vô tội, khiến cho nhân dân sáu tỉnh phải khôn khổ đủ cách, oan khúc trăm bề.

“Ta cùng anh em đồng chí lấy làm đau lòng vì dân, cùng nhau dựng cờ khởi nghĩa, đã xử tử bọn Nguyễn Văn Quế, Bạch Xuân Nguyên, và chiếm lĩnh thành trì Gia Định, để tỏ bày công phần của nhân dân sáu tỉnh chúng ta và muốn tự mình xây dựng lấy hạnh phúc của mình.

“Công việc thay cũ đổi mới, ta với anh em đồng tâm đồng chí của ta, xin đơm đương tất cả trách nhiệm đối với bà con sáu tỉnh.

“Bởi vậy, ta khuyên bà con nên vững lòng tin cậy nơi việc làm cùng sức mạnh của nghĩa quân, ai nấy cứ việc an cư lạc nghiệp, không nên xôn xao náo động, hoặc thừa thời làm việc lợi dụng, phi vi, có hại cho cuộc sống còn chung.

“Nghĩa quân có phận sự bao bọc nhân dân đủ khắp mọi bề, nhưng cũng có phận sự không thể dung thứ những việc làm trái phép.

“Nếu ai phạm vào mấy khoản kể ra sau đây sẽ bị xử vào quân pháp:

“Một – Tư thông với quân Triều, tội chém.

“Hai – Nhân lúc lộn xộn, đốt nhà cướp của người ta, tội chém.

“Ba – Đốt phá nhà thờ đạo Gia Tô hoặc đình chùa miếu vũ bên lương, tội chém.

“Bốn – Hãm hiếp con gái đàn bà, tội chém.

“Năm – Man khai lúa gạo và ẩn lậu thuyền bè, có ý ngăn trở việc hành binh của Nghĩa quân, tội chém.

Phàm là khí dụng, lương thực, hễ Nghĩa quân cần dùng của dân cung cấp, đều chiếu theo giá chợ, trả tiền phân minh; tơ hào của dân, Nghĩa quân không hề sang đoạt hay xâm phạm.

“Sáu – Ai chứa chấp trong nhà mình những quan viên, chức dịch hoặc binh lính bên triều mà không thực tình khai báo, tội chém.

“Bảy – Vô cớ lăng nhục hay phạm đến tính mạng tài sản của người nước ngoài kiều ngụ trong xứ, tội chém.

“Áy là bảy khoản ước pháp với dân, ai nấy vì nghĩa lớn việc chung, gìn giữ cẩn thận, kéo để phạm phép lụy mình, lại trách sao Nghĩa quân không mình cáo trước.

“Những người đã bỏ nhà đi trốn, bất cứ là quan, lại, binh, dân, hẹn trong hai ngày phải trở về bản gia bản nghiệp, làm ăn cung chức như thường. Nếu quá hạn ấy không thấy về, không những tư cơ điền sản đều tịch một sung công, mà chính bản thân sẽ bị tập nã trùng trị.

“Nay yết,

“Năm Quý Tị, ngày 19 tháng Năm

Dưới lại phụ thêm mấy câu sau này:

“Nghĩa quân cần dùng nhân tài, ai có võ nghệ hoặc mưu lược gì hay, nên lập tức đến miếu Hội đồng biên tên ứng mộ. Mười năm học tập, một hội công danh, khuyên ai chớ nên lơ dật”.

Những người xem hiểu thị rồi, hoặc bỏ đi thẳng không quan tâm gì đến thời cuộc thay đổi an nguy, hoặc đứng xúm năm tụm ba ở một góc thành, bàn riêng nói nhỏ với nhau. Có một đám người trai trẻ, khăn áo chỉnh tề, ra dáng nho sĩ, đứng dựa bao lon cầu cuốn ở trước cổng thành, trao đổi ý kiến, bàn nói tự nhiên, hình như không ngại những chú lính vào bọn khởi loạn kia nghe tiếng.

- Ô! Thế ra lũ này ra mặt phản kháng triều đình, chứ gì? một người nói.

- Cái đó đã đành! Người khác đáp. Nhưng anh không xem lý sự của họ cứng cáp đấy chứ. Từ hồi Thượng Công mất đi, lục châu ta bị

nạn tham quan lại những, mùa màng mất luôn, lại thêm triều đình ra những lệnh cấm đạo một cách tàn khốc, làm cho nhân dân khốn khổ ai oán thật tình!

- Họ Lê là ai thế nhỉ? Hay là Lê Tập, chánh vệ đạo binh Thuận Quảng lúc trước chẳng?

- Ôi chà! Thằng cha béo nghịch ấy chỉ tài giỏi có một việc cơm nhà quả vợ, ăn vào cho đầy, chứ làm nên trò trống gì hăh. Đây chắc là Phó vệ úy Lê Văn Khôi, con nuôi và là bộ hạ anh dũng của Thượng Công ngày trước, tôi đoán cấm sai.

- Nhưng nghe nói va bị hạ ngục mấy tháng nay mà?

- Anh còn lạ gì với những tay trượng phu hảo hớn, xiềng xích không phải là sắt gang, mà chỉ là sợi búa, họ thối nhẹ cũng đủ tháo tung như chơi. Công việc ngày nay, tất một tay va sắp đặt chủ trương cả đấy.

- Nếu quả thật họ Lê ấy thì triều đình có đánh giệp được cũng còn một xác... Giờ tôi đến miếu Hội đồng biên tên ứng mộ đây, có anh nào cùng đi với tôi không?

- Trời ơi! Thế ra anh định theo phò lũ phản nghịch triều đình à?

- Ai vì dân mưu lợi thì tôi theo; mặc chỗ ai phản nghịch ai, tôi không cần biết đến Hoàn Ôn đã bảo người ta “sống chẳng làm nên danh thơm muôn thuở, thì chết để lại tiếng xấu nghìn đời, cũng là một bực đại trượng phu”.

Người ấy nói rồi phăng phăng đi vào trong thành. Máy người kia đứng nhìn lượng lự giây lát, rồi cũng tất tả đi theo.

Sau này chúng ta còn có lúc gặp họ.

*

Trong lúc ấy Lê Văn Khôi và các đồng chí bộ hạ hội họp ở công đường dinh Tổng để bàn bạc công việc tiến hành.

Sau khi thập được bằng thịt sống Bạch Xuân Nguyên ở trước mộ ông Duyệt và tể cờ khởi nghĩa rồi trở về thành, để thường bọn Khôi chẳng chộp mắt tí nào. Sự thành công có sức mạnh hơn những

vị thuốc đạt bổ, khiến cho ai nấy đều vui vẻ phấn chấn lạ lùng. Con người ta, bao giờ phần hồn sung sướng, đắc ý, phần xác có nhọc mệt thế nào cũng quên lãng đi được.

Thành trì Phiên An to rộng kiên cố nhất cả miền Nam, bên trong lại chứa đầy súng đạn, quân lính, thế mà bọn Khôi 28 người trong khoảng mấy giờ đồng hồ, hoàn toàn chiếm lĩnh, dễ dàng như trở bàn tay, thật không phải là một cuộc phản loạn tầm thường. Tài năng, cơ hội và nhân tâm cùng giúp sức cho họ. Trước hết, họ đều là hạng người anh dũng, quả quyết, lại khéo xếp đặt sẵn sàng, như ráp bộ máy, đến lúc ra tay, đầu đó cùng chuyển động đúng theo khuôn nhịp. Sau là dân tâm giữa hồi ấy đang ngấm ngấm bất mãn đối với triều đình: người bên lương thì oán hận về lũ quan lại tham tàn, người bên giáo thì bức dọc về chính sách cấm đạo quá ư hà khắc; đây là chỗ nhược của triều đình bị Khôi đánh trúng. Đến nỗi trong thành có đạo quân Thuận Quảng trấn thủ, cũng có cơ gì lạnh lẽo nằm ở đáy lòng, chẳng muốn vì triều đình trung thành xuất lực, thành ra chỉ một lời nói của đội trưởng Nguyễn Kiều, đủ cảm dỗ tất cả mấy trăm người ấy mang gươm mặc giáp của nhà vua, hoặc phụ theo phe can thiệp gì trong lúc bọn Khôi hành động. Mấy nguyên do thuận lợi góp lại như thế, trách nào bọn Khôi chẳng làm chủ thành Phiên An mau chóng dễ dàng như trở bàn tay.

Không có gì lạ, nếu ta thấy họ vui vẻ phấn chấn, quên cả mệt nhọc chiến đấu ban đêm.

Họ cắt nhau mỗi người một việc, bốn tầu hoạt động suốt đêm đến sáng, không hề thấy sự cần dùng nghỉ ngơi.

Khoảng mười giờ sáng, mọi người đã lục tục đến dinh Tổng đốc, giờ đổi làm bản doanh của Lê Văn Khôi, để báo cáo việc mình đã làm và họp bàn phương lược đối với thời thế vừa mới thay đổi vì tài năng thủ đoạn của họ góp lại.

Hoàng Nghĩa Thu đệ sổ kê khai những thuốc đạn, lương tiền, thóc gạo chứa ở mấy kho lẫm trong thành mà mình đã kiểm điểm kỹ lưỡng và giao cho đội lính Hồi lương thay phiên canh giữ.

Đặng Vĩnh Ứng đọc cho Khôi nghe bản thảo của cổ Du ở Mạc

Bắc (bây giờ thuộc tỉnh Trà Vinh), mời lên Gia Định hội thương. Cố Du là tên bản xứ của giáo sĩ Marquet, người Pháp, học rộng và rất đạo đức, sinh thời ông Lê Văn Duyệt vẫn kính mộ. Bấy lâu vì những chỉ dụ cấm đạo của vua Minh Mạng hết sức nghiêm khắc, hễ vớ được giáo sĩ tây phương là xử vào cực hình, cố Du được mấy nhà ngoan đạo ở vùng Mạc Bắc bao bọc, trốn lánh. Từ hôm lập chí khởi loạn, Khôi đã có ý thu phục nhân tâm bên giáo, cho nên bấy giờ muốn đón cố Du lên giúp mình, nhất là về mặt ngoại giao, cũng như đức cha Bá Đa Lộc giúp vua Gia Long ngày trước vậy.

Nguyễn Kiều và Trần Văn Tha trình bày kế hoạch luyện tập mấy đạo quân mới.

Anh em Võ Vĩnh Tiên và Võ Vĩnh Lộc coi việc tuyển mộ ở miếu Hội đồng, ngó ý vui mừng được thấy lòng người tán thành sốt sắng, vì yết thị mới dán từ sáng sớm đến giờ, đã có hơn hai trăm người đến xin ứng mộ. Sau hết, Mạch Tấn Giai báo cáo về việc đi chiêu hàng thủy sư chỉ được thành công một nửa. Nghĩa là mới thu phục được vài ba trăm thủy quân và độ sáu bảy chục chiến thuyền, nửa số thủy sư thường trực ở Gia Định; còn nửa kia đã tìm đường tẩu thoát, chắc hẳn ra bể.

Trưa đến, Khôi bày tiệc khao thưởng đồng chí và tướng sĩ quy thuận.

Giữa tiệc, người ta đem vấn đề chính ra bàn cãi náo nhiệt.

Những người cộng sự buổi đầu với Khôi có thể chia làm hai cánh. Một cánh thực tâm làm việc đại khái như Nguyễn Văn Trân hay Nguyễn Kiều chẳng hạn, đầy lòng hăng hái, chỉ thích xông pha mạo hiểm, dám vì đội trưởng, vì dân chúng hi sinh cả thân danh mình, miễn sao đạt được mục đích thì hã hê sung sướng, chứ riêng họ không cần lấy lợi lộc tiếng tăm gì cả. Một cánh chủ lập công danh phần đông là người đã đứng tuổi như Dương Văn Nhã, Đặng Vĩnh Ứng muốn đội nâng Khôi lên bậc phú quý tôn vinh nhất hạng, cho họ được bám lấy đuôi rồng, phụ theo cánh phượng, thề ngà áo gấm, ấm tử vinh thê, có vậy mới khoái.

Dương Văn Nhã xướng lên trước:

- Cổ lai những người mưu toan sự nghiệp to lớn, cần phải danh chính ngôn thuận trước nhất. Tôi tuy học nho kém cỏi, chữ viết như

gà bươi tro bếp, nhưng cũng nhớ lời Khổng Tử dạy rằng: “danh không chánh thì nói không thuận; nói không thuận thì việc không thành.” Bởi vậy, tôi tưởng anh em chúng ta phải tôn Lê đại huynh chính vị hoàng đế, hầu có danh nghĩa đường hoàng đề hiệu triệu thiên hạ, thì công việc chúng ta làm mới có căn bản và mong thành tựu đẹp đẽ. Anh em nghĩ sao? Nếu ai nấy đồng ý thì ta nên chọn ngày tế cáo thiên địa, làm lễ tấn tôn cho sớm.

Mười tiếng họa theo một lúc:

- Dương huynh nói phải đấy, chúng tâm đều muốn như thế.

Hoàng Nghĩa Thư, diện mạo vốn đen xầu và có tính nóng nảy, người ta thường gọi là Phan Khoái, Trương Phi, bỗng cười sằng sặc và nói bậm trợn:

- Không nên! Ta cứ kính trọng Lê đại huynh là bực anh cả như thế này, thời thường còn được tụ họp một bàn, chén anh chén chú, có phải vui vẻ không? Tội gì tôn lên hoàng đế, để cho ngôi thứ cách biệt, rồi lúp ngúp mà lạy cho mỗi gối khổ thân. Tôi xin nói trước, tôi không biết lạy đâu; đời tôi chưa lạy ai bao giờ!

Lê Văn Khôi và cử tọa nghe mấy lời Nghĩa Thư nói thật thà, sống sượng, đều phải cười ồ; cả những người không lấy làm đồng ý.

Nội đám, toàn là bạn bè thân thích lâu ngày, đã hiểu rõ chí hướng tâm tính của nhau duy có Nguyễn Kiều mới nhập bọn giờ chót, và lại được Khôi có vẻ kính mến, nên chỉ nhiều người muốn dò ý kiến.

Dương Văn Nhã ngồi cạnh Nguyễn Kiều, vỗ vai và hỏi:

- Thế nào? Nguyễn huynh có đồng ý với chúng tôi không?

Nguyễn Kiều tắc lưỡi:

- Hừ!... ở đời, thực sự mới đáng quý hóa, hư danh không đủ khinh trọng mà khiến người ta phải nói bàn cho nhiều... Tôi chắc một người có hùng tài đại lượng như Lê minh chủ ta chỉ thích làm việc anh hùng hơn là cầu danh hoàng đế. Chúng ta thử nhớ lai lịch - sử cổ lai, biết bao nhiêu hoàng đế qua đời là mai một thân danh, người sau không ai nhắc đến. Vì sao? Chỉ vì không có lý tưởng gì cao xa, sự nghiệp gì mới lạ, để cho thế nhân phải ghi nhớ. Trái lại, một người anh hùng, bao giờ cũng được thiên hạ hậu thế nhớ mãi tên tuổi sự

nghiệp. Anh em ta nên cầu cho Lê huynh làm người anh hùng.

Phe thích công danh đưa mắt ngó nhau, có vẻ phật ý. Họ tưởng Khôi nghe tất cũng bất mãn, nhất là kẻ phát ngôn lại là một người mới quen mà dám nói ngổ như Nguyễn Kiều.

Không ngờ Khôi dờn khỏi chỗ ngồi chạy lại nắm lấy hai tay Nguyễn Kiều, nói rất niềm nở:

- Nguyễn quân thật là người bạn tri kỷ của tôi!

Mỗi người đóng góp một vài câu, vấn đề chính danh có thể dai như chấu rách, chưa biết đến giờ phút nào mới dứt.

Thấy thế, ông Tăng Vô Ngại sợ người ta chỉ vụ danh bỏ thực, hư hỏng công việc; từ nãy được lẳng lẳng ngồi nghe, làm như một lão quê mùa ngu độn, không dám bàn chuyện quốc gia đại sự, giờ ông mới xen vào bàn giải. Ông đưa tay lên, đồng dục:

- Xin tất cả chư vị tráng sĩ cho phép tôi nói một câu, hay thì các ngài hãy để vào tai, dở thì xem như một cơn gió thoảng vậy...

Phe công danh cùng nhô lên tán thành, vì họ tin chắc lão già này một cánh:

- Vâng! Chúng tôi đang muốn nghe lời kim ngọc của một bậc lão thành như cụ để quyết định việc lớn cho xong.

Ông Tăng nhìn họ với nụ cười sâu sắc, rồi đứng dậy chấp tay thủ lễ, trước khi cất tiếng.

- Tôi xin thưa các ngài thế này: công việc các ngài chủ trương, như tòa lâu đài vừa mới đắp nền khởi công, hiện giờ cũng chưa có thể, mà cũng không nên định trước mai sau ta sơn son thiếp vàng bên trong thế nào hoặc bày biện những đồ đạc gì. Việc làm nên có thứ tự trước sau. Ta vội lo chuyện trang sức lâu đài trong lúc bắt đầu xây dựng, biết chắc công cụ xây dựng có được tốt đẹp như ý không? Một trận gió bão làm sập đổ nửa chừng, biết đâu? Bởi vậy tôi khuyên các ngài hãy đồng tâm cộng lực, lo việc xây dựng bây giờ đã, một mai hoàn thành, muốn trang sức ở trong thế nào tùy ý. Chưa chi đã vội khoác áo hoàng bào cho một người, rồi những người khác lớp ngóp quỳ lạy, lấy thế làm sung sướng, tôi e người đời chê cười bọn ta chỉ là

một lũ hiếu danh vô vị; nhân tâm chẳng theo, công việc tất hỏng. Nên biết hiện tại, dân chúng vẫn còn tưởng mến Nguyễn triều, mà anh em chúng ta thì chưa làm việc gì công đức với dân. Huống chi việc trong, chúng ta chưa tổ chức tí nào, bên ngoài sắp phải đối chiến với quân triều đình là tay cường địch; khoan nói triều đình xa xôi chưa kịp phát binh đánh ta, nói ngay thủy sư Lê Văn Bồn từ Vũng Tàu ập vào, bộ binh các tỉnh Định Tường Vĩnh Long tiến lên, đều là mũi giặc đáng lo chỉ trong khoảnh khắc sớm tối. Lúc này ông Nguyễn Kiều nói phải, việc thành bại quan hệ ở thực lực, không ở hư danh. Giờ chúng ta hãy dồn cả lòng dạ tài sức vào việc đối kháng triều đình, cứu vớt dân chúng; câu chuyện xưng vương xưng đế nếu phải bàn đến, có chăng là một ngày sau.

Ông Tăng nói thống thiết quá, Khôi và những người vụ thực nghe phải rơm rớm nước mắt.

Bọn Dương Văn Nhã cứng họng, không dám nói gì; nhân phẩm và dĩ vãng của ông Tăng làm họ phải chịu thiếp phục.

Khôi đứng dậy, hướng mặt về ông, chấp tay xá ông và nói:

- Đa tạ tiên sinh có lòng trung cáo, tất cả chúng tôi xin kính vâng lời dạy.

Rồi nói chung với mọi người:

- Tăng tiên sinh vừa khuyên bảo anh em chúng ta thật là khẩn thiết, chí lý. Anh em nên cùng tôi trở tài rấn sức làm thành chí nguyện cứu thế an dân, từ nay chớ nghĩ đến chuyện tôn vương vớ vẩn hảo huyền, mà hăm tôi vào vòng bất nghĩa, bị thiên hạ hậu thế cười đấy!

Cùng trong giây phút Khôi nói mấy lời kể trên, một người trai trẻ cỡi con ngựa bạch, từ ngoài thành phăm phăm chạy vào, đến trước viên – môn nhảy xuống, ra vẻ hấp tấp, móc túi lấy một bức thư, trao tay cho toán lính gác, bảo đem trình ông Phó vệ úy tức khắc, rồi phốc lên mình ngựa đi ngay.

Bức thư viết tháu, chỉ có mấy câu:

“Nhân thấy các ông thành tâm làm việc trừ bạo an dân, nên tôi mách giùm một chuyện cơ mật. Chánh vệ thủy sư Lê Văn Bồn đem

chiến thuyền trở vào Nhà Bè, hiện đang chiêu binh bày trận, định xuất kỳ bất ý đánh vào Phiên An để lấy lại thành trì đây.

“Một người đồng chí vô danh”

Khôi chuyển bức thư cho mọi người xem, rồi nói hớn hờ, như cách phân bua:

- Chúng cứ đẩy nhé! Nếu anh em mình chưa làm nên việc thực đã đội lốt hư danh, quyết không thu phục được cảm tình dân chúng như thế này.

Một lát nói tiếp:

- Việc hiện tại là phải trừ ngay mũi giặc thủy quân Lê Văn Bồn, không để nó kịp xâm phạm tới mình. Tăng lão tiên sinh mưu lược giỏi thật, vừa mới rồi đã nói trước.

Nguyễn Văn Bọt và Hoàng Nghĩa Thư cùng hăng hái xin đi, nhưng Khôi đều gạt ra:

- Việc xuất binh đầu tiên, thắng bại quan hệ tới đại cuộc không nhỏ, anh em phải nhường phần trách nhiệm cho tôi.

- Ủa! đại huynh lại nở lòng đi choảng một người cùng họ à? Nghĩa Thư nói hớn cột trắng trợn, theo thói quen thường ngày.

- Quân sự không kể họ hàng thân sơ gì cả, hễ đối lũy thì cứ chém giết nhau, mạnh ai nấy được. Huống chi họ Lê ấy có tộc thuộc với họ Lê tôi đâu! Anh em ở nhà lo sắp đặt mọi việc, để tôi đi cắt bộ râu lão Bồn đem về làm cái chổi đánh ruồi chơi. Lão ta râu quai nón và dài lượt thướt, các ông không nghe tiếng sao?

Khôi nói đoạn, phân tán mọi người đi theo phận sự đã định, chỉ lưu lại một mình Mạch Tấn Giai để trù hoạch thế trận bắt sống Lê Văn Bồn.

*

Vào khoảng canh hai đêm hôm ấy, một chiến thuyền nhỏ chở hơn hai chục người lính thủy, chèo đến bên thủy trại Lê Văn Bồn, đóng ngay trước mặt pháo đài Dương Đông, xưng là quân nhà, xin trở về đội ngũ.

Lính tuần tiểu bắt trời cả bọn giải vào trình chủ tướng, cầm chắc là quân gian tế của bên địch sai đến do thám.

Lê Văn Bồn sai nổi đuốc lên, nhận diện quả thật quân nhà; chẳng những vì thấy sắc phục đúng, lại thấy họ nhớ cả khẩu hiệu ngày hôm qua nữa, chứng tỏ ra họ thuộc về mấy đội thủy quân đã bị giặc bắt sống với một số chiến thuyền. Người nào trông cũng lem luốc, rũ rượi, nhọc mệt, nhưng được về bản đội, họ vui mừng luống cuống.

- Các người trốn được à? Lê Văn Bồn hỏi.

- Bẩm quan lớn, vâng! cả bọn cùng đáp.

- Thằng Khôi là một tay dùng binh khá lắm kia mà! Chúng nó canh phòng sơ lậu thế nào mà cách người thoát được thế?

- Bẩm, cũng may có cơ hội quân giặc tập nập kéo lên Biên Hòa, cả thủy quân cũng đem đi đâu không biết, chỉ còn đồ ở bến Thị Nghè độ vài chục chiếc thuyền để tuần mặt sông. Chúng con ở trong số đó, thừa lúc trời nhá nhem, và lại phần nhiều quân giặc uống rượu say khướt, chúng con rủ nhau lén mở một chiếc thuyền, chèo riết về đây.

Lê Văn Bồn nghe nói, vừa lo vừa mừng. Lo quân giặc tiến đánh cả mấy đồn: Long Thành, Biên Hòa, tức là chặn đường binh triều không thể vào Nam mừng là thành Phiên An chắc hẳn binh lực không mấy, có thể “xuất kỳ bất ý, công kỳ vô bị” mà lấy lại dễ dàng.

Chỗ cao đoán của Lê Văn Bồn tức là chỗ mưu kế của Khôi thả mồi như cọp, thanh đông kích tây. Cả toán lính gọi là “quân nhà” kia chỉ là bộ binh và kiện tốt của Khôi sai mặc giả lính thủy trốn về, cốt thúc giục Bồn cả quyết tiến công, để đón đường mà đánh.

Quả nhiên Bồn trúng kế.

Ngay lúc ấy, Bồn ra lệnh cho toàn quân đồng thời xuất phát, mỗi mái chèo hai người hợp lực, cho thuyền chạy rẽ mau, giao hẹn trước tờ mờ sáng phải đến Thị Nghè.

Đêm trăng, sông rộng, ngót trăm chiến thuyền lớn nhỏ; chạy thành hàng ba, vùn vụt trên mặt nước, kéo dài đến hai dặm, chiếc nọ

nổi liền chiếc kia, trông như một con tràng xa đang vươn mình lướt sóng. Quân sĩ vừa chèo vừa hát, mà hàng nghìn mái chèo khua động dưới nước, nghe tiếng du dương chìm bổng tức là cung đàn nhịp phách tự nhiên.

Thuyền chủ tướng đi giữa trung đội, trên ngọn cột cờ treo một lá cờ “Lệnh” bay phấp phới; Bồn và mấy viên tì tướng đang ngồi bàn định kế hoạch tâng sảng lên bộ, đánh róc vào thành Phiên An.

Khi còn cách Nhà Bè độ sáu bảy dặm, tiền đội trông thấy xa xa có vài chục chiếc thuyền đi tới; nhận rõ là thuyền chiến, nhưng có điều lạ, chiếc nào cũng treo đèn lồng tứ phía, quân sĩ ngồi xúm xít, hình như đang uống rượu hay đánh bạc; có thuyền lại gảy đàn và ca vọng cổ làm vui, đêm lặng gió xuôi ở xa nghe rõ mồn một.

Ấy là đội thuyền Mạch Tấn Giai cốt đi dụ địch. Họ chủ tâm bày trò ung dung vô lại như thế, để khiêu khích Lê Văn Bồn.

Lúc hai bên còn cách nhau chừng vài trăm thước, đội thuyền Mạch Tấn Giai cất tiếng reo mừng vang dậy mặt sông, rồi nhẹ nhàng thoăn thoắt, cả mấy chục chiếc thuyền cùng quay mũi trở lại đi trước.

Quân tiền đội Lê Văn Bồn ngơ ngác chẳng hiểu thế nào. Bỗng nghe đội thuyền phía trước có tiếng loa gọi:

- Bớ quân gia!... Ông Lê Văn Bồn viết thư hẹn đêm nay đem bản bộ thủy quân lui hàng, vì thế đại nguyên soái sai chúng ta trưng đăng kết thể đi đón rước... Ông bỏ triều đình nhập bọn với ta, bây giờ tức là anh em một nhà... Quân ta hãy chào mừng ông đi!

- Hò khoan!... Xin chào ông Bồn!

Cả mấy trăm tiếng cùng hòa một loạt và reo cười âm ỹ.

Mấy tiếng loa gọi, không khác châm lửa vào thùng đựng thuốc súng. Quân giặc muốn khiêu khích chế nhạo thế nào mặc kệ, nhưng trước mặt binh lính triều đình mà chúng bị dựng đứng lên rằng Lê Văn Bồn viết thư xin hàng, thì Lê Văn Bồn tức giận đầy gan ói mật. Chúng bịa chuyện khốn nạn như thế, khác nào nhổ vào mặt ông, làm phí tiếng trung nghĩa của ông đi, còn gì? Đến tai triều đình, thì có chết cả vợ con họ hàng ông không nhất là đêm nay ông chủ tâm đem binh

lực của triều đình đi khôi phục thành Phiên An, nhưng quân giặc làm cho tướng sĩ bộ hạ ông đâm ra phân vân nghi sợ, dường như ông đánh lừa họ, dẫn họ đi theo giặc vậy.

Ông dậm chân, ông gầm thét, ông chửi rủa; giá có phép tiên chạy trên mặt nước như bình địa và đâm cho mỗi chiếc thuyền giặc một đâm tan tành, chìm lìm, chắc ông làm ngay. Tiếc ông không có phép thuật thần tiên ấy, chỉ rút cổ hò hét, ra lệnh cho quân mình tận lực đuổi theo, bắt sống tất cả bọn giặc trước mặt cho ông băm vằm chúng nó mới là hả giận.

Nhưng thuyền giặc vẫn ở phía trước, giữ mực cách xa đằng sau chỉ độ dăm chục thước mà không làm sao theo kịp.

Một lát, lại nghe ở đội thuyền trước có tiếng loa gọi:

- Bớ hàng tướng Lê Văn Bồn!... Có lệnh của đại nguyên soái truyền, nghe...

Những tiếng sau ồ ạt theo gió, không nghe rõ.

Lê Văn Bồn càng tức, càng thúc quân đuổi.

Không ngờ tiền đội vừa qua khỏi Nhà Bè, bỗng dưng hai bên bờ sông cùng có tiếng pháo nổ, tức thời mỗi bên rừng lau xông ra hàng trăm chiếc thuyền, đâm thẳng vào thủy quân Lê Văn Bồn, chặt đứt ra làm ba đoạn, trước sau không cố cập được nhau.

Quân mai phục ấy chính Khôi chỉ huy.

Giữa tiếng quân sĩ reo hò và gươm đao chạm nhau sang sảng, nghe rõ tiếng Khôi gào hét như sấm vang, áp đảo nhất thiết:

Bắt lấy thằng râu quai nón Lê Văn Bồn!... Đừng cho nó chạy thoát!...

Binh triều nghe tiếng dữ dội ấy, biết là chính Khôi cầm quân đối trận, ai nấy đều giựt mình, mười phần nhuệ khí bỗng lạnh lùng tiêu tán hết sáu bảy. Lại kinh ngạc hơn nữa, là nghe giữa hàng ngũ mình đồng thời có những tiếng “dạ” cực to, ứng theo tiếng hô của tướng giặc mà phát lên tứ phía. Rồi mấy chục người lớ nhỏ, tay gươm, tay mộc, không day mặt trở ra giao chiến với giặc, lại hướng cả về phía có thuyền Lê Văn Bồn hăm hăm muốn nhảy sang...

Thôi chết rồi! binh triều bị ngoại công nội ứng, tức là bọn tự xưng “quân nhà” trốn thoát tay giặc, xin trở về bộ hạ Lê Văn Bôn lúc này: sự thật là người của Khôi.

Đồng thời, đội thuyền Mạch Tấn Giai cũng đánh vật lại.

- Bớ anh em! bắt lấy thằng râu quai nón!

- Ai đầu hàng thì khỏi chết!

- Thuyền Lê Văn Bôn có cờ hiệu kia kìa!... Vây bắt lấy nó!

Quân giặc vừa hó hét rầm rĩ, vừa xấn xỏ chiến đấu hăng quá, binh Triều cự địch không lại. Hai bên đánh áp lá cà, không ai dùng đến súng đạn; nhưng giặc lại phóng tên lửa, làm cho binh triều cháy xém mình mẩy và thuyền bị đốt cháy mà chìm vô số. Tiếng van lơn kêu khóc vang cả trên sông. Nhiều người đánh quăng khí giới xuống nước, xin hàng bên giặc.

Lê Văn Bôn cũng bị tên lửa thiêu trụi cả tóc lẫn hàm râu quai nón. Quân giặc mất dấu tích riêng để nhận diện. Nhờ vậy, Lê Văn Bôn nhảy sang một chiếc thuyền nhỏ, rồi thừa lúc lộn xộn, lách mãi vào cạnh rừng lau bên bờ, rồi chạy tuốt ra cửa bể.

Tảng sáng, thủy sư bên Triều chỉ còn lại là những binh lính tử trận hoặc bị trọng thương, nằm ngổn ngang rên rỉ trên những chiếc thuyền tàn khuyết, trông rất thảm đạm.

Khôi giao cho Mạch Tấn Giai ở lại thu nhặt những lính bị thương, cùng thuyền bè, khí giới, lương thực, bắt được của bên Triều rồi dẫn thủy quân thắng trận trở về. Còn mình khi đem sáu trăm kiện tốt để đồ lên bộ, cắm trại cho quân lính nấu cơm và nghỉ ngơi lấy sức.

Nhưng tự mình không biết nghỉ ngơi là gì, hoặc chỉ tạm nghỉ ngơi xác thịt, còn tinh thần thì luôn luôn vận dụng về chương trình hành binh sắp tới. Khôi sai một tên lính cưỡi ngựa lưu trình chạy tốc về thành Phiên An báo tin thắng trận cho các đồng chí biết, luôn dịp trao cho Lê Đắc Lực, Nguyễn Văn Trân một bức thư khẩn cấp, trong ấy có mạng lệnh và phương lược cho hai người tức khắc xuất binh.

Lúc ấy là buổi sáng ngày 20.

Chủ ý của Khôi là đánh cho mau, và đánh cho mạnh để cho binh Triều ở mấy thành trì đồn lũy chung quanh không kịp trở tay đối phó; nhân đây, củng cố địa vị Phiên An là nơi mình lấy làm căn bản.

Bởi vậy, sau khi quân sĩ ăn uống nghỉ ngơi lại sức rồi, mặc dầu giữa trưa, Khôi cũng hạ lệnh tiến đến đồn Long Thành. Chập tối, đồn này bị công kích có vài giờ đồng hồ thì thất thủ, tuy quân Triều cự lại dữ tợn, nhưng quân giặc đánh dữ tợn hơn nhiều.

Cũng trong khoảng ấy, một nghìn kỵ binh và bộ binh, phân làm hai đội, do Nguyễn Văn Trân và Lê Đắc Lực thống xuất, lặng như tờ, nhanh như gió, tiến lên Biên Hòa. Họ đánh tới sáng thì hãm được thành này, tướng trấn thủ bên Triều là Tôn Thất Gia bị bắt sống, nhưng không chịu đầu hàng, chửi rủa quân giặc đả đốn. Lê Đắc Lực nổi đóa, cho voi đạp chết.

Chiều hôm 21, cả hai cánh quân thắng trận cùng trở về thành Phiên An.

Chiếc thuyền chở Lê Văn Bồn trốn thoát hôm qua, giờ phút này đang chạy thẳng buồm ngoài bể, cổ lướt sóng gió thật mau, để ra kinh đô cáo cấp.

Địa vị thành Phiên An đã tạm thời yên ổn, cả mặt thủy lẫn mặt bộ, không lo quân Triều có thể tập công thành lĩnh; Khôi yên tâm nghĩ đến việc tổ chức chính phủ, cho được danh chánh ngôn thuận trước mặt dân chúng Lục châu, và chinh bị võ lực mở mang bờ cõi, đi tới chỗ mục đích đã sắp đặt trong trí.

Mục đích ấy là chiếm cả toàn hạt Nam Kỳ, lập thành một nước riêng, chứ không phải một tỉnh Gia Định mà lấy làm mãn túc.

Bởi vậy, Khôi cần thu phục nhân tâm, tăng thêm lực lượng.

Khôi treo bảng mộ binh, trong ba ngày đã có sáu bảy nghìn người ra đầu quân, mà quá nửa là dân có đạo ở quanh miền Gia Định.

Nhưng còn những quan lại, quân dân cũng cần phải chiêu phục.

Hôm trước, quan lại văn võ trong thành, thấy cuộc biến loạn phát ra thẳng thốt, kéo nhau chạy trốn ra ngoài rất nhiều. Ai nấy chỉ

lo tẩu thoát lấy thân, trong lòng tiếc rẻ của cái vật dụng chẳng kịp đem theo, cầm bằng mắt sạch với quân giặc.

Sau họ nghe cửa nhà tài sản họ để lại trong thành, đều được quân giặc tôn trọng và niêm phong gìn giữ tử tế, tơ hào không phạm đến; lại thấy Khôi rao truyền khuyên nhủ họ về, sẽ được trọng dụng. Những người tận trung với triều đình thì bỏ đi luôn, không kể gì vợ con an nguy, tài sản còn mất. Song còn nhiều người tùy thế lập danh, non sông thành quách về ai làm chủ cũng được, miễn họ có thể nương dựa để cầu lấy công danh phú quý thì thôi; những người ấy lục tục trở về hai ba hôm nay, không phải số ít.

Trong bọn trở về rất sớm, có Thái Công Triều là một.

Thái Công Triều, người Thừa Thiên, làm Chánh vệ đạo binh Tả bảo, tức là một trong hai đạo binh Thuận Quảng, do triều đình sai vào đồn trú ở thành Phiên An. Tính người tàn nhẫn, gian ác, trong quân nhiều kẻ không phục, trước nhất là đội trưởng Nguyễn Kiều. Đêm hôm 18, khi thấy bọn Khôi nổi loạn, Công Triều vùng dậy vào trại hô quân, nhưng chỉ có mấy chục người thân tín chịu nghe lệnh, còn thì không ai nhúc nhích, vì đã bị Nguyễn Kiều cảm dỗ, nhất định bất can thiệp, lại còn lập tâm theo giặc là khác. Biết sự thế nguy hiểm, Công Triều không kịp nghĩ đến vợ con và một cô ái thiếp ở nhà, vội vàng cỡi ngựa thoát ra cửa thành chạy lên Hóc Môn ẩn núp.

Khôi sai người, báo vợ con Công Triều thông tin cho Công Triều về, sẽ để dành cho một chức quyền trọng yếu; bằng không tri cơ thì chẳng những gia quyến không còn mà chính bản thân cũng không khỏi truy nã làm tội. Vì chỗ Công Triều đang ẩn núp đã lọt vào trong phạm vi thế lực của nghĩa quân, trừ ra Công Triều mọc cánh mới bay đi được. “*Thuận ta thì sống, trái ta thì chết*”, Khôi bắn tin với Công Triều như thế.

Vì thương vợ con, vì tiếc cô ái thiếp trẻ tuổi và nhan sắc như hoa như mộng, vì ham cả mọi công danh phú quý, chức trọng quyền cao, còn hơn ở với triều đình chắc hẳn già đời ở ngôi chánh vệ, Công Triều vội vàng trở về. Trong thâm tâm của đứa tiểu nhân này, trở về lại còn một dụng ý bất cá hai tay: vừa theo giặc để hướng phú quý, dò la hư thực của giặc để làm phản sau này, lấy chỗ gỡ mình chuộc tội đối với triều đình.

Nhưng trong nghĩa quân chẳng phải không có người hiểu rõ tâm thuật Công Triều.

Đặng Vĩnh Ứng đã nói riêng với Khôi:

- Thằng cha ấy trước mặt người ta thì làm bộ cung kính, rụt cổ co vai, nhưng sau lưng thì hay nói thâm liếc trộm, rõ ràng là đưa phản phúc tiểu nhân, việc gì mình phải ân cần với nó lắm thế?

- Một khi mình nắm chặt trong tay, còn sợ gì nó phản! Khôi trả lời vắn tắt.

Kỳ thật, nhân cách Thái Công Triều ra sao, Khôi đã thừa biết; nhưng tiếc là người có tài, và lại có ít nhiều thanh vọng đối với những đội quân triều đôn trú rải rác các tỉnh, Khôi muốn lợi dụng Công Triều cốt vì chỗ ấy.

Buổi chiều 22, Khôi mở cuộc đại hội quan dân tướng sĩ. Nghị sự đường treo đèn kết lá, bài biện long đình hương án, tàn lọng, cờ quạt, rất là nghi vệ; quân lính mặc toàn sắc phục mới, cầm binh khí sáng choang, đứng dàn hầu vòng trong vòng ngoài. Cả chức việc các làng tổng trong hạt đều được lệnh vời đến dự hội; dân cũng được vào xem. Người ta nói từ lúc vua Gia Long dời triều đình ra Phú Xuân, thành Gia Định chưa thấy có lễ nghi nào tôn nghiêm như thế.

Trước hết, Khôi mũ áo chỉnh tề, bước vào chiếu giữa, làm lễ tế cáo trời đất, tự lĩnh chức *Bình Nam đại nguyên soái*, tổng lãnh nhất thiết quân cơ, chính sự. Các quan viên văn võ cùng bài ban hành lễ, một quả ấn vàng có khắc tám chữ "*Bình Nam đại nguyên soái Lê chi ấn*" và một lá cờ "tướng lệnh"; tướng sĩ và các quan văn lấy cử chỉ ấy tỏ lòng mình tôn phù tòng phục.

Đoạn, bước lên thêm cao, đứng ngảnh mặt trở ra, Khôi nói rất hùng dũng:

- "Tam quân tướng sĩ cùng các quan viên chức dịch, hãy lắng lắng nghe ta phân trần..."

Mấy nghìn người đang lao xao, bỗng dưng im bật, hầu như không có một tiếng động dậy, nín cả hơi thở. Giữa khoảng im lặng,

tiếng Khôi vang như gõ chuông, quân dân chen chúc ở ngoài cổng lớn cũng nghe rõ:

- “Ta cùng tướng sĩ phải ra tay trừng trị lũ Bạch Xuân Nguyên, chiếm thành Phiên An, và nay mai tất cả Lục châu, không phải vì hiệu danh vụ lợi gì đâu, chỉ là vì dân vì nước.

Thật thế, vì nước vì dân trừ tàn khử bạo.

Vì nước vì dân mưu cầu một cuộc hạnh phúc yên vui mới.

Cũng không phải ta chống chọi với nhà Nguyễn.

Nhưng nói cho đúng, theo ý muốn âm thầm của nhân dân Lục châu, bất bình và chống chọi triều đình Minh Mạng.

Vì sao?

Lê Thuợng công là người có đại công sáng lập nhà Nguyễn, cho nên được tiên đế tin cậy yêu mến, phú thác cả nhân dân thổ địa miền Nam, mà Thuợng công săn sóc mở mang, trải mười mấy năm, nhân dân đều được yên vui nhờ cậy. Tóm lại, ngài dày công với nước, có ơn với dân, chứ có tội gì? Thế mà Minh Mạng nghe lời tiểu nhân, Thuợng công vừa mới nhắm mắt, liền vô ơn đặt chuyện, định bôi nhọ vong linh ngài và làm tội cho đến thân thuộc, bộ hạ, thật là tàn nhẫn vô đạo.

Ấy là chưa kể đến những mối tệ hại, nào là tham quan ô lại bóc lột lương dân, nào là thuế nặng sưu cao làm nghèo bá tánh, lại còn dân lương dân giáo sinh ra ngờ vực chém giết lẫn nhau, cũng tự Minh Mạng gây nên, khiến dân chẳng được an cư lạc nghiệp. Các người thử nhớ hồi tiên đế còn tại vị, tình cảnh nhân dân đâu có khổ thế.

Ta biết dân tâm bất bình lắm, khốn nhưng họ không biết bày tỏ bằng cách nào!

Ta đây là tiếng kêu của họ, là cánh tay của họ. Hồi chư tướng sĩ quan dân! Các người nên hiểu rõ lòng ta như thế!...”

Khôi nói rần rỏi thống thiết quá, làm cho mấy nghìn người đứng nghe, dù phục hay không phục, cũng phải chạnh lòng và cảm động. Trong ấy không thiếu gì quan lại của triều đình, nhưng chẳng ai dám

ho he một tiếng, cả Thái Công Triều vốn người thắc mắc cũng nín thin thít. Nói ra, nếu phản đối thì chết ngay với giặc, dù có mấy đầu cũng chẳng còn; mà tán thành thì e mai sau đắc tội với triều đình. Duy có bọn tướng sĩ và thứ dân, công nhiên hô lớn:

- Đại nguyên soái cứu thế an dân, chúng tôi thề tán thành tuân lệnh đến cùng, sống chết không quản!

Khôi hát hàm và nói:

- “Rõ ràng nhân tâm ở đâu tức là thiên mạng ở đó. Nhưng ta nói để các người biết rằng công việc sáng khởi nhất sơ, thì ta tạm cầm quyền bính thế thôi; nay mai sẽ có một người mà ta cùng các người đều phải tôn phù, tuân lệnh...”

- A? Người ấy là ai? Mấy trăm tiếng cùng hỏi một cách sững sốt.

- “Ấy là đức hoàng tôn Thái Bình, con trưởng của tiên hoàng thái tử Cảnh, ngày trước Thượng công ta đã xin tiên đế cho đem về Gia Định nuôi và lĩnh trách nhiệm giáo dục. Sau Thượng Công ta phúc thác một người bạn Pháp đưa hoàng tôn sang du học bên tây. Hiện ngài đã trưởng thành và học thông thái lắm; chính ngài là linh hồn việc nghĩa cử này, chỉ trong nay mai ngài trở về làm vua ở Lục châu, chừng ấy địa vị và quyền hành ta tạm lĩnh đây sẽ dâng nộp về tay ngài, tất cả chúng ta phải hết lòng tôn phù... nghe!”

Cả mấy nghìn tiếng đồng thời tung hô:

- Hoàng tôn điện hạ vạn tuế!

Kỳ thật, Khôi phần chí mà khởi loạn, trong thâm tâm vốn mưu toan dựng lên đại nghiệp cho mình, một ngày kia thành sự thì đổi áo vải lấy long côn, hoàng bào, cũng như chúa Trịnh, chúa Nguyễn, hay anh em Tây Sơn về trước, chứ không dành để cho hoàng tử hoàng tôn nào. Vả lại, chính bà nguyên phi của thái tử Cảnh và hai người con trai là Thái Bình, Ứng Hòa, cả ba mẹ con đều chết trong ngục tối, ngay khi vua Minh Mạng mới lên kế vị, mà người ngoài không biết. Nhưng Khôi hiểu rõ nhân tâm Lục châu vẫn thương yêu nhà Nguyễn, nhất là thương yêu hoàng tử Cảnh mất sớm không được hưởng cuộc vinh hoa có ông đóng góp rất nhiều trong khi xây dựng, nên Khôi mượn tiếng hoàng tôn để thu phục nhân tâm, thế thôi.

Thủ đoạn khôn khéo ấy đã có kết quả. Chứng cứ là bao nhiêu người tung hô mong mỗi hoàng tôn: nhân đấy, tán thành việc Khôi đương đầu kháng cự triều đình.

Buổi chiều hôm ấy, mọi người ra về đầy lòng tin cậy ở Khôi và thâm nhận công việc bọn Khôi làm là quang minh chính đại.

Chính phủ cách mạng của Khôi thành lập từ hôm ấy:

Khôi chia bộ binh ra làm 5 quân: *trung, tiền, hậu, tả, hữu*; thêm *tượng quân* và *thủy quân*, tất cả 7 quân. Mỗi quân có một người làm chánh tướng, một người làm phó tướng.

Trung quân: Thái Công Triều và Lê Đắc Lực.

Tiền quân: Nguyễn Văn Đà và Nguyễn Văn Tông.

Tả quân: Dương Văn Nhã và Hoàng Nghĩa Thư.

Hậu quân: Lưu Tín và Nguyễn Văn Bột.

Thủy quân: Mạnh Tấn Giai và Trần Văn Tha.

Tượng quân: Nguyễn Văn Tâm và Nguyễn Văn Trân.

Không kể thủy quân và tượng quân, nói riêng 5 quân bộ chiến gồm hai vạn người; binh lực ấy ở đương thời đã xem là lớn.

Còn việc nội trị. Khôi cũng đặt ra sáu bộ như của triều đình; duy người làm đầu mỗi bộ, không dùng danh hiệu thượng thư mà gọi là *Thái khanh*.

Như Đặng Vĩnh Ứng làm *Lại bộ Thái khanh* tức là Lại bộ thượng thư, trông coi hết thủy quan lại bên văn.

Ông cử võ Tăng Vô Ngại được phong *Quân sư*.

Thầy đội Nguyễn Kiều làm *Gia Định* thành *Hộ thành đề đốc*, kiêm *Binh lương sứ*.

Các quân, các bộ đều ở dưới quyền đại nguyên soái Lê Văn Khôi điều khiển.

VII. MỘT CÂU HÁT ĐƯỢC VUA KHEN THƯỞNG

Đêm mừng một tháng sáu, phiên ông Phan Bá Đạt túc trực trong Nội.

Lệ triều đình, các vị đường quan từ tham tri, thị lang trở xuống, phải luân phiên mỗi đêm một ông đi “trực”, nghĩa là vào chầu chực ở tòa Nội các từ tối đến sáng, để phòng có tin quân quốc trọng sự thì tâu báo, hoặc bất thời Ngai ngự có việc đòi hỏi.

Lúc bình thường vô sự, một ông quan đi “trực” chỉ có nghĩa là tạm biệt bà lớn ở nhà, đi ngủ lang một đêm, mà là ngủ lang trong đền nhà vua, đánh khi một giấc đến sáng thì về.

Nhưng gặp những lúc quốc gia đa sự, và một ông vua chăm chỉ hiếu học như vua Minh Mạng, thì đi “trực” lại là một phận sự gian truân, nguy hiểm, nhiều quan lớn xem như một cơ hội thuận tiện để bộc bạch tài năng, cũng có nhiều ông khác coi như một việc khổ sai, đêm nay vô “trực” sáng mai phải truất lương giáng chức cũng nên. Vì lắm lúc nửa đêm gà gáy, thỉnh linh tiếp được thành chỉ vời đến ngự tọa, han hỏi về chính sự, dân tình; nguy nhất là khi ngài hiếu kỳ hiếu học, vặn hỏi những xuất xứ một câu văn, điển cố một chữ sách, nếu tâu đối không xuôi thì khổ.

Vậy, đêm mừng một tháng sáu, phiên “trực” của ông Phan Bá Đạt, thị lang bộ Hình, một tay đại khoa tài học có tiếng.

Quá nửa đêm, vua Minh Mạng suy nghĩ chuyện gì không biết, nằm trần trọc mãi chẳng ngủ, mặc dầu hai ba nàng cung nữ quạt hầu và đấm bóp. Sự mất ngủ có lẽ tại mùa hè nóng bức, nhưng có lẽ tại nhà vua để trí vào một nghĩa lý sách vở nào đó, vì ngài vốn hiếu học, có thời giờ rảnh việc, thường thích xem sách; có khi gửi mua những bộ sách quý bên Tàu, tốn mấy trăm lạng không tiếc.

Đêm ấy, quả thật nhà vua nằm nghĩ tẩn mẩn về học vấn, trong trí quay cuồng không sao ngủ được. Một chập sau, ngài vùng ngồi dậy, sai cung nữ cầm đèn lồng soi đường, ngự đến tòa Kinh diên, lục hết sách này đến sách kia, có ý tìm tòi nghĩa lý hay điển tích để cõi một điều ngờ vực đang vướng ở trong tâm não.

Nhưng, dễ thường tìm kiếm không ra, hoặc không tự lấy làm

măn ý, cho nên thấy ngài dán con mắt trên quyển sách, miệng thì hỏi tên thái giám khoanh tay đứng hầu sau lưng:

- Trục thần đêm nay là ai?

- Muôn tâu hoàng thượng: trục thần là Hình bộ thị lang Phan Bá Đạt! tên thái giám nhanh nhẹn tâu đôi, vì đã để ý thuộc lòng.

- À... Phan Bá Đạt?... Nếu thế thì hay lắm, mi ra truyền chỉ với trục thần vô châu,ta hỏi.

Tên thái giám vội vàng treo giò lên cổ, chạy ra trục phòng, lay thức ông Phan Bá Đạt đang giữa giấc ngủ ngon lành:

- Có thánh chỉ đòi vô châu lập tức. Ngài đang ngự ở tòa Kinh Diên!

Giá có sét đánh bên tai, ông cũng không kinh khủng cho bằng tiếp được thánh chỉ tuyên triệu giờ này, vì ông mới đổi về bộ ít lâu, tuy có di “trục” năm bảy phiên nhưng năm bảy phiên ấy ông đều được ngủ ngon một giấc đến sáng, đêm nay mới có cái vinh hạnh thánh thượng đòi hỏi, gang tấc thiên nhan là lần thứ nhất. Hơn nữa, sự vinh hạnh ấy khiến ông mừng thật có mừng mà sợ cũng có sợ, vì nhà vua nghiêm khắc, ông đã nghe tiếng.

Ông tỉnh táo ngay, vò lấy chậu thau khăn mặt, gọi là bôi bác, để xóa những dấu vết ngái ngủ biết đâu không còn dính lại ở hai khóm mắt, rồi lật đặt chít khăn, lật đặt khoác áo tấc xanh vào mình, lật đặt theo tên thái giám đến tòa Kinh Diên bệ kiến.

Lúc ông khúm núm bước vào làm lễ khẩn đầu, vua Minh Mạng ngược mắt lên nhìn ông và nói:

- Cho khanh ngồi kia, trẫm muốn hỏi chuyện.

Tội nghiệp ông nghĩ nhà vua ban cho ngồi hầu như thế, là một ân huệ đối với ông có bề quá phận, ông không dám đương, cho nên vừa tâu vừa run:

- Muôn tạ thánh ân, nhưng hạ thần đâu dám khiếm lễ...

Với nét mặt hòa nhã và giọng nói bình dị, nhà vua trở một chiếc ghế đầu trước sập ngự:

- Không! Ta cho phép khanh cứ ngồi thư thái, có chuyện văn nghĩa cần phải bàn lâu.

Nhưng ông khéo nép lại đặt mình trên một chiếc ghế để dựa bên cột đằng xa, ngồi cúi mặt vòng tay, thu hình lại rất nhỏ.

- Khanh có thường đọc kinh sách nhà Phật không? Vua Minh Mạng phán hỏi.

- Tâu bệ hạ, ngu thần vốn con nhà học trò, đời đời chỉ lo học đạo trung hiếu của Khổng Mạnh, không dám để tâm đến đạo lý thanh tịnh yếm thế của nhà Phật. Về sau, đôi khi việc vua việc quan có chút giờ rảnh, tuy cũng có đem sách Phật ra lạo thảo nghiên cứu, chẳng qua chỉ gọi là lĩnh hội qua loa, không dám nói được rằng biết.

Vua gật đầu cười nụ, chắc ngài cũng khen thầm ông Đạt tấu đối một cách khôn khéo, kín đáo.

- Theo như ý khanh, nhà Phật hay nói quả báo là nghĩa thế nào? Và suy ra việc đời có đúng cả không? Nhà vua lại hỏi.

- Muôn tâu bệ hạ, nếu ngu thần không hiểu lắm, thì con người ta ở đời, làm điều thiện thì được thiện báo, làm điều ác tất gặp ác báo. Đạo trời trả vay thưởng phạt, thế mới công bằng.

Ông Đạt tâu chưa hết lời, nhà vua đã hỏi đôn câu khác.

- Khanh nhớ trong kinh truyện đạo Nho ta có câu nào tương đương với ý nghĩa quả báo của nhà Phật chẳng? Từ tối đến giờ trẫm tìm tòi suy nghĩ mãi không được; khanh học rộng nhớ nhiều, thử nghĩ ra xem.

Không ngần ngại gì cả, ông Đạt tâu ngay:

- Bẩm có! Thánh hiền dạy rằng: “Đắc đạo giả đa trợ, thất đạo giả quả trợ” (*Kẻ nào ở phải đạo thì có nhiều người vừa giúp, trái đạo thì ít người vừa giúp*), ngu thần tưởng cũng là một nghĩa quả báo.

Vua gật gù, tỏ ý khen ông Đạt nói phải.

Câu chuyện giữa vua tôi lúc ấy, càng mở ra càng rộng về mặt nghĩa lý, càng thắt lại càng chặt về việc đương thời. Nhưng chính nhà vua mở ra rồi thắt lại trước:

- Có điều ác báo chưa chắc lúc nào cũng đúng, Xem ngay như hai ông vua sáng nghiệp nhà Hán, nhà Đường, thật là đa sát và làm chuyện thất đạo không phải là ít.

- Dạ!

- ... mà nhất sinh hai ông vua ấy vẫn hưởng vinh hoa phú quý được trọn vẹn, cùng cực, và lại hai đời Hán, Đường chẳng lâu dài đầy ư? Nếu có ác báo sao lại được thế?

- Muôn tâu bệ hạ, cái luật quả báo đúng lắm. Phàm một việc ác người ta đã làm, thế nào cũng có tai họa báo lại; có khi báo ngay ở đời mình, có khi báo đến con cháu đời sau không tránh đâu khỏi. Việc thiện cũng vậy. Bởi thế, các bậc hiền nhân quân tử, thánh chúa minh vương, trọn đời chỉ chăm chăm ở lòng nhân, làm điều thiện.

Vua trừng mắt nhìn và hỏi:

- Khanh thử viện dẫn một vài việc trong sử sách để chứng cái thuyết ấy xem nào?

Giờ ông Đạt thản nhiên tán đối, không run sợ quá như trước:

- Thánh thượng đã dạy, ngu thần không dám không càn tỏ tác thành. Vừa rồi, bệ hạ nhắc đến Hán Đường, thần xin nói theo thánh ý. Sự thật rõ ràng biên chép trong lịch sử, hai vị vua sáng nghiệp ấy đa sát và có chỗ thất đạo – theo như bệ hạ đã cao minh phán đoán - đều để lại ác báo cho đời con cháu rất gần. Hán Cao Tổ vội phụ công thần, tìm cách giết hại, qua đời Văn đế phải chịu tai họa của cánh họ Lữ; cũng như Đường Thái Tôn quên tình cốt nhục, đang lòng hạ sát hai anh là Kiến Thành, Nguyên Cát, lại lấy chị dâu, trong khi ấy đã nuôi Võ thị tài nhân trong cung, tức là tự ương lấy mầm ác báo, về sau người đàn bà ấy trở nên Võ hậu, tàn hại con cháu Thái tôn cơ hồ không còn một móng và chiếm đoạt cơ nghiệp nhà Đường hết mấy chục năm. Tâu bệ hạ, đó là đòn cân thiên đạo chí công, chẳng có việc ác nào mà quên được báo đền cân nhắc...

Vua Minh Mạng sầm mặt lại, khoát tay và nói:

- Thôi cho lui!

Ông Đạt khấu đầu ba lần, lom khom giật lùi bước ra, không dám ngược mặt lên, cho nên không nhận thấy nét mặt nhà vua biến sắc, buồn thiu. Ông thực tình dẫn lại điển cố, để chứng thuyết của mình, không ngờ phạm đến thời sự cấm kỵ, chằm trúng vào tâm sự áy náy của nhà vua mà ông không tự biết.

Nhưng độ mười lăm phút sau, ông lại trở vào tòa Kinh Diên với

bước chân hấp tấp, hai tay bung một cái hộp sơn đỏ vẽ rồng; lần này cả ông cũng biến sắc. Nhà vua đang thần thơ nghĩ ngợi, mắt tuy để vào sách nhưng dễ thường chẳng trông thấy chữ nào; bỗng nghe tiếng động, ngài ngẩng mặt lên, lại thấy viên trực thân vừa mới cho lui:

- Ô! Không có chỉ đòi, nhà người trở vô làm gì đó?...

Nhà vua nói có vẻ nặng nề lãnh đạm, vừa toan đuổi ra nữa, nhưng nhác thấy cái hộp sơn trên tay ông Đạt, ngài phải giựt mình, vì giờ này hộp ấy xuất hiện không phải là sự tầm thường.

Ngài hỏi dồn hai ba lượt:

- Việc chi rứa?... Việc chi rứa?...

- Tâu hoàng thượng, có văn thư cáo cấp của biên hầu vừa mới đệ tới nơi!... ông Đạt nói giọng kinh hoàng run rẩy, trong khi tên thái giám tiếp lấy hộp sơn đệ lên ngự án.

- Biên thần ở mô?

- Bẩm, ở Nam Kỳ.

- Chuyện chi?

- Bẩm, thành Phiên An đã thất thủ về tay quân giặc...

- Giặc mô? Xiêm la hay Chân Lạp?

- Dạ không. Giặc là bọn Lê Văn Khôi.

- Lê Văn Khôi?...

- Dạ, Lê Văn Khôi, phó vệ úy ở dinh Tổng trấn Gia Định lúc nọ, tức là bộ hạ Lê Văn Duyệt; nó vì Duyệt báo thù, nổi lên chiếm thành và giết cả tổng đốc Nguyễn Văn Quế, bố chánh Bạch Xuân Nguyên. Giờ khắc này có lẽ Nam Kỳ lục tỉnh đã luân hãm tất cả...

- Trời ơi!... Thế giặc hung dữ hoành hành đến vậy kia à?...

Vua Minh Mạng lại tái mặt, vừa thờ dài vừa mở văn thư cáo cấp ra xem. Xem rồi nổi giận lôi đình, mắng nhiếc tất cả văn quan võ tướng lục châu là phường túi cơm giá áo, vô tài vô dụng, phụ lòng tin cậy ủy thác của triều đình; chỉ có một việc mâm cao cỗ đầy, vinh thân phì gia là giỏi, chứ lúc có giặc giã thì bó gối khoanh tay, chẳng dám hi sinh đối phó... Để cho toàn hạt Nam Kỳ luân hãm về bọn giặc Khôi... Nam Kỳ là đất khai cơ lập nghiệp của Liệt thánh?!...

Giận cá chém thớt, nhà vua rức lác tứ tung, quăng cả sách vở, nghiên mực làm cho ông Đạt với tên thái giám và ba nàng cung nữ, đều sợ tái mét; mỗi người đứng nép một chỗ. Lúc ấy giá có thanh gươm trong tay, đồ khỏi có người chẳng biết cũng mang thương tích suốt đời. Nhà vua có tính lúc hiền cực hiền, nhưng nóng cực nóng, trong cung ngoài triều, ai cũng kinh khủng, cố tránh.

Qua cơn giông bão chốc lát, trời lại quang đăng êm ái ngay. Nhà vua gọi ông Đạt và hỏi:

- Việc loạn này, ý khanh nghĩ thế nào?
- Hạ thần thiết tưởng bọn tên Khôi chỉ là quân ô hợp, làm sao đứng được lâu; triều đình chỉ phát binh đánh dẹp ít ngày là xong.
- Ta cũng nghĩ thế, nhưng bề nào cũng tổn dân tài, hại dân sinh, lòng ta lấy làm ái ngại.

Nhà vua cho ông Đạt lui châu, rồi cứ ngồi ở tòa Kinh Diên, trầm ngâm tư lự đến sáng.

*

Thì ra, trước vì học vấn, sau vì quốc sự, làm bận trí nhà vua thức trắng đêm ấy.

Trời mờ mờ sáng, tại điện Cần Chánh đã thiết đại triều bất thường để bàn tính phương lược khẩn cấp, đối phó với thời cuộc miền Nam.

Cả triều đình cùng có vẻ lo lắng hiện trên gương mặt. Việc Lê Văn Khôi làm loạn, thật là bất ngờ; nhất là bất ngờ Gia Định lục tỉnh thất thủ quá mau và lực lượng quân giặc to lớn đến thế?

Tiếng gọi là đình nghị, nhưng thật vua Minh Mạng quyết định một mình, sau khi hỏi ý triều thần lấy lệ.

Một mặt, phong Bình Định tổng đốc Lê Phước Bảo làm Tổng thống Quân vụ, cho phép tiện nghi hành sự, đem quân bốn tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, tức tốc khởi binh, kỳ cho thu phục được thành Phiên An, dù phải đánh đổi với giá nào cũng được.

Nhân dịp, chánh vệ thủy sư Lê Văn Bồn ra tới kinh đô, tâu rõ tình hình quân giặc và kết quả hai trận thủy chiến bất lợi, nhà vua liền sai đới tội lập công, dẫn ba đội chiến thuyền ở Đà Nẵng tiến vào

cửa Cần Giờ, để làm thanh viện cho các đạo binh Lê Phước Bảo.

Một mặt truyền chỉ ra Bắc Hà, dạy các tỉnh thần Cao Bằng, lập tức bắt giam thân thuộc nội ngoại của Lê Văn Khôi để trị tội. Nhà vua quyết đánh kẻ cừu địch cả về tinh thần lẫn võ lực.

Sau phiên triều ra, nhiều bạn đồng liêu đi theo ông Phan Bá Đạt, dò hỏi tin tức Gia Định, bởi văn thư cáo cấp đến nơi giữa đêm, nhằm phiên ông túc trực, tất được xem rõ đầu đuôi.

Vui chuyện, ông kể luôn cả việc tấu đối lúc đêm, tự hào rằng mình đã gặp dịp may hiếm có.

Mấy ông bạn đồng liêu cùng trợn mắt le lưỡi:

- Chuyện bác nói đó thật hay bõn?

- Thật chứ! Ông Đạt trả lời, nhưng không hiểu tại sao mấy ông bạn lại le lưỡi thật dài, như muốn làm con ma để nhát mình.

- Thật bác đã đem chuyện Hán Cao tổ bạc đãi công thần và Đường Thái tôn xử với Kiến Thành Nguyên Cát, tâu với Ngai ngự?

- Phải, tôi dẫn chứng sử sách chứ có bịa đặt ra đâu!

Một ông thờ dài:

- Chết nổi! Có khi đến chuyện sử sách cũng không nên nhắc lại.

Ông khác đưa tay lên sờ cổ ông Đạt và nói:

- Quả thế thì chúng tôi khuyên bác nên liệu thu xếp cho vợ con về Hà Tĩnh đi thôi, còn bác thì chúng tôi xin nghĩ một câu đối phúng bác trước.

- Có nợ mụ Trê tiền đồ tiền ca đêm nào không, phải lo trang trải đi, chớ để nợ lại kiếp sau nhé! Một ông nữa nói mà không cười.

Mỗi người nói một câu, nửa bõn nửa thật, khiến ông Đạt sừng sốt, ngẩn ngơ, gằn muốn phát cáu:

- Quân tử lấy điều trực mà quy gián nhau; tôi có thất thổ sự gì, các bác nói ngay vào mặt, chứ làm cái lối bõn cợt bóng bẩy, khó chịu quá!

Mấy ông bạn nhìn sau ngó trước, rồi ghé tận bên tai ông Đạt, tiểu chú ít câu, ban đầu còn thì thầm, chót hết nói lớn:

- Vì thế mà đem việc Hán Cao tổ, Đường Thái tôn ra nói, hình

như mình cố ý xâm xoi thời sự, có ai tin mình là vô tình, trực ngôn? Chúng tôi lo sợ cho thân danh báo thật đấy.

Ông Đạt thấy lạnh cả xương sống, bây giờ mới hiểu mình đã thất ngôn, chỉ vì không biết đâu việc kín ở đời mà kiêng tránh.

Quả nhiên hôm sau ông lẳng lẳng thu xếp cho gia quyến lên đường ra Bắc, một mình ở lại trong bộ, sớm tối đợi chỉ: không lẳng trì, trăm quyết, thì cũng cách tuột khoa danh, đầy đi ba nghìn dặm là ít.

Cách sau hai hôm có thánh chỉ thật; nhưng trái hẳn với điều ông lo sợ, tưởng tượng, nhà vua phong ông làm chức tham quân, đi theo đạo binh Lê Phước Bảo, lại phú thác điều tra nguyên do việc loạn ở Gia Định. Nghĩa là ông không bị truất tị nào; hơn nữa, thăng quan tiến chức và được nhà vua tin dùng, giao cho một trọng nhiệm.

Mấy bạn đồng liêu hôm nọ lo ngại giùm, ông giờ phải lấy làm lạ.

Họ không hiểu rằng thời cuộc Gia Định chiếm hết tâm trí nhà vua, không còn nghĩ đến cái hiềm ông Đạt, vô tình hay hữu ý, đã lỡ lời xoi mói việc riêng đêm nọ; chỉ biết việc nước cần dùng hiền tài, mà ông là người thanh liêm trung trực có tiếng, thì ngài cất nhắc tin dùng.

Tuy loạn ở cách xa nghìn dặm, nhưng cả kinh thành Huế và các tỉnh ngoài cũng phải chấn động.

*

Quân lính trong nước đã được thái bình an lạc ba mươi năm nay, giờ lại có giặc giã khiến họ sắp phải bạt thiệp nghìn trùng sông núi, vào mãi Đồng Nai đánh dẹp thì lấy làm ngại. Mà giặc giã này lại là quân kinh địch lợi hại, nào phải tầm thường. Bình nhật đã nghe tiếng Khôi võ nghệ cao cường, ra trận hung dữ như cọp, nay thấy quân giặc có thanh thế lớn, trong mười mấy ngày chiếm cứ gần hết Gia Định lục tỉnh; thứ giặc không vừa ấy mà người ta sắp đưa họ vào đánh, thật không ai thấy hăng hái vui vẻ tí nào.

Còn nhân dân cũng bàn tán, lo ngại. Nhất là những nhà có con em, cha chú, vào làm việc hay đi lính ở Đồng Nai bấy lâu, chả biết mất còn sống chết. Họ thăm oán triều đình khắc bạc đa đoan, gây ra loạn lạc. Thân thuộc họ lại sắp phải chia lìa để dẫn mình vào vòng binh lửa thập tử nhất sinh một cấp nữa.

Thời cuộc và nhân tâm như thế, không trách vua Minh Mạng phải lo ngay ngáy.

Đối với Triều đình, Gia Định lục tỉnh là vựa lúa, là đất khai cơ, sự còn mất có ý nghĩa cực kỳ quan hệ. Khôi lại khéo lợi dụng danh nghĩa hoàng tử Cảnh là người rất được cảm tình dân chúng Nam Kỳ, ấy là chỗ nhà vua không yên tâm hơn cả.

Bởi vậy, luôn mấy hôm sau, nhà vua mất ăn mất ngủ.

Nhưng ngài không chịu để trôi chảy những ngày giờ ấy mà không làm việc. Vì bản tính ngài rất cần mẫn, chúng ta đã biết. Có lẽ chính những đêm mất ngủ, ngài làm việc nhiều nhất; làm việc một cách chịu khó và mới lạ, chưa từng thấy có ở trong lịch sử quân chủ nước ta.

Đêm lại, nhà vua cải trang một người thường dân lam lũ, đánh bộ quần áo cộc rách, đội chiếc nón lá đã toì bướm bướm, lén ra ngoài thành nội, một mình đi thơ thẩn hết phường này đến xóm kia; có khi nửa đêm hay gà gáy mới về.

Nhưng mà nơi nhà vua để ý hơn hết, là nha môn, bộ viện, cùng biệt thự của các quan triều thần. Ngài lóng tai ghé mắt, xem có dính nào đêm khuya tụ họp cờ bạc hay bàn soạn gì chẳng? Có ông quan nào lén lút cho dân sự đêm hôm ra vào hồi lộ chẳng? Bình nhật ngài năng khuyên nhủ quan lại lấy đức thanh liêm, và thường sai quan khâm mạng đi bí mật thanh tra khắp các tỉnh trấn phủ huyện; một vị “dân chi phụ mẫu” tham tàn hồi lộ, tất bị trừng trị nặng nề. Ngài lấy làm ân hận, nếu như biết sớm mà triệt bọn tổng đốc Nguyễn Văn Quế, bố chánh Bạch Xuân Nguyên, dễ thường tắt được ngôi loạn ở Gia Định không phát.

Một đêm, vua cũng nón mê áo rách, từ trong cấm thành ra cửa Hậu bổ, vòng lên đến sau dinh Lại bộ, thì gặp trời mưa to, phải đứng ẩn núp dưới một cây cổ thụ. Lúc ấy đường sá vắng tanh, không có bóng người nào qua lại.

Ngài nản chí, tính đợi ngớt mưa thì trở về cung. Nhưng ngớt giờ đồng hồ, trời vẫn chưa gió sấm chớp từng bùng. Đứng lâu mỏi căng ngài đánh ngời bật xuống gốc cây, áo quần lấm ướt thảm hại.

Sau một chập, một bóng người lù lù, từ phía sau vườn Hậu bổ đi lại, đến cổ thụ cũng ghé vào ẩn mưa, cách chỗ vua ngồi vài bước.

Dưới làn chớp nhoáng, ngài nhận thấy người ngồi gần mình, hình như đã có tuổi, đầu cạo trọc lóc, mặc áo đen rách tã, dưới đóng khố, tay cầm một đoạn dây thừng và một vật gì dài và sáng, trông như thanh sắt. Cùng trong giây phút nhờ có ánh sáng nhấp nháy ấy, hắn ta đưa mắt nhìn ngài rồi thở dài; ý chừng thương hại cùng phường rách rưới nghèo khổ gặp nhau.

Hắn gọi chuyện trước:

- Khổ quá! Từ tối đến giờ, chưa làm ăn gì được lại gặp mưa tầm tã!... Còn... đảng ấy cũng chưa vớ được món nào hay sao mà ngồi chết rằm ở đây thế hử?

Hắn nói khe khẽ, làm như sợ có người thứ ba nào nghe, mặc dầu trời tối đêm khuya, tứ phía vắng ngắt.

Vua nghe hỏi, sững sốt:

- Anh này nói chuyện bá láp gì, tôi nghe không hiểu...

- Hừ! rõ khéo vờ vịt... Cùng làm cái nghề “lương thượng quân tử” với nhau, đêm hôm gặp gỡ thì ta nói chuyện làm ăn may rủi mà nghe, việc cóc gì phải giấu giếm chứ... Đảng ấy trông bộ dạng tở có phải là bộ hạ của quan đề đốc Hộ thành đâu mà còn giả vờ giữ kẽ cho mất công.

- Ô, thế ra anh làm nghề ăn trộm à?

- Tở thì tở can đảm trả lời đảng ấy rằng: chính thế! Thừng đây!... Thuổng đây!... Thừng để làm thang mà leo. Thuổng để đào tường khoét vách. Những đồ nghề này, đảng ấy còn lạ quái gì!... À, nhưng đảng ấy đi làm ăn với hai tay không, thế thì vào bọc đại bộm đấy.

Vua nín lặng không nói gì. Chớp nhoáng, ngài thấy hắn ta nhe hàm răng vỡ, vười và hỏi lại:

- Còn anh?... Thật anh không phải là Đạo chích?

- Không! Không! Nhà vua đáp. Tôi cũng là con nhà nghèo thì có, nhưng không phải là ăn trộm.

- Thế anh làm nghề nghiệp gì? Đi đâu đêm hôm mưa gió mà ngồi vò vò thế này?

- Tôi ở thôn quê ngoài Quảng Trị kia, cày thuê cuốc mướn, làm ăn lương thiện, chứ trộm đạo mà sống, không khi nào tôi chịu làm, anh ạ! Thà cam chết đói.

- Giỏi! Ban nầy tôi trông mặt bắt hình dung, cũng tưởng anh là “lương thượng quân tử”; giờ xin cắt bỏ hai chữ trên, để lại hai chữ quân tử cho anh. Nhưng tôi xin hỏi ông quân tử lần mò đến kinh thành làm chi, mà trông bộ tịch bơ vơ khổ nạn như thế?... À, tôi ngu thật, nghe tiếng anh nói vang động như chuông, không luân lạc đến nghề trộm đạo cũng phải.

- Tôi cốt vô kinh tìm người thân thuộc làm việc trong bộ, không ngờ họ đổi đi xa mất rồi. Tôi lang thang mãi trong thành, một đồng một trụ chẳng có, mà cửa thành đóng cả, đành ngồi đấy chờ sáng ra về... Té ra anh lại biết xem tướng nữa sao?

- Không, tôi có xem tướng xem số gì được đâu. Có điều trời phú cho cái khiếu riêng là nghe tiếng nói có thể nhớ người; một khi nghe tiếng ai nói, chẳng bao giờ tôi quên.

- Anh ạ! Tôi cũng thế, chẳng biết tướng số gì, nhưng tôi xem anh vạm vỡ, khỏe mạnh, lại như có đôi chút chữ nghĩa, sao không tìm nghề lương thiện mà sinh nhai? Làm chi cái nghề Đạo chích, đêm hôm lặn lội nguy hiểm; còn lo bị bắt thì tù tội khổ thân.

Tên trộm có ý cảm động, chắt lưỡi và nói:

- Thú thật với anh, tôi nguyên là chân học trò nông cuồng tự phụ; hồi đời tiên đế tại vị, cha con ông tiền quân Thành bị tội chết oan, tôi có làm mấy bài thơ cảm khái thời thế. Người chung quanh đua nhau truyền tụng. Bọn quan lại tham nhũng ở tỉnh tôi, đòi tôi phải lễ một trăm nén bạc, không thì họ buộc vào khoản “yêu thư, yêu ngôn”, tôi bay lên trời cũng chẳng khỏi lẳng trì trăm quyết. Cơ khổ, bán cả gia viên, điền sản nhà tôi lấy mười nén cũng không đắt. Tôi phải lén bỏ quê hương, hiến danh ẩn tính đem mẹ già cùng vợ con thơ đại vào nương nấu ở đây... Anh nghĩ xem một thằng sợ tội, có bao giờ dám chường mặt tìm công việc tử tế làm ăn?... Vì phải nuôi lão mẫu thê nhi, lâu dần côi trụy lạc đến nghề ăn trộm... Nhưng ăn trộm mặc lòng, tôi cũng làm một cách lương thiện đáo để anh ạ!

Nhà vua hắt hàm về phía tên trộm, và trợn trừng hai mắt, như người được thấy xuất hiện trước mắt mình một bức dị nhân hay một con quái vật:

- Anh nói chớ quá!... Ăn trộm mà còn có thứ ăn trộm lương thiện?

- Tôi đoán ngay anh không tin!... tên trộm thân nhiên đối đáp. Nhưng thật quả trộm đạo cũng có cách làm được lương thiện, hữu ích... Là vì...

- Là vì...? Vua hỏi sẵn đón nóng biết.

- Là vì tôi chỉ lấy của bọn làm quan...

- Bọn ấy mất của cái, vật dụng về tay anh, dễ thường như thế không phải thiệt thòi đau đớn cho họ, cũng như kẻ khác à?

- Khoan, tôi chưa biết, thì anh đã vội ngắt lời bịt họng tôi lại... Chả trách thân ở nhà quê mới đến bờ ngõ, chưa nghe khét tiếng kinh thành lão Vích, một tên đục khoét hơn mười năm nay chuyên tay ăn trộm của tụi làm quan hối lộ tham tàn và tụi nhà gian cho vay cắt cổ. Ngoài ra hai hạng khả ố đó, người khác dù để vàng bạc ngoài ngõ, hay đặt tận tay nó, nó cũng bắt phạm tơ hào.

- Thế anh tức là lão Vích ấy?

- Chính là tôi.

- Nhưng anh làm sao phân biệt ông quan nào thanh liêm hay tham nhũng?

- Khó gì? Con mắt chúng tôi. Trời sinh ra để mà dòm thấy trong đêm tối, anh ạ... Nghề mình làm ăn, bắt buộc phải dò la những cử động ám muội của họ, không thể nào sai... Quyền sở quan lại ở nội kinh thành, cho tới đường lối, tôi tớ, tục quen mỗi nhà, đều ghi chép rành mạch ở trong đầu óc tôi đây này... Hễ tôi chớm món nào là đúng món ấy. Ban ngày họ bóc lột dân, đêm tối mình bóc lột họ, thiên đạo tuần hoàn là nghĩa như thế...

Nhà vua lắng lắng, nghĩ thầm trong trí: mình đây thống ngự bách quan, mà kẻ nào thanh liêm, kẻ nào tham nhũng, dễ thường không biết rõ bằng lão Vích. Nhưng muốn thử tới cùng cho biết, ngài nói khích:

- Anh khéo nói bẻm, bộ anh mà biết hết được nhà các quan, và lại...

Không đợi ngài nó dứt câu, lão Vích chặn ngang, có ý hờn mát:

- Hừ! Có khó khiến gì? Muốn rõ hư thực, lát nữa ngót mưa anh đi theo tôi.

- Theo anh đi ăn trộm?

- Ủ! Theo tôi mà xem... Cho anh đứng ngoài coi chừng, tôi vào trong làm gì mặc tôi, khi tôi chuyển đồ qua tường, thì anh đỡ lấy, rồi chúng ta chia đôi với nhau... Tài thượng phân minh thị trượng phu, biết chưa?... Thôi, trời đã ngớt mưa, chúng ta nhờ rề lên được rồi, chứ ngồi mãi thì sáng mất.

- Ủ, đi thì đi...

Nhà vua nói và đứng phất dậy.

Hai người men theo chân tường bóng cây, định qua trước Lục bộ, vào xem Giác hoàng rồi xuống Đông Ba, nơi có nhà binh các quan ở nhiều.

Lúc đi ngang qua mấy khóm nhà lá ở trước cửa Hộ bộ, nhà vua nghe trong một nhà có tiếng đưa võng kéo kẹt, hòa với giọng người thiếu phụ hát ru con:

*Bao giờ đánh được thằng Khôi,
Lấy thành Gia Định chồng tôi mới về.*

Ngài đứng sững lại nghe lấy làm thích, có lẽ cảm về câu hát tình tứ trung hậu hơn là cái giọng trong trẻo du dương của người hát, Nhất là câu hát chỉ tỏ ra dân tâm rất trung thành với hoàng triều, sốt sắng với vương sự. Thành ra ngài muốn đứng nghe mãi, không chán. Lão Vích sẽ thích cánh và cầu nhàu nói khẽ bên tai:

- Đi chứ! Bỏ mê ca hát hết ngày giờ. Cố làm một mẻ đêm nay cho khá, ngày mai thuê hẳn một chiếc đò trên sông Hương, gọi mấy con thanh sắc nó ca *nam bằng nam ai* cho mà nghe, tha hồ.

Bấy giờ nhà vua mới chịu đi.

Từ đây qua Giác Hoàng, Đông Ba, lão Vích trở mỗi nhà quan, nói chủ nhân đỗ khoa nào, làm chức gì, trong nhà có mấy người, nhân phẩm tính hạnh hình thể náo, nhất nhất kê khai lý lịch rõ ràng, dường như lão là con ma xó vạy.

Ngài chỉ một nhà cạnh đây:

- Ta vào quách nhà này, trông dáng chừng chắc, hẳn có tích súc.

- Ấy chết, không nên! Lão Vích nói. Đây là nhà con quan tham tri bộ Binh, trông thế nhưng mà thanh bạch, chả có gì đâu. Vì ông ta

thanh liêm có tiếng, chả ăn lễ của ai bao giờ. Đến nỗi con gà thúng gạo cũng từ chối, nói rằng bổng lộc vua ban cho, thừa sự ăn mặc. Ta chó nên lấy của nhà ấy, tội nghiệp.

- Còn ngôi nhà đối diện thì sao?

- Ô chà! Cái nhà này giá chằm cho nó một mối lửa cũng đáng... Thằng cha này trước đã nghiêm nhiên tuần phủ một tỉnh ngoài, bóc lột dân có tiếng, bị án tham tang, giáng tam cấp, khéo lo chạy được về kinh làm hữu thị lang bộ Hình, nhưng vẫn chứng nào tật ấy, ăn của đút ra phá. Có điều của chìm của nổi, nó chuyển cả về một biệt thự ở bên An Cựu, chứ không đề đây. Tôi đã dò la kỹ rồi, để hôm nào sang tận An Cựu sửa cho nó một mẻ, báo thù hộ dân.

Đi quanh co mãi, sau cùng đến một cổng dinh, lão Vích buông tay nhà vua và nói:

- Đây chính một thằng đại một dân, thậm chí người ta xin bỏ một chân thơ lại, thông lại, còn có nước non gì, nó cũng bóp nặn ra tiền mới bỏ... Đêm nay ta hãy sửa nhà này... Anh đứng núp sau tường coi chừng đợi tôi nhé...

Miệng nói chân bước, chớp mắt lão Vích nhảy phóc qua tường, lúi vào bóng tối.

Nhà vua đứng đợi bên ngoài.

Cách hơn nửa giờ, một bọc to tướng chuyền qua mặt tường ra trước, tiếp đến lão Vích ra sau.

Trong bọc có xanh nôi, quần áo, vòng vàng khuyên bạc, một bộ áo chầu và một ống đựng sắc. Đúng lời ước hẹn, lão Vích chia phần:

- Quân tử nói sao làm thế, lấy tín làm đầu... Chỗ này chia hai, mỗi thằng một nửa. Còn áo chầu và ống sắc, để tôi ném qua tường, trả lại nhà nó, chứ vật này chúng ta lấy làm quái gì, có bán chác sao được!

- Thế thì để hai món ấy cho tôi! Nhà vua nói. Tôi chỉ lấy phần bấy nhiêu là đủ, còn các đồ vật kia, công phu anh lấy, về phần anh tất.

- Đã hứa chia đôi là chia đôi, tôi không thể sai lời... Áo chầu, ống sắc, anh muốn lấy ..., tôi khỏi mất công vớt trả nhà nó.

- Không! Tôi thích lấy hai món này thôi.

Nhà vua nói và cuộn áo châu ông sắc ôm vào nách; lão Vích thì vác cái bọc trên vai. Hai người đi tới bên vườn Hậu bổ thì từ giã nhau: nhà vua trở về cung, lão Vích lên ngả Trường Thi.

Vô phúc cho lão, chỉ còn độ dăm chục thước thì về đến nhà, bị lính tuần bắt được, đưa cả người lẫn tang vật về nha Hộ thành.

Ngày hôm sau, quan Tham tán đến dinh Hộ thành trình báo về việc nhà mình mất trộm đêm qua; may sao vừa gặp kẻ trộm đã bị bắt và đồ vật không mất.

Nhưng kiểm điểm lại thấy hai vật mà quan lớn cho là quan hệ nhất: ông sắc và áo châu. Vì phận sự trị an trong thành mà cũng vì tình đồng liêu, quan đề đốc Hộ thành tận lực tra xét vụ trộm này, phải dùng tới căng nọc lão Vích:

- Mi lấy trộm của nhà quan Tham tán. Còn áo châu và ông sắc mi cầm bán cho ai rồi, phải khai thiệt ra mau. Không thì chết đòn!

- Bẩm quan lớn, con vừa lấy xong được một lúc thì bị lính bắt liền, nào kịp cầm bán cho ai? Lão Vích bình tĩnh trả lời ở trước roi vọt.

- Mi không cầm bán thì hai vật ấy đâu? Dễ thường tự nhiên nó biến mất đi được à?... Lính! Đập cho nó hai chục hèo... Nó không chịu khai thì đem lò than kèm sắt ra đây.

Lão Vích cắn răng chịu đòn, không hề kêu khóc. Xong hiệp roi ấy, quan đề đốc gạn hỏi:

- Bây giờ mi chịu nói thiệt chưa nào?

- Thà con chịu tội; dù có nói thiệt, chắc quan lớn cũng không tin! Lão Vích thưa.

- Cứ nói!

- Bẩm, con chia phần cho người ta.

- Nó ở đâu, tên là gì, để tao sai lính đi tróc nã lập tức, lấy đồ trả lại sự chủ. Mi phải biết hai món ấy quan hệ đến thế nào?

- Bẩm, người ta tên gì, ở đâu, quả con không biết.

- Thằng này nói láo! Bọn cùng nghề ăn sương với mi, há lẽ mi không biết à?

- Bẩm quan lớn, con không dám man khai tí nào. Vì đêm khuya

mưa gió, con gặp hấn ta giữa đường, thì rủ đi làm ăn và chia phần, thật quả không từng quen nhau, và trời tối như mực, cũng chẳng nhìn rõ mặt được nữa.

Đoạn, lão Vích đem chuyện gặp gỡ ban đêm kể rõ đầu cuối, rồi kết thúc:

- Có điều, còn tài nhớ tiếng nói; nhất là tiếng người ấy nói kêu như chuông, giá lại được nghe tiếng nói thì con nhận ra ngay.

Vụ trộm lạ lòng này tra xét dở dang tới đó; lão Vích vẫn bị giam cùng trong ngục, trong khi lính Hộ thành đi dò la tung tích áo châu ống sắc của quan Tham tán.

Cổ nhiên, chuyện lạ đưa tới thâm cung, do đám cung nhân thị vệ làm tai mắt, nhà vua cười thầm và rất chú ý.

Mấy hôm sau, một con voi chiến của vua nuôi ở Hậu bộ, đau bụng hay làm sao không biết, tự dưng lồng lên phá chuồng và đập tung cửa nhà cây cối chung quanh, nhiều quân tượng kèm giữ toát mồ hôi và suýt chết mới yên. Nha môn Hộ thành đem mấy chục tù phạm đến giúp sức binh lính, dọn dẹp sửa sang những chỗ hư hại. Trong số công sai ấy có cả lão Vích.

Nhà vua vi hành ra xem, có quan đề đốc Hộ thành theo hầu; nhưng ngài đứng cách xa chỗ mọi người hì hục làm việc, và lại có hàng phen liếp ngăn, họ không thể trông thấy.

Ngài hỏi quan đề đốc:

- Đã tìm ra người đàn bà ở xóm trước Hộ bộ hát ru con đêm ấy là ai chưa?

Nửa câu sau, ngài dụng ý nói tiếng thật to, coi như quan đề đốc Hộ thành có bệnh điếc tổng vậy.

Lão Vích đang khom mình cuốc đất ở phía sau hàng rào, bỗng đứng buông tay, hót hơ hót hải chạy đến bên thầy đội và nói ra vẻ vui mừng khôn tả:

- Thầy làm ơn bắt hộ... Tôi nhớ tiếng nói rõ ràng... Đích thị hấn ta đấy...

- Hấn ta nào? Thầy đội hỏi gắt.

- Thì cái người lấy phần áo châu ống sắc đêm nọ ấy mà!... Thầy bắt ngay không hấn trốn mất, hấn vừa nói tiếng bô bô đó...

Sợ hãi xanh mặt, thầy đội vội vàng đưa tay bung miệng lão Vích, một tay thì cầm roi vụt trên mình lão túi bụi:

- Thằng này phạm thượng... chết chém bay đầu đi bây giờ... Người vừa nói to tiếng, là Ngài ngự đây, biết chưa!

Đồng thời, quan đề đốc Hộ thành ở bên kia hàng rào, gọi thầy đội và bảo:

- Ngài ngự truyền không được đánh đập tù phạm, nghe không!

Một lát, nhà vua bảo quan đề đốc theo về trong nội. Trên long án thấy để sẵn 50 quan tiền và một gói gì cột giấy bọc kín. Quan đề đốc khắp khởi mừng thầm, định chắc trong trí là vua ban thưởng cho mình số tiền ấy và một gói vải lụa.

Ngài trở vào cái gói trước:

- Nhà người đem áo châu và ống sắc trả cho thầy Tham tán... Người đi với lão Vích đêm ấy chính là ta... Nó nghe tiếng nói nhớ người thật đúng. Ngày mai nhà người bỏ nó làm một chân cai hay đội ở Hộ thành... Còn 50 quan tiền này thì đem thưởng cho người đàn bà ở xóm nhà lá trước dinh Hộ bộ...

Quan đề đốc lui ra, kinh dị thất sắc.

Bây giờ cả triều đình mới vỡ chuyện; ai bấy lo giữ chức phận trung thành, sợ nhà vua bất thần đêm hôm dò xét. Nhân dân cũng cảm mến nhà vua để lòng đoái thương mình một cách đặc biệt.

Tình hình ở kinh thành như thế thì không có gì lo ngại; nhưng mà luôn mấy ngày sau, có tin bại trận ở Gia Định đưa về liền liền.

VIII. HUYẾT CHIẾN TRƯỚC THÀNH BIÊN HÒA

Những hôm ở kinh sư có chuyện ly kỳ chúng ta đã biết, trong Gia Định, Lê Văn Khôi và Thái Công Triều chia tay nhau mở mang thế lực khắp đất Nam Kỳ.

Khôi tự lĩnh phần việc chống cự binh triều ở mặt ngoài.

Thái Công Triều đem tác lữ đi du thuyết các tỉnh Lục châu,

chiêu dụ quan dân quy thuận.

Anh chàng này được Khôi chiêu hàng và trọng dụng, trong hàng chư tướng có nhiều người âm thầm bất mãn. Nhất là bọn lão thành cẩn thận như Tăng Vô Ngại, Đặng Vĩnh Ứng, và những người thiếu tráng có kiến thức, có tâm huyết. Không phải họ có ý ganh ghét Công Triều về chỗ quyền to chức lớn, chỉ khinh bỉ hấn sinh bình có tính siểm nịnh, phản phúc; họ nghe tiếng hấn khi trước còn ở kinh đô, nhờ khéo nịnh hót mà được thăng quan tiến chức mau, đến nỗi không từ những thủ đoạn hèn mạt, như kẻ vạch cái bẫy anh em đồng liêu chẳng hạn. Con người như thế là bất chính.

Sau hôm thành lập Quân chính phủ, các quan văn võ nhậm chức, tại phủ Nguyên soái mở tiệc khánh hội; văn quan bận áo chèn màu lam, tướng võ mặc nhung phục và được đeo kiếm đến dự. Bữa tiệc hội họp cả thân hào hàng tỉnh, mấy nhà đại thương khách trú trong Chợ Lớn; thêm bốn năm vị giáo sĩ tây nam mà Khôi ân cần mời đến, muốn chỉ tỏ cho dân đạo biết chính sách mới của mình là tín ngưỡng tự do, lương giáo thân thiện, khác hẳn chính sách cấm đạo nghiêm khắc.

Hoàng Nghĩa Thu đeo kiếm tất tả đi vào, vỏ kiếm va phải cột, có tiếng kêu loảng xoảng. Thái Công Triều ngồi gần đấy, day lại cười và nói:

- Chà! Tiếng sắt reo lên, nghe lạnh cả mình! Hoàng tướng quân bây giờ đường đường một bậc tả quân đô thống, còn hà tiện gì không sắm một thanh kiếm mới, vẫn chịu khó đeo thanh kiếm cổ lỗ như thế?

Chả biết có phải Công Triều dụng tình nói kháy hay không, Nghĩa Thu muốn thừa dịp tỏ lòng phản kích của phần đông anh em một cách bóng bẩy:

- Kính chào quan Trung quân!... Ngài dạy phải lắm, nhưng tôi chỉ tiếc thanh kiếm này đã ở với mình lâu năm, lại có một đặc tính rất hay, khiến người biết đạo ăn ở thủy chung không đành bỏ nó...

- Đặc tính thế nào mà tướng quân quý nó giữ nó, đến nỗi cái vỏ đã rỉ tứ tung và thùng cả ra thế kia? Công Triều hỏi lại.

- Bẩm, tôi theo thầy học kiếm từ năm 17 tuổi, giờ đã ngoài ba chục tuổi đầu, chỉ có một mình nó đây thôi, không hề thay đổi... Nó

có cái đặc tính lạ, hình như có thần, là mỗi khi gặp kẻ cừu địch và những quân nào lòng dạ phản phúc, bất chính, thì tự nhiên nó khiến phải động chạm cho có tiếng kêu loảng xoảng, làm như báo hiệu cho mình biết và muốn tuốt ra khỏi vỏ để lấy đầu thẳng gian vậy.

Mấy người bạn đồng chí lại được dịp phụ họa thêm:

- Thanh kiếm của Hoàng quân thế là thành thần rồi còn gì! Những bao kiếm ngày xưa như Can Tương, Mạc Da, bất quá cũng rứa. Té ra có khi đối diện với kẻ gian tà phản phúc, chính mình không biết, nhưng có thanh kiếm mách bảo hộ mình à?

- Chính vì thế mà nó cũ kỹ tối tàn, tôi vẫn quý hóa đấy, các bác ạ! Nghĩa Thù nói và ý nhìn vào mặt Công Triều.

Công Triều tái mặt, lảng qua chuyện khác.

Hắn biết chư tướng hiểu rõ tâm địa hắn và để ý rình xét, trong trí lấy làm nhột nhột khó chịu. Khi về nhà lại bị người ái thiếp can ngăn day night, làm cho Công Triều tuy được vênh vang về danh vọng, xác thịt nhưng thật bứt rứt về tinh thần.

Nàng họ Lý, tên là Cẩm Huê, tổ tích vốn là người Tàu biến hóa ra người Việt Nam độ vài ba đời nay. Xuân xanh ngót ba chục tuổi và trải qua sinh nở hai lần, nàng khéo gìn giữ sắc đẹp, trông còn mơn mớn như gái tơ mười tám đôi mươi. Nguyên là một đào hát bội ở Bình Định, nhưng thuở nhỏ nàng có được học, cho nên biết chữ ít nhiều; lúc Công Triều cung chức ở đây, mê vì sắc, trọng vì tài, không ngần ngại bỏ ra 300 quan tiền, cưới làm tiểu thiếp. Từ đó, Công Triều đi làm việc quan ở tỉnh nào cũng đem Cẩm Huê đi theo. Nàng thông minh, lanh lợi, thường giúp đỡ chồng về mưu chước vì giấy tờ việc quan thành ra Công Triều phải vị nể.

Mấy hôm nay còn lẩn lút ở vùng Hóc Môn, Khôi sai người dụ dỗ Công Triều về hàng sẽ được trọng dụng; Cẩm Huê khuyên Công Triều cố từ, nhưng Công Triều tham công danh phú quý, vả lại có cái lập tâm lựa gió xoay buồm ở trong đầu óc, không chịu nghe lời nàng khuyên nhủ lợi hại.

Lĩnh chức Trung quân của Khôi phong cho, Công Triều dương dương tự đắc, lập dinh thự ở nha môn bố chánh lúc trước và gọi ngay

thợ nề sửa lại cổng cái, trên đắp năm chữ “*Trung quân Đô thống phủ*” thật to, lấy một đội lính canh gác với gương trần hèo bạc, trông rất oai nghiêm. Một tên gia bộc quen miệng “bẩm ông, bẩm cô” như mọi khi, hôm nay bị rức mắng tàn nhẫn:

- Đồ ngu như con heo! Từ nay thưa gọi phải vòng tay cúi đầu, bẩm cụ lớn và bẩm cô lớn, biết không? Hễ sai thì tao lấy đầu đi!

Cầm Huê vẫn tự nhiên như thường, không thay đổi cử chỉ, cũng không động thanh sắc chút nào. Nhân lúc vắng người, nàng căn nhắc Công Triều về sự thụ lĩnh quan chức của đảng nghịch:

- Mình chẳng nghe tôi, đi lĩnh quan chức của bọn phản loạn làm gì chứ? Tôi nghĩ triều đình bấy lâu đãi mình không phải phụ bạc, giờ quay đầu theo giặc, không sợ lỗi đạo thần tử và thế gian chê cười à?

- Rõ thật trí nghĩ đàn bà nông nổi! Công Triều nói. Ở đời gặp biến phải tòng quyền, không theo chúng nó thì chúng nó giết đi, còn gì!

- Ô! Tôi xin ông, khéo chữa mình vừa vừa chứ! Kỳ tình ông tham công danh phú quý, không thế thì ta tìm cách đi trốn, hễ dễ quân giặc lôi được ông ra mà trông cho cái chức Trung quân ư? Cuộc đời, càng cao danh vọng càng dày gian nan; ông không nhớ các ông Tiền quân Thành, Tả quân Duyệt, về sau kết quả ra sao đấy à? Ấy là với triều đình chính thống mà chung cuộc các ông Thành, Duyệt còn thảm đạm như thế; huống chi ông đây là Trung quân của loạn đảng, thứ công danh phú quý đó liệu có bền được không, mà vội hiêu hiêu tự đắc? Thà bỏ trốn đi để giữ toàn danh tiết còn hơn!

Công Triều lắc đầu:

- Trốn đi đâu? Nói nghe dễ dàng quá!

- Thì ta trốn ra chỗ nào có binh Triều đóng, nghĩa là đi khỏi trấn biên đình một quãng, chứ xa xôi gì? Cầm Huê đáp.

- Phải, không xa xôi, nhưng mình có biết đâu hiện thời trên bộ dưới thủy, chỗ nào cũng có quân giặc canh gác, khắp vùng Gia Định ở trong vòng thế lực của chúng, có cánh cũng chẳng bay lọt được đâu!

- Hừ! Tôi chấp cả thiên binh vạn mã; nếu mình muốn trốn, tự khắc có mẹo thoát hiểm dễ dàng như chơi.

- Thật à?

- Sao lại không thật...

- Thế nào, Minh thử nói xem có nghe được không đã.

- Minh có thành tâm quyết kế thoát hiểm thì tôi sẽ nói, bằng không thì thôi, kéo sớ muôn một tai vách mạch rừng, lại thêm mang lụy. Nếu quyết kế thì ngay trong đêm nay, tôi với mình, mỗi người một ngựa, ra khỏi thành Phiên An...

Công Triều trầm ngâm nghĩ ngợi một lát, rồi nói:

- Khoan đã! Trong trí tôi sẵn có mưu chước còn hay hơn nhiều, lúc này bất tất phải trốn. Và lại, đã lỡ ngồi trên lưng cọp, làm sao vịn cổ bắt sống được nó mới giỏi chứ. Triều đình sẽ thưởng công cho tôi thì có, mình đừng lo ngại.

Giữa lúc ấy có tên lính cầm cờ lệnh mời quan Trung quân đến phủ Nguyên soái có việc quân cơ bàn định.

Công Triều sai bày nghi trượng đi ngay, có mấy chục bước đường mà cũng rền rang cờ quạt lính tráng, tiền hô hậu ủng, cốt để huyền diệu tai mắt nhân dân và tướng sĩ bộ hạ.

Mặc dầu ngôi cao quyền lớn, Khôi bước xuống thêm đón rước rất nhã nhặn.

Hai người ngồi đối diện nói chuyện.

Khôi hỏi rất niềm nở:

- Thế nào, tướng quân có mưu lược gì hay, đối với đại sự của chúng ta?

- Mọi việc đều tùy nơi cao kiến của nguyên soái định đoạt, chúng tôi chỉ là người thừa hành! Công Triều chấp tay nói, làm ra vẻ hết sức phục tòng cung kính bề trên.

- Ta có một việc quan hệ, muốn phiên tướng quân...

- Vâng, hẳn là việc chiêu dụ Lục tỉnh.

Khôi hơi choáng người, vì thấy Công Triều đón biết ý muốn của mình:

- Chính thế. Mặt ngoài để ta đảm đương, còn việc Lục tỉnh, ta xem chỉ có tướng quân mới đủ tài thu xếp.

- Nguyên soái đã sai khiến, chúng ta đâu dám từ nan.

- Vậy ta có thể ủy thác tướng quân việc ấy, để ta rảnh tay đối phó mặt ngoài nhé!

- Xin vâng.

- Theo ý tướng quân, phải cần binh lực, chừng bao nhiêu thì đủ?

- Chúng tôi thiết tưởng việc này cốt ở miệng lưỡi khôn khéo hơn là binh lực.

- Tuy thế, cũng phải có ít nhiều quân gia đi theo, để phòng tình thành châu quận nào kháng mệnh thì đánh.

- Địa thế Lục châu, hãn nguyên soái thừa biết; thế thì thủy binh cần dùng hơn là bộ binh, xin phát cho tôi vài tiểu đội chiến thuyền theo là đủ.

- Nhưng việc binh quý ở thần tốc, ta muốn tướng quân thu xếp đi ngay.

- Vâng, xin nguyên soái cho lệnh tiền để lấy thủy quân, chúng tôi có thể lên đường ngay lúc gà gáy đêm nay.

- Một lần nữa, ta hoàn toàn phú thác công việc miền tây cho tướng quân... Thanh kiếm thượng phương đây, tướng quân cứ tiện nghi hành sự... Xong việc này tức là lập công thứ nhất với nghĩa binh ta đây.

Công Triều đứng dậy, hai tay lĩnh thanh kiếm từ biệt lui về bản độ để sửa soạn đêm khuya lên đường.

Khôi sau Công Triều đi Lục châu và Công Triều hơn hờ lĩnh mệnh đi liền, mỗi người đều có một thâm ý.

Nghe nhiều người dèm pha, Khôi cũng đâm ngại, sợ để Công Triều ở Gia Định, chẳng những có thể xung đột với chư tướng, còn lo hãn tinh quái, biết hết nội tình quân cơ của mình và nếu dùng hãn về mặt trận ngoài, tất hãn được tiện dịp ám thông tin tức với binh triều mà quay lại làm nội ứng thì khôn. Chi bằng sai đi Lục châu, để hãn biệt tích một nơi, vừa lợi dụng được chỗ hãn sở trường, vừa để kiểm chế rủi khi hãn trở lòng sinh biến. Khôi tưởng mình xử trí như thế là vẹn toàn, không ngờ đâu thả Công Triều về Lục châu tức là tự gieo lầy mằm hại bại vong cho mình sau này.

Còn Công Triều khôn ngoan, thừa hiểu chư tướng đầy lòng nghi

ky mình, sợ ở Gia Định không được yên thân, chả biết sớm tối lúc nào Khôi có thể nghe lời chư tướng mà trừ mình đi không chừng. Sẵn dịp Khôi phú thác công việc chiêu dụ Lục châu, Công Triều vội vã nhận lời đi ngay, một là xa hẳn phạm vi nguy hiểm bất trắc, hai là muốn lập công trạng này để trở tài với bọn Khôi, nhân thể nâng cao địa vị thanh thế, ba là ở Lục châu xa cách, tha hồ hoành hành, tùy cơ ứng biến, Khôi chẳng biết đây là đâu mà đề phòng kềm chế.

Lúc ấy *Lại bộ thái khanh* Đặng Vĩnh Ứng đang ngồi đối ẩm với quân sự Tăng Vô Ngại ở công đường Lại bộ, tức là dinh án sát Gia Định hôm trước. Hai người chén thù chén tạc, bàn chuyện quốc gia rất là tương đắc.

Chợt tiếp công văn về việc Thái công Triều phụng mệnh đi Lục Châu, Đặng Vĩnh Ứng vội vàng nhả cơm, buông đũa, đứng dậy kéo tay ông Tăng Vô Ngại.

- Chết! Chết! Ông đi với tôi, cùng đến can gián nguyên soái, chứ thả cộp về rừng thế này, mai sau anh em mình tất nguy vì nó...

Hai người tức tốc đến soái phủ.

Đặng Vĩnh Ứng nghiêm cả từ sắc:

- Trời ơi! Đại ca muốn giết anh em chúng tôi hay sao, lại cho Thái công Triều xuống Lục châu?

- Tại sao thế? Khôi cười gằn và hỏi.

- Chúng tôi đã nói mãi rằng nó là người có tướng phản phúc, chớ nên trọng dụng.

- Ấy, chính vì ta nghe lời các người, cho nên sai hẳn đi cách biệt ở Lục châu, cho dễ kềm chế đấy.

Cau mặt và thở dài, Đặng Vĩnh Ứng nói:

- Chết rồi! Đại ca nghĩ thế thì sai mất rồi. Không giết nó đi thì cũng đừng dùng: thả cứ lưu nó ở lại Gia Định này, cho nó có hư danh mà không có thực quyền, không thể hoạt động, thế mới thật là kềm chế. Đây này, giao việc Lục châu cho nó, để nó có đất tung hoành, gây dựng thế lực, một mai trở mặt đánh quật lại chúng ta, trong khi binh triều ở ngoài đánh vào, chừng ấy sau lưng trước mặt ta đều bị công kích thì làm thế nào? Đại ca đã nghĩ đến cái hại xa xôi ấy chưa?

Tăng Vô Ngại phụ thêm:

- Đặng quân lo xa như vậy chí phải!

Khôi cúi mặt ngẫm nghĩ, có ý hối hận mình thất sách:

- Các ông bày tỏ thấu suốt lợi hại, tôi nghe phải quá. Nhưng bây giờ làm thế nào?

- Có gì là khó? Đặng Vĩnh Ứng nói. Nguyên soái chỉ có việc thu hồi tướng lệnh, đừng sai nó đi nữa...

Khôi lắc đầu, tỏ ý ngần ngại:

- Khó quá! Vẫn biết hiện giờ Thái Công Triều chưa lên đường đâu, nhưng mà tướng lệnh vừa ra ban nãy, giờ đã thu về, e mất thể thống, lấy gì thủ tín với tướng sĩ và nhân dân? Ta nghĩ xem có phương pháp nào khác chăng?

- Nên sai một tướng nữa cùng đi, bề ngoài là tiếp ứng, mà kỳ thực bề trong là cốt xem xét cử động hấn ta một cách kín đáo! Cả Đặng Vĩnh Ứng và Tăng Vô Ngại cùng đáp.

- Theo ý hai ông, trong hàng chư tướng, ta nên sai ai đi?

- Chúng tôi xin tiến cử Tả quân Dương Văn Nhã...

- Đồng ý! Ta sẽ hạ lệnh tức thời.

Ở soái phủ đi ra Đặng Vĩnh Ứng nói riêng với quân sư Tăng Vô Ngại:

- Nguyên soái ta là người anh dũng thật đấy, nhưng đáng tiếc có tính độc đoán, mỗi việc thi thố không muốn bàn tính trước với ai, tôi e hồng mạt đại sự sẽ ở chỗ đó. Nhất là thằng Thái Công Triều tiểu nhân quỷ quyệt lắm kia, nếu nguyên soái cứ tin dùng nó, thì cơ đồ tất cả chúng ta, xây dựng không khéo một tay nó làm cho tan nát... Lão tiên sinh ở chức quân sư, phải tùy cơ can gián nguyên soái mới được:

Họ Tăng thở dài:

- Ôi! Chúng ta chỉ biết làm hết nhân lực, đến như thiên mạng không biết đâu mà nói trước; cổ nhân đã bảo “*mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên*”, tướng quân không nhớ à?

- Tôi chỉ nhớ có bốn chữ “*đĩ thực vi thiên*”... Việc thiên hạ thành bại hãy gác ra một bên đã, bây giờ lại mời lão tiên sinh về nhà tôi, để cạn hồ rượu ta bỏ dở dang ban nãy.

Đặng Vĩnh Ứng vừa nói vừa cười, lôi luôn ông Tăng Vô Ngại

trở về Lại bộ.

Trong lúc Thái Công Triều đi chiêu dụ quân dân binh sĩ sáu châu quy phụ đảng nghịch, Khôi huyết chiến với binh triều trước Biên Hòa.

*

Ta đã biết ở triều đình khi được tin. Lê Văn Khôi dấy loạn, chiếm đất Gia Định và đang thân trưng thế lực ra cả Lục châu, vua Minh Mạng liền hạ dụ, sai tổng đốc Bình Định là Lê Phước Bảo làm tướng, đem quân mấy tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa vào đánh dẹp,

Có lẽ triều đình tưởng giặc Khôi tầm thường nên mấy đám thảo khấu khác, chỉ sai một viên tổng đốc là quan văn với ba nghìn quân lấy ở ba tỉnh giáp giới như thế, là để tiêu trừ thành công trong bóng tối. Chính Lê Phước Bảo cũng tưởng thế, nên lúc đêm tối lên đường, trong trí đầy sự hy vọng khôi phục Gia Định để lập công với triều đình, sau quân công này chắc chắn được phong tước rồi vào kinh làm thượng thư một bộ.

Sự thật, Phước Bảo cũng biết dùng binh và có tướng tài nhiều ít, nhưng không phải một tay có thể đối địch với Khôi, thành ra chỉ vào đến Biên Hòa thì bị quân giặc vây khốn, suýt chết.

Biên Hòa là cửa ngõ xung yếu của Gia Định lục tỉnh, các vua chúa tiền triều lập ra trấn biên đình tại đó, thành cao hào sâu, chung quanh xây pháo đài, đặt đồn lũy, binh thế rất là kiên cố, hiểm trở. Thuở trước cốt để phòng thủ Chân Lạp đối với giặc Xiêm thời thường quấy nhiễu; đến sau vua Gia Long nên nghiệp thống nhất, thì đây tức là căn cứ võ bị, trông coi sự yên ổn cả xứ Nam Kỳ đối với ngoại xâm hay nội loạn.

Khôi biết vị trí Biên Hòa quan hệ như thế cho đến ngay khi mới nổi loạn, thừa thắng lúc phá tan thủy sư Lê Văn Bồn, liền xuất kỳ bất ý, đem quân đến đánh có mấy giờ đồng hồ, chiếm được Biên Hòa, sai một tướng bộ hạ ra trấn thủ.

Ban đầu, viên tướng trấn thủ quan ải này là tiền quân đô thống Nguyễn Văn Đà.

Nhưng mấy hôm sau, Khôi sai phó tướng Trần Minh Thiện ra thay, để triệu Nguyễn Văn Đà trở về Gia Định, giao cho công việc theo ý Khôi là quan hệ hơn: huấn luyện quân mới tuyển mộ.

Minh Thiện còn trẻ và có tình tự đặc, nguyên là một tay du côn

anh chị ở Chợ lớn, có chân trong *Thiên Địa Hội*, võ nghệ khá, nhưng chẳng có trí thức gì về việc binh; cái tài giỏi chơi dao gôm quả đấm là một chuyện, đến cái tài giỏi về binh sự quân cơ lại là một chuyện khác, Khôi chỉ nghĩ đến sự coi giữ mà quên mất sự có lúc cần phải đánh giặc, cho nên mới sai Minh Thiện làm tướng trấn thủ Biên Hòa.

Anh chàng này là tiểu nhân đặc chí và hống hách cậy khỏe, ra đến Biên Hòa, chẳng lo gì đến những việc sửa sang đồn lũy, xếp đặt tuần phòng; mặc bọn cai đội thủ hạ làm sao thì làm. Việc hấn sốt sắng, là sai người tìm kiếm mấy ả giang hồ thanh sắc ở quanh miếu, đưa vào trong dinh đàn ca chuốc rượu làm vui. Hấn uống nước men như người ta uống nước lã, tối ngày không có mấy lúc không ngất ngưỡng say sưa. Con say, hấn thường khoe khoang sức khỏe, tự tin rằng nội các danh tướng của triều đình ngoài Huế, không ai chịu nổi một quả đấm của mình. Ưc một hơi cạn sạch hồ rượu, rồi xoay tròn ra, vươn hai cánh tay chuyển sức lấy gân, cho bắp thịt nổi lên như hai con chuột lớn, và nói:

- Các người xem: với những quả đấm bằng bắp thịt như sắt này, tướng giỏi của Minh Mạng như Tống Phúc Lương, Nguyễn Văn Trọng, cũng phải nát ngấu như tương.

- Tướng quân thật có thần lực, Phan Khoái, Mã Siêu đời xưa bắt quá cũng thế.

Nghe bộ hạ và mấy con đĩ phụ họa nhau tán dương như thế, Minh Thiện đắc ý cười ha hả. Lại càng uống cho đến say như, nằm đờ như xác chết.

Một tòa thành trì xung yếu, số quân trấn thủ không đầy một nghìn, đặt vào trong tay một ông tướng chỉ lo đánh chén hơn là đánh giặc, tình thế chông chênh như quả trứng để trên đầu đũa.

Theo lệ, mỗi ngày Biên Hòa phải có ngựa lưu tinh mang tờ bẩm chạy về Gia Định một lần, trình báo những tin tức quan hệ về binh tình và chính sự. Tờ bẩm của Minh Thiện ngày nào cũng nói toàn sự vững vàng, tốt đẹp, để cho Khôi yên tâm.

Hôm được tin triều đình Huế sai quân Tam tỉnh (ba tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa) tiến vào Gia Định, Minh Thiện gọi về soái phủ một tờ bẩm, đầy vẻ khinh địch và tự kiêu:

... “Tiểu tướng đã thám thính chắc chắn, quân Tam tỉnh gồm có

hơn một nghìn người, phần nhiều là hạng lão nhược, chưa được ngửi mùi thuốc súng bao giờ, mà kẻ cầm đầu lại là tổng đốc Lê Phước Bảo, chỉ giỏi múa bút lông mèo... Quân ấy, tướng ấy, đưa nhau vào Gia Định phen này, tức là nộp mình vào chỗ tận số... Để chúng nó vào đây, tiểu tướng chỉ đánh một trận là đủ phá tan, bắt được tù trưởng lớn cho chí trưởng bé. Xin nguyên soái cứ yên tâm, không cần phải bận lòng lo nghĩ đến việc ở Biên Hòa... Tiểu tướng đã có sẵn sàng phương lược, chỉ đợi quân địch tới thì đánh. Nhưng mùa này từ Phan Rang Phan Rí trở vào, trời đổ mưa lũ suốt ngày, đường đi hết sức gian nan, dám chắc Lê Phước Bảo phải đình quân ở miền Phan Rang, không thể tiến được, có lần mò đến Biên Hòa cũng còn lâu, nghĩa binh ta có thể gói đầu trên gươm, nằm khểnh mà đợi một vài tháng nữa là ít...”

Lúc tờ bẩm này đến nơi, Khôi cùng quân sư Tăng Vô Ngại đang ngồi làm việc ở Nghị sự đường, Khôi xem rồi trao cho Tăng và hỏi ý kiến.

Tăng biến sắc, khi đọc hết tờ bẩm kêu căng của Minh Thiện. Khôi nhận thấy, cười và hỏi:

- Tiên sinh sợ quân Tam tỉnh lắm sao mà tái mặt đi thế?

- Không, tôi có sợ quân Tam tỉnh đâu! Tăng trả lời thông thả. Tôi chỉ lo cho số phận một nghìn tráng sĩ ta giữ thành Biên Hòa, chết oan vì cái ngu của thằng Minh Thiện.

- Tại sao?

- Nguyên soái thử nghĩ xem cổ lai có xem người nào làm tướng, một đạo binh nào vâng lệnh của vua sai đi đánh giặc hỏa tốc, mà lại sợ mưa gió không tiến bao giờ? Cổ nhân đã dạy binh là hung khí, chiến là nguy sự, cho nên giây phút nào cũng phải đề phòng, lo nghĩ, nếu khinh địch mà sai một li, đi một dặm thì chết. Huống chi...

Khôi ngắt lời và hỏi, có ý hơi chọn:

- Tiên sinh tính thử ngày giờ và đường đất thì phỏng chừng hôm nào quân Tam tỉnh vào đến địa đầu ta?

Không phải suy tính, Vô Ngại đáp liền:

- Ví dụ tôi là Lê Phước Bảo, thì ngay lúc chúng ta ngồi xem tờ

bầm của Minh Thiện, không khéo quân Tam tỉnh sắp đến chân thành Biên Hòa rồi.

- Trời ơi! Nếu thế thì Biên Hòa có lẽ nguy mất! Khôi trợn mắt và nói.

- Thật thế, ta phải sai quân tiếp ứng đi ngay, không có thì hỏng.

Tuy thế, Khôi bán tín bán nghi, chưa quyết định về việc sai tướng nào đi cứu việc đồn Biên Hòa. Vì trong trí Khôi không tướng binh triều có thể tiến gấp, mà dầu có đến nơi chẳng nữa, Khôi tin Minh Thiện có sức chống chọi được, không nhiều cũng ít. Con người dũng cảm khảng khái, nhưng phải cái tật trù trừ bất quyết, lại thích tự chuyên, ít muốn nghe lời trung cáo và tối tâm về sự dùng người, thành ra chung quanh tuy có nhân tài mà rồi đại sự đổ nát vì thế.

Tối hôm ấy, ông Tăng Vô Ngại phải vật nài một lần nữa, bấy giờ Khôi mới chịu nghe.

Sáng hôm sau, Nguyễn Văn Bột vâng lệnh đem bộ binh và kỵ binh đi tiếp ứng Biên Hòa.

Binh tiếp ứng đi già nửa đường, đã thấy bại binh ở đồn Biên Hòa, lũ lượt chạy về, cậu nào cậu nấy áo xống tả tơi và đói mệt rũ rượi. Hỏi ra Biên Hòa đã bị quân Tam tỉnh công hãm và tướng trấn thủ Minh Thiện tử trận rồi.

Phải nói Minh Thiện bị giết chết giữa cơn say rượu thì đúng hơn.

Nguyên là Lê Phước Bảo tiếp được dụ chỉ vua sai, tức tốc cử binh lên đường; thoát tiên lấy quân Bình Định một nghìn, đi qua Phú Yên, Khánh Hòa lấy thêm quân hai tỉnh này mấy nghìn nữa, chọn toàn những hạn trai tráng, cốt có sức khỏe đi mau. Đồng thời, một cánh thủy quân từ cửa Hàn tiến phát, đi đường bể thẳng vào Cần Giờ, chở lương thực và quân cứu ứng.

Phước Bảo thúc quân đi mỗi ngày hai ba trạm mới cho nghỉ ngơi. Càng vào miền trong, đường sá càng gay go với những núi rừng hiểm trở, mỗi bước chân là một gian nan khổ sở, lại thêm mưa lũ tối ngày, mà binh sĩ cứ phải ướt át xông pha, đến nỗi nhiều người cảm hàn bỏ xác giữa đường, chẳng ai nghĩ tới sự thu nhặt chôn cất.

Đường đi một thẳng rút lại hơn mười ngày, binh số ba phần có

lễ rải xác giữa đường hết một, nhưng Phước Bảo đạt được sở nguyện, là đến chân thành Biên Hòa một cách mau lẹ bất ngờ, bên giấc không kịp phòng bị.

Phước Bảo lập mưu, lấy được Biên Hòa, giết được Minh Thiện dễ dàng, hầu như một cuộc cho quân sĩ đi chơi mát.

Khi còn độ ba bốn ngày nữa đến nơi. Phước Bảo đổi hẳn hành trình, thúc quân đi suốt đêm, để ban ngày cắm trại trong rừng, cố che tai mắt Gia Định. Không biết Phước Bảo do thám tài tình cách nào, lại biết rõ tính nết của viên tướng giấc đồn thủ Biên Hòa là người kiêu căng khinh địch và thích chè chén đêm ngày, bê trễ cả việc quân; mình có thể đánh vào chỗ nhược ấy mà cướp lấy đồn lũy địa đầu, khiến giấc trở tay không kịp.

Phước Bảo liền chọn mấy chục tên quân lanh lợi, trao cho mật kế đi trước, đại binh ngậm tăm lặng lẽ theo sau.

Chiều hôm ấy, một toán hơn hai chục người mặc binh phục Gia Định, gánh rượu và giắt bè, giắt dê, có cò lọng đi hộ lễ, nghiêm trang đến trước cửa chính thành Biên Hòa, tuyên lệnh rằng nguyên soái thương các tướng sĩ giữ thành khó nhọc, sai đem dê rượu ra, gọi là úy lạo những kẻ có công đồn trú xa xôi.

Minh Thiện nông nổi, tưởng thật là Khôi biết tính mình hay chén, sai đem rượu thịt ra tặng thưởng, liền bảo mở cửa thành cho bọn kia vào, rồi giục hỏa đầu quân thui bò mổ dê, nhắm với rượu đế - một thứ rượu ngon có tiếng ở Nam Trung - và cho khắp mặt bộ hạ tha hồ ăn uống no say.

Bọn kia vào lọt trong thành và được tiếp đãi thân thiết như quân một nhà, chia nhau đi thăm cả anh em đóng giữ pháo đài, đồn lũy. Vào khoảng canh ba, họ xuất kỳ bất ý, rút đoản đao ra chém giết lính gác, nổi lửa làm hiệu, mở tung cửa thành cho quân Tam tỉnh tiến vào tự do. Tên gia đình của Minh Thiện hốt hoảng, chạy vào nhà lay thức ông chủ:

- Ông ơi! Dậy mau! Có giặc, có giặc!

Minh Thiện còn say chưa tỉnh, bị lay động rất mạnh, mới cựa mình và nói ú ớ, mắt vẫn nhắm:

- Giặc nào, mày chỉ nói láo!... Đưa bát nước sâm thang tao uống, khát quá!

Quân Tam tỉnh phá cửa vào gần đến nơi, tên gia đình cuống quýt kêu réo lần nữa:

- Giặc đến kia rồi, ông ơi!... Hãy chạy ra cửa sau, kéo chết...

Vừa lúc quân Tam tỉnh ập vào bên giường:

- Chính bay là giặc chứ ai!... Có chạy lên mây...! Để chúng tao hóa kiếp cho!

Họ nói và hoa đao chém cả Minh Thiện và tên gia đình: tở chết khi tỉnh, thầy chết vẫn mê.

Trong cơn thảng thốt, quân sĩ thủ thành bị tử thương và đầu hàng gần hết, chỉ độ dăm sáu chục người chạy thoát nửa đường thì gặp đạo binh Nguyễn Văn Bội đi lên.

Trước tình thế trái cựa, Bội tạm dừng quân lại giữa đường và phi báo về Gia Định.

Khôi nghe tin, xám mặt run người, vừa tức vừa thẹn: tức vì quân mình thảm hại oan uổng, thà được giao chiến đường hoàng mà thua trận cho cam; thẹn vì mình dùng lầm Trần Minh Thiện để mất đồn ải địa đầu, tất phải thu phục cho kỳ được, để lấy lại uy danh và nhục khí.

Đồng thời lại có tin báo thủy quân của triều đình lên cửa Cần Giờ, hai đồn Long Thành và Nhà Bè cũng đã thất thủ, vì binh lực kém, Khôi càng nổi xung, lập tức khởi binh tiến phát.

Một mặt truyền lệnh Hoàng Nghĩa Thư đem binh đi tiếp ứng Nguyễn Văn Bội, phú thác hai người công việc đốt phá chiến thuyền bên triều ở cửa Cần Giờ và lấy lại hai đồn Nhà Bè, Long Thành, giao hẹn hễ không thành công thì đừng về trông thấy mặt nhau. Một mặt, Khôi tự thống xuất quân sĩ hai dinh Hồ bôn và Hùng dực lên Biên Hòa nhất định làm cho binh triều phải đền bồi lại một giá cực đắt.

Ta đã biết Lê Phước Bảo chiếm được Biên Hòa không phải ở tài gì thao lược chiến đấu của mình, chỉ nhờ ở chỗ Minh Thiện say sưa và khinh địch. Hình như Phước Bảo không tự biết thế, trở lại coi thường tất cả tướng sĩ Gia Định, đến nỗi không lo bồi bổ thêm cuộc phòng thủ thành trì mới vào tay mình, lại muốn thừa thắng tiến bừa đến Phiên An, trong ý tưởng, chắc thu phục thành này cho triều đình, dễ như trở tay, ngon như ăn gỏi.

Vừa khi ấy quân Gia Định rần rộ kéo lên, mà người cầm đầu chẳng phải là tay Phước Bảo có thể đối địch.

Muốn dương oai diệu võ cho giặc trông thấy binh lực triều đình mà khiếp, Phước Bảo tự dẫn đại binh đi nghinh chiến ở một khu rừng cách xa thành trì độ bảy tám dặm, địa thế quanh co hẻo lánh, định giăng lưới sắt ở chỗ này để bắt sống quân giặc, không vợ cả đám tát cũng phải nắm chớp được một mẻ khá to.

Không ngờ Khôi lanh trí mau chân, đã đến đây trước. Lúc quân Tam tỉnh tới nơi, chưa kịp nghỉ chân, đã nghe tiếng súng nổ ì òp chào đón, kể đến trống trận nổi lên tứ tung, hòa nhịp với tiếng người reo hò rầm rĩ, biến hẳn khu rừng lặng lẽ trở nên khủng khiếp; nhất là ngoảnh mặt về phía nào cũng có tiếng đạn nổ trống hồi và tiếng người gầm thét, mà chính người ở đâu, tuyệt nhiên chẳng trông thấy bóng. Kẻ non gan yếu bóng vía có thể tưởng tượng là một trận ma quỷ giao chiến với người.

Quân Tam tỉnh khiếp đảm, bỏ cả hàng ngũ, mặc kệ tướng lệnh rao truyền rất cổ; ai mấy chen lấn nhau tìm những gốc cây và bờ bụi lấy chỗ ẩn núp. Tuy có bắn trả, nhưng chỉ là bắn vu vơ, có khi quân mình tự hấn nhau thì có.

Trong quân xen lẫn cả người quê quán ở Bình Thuận. Họ cũng tin là ma quỷ, vì chính họ đã trải nhiều cảnh hãi hùng bởi mà làm quỷ nhất; "*cọp Khánh Hòa, ma Bình Thuận*", hai cái ghê sợ truyền tụng từ xưa.

Kỳ thật chỉ là mấy toán quân tiền đạo của Khôi sai mai phục và bày tỏ như thế.

Phước Bảo biết mình mắc mưu giặc, nhưng muốn hô quân liều chết kháng chiến cũng chẳng được. Một khi quân sĩ đã táng đờm, còn nói chuyện đánh chác nổi gì? Khổ nhất là họ bị đạn của kẻ địch vô hình bắn trúng thì ngã, chẳng chết cũng phải thương tích đau đớn; còn họ bắn trả không có mục đích mà ngấm.

Chẳng đợi Phước Bảo truyền lệnh tháo lui, quân Tam tỉnh tự xô đẩy nhau chạy tán loạn. Chỉ những tranh đường dày đập lẫn nhau mà chết cũng đủ nhiều.

Tướng lại thúc quân chạy về bản trại cho mau, sợ giặc có đường ngang ngõ tắt nào mau hơn, đoạt lại đồn lũy Biên Hòa thì khốn.

Cũng may, quân Gia Định chỉ đuổi theo sau,

Về tới Biên Hòa, Phước Bảo tức tốc sai người chạy trở ra Bình Thuận lấy quân cứu viện, rồi đóng chặt cả bốn cửa thành, lo việc phòng thủ.

Khôi tiến binh đến, vây bọc tứ phía.

Trong khi ấy, Nguyễn Văn Bội và Hoàng Nghĩa Thư phân binh đốt phá truyền lương thuyền chiến của triều đình ở cửa Cần Giờ và tiến công hai đồn Nhà Bè, Long Thành dữ dội, thành ra binh triều hai nơi thủy bộ, như con rắn đã bị chém đứt làm hai đoạn không thể giao thông tin tức hay cứu ứng lẫn nhau.

Ở mặt trận này, binh triều tổn hại vừa lương thảo vừa quân sĩ cũng nhiều; nhưng quan hệ kịch liệt ở mặt trận Biên Hòa hơn.

Nhưng trước khi đánh thành, Khôi muốn đem nghĩa lý chiêu hàng.

Một bức thư ghim trên đầu mũi tên bắn vào trong thành, kể sự hôn ám của vua Minh Mạng và khuyên Lê Phước Bảo nên biết xét mình, thương dân, hiểu thời, lượng sức, tự đem thành trì quy hàng, để cùng Nghĩa đảng vì dân ra sức sửa sang lại quốc gia, xây dựng lên nghiệp mới, như thế là người tức thời, mai sau được Hoàng tôn ghi nhớ công lao, không đi đâu mất phần sung sướng phong hầu phong ấp. Trái lại, thì bỏ ngựa cản xe, trúng chọi với đá, chỉ trong sớm tối binh thua thành vỡ, thân danh không còn, chẳng hóa ngu dại lắm ư?

Khôi bắn thư vào thành rồi hạ lệnh cho quân sĩ hoãn việc công phá thúc bách để chờ trả lời, Phước Bảo ở trong thành thấy vậy, bèn lợi dụng thời cơ, khát lần hẹn lửa, hôm nay nói rằng xin để cho thư thả suy nghĩ, ngày mai lấy cờ dò xét lòng quân, vì có một vài phần khăng khăng quyết chiến, nhưng bề nào rồi cũng giàn xếp xong. Kỳ thật Phước Bảo không chịu đầu hàng, chỉ hứa hẹn lần nữa, đợi viện binh từ phía ngoài sắp đến.

Đến ngày thứ sáu, Khôi lại bắn tin vào thúc giục. Phước Bảo liệu chừng không kéo dài hạn được nữa, liền viết thư trả lời, buộc giấy từ trên mặt thành thả xuống. Trong tờ giấy chỉ có tám chữ “*Không hàng phản tặc, có đánh thì đánh*”, tỏ ý cương quyết chống cự đến chết thì thôi, không khi nào thành trì quân sĩ triều đình mà lại đầu hàng Khôi là kẻ phản tặc.

Như Châu Du bị Khổng Minh chọc tức, Khôi nổi giận điên cuồng, lập tức truyền lệnh cho mấy nghìn quân sĩ bản bộ và cư dân các làng xung quanh, khẩn cấp làm hai vạn cái sọt đan bằng mây, có việc quân dụng, hẹn đúng giờ Ngọ hôm sau phải nộp đủ số.

Ai nấy học tốc làm theo tướng lệnh, nhưng không đoán ra chỗ dùng làm gì.

Đúng hẹn trưa mai, có đủ hai vạn cái sọt.

Khôi kiểm điểm qua loa, rồi lại ra lệnh thượng khẩn cho quân dân lấy đất, đá hay cát, đổ vào những sọt ấy cho đầy, phòng khi bất kỳ dùng đến.

Buổi chiều hôm ấy và suốt cả ngày hôm sau, quân Gia Định bắn vào, quân Tam tinh bắn trả hăng hái; hai bên cứ giao chiến nhát gừng đến thế thôi, cố nhiên trong thành binh lực ít, không dám xông ra, nhưng quân vây ở ngoài, cũng không bày dẫu tỏ gì công hãm kịch liệt. Gần tối, quân ngoài im hẳn tiếng súng, lại làm ra vẻ thu dọn đồ đạc, súng ống, gươm đao, như sắp sửa bỏ đi vậy.

Tối lại, trừ ra trước mắt các cửa thành và mấy chỗ xung yếu, còn thấp thoáng có bóng quân vây bọc, nhưng không đông đặc bằng trước; còn nhiều khoảng họ bỏ trống han, khiến cho quân lính trong thành càng tin rằng quân Gia Định tự giải vây đã rút đi phần nhiều rồi. Có lẽ chúng biết cứu binh ở Khánh Thuận vào đến nơi, sợ bị ngoài đánh tới, trong đánh ra, thì phải thế núng, mà biết thân lui trước đó chăng?

Nhưng, thật sự chúng có tháo lui đi đâu và cũng chẳng có bóng viện binh nào sắp đến.

Nửa đêm, Khôi cho quân sĩ ăn uống nai nịt hẳn hoi, truyền bảo ai nấy biết ba nơi mà họ cùng dân đình phải khiêng những sọt đất kia đến, là chính cửa tiền và hai góc đông nam và tây bắc. Cần nhất là hai góc nay, quân sĩ phải bản thân xuất lực, còn chính cửa tiền chỉ là hư ứng, thì để cho dân đình.

Trước khi quân sĩ ra tay, Khôi đứng nói khuyến khích mấy câu và dặn dò phương lược luôn thể:

- Ta cùng các người thề quyết vào thành Biên Hòa tảng sáng nay, dù phải bước qua đồng thây, lội qua suối máu, chúng ta cũng cứ

việc vào. Các người nhớ nghe lời ta căn dặn nghe: Hồi trống thứ nhất, thì phải xếp những sọt đất ở dưới chân thành cho xong; qua hồi trống thứ hai thì tuốt gươm reo hò mà leo bừa lên, chỉ có tiến chứ không lui, nghe không? Sống cùng sống, chết cùng chết, có ta chia phần gian nan với, các người đừng lo!

Nhiều người ứng thanh nói:

- Xin vâng theo lệnh nguyên soái! Hễ đưa leo trước chập chòn muốn lui, thì đưa sau cứ việc chém chết mà lên!...

- Ủ! Lâm trận phải thế mới được!... Khôi nói và đưa ngón tay lên ra hiệu cho viên giám trận nổi trống.

Tức thời, những tiếng trống đại cổ nổi lên, như sấm sét vang động, xé toang bầu trời tĩnh mịch.

Quân sĩ dũng được lâm trận, ai nấy ganh đua hăng hái lạ thường, Phần nhiều là hạng lính trai tráng vừa mới tình nguyện nhập ngũ, đang sôi máu chiến đấu, chả coi nguy hiểm ra gì.

Chưa hết hồi trống thứ nhất, ở hai góc đông nam và tây bắc, những sọt đất đã xếp đồng cao gần bằng mặt thành.

Nghe bên ngoài bỗng có tiếng người reo trống thúc rầm rầm, quân trong thành biết mình bị giặc công phá. Nhưng ban đầu Phước Bảo dồn quân chống giữ mặt tiền, vì tướng binh giặc cốt đánh chính diện, cho nên cứ hô quân nhà bắn riết vào những bóng đen nhấp nhô đang lù lù tiến gần đến cửa thành. Lạ thay súng càng bắn già, những bóng ấy cứ lảng lảng tiến vào càng gần. Chúng ta đoán cũng biết đây chỉ là dân đình phụ cận, mà Khôi dùng khiêng vác những sọt đất tới cửa thành mặt tiền, như kế hoạch đã định, cốt làm tấm bình phong che mắt Phước Bảo không thấy sự hành động cốt tử đang diễn ở chỗ khác. Dân đình mỗi người có mộc che đỡ, tuy súng trong thành bắn ra dữ dội, họ không tổn thương và cứ việc tiến.

Đến khi Phước Bảo thấy hai góc đông nam và tây bắc nguy biến, dời quân tới phòng thủ thì đã hơi muộn.

Giặc đang ồ ạt nổi nhau trèo lên mặt thành, như kiến vỡ tổ. Quân Tam tinh ở trên cao đánh xuống, rất là đắc thế, lại cự chiến hết sức dũng cảm nhất là ở góc đông nam; đến nỗi có nghe nhiều người trúng mấy vết thương ở cánh tay mà còn đủ sức ôm lấy ngang lưng

binh giặc, quăng xuống dưới đất huỳnh huỵch, và cậu nào hô thò đầu lên là chặt phăng cậu nấy. Có giây phút binh giặc đã chùn lại, không dám tiến nữa.

Nhưng họ nhớ lại mấy lời chủ tướng vừa bảo “*chỉ có tiến, chứ không được lui*”, khiến cho khí thế ai nấy bỗng trở lại mạnh mẽ bội phần. Họ gầm thét xô đẩy nhau cứ tiến bừa lên. Mỗi người cảm thấy sau lưng mình như có mũi gươm đâm chĩa vào, nếu lùi thì chết. Ai nấy hóa ra phần chần, dững mẫn, người nọ bị thương ngã xuống, liền có người kia nối gót trèo lên ngay.

Quân hai bên hò hét rầm rĩ, tiếng gươm đao chạm nhau chan chát, nẩy lửa.

Một lát, nghe ở cửa tiền có tiếng loa truyền gọi:

- Anh em Gia Định ta cố lên, nguyên soái ta đã trèo lên địch lâu đây rồi!

Thì ra Khôi thừa cơ Phước Bảo rút bớt quân lính ở cửa tiền đi chống giữ hai mặt kia, đã dùng những giây thừng một đầu có móc sắt, tung bổng lên cho móc bán lấy rìa thành, rồi chính mình treo gương can đảm, miệng ngâm bảo kiếm, hai tay nứu giây mà trèo lên thoăn thoắt. Năm chục tên thân binh trông thấy thế, cũng đua nhau lên theo, lấy sức một chọi mười, đánh tan được quân thủ thành và chiếm lấy địch lâu.

Quân sĩ đang chiến đấu ở hai góc thành, nghe tin nguyên soái đã phá được cửa tiền, càng thêm hùng hổ, sấn lên mặt hành, quân Tam tỉnh đành phải thụt lùi, không sao cản nổi; mạnh ai nấy chạy, mong thoát lấy thân.

Mờ sáng, đồn lũy Biên Hòa hoàn toàn về quân Gia Định chiếm giữ.

Lê Phước Bảo đem tân binh chạy mãi đến Gia Rai mới dám nghỉ chân, kiểm lại binh sĩ, mười phần tử thương hết già nửa; chưa kể bao nhiêu khí giới, lương thực, đều bỏ lại tất cả.

Trận này, binh triều thua đau đớn.

Muốn đổi tội lập công, rửa nhục bại trận, cách bảy tám hôm sau, nhân có viên binh ở Khánh Thuận kéo vào đến nơi, Phước Bảo quật trở lại đánh Biên Hòa, bị quân Gia Định giáng cho một trận chua cay hơn nữa.

Khôi bắt được mười khẩu thần công, hơn 600 tù binh, 4 thớt voi, vô số lương thảo.

Xấu hổ và sợ tội, Phước Bảo day mặt về hướng bắc lạy năm lạy, rồi tự đâm cổ chết.

Mấy tin bại trận đưa về kinh đô liên liên, làm vua Minh Mạng choáng người, không ngờ giặc mạnh đến thế. Ngài vội vàng phong Tống Phúc Lương, Nguyễn Văn Trọng, Trương Minh Giảng làm tướng, thống lĩnh đại binh vào đánh Gia Định.

IX. THÁI CÔNG TRIỀU, CON THÒ LÒ XẤU MẶT.

Lê Văn Khôi, theo mưu lược của ông Tăng Vô Ngại, toan lấy thêm binh, trù thêm lương, thừa thắng đánh thốc ra phía ngoài, hai đảng thủy lục cùng tiến, đánh lần lần cho đến kinh đô Huế.

Cuộc thành bại chưa biết đâu là chừng, có điều với tình thế nước ta lúc bấy giờ, sự mưu toan của Khôi chẳng phải ngông cuồng tí nào, nếu đừng vì một lẽ nội tình cảnh trở, thì có thể đem ra thực hành, ngay sau khi chiến thắng ở đồn Biên Hòa, đã làm cho binh triều chấn động và giảm nhiều nhuệ khí.

Huống chi Khôi đã giao ước với anh rể là Nông Văn Vân khởi binh ở mạn thượng du xứ Bắc, rồi một đảng từ ngoài đánh vào, một đảng từ trong đánh ra, lấy kinh đô làm mục đích. Chẳng gì cũng khiến triều đình phải một phen khủng hoảng.

Nhưng “mưu sự ở người, thành việc ở trời”, cổ nhân đã nói.

Người ta bảo thiên ý không cho Khôi làm nên việc tranh bá đồ vương, nên chỉ xui khiến ra Khôi tuy có chí nhảy cao bước xa, mà có kẻ ở sau lưng níu kéo trở lại.

Kẻ níu Khôi lại, tức là Thái Công Triều.

Những lúc Khôi lăn lộn với máu và sắt ở mặt trận Biên Hòa, Triều ung dung đi thu phục bốn tỉnh phía dưới (Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên) bằng tác lược.

Trước hết nên biết đạo binh thuyền của quan lớn Trung quân họ Thái đi trấn việc quan, gồm cả hai vẻ oai nghiêm và phong nhã.

Dẫn đầu là một tiên đội chiến thuyền đi hàng đôi, trước mũi đặt súng thần công, quân sĩ đội nón chóp sơn, mặc áo nẹp đỏ mới tinh; những tay chèo cũng vậy. Thuyền một loạt như nhau, trong sơn đen ngoài thép vàng bóng lộn. Phía sau lái mỗi chiếc thuyền, một viên cai đội mặc nhung y, đeo mã tấu, đứng trước một lá cờ lớn, thêu hai chữ “chiêu an” tay cầm trống khải, đánh tung tung nhịp nhàng, ra hiệu cho ba chục mái chèo, đồng thời cày nước. Thủy thủ vừa chèo vừa hát khúc quân ca, nghe rất du dương, hùng dũng, chính của quân sư Tăng Vô Ngại mới đặt ra, chúng tôi thật lấy làm tiếc chưa sưu tầm được toàn khúc.

Kế tới đại thuyền của Triều, mình rộng mũi cao, tương truyền tức là chiếc thuyền *thừa lương* của ông Tả quân Lê Văn Duyệt ngày trước, do thợ khách trú chế tạo theo kiểu cách những thuyền du hồ, gọi là họa phong ở Tây Hồ bên Tàu, nhưng đằng này to lớn và trang hoàng hơn. Có thể coi như một lâu đài thu nhỏ lại và xây nổi trên mặt nước. Trong thuyền có phòng, có viện, người ta có thể thẳng mình đi lại ra vào, không phải khom lưng cúi đầu gì. Tứ phía chạm trổ sơn thép cực khéo; hai bên có cửa sổ dòm ra ngoài sông. Trên nóc lại có một tầng gác xinh xắn, đủ chỗ bày một tiệc rượu cho năm ba người phong nhã, ngồi đánh chén và xem trăng đón gió thanh thoi.

Sinh thời, Tả quân Duyệt thường đi thuyền này rong chơi trên sông Cửu Long những lúc việc quan nhàn hạ, người ở ven sông thấy đã quen mắt. Giá như bây giờ không nhận thấy lá cờ pháp phối ở đầu mũi thuyền bày ra sáu chữ to tướng “*Gia Định thành Trung Quân Thái*”, không chừng người ta nghĩ ông Tả quân còn sống.

Nay Công Triều ở trong thuyền ấy, ôm ấp mấy cô mỹ nhân ca kỹ lén đem từ Gia Định đi theo. Chung quanh mình đầy những gấm vóc, kim ngọc, cực kỳ xa xỉ đối với đương thời. Đi tới đâu, thiếu món gì, tự nhiên bổ cấp ở đấy hoặc những nhà hào phú quanh miền tự đem đến cống hiến. Lạ gì ở đời loạn, mà Triều lại là một bậc yếu nhân hiển hách, tham lam, dễ tác oai tác phúc, không thiếu chi người kiêng sợ bóng gió, tự đến cầu cạnh đút nhét, cho được bảo toàn lấy thân gia tài sản của mình. Vì thế, khi Triều đến Hà Tiên, có nhà điền chủ hiến luôn một lúc hai nàng thiếu nữ song sinh, cho làm tiểu thiếp. Những vàng bạc châu báu thu lễ mỗi nơi, chất đầy khoang thuyền, là chưa nói đến.

Ngay sau lưng Triều là chiếc thuyền “nhà bếp”, kho chứa những trân cam mỹ vị, bất cứ nửa đêm gà gáy, quan lớn muốn xơi yến sào hay hải cẩu thận, một tên tiểu đồng bơi chiếc xuồng nhỏ đi truyền mạng lệnh, tức thời có ngay.

Sau hết lại một đoàn chiến thuyền đi đoạn hậu, số đông gấp hai tiền đội, còn nghi vệ thì cũng thế, ta đã thấy rồi.

Ấy là nói sự thể thống quan lớn Trung quân đi trẩy ở trên mặt nước. Tới chặng nào cần lên đi bộ, thì đã có bộ binh hộ tống, cờ mở trống rong, tiền hô hậu ủng, kéo dài hai ba dặm đường, những võng lọng cờ quạt với tiếng thét dẹp đường đủ khiến dân làng hai bên phải trầm trồ khùng khiếp uy thế của giặc.

Chúng tôi cốt phác qua cảnh tượng Thái Công Triều đi trẩy dưới thuyền trên bộ một cách tự do hách dịch như thế, để tỏ ra bốn tỉnh miền dưới Nam Kỳ lúc bấy giờ, tiếng là đất của triều đình, mà thực là quy phụ về Khôi cả rồi. Triều phụng mệnh Khôi đi chiêu phủ, nhưng không khác gì một ông chủ mới, ung dung đến nhận đất và xếp đặt công việc kinh doanh thế thôi. Bất quá Triều chỉ tốn công đi, trở tài miệng lưỡi hiệu dụ, cứ không phải đánh chác gì cả; trái lại, còn được cái lợi là đem rượu ngon gái đẹp đi du lịch khắp xứ chẳng tốn đồng trinh nào của nhà; hơn nữa, lại nhân cơ hội tự gây riêng thế lực anh chị để trở mặt cướp địa vị Khôi sau này.

Trừ ra, lúc đến Châu Đốc, Triều mới gặp cuộc chống chọi của hai vị quan triều đình có chức trách thủ thành bảo thổ ở đây, là tuần phủ Lê Đại Cương và án sát Lê Văn Lý. Nhưng hai cụ lớn ta chỉ chống cự miễn cưỡng gọi là che mắt thế gian và lấy tiếng với triều đình vậy thôi. Vài hiệp súng thị uy của Triều đủ quăng hai cụ lớn lên trên lưng ngựa, xám xanh cả mặt, run bắn cả người, té thẳng lên Nam Vang nung nấu, phó mặc nhân dân thành trì Châu Đốc cho quân giặc làm cỏ hay không, tự ý.

Ta nên nhớ sau lưng Triều, lúc nào cũng sẵn có đạo binh Dương Văn Nhã mà Khôi sai đi tiếp ứng xa xa, phòng khi lưỡi mềm không xong, phải dùng đến sắt cứng. Nếu quả Châu Đốc hay thành trì nào chống cự hần hoi, cũng phải tan vỡ.

Nhưng trừ ra Châu Đốc gượng gạo chốc lát, không có thành trì đồn lũy nào chống cự cả. Từ Định Tường xuống mãi Hà Tiên, Triều

chỉ thấy những tòa thành bỏ không, vô chủ, hoặc là chính những tuần phủ, lãnh binh, treo cờ trắng, mặc áo rộng xanh, bày hương án, thân ra đón rước và tình nguyện quy hàng.

Thành ra, sự tình quả thật như trên đã nói, Triều đến Lục châu, ung dung chẳng khác một người thay mặt chủ điền, đi nhận đất mỗi nơi, rồi phân phát cho người khác lĩnh canh.

Đi qua mỗi hạt, Triều với hạp văn thân, hào lý, dân chúng, giải tỏa cho họ biết vì những nguyên nhân nào và cốt có mục đích gì đại nguyên soái Lê Văn Khôi cùng anh em đồng chí phát cờ khởi nghĩa; kết thúc Triều nói:

- Các người hãy nghe lời ta phân trần cho rõ: công việc phản đối triều đình là công việc cứu nước an dân, bao nhiêu quan lại tham ô cùng những chính lệnh hà khắc, cố nhiên phải quét sạch và đổ tống xuống bể cho hết. Từ nay dân ta an cư lạc nghiệp với chính lệnh mới, quan lại mới, mà trong đó các người đều có phần trách nhiệm về mọi sự lợi hại hay dở quan hệ đến mình... Ngay bây giờ, ta để các người tự quyền lựa chọn lấy người xứng đáng ra làm việc quan, coi sóc mọi việc cai trị, hình án, binh lương trong bản hạt...

Đời ấy, Thái Công Triều đã được nghe phong phanh tư tưởng dân chủ bên Tây phương, hay là tự va nghị sao nói thế, sức nhớ đến cái thuyết “*dân vi quý*” của Mạnh Tử hay sao không biết; ý kiến va mới bày tỏ trước mặt văn thân, hào lý, dân chúng, tức là tư tưởng dân quyền, cho dân được công cử đại biểu, như đã thực hành ở nhiều nước Âu châu lúc bấy giờ, trước nhất là nước Pháp.

Vì thế, văn thân hào lý cùng mọi người đứng nghe hiểu dụ, đều lấy làm bối ngỡ, lạ tai, không hiểu rõ Triều muốn nói gì.

Thoạt tiên ai nấy ngơ ngác nhìn nhau, rồi có người đánh bạo hỏi lại:

- Bẩm quan lớn, ngài vừa mới nói “*cho dân tự quyền lực chọn lấy người xứng đáng ra làm việc quan*”, câu ấy là nghĩ thế nào, xin dạy bảo cho chúng dân biết rõ.

- Nghĩa là cách thức cai trị bây giờ sửa đổi mới hẳn; Triều đáp. Quan chức lớn nhỏ ở một hạt, cho dân tự do bầu cử lấy người nào ở trong đám mình xét ra xứng đáng thì làm, chứ đại nguyên soái ở Gia

Định không phải bỏ quan ở đâu đến trấn nhận mỗi tỉnh thành, mỗi phủ huyện như lối cũ, nghe chưa? Làm thế, để chỉ tỏ ra chúng ta khởi nghĩa là cốt vì dân.

- Bẩm quan lớn, cả chức tuần phủ, tổng đốc, cũng cho dân tự kén chọn bầu cử lấy?

- Phải, từ tổng đốc trở xuống cho đến những chức để lại, thơ lại.

- Thưa, hễ dân chọn ai thì đại nguyên soái ở Gia Định chuẩn y người ấy?

- Chính thế, Gia Định sẽ gởi bằng sắc cho những quan lại dân cử.

- Bẩm, vậy thì người dân cử làm quan mỗi hạt, tất phải con nhà trâm anh, hay là đỗ đạt cử nhân tù tài chẳng hạn?

- Không nhất định phải thế!... Triều cười và đáp. Các người muốn bầu cử một cha căng chú kiết nào lên làm quan bản tỉnh cũng được cả, miễn là người hiền đức và có tài năng. Nhiều kẻ đỗ đạt mà vô tài vô hạnh, không bằng một anh bố y!

Trong hàng thính giả đứng gần có mấy người bàn nói xầm xì với nhau, tán tụng chính lệnh mới:

- Đại nguyên soái sửa đổi như vậy chí phải, Nam Kỳ ta sẽ được thấy cuộc thịnh trị như đời Nghiêu, Thuấn, Tam đại, người ta quý chuộng chân tài hiền đức hơn là hư danh.

- Nếu thế thì mẹ đỡ nhà tôi có lúc được làm bà lớn cũng nên.

Thái Công Triều nghe lọt, đưa mắt nhìn bộ dạng người dân áo vải cũ kỹ ấy; gật gù nói:

- Trông nhà người rắn rỏi vạm vỡ thế kia, đang lúc quốc gia dụng võ, nhà người có thể đem cho mẹ đỡ cái danh phận bà lớn lãnh binh được lắm đấy.

Nói rồi, Triều sai mở những kho tiền gạo của Triều đình, còn được bao nhiêu, đem phân phát cho dân bản cùng tất cả.

Triều đi hạt nào, cũng chiêu phủ nhân dân bằng cách khôn ngoan như thế được người ta hoan hô quy phục như nước chảy. Họ cày cấy làm ăn vất vả, mà bị trời làm mất mùa đói kém thông luôn mấy năm, đã khốn đốn về sự sống vật chất, lại thêm đau khổ tinh thần, bởi tội

tham quan ô lại hành hà những nhiều đủ cách. Một cái chính lệnh của Triều đình nghiêm khắc chỉ có một phần, nhưng tội ấy thừa hành, bày vẽ thêm phần nghiêm khắc đếm mười, đến trăm. Triều đình ở cách xa quan sơn nghìn dặm, có biết đây là đâu. Tội nghiệp nhất là những dân đi đạo – mà Nam Trung thuở ấy rất đông – vì chính sách cấm đạo khiến họ bị bọn quan lại thừa nước đục thả câu, làm cho khổ sở dữ dội hơn. Ai có tiền bạc dứt nhét còn khá; không thì phải giam cầm, cùm xích, trốn tránh phiêu bạt quanh năm, chả được giây phút nào yên nghỉ và khỏi lo sợ. Tóm lại, nhân tâm đang oán hận triều đình và khát khao cuộc đời an cư lạc nghiệp, nay bỗng có phong trào tới trả thù giùm họ, giúp họ có hy vọng sinh sống yên vui, lại chần cấp tiền bạc thóc lúa và bảo họ tự bầu cử lấy quan lại, như thế phỏng ai chẳng hả lòng thích ý?

Người ta xem Khôi với Triều như hai vị phúc tinh giáng phạm. Nhiều nhà có bề thế, đem khí giới binh lương giúp giặc. Hạng trai tráng đua nhau đầu quân, xin làm bộ hạ Triều vô số. Riêng phần Triều, giờ tỏ uy danh đã đành, lại có binh lực cũng hùng hậu nữa.

Đem ba tác lược đi chưa đầy một tháng, thu phục được bốn tỉnh dễ dàng, trong lúc Khôi cầm binh đánh chác vạt vạt và ở một tỉnh Biên Hòa, Triều có vẻ bề nghệ nhất thế, tự cho mình là anh hùng số một, công lao số một, trong thâm ý vênh vang tự đắc, chẳng coi nhân tài nghĩa đảng thâm tháp vào đâu kể bắt đầu từ Khôi mà đi.

Duy có trước mắt nàng Lý Cẩm Huệ thì lạ thay! Triều lại thu hình nhỏ như con kiến.

Hôm ấy, đạo thuyền trẩy đang đóng ở Hà Tiên, nghĩa là Triều tới đoạn chót hành trình và đã thành công rực rỡ, chỉ còn sửa soạn quay về Saigon. Nhân đêm trăng tốt, Triều sai chèo lâu thuyền ra đậu giữa sông, rồi bày tiệc đàn ca tiêu khiển với mấy ả thanh sắc đem theo; luôn dịp ăn mừng hai cô thiếu nữ mơn mơn đào tơ, vừa được một nhà hào phú sở tại dâng làm tiểu thiếp.

Giữa cảnh trăng thanh, sắc đẹp, đàn ngọt hát hay, Triều say sưa ngả ngón, tay nâng chén, đầu nghiêng dựa bên nào cũng đụng chạm mỹ nhân, tự phụ mình lúc này phong lưu hiển hách nhất đời, có thể ví như các bậc lương thần danh tướng đời cổ, gật gù ngâm hai câu “Túy chằm mỹ nhân tất, tính ác thiên hạ quyền” (*Cơn say gối đùi mỹ nhân, lúc tỉnh cầm quyền thiên hạ*) mà không phải thẹn chút nào!

Bỗng có mấy tiếng nhẹ như gió mà ghê như sét, phát ra từ các cậu lính canh gác chung quanh thủy trại loan báo lẫn nhau:

- Phu nhân đến!

- Phu nhân đến đó, nghe!

Trong lúc ấy, một thiếu phụ ôm cậu con trai độ bốn năm tuổi, ngồi trên chiếc tam bản nhỏ, do một tên lính bơi chèo, lừ lừ tiến ra lầu thuyền của Triều.

Hắn ai cũng đoán ngay Lý Cẩm Huê cùng đưa con nàng, từ Sài Gòn bặt thiệp ra đây tìm chồng. Hôm Triều phụng mệnh ra đi, lấy có việc binh nguy hiểm bất trắc, để nàng ở nhà, cho được tự do đem theo một lũ tình nương ca kỹ mua vui giữa đường; nàng thừa hiểu, nhưng chẳng kêu ca than thở gì hết.

Ba tiếng “phu nhân đến” ném trúng vào giữa cuộc thanh sắc ngả nghiêng thế này, làm Triều bại hứng, khủng khiếp; giá ai làm phúc chọc thủng lầu thuyền cho va chìm xuống đáy sông, có lẽ mát ruột hơn. Bình nhật, va kiêng sợ nàng và nàng ghen tuông dữ, hai đảng cùng nổi tiếng như nhau.

Con người, trong óc đầy trí khôn xoay trở thời cuộc, mà đứng trước một việc nhỏ mọn lại phải hãi hùng; luống cuống. Triều định chắc Cẩm Huê lần mò từ Sài Gòn xuống chỉ cốt đánh ghen, chứ không còn vì lẽ gì khác. Phên này biến to!

Không biết làm thế nào, Triều chỉ còn vừa kịp khoát tay ra hiệu cho đàn ca im đi, các cô tẩu đi, rồi mình thì thối phụt đèn, vội vàng chui xuống khoang thuyền, nằm dán mình dưới ván, trùm chăn lên trên, nín khe không dám thở.

Tội nghiệp mấy cô sợ bị đòn mang nhục, bỏ chạy tứ tung. Cả hai người tiểu thiếp mới hiến cũng thế. Người này nhảy bừa xuống chiếc xuống con, bơi đi tất cả. Người kia nhào đại xuống sông, làm mồi cho cá sấu.

Mà tưởng Cẩm Huê đến, là cốt làm sấm sét giông tố gì sao?

Nàng phăm phăm trèo lên lầu thuyền, đánh lửa thắp đèn, rồi làm như người bắt ếch đã quen thuộc hang hốc, xuống thẳng dưới khoang, kéo chăn lôi Triều dậy, nói năng niềm nở:

Mời ông lớn ngồi dậy cho mẹ con tôi xem mặt một tí nào!

Triều nghe, tưởng là câu nói giận lẫy, không dám ngửa mặt lên nhìn vợ, giả đồ bóp đầu vỗ trán và nói giọng rên rĩ như người có bệnh:

- Từ chiều đến giờ lên cơn sốt, làm nhức đầu, khó chịu quá!

- Lại bệnh Tề tuyên, chỉ uống thang mỹ nữ là khỏi, ai còn lạ gì? Cẩm Huê nói và cười gằn, càng khiến Triều hồi hộp.

- Mình chỉ nói nhảm! Triều đáp.

- Nói nhảm à?... Vừa mới rồi ở trên bờ còn nghe tiếng đàn ca inh ỏi, cười đùa râm rĩ trên sông, làm cho Hà Bá mất ngủ... Sao mà phát bệnh chóng thế?

- Đấy hẳn là quân sĩ nô đùa ca hát làm vui... Thế mà tôi nằm sốt mê man, chẳng biết gì cả.

- Ông lớn vờ vịt khéo quá... Làm như người ta đui điếc tất cả.

- Thật đấy!

- Ông lớn muốn chối, hử?... Ngồi bên, mùi rượu còn sặc cả lên... Lại còn phấn của mấy cô ấy dính cả vào đầu tóc râu ria đây này, tang chứng rành rành...

- Thôi, tôi van lạy mình, nói khe khẽ chứ!... Chuyện gì hãy để mai một về Sài Gòn sẽ hay. Nếu ở đây, mình diễn kịch ghen tuông, cả lời lớn tiếng, để trò cười cho binh gia cùng những người tai mắt ở xứ này, làm tôi mất cả thể thống đi.

Khốn nạn, Triều cúi đầu van lạy thật, sợ cuống cả người. Trước hàm con sư tử Hà Đông, đến anh hùng hào kiệt cũng nhiều người phải khiếp, chẳng riêng gì Triều.

Cẩm Huê thấy bộ tịch mà phì cười, không nở hình phạt tinh thần nữa:

- Mình gàn quá! Đại trượng phu làm nên công danh sự nghiệp ở đời, muốn vui chơi thanh sắc cứ việc đường hoàng công nhiên, oan gì mà phải che đậy, chối cãi. Đừng thèm bắt chước những kẻ đêm hôm mò mẫm như ranh, ban ngày làm bộ từ hiền như bụt, để lấy tiếng tốt với đời, như thế là giả dối, hèn hạ.

- Thú thật với mình, tôi vui chơi công nhiên trước mặt thiên hạ, nhưng với nhà thì phải che đậy chối cãi, vì sự thương yêu kiêng nể khiến thế!... Triều nói một cách ôn tồn, nhỏ nhẹ, tương nịnh khéo như thế cho Cẩm Huê hả lòng.

Không ngờ được thấy kết quả trái hẳn:

- Thế thì ông lớn càng sai lầm to! Cẩm Huê nói với giọng trực tiết. Người quân tử làm việc gì cũng vậy, cần minh bạch đối với vợ con nhà trước hết, mới minh bạch với thiên hạ được chứ.

- Mồm mép lý sự ấy, tôi xin đầu hàng bái phục. Tiếc sao mà mụ không nặn cho mình ra đời làm đàn ông?

- Ủ, mình thử nghĩ xem tôi nói thế không phải à?... Vả lại, mẹ con tôi lặn lội ra đây chuyện này, có phải chủ ý tìm mình để ghen tuông sinh sự gì đâu! Mình vui chơi cứ vui chơi, mắc mớ gì phải luống cuống bãi tiệc thối đèn rồi đắp chăn giả bệnh...

- Thật vậy ư?... Triều chận ngay lời vợ và hỏi. Chính tôi đang muốn hỏi mình: kỳ hẹn tôi sắp về Sài Gòn đến nơi, mình phải lặn lội ra đây làm gì? Tất có duyên cớ quan hệ thế nào thì mình mới đi!...

- Có thể!... Mấy hôm trước, nội thành Phiên An người ta đồn rầm lên rằng quan Trung quân đã tử trận ở đồn Châu Đốc... Tôi choáng váng cả người, lập tức vào soái phủ hỏi thăm tin mình, ai nấy đều trả lời một cách lúng túng, có vẻ bí mật, khiến tôi thêm lo ngay ngáy... Vừa may gặp ông Tăng Vô Ngại đến phủ, tôi nín áo hỏi săn hỏi đon, ông ta tươi cười yên ủi và khuyên tôi chớ nghe lời thiên hạ đồn đại vô bằng. Ông nói nếu quả thật quan Trung quân có mệnh hệ rủi ro thế nào, thì soái phủ phải nhận được tin hung báo trước nhất, mà đảng này soái phủ chẳng tiếp được tin tức gì lạ, thế nghĩa là quan Trung quân vẫn được bình yên. Nhân dịp, ông kể chuyện cho tôi nghe binh triều ở Châu Đốc có chống cự qua loa, nhưng quan Trung quân bắn súng thị oai mấy hiệp, là chiếm được đồn lũy ngay... Vậy là tôi được yên tâm, cách mấy hôm, lại có một tin khác, làm tôi giựt mình lo ngại, đứng ngồi không yên...

- Còn tin gì nữa?... Còn tin gì nữa đây?... Triều hỏi dồn.

- Cái tin này quan hệ, đáng nên giới tâm... Ấy là tin Triều đình treo thưởng 300 nén bạc để lấy đầu Lê Văn Khôi và đầu mình, hễ ai thành công, ngoài món tiền thưởng to tát ấy, lại được phong làm thiên hộ... Vì thế, hiện nay có bọn lực sĩ thích khách hăm hờ công danh

phú quý, đua nhau hoạt động dữ lắm. Hôm nọ, trời vừa nhá nhem, có người lạ mặt, la cà ở trước cửa phủ ta, dò hỏi quan Trung quân hôm nào ở Hậu Giang trở về, để tới yết kiến... Tôi chạy ra nom theo, thấy đúng người thật khả nghi. Tụi gia nhân đều nói thấy hắn có dấu dao nhọn trong mình. Chắc là một thích khách.

- Khả nghi sao không hô lính bắt cổ nó lại? Triều nói:

- Lúc ấy không kịp nghĩ đến, Cẩm Huê đáp. Nó lẩn vào bóng tối, nhanh như cái cắt. Nghe nói bọn thích khách định dùng tới mỹ nhân kế cho được dễ thân cận những người mà họ muốn cắt lấy thủ cấp để lĩnh thưởng của triều đình. Cái gì chứ gái đẹp thì tôi còn lạ gì tính nết “hảo ngọt” của mình, hễ thấy là híp mắt lại, vô vập ngay... Biết đâu trong mấy cô ả mình tưởng là che được mắt tôi, đem theo từ Sài Gòn, lại chẳng có một đứa đóng vai mối chài cạm bẫy của quân thích khách?... Sợ mình không biết cái tin triều đình treo thưởng mua đầu, sợ mình quá híp mắt về gái, chẳng biết đề phòng mà bị kẻ thù thừa cơ ám sát, cho nên tôi lo sốt cả ruột, vội vàng đâm bổ xuống đây...

- Ôi! Đàn bà chỉ khéo lo nghĩ vẩn vơ! Triều nhìn Cẩm Huê vừa nói vừa cười. Tôi đi đâu tiền hô hậu ủng; ở đâu có quân gia hộ vệ canh phòng tứ vi, thích khách muốn hót cái đầu của thằng này khó lắm.

- Mình bảo tôi vẩn vơ?... Phải biết con người ta, càng cao danh vọng, càng dày gian nan, chẳng thiếu gì kẻ ghen ghét, rình mò làm hại, nhất là người ở vào cảnh ngộ như mình, đảng nào cũng dờ dang, nguy hiểm. Mấy hôm, mẹ con tôi nằm dưới đòn từ Gia Định về đây, chỉ những hồi hộp, chả biết xuống đến nơi còn được thấy bình yên vô sự, bây giờ trông thấy mình vô sự, tôi mừng rỡ như được tái sinh vậy.

Triều ngồi lặng suy nghĩ giây lâu, rồi lắc đầu và nói lẩm bẩm, như nói một mình:

- Hừ!... Vô lý!... Đây hắn là tụi Đặng Vĩnh Ứng đồ hiền tật năng, bày vẽ ra để làm mưu mô phản gián gì đó; chứ không lẽ triều đình lại sai người ám sát tôi!

- Tại sao! Cẩm Huê lấy làm lạ, hỏi.

- Chỉ tại... Triều trả lời ngập ngừng, không muốn nói hết. Nhưng mà thôi, đàn bà biết gì việc nước mà cũng tò mò.

- Ô! Ông lớn khinh em vừa chứ! Cẩm Huê nói giọng hờn mát. Một người đàn bà vượt qua bao nhiêu sông ngòi khói lửa đến đây, thấy chồng ngoại tình mê gái rõ ràng, mà không thèm ghen tuông hay tra hỏi nửa lời, chỉ ân cần lo nghĩ về tính mạng chồng nguy hiểm... thưa ông lớn, người đàn bà ấy có thể nghe bàn quốc gia đại sự được lắm.

- Phải, tôi vẫn biết bà đáo để, không thể mà nghe nói “phu nhân đến” người ta sợ hết hồn vía... Có điều việc này, tôi không muốn mình phải bận lòng; nào ai dám khinh?

- Nhưng mình cứ nói cho tôi nghe.

- Có gì lạ đâu, triều đình để tôi an toàn lúc này thì sẽ có lợi hơn; tôi tin trong triều, bề nào cũng có những bực trí mưu, nghĩ đến chỗ ấy.

- Dễ thường mình là công thần hay quốc trượng gì, mà bảo triều đình phải quý tính mạng của mình như thế?

- Chẳng phải công thần quốc trượng gì cả, nhưng triều đình thuê người giết tôi bây giờ thì lấy ai thu phục Gia Định lục tỉnh lại cho!

Triều nói câu ấy có vẻ tự đắc ra mặt. Cẩm Huê sừng sốt ngó chồng rồi ghé tai hỏi nhỏ:

- Mình lại rấp tâm làm phản, phải không?

Không trả lời vợ câu hỏi ấy, Triều nói lảng qua chuyện khác:

- Hôm mình ra đi, tình hình Gia Định xem ra thế nào, vẫn yên ổn chứ?

- Yên ổn lắm, người ta trở lại buôn bán làm ăn vui vẻ như thường, xem ra nhân tâm ngày càng mến phục nghĩa đảng và mong đợi Hoàng tôn mau về làm vua.

- Còn ở mặt trận Biên Hòa?

- Nghĩa binh đại thắng, Khôi chiếm lại được thành Biên Hòa, đánh binh triều tổn thương vô kể. Một vài hôm, Khôi về Phiên An một lần, xem xét công việc, rồi lại lên Biên Hòa, bài binh bố trận, chờ ngày chống cự với đại binh của triều đình sắp đến.

- Đại binh ấy, ai làm tướng, mình có nghe nói không?

- Có, tôi nghe phong văn thế này, chả rõ là đúng hay sai: Triều đình đã phong Tống Phúc Lương làm thảo nghịch tã tướng quân và

Nguyễn Xuân làm tham tán; Phan Văn Thúy làm thảo nghịch hữu tướng quân, Trương Minh Giảng làm tham tán, hiệp với bình khấu tướng quân Trần Văn Năng, Nguyễn Văn Trọng, đem cả bốn quân thủy, bộ, kỵ, tượng, phân làm mấy đường tiến công Gia Định, hình như sắp sửa đến nơi. Phen này chiến tranh hẳn là dữ dội, mình há? Mình làm Trung quân đô thống, binh quyền to, trách nhiệm cũng to; nay mai ra trận, phải cố bảo trọng thân thể, kéo khổ vợ con nghe!

Triều đứng phắt dậy, truyền báo quân sĩ sửa soạn buồm lái, rồi day lại nói với Cẩm Huê:

- Nếu thế, ngày mai ta phải trở về Gia Định thượng khẩn mới được.

*

Quả thật, Triều rắp tâm phản Khôi ngay từ buổi đầu, cho nên có mấy may cơ hội nào khả thừa, va cũng lợi dụng tới đấy, không chịu bỏ lỡ, chỉ mong sớm được chuộc tội với triều đình.

Hôm đánh Châu Đốc, mà hai quan thủ thành là Lê Đại Cương và Lê Văn Lý thua chạy, trốn lên Nam Vang, kính đô nước Chân Lạp, Triều sai người thân tín theo gót, đưa hai ông ấy bức mật thư sau này:

“Kính xin nhị vị đại nhân chiêu giám”

“Triều tôi phải tạm thời theo giặc, chỉ vì tình thế bất đắc dĩ, nhưng tác lòng trung nghĩa, không bao giờ quên được ân đức trời bể của đấng quân vương. Chủ ý mình bảo toàn tấm thân hèn mọn này, để nay mai có dịp dõng dạc lập công với triều đình, thiết nghĩ còn hơn là hôm nọ tử tiết mà không ích gì.

“Hai ngài có dịp tâu sớ về triều, xin làm ơn vì tôi giải tỏ nỗi niềm khổ tâm, hầu mong triều đình soi xét cho tôi lập chí trung quân báo quốc là thế.

“Việc tôi trù liệu sẽ thực hành nay mai.

“Hai ngài tạm náu ở kinh đô Chân Lạp ít lâu, tôi sẽ đón rước trở về thành trì cũ.

“Gió thu mát mẻ, xa chúc bình an.

“Chánh vệ úy Thái công Triều bái thư”

Thế là Triều chủ tâm trở mặt rõ ràng. Đến hôm Cẩm Huê xuống Hà Tiên. Triều nghe tin triều đình mua lấy thủ cấp mình 300 lạng bạc, tin ấy thực hư không biết, nhưng va càng lo sợ và nóng nảy làm phản, vì e để dây dưa lâu ngày, lực lượng bọn Khôi thêm phần kiên cố khó phá, mà mình đối với triều đình chậm trễ chừng nào tội to hơn chừng ấy.

Bởi thế, Triều lật đật trở về Gia Định, khi được tin đại binh của triều đình sắp vào đến nơi mà trong những người làm tướng có Nguyễn Xuân là chỗ quen biết, có thể trông mong ông ta bình vực hộ mình.

Triều đến Phiên An giữa hôm Khôi cũng ở Biên Hòa trở về phê phát công việc.

Sau khi nghe Triều bày tỏ kết quả chiêu phủ các tỉnh. Khôi cứ độc đoán, tức thời chọn lính Hồi lương, phải đi mỗi tỉnh mười lăm hay hai chục người lanh lợi, khỏe mạnh, gọi là lính khâm phái, để giúp đỡ các quan mới trong việc tuần phòng, cai trị.

Bọn họ Tăng họ Đặng vì việc chung không thể nín hơi, lại bộc bạch lợi hại, can ngăn đến ráo lời, khô cả nước miếng. Khôi nằng nặc không nghe. Trong ý tự cho mình làm thế là phải, vì lính Hồi lương đối với Khôi có tình thầy trò tin cậy, có thể ủy thác hơn.

Nội chư tướng không ai vui lòng; duy có Triều làm thinh, chẳng nói thị phi gì cả, lại còn mừng thầm. Vì tụi lính ấy sẽ là khí giới gián tiếp cho Triều lợi dụng trong cuộc mưu phản.

Kỳ thật, trong thâm ý Khôi cũng đã nghi Triều, lại nghi cả những quan lại mới cử ở các tỉnh, sợ là vây cánh Triều xếp đặt, cho nên cần phải người tin cậy ở Gia Định xuống đóng rải rác mỗi tỉnh, tiếng gọi là giúp việc, mà sự thật cốt để bí mật giám thị.

Nếu những người được giao phó trách nhiệm ấy, đứng đắn tử tế, thì chẳng những giúp Khôi được lòng nhân dân các tỉnh quý mến, phục tòng, lại làm cho Triều mất chỗ dựa, tức thị không dám ho he phản trắc gì nữa.

Khốn nhưng họ là lính Hồi lương.

Một hồi trên đã nói qua, độc giả hẳn còn nhớ: những người phạm tội trộm cướp sát nhân ở các tỉnh Đàng ngoài, bị án lưu đồ vào Gia Định; sau khi mãn hạn, phần nhiều ở lại sinh nhai, chứ không về xứ; lúc ông Tả quân Duyệt còn làm tổng trấn, sợ để họ trà trộn với

dân gian, rồi thì chứng nào tật ấy, túng đói làm càn, sinh ra nhiều sự, ông bèn nghĩ cách thu biên hộ vào quân đội riêng, cho họ có việc làm yên ổn, vừa có thể lập công hiệu lực với nhà nước. Nhân thế, mấy đội lính đặc biệt ấy có tên là Bắc Thuận, là Hồi lương.

Khi còn là thần tử triều đình, chính Khôi cai quản đội lính Hồi lương, tình nghĩa ân uy khắng khít lâu ngày, thầy trò rất là tương đắc.

Bình nhật họ yêu mến kiêng sợ Khôi, ai nấy một niềm giữ tròn chức phận, không dám làm chuyện gì trái ngược, phạm phép. Khôi cũng tin cậy ở lòng họ trung thành và dễ thống ngự.

Ta đã biết cuộc khởi nghĩa của Khôi thành công mau chóng, có công lao đội lính Hồi lương đóng góp một phần khá nhiều.

Nay, Khôi bá chủ một phương, ngôi cao quyền lớn, nghĩ lại thầy trò tình cũ nghĩa xưa, lẽ tự nhiên muốn tìm cách để bạt cho đám cựu bộ của mình có cơ hội lập chút công danh, bỏ lúc cùng nhau tử sinh hoạn nạn. Huống chi họ lại là người Khôi tin cậy thuở giờ, cho nên công việc trình thám mọi sự cử động ở Lục châu, Khôi tất tả suy nghĩ cân nhắc, có thể đặt lòng tin nhiệm vào đám Hồi lương hơn là ai khác. Phàm người có thối mắc, tinh ma, nếm nhiều mùi đời cảnh khổ, mới làm được việc rình mò thiên hạ. Trong ý Khôi cảm chắc bọn đầu trộm đuôi cướp ấy được mình răn dạy bấy lâu, đã sửa đổi tính nết, tất nay không làm sự gì càn rỡ, để phụ lòng mình phó thác.

Có biết đâu họ như thú dữ, phải nhốt một nơi và có người kèm chế luôn; một khi thả buông nó ra thì lại hung tợn, say máu, vô bất người ta mà ăn như cũ.

Bọn Hồi lương khi ở Gia Định dưới quyền Khôi quản thúc, cố nhiên phải hiền lành tuân thủ kỷ luật; nhưng bọn Hồi lương thả cho đi lục tỉnh một mình, đeo thanh gươm, mặc áo dậu, có chút quyền hành trong tay, sẽ hiện nguyên hình trở lại căn tính!

Trước hôm họ đi, rủ nhau đến phủ Trung quân chào biệt, được Thái Công Triều nhồi sọ và cho ăn “bánh thánh” một cách thâm hiểm, dường như đánh thức căn tính họ dậy bảo họ cứ làm việc ác đi:

- Các anh nên biết đại nguyên soái tuy chẳng nói ra, nhưng ngại sai các anh đi Lục châu phen này, tức là cho các anh có cơ hội vinh thân ấm tử xây dựng tương lai hạnh phúc đấy. Ở cái đời binh đao loạn

lạc, tranh tối tranh sáng này, chỉ có thằng nào khờ dại mới không biết kiếm chác lấy ít tiền của để nay mai thái bình mà hưởng!... Việc gì các anh cứ thẳng tay, bề nào cũng đại nguyên soái với ta bênh vực...

Một lát, Triều cười hề hà nói tiếp:

- Nay Lục châu của tiền như nước, gái đẹp như tiên, tha hồ cho anh em tiêu khiển! Mà người ta lại hiền lành, chỉ lấy uy mà đè nẹt thì việc gì cũng xong!...

Những lời dụng tình kín đáo, kêu gọi tham vọng người ta như thế, không khác gì cơn gió thổi vào đồng lửa tắt lại bùng lên.

Quả nhiên tình nào tốp ấy, họ vừa đặt chân đến Lục châu, con heo vô lại ở trong bản tính, liền vùng chỗ dậy, tha hồ hoành hành tác ác.

Họ ý mình là công sai của đại nguyên soái, nhất cử nhất động, hết sức ngang tàng, hống hách, không còn đếm xỉa lẽ phải trái mà cũng chẳng coi ai ra gì. Ban ngày thì dùng oai quyền làm mưa làm gió ở châu thành; đêm tối dắt nhau về các làng xóm, sách nhiễu chèn chén, cướp bóc nhà giàu, chọc ghẹo đàn bà con gái; hễ ai cưỡng lại thì họ chẳng ngần ngại ra oai căng nọc, đánh đập, đến nỗi rút gươm chém giết, coi tính mạng người ta rẻ rúng như thể cọng rơm con kiến vậy.

Ban đầu họ còn quấy nhiễu nhà dân, sau đến các dinh thự công môn cùng vợ con hầu thiếp của các ông quan mới, họ cũng không tha.

Có thể nói tóm lại, không việc gian ác nào họ chẳng dám làm; không trôi qua một ngày nào mà dân gian không bị hãi hùng và chịu sự tai hại bởi tội Hồi lương gây ra.

Bấy giờ, người ta thấy chế độ mới, cuộc đời mới, ngỡ rằng tốt đẹp, lại hóa ra xấu xa, chẳng có lợi gì cho mình. Cân nhắc, so sánh tham quan ô lại lúc trước thế mà không làm khổ dân quá quắt cho bằng tội Hồi lương hiện giờ. Tất nhiên lòng người phải nghi ngờ nguội lạnh với cuộc đời mới, trở lại nhớ tiếc chế độ đã qua.

Hôm nọ, nhân tâm nồng nàn hoan hô quy phục Khôi, nay trở lại oán thán ngấm ngấm rồi thì nổi xung lên, lấy bạo lực đối phó với bạo lực của bọn Hồi lương.

Chỗ nào, người ta cũng coi bọn ấy là bọn cừu địch không thể dung thứ.

Dư luận sôi nổi tứ tung.

Không nhịn được nữa, người ta gặp bọn Hồi lương ở đâu, xúm lại trừng trị ở đấy.

Tỉnh này Hồi lương bị dân đón đường đánh chết, bêu đầu trên ngọn cây, và phanh thây ném xuống Cửu Long giang cho cá sấu. Hạt kia, người ta bắt trói lại phơi nắng, cấm tuyệt cả cơm nước; mấy cậu lạy lục cũng không tha, rát cổ kêu la cũng không ai thêm cứu. Đàn bà con trẻ còn lấy phân bôi trát vào mặt mấy cậu và nói giận dữ: “ác giả ác báo đáng kiếp chúng bay!”

Có nơi, dân đánh đuổi cả bọn quan lại mới, chính họ đã tuyển cử hôm tháng trước, rồi đi tước các quan cũ trở về cai trị. Người ta oán hận tội Hồi lương, giận lây đến quan lại mới, cho là một phe gian ác; không biết trong đám ấy có nhiều kẻ cũng bị Hồi lương ngược đãi như ai.

Trong vòng một tháng, nhân tâm ở Lục châu đối với Khôi lãnh đạm và ly tán hầu hết.

Người ta quay lại nhớ tiếc triều đình.

Những lúc bọn Hồi lương lộng quyền tác tể ở Lục châu, Khôi bận rộn việc quân trên vùng Biên Hòa, đôi ba bữa về Gia Định một lần, tuyệt nhiên không nghe biết gì cả. Chính bọn ấy phải gửi tờ bẩm báo công việc lên soái phủ luôn, nhưng khi nào lại tự kể xấu mình; còn quan lại thì sợ vạ lây, không dám thóc mách.

Thái Công Triều có tai mắt khắp Lục châu, thừa biết những sự hành động bạo ngược của bọn Hồi lương nhưng hắn ta đang cần lợi dụng chỗ đó, còn âm thầm khuyến khích cho thêm lớn chuyện lên, tự hắn giả điếc làm thính, không đại gì cho Khôi được sớm biết tình hình để kịp cứu chữa.

Đến nỗi tin tức nào, tờ bẩm nào từ các tỉnh đưa về Phiên An, cũng đều nói tình hình Lục châu yên ổn, các ông Hồi lương đứng đắn, trung thành và rất được việc. Vạn nhất có nguồn tin hay tờ bẩm nào nói đến thực sự, thì Triều bung bít đi ngay. Có hôm, một người lính kỵ mã thường chạy tờ bẩm từ tỉnh Định Tường lên Gia Định, bị giết cả người lẫn ngựa ở khoảng Bình Chánh, Bình Điền, mà cái túi đựng công văn thì mất biến tông tích. Đó là một thủ đoạn của Trung quân Triều che mắt thế gian.

Vì thế, Khôi cứ yên tâm về phía Lục châu, những kẻ bộ hạ tin cần thuở nay tất là làm tròn chức vụ mình đã phó thác.

Mãi cho đến hôm những tấn thảm kịch Hồi lương diễn ra tứ tung, mà tai vách mạch rừng, thiên hạ đều biết; nghĩa là đến hôm nhân tâm lục châu mười phần ly tán hết tám chín rồi, khó thể vẫn hồi được nữa, bấy giờ Khôi mới được biết rõ sự thật.

Khôi đang ở Biên Hòa tìm xét địa thế lập trận, đón đánh đại binh Tống Phúc Lương sắp vào đến nơi, bỗng nhận được tin tức Lục châu nguy biến, tự vò đầu bứt tóc, như người phát điên.

Thời cuộc biến đổi đến thế, thì nguy hiểm cho Khôi thật.

Và mong dựng nghiệp lớn, cần phải lấy bốn tỉnh miền dưới làm chỗ dựa lưng vừa là kho tàng thóc gạo, tiền bạc, nhân dân, có thể mới đủ lực lượng chống với binh triều ở trước mặt. Nay mất chỗ dựa lưng, mà trước mặt thì quân đại địch như nước lũ sóng cồn ào ào tràn tới, một thành Phiên An, một tỉnh Gia Định, lấy gì án ngữ cho được? Thế nào cũng phải vớt lại chỗ dựa lưng trước đã.

Vội vàng, luống cuống, Khôi chỉ kịp truyền miệng cho tả hữu đi gọi Nguyễn Văn Bội ở Nhà Bè về trấn Biên Hòa, rồi nhảy phốc lên lưng con Thần Phong, một mình một ngựa, phi thẳng một mạch về Gia Định.

Về đến soái phủ, rờ lại khăn bịt trên đầu đã bay mất lúc nào không hay.

Lập tức vời họp các tướng lĩnh có mặt tại Gia Định. Bàn cách gỡ nước cờ bí.

Các tướng lão thành kiến thức hoặc đám trực ngôn như hạng Tăng, Đặng và Hoàng Nghĩa Thư, đều vắng mặt vì phận sự: người thì mắc đi thanh tra các phủ huyện, người thì đang ở mặt trận. Hiện diện chỉ có những người thật thà, cục mịch, chỉ biết công hiến bấp thịch cho nghĩa đảng và một niềm phục tòng, bất cứ đại nguyên soái nói quan tâm cũng ừ, quan tư cũng gật; về quân cơ cũng như về chính trị, họ chẳng có ý kiến gì mà cũng không quan tâm đến.

Giữa cuộc hội nghị này hai ông chánh phó chủ tịch cãi nhau kịch liệt.

Mấy tháng trước, Triều còn kiêng nể Khôi và giữ lễ tôn kính bề ngoài; bây giờ tự phụ mình công cao, ở Lục châu cũng có vây cánh thế lực, lại nhân thấy Khôi đang cơn túng bĩ tất chả dám động phạm đến mình, cho nên Triều ngôn ngữ tự do, coi như bình đẳng, không cần giả đồ khúm núm từ tôn như độ nọ.

Khôi thống trách Triều có dã tâm vun bón thanh danh thế lực riêng, đã âm thầm xúi bầy ly gián nhân tâm Lục châu, có ý lợi dụng thế nào đó? Sở kiến của Khôi đâm trúng vào chỗ u ẩn trong ruột Triều, nhưng con người gian ngoan quỷ quái này, khi nào chịu nhut và nhận lỗi mình.

Trái lại, Triều trợn mắt gân cổ, lớn tiếng cãi lại, đổ trút vào Khôi tất cả những lỗi lầm mà Khôi đã buộc cho hắn:

- Ô hay! Ông nói thế mà nghe được à?... Sao không thử rờ sau gáy xem: lỗi mình to như cái đình, không biết tự trách, lại đi gây gỗ trách móc thiên hạ?... Tôi nói có mặt tất cả chư tướng làm chứng: vẫn biết tôi không phải là bạn đồng chí ban đầu, không dự phần vào lúc mới cử sự, tôi tán thành và gia nhập sau, nhưng đối với ông, đối với việc nghĩa đảng, có ai sốt sắng trung thành và lập nên công trạng cho bằng tôi? Thật thế, trong khi chính ông thập tử nhất sinh chiến đấu khó nhọc với đồn Biên Hòa, tôi ra công đi chiêu phủ được cho ông cả thành trì nhân dân bốn tỉnh Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên, không hề tổn một mạng người, rò một giọt máu. Lại xếp đặt cả việc cai trị và tuyên dương đức tốt của chế độ mới; nhân dân đâu đó hơn hờ quy phục, ca tụng thanh danh ông như trời... Nếu quả tôi có dã tâm gì, thì tôi đã chẳng làm thế, tôi đã ở lại miền dưới mà an hưởng phú quý, tự đại tự tôn chẳng được hay sao, còn đem thân trở về Gia Định, đóng vai tuồng “hàng thần lơ lảo” tứ phía ganh gỗ này làm gì không biết?...

Triều nghĩ hơi giây lát, nói tiếp:

- Nay, ông Khôi ơi! Thu phục Lục châu cho nghĩa đảng ấy là công tôi, mà làm cho phân tâm Lục châu chia lìa chán nản nghĩa đảng như bây giờ, chính là lỗi ông...

- Ô!... Lỗi tôi?... Ông này nói lạ! Tôi có ám gì?... Khôi sốt ruột, hỏi vặn lại.

- Phải, chính là lỗi ông. Quân Hồi lương là bộ hạ ông từ xưa, tâm tính tư cách chúng du côn tàn nhẫn thế nào, hẳn ông không lạ... Ai

bảo ông sai phái bọn ấy đi Lục châu, để chúng được thể lộng quyền, làm toàn những việc gian tà, trái phép. Nào cướp bóc nhà dân, nào hãm hiếp phụ nữ, nào chém giết vô tội, nào nhùng nhằng lương dân, hơn một tháng trời, chúng thả cửa hoành hành, gây nên bao nhiêu thảm kịch, tội ác, mà ông giả điếc ngó lơ, chẳng ra lệnh triệt bọn ấy về hay là thả phép trừng trị, để cho nhân tâm được hả...

- Nào tôi có được biết tin tức gì đâu? Khôi nói.

- Mặc kệ!... Người ta biết rõ Hồi lương là bộ hạ tin cẩn của ông, chắc hẳn ông dung túng, nên chúng mới dám ngang tàng như thế... Chờ đợi không mấy ông trừng trị, dân họ phải tự ra tay trừng trị lấy... Lúc trước nhân tâm quý mến nghĩa đảng chúng ta bao nhiêu, vì ông dùng lầm và dung túng bọn Hồi lương gây thì gây oán khắp xứ, bây giờ nhân tâm quật lại chán ghét nghĩa đảng chúng ta bấy nhiêu. Bảo rằng không phải lỗi ông làm mất lòng dân lục châu thì còn lỗi ai?

Khôi cúi mặt, có lẽ tự hồi tự thẹn, nhìn nhận Triều nói có lý, đành phải xuống nước xử nhữn:

- Ông Trung quân tỏ bày can do và quy cứu về tôi như thế, rất phải. Việc đời, không có lửa làm sao có khói... Nhưng chuyện đã qua, dù sao cũng dĩ lỡ mất rồi, chúng ta ngồi cãi cộ đổ lỗi cho nhau, chẳng ích gì cả. Bây giờ, chúng ta phải bàn chuyện bây giờ thì hơn.

- Lục châu đã mất, cũng là một chuyện dĩ lỡ rồi, Triều nói; bây giờ còn phải bàn chi nữa?

- Không! Chúng ta phải tìm cách cứu vãn lại chứ.

- Phải lắm, không có thì trước mặt sau lưng cùng bị mũi giặc, làm sao chịu nổi.

- Lần này, nghĩa đảng lại phiên đến tài lực của Trung quân mới được.

- Thừa, việc gì kia? Triều hỏi giả vờ như không biết. Chắc nguyên soái muốn sai tôi lên mặt trận Biên Hòa.

- Không phải, bản chức lại muốn tăng phiên Trung quân đi chiêu phủ Lục châu một phen nữa. Bận trước, ông sẵn có thanh vọng đối với dân, tình hình bây giờ tất ông mới thu thập lại được.

- Tôi xin chịu thôi!... Triều đáp một cách quả quyết, mặc dầu trong trí mừng thầm.

- Sao thế? Khôi hỏi có vẻ bồn chồn, chỉ sợ Triều từ chối.

- Ngài muốn bảo tôi nhảy vào nước sôi đồng lửa nào, tôi vui lòng nhảy vào ngay. Nhưng lại đi Lục châu thì tôi xin chịu. Lần trước tôi nói như rồng như phượng, rồi sau người ta trông thấy “ngôn hành tương phản”, bạn này lại vác mặt xuống thì họ nhổ nước miếng vào, hoặc lấy dao rạch mặt tôi ra, còn gì?... Thôi... thôi!... xin ngài chọn tướng tài khác.

Khôi vật nài với giọng tha thiết:

- Tôi đã biết tài năng của ông hơn cả mọi người... Việc cứu vớt cuộc diện lục châu, phi tay ông chẳng ai đương nổi! Thế nào ông cũng chịu khó đi hộ, không thì đại sự hỏng bét.

Các tướng dự hội cũng nài nỉ:

- Thôi, đại nguyên soái đã ân cần phó thác như vậy, tướng quan Trung quân chớ khá từ sau... Việc là việc chung tất cả.

Thái Công Triều biết cơ hội đã tới cho mình để thực hành sở định rồi, nhưng còn làm bộ khó khăn ngần ngừ giây lâu, rồi chắt lưỡi và nói:

- Vâng, đi thì đi!... Việc ông chẳng lẽ thấy khó mà tránh?... Có điều, nếu như nguyên soái muốn cho tôi đi lục châu chuyến này nữa, trước hết xin chuẩn y của tôi một điều thỉnh cầu, vì sự thành bại quan hệ ở đó...

- Điều thỉnh cầu thế nào? Khôi hỏi:

- Chỉ sợ nguyên soái lại nghĩ sai lầm mà không y theo được!... Triều đáp nửa úp nửa mở, chưa chịu nói ngay.

- Được, ông cứ nói. Điều gì có lợi cho việc chung, tôi vui lòng y theo ngay.

- Bây giờ tôi với ngài, hai ta cố nhiên hợp lực mà ông phân quyền, thì mới trông mong thành được đại sự.

- Nghĩa là... Theo ý ông muốn?

- Theo ý tôi muốn, chúng ta nên chia hai quân lính, quyền hành, bờ cõi, để mỗi người hành động trong một khu vực riêng, tự chịu lấy trách nhiệm; tôi xin cáng đáng mặt sau để ngài thông thả đối phó binh triều ở mặt trước. Chắc ngài cùng chư tướng đang suy nghĩ, nghi

ngại, không hiểu rõ chân tâm của tôi... Vậy tôi xin nói may để ngài hiểu cho rằng: sở dĩ tôi muốn như thế, chỉ cầu cho được yên thân mà làm việc kéo tôi cứu ở trong tay ngài mà chư tướng hay nói ra nói vào, nay vu tôi phản trắc, mai xin ngài giết tôi, thế thì tôi không sao vui lòng chắc dạ mà nói chuyện làm việc cố sức cho được?... Ngài thử nghĩ xem. Chẳng qua bây giờ cũng như ngài tình nguyện làm giấy giao quyền chia việc cho tôi vậy, mai sau thành công, tôi lại xin nộp lại và ở ngôi thứ phục tòng như cũ...

Khôi cũng khôn ngoan, nhưng không xa tưởng đến sự Triều có dụng tâm gì tai hại, chỉ thầm nghĩ thằng này muốn dự bị tranh ngôi cướp quyền đại nguyên soái của mình là cùng. Huống chi tình thế lúc này càng lúc càng khẩn cấp, mà có người bảo lĩnh trấn áp mặt sau cho mình có chỗ dựa lưng vững vàng, có lương thực tiếp tế, để mình yên trí rảnh tay đối phó mặt trước, Khôi đang cầu lấy, dù phải đánh đổi với một giá nào cũng không cho là đắt. Bất quá tạm thời chịu nhận điều khoản kia cho vừa lòng Triều, mai sau xong việc, sẽ lấy quyền trên mà lật trái lại, chả khó khăn gì, Khôi nghĩ nông nổi như thế, cho nên tươi cười theo ý Triều muốn:

- Giờ tôi tính khuôn xử thế này ông nghĩ có được không, né?
- Vâng, xin ngài cho nghe cao kiến; Triều đáp và lắng tai chờ đợi.
- Ta chia ra hai khu trách nhiệm, mỗi người một khu: từ Gia Định trở ra đến Huế, nhất thiết công việc về phần tôi chủ trương; từ Định Tường lên tới Nam Vang thì xin phú thác một tay ông gánh vác; ý muốn của ông là thế, chứ gì?
- Vâng, thiên ý tôi đại khái như thế. Còn về binh lực thì nguyên soái tính thế nào?
- Thì cũng chia hai chữ sao, mỗi đảng một nửa, cả tướng ta lẫn binh lính.
- Cảm tạ ngài có lòng tốt, nhưng ngài chia cho binh lính là đủ, còn tướng tá thì xin lưu lại dưới trướng mới phải, vì sẽ cần dùng chiến đấu trận mạc nhiều. Phần tôi đi Lục châu không phải cần đến; vả lại, tôi sẽ chọn nhân tài ở Lục châu thì hơn. Duy có về thủy quân..
- À! về thủy quân chiến thuyền vì ông cứ chiếu số mà lấy hai phần ba... Tôi để cho ông phần hơn.

- Nguyên soái định thế là phải, vì ở miền dưới, sông, ngòi, kinh rạch, chạy tứ tung như mạng nhện, cần nhiều thuyền bè mới tiện công việc.

- Quân tử nhất ngôn, như thế là minh bạch, phải không? Khôi nắm tay Triều và nói trịnh trọng. Xin ông tận trung tận lực, không bao giờ nghĩa đảng quên được công lao...

- Thưa ngài cứ vững lòng tin cậy nơi tôi, từ nay không phải lo ngại gì về mặt sau lưng nữa!... À quên! Phiên ngài viết cho một tờ giao quyền đảng hoàng, cho được trọng sự thể đối với quân dân.

Khôi cười và tức tịch viết tờ ủy quyền cho Triều, biên rõ các điều khoản như trên đã định. Triều cung kính nhận tờ của Khôi trao tay, làm như người hết sức thật thà, tòng phục.

Sau cuộc hội nghị, Triều về dinh thu xếp đồ đạc, sáng sớm hôm sau đem gia quyến lên đường ngay, lấy cớ tình hình bình Lục châu khẩn cấp, cần phải đi liền. Kỳ thật, sợ lưu liên ở Gia Định, rủi Khôi tỉnh ngộ hoặc nghe lời bọn mưu sĩ mà cản trở và làm hại mình chẳng.

Triều để lại mấy viên gia tướng ở lại, chờ vài ba hôm nhận lấy phần chia quân lính và chiến thuyền sẽ dẫn đi sau.

Xong việc hôm ấy, Khôi cũng hấp tấp trở lên Biên Hòa, vì nghe tin báo rằng tiên phong của hai đạo binh Nguyễn Xuân và Tống Phúc Lương càng ngày càng áp gần bờ cõi. Hình như có mấy đội đã cắm trại ở Mô Xoài trên Bà Rịa rồi.

Cách hai ngày, quân sư Tăng Vô Ngại đi hiệu dụ ở các phủ huyện trở về, bộ hành đề đốc Nguyễn Kiều và hai tướng Hậu quân Võ Vĩnh Tiên, Võ Vĩnh Tài, thuật lại tấn kịch đã diễn cho ông nghe.

Ông dầm chân kêu trời:

- Chết chửa! Sao các ông chẳng can ngăn đi? Hôm nọ, trước khi tôi đi, đã căn dặn nguyên soái gọi bọn Hồi lương hướng về, còn thằng Triều, thì ta cứ trọng đãi nó ở thành Phiên An này, đừng sai khiến buông thả nó đi đâu nữa hết. Khốn nạn! Lời tôi nói chỉ như nước đổ lá khoai... Giờ lại phóng nó đi Lục châu, là sự quá quắt lắm rồi, còn phân quyền chia đất cho nó là nghĩa ý gì?

Ba người cùng nói:

- Tiên sinh còn lạ gì tính nguyên soái độc đoán, chúng tôi phận nhỏ, can ngăn có được đâu... Đến ngay tiên sinh và ông Lại bộ Thái Khanh (Đặng Vĩnh Ứng) vẫn được kiêng nể, mà nói còn chẳng thèm nghe! Nhưng việc lại thả Công Triều đi Lục châu hệ trọng cho đại cuộc lắm thế kia ư?

- Chứ sao! Tăng nói và thở dài. Phên này ông soái nhà ta thả Triều xuống Lục châu, sẽ có cái hại cũng như ngày xưa Hạng Vũ cho Lưu Bang vào đất Thục vậy... Nó được tự do đào huyết để chôn tất cả anh em ta, rồi đẩy các ông xem.

Té ra Khôi nhượng bộ Thái Công Triều, tưởng là thu xếp cho êm phía sau lưng, không ngờ lại tự gây ra mũi giặc sau lưng nữa.

X. HAI NGƯỜI CON GÁI LẠ ĐỜI

Thoát thân ra khỏi Gia Định, Thái Công Triều có thể nung đúc tất cả tâm tư trí lực vào một việc thực hành: phản Khôi để lấy công chuộc tội với triều đình.

Trên chiếc quan thuyền chở Triều và gia quyến từ Sài Gòn xuôi Mỹ Tho, chiếu cặp điều trải bọc chính giữa, bày la liệt nào ấm chén Nội phủ, nào coi trầu bằng bạc chạm trổ hoa mỹ, nào tráp khảm xà cừ, nào điều ông ngà bịt vàng, xe trúc dài bốn năm thước và uốn cong vắt; thứ trúc rất quý ở Tuyên Châu bên Tàu đem saung, mình đỏ gân xanh, có tính chất dị thường là lửa đốt không cháy; một đoạn trúc như thế phải đổi tới mười lăm nén bạc mới được, phi bạc người sang trọng hiển hách như Triều lúc bấy giờ không khi nào dám xài.

Ngồi dựa mình bên gôi xếp, Triều luôn tay xoắn xoe hai chòm râu cá chốt, tỏ ra vẻ người có sự khoan khoái gì trong lòng. Bên cạnh, ái thiếp Cẩm Huê ngồi pha nước trà tàu, rồi tay gõ nhịp, miệng ca một vài khúc nam bằng, tình tứ véo von, để cho phu quân đồng thời được nếm cả hương vị lẫn thanh sắc.

Chốc chốc, Triều lại gật gù cao hứng và cười nụ một mình: Ý nghĩa của những nụ cười ấy, cố nhiên là vui lòng đắc ý tới cực điểm, nhưng không phải vì được thưởng thức nhan sắc đẹp, hương trà thơm,

tiếng hát hay; kỳ thật vì những con sóng khoái hoạt về tiền đồ công danh đang sôi nổi ở trong tâm não, chỉ có một mình cảm thấy rục rờ vô hạn.

Và cười Khôi ngu, vận số đến lúc mặt kiếp, tức là sung sướng đắc ý về chỗ mình trí mưu xuất sắc, khéo chuyển nguy ra an, chuyển họa thành phúc, cảm chắc hồng vận đang tiến đến nơi. Chỉ trong nay mai, bọn Khôi tất phải bại vong, Triều đình khôi phục được Gia Định lục tỉnh, đều nhờ ở tài trí công lao của mình, chắc nhà vua không vắn tội, còn thêm phong thưởng là khác. Ngó mong ra con đường trước mắt, thấy phủ đầy gấm vóc, rải toàn hoa hường.

Triều suy nghĩ chừng nào, cao hứng chừng ấy, không thể không thích ý cười thầm.

Có chỗ lạ, trước cái trạng thái khác mắt thế mà Cẩm Huê chẳng tò mò tìm hỏi căn do, lại dường như cũng không quan tâm đến.

Bỗng dung Triều hỏi nàng đột ngột:

- Mình biết cỡi ngựa nha?

Nàng sửng sốt, tưởng mình lãng lai, nghe sai lầm chẳng:

- Ông lớn hỏi tôi thế nào kia?

- Tôi hỏi có phải mình biết cỡi ngựa không? Triều nhắc lại câu hỏi.

- Ông hết cả chuyện nói rồi sao, phải đâm hỏi vắn vơ? Cẩm Huê cười và đáp.

- Không! Tôi chợt nhớ lại chuyện cũ, nhưng còn phẩn phảng, nên muốn hỏi lại cho chắc, thế thôi.

- Cỡi ngựa?... Đàn bà con gái sinh trưởng ở vùng tôi đều phải biết ít nhiều. Họ cỡi ngựa đi chợ là sự thường, lúc còn ở nhà, tôi cũng phải thạo như họ.

- Thật à?

- Ai nói láo!

- Tôi ngắm dung mạo mình, giá như đánh bộ quần áo đàn ông, đội nón dứa kính, đi đôi giày dùa, thêm chiếc áo địa màu xanh, mà ngồi trên lưng ngựa, thật trông ra phết một phong lưu công tử, con gái thấy phải chết mệt...

- Ô!... Sao tự dưng hôm nay ông lớn nầy nòi ra lắm cái kỳ tưởng thế? Tôi mặc nam trang mà thiên hạ phải lắm, con gái phải mê?

- Ủ, tôi nói thật đấy. Nhưng chả biết cô mình có gan cái trang hay không?

- Mà để làm gì chứ?

- Nói ví dụ như khi cần dùng đến.

- Nếu lâm khi cần dùng, cái trang thì cái trang, khó khiếm gì chuyện đó mà phải lo có gan hay không!... Hồi trước, ở trên sân khấu, tôi chẳng thường đóng vai đàn ông khéo tuyệt là gì?

- Ô nhá! Thế mà tôi quên... Lại còn tài sức cỡi ngựa, trời nắng đường xa, cô mình liệu có chịu đựng nổi, hay là vài ba dặm đường đã kiệt sức ngã lăn ra thì buồn cười...

- Thử nói xem đường xa độ bao nhiêu mà phải lo?

- Chả mấy! Ví dụ đi về áng chừng ngót ba trăm dặm, mà được cái đường sá phẳng phiu, đồng bằng, chả phải len đèo xuống dốc gì cả.

- Nếu thế thì tôi xem dễ như trò đùa, ngon như ăn gỏi... Tưởng đâu ba nghìn dặm mới sợ, chứ ngót ba trăm dặm mà lại đường phẳng thì có mùi vắn gì! Cẩm Huê nói rất quả quyết, có vẻ tự hào hiện trên khuôn mặt.

- Mình nói thật hay bỡn? Triều hỏi vắn nắn, có ý ngờ vực.

- Chẳng bỡn tí nào! Để khi lâm sự tự tôi trở tài cho mà xem.

Đến đây, cả hai vợ chồng cùng ngồi lặng lẽ, đưa mắt lên trông sao dòm trời, mỗi người để trí suy nghĩ một đằng.

Hồi lâu, nàng vỗ vai chồng, tỏ dấu thân mật và hỏi tí tê:

- Mình à! Tôi ngẫm nghĩ mãi không hiểu vì sao tự nhiên mình lại khẩn khoản những sự tôi có biết cỡi ngựa và có sức đi xa hay không?... Tất có lai lịch thế nào, mình nói trắng cho tôi nghe, kéo lòng tôi bút rứt khó chịu từ nãy đến giờ... Hay mình có việc gì hệ trọng, cần dùng đến tôi chẳng?

- Chính thế, mình đoán đúng! Triều đáp. Tôi định ngày mai đến thành Định Tường, sẽ có một việc phải cậy đến mình.

- Việc gì thế, mình?

- Mai đến Định Tường sẽ hay.

- Không, tôi muốn được biết ngay bây giờ... Cứ dứ tôi với về bí mật, tôi bức lắm. Trong khoang thuyền này chỉ có tôi với mình, với bầu trời mặt nước, còn quân gia thủy thủ cách biệt hai đầu, vả lại đều là kẻ thân, không còn tai vách mạch rừng mà ngại. Tôi nóng ruột được nghe, để tư liệu xem tài lực mình có kham nổi công việc của chồng phú thác hay không?

- Tôi biết sức mình làm thừa đi, nếu như sẵn lòng!.. Triều nói và nhìn nàng chăm chăm.

- Việc ấy cần đi đường xa?

- Phải.

- Đến xứ nào, khoảng nào lận?

- Vào khoảng Bà Rịa.

- Lại cần giả làm đàn ông?

- Phải, vì sợ lộ hình ích, thiên hạ nhiều người biết mặt mình.

- Nhưng kẻ khác đi thay không được à, lại cứ phải tôi?

- Cứ mình mới được; kẻ khác đi sợ người ta thông tin, tức là không được việc.

- Nghĩa là tôi có một vật thị thực để thiên hạ trông thấy mà tin?

- Đại khái như thế.

- Nhưng tôi đến Bà Rịa để làm việc gì? Cầm Huê cố hỏi xoắn xít, rồi nàng cười và nói tiếp. Hay là ông bắt tôi đi đón một cô tiểu tinh nữa cho ông đấy, có phải thì thú thật phăng đi? Bây giờ phú quý hiển hách cực điểm, tính chuyện năm thiếp bảy thê?...

Thường tình đàn bà, trong óc bao giờ cũng nghĩ chuyện ghen tuông trước hết. Nhưng Thái Công Triều không cười, cũng không đáp; nét mặt rất nghiêm. Thái độ ấy khiến nàng chột tỉnh ngộ ra ngay, ghé bên tai chồng và nói khẽ:

- Mèng ơi!... Tôi hiểu ra rồi. Mình muốn sai tôi làm thằng phu trạm bí mật, tin cần, đem tin ra Bà Rịa cho binh triều, chứ gì? Tôi bói đến tim đen, phải chịu ngay đi!

Bây giờ Triều mới nhích miệng cười:

- Cô mình bói hay thật, xin chịu.
- Thế là phen này mình quyết bỏ tụi Gia Định, quay về với triều đình?

- Mình nói đúng.

- Đã nghĩ chín chắn chưa?

- Chín chắn lắm rồi.

- Mai mốt, mình sai tôi đi Bà Rịa là cốt đem mật thư cho Tổng Phúc Lương, tỏ lòng hối hận, rồi thì nội công ngoại kích để mình lập công chuộc tội với triều đình.

- Quả thật như thế. Phải người tin cẩn như vợ con ruột thịt, mới phó thác việc đưa tin ấy được. Đường lối đi lại phải qua nhiều đồn quân của Lê Văn Khôi canh gác, cho nên tôi nghĩ mình nên cải trang làm đàn ông, nhất là làm một công tử chơi bời, để đánh lộn sòng với con cháu các quan nhà nó ở Gia Định, tất là quân canh không để ý... Cố nhiên, việc đi này có hơi vất vả hiểm nghèo, nhưng quan hệ cho tiền đồ thân danh tôi không nhỏ; hấn mình chả tiếc công mà đi hộ tôi...

- Không! Tôi chịu thôi! Cầm Huê trả lời ngang một cách chắc nịch như đóng đinh vào cột.

- Có lẽ mình ngại đường xa và sợ nguy hiểm đến thân? Đàn bà lo xa thế ấy cũng phải... Nhưng tôi sẽ có mưu chước bảo lĩnh cho mình đi lại bình yên.

- Không phải tôi sợ sệt lo ngại gì cả... Có điều, việc đem thư ấy, mình chọn một người bộ hạ khả dĩ tin cẩn phú thác không thiếu gì, sai họ đi có phần chắc chắn hơn là tôi... Tôi đi e hỏng việc mất.

- Vì sao thế?

- Vì thế nào tôi cũng tiện đường ghé vào thành Phiên An, đưa ngay mật thư ấy cho Lê Văn Khôi xem, trước khi đến tay Tổng Phúc Lương.

Nàng nói rất dịu dàng, tự nhiên, chẳng lộ mấy may khí sắc gì hờn dỗi hay dọa nạt.

Triều ngó nàng trừng trừng, choáng váng cả người, toát mồ hôi trán. Và không hề tưởng tượng có câu nói quái gở ấy, phát ra từ cửa miệng một người chí thân:

- Ấy chết! ... Thế thì mình định tố giác tôi à?...

Nàng lắc đầu, trịnh trọng:

- Khi nào tôi có bụng chó má ấy. Nhưng, sở dĩ tôi nói thế, chỉ để tỏ ra ý tôi không thích trông thấy mình muối mặt phản Khôi. Hắn ta đãi mình cho tới phân quyền chia đất, danh vị ngang nhau như bây giờ, thật là trọng hậu; thế mà mình còn dáo dờ phản bội, không sợ hổ thẹn lương tâm và thiên hạ hậu thế mĩa mai à?... Tôi đoán chắc trong trí mình đang suy nghĩ. Khôi là phản tặc Triều đình, nhân tâm không theo, thiên mạng không đến, lực lượng không đủ, thủy chung thế nào cũng phải bại vong. Đợi hắn bại vong, mình bị lôi cuốn ngã theo, chẳng nộp mình ở chiến trường thì cũng mất đầu với quốc pháp. Chi bằng ta tính nước trước, bán rẻ quách nó đi, vừa chuộc được tội, vừa lập được công với triều đình, vinh gia ấm tử, tiến chức thăng quan, chẳng hơn là chết lây một chùm với lũ giặc ư?... Nếu mình suy nghĩ thế thì nông nổi lắm, mình ạ! Cứ theo con mắt tôi là đàn bà dòm xét đại thế: việc Khôi làm, được nhân tâm Nam kỳ lục tỉnh tán thành quy phục rất đông, nào là những người yêu mến Thượng công, nào là dân gian bất bình quan lại tham nhũng, nào là tín đồ Thiên chúa đang khốn đốn oán hận chính sách cấm đạo, ai nấy được Khôi đứng lên sửa lại tình trạng, giải thoát cho họ, đều lấy làm mừng... Có thể nói nhân tâm ba phần, Khôi chiếm được hai rồi... Lực lượng cũng chẳng phải tầm thường. Mình với hắn cứ thành tâm hợp lực, chống chọi binh Triều, dám chắc binh triều không dễ phá nổi. Nhưng hai người ly tán, làm hại lẫn nhau, thì lực lượng phải yếu; cố nhiên hắn phải ngã trước, còn mình cũng chưa chắc đứng yên. Tôi khuyên mình nghĩ kỹ chỗ đó.

Cầm Huê nói thốc một hồi, cả từ lẫn sắc cùng có vẻ tha thiết.

Triều nghe sừng sốt cả người, không ngờ một con đàn bà, nhất là con hát xuất thân, giờ lại nảy ra có kiến thức về việc đời, lạ lùng đến thế. Nhớ lại những lời nàng khuyên can mình hôm cuối tháng năm ở thành Phiên An, Triều càng lấy làm lạ lùng khó hiểu:

- Lúc trước mình can tôi đừng nhận quan chức của Khôi mà phục triều đình; bây giờ mình lại bảo tôi không nên trở về với triều đình mà phục tình Khôi!... Đàn bà sao mà nhiều lưỡi lắm giọng thế?

Nàng nghiêm sắc mặt, trả lời:

- Phải, độ ấy tôi khuyên mình nên giữ tròn danh nghĩa đối với triều đình, chớ nhận lấy tước lộc của đảng nghịch; nếu muốn thoát thân ra khỏi hang cộp, thì tôi tìm cách đem đi, an toàn vô ngại... Nhưng lúc bấy giờ mình không nghe, cứ ở lại với bọn Khôi, công nhiên lĩnh chức trung quân, hưởng sự phú quý. Tôi đồ chừng mình đã suy xét chán và tự cho việc mình làm như thế là phải, cho nên mình mới làm. Con người ta vì chí hướng, vì thân danh mà lựa chọn đổi thay chỗ đứng, không phải sự lạ. Có điều là, đại trượng phu ở đời, một khi đã lựa chọn việc gì đáng làm mà làm, thì phải nhất tâm theo đuổi cho tới cùng, chớ sớm Tần chiều Sở, nay đông mai đoài, xoay quanh như chong chóng, thì còn ra cái quái gì? Ai còn tin được lòng mình và coi mình ra làm sao?

Triều cúi mặt làm thinh. Nàng nói nhiều, khô cả môi, uống một chén nước thấm giọng, rồi lại nói tiếp:

- Nghĩa vợ chồng phải lấy lẽ phải trái thẳng thắn bảo nhau, tôi muốn nói cho cạn lời hết ý, rồi sẵn thanh gươm đây kia, mình có giận mà chém giết tôi cũng cam! Cơ khổ! đời mình đã mang tiếng phản một lần rồi, thế cũng là quá' giờ lại còn toan phản đi phản lại tới hai lần, tôi e thiên hạ hậu thế cười cho đến ngập mặt, mục xương. Trừ phi một người coi lương tâm và nhân cách rẻ rúng như bùn, mới đành làm thế được. Và lại, mình tướng bây giờ lại quay đầu về đối tội lập công với triều đình là đắc sách và yên thân, tất triều đình là đắc sách và yên thân, tất triều đình sẽ bỏ qua tội cũ mà ban thưởng công mới cho; trời ơi! đừng có tin chắc mà khổ. Tôi tưởng là sự mơ mộng nguy hiểm cho mình thì có. Mình quay về để chuộc tội, mình giúp sức triều đình để trừ Khôi, không khéo chỉ là tự đào lấy huyết chôn mình đấy. Thôi, tôi không muốn nói nhiều hơn, chỉ van lơn mình suy nghĩ cho chín!...

Nàng vừa khuyên vừa mắng chua chát, Triều ngồi trơ như tượng gỗ, chả biết biện bạch thế nào; một lúc lâu mới gượng gạo:

- Mình bàn tán cũng phải, nhưng việc sở định của tôi không thể thay đổi được đâu. Chỉ xin mình giữ kín mồm miệng, chớ tiết lộ với ai nha!

Cầm Huê vùng vằng:

- Tôi nói phải trái thế thôi, biết nghe hay không, tự ý. Còn việc mình làm mặc mình, tôi chẳng tán thành thì thôi, không phá hoại làm

gì!... Thử nhìn kỹ mặt này xem có phải con người chó má đi thóc mách hại chồng hay không?

Nói rồi, nàng bỏ vào khoang thuyền đằng sau, nằm ôm con thao thức thở dài đến sáng.

Trưa hôm sau đến Định Tường, Triều đóng hành viên tại dinh tổng đốc, chờ đợi mấy ngày có quân gia ở Sài Gòn lục tục kéo xuống, mới bắt đầu hoạt động.

Hai hôm đầu, Cẩm Huê trông nom công việc nội trợ như thường, không lộ chút gì là vẻ buồn chồng, chán đời, hay có điều bất như ý.

Qua ngày thứ ba, nàng và đứa con trai nhỏ cùng biệt tăm tích.

Mặt trời đã lên cao, bọn thị nữ gõ cửa mời bà lớn và công tử chỗi dậy, mới hay là gian buồng trống không.

Trên bàn, một bức thư niêm phong chính bút tích nàng để lại cho Triều; thư viết chữ nôm, vì chỉ có chữ nôm, Triều mới đọc được:

“Tôi đi, và đem thằng bé cùng đi, cốt để bảo toàn giọt máu này cho tông môn họ Thái nhà mình khỏi phải tuyệt tự. Vạn nhất sau này mình tránh khỏi đại nạn, tự tôi sẽ cho con trở về tìm mình với một vật làm tin, cho phụ tử đoàn viên, chung hưởng phúc trạch. Trái lại, mình có từ già cỗi đời, cũng được nhắm mắt yên hồn vì không đến nỗi hương tàn khói lạnh”.

“Cẩm Huê vĩnh quyết”

Triều xem thư rồi châm lửa đốt ngay, mặt mày nhăn nhó, nói lầm rầm một mình.

- Đồ quái gở!

Thế rồi thôi, quan niệm chuộc tội lập công, chiếm hết tâm não hấn ta, vợ con ở hay đi mặc kệ, chả cần nghĩ đến.

Ngay hôm ấy, hấn sai một tên gia bộc cầm mật thư đi đường tắt đến Mô Xoài đưa trình *Thảo nghịch tướng quân* Tổng Phúc Lương, hết sức bộc bạch niềm trung lòng hối, nhờ chuyển tâu về triều đình. Đại ý hấn nói trước kia chỉ vì sự thế bức bách mà phải theo giặc, chứ thâm tâm vẫn trung thành hoài mộ triều đình, không khi nào nguôi. Và chẳng, nhờ sự chu hoàn với giặc mấy tháng mà dò xét được cả nội tình thực lực của chúng. Nay hấn xin giúp sức binh triều, nội ứng ngoại hợp, để trừ

bọn Khôi, thu phục đất cũ. Hiện giờ hấn xuống Lục châu cốt để tuyên dương đức lớn nhà vua, hiệu triệu dân tâm phản chính, rồi thì binh triều từ ngoài đánh thốc vào, hấn ở dưới đánh quật lên, hai đầu dồn lại, bọn Khôi mọc cánh cũng không bay thoát. Tóm lại, chỉ xin triều đình rộng lòng tha thứ lỗi trước, để cho hấn đổi tội lập công, vì nước ra sức v.v...

Quả thật, phen này Triều xuống Lục châu cốt thực hành cơ mưu đâm đá sau lưng con người mà hấn đã theo phe, đã nhận lấy tước lộc, và cách hơn một tháng trước, chính miệng hấn nói tốt đủ về.

Bây giờ, đi qua châu thành phủ huyện nào, hấn cũng ngấm kết phe đảng, khích khuyến lòng trung, ca tụng sức mạnh của triều đình, kể lễ tội ác của bọn Khôi, cố nung nấu lòng dân phải ăn năn kiêng sợ bên kia và chán chường oán ghét bên nọ.

Muốn chận họng dư luận không thể trách van mình làm sao tiền hậu, bất nhất, Triều kiểm chuyện dọa già người ta và tự bào chữa mình rất khéo:

- Triều đình đã phái mười vạn đại binh, trăm viên thượng tướng, với những khẩu súng đại bác khổng lồ mua bên Tây phương về, chia làm mấy ngả thủy bộ cùng tiến vào nam, quyết trừ giặc Khôi và tất cả đồ đảng nó. Trước binh lực khí giới của triều đình ghê gớm như thế, bọn Khôi lấy gì kháng cự cho nổi? Chúng nó bị sa vào lưới phép đến nơi. Bất cứ thành trì châu quận nào theo giặc, sẽ bị quan quân làm cỏ tất cả. Chính tôi đã nhờ được gần gũi mà biết rõ chân tướng bọn Khôi. Chúng nó chỉ là một lũ du côn vô hại, tụ bọ nhau làm càn, nói láo nói xược, gạt gẫm dân chúng...

Đến chỗ này, Triều gân cổ nói lớn, cho ai nấy nghe phải để ý và nẩy ra cảm giác không tốt đối với Khôi:

- Tức như chúng nó bảo sẽ rước Hoàng tôn ở Âu châu về làm chúa đất Nam Kỳ, ấy là một chuyện bố lão thượng hạng... Các ông nên biết rằng tiên hoàng thái tử Cảnh chỉ có hai người con trai đã qua đời tất cả, còn có Hoàng tôn nào đâu?... Chẳng qua chúng nó chỉ vì tư lợi mà phản bội triều đình, làm cho nhân dân ta mang vạ khổ lây. Chúng có là bọn Hồi lương quấy nhiễu tàn hại dân gian thế nào, cứ xem đây thì biết!...

Lòng người đang thấp thỏm kinh sợ uy lực triều đình và giận bọn Hồi lương tàn ác đã sẵn, nay nghe lời Triều nói, dù ai còn có chút

cảm tình với Khôi cũng hóa ra lạnh lùng, tiêu tan. Người ta hy vọng ở Hoàng tôn, té ra Hoàng tôn cũng chuyện bịa đặt nốt!

Một mình không đủ, Triều phát nhiều bộ hạ thủ túc đi khắp xứ cổ động.

Các tỉnh miền dưới Nam Kỳ trở lại quy hướng triều đình, cả về tinh thần lẫn quyền chính.

Những quan lại triều đình lúc trước bỏ thành bỏ chức đi trốn, như trường hợp hai ông Lê Đại Cương và Lê Văn Lý ở Châu Đốc chẳng hạn, nay Triều đưa về nguyên vị lần lần.

Hắn cố thi thố đủ mọi cách để giải tỏ lòng mình đã ăn năn tội lỗi và thật dạ trung thành với vua. Giá có thể mổ trái tim ra rồi lại ráp vào mà không chết, hắn không ngần ngại mổ tim mình gởi cho Tổng Phúc Lương xem nó đầy máu trung nghĩa thế nào, để họ Tống tâu hộ về kinh.

Tuy vậy, Tống Phú Lương là người dè dặt, cẩn thận, không dám hấp tấp tin lòng Triều. Biết đâu con người tham sinh úy tử, phản phúc nhất hèn ấy, chẳng bày mưu lập kế trá hàng dụ địch sao đó, để dứ quan quân vào hãm hố bất trắc cũng nên? Tống nghĩ xa xôi như vậy, cho nên chỉ giữ thái độ lạnh lùng hoài nghi đối với hẹn ước của Triều, cứ đồn binh ở Mô Xoài, chưa muốn vô vấp chờ các đạo binh sau cùng đến, sẽ định phương lược.

Sốt ruột, Triều sai tin đi mỗi lại đôi ba lần giục dã, Tống vẫn thản nhiên, chỉ nói bần tin với kẻ đem thư:

- Thái tướng quân có lòng hối hận trung nghĩa như thế, thật là quý hóa. Khôn nhưng chưa có một chứng cứ nào chắc chắn ông ta đã đoạn tuyệt với giặc rồi, cho nên ta còn trù trừ, và cũng sợ mang lấy tội khi quân, không dám tháo thứ tâu gửi gì về Triều. Trừ phi ông ta có một vật gì làm tin... đại khái như thủ cấp một viên tướng giặc có tên tuổi, để cho ta được tin lòng.

Kẻ đưa thư trở về thuật chuyện y thế, Triều cười và nói:

- Hứ!... Tướng lão ta đòi chị Hằng mới khó kiếm, chứ đòi sọ dừa người ta... thì có sẵn kia rồi!

Triều nghị đến Tả quân Nhã.

Ta đã biết Dương Văn Nhã phụng mệnh đồn binh ở địa đầu Gia Định, giáp giới Định Tường, để xem xét Triều động tĩnh, vì quân sư Tăng Vô Ngại đã ngờ hấn có phản tâm.

Song hấn khôn ngoan quỷ quái làm việc rất mực kín đáo, không để lộ chút gì là thay lòng đổi dạ; bề ngoài vẫn giữ tình giao hảo với các tướng ở Gia Định, làm như mình tử tế với anh em, trung thành với nghĩa đảng như thường. Nhất là bờ cõi đã chia hai, quan lại ở Lục châu hết thuộc về quyền Gia Định, cho đến tụi Hồi lương còn chú nào sống sót cũng đã triệt về; Triều hành động tự do ở trong khu vực của hấn, không ai có thể đến đây mà dòm hành kiểm thúc gì được.

Thành ra, Nhã đóng binh gần kề một bên, mà Triều hoạt động phản đảng những gì, tuyệt nhiên không biết, vẫn yên trí rằng hấn không nhị tâm như y ta quá lo, và vẫn coi hấn là bạn đồng liêu quý hòa.

Không trách, khi hấn cho người ân cần mời thỉnh Nhã đem tình lý Định Tường ăn tiệc, Nhã vui vẻ nhận lời, không chút nghi ngại, rồi chỉ đem theo mười tên lính hầu, bơi một chiếc thuyền nhỏ đến ngay.

Giữa lúc chén anh chén chú đang vui, Triều lăm lăm hỏi Nhã:

- Bấy lâu người ta sai bác đi do thám tôi, khó nhọc lắm nhỉ?... Mà bác có thấy sự gì lạ không?

- Quá thật lạ không! Nhã đáp. Ai nghi ngờ sao mặc họ, tôi với bác, anh em vẫn tử tế với nhau luôn luôn.

- Nghĩa là chỗ anh em thân, giá tôi có điều gì phiền bác, hấn bác giúp ngay? Triều hỏi một cách trắng trợn.

- Chứ sao! Nhã nói và nâng chén rượu ực một hơi. Anh em mà còn tiếc rẻ nhau không phải là hảo hán.

- Quý hóa thật!... Chả nói đầu gì, hiện thời đệ cầu xin bác... một món.

- Món gì thế?

- Món... cái đầu của mày, Nhã ạ! Võ sĩ đâu? Lấy đầu cho ta!

Nhã đứng phắt lên, trợn mắt:

- Thằng Triều? Mày phản...

Chưa kịp nói hết lời, đầu đã bay trên tiệc. Cả bọn thủ hạ cũng đồng thời bị hại.

Triều đóng thủ cấp Nhã vào hòm gỗ, sai người đem nộp Tổng Phúc Lương và hối thúc tiến binh.

Một mặt, Triều rải tờ lộ bá, kể hết tội trạng Khôi, vừa sửa soạn binh mã, con người lúc trước quên ơn phản vua, bây giờ sắp mặt phản giặc.

Cả thành Phiên An lại xôn xao rung động. Nhiều nhà hàng phố vội đóng cửa nghỉ buôn bán, hoặc thu xếp chạy ra ngoài thành. Các tư gia củ soát đồ vật trong nhà, liệu xem món gì đáng tiền thì lo tìm nơi chôn cất. Giá gạo củi vật thực ngoài chợ bỗng tăng lên gấp đôi gấp ba. Bọn du côn anh chị, ngày thường ần bóng nín hơi, giờ lại nho nhoe tụ bạ, toan sự thừa thời vào nhỏ ra to.

May nhờ Hộ thành đế đốc Nguyễn Kiều khéo yên ủi dân tâm và già tay đàn áp những lũ ma chuột, cho nên trật tự vẫn giữ được nghiêm túc, không đến nỗi rối loạn.

Thật ra thời cuộc nghiêm trọng có một, miệng tiếng thiên hạ bàn xằng đồn nhảm đến mười, làm cho nhân tâm hồi hộp, nao núng.

Người ta tưởng đâu binh đội Tổng Phúc Lương hoặc Thái Công Triều ập vào thành Phiên An ngay; họ không biết rằng binh triều dù mạnh và đặc thế mặc lòng, một đi lọt vào bên trong cửa thành, ngày giờ còn là lâu, hơi sức còn lã mết.

Nhưng quả tình thế nghĩa đảng như một ván cờ lâm vào đường cùng nước bí thật.

Nguyên mấy hôm trước, ở Biên Hòa, Khôi giao chiến với tiền đội binh triều mấy trận đều bị thất lợi. Cả ở Long Thành và Nhà Bè cũng vậy, danh tướng Nguyễn Văn Bội tử trận, Lê Đắc Lực bại tẩu, đã trốn vào trong một ngôi chùa cổ, nhưng có kẻ tố giác nên binh triều đến vây bọc bắt sống và chém bêu đầu.

Chuyến này vua Minh Mạng sai năm đạo binh tiến đánh Gia Định, ngót hai vạn người, quyết sống mái với Khôi kỳ được mới nghe.

Binh lực Gia Định sánh lại rất ít lại phải luôn phiên chiến đấu luôn mấy tháng nay, không khỏi mệt nhọc, đuối sức. Còn binh triều

thì toàn là quân sinh lực, đã đông người và bây giờ mới xuất trận, tự nhiên khí thế rất hăng. Khôi bị thất lợi, không phải chuyện lạ.

Huống chi va lại binh sẵn.

Một mình đương đầu tất cả công việc binh cơ trận mạc ở vùng Biên Hòa lâu ngày, còn phải đi đi về về Gia Định luôn, để xem xét chính sự, Khôi làm việc quá độ, thêm kẻ cừ địch là lam sơn chướng khí, bắt va sốt rét liên miên có gần nửa tháng nay.

Va toan về Phiên An thuốc men dưỡng sức thì binh triều âm âm kéo tới, thế phải ôm bệnh gượng gạo đối địch, rước lấy sự thua.

Đã thế rồi, lại tiếp thêm cái tin sét đánh: Thái Công Triều làm phản, sắp tiến binh từ Định Tường đánh lên.

Một mũi giặc trước mặt lo chưa cản nổi, giờ thêm mũi giặc nữa ở sau lưng.

Uất quá, Khôi học máu tươi.

Càng ngẫm nghĩ càng hối hận, bực tức, và rút thanh gươm lót dưới chiếu, toan đâm cổ chết đi cho rồi. Bỗng có tay một người dâng lấy thanh gươm, vớt xuống dưới đất và nói:

- Trượng phu mà hèn thế à?

Khôi nhìn lại, té ra ông Tăng Vô Ngại vừa ở Gia Định lên, một tay còn cầm roi ngựa.

- May quá tiên sinh mới lên! Khôi nói. Sẵn đây, việc binh xin để tiên sinh chủ trì. Tôi nghĩ hối hận dùng làm thằng Triều để ngày nay nó phản, làm chúng ta phúc bồi thù địch. Tội lỗi tôi to như núi và nghĩ xấu hổ, chẳng nên sống làm gì nữa!

- Chết nổi! thấy việc khó chưa chi đã muốn trốn, đâu có phải là anh hùng. Việc thằng Triều phản, ông lấy làm lạ, chứ tôi đoán trước lâu rồi, mà nói ông nào có chịu nghe? Nhưng mà thôi, chuyện quá khứ bỏ hết, tôi lên đây cốt để cùng ông bàn cách tháo gỡ cái nguy cuộc hiện tại.

- Theo ý tiên sinh định thế nào?

- Chúng ta nên rút quân về Phiên An, giữ lấy căn bản, đóng cửa thành lại mà cố thủ; với sức chúng ta, quân triều có phá nổi cũng còn

nhược xác!... Ta cốt chống giữ ít lâu mà chờ ngoại viện, rồi thừa thế đánh ra...

- Tiên sinh nói ngoại viện? Khôi hỏi có ý sừng sốt.

- Phải, tôi nói ngoại viện; Tăng trả lời. Một đảng viện ta bằng thực lực, một đảng viện ta bằng thanh thế.

- Tôi vẫn chưa hiểu, xin tiên sinh chỉ giáo rõ ràng cho.

Tăng ngồi gằn lại, ghé sát bên tai Khôi nói nhỏ nhỏ giây lâu, bỗng Khôi tươi tỉnh nét mặt, ngồi phắt lên, như tiêu tán mất cả bệnh hoạn:

- Vậy thì ta quyết kế rút về Phiên An?

- Vâng!... Nhưng ông nên rút binh từ từ, đừng hấp tấp mà thị quân triều đuổi theo đây, Phải dùng mẹo nghi binh thì được an toàn... Giờ để tôi về Phiên An trước, sửa sang các cuộc phòng thủ và tích trữ lương thực.

Tăng nói rồi lên ngựa về Phiên An ngay.

Hộ thành đề đốc Nguyễn Kiều vừa kiêm chức *Binh lương sứ*, cho nên ở trước hiện tình, phải đồng thời xếp đặt lo liệu cả hai việc, giữ thành và vận lương.

Việc dưới, Kiều có sẵn hai tay chuyên môn trong nhà, là người vợ và cô em gái giúp sức. Em gái là cô Tần, còn người vợ, ngày trước ta gọi là *thím đội*, cả hai cùng chuyên nghề hàng xay hàng xáo, buôn bán gạo thóc đã quen, hẳn độc giả còn nhớ.

Hôm ấy, chị dâu em chồng ngồi bàn nhau ngày mai Chợ Lớn xem có bao nhiêu thuyền lức thóc tải ở lục tỉnh lên, sẽ mua kỳ hết. Đắt mấy cũng mua, vì Nguyễn Kiều bảo thế. Lại cho người về các thôn quê phụ cận, mua vớ vét càng nhiều càng hay. Cô Tần tỉ mỉ hỏi chị:

- Quái nhỉ? Em thấy kho lương nào cũng đầy nhóc, nhắm chừng quân lính ăn tới mùa sau cũng còn thừa, sao còn phải đi mua tích trữ làm gì thế, không biết?

- Phòng bị quân triều tới vây thành, có lương thực cho quân lính ăn, cô ạ! Chị dâu, tức vợ Nguyễn Kiều hay *Hộ thành đề đốc phu nhân* trả lời.

- Thật à?

- Ủ, ban sáng tôi nghe anh nhà nói chuyện thế đấy.
 - Thế ra chị em mình cũng sẽ bị vây chặt trong thành, thỉnh thoảng không được về thăm ngôi nhà xưa của mình ở Bình Hòa xã ư?
 - Giặc vây thì cô bảo đi ngõ nào mà ra được chứ!
 - Ô! Thế thì buồn quá, hé?
 - Nghĩa vụ tôi phải theo chồng, cô phải theo anh, vui buồn khổ sướng, cam chịu số phận với nhau, dù sao cũng chả ân hận.
 - Cố nhiên!... Chị nói rất phải, em cũng nghĩ thế... Nhưng này chị ạ! Không biết quân triều do tay nào làm tướng, lại giỏi hơn được ông phó vệ úy, ấy chết em quên, giỏi hơn ông đại nguyên soái ta đây sao, mà kéo binh tới vây được thành ta lặn?
 - Nghe đâu tên là Tống Phúc Lương.
 - Hiện nay quân địch đến đâu rồi?
 - Anh nhà nói chuyện rằng họ còn đóng ở tận Mô Xoài kia.
 - Nghĩa là Bà Rịa?
 - Phải.
 - Trời ơi! Thế mà đã phải lo sốt vó lên? Cô Tần nói và cười như nắc nẻ.
 - Đừng có cười! Cô tính nếu như ta không cản được, thì từ đó tới đây, họ đi chả mấy bước mà đến.
 - Đường đi độ bao xa?
 - Người ta đi giỏi, chỉ già nửa ngày. Hồi tôi còn là con gái, thường đi chợ lên mãi vùng ấy.
 - Hiện giờ ta không có cách gì đánh lui quân triều hay sao hả chị? Không thì cũng khiến họ phải hoãn binh, không vây được thành ta?
- Cô Tần càng hỏi càng thêm thắc mắc khó khăn, vượt ra ngoài trí lự một người đàn bà mộc mạc như chị dâu nàng. Lúng túng, chả biết trả lời thế nào, chị dâu nói bừa đi cốt cho xuôi chuyện:
- Có chứ!... Miễn là giết chết được Tống Phúc Lương.
 - Ô! Hề ta giết chết được Tống Phúc Lương thì giặc phải lui, hoãn được cái họa thành ta bị vây, có phải không chị?

- Phải, quân cứ lệnh, lính cứ truyền, hễ tướng đi đòi nhà ma rồi thì lính bơ vơ như đàn gà mất mẹ, lấy ai sai khiến...

Một ý nghĩ ghê gớm bỗng nảy ra trong óc cô Tần:

- Thế thì ta giết quách Phúc Lương đi có được không?

- Cô nói nghe dễ dàng như bỡn.

- Vẫn biết là khó. Nhưng có người dám hy sinh mạng hiểm làm đây, chị ạ!

- Ai thế?

- Em đây chứ ai!

Vợ Nguyễn Kiều trở mắt nhìn gương cô Tần, tỏ ra hết vẻ kinh ngạc:

- Trời ơi! Con bé này nó điên?...

- Không, em vẫn tỉnh và em muốn làm việc ấy.

- Đừng có đại dốt nào! Cô phải biết một ông đại tướng như thế, thiên binh vạn mã, rào kín chung quanh, dễ gì vào lọt.

- Mặc kệ, ta cứ thử xem!

- Huống chi mình lại là con gái...

- Con gái càng dễ lọt hơn, chị ạ!

- Để mà tự tử?...

- Chị nghĩ xem thiệt thân một mình mà hoãn binh cứu nạn cho bao nhiêu quân sĩ nhân dân thành này, kẻ cũng sung sướng!

- Cô định làm thật à?

- Vâng, em định làm thật!... Chị ở nhà lo việc quân lương, em đi mạo hiểm làm thích khách, tử sinh thành bại, phó mặc ông xanh! Mỗi người đều hết sức với nghĩa vụ. Nói giả tử một mai thành trì tan vỡ, liệu chừng chị em ta có chắc yên lành được không?

Chị dâu lẳng lặng, cô Tần nói tiếp:

- À!... Em nhớ anh Kiều có con dao găm Mã Lai, ở đâu nha?

- Tôi để trong ngăn tủ kia.

- Chị cho em mượn chớ?

- Cô dùng thì lấy.

- Em van chị đừng nói gì với anh tôi nghe. Độ ba ngày mà chị không thấy em về, tức là em không còn sống nữa.

- Mai tôi đi vái lạy ông Bôn phù hộ cho cô...

Bà vợ Nguyễn Kiều nói rồi đứng dậy đi làm công việc; trong bụng thầm nghĩ cô em chồng mình vui chuyện thì bàn suông nói phiếm thể thôi, chứ sức gái làm sao thực hành được việc mạo hiểm hy sinh ấy?

Không ngờ sáng sớm hôm sau cả nhà thức dậy, không thấy cô Tần; chị dâu vội mở ngăn tủ ra xem, con dao Mã Lai cũng biến.

Nàng lặn dao găm trong mình, lén mở cửa ra đi từ đầu trống canh năm, mình mặc áo dài vải đen, đầu đội nón lá, tay cầm cái thúng, ra về một gái quê đi buôn bán đứng đắn.

Cửa thành vừa mở, nàng chen ra trước tiên, đi thẳng một mạch không nghỉ, vào khoảng quá trưa thì đến Mô Xoài.

Giữa đường, thấy nhiều người gồng gánh hoa quả bánh trái đi lên, nói rằng để bán cho binh lính Đảng ngoài mới vô đóng đồn mấy bữa nay. Nàng nghĩ bụng nếu mình mon men tới chỗ lính đóng, tất cũng phải giả làm người bán quà bánh, hầu che mắt thế gian, khỏi mang tiếng thị phi hoặc ngờ vực.

Sẵn có chợ búa đang họp buổi sáng, nàng rẽ vào mua lưng thúng bánh tét, đội ra đi nhập bọn với những người kia.

Họ lên bán hàng từ mấy hôm nay đã quen thuộc cả đường lối dinh trại, nói ra vanh vách những bộ binh ở làng xóm nào, khu rừng nào; nhà ai hay công sở gì làn ới đóng dinh của quan thống tướng, quan tham tán.

Lắng tai nghe chuyện, cô Tần biết đại tướng Tổng Phúc Lương đóng ở nhà ông thiên hộ Bình, cơ ngơi rộng rãi và chính là sở tại Mô Xoài.

Nàng vừa đi nhắm cho nhớ.

Đến nơi, trông thấy cờ quạt súng ống rợp trời, quân gia voi ngựa đóng trần đồng chật nội, liền khít mấy dặm đường, giá người yếu bóng vía chắc phải chột dạ. Nhưng nàng coi là thường, vì chính nàng

có anh ruột cũng làm đề đốc, cảnh gươm đao như rừng, binh sĩ như kiến, con mắt nàng đã quen thấy ở thành Phiên An.

Nàng đội thúng bánh tét, miệng rao xinh xắn dễ yêu, đi lại bán quanh ở xóm chợ và gần nhà ông Thiên Hộ Bình; các cậu lính thấy cô hàng bánh đẹp, nàng cố nuốt hơi giận vào trong, bề ngoài cố làm bộ tươi cười niềm nở với họ.

Mục đích nàng chỉ mong đợi Tổng Phúc Lương ra đi đâu - hễ có vông lông trống cờ, tiền hô hậu ủng thì đích là hắn – sẽ nhảy sổ lại mà đâm cho một nhát. Nhưng cả buổi chiều hôm ấy cho đến tối mịt, nàng đi lại mỗi chân và bán hết thúng bánh, chẳng được như ý.

Đêm tối, không biết ở trọ nhà ai, nàng tìm đến một khu rừng vắng thật xa, lấy cơm nắm ra ăn qua quýt, đoạn ngồi dựa bên gốc cây mà ngủ.

Sáng hôm sau, lại lần vào chợ mua bánh tét đi bán quanh xóm Thiên Hộ Bình; hai mắt chăm chăm không rời khỏi nhà này, cổng kính tường cao, quân lính canh gác cực nghiêm, nàng biết thế mình không làm sao được lọt vào, mà ngong ngóng rình rập mãi, suốt ngày đến gần tối, lại vẫn chẳng thấy Tổng Phúc Lương thò mặt ra đi đâu một bước.

Nàng buồn rầu thất vọng vô cùng; ngồi bệt xuống đám cỏ bên đường, mắt ngó lờm lờm vào nhà ông Thiên Hộ, trong trí mơ tưởng vẫn vợ, ước gì lúc này mình hóa ra con rắn rết thật độc, bò vào mà mổ kẻ thù cho chết thì sung sướng biết chừng nào.

Mặt trời đi trốn đã lâu; bầu vũ trụ dần dần phủ tấm màn đen.

Bỗng một mục già từ trong cổng nhà Thiên hộ đi ra, gặp thầy đội hầu, liền nắm lấy tay thầy, cầu nhàu than thở:

- Khổ tôi quá!... Quan lớn lại bắt đi tìm người đâm bóp khác; con bé hôm qua ngài không ưng, chê nó xấu đũa.

- Tính quan lớn “hảo ngọt” như thế, mục phải cố chiều... Để ngài nổi giận lên thì như ngài ban cũng rộng mà!... Thầy đội nói cười có vẻ ranh mãnh.

- Vẫn biết thế... Ví dụ ngài vừa mới hẹn tối nay cho người đâm bóp một nén, thưởng tôi một nén... Nhưng tôi xem chừng như cục xương mắc cổ, thế khó nuốt trôi...

- Vì sao hả mụ?

- Thầy nghĩ xem trời tối mất rồi, biết tìm đâu ra món tốt cho ngài được như ý? Phải chi còn sớm...

- Thôi, mụ cố đi lòng cho kỳ được, không thì quan lớn cho ăn mã tấu đây.

Thầy đội nói rồi đi vào trong nhà; mụ nọ ngược lên xóm chợ.

Câu chuyện hai người vừa nói với nhau, cô Tần ngồi nghe được lồm bồm.

Nàng đoán thầm Tổng Phúc Lương là người hiếu sắc, nhân lúc còn đóng quân ở đây, mỗi đêm sai con mẹ Tú bà dờ dăng kia đi tìm mấy cô phong nguyệt sinh nhai đến làm bạn canh khuya, di dưỡng tuổi già, gọi theo tiếng nhà quan, là “người đấm bóp”. Đã thế thì ta lợi dụng cơ hội cho được lọt vào trong nhà; muốn làm đại sự, bất tất phải giữ tiểu tiết; nàng nghĩ vậy liền mạnh bạo đứng lên, lui lui theo hút mụ già.

Đến một chỗ vắng, dòm sau ngó trước không thấy ai, nàng khẽ kéo vạt áo mụ già và nói:

- Bà ơi! Đứng lại một chút cho cháu thưa chuyện.

- Chuyện gì mà níu áo người ta, con chết bầm này? Mụ quay lại và đập gắt gông.

- Bà xem bộ diện cháu liệu có ưng ý quan lớn được chăng?

Mụ nhìn sừng sốt, nàng nói luôn:

- Mới rồi, cháu nghe lồm chuyện bà nói với thầy đội... Bà làm ơn dẫn cháu vô hầu quan lớn... Cả nén bạc về phần riêng cháu, cũng xin biếu bà, cháu không dám lấy... Chi cần được chỗ nhờ cậy tấm thân lâu dài.

Mụ đang lo tối tăm, chẳng tìm đâu ra người đấm bóp cho quan lớn ưng ý, để mà nuốt lấy nén bạc thưởng, cho nên đi thất thởi và nhảm tính. Tự dưng có một cô tự xin cung tiến, lại tình nguyện nhường cả nén bạc phần riêng cho mụ; dưới bóng nhá nhem, trông người tầm thước, mộc mạc, trẻ, đẹp như tranh vẽ, chắc hẳn quan lớn thích mê! Mụ sung sướng như bắt được của bầu trời cho không ngờ liền phá cười ngất ngheo, đổi giọng nói rất ôn tồn:

- Mời cô em về chơi nhà lão ở gần trong xóm kia!..

Về nhà, mẹ ân cần dọn cơm cho nàng ăn, lấy một bộ y phục lượt là đã cũ, cho nàng mượn tạm thay đổi, rồi ngồi tỉ mỉ căn dặn những cách thức đi đứng nói năng với quan lớn phải thế nào, hầu được ngài vui lòng. Nàng nghe chết cay chết đắng trong ruột, nhưng cũng phải giả là gật đầu, vâng vâng dạ dạ.

Mẹ không quên dặn nàng có nói cười phải giữ mồm giữ miệng, chớ có bô bô lên không được; vì quan lớn ngài cần giấu giếm tất cả tướng sĩ bộ hạ, trừ ra mặt người hầu cận, như thầy đội ban nãy chẳng hạn.

Sau hết, mẹ nói nhỏ bên tai nàng làm như sợ có ai rình nghe, mặc dầu mẹ ở nhà cô độc một thân, tí đằng cuối xóm:

- Cô em phải nhớ như chôn vào óc rằng: tên húy của quan lớn là Lương, vậy khi nói năng thưa hỏi, có động tới tiếng ấy thì phải kiêng khem, nói trại ra là... Lang nha! Chớ cố phạm húy mà khổ!...

Lời dặn ấy nàng chú ý và mừng thầm nhất. Nhờ thế, nàng có thể chắc dạ rằng con người mà mình sắp được ra tay Kinh Kha, Nhiếp Chính, đích thật Tống Phúc Lương.

Gần nửa đêm, mẹ mới dắt nàng đến nhà ông Thiên Hộ Bình; hai người rón rén đi công ngạch, vào một tòa nhà ngang năm gian, biệt tịch, ấy là nơi quan lớn tả tướng quân họ Tống lấy làm hành viện.

Cách dăm phút, một mình mẹ già khép cửa ra đi, trong tay cầm một gói gì nhỏ nhỏ, nét mặt dường như vui vẻ.

Người đám bốp mẹ dẫn vào đã được quan lớn ngài chăm.

Sau đấy, sự tình bên trong ra sao chỉ có trời biết.

Cai Hạnh phiên gác đêm nay, treo gươm trên cột, rồi ngồi bó gối ngoài thềm, ngủ gà ngủ gật.

Một chập, cậu giựt mình choàng dậy, nghe trong nhà có tiếng lục đục, tiếng xô xát, tiếng chửi rủa... Kế thấy quan lớn nhẹ nhàng hé cửa thò đầu ra, gọi cai Hạnh vào, trao cho cô ả mới đến ban nãy mà một bàn tay ngài nắm lấy hai cườm tay nàng như con gà bị trói. Ngài bảo:

Mẹ dẫn con bé này đi hành hình trăm quyết rồi về báo tin... Đi ra công ngạch chớ làm ồn ào gì cho ai hay, nghe!... Đưa nó tới một cụm rừng nào xa xa hãy chém!... Đi!

Thì ra trong lúc nàng ngồi đấm bóp hầu quan lớn, đã rút dao Mã Lai, nhắm ngay giữa ngực họ Tống đâm tới mà không trúng.

Chắc hẳn mệnh số còn vướng, nên có quỷ thần hay tâm thần mách bảo hay sao không biết, Tống đang nằm nhắm mắt để tận hưởng cái lạc thú “tắm quất” khoan khoái bởi hai bàn tay dịu dàng của người thiếu nữ, không ngờ giữa cơn chớp nhoáng mũi dao gần cắm vào ngực, bỗng mở trừng mắt ra.

Tống lạnh lẽo nắm chặt cổ tay nàng khiến cho bất động, rồi vươn mình đứng phắt lên.

Nàng cố sức dằng co, nhưng con gái yếu đuối, chống sao lại một ông đại tướng, tuổi già mặc lòng, có võ nghệ và vẫn khỏe sức.

Tống biết ngay là thích khách, nhưng tự lỗi mình dẫn cộp vào nhà, bởi tính “hảo ngọt” mà ra nông nổi, nếu giờ làm to chuyện ra, tất làm náo động cả ba quân, không khỏi bị họ xâm xỉ dị nghị; rồi lại tai tiếng về đến triều đình, e mất thể diện một bậc lão thành danh vọng, chẳng hóa già đời chưa trót, còn ra làm sao?

Thà cứ mật đi còn hơn.

Bởi vậy, Tống cố đè nén lòng giận, giữ gia thanh thích không cho ồn ào, chỉ khề gọi thủ hạ tin cẩn là cai Hạnh vào dẫn con nữ tặc đến một chỗ xa, cho nó một guơm là xong. Muốn bùng bít nhất thiết, Tống cũng không truy vấn mục già chim xanh kia đã vớ được con nữ tặc ở đâu mà đưa đến, chỉ còn thiếu bằng một mấy lông nữa thì tính mạng mình không còn.

Cho tới vết thương chữ nhất ở ngay lòng bàn tay, vì lúc nàng cố dằng co khiến ra mũi dao thích nhắm, máu ra không ít, chả phải không đau, Tống bảo với tả hữu đó là tại mình vô ý trong khi bỏ một quả cau ăn trầu. Tóm lại, Tống cốt giao nàng cho cai Hạnh đem đi xử quyết một cách êm ái, rồi coi như chẳng có chuyện gì xảy ra vậy.

Đêm sao vắng vặc cai Hạnh dẫn nàng quanh co hai ba dặm đường vẫn chưa chấm được chỗ nào nên làm pháp trường theo ý chủ muôn.

Nàng mong chết phứt cho rồi, đi được mấy bước lại đứng khựng lại, giục già:

- Trời ơi! Xin cậu cho ngay em một dao chết ở xó xỉnh nào chả được, cứ dẫn em đi bách bộ mãi thế này.

- Cô muốn chết gấp thế kia ư? Tội nghiệp cô phạm tội gì với quan lớn, đến nỗi má hồng bạc phận, tôi tiếc giùm.

Sự thật, cai Hạng thấy dung nhan ngôn ngữ nàng mà sinh cảm, gọi nàng bằng cô và muốn kéo dài giờ khắc, để cho nàng hưởng thêm sự sống được chừng nào hay chừng ấy. Nhất là cậu cũng trẻ tuổi có học thức ít nhiều không phải võ biên như hạng lính xô bồ kia. Lòng tiếc sự đẹp, thêm tính tò mò, bảo cậu thông thả hãy giết nàng, để gạn hỏi cho biết chuyện gì mà quan lớn họ Tống căn dặn bí mật và đành tâm xô đẩy một người con gái thanh xuân hờ hớ như nàng về cõi đời khác.

- Tôi vừa mới hỏi cô phạm tội tình gì với quan lớn mà ra nông nỗi thế này? Cai Hạng nhắc lại câu hỏi. Ban nãy cố định giết quan lớn phải không?

- Vâng, có thế! Nàng đáp.

- Vì chuyện gì mà cô hung tợn đến thế? Tôi thoáng trông cô không có vẻ nào là hạng bọm bãi thì phải.

- Quả thật, cậu thật là người có con mắt xanh. Em là con nhà lương thiện, hãy còn đồng trinh, bị mụ già kia gạt gắm vào đám bóp hầu quan, em vì sợ uy thế mà phải đi.. Cũng tưởng là cần răng nhắm mắt thù phụng bề ngoài thế thôi... Ai ngờ quan lấy uy lấy sức ra muốn cưỡng bức em, thế tất em phải mượn con dao để giữ lấy danh tiết mình... Quan giận dữ hổ thẹn, buộc em vào tội hành thích; nghĩ thật oan tình!

Cố nhiên, cô nàng tìm có khác che đậy sự thật, không dám lộ chuyện mình từ Phiên An đến.

- Quan tôi có cái tính thế thật! Cai Hạng nói. Thâm ý tôi không thích, nhưng vì nghĩa thầy trò, vì sự kỷ luật, chả biết làm sao!

- Ô! Được cậu biết giùm khổ tâm và cho việc em tự bênh vực danh tiết như thế là phải, em chết đêm nay cũng được mát ruột. Thôi, cậu tuân lệnh hành hình em đi, còn về phục mệnh kéo sáng mắt...

Không trả lời thẳng câu ấy, cai Hạng nhìn tận mặt nàng và hỏi:

- Nhà cô ở đâu?

- Thưa cậu, xa lắm, đi hết những nửa ngày đường kia! Nàng đáp.

- Chắc ở Gia Định?

- Vâng.

- Thế cô lần mò lên đây làm gì, để rước lấy tai vạ vào thân?

- Nhà nghèo, em nghe nói có quan quân vào đây đóng đồn, sửa soạn đánh giặc, nên em buôn bánh tét lên bán kiếm lời, về nuôi mẹ già em bé...

Cai Hạnh lại dẫn nàng đi một thôi nữa, ra đến quan lộ về ngã Gia Định, cời trói ở tay nàng ra và nói rất tự nhiên:

- Cô đi đường này mà về nhà cô.

Nàng thụt lùi mấy bước, ngơ ngác:

- Cậu không tuân lệnh giết em em ư?

- Không, tôi tha cho cô.

- Ấy chết! Ngộ nhờ hệ lụy đến cậu, thì làm thế nào?

- Mặc kệ! Ông chủ tướng tôi đã làm việc bất công, thì tôi lấy lẽ công mà đền bù lại. Nếu tôi lại giết cô là người trong sạch vô tội, chỉ hóa ra tôi cũng làm việc bất công thất đức sao? Thôi chúc cô đi bình yên nhé!

Không đợi cho nàng cảm ơn hoặc thốt thêm lời gì, cai Hạnh nói rồi bỏ chạy như bay.

Nàng đứng tròn chân ở chỗ đó, như ngây như dại, giây lâu mới tỉnh hồn. Cầm chắc cái chết trong tay, nàng không ngờ mình lại sống sót, không ngờ ở đời có người nghĩa hiệp đến thế? Nhất là người ấy không thèm cho biết tên tuổi và nhận lấy hai tiếng cảm ơn của mình.

Vừa cảm khái, vừa mừng rỡ, khiến nàng quên cả mình đang lơ trôi giữa cánh lau sậy tứ vi, trời còn đêm tối; thân gái dậm trường, cứ việc xãng xái nện bước chân trên đường quan lộ hiu quạnh. Nàng đi thật nhanh, con đường về Phiên An mỗi lúc rút ngắn lại...

XI. THÀNH PHIÊN AN BỊ VÂY HẮM

Theo kế nghi binh của quân sư Vô Ngại, Khôi rút được toàn quân ở mặt trận Biên Hòa từ từ về Phiên An.

Binh triều sợ trúng kế mai phục, không dám đuổi theo bén gót, vì Khôi vốn có tài dùng binh và nhiều mưu trí, khiến các danh tướng bên triều phải kiêng nể.

Chẳng thế mà Khôi thừa đêm khuya rút quân đi rồi, sáng ra binh triều trông thấy trong các đồn lũy Biên Hòa vẫn có la liệt bóng cờ, tiếng trống trận vẫn thúc dòn dã, tưởng quân giặc còn cố thủ, không ai dám xông vào.

Kỳ tình quân giặc đánh lừa, lấy dây mây buộc trói những trâu và lợn vào cán cờ cùng dùi trống; sau đuôi mỗi con vật lại cột mỗi rơm đốt cháy. Lửa đốt nóng đuôi, những con vật khốn nạn ấy dằng co vùng vẫy chùng nào, làm cho cờ phát huyên thuyên, trống đánh rầm rĩ chùng ấy. Chỉ có thế, mà binh triều nghĩ quân giặc còn đóng y nguyên trong các đồn lũy.

Cho tới khi những mối rơm tắt, tức thì cờ lặng trống im, binh triều mới biết là gian kế, thì quân giặc đã bỏ thành trì trống rỗng, kéo đi lâu rồi.

Bấy giờ các đại hội bên triều mới nhổ trại tiến phát.

Khôi đem quân về đến Bình Hòa, một yếu điểm ngoài thành Phiên An, muốn lợi dụng địa thế hiểm trở ấy để xuất kỳ bất ý, đánh úp binh triều một trận, may ra gỡ được nước bí, khỏi phải vào thành cố thủ, theo như kế hoạch đã định.

Công cuộc mai phục Khôi xếp đặt tạm xong thì đại binh triều mấy mặt cũng vừa đến nơi.

Đạo binh của thượng tướng Nguyễn Văn Trọng đến Hòa Phong. Một chập, đạo binh Trương Minh Giảng cũng đến, sau khi đi băng qua đồng ruộng lặt lọi rất khổ.

Tổng Phúc Lương dẫn quân đến đóng tại cầu Cao Man.

Thủy sư Trần Văn Năng thì vào cửa Giao khẩu.

Thành Phiên An lúc này như lâm vào cảnh bốn mặt đều nghe tiếng hát người Sở lú lo.

Tuy vậy, cửa thành phía trước vẫn mở toang, như lúc vô sự. Cảnh mua bán có phần náo nhiệt bằng mấy thường ngày.

Nghĩa quân đã có chủ định cố giữ thành trì Phiên An rất lâu dài, cho nên cần dự bị lương thực càng nhiều, càng hay. Nhân có tờ yết thị của quan Hộ thành đề đốc Nguyễn Kiều ngỏ ý muốn mua các đồ thực phẩm quân dụng với giá rất đắt, nên chỉ hai ngày nay, suốt từ sáng sớm đến chiều tối, cửa thành Phiên An chen chúc những người buôn bán cầu lợi, không lúc nào ngớt.

Khách trú trong Chợ Lớn, dân quê ở các làng xung quanh, thi nhau chuyên chở gồng gánh nào thóc gạo, nào cá khô, nào mắm muối, cho tới đồng, sắt, vải, diêm, đem vào trong thành bán cho nghĩa quân, đông hơn họp chợ.

Mà họ bán được giá cao thật, nói bao nhiêu nghĩa quân trả bấy nhiêu, không hề mặc cả lời thôi hay là cò kè thêm bớt, miễn là mua tích được nhiều.

Nhưng, sự thật trong những người có vật liệu đem tới bán, ta hay khách trú cũng thế, chỉ cần được lợi hơn thường ngày chút đỉnh, cho bỏ công lao khiêng vác khó nhọc thế thôi, không ai có ý đầu cơ, bán cho nghĩa quân với giá cắt cổ. Chỗ ấy cũng tỏ ra nhân tâm đối với Khôi và các bạn đồng chí Khôi vẫn nặng tình mến phục vậy.

Người được nghĩa quân phó thác công việc mua sắm này chính là thím đội Kiều mà ta đã biết; giờ phải gọi là bà đề Kiều, vì chồng bà, Nguyễn Kiều, lĩnh chức Hộ thành đề đốc từ ngày thành trì Phiên An về tay nghĩa quân.

Bà ngồi lộ thiên, phía trong cửa thành trước mặt kê chiếc bàn to, bạc nén và quan tiền xếp từng chồng cao ngất. Sau lưng có hàng chục thầy thơ lại ngồi biên chép sổ sách, phàm là hàng hóa mua được những gì và chi bao nhiêu tiền, đều ghi vào sổ cẩn thận, tơ hào không sai.

- Gánh gạo này muốn bán bao nhiêu?
- Bẩm, con xin bà cho 5 quan.
- Được rồi, 5 quan đây! Bà đề Kiều xia tiền rất mau lẹ, day lại bảo một viên thơ lại biên sổ và nhận lấy gạo.
- Tôi có hai sọt cá khô này, bà có mua không? Một chú khách hỏi.
- Nị lấy bao nhiêu?
- Xin bà trả cho mỗi sọt một nén.
- Ô, chú này chém nặng thế kia ư? Bà đề nói và cười.

- Thừa bà, không đắt gì đâu. Cá này ở Biển hồ xứ Chân Lạp đem xuống kia mà, bà xem thì biết.

- Nói chơi thế thôi, hai nén thì hai nén, chú đem cá vào kho kia rồi trở ra đây lấy tiền.

Đã nói nghĩa quân cốt thu nhật lương thực cho nhiều, cho nên sự mua bán mau lẹ rộng rãi, chỉ cầu lấy vật ngon của tốt cho các chiến sĩ dùng, đắt mấy cũng chẳng quan ngại. Ví dụ có năm bao muối, người bán xin hai chục quan tiền, bà đề Kiều trả y số ấy; mấy thầy thơ lại ngồi bên xầm xì nói với nhau:

- Thật là muối đắt như vàng!

- Vàng có khi chẳng quý bằng muối, các thầy ạ! Bà đề day lại nói. Một mai thành trì bị vây, dù để triệu quan bạc nén chất cao như núi, phòng chừng quân sĩ có nhai mà sống được không? Bây giờ ta phóng tài hóa thế này, có hai điều lợi: vừa câu được người ta mai sau tiếp tế lương thực cho mình, vừa được dư dật các thứ cung đốn quân sĩ, họ mới vui lòng chiến đấu mà giữ vững thành trì chứ.

Ai nghe cũng thâm phục bà đề Kiều cao kiến, biết lo xa thấy rộng.

Giữa lúc ấy cô Tần về đến thành Phiên An, lách qua hàng rào người và gong gánh, rón rén lại sau lưng bà đề, lấy hai bàn tay bưng chặt mắt chị.

Bà đề giựt nảy mình, tưởng quân gian tế nào thừa cơ vô cớ cướp tiền bạc:

- Ai làm gì lạ thế này? Quân lính ta đâu, bắt nó cho tôi!

- Em đây, chị ạ! Cô Tần nói cười và buông hai tay ra, chạy lại trước mặt.

Nửa mừng nửa sợ, bà đề rú lên, hai mắt nhìn cô Tần không chớp:

- Kia cô đã về đây à?

- Vâng, em đã về...

- Trời ơi! Người thật hay là oan hồn hiện về nhát tôi thế?

Bà đề ngờ em mình mạo hiểm đi ám sát Tổng Phúc Lương, chắc bị chúng giết chết mười mươi, đây là hồn phách về báo cho gia nhân biết, vì thế bà nghi sợ.

Những người có hàng hóa đem tới bán, và bọn thợ lại, binh sĩ, xúm xít chung quanh đều ngơ ngác nhìn tấn hoạt kịch, nửa bi nửa hài, đang diễn trước mắt họ, mà chẳng ai hiểu đầu đuôi thế nào.

Cô Tần không thể nhịn cười; cái cười vui vẻ quá độ của nàng, híp mắt và phơi cả hai hàm răng trắng bóc, càng khiến bà chị thêm nghi, thêm chợn:

- Có phải em thác oan, để chị làm chay siêu độ linh hồn cho, đừng về nhát chị tội nghiệp. Chị đang làm việc công cho cả nghĩa quân ta, tình hình rất gấp...

Mà mũi lòng, nói rồi khóc mếu, tỏ ý thương xót em chồng vì việc nghĩa quân mà phải hy sinh tính mạng đang xuân.

- Chết nổi! Chị tưởng em là hồn ma hiện về thật à? Cô Tần vỗ vai chị và hỏi, làm chị càng rùng mình, kinh hãi.

- Tôi biết chắc cô đi làm việc đó, không thể nào sống sót mà về được.

Bà đề trả lời và nhìn chòng chọc vào cô Tần, từ đầu xuống chân.

- Khổ quá! Thật em của chị đây, em sống hoàn toàn vô sự mà trở về đây, không phải oan hồn ma quỷ nào về nhát chị đâu mà sợ. Chị đã biết hễ là ma quỷ thì chân đi không sát tới mặt đất; đằng này chân em đứng khít với đất, chị xem. Còn sự phân biệt nữa: chỉ người thật mới có bóng, ma quỷ thì không; bóng của em lù lù thế này, làm sao chị ngờ là ma được không biết? Chị hãy nhìn kỹ xem nào!

Cô Tần vừa nói vừa đập bàn chân dưới đất thành thịch và day qua trở lại, trở vào bóng mình.

Mọi người cùng nhìn, bảo nhau quả thật cô là người, chẳng qua bà lớn đề đốc vài bữa nay quá bận việc, đâm ra rối trí tưởng lầm thế thôi.

Bấy giờ bà mới tỉnh ngộ, ôm chăm lấy em, tươi cười vồn vã:

- Tôi cảm ơn trời đất quý thần. Nói thật, nhờ có phúc đức ông bà, cô mới được sống toàn vẹn mà về thế này... Hai hôm nay tôi chỉ những hồi hộp mất ăn mất ngủ, trong trí cảm chắc thế nào cô cũng chẳng còn đời!... Việc thì khó khăn mà cô táo tợn quá.

- Thế mà suýt nữa em thành công đấy, chị ạ! Cô Tần nói và bậm môi, tỏ ý tiếc rẻ.

- Nhưng cô làm thế nào đến gần được bên mình Tống Phúc Lương?

- Khó gì, mỹ nhân kế.

- Rồi cô thừa cơ rút dao đâm nó, con dao Mã Lai ở nhà đem đi ấy phải không? Thế là mất mẹ con dao gia truyền của anh cô rồi... Nhưng đâm không trúng à?

- Trời ơi! Chỉ còn xa cách có mấy lông sợi tóc thì trúng vào mạng mỡ nó, song nó sức khỏe và giỏi võ, nên mới tránh thoát.

- Thôi, giết nó không được mà cô kịp đào tẩu về đây, thế cũng là may phúc.

- Đào tẩu làm sao thoát được, chị ơi! Quả như lời chị đã nói: chung quanh thành giặc già ấy, có năm bảy lớp gươm dao vệ sĩ, nghiêm mật lạ thường, con ruồi bay qua không lọt...

- Thế cô bị nó bắt tại trận?

- Vâng, ngay lúc bấy giờ, vào khoảng nửa đêm... Nghĩa là chính đêm qua đây.

- Nó hô lính đem chém?

- Cố nhiên!

- Nhưng thừa lúc khuya khoắt tối tăm, cô lủi trốn được?

- Không!

- Cô này nói lạ; không trốn thoát sao lại lủi mò về đây?

- Thừa chị, lạ thật! Chính người phụng mạng dẫn em đi chém, không hiểu va suy nghĩ thế nào, lại tháo xiềng xích, thả cho em đi, lại chỉ bảo đường lối về Gia Định cho nữa. Người nghĩa hiệp ấy, em chẳng biết tên là gì, cũng không nhìn rõ diện mục thế nào.

- Ô! Đời này có người nghĩa hiệp thế ư? Làm sao run rủi có cơ hội cho ta được gặp mà báo đáp họ mới được.

- Em cũng nghĩ thế.

Hai chị em nói chuyện đến đây, một toán nghĩa quân áp giải hơn trăm tù binh đi vào cửa thành; nhiều người máu me đầy mình, quần áo mang dấu khói đạn lọ lem. Hỏi ra tức là binh triều bị bắt ở mặt trận đưa về.

Chuyện mạo hiểm của cô Tần vừa kể và đám tù binh này, đều in cảm giác rất tốt ở trong trí mọi người đối với nghĩa quân.

Ai nấy trầm trồ kinh phục một người thiếu nữ ẻo lả như cô Tần mà dám mưu việc Kinh Kha, Nhiếp chính, dù thất bại cũng tỏ ra can đảm lạ thường; đàn bà con gái của nghĩa quân còn thế, tưởng đám tu mi tráng sĩ từ Khôi trở xuống còn nhiều người giỏi đến đâu. Thêm bọn tù binh vừa giải vào thành, chứng tỏ lực lượng nghĩa quân còn to, binh triều chưa chắc đã làm gì nổi.

Tiếng súng ở mặt trận nổ đi đùng liên thanh, trong thành nghe rõ mồn một. Những người bán hàng nhôn nhao sốt ruột:

- Bẩm bà lớn có mua giúp chúng tôi, còn để chúng tôi ra về cho kịp, kéo nghe tiếng súng kêu réo bên tai, ghê quá.

- Ôi! Còn chán thời giờ! Các người sợ gì mà nóng nảy lắm thế? Cô Tần nói.

- Thưa cô, chúng tôi là bách tính, sợ quân Huế ập đến thành linh, thì làm thế nào? mấy chị bán gạo đồng thanh nói.

- Hề chúng đến thì ta đánh, can chi mà sợ? “Giặc đến nhà đàn bà phải đánh”, các chị quên tục ngữ rồi à?

- Vâng, cô có gan, giỏi võ, dám làm tới việc thích khách như chúng tôi vừa nghe lỏm câu chuyện; có thể, giặc đến nhà, cô mới đánh được, chứ như chúng tôi thì đánh chắc gì; có mà đánh... mấy bát cơm!

- Còn lo không về kịp mà bị nhốt trong thành thì chết đói mới nguy!... một người khác nói thêm.

- Điều đó tôi xin các cô bác anh chị đừng lo; cô Tần trả lời. Vạn nhất đến thế, chúng tôi sẽ cung đốn ngày hai bữa no nê... Không xem chúng tôi mua trữ lương thực đây à?

Đoạn, cô day lại nói với bà đề:

- Hẳn chị mỗi một?

- Ủ, luôn hai bữa nay tôi chẳng được rảnh tay chộp mắt lúc nào, bàng hoàng như người mất trí, không trách lúc nãy tôi lẫn thần tưởng cô là ma!

- Thế thì chị về nhà nghỉ ngơi dưỡng sức đi, để em thay đỡ công việc mua bán này cho... nào! Cô bác anh chị có mong muốn bán thì đem lại đây.

Giữa lúc ấy ở ngoài mặt trận có cuộc giao chiến kịch liệt. Tiếng súng bắn và tiếng reo hò vang động tới chân thành.

*

Từ Biên Hòa rút về Phiên An, Khôi đoán chắc bề nào binh Huế cũng đuổi theo sau gót mình; lại đoán chắc bề nào Nguyễn Văn Trọng – viên thượng tướng, thống lĩnh các đạo binh của triều đình – cũng yên trí rằng Khôi ít quân, thế cùng lực kiệt, tất tả chạy một mạch vào thành Phiên An, đóng chặt cửa lại mà cố thủ, chứ không chống đối kháng chiến đường trường, hay có mưu mô ý ngoại gì khác.

Bởi vậy, khi về đến Bình Hòa, chỉ còn cách mấy dặm đường thì vào thành Phiên An nhưng Khôi không vào thành vội. Khôi truyền đóng binh lại Bình Hòa, muốn lợi dụng cái thời giờ mình nhanh chân giả nửa ngày, bố trí phục binh, để đánh úp quân Huế sắp tới nơi, nhất là đạo quân Nguyễn Văn Trọng.

Hễ phá vỡ đạo quân chủ lực này, thì mấy đạo kia núng thế, chẳng đánh cũng tàn.

Được thế, chẳng những cái nguy cuộc của thành Phiên An tự nhiên thư bớt, mà thanh danh Khôi ở trước mắt nhân dân Nam Kỳ lại hiển hách như cũ. Bấy giờ Khôi sẽ thân dẫn một cánh quân, quay về miền dưới, thu phục các tỉnh, và bắt sống thẳng bội phản Thái Công Triều như bõn.

Nhân được địa thế chỗ này hiểm yếu, từ Bình Hòa đến cầu Cao Man (tức là cầu Bông ngày nay, trên đường từ Sài Gòn vào Gia Định), toàn ruộng sinh lầy và nhiều lùm cây sầm uất, tiện lợi cho cuộc mai phục, Khôi quyết gài bẫy trong khu vực nhỏ hẹp ấy để bắt Nguyễn Văn Trọng.

Khôi tự vẽ địa đồ, xếp đặt phục binh kéo dài như hình con rắn, hễ đầu nổi lên thì đuôi ứng; khúc giữa quật dậy đánh thì cả đầu đuôi cùng tiếp chiến. Lúc ấy bộ hạ có chừng 2500 người; Khôi tự lĩnh một nghìn, đảm đương ở khúc đầu, còn thì phân phát cho ba tướng Hoàng Nghĩa Thư, Trần Văn Tha, Võ Vĩnh Tài mỗi viên lĩnh 500 người mai phục rải rác ở những yếu điểm, theo Khôi chỉ định.

Đồng thời, sai người đi truyền lệnh cho thủy sư Lưu Tín và Mạc Tấn Giai phải cố ngăn cản những đội chiến thuyền của Trần Văn Năng ở Giao khẩu.

Chưa đầy nửa ngày, Khôi đốc thúc tướng sĩ làm xong mọi việc: nào gài địa lôi, nào cắm chông đóng cừ, nào là đào những hầm hố bên trên phủ cỏ rác, đâu đó từng tiệm hoàn hảo. Ai nấy hăng hái tự nghĩ mình đã lập thành trận thế Bát môn để đón Nguyễn Văn Trọng, mà đây tức là cửa tử vậy.

Mỗi người thủ sẵn một nắm cơm phòng đói và trong tay nắm le khí giới chỉ chờ có hiệu lệnh là nhảy ra chém giết.

Kể ra mọi việc Khôi lo toan xếp đặt kỹ lưỡng, có nhiều hy vọng thành công, nhưng còn quên một chỗ quan hệ, là không nghĩ đến Thái Công Triều.

Những tướng một mình Nguyễn Văn trọng, nhơn nhơn khinh địch, cứ cho quân sĩ nhắm mắt tiến bừa, tất phải sa vào cạm bẫy của Khôi mà tổn hại chưa biết đến đâu. Cuộc diện Phiên An sẽ vì đó thay đổi khác hơn cũng nên. Những trận đánh thực mạng sau chót, có thể chuyển nguy ra an, biến thua thành được, là việc xưa nay thường thấy.

Nhưng ở đây có Thái Công Triều làm cái gậy ngáng lấy bánh xe.

Con người bội phản chí tái chí tam này, đã phụ lời thề mà nhảy sang bên kia chiến lũy rồi, không còn ở trong bộ tham mưu nữa, nhưng không hiểu tại sao lại dò biết được cơ mưu hành binh của Khôi. Muốn làm thân với Nguyễn Văn Trọng và tâng công với triều đình, Thái Công Triều lập tức dẫn một toán bộ hạ đi đường tắt, đón đầu binh triều để nói cho biết.

Lúc giáp mặt, Triều vòng tay cúi mọp, chào Nguyễn Văn Trọng và nói:

- Tiểu tướng trân trọng mừng giùm nguyên soái.

Vị lão tướng này có ý khinh bỉ Triều là đứa nhát hèn phản phúc, đã bỏ vua theo giặc, lại phản giặc trở về triều đình, đáng lẽ phải không thèm tiếp kiến. Song, nghĩ đang lúc dùng binh, người đã thông tỏ nội tình giặc như nó, tất có ích cho bên Triều, vả lại nó mới ăn năn quy thuận, ta nên chiêu đãi và lợi dụng sự biết của nó, kéo đứa tiểu

nhân xoay như chong chóng, có thể bất như ý mà lại quay về với giấc không chừng. Bởi vậy, ông dừng ngựa lại, vồn vã nói chuyện:

- Từ hôm ta phụng mệnh xuất binh, nào đã lập nên chiến công gì đâu mà nhà ngươi mừng giùm?

- Bẩm, sự đáng mừng là nguyên soái gặp được Triều này, rồi lập nên chiến công đầu hết! Thái Công Triều nói rất tự nhiên.

- Thật à? Nguyên Văn Trọng hỏi. Tất nhà ngươi có mưu chước gì hay giúp ta?

- Thưa vâng!

- Ủ, nhà ngươi cố đoái tội lập công, thế nào hoàng đế cũng sẽ lượng tình mà châm chước; phần riêng ta cũng tâu về triều đình hộ cho nhà ngươi.

- Đa tạ nguyên soái; tiểu tướng chỉ mong mỗi có thể.

Đoạn, Triều tỏ hết sở kiến của mình về Khôi, khuyên Nguyễn Văn trọng nên coi chừng phục binh ở khoảng Bình Hòa và cầu Cao Man. Lại chỉ rõ những địa điểm nào nguy hiểm và hiến kế đánh phá trận, kế mai phục của Khôi.

Trọng mừng lắm, liền sai Triều đi hướng đạo, chia quân ra làm ba toán; tự mình dẫn toán đầu. xung đột vào mặt tiền, cốt nhử cho quân giặc tưởng rằng binh triều trúng kế mai phục, trong khi hai toán kia đánh riết vào bên nách, khiến cho quân giặc trở lại vây, tất là phải vỡ.

Quả thật như Trọng đã liệu định.

Ban đầu, tiền đội binh triều đến nơi, Khôi để mặc cho đi qua, đến nửa chừng mới để pháo hiệu cho quân nhà xông ra đánh. Khôi cầm gươm đốc thúc quân sĩ, hò hét, xông pha, dùng cảm lạt thường, binh triều không dám lại gần. Nguyễn Văn Trọng đứng núp trên mô đất cao, ngó thấy, phải tấm tắc khen thâm:

- Thật là hổ tướng! Một ngày nó chưa chết thì ta ăn ngủ chưa yên và đất Gia Định chưa dễ thu phục.

Khôi yên trí rằng ba đội mai phục của mình cùng nổi dậy tiếp ứng, không dễ gì trận trường xà đã bị cắt đứt ra làm mấy khúc, rời rạc hẳn nhau; bọn Hoàng Nghĩa Thụ ba tướng đều bị đánh thúc bên hông ai nấy tự cứu mình chưa xong, làm sao tiếp ứng nhau được.

Binh triều lại biết rõ những chỗ nào có địa lôi, hầm hố, cạm bẫy, nhờ Thái Công Triều mách bảo mà tránh, không một người nào bị sa hầm.

Té ra binh Gia Định mai phục tính để bắt người, lại bị người bao vây mỗi lần thêm chặt, nếu không tìm cách thoát thân ngay thì khôn.

Hai bên giao chiến từ đầu giờ Dậu đến giữa giờ Tuất, tình thế của binh Gia Định cheo leo khẩn cấp như trứng, để đâu đâu sắp sửa rơi vỡ tan tành. Số tử thương vài trăm người. Được điều ai cũng trông gương Khôi hăng hái tử chiến, không một người nào núng chí hay khiếp sợ, quăng gươm đầu hàng.

Võ Vĩnh Tài bị trọng thương ở cánh tay, chạy vào chùa Kim Chương gần đấy, tìm lá bó lại cho cầm máu, tính lộn trở ra chiến địa; bắt đồ Thái Công Triều theo hút vào ôm chặt lấy, bắt sống.

Vĩnh Tài vùng mạnh một cái, Triều phải rời tay và văng xa mấy thước. Tay trái còn cầm thanh gươm, Vĩnh Tài hăm hăm muốn xông tới đâm chết thẳng phản phúc, nhưng trông thấy sau lưng nó đông thủ hạ, liệu thế không làm gì nổi, nên phải ngừng lại.

- Chắc mày bắt tao để nộp thủ cấp lấy công, có phải không Triều? Vĩnh Tài trợn mắt, hỏi.

- Chẳng biết mày còn để làm gì! Triều nói.

- Được rồi, thân tao để tao tự xử lấy, không phải để thanh gươm của đứa phản trắc hèn hạ như mày được làm bẩn da thịt tao.

Tức giận đỏ mặt, Triều hô lính bắt trời nhưng không kịp: Vĩnh Tài nhanh như chớp, nói rồi liền trở mũi gươm đang cầm trong tay, tự đâm giữa ngực mình, ngập hết cả lưỡi, xuyên qua sau lưng, chết ngay.

Ở ngoài chiến địa lúc ấy, sắt vẫn động chạm nhau chan chát; mỗi phút có một vài người trọng thương hay tử trận, lăn nhào dưới đất, không của bên nọ thì bên kia.

Một sự tình cờ giải vây cứu nạn cho quân Gia Định.

Ở mấy làng xóm cách xa chiến địa một cánh đồng, và sau lưng binh Triều, không hiểu vì có phát hỏa bay trộm cướp thế nào, bỗng dưng có tiếng trống ngũ liên và người kêu réo âm ỉ, làm như ở góc trời ấy cũng đang có chiến trường thứ hai vậy.

Lanh trí, Khôi chụp ngay lấy cơ hội bất ngờ ấy, muốn làm cho loạn quân tâm bên Triều, may ra giải nguy cho mình. Tức thời có mấy người cầm loa cỡi ngựa, xông pha khói đạn, chạy từ Bình Hòa lên cầu Cao Man, lại từ cầu Cao Man trở lại Bình Hòa vừa chạy vừa truyền loa, tiếng nói vang rền, nghe rất đông đặc, rõ ràng:

- Bớ quân sĩ Gia Định ta! Đại nguyên soái truyền lệnh nghe: Anh em cứ đánh hăng hái, có viện binh đang tới kia rồi!

Nguyễn Văn Trọng giựt mình, tin là sự thực, lại thấy trời gần tối, sợ mắc gian kế của giặc, vội vàng hạ lệnh thu binh.

Thái Công Triều can:

- Tướng quân cho đánh một chập nữa thì bắt được thắng Khôi chắc chắn, có sao lại bãi chiến thu binh?

- Hứ! Ta chinh chiến đã nhiều, không cần phải nhà người vẽ khôn. Nếu nhà người có giỏi, chắc đánh một lúc nữa bắt được thắng Khôi, thì làm quân lệnh trạng đi.

Triều cúi mặt làm thinh. Một người đã ham sống sợ chết, phản vua phản giặc tới đôi ba lần, khi nào dám làm quân lệnh trạng.

Nguyễn Văn Trọng thu binh, cắm trại ở trước đồn Hòa Phong.

Lúc thấy hàng ngũ phía sau binh triều chuyển động. Khôi định chắc Nguyễn Văn Trọng rục rịch lui quân, lại làm bộ hò hét thúc giục tướng sĩ Gia Định đánh giã, để tỏ ra sức mình chưa đuối.

Binh triều rút đi hết rồi, bấy giờ Khôi mới chỉnh đội kéo về trong thành.

Tính lại, Gia Định thiệt hại chừng 600 quân và một viên đại tướng. Chưa kể thủy sư cũng vì lẽ quả bất địch chúng mà phải bại trận ở Giao khẩu, ngót bảy chục chiến thuyền bị Trần Văn Năng đốt phá, không còn mấy chiếc nguyên lành.

Bọn Lưu Tín và Mạch Tấn Giai tưng thế, bỏ cả chiến thuyền để cứu lấy quân sĩ và ít nhiều khí giới, cùng nhau lên bộ, chạy về thành Phiên An sau Khôi độ vài giờ đồng hồ.

Thủy sư Trần Văn Năng thừa thắng tiến vào đóng chốt ở trước Thị Nghè.

Tuy vậy, binh triều đánh nhau trên bộ với quân Khôi, tổn thất cũng nặng, có lẽ nhiều gấp đôi. Chính mắt Nguyễn Văn Trọng ngó thấy quân lính Gia Định dững cảm liều chết, người nào cũng lấy sức một chọi hai ba, không coi nguy hiểm tử sinh là gì. Đó cũng là một cố khiến Trọng nhân trời sắp tối cả quyết thu binh, sợ vương phải sự bất trắc.

Vào thành, Khôi chẳng nghỉ ngơi gì cả. Con người đầy nghị lực hình như gang sắt rèn đúc, càng nện càng thấy rắn. Bước xuống mình ngựa, vào ngay công phủ, chỉ húp một bát nước cháo của quân lính vừa nấu chín, đủ lấy lại hơi sức, rồi vờ các đồng chí họp quân sư hội nghị khẩn cấp.

Trần lĩnh tự nhiên, Khôi nói:

- Chẳng nói, anh em cũng thừa biết quân triều tất bao vây chúng ta tình thế ta phải tạm cố thủ thành nay để nhờ cơ tường cao hào sâu, tướng sĩ cùng lòng quyết đấu, kẻ địch không làm gì nổi. Tôi và Tăng tiên sinh đã có phương lược nay mai giải thoát cuộc nguy này. Hiện tại chỉ là vấn đề hết sức giữ thành, chắc hẳn anh em đồng tâm cộng lực với tôi?

Chư tướng cùng nói:

- Vâng! Chúng tôi thề hết sức phò tá đại huynh; chừng nào binh triều có thể đi trên thây ma chúng tôi thì mới vào lọt được thành này...

Nghe chư tướng nói những tiếng “đi trên thây ma chúng tôi mới vào được thành” Khôi cho là điềm gở, trong thâm ý không vui, nhưng cố đè nén, bề ngoài vẫn giữ vẻ hăng hái mạnh bạo như thường:

- Việc chiến hay thủ đều cốt ở nhân tâm; Khôi nói. Tướng sĩ ta quyết tâm như thế là quý lắm rồi; chúng ta cứ biết cùng nhau làm hết nhân lực, còn việc thiên mệnh về sau thế nào, không kể đến vội.

Đoạn, day qua hỏi Đặng Vĩnh Ứng và Tăng Vô Ngại:

- Công cuộc phòng thủ, hai ông sắp đặt mấy hôm nay, tất đã hoàn thành cả rồi?

- Vâng, có thể gọi là hoàn thành; Tăng Vô Ngại đáp. Hiện tôi đang ếp quân sĩ đào những hầm đất ở giữa thành, làm chỗ cất thuốc súng cho kín đáo, thần công bên địch ở ngoài nã vào cũng không sợ bị rủi ro thiêu hủy.

- Tiên sinh trù liệu chu đáo thế là phải lắm; Khôi gật đầu và nói. Còn quân sĩ giữ đồn ở mấy nơi, nếu để họ ở bên ngoài sẽ là chơ vơ cô lập, tất bị kẻ địch tóm được, chi bằng cho gọi cả về, hợp lực thủ thành, như rết thêm chân, càng nhiều càng tốt.

- Tôi đã tiên liệu sự đó rồi, đại nguyên soái khỏi lo; Đặng Vĩnh Ứng trả lời. Sáng nay đã cho hỏa bài đi các nơi triệu về, nội đêm nay chắc họ đến nơi.

- Số ấy hiện còn độ bao nhiêu?

- Tính già giặn cho là một nghìn.

- Còn quân lưu trú trong thành?

- Vừa đúng sáu trăm.

- Thế là một nghìn sáu trăm, hợp với quân bản bộ tôi vừa đem về hai nghìn, cộng lại tất cả là ba nghìn sáu. Binh triều chắc là đông vô kể. Tăng tiên sinh có thể ước lượng binh lực chúng nó độ bao nhiêu không?

- Có, tôi đã thám thính mà biết được thực số; Tăng Vô Ngại trả lời. Kể cả ba đạo lính bộ của Nguyễn Văn Trọng, Trương Minh Giảng, Tống Phúc Lương, có một vạn bảy nghìn người; thêm ba nghìn thủy sư Trần Văn Năng nữa là hai vạn cả thấy.

Nghe nói số quân Huế đông như thế, nhiều tướng có vẻ giựt mình, nhìn nhau biến sắc, Tăng biểu ý, vội vàng nói tiếp:

- Tuy thế, phần nhiều không phải là quân thiện chiến; trừ ra dăm nghìn lính kinh kỳ, còn thì toàn thị mới điền, buông tay cày bừa vớ lấy gươm giáo, chưa từng trải chiến trận gì.

Các tướng yên tâm, sắc mặt tươi lại.

Trước sau, Khôi vẫn thản nhiên:

- Họ những hai vạn, chúng ta có hơn ba nghìn, nghĩa là lấy một chọi sáu. Ta lợi ở chỗ thủ hiểm. Có điều không biết hơn ba nghìn ấy có phải trung thành cảm tử cả chẳng? Theo ý Tăng tiên sinh xem xét quan tâm ra thế nào? Tôi không sợ chết, không ngại sự chiến đấu chỉ e trong số binh lính cùng chúng ta sinh tử quan hệ với thành trì này, rủi có dăm ba đứa như thằng Thái Công Triều cũng đủ nguy hiểm. Thú thật, tôi như “kinh cung chi diều” sợ làn cây cong; đã một lần đại đột quá tin thằng Triều, há nên vương phải lầm lữ đến lần thứ hai...

Khôi chưa nói hết, Tăng gạt đi:

- Đại nguyên soái giờ biết thận trọng lo xa như vậy, thật là có phúc cho nghĩa quân chúng ta. Nhưng không nên đa nghi để cho lòng quân chán nản. Kẻ nào có vẻ gian tà, hèn nhát, chúng tôi đã tẩy đi rồi, lựa lọc còn lại, toàn là hạng nghĩa khí, có thể cùng ta sinh tử. Hơn ba nghìn chiến sĩ ấy: phần là Hồi lương, tức là thân binh đồng chí của chúng ta; phần là dân có đạo, nghĩa là những người ác cảm với triều đình; như thế tướng quân còn phải lo ngại gì nữa.

Hăng hái đứng phắt dậy, trước hết Khôi vòng tay xá Tăng rồi vỗ trên thanh gươm mà nói:

- Đa tạ tiên sinh chỉ rõ điều lợi hại, Với số chiến sĩ ấy, tôi thề cùng chư tướng sống mãi còn mãi... Chúng ta hơn ba nghìn, nhưng chấp cả chúng nó hai vạn!

Tăng nói tiếp:

- Có điên nên lo, là vấn đề lương thực; bề nào quan Hué cũng tìm cách đoạn tuyệt lương đạo của ta...

Nhân nói lương thực, Khôi nhìn Nguyễn Kiều và hỏi:

- Việc này trách nhiệm ở ông Hộ thành đề đốc. Thế nào, mấy hôm nay quân ta mua trữ được những gì? Trước hết là thóc gạo?

- Trong kho ta hiện có 7 vạn thùng vừa lúa vừa gạo, và vẫn còn mua thêm. Nguyễn Kiều đáp:

- Muối có bao nhiêu?

- Hơn sáu nghìn thùng.

Phải có gà vịt trâu bò, thịt khô cá mặn, để nuôi quân sĩ có ăn sung sướng no đủ, mới lên thành cự giặc được chứ! Khôi vừa nói vừa cười. Nếu chỉ cơm chấm muối, thì tôi chịu thôi.

- Có, những thứ ấy đều có mua trữ mỗi món ít nhiều, nhưng còn linh tinh chưa tính được. Nhiều người lại khiên heo chở gạo đến tặng quân ta không thềm bán chắc gì cả.

- Ô! Nhân tâm quý hóa nhỉ! Còn thuốc đạn thế nào?

- Có sổ biên rõ đây, mời nguyên soái xem; Nguyễn Kiều nói và cầm sổ trao cho Khôi. Chẳng gì, hiện diện trong quân cũng có hơn 6

vạn cân thuốc súng và một nghìn viên đạn thần công. Lúc này Tăng quân sư nói đào hầm để cất thuốc súng cho kín, là phải.

Khôi cầm sổ xem, thấy quân nhu vật dụng biên chép đầy năm sáu trang giấy, món nào cũng kể hàng nghìn trở lại, trong bụng rất mừng:

- Thế này thì quân dân trong thành Phiên An ta có thể yên ổn phong túc được mấy tháng, để chờ cơ hội phản công và ngoại viện tới kịp.

- Có thiếu thốn cần dùng món gì cũng không lo! Nguyễn Kiều nói. Tôi đã ước định với những dân đạo ở ngoài thành, sẽ thừa đêm tối do đường thủy Kinh đôi tiếp tế các thức vào thành cho chúng ta.

Bỏ qua câu chuyện Nguyễn Kiều nói, Khôi day lại hỏi Tăng Vô Ngại:

- Cái diệu kế gì tiên sinh nói với tôi ở đồn Bình Hòa hôm nọ, giờ phải thi hành đi thôi.

- Chính thế!

Tăng miệng nói tay lần trong bọc lấy ra một bức thư đưa cho Khôi, chữ viết ngòeng ngoèu, kỳ quái:

- Tôi đã viết thư sẵn sàng đây, nguyên soái chỉ có việc ký tên đóng ấn vào, rồi sai người thượng lộ ngay.

- Chữ gì trông xoắn xoe rồi rít như tơ vò hay gà bới thế này? Khôi hỏi với vẻ mặt kinh ngạc.

- Thì chữ Xiêm đấy! Tăng đáp.

- Trời ơi! Tiên sinh thạo cả chữ Xiêm?

- Có gì là lạ! Tăng ung dung trả lời. Khổng Minh ngày xưa bảo một người làm tướng, phải biết đủ thiên văn, địa lý, tam giáo, cửu lưu, hướng chỉ văn tự một nước lân cận.

- À, Tiên sinh viết thư này cho Xiêm tướng Chat Tri?

- Chẳng phải nguyên soái quen biết Chat Tri thân mật ư?

- Vâng, lúc Thượng Công ta còn sống, có lần phụng mệnh sang Nam Vang cùng Chat Tri hội đồng về việc Cao Miên; tôi có đi theo. Nhân thế, được cùng Chat Tri quen biết; ông ta định ninh hẹn ước, mai sau có việc gì cần đến, sẽ hết sức giúp.

- Thì trong thư này, nguyên soái nhắc lại tình xưa, cầu viện Chát Tri đem binh qua Nam Kỳ giải cứu nguy cuộc cho ta đây. Tôi định chừng trong vòng ba tháng, tất có viện binh Xiêm. Còn sự thông tin với Nông Văn Vân xứ Bắc là chỗ người nhà, thì Nguyên soái tự làm lấy, cần thiết là khẩn cấp. Ta cốt chia sẻ binh lực triều đình ra tứ tung để ta thừa cơ mở thành đánh thốc ra, tái tạo cơ đồ, chứ bị vây cứng mãi thì chết.

- Tôi xin như mệnh.

Khôi ký tên vào bức thư gửi qua Xiêm, đồng thời viết thư khuyến khích Nông Văn Vân, đề giao cho hai người thân tín nội đêm khởi hành, mỗi người một ngả.

Xong cuộc hội nghị quân sự, Khôi cùng Tăng đi xem xét các cuộc phòng thủ mà quân lính đang hì hục làm suốt đêm.

Sáng hôm sau, cửa tiền vẫn mở, để chờ người ở trong thành muốn tránh vòng vây, di cư ra ngoài tự ý.

Những người buôn bán còn ham mỗi lợi, gồng gánh các thứ vật dụng vào bán cho nghĩa quân, tấp nập không kém gì hôm trước.

Trong một nhà thờ cát tạm ở gần Cầu Kho, cố Du túc cố Marchand, người Pháp – bình tĩnh giảng kinh làm lễ cho dân theo đạo. Quân lính đi lễ khá đông, vì bộ hạ Khôi già nửa là giáo dân. Từ khi Gia Định về tay Khôi, người ta được tự do tín ngưỡng, những lệnh nghiêm cấm của vua Minh Mạng không có hiệu lực đến đây.

Khôi cùng mấy viên tùy tướng cỡi ngựa đi rào chung quanh vòng thành, xem lại các công cuộc phòng thủ và chỗ đặt thần công, chỉ bảo khuyến khích binh sĩ; chốc chốc lại trèo lên vọng lâu để dòm xét động tĩnh bên địch.

Lúc Khôi đi qua chỗ cô Tần trông nom mua bán, cô ra hiệu cho mọi người cùng đứng dậy tỏ ý cung kính. Khôi gọi cô và nói:

- Cô em liệu chằm chước mà mua nới giá với bà con nhé! Nghĩa quân chỉ cần có vật dụng cho nhiều, không ngại tốn phí đâu.

- Dạ, sự mua bán mấy bữa nay vẫn làm như lời đại nguyên soái đã dạy. Cô Tần cúi mình trả lời.

Những người buôn bán chỉ được nghe tiếng anh hùng Lê Văn Khôi, bây giờ mới trông giáp tận mặt. Ai nấy trầm trồ khen ngợi, nhất

là thấy binh triều đình gần đến chân thành, mà thần sắc Khôi cứ thản nhiên vui vẻ, không có chút nào tỏ ra sợ hãi, lo lắng. Một chú khách bán cá khô, nói líu lo, ngập ngừng:

- Ông lớn này lúc ra chiến trường, hấn không khác gì Triệu Tử Long ở Đương Dương Trảng Bàng ngày xưa!

Một lúc sau, ở trên vòm cột cờ có tiếng loa truyền khẩn cấp:

- Giặc đến nơi rồi!... Đóng cửa thành lại!... Bớ quân ta ở lũy nào nhóm ấy, đâu đó sẵn sàng ứng chiến nghe!

Tiếng loa truyền hiệu lệnh ấy nhắc đi nhắc lại đến ba lần.

Xong lần thứ nhất, đội lính gác cửa đã chạy lại, mỗi bên mười người xúm đẩy hai cánh cửa lim, cao ba đầu người, dày sáu tấc, nặng mấy nghìn cân, dưới nó bánh xe, thoăn thoắt khép liền lại.

Người ta buổi sớm vào thành có việc quan, và đến hai phần ba dân quê cùng khách trú vào bán hàng, còn trùng trùng chưa kịp chạy ra thì cửa thành đóng chặt mất rồi.

Lắm chị nhớ tới chồng con ở nhà ngoài thành, đâm ra hãi hùng, luống cuống, gào khóc rầm rĩ. Họ chạy đến lạy lục binh lính mở cửa cho họ ra, nhưng giây phút ấy binh lính chỉ biết có lệnh trên và phận sự của mình, nước mắt với miệng lưỡi mấy cô gái quê xinh xắn hữu tình, không thể nào làm xiêu lòng tráng sĩ. Họ lại chạy lại bên cô Tần, một hai năm nỉ cô can thiệp cho họ được ra ngoài. Cô phải bực bội:

- Các chị làm gì mà phải khóc lóc rồi rít lên thế? Tưởng đâu cái chết đã đến bên chân!... Cô Tần cau mặt và nói.

- Cô không thấy binh triều ập tới đánh thành đấy sao? Trời ơi! Cháy thành vạ lây, họ tràn vào chém giết tứ tung thì chúng tôi chết oan mạng cả lũ còn gì! Trăm lạy cô bảo mấy chú lính mở cửa cho chúng tôi ra, làm phúc.

- Các chị này dốt thật, chả biết gì cả! Cô Tần trả lời. Bọn tôi tớ của Minh Mạng cậy thế đông người, kéo đến vây thành này thì có, chứ đánh vào trong thành được còn xơi! Các chị thử cho chúng nó ăn hết năm bảy mùa thóc lúa của nhà các chị, xem chúng nó đã lọt chân vào thành được chưa?

- Thế ra họ chỉ bao vây ở ngoài thôi à, thưa cô?

- Phải, chúng nó chỉ vây chung quanh đấy thôi, làm như lũ mèo đói ngồi rình vồ lấy chúng tôi đây là miếng thịt mỡ... Các chị, các anh cứ yên tâm ở lại trong thành với chúng tôi, sẽ được nghĩa quân nuôi nấng đầy đủ; đàn ông thì làm lính, cùng chúng tôi xuất lực cự giặc thủ thành, còn đàn bà thì làm những việc nhẹ nhàng, phục dịch giúp đỡ trong quân. Trái lại, nếu ai muốn ra, thì đợi một hai bữa, rồi thừa cơ trời tối canh khuya, người ta sẽ tìm cách thông dây cho mà ra ngoài thành; chúng tôi không bắt buộc các người nhất định phải ở, phải theo mà sợ. Các người nên biết nghĩa quân chỉ lấy lẽ phải cảm hóa nhân tâm, chứ không ức hiếp dân như là kẻ kia đâu!

Mấy lời thành thật của cô Tần đặt ngay sự yên ổn tin cậy vào trong tâm não mọi người. Ai nấy nghĩ thầm một đứa con gái trong nghĩa quân còn khẳng khái như thế, huống chi là bọn nam nhi tráng sĩ và anh hùng nổi tiếng như Lê Văn Khôi, thành này chắc hẳn vững vàng, binh triều khó mà phá vỡ.

Trừ ra mấy chục người đàn bà ngỏ ý mong đợi cơ hội nghĩa quân thông dây cho họ ra ngoài thành, còn hơn trăm người đàn ông, kể cả hăm mấy chú khách, vui vẻ tình nguyện ở lại, đăng vào hàng ngũ, đem bắt thịt và trí khôn giúp đỡ nghĩa quân giữ thành, không ngại gì cho tính mạng rủi hay may, còn hay mất.

Thành trì Phiên An, chu vi 2500 thước tây, diện tích gần 200 mẫu, có chừng hai vạn nhân khẩu vừa thường dân vừa binh lính, từ hôm nay trở đi phải nhốt trong vòng vây.

XII. ÁI TÌNH Ở TRƯỚC SÚNG ĐẠN

Với ba đạo binh cả thảy một vạn bảy nghìn người, đại tướng Nguyễn Văn Trọng vây thành Phiên An.

Nhưng thành chiếm được địa lợi vừa to vừa hiểm, ba mặt có sông bao bọc, phía tây và tây nam lại nhiều đầm vũng liên miên và đất sinh lầy; Trọng tự nghĩ binh lực mình hơi ít, nhất thời không thể vây kín được một tòa thành trì thiên hiểm như thế. Vả lại các công cuộc cần dùng cho chiến thuật vây thành cũng chưa thi thố kịp.

Cho nên ban đầu, Trọng sai Thủy sư chiến thuyền án ngữ ở khoảng Bến Nghé và rạch Thị Nghè, cốt nhất là đoạn tuyệt lương đạo của binh giặc, vì có hai con sông đào nho nhỏ, chảy xuyên vào trong thành. Còn ở trên đất thì Trọng cất đặt bộ binh trấn giữ trước mặt các cửa thành và mấy con đường độc đạo mà giặc có thể giao thông với miền Chợ Lớn, Chí Hòa, Gia Định thế thôi.

Mãi đến cuối tháng 10, Trần Văn Năng đem thêm binh ở ngoài vào tiếp ứng, và công cuộc bao vây cũng vừa xếp đặt hoàn thành, bấy giờ Khôi với nghĩa quân mới thật là bị vây bọc chặt chẽ.

Quanh khắp vòng thành Phiên An, Trọng lập những chiến lũy, những pháo đài liên tiếp nhau, lại xẻ đất làm ra vô số đường hầm, từ ngoài xa vào mãi chân thành để cho quân lính được tiện đi lại trong lúc hành binh. Đó là một chiến thuật Trọng bắt chước các võ tướng người Pháp đã giúp vua Gia Long đánh Tây Sơn bốn chục năm trước.

Song ván cờ gặp địch thủ sắc cạnh, Nguyễn Văn Trọng không thể dương dương đắc chí, mặc dầu mình được thế pháo tiên mã hậu, đang chực đâm tốt chiếu hãm người ta.

Bên ngoài, Trọng bày đặt thế đánh già dặn chừng nào, bên trong Khôi tìm cách đối kháng khôn ngoan chừng ấy.

Trong thành, như chúng ta đã biết, Khôi đào hầm hố cất kỹ thuốc đạn và lương thực, tính mệnh của ba quân, cho binh triều có tung vào bao nhiêu quả đạn thần công cũng chẳng can chi. Nội các chỗ hiểm yếu quan hệ, Khôi dùng ân uy và kỷ luật rất nghiêm, bố trí quân lính canh giữ. Cơ nào đội ấy thay phiên nhau ứng chiến suốt ngày suốt đêm, giao hẹn chỉ có chết thì thôi, không ai rời bỏ chiến lũy và khí giới của mình nửa phút, Binh nhật Khôi ở với thủ hạ rất được lòng cho nên bây giờ lâm nguy không ai không một dạ trung thành, hăng hái chịu chết.

Trên mặt thành luôn luôn có những đội cảm tử, nai nịt sẵn sàng, bên cạnh để gạch đá, tên nỏ tầm thuốc độc và các vật dẫn hỏa, chỉ đợi binh triều mon men đến chân thành lúc nào là sả thân chém giết lúc ấy. Bên dưới có những đội cảm tử khác chờ sẵn để nhảy lên tiếp ứng. Quyết tâm và khẩu hiệu của họ là không để một tên lính nào của triều đình leo lên được rìa thành Phiên An.

Mỗi chiến lũy, Khôi đặt một viên bộ tướng trông nom, kí tờ quân lệnh trạng trước khi nhận chức. Còn bản thân và các dũng tướng

như Nguyễn Văn Trân, Hoàng Nghĩa Thu, Nguyễn Kiều thì cắt lượt nhau tuần phòng đốc chiến ở mặt thành xông pha nguy hiểm. Đến bữa thầy trò cùng ngả cơm mắm muối ra ăn với nhau ngon lành vui vẻ, chẳng nề hà phân biệt đẳng cấp tí nào? Vì thế, lòng quân càng cảm kích và bội phần anh dũng.

Hơn bốn chục cỗ súng thần công của binh triều, đặt rải rác bốn phía và có chỗ ẩn trú kỹ lưỡng, từ sáng đến tối, thi nhau khạc những viên đạn to bằng quả bưởi vào trong thành, nghe thật dữ dội nhưng không nhằm mục đích gì cả. Chỉ có phố phường dân xã bị hại chút đỉnh, còn kho tàng hào lũy của nghĩa quân thì không tổn thương gì. Bởi những quả bưởi ấy ném vào, hầu hết rơi nhằm đất bùn mà nghĩa quân đã dọn sẵn để đón rước, sau khi lượng chừng tầm súng của bên triều.

Mỗi khi nghe hiệp súng của mình không có hiệu lực, đại tướng Nguyễn Văn Trọng lại gọi mấy thầy đội thần công đến viên môn quở trách. Thế rồi một viên tùy tướng mặc áo thụng xanh đem hương đèn tới lễ bái “ổng súng”, tưởng ngài có điều gì bất bình, cho nên kém nổ. Cũng như lúc thần công tắc tị, người ta yên trí ngài rức đầu sổ mũi, lập tức đòi viên điều hộ tới kê đơn bốc thuốc.

Nghĩa quân trong thành không có mê tín lạ lùng ấy. Họ đâu có nhiều thần công, và lại rất ít đạn, cho nên bắn trể một cách dè dặt hết sức. Thỉnh thoảng, nhằm trúng một mục đích gì họ mới bắn ra một phát, bằng không thì thôi.

Binh triều nghĩ giặc cạn lương hết đạn, sắp nguy đến nơi, lại càng bắn giã.

Nguyễn Văn Trọng cốt thả sấm sét nhân tạo ấy rõ nhiều, để cho binh dân trong thành giây phút nào cũng xôn xao hãi hùng. Một mặt sai ném tờ chiêu an vào thành, khuyên dỗ người ta trốn ra, sẽ được triều đình bao bọc và tha thứ cho. Lại dùng lời bóng bẩy, ly gián bọn Khôi.

Chủ ý Trọng muốn tước dần vây cánh lực lượng của Khôi đi cho hấn cô lập, tự nhiên dễ đánh.

Nhưng mưu sâu của Trọng chỉ được thành hiệu một nửa. Có một ít dân cư nghĩ mình ở trong vòng khói lửa mà sợ, rủ nhau mạo hiểm trèo thành hoặc lặn hụp dưới sông trốn ra. Khôi biết quả thật là thường dân, chỉ cầu lấy sự sống, chứ không tiềm tâm gì khác, cho nên

dẫn bảo quân sĩ để mặc họ trốn, không cần bắt bớ ngăn trở. Vì trốn ra ngoài một tên dân nào, tức là trong thành bớt được một miệng ăn, để phần cơm ấy cho chiến sĩ còn hơn. Duy đến quân lính bộ hạ Khôi, thì lời dỗ ngọt và mưu mẹo phản gián của Trọng chỉ như nước đổ đầu vịt, gió thoảng ngoài tai: Không có một mống nào bỏ thành trốn ra. Họ chặt gươm dưới đất, thề trước mặt Khôi:

- Anh em chúng tôi thề có trời đất quỷ thần chứng giám, thà cùng đại nguyên soái cùng sống chết giữa vòng vây này còn mát mẻ vong linh hơn là theo chân Thái Công Triều để cho thiên hạ hậu thế xỉ tiếu!

Khôi thấy lòng quân đối với mình như thế, bất giác cảm động, tuôn rơi nước mắt.

Mỗi ngày năm bảy lượt, Trọng lại sai từng tiểu đội một trăm, hai trăm người, xuyên những đường hầm, đến bên chân thành khiêu chiến, cốt làm cho bọn Khôi phải ứng tiếp luôn luôn tất phải mỏi mệt, rồi đến kiệt lực.

Bọn Khôi mỗi mệt ở đâu chưa thấy, chỉ thấy có khi một hai trăm người của Trọng sai đến chân thành đánh giặc, chẳng còn người nào trở về, Quân giặc giết sạch.

Cậy mình có binh lực đông, khí giới nhiều, Trọng muốn chọc tức cho Khôi đem binh ra ngoài thành đánh nhau, để trừ kẻ địch cho chóng. Ông lên giọng thượng tướng triều đình, gọi Khôi là “ngự” và sai bắn vào thành một bức thư.

“Tên ngự Khôi biết tội thì mau bó tay ra hàng ta xin triều đình tha cho khỏi chết. bằng không thì nó kéo cả bầy cả lũ ra ngoài thành cùng ta quyết chiến một trận sống chết, đừng để dây dưa, khổ lây cho bá tính.

Có giỏi thì ra đây, ta làm phúc lui binh cách xa mười dặm, chừa chỗ cho nó ra lập trận. Mang tiếng hảo hớn mà nép mình trong xó thành như đàn bà, hèn nhát lắm.”

Dưới có năm chữ “Đại tướng quân Nguyễn thị” nghĩa là “quan Đại tướng họ Nguyễn bảo cho biết”.

Nhặt được lá thư, Khôi xem và cười, ngảnh lại nói với chư tướng: “Thằng già này xỏ lá muốn như cộp ra khỏi núi mà bắt đây!” Rồi sai bắc loa gọi, trả lời:

- “Bớ Nguyễn Văn Trọng, nghe truyền đây nè! Đại nguyên soái ta không có máu tức Châu Du đâu, mà nhà ngươi hòng khêu chọc. Nói cho nhà ngươi biết: khéo giữ lấy hồn, kéo già không trót đời ở dưới chân thành ta đây”.

Trọng không làm sao kéo Khôi ra ngoài quyết chiến được, đành dùng lối đánh tiêu hao: chốc chốc lại thả mấy đạo quân ô ạt tới đánh góc thành này, rồi quay sang đánh góc kia, cốt làm cho bên địch tổn hơi mòn sức dần, và suốt ngày phải chiến đấu không được yên nghỉ.

Không ngờ Khôi đã đón trước chiến lược ấy, phân binh ra từng ban và góc thành nào cũng có cuộc phòng thủ kiên cố, không vì binh triều đánh luôn mà phải đổi phó nhọc mệt.

Vả lại binh triều chỉ dám đến chân thành ban ngày thôi, đêm tối lại rút về chiến lũy ở xa. Lúc ấy nghĩa quân trèo thành ra, đào hào bốn phía cho sâu thêm, trao đổi tin tức với tai mắt bên ngoài, hoặc nhận lương thực tiếp tế thông thả.

Vây thành đã hơn một tháng, binh Triều chẳng làm nên công trận gì như ý, chỉ thấy tổn hại thì có. Quân sĩ dẫm mình vào sinh lũy và phơi mãi sương đêm nắng ngày, phát bệnh thương hàn mà chết rất nhiều. Đại tướng Nguyễn Văn Trọng lo lắng, đứng ngồi không yên, bèn hội tướng tá lại bàn định mưu kế, lấy thêm viện binh đến, rồi hạ lệnh tổng công kích.

Sáng sớm hôm rằm tháng một, binh triều bốn phía xúm lại đánh thành tướng chắc phá vỡ ổ giặc, không dè tự rước thêm vào một trận thảm hại.

Những người dự trận đánh này, về sau kể chuyện lại rằng: tại lúc ấy quân lệnh thi hành không đều, có toán lính đã xuyên đường hầm đến bên chân thành giao chiến với giặc rồi, còn toán khác thì vẫn quanh quẩn trong chiến lũy, không ra tiếp ứng. Đã vậy, quân giặc lại chống sự hết sức can đảm và quý quyết. Chúng kháng cự một chập rồi như có mật lệnh sai khiến, đồng thời rút hết, trên mặt thành không còn một bóng người nào. Binh triều cảm chắc bọn Khôi thua mà phải rút, ai nấy hò reo đắc chí, vội vàng ném thang dây và đập ụ đất, thi nhau leo vào thành. Giặc để binh triều leo độ lưng chừng, bấy giờ lại nhô lên tua tủa, dùng những móc sắt, tên độc, dao quắm mà chặt dây, bắn vào đỉnh đầu, và lăn gạch đá xuống

như mưa. Không khác gì trái chín trên cây rụng xuống hào sâu, ngổn ngang, lênh bênh. Tiếng kêu khóc đau đớn nghe sồn tóc gáy.

Tóm lại trận này binh triều thất bại, hoàn toàn thất bại, tử thương có đến ba nghìn người. Thây nằm chồng chất trên bờ hào chân thành. Một phần trôi ra ngoài sông, thủy sư vớt mãi mới hết.

Nặng nhất là cánh quân Tổng Phúc Lương, cả chết lẫn bị thương đến nghìn người; còn thêm một trăm người bị quân địch bắt sống.

Khôi được trận này, thanh thế lại nổi như sấm. Người ta ngầm giúp lương tiền vô số. Khách trú buôn bán trong Chợ Lớn, nhân ở ngoài thành, tự nhiên phải kiêng nể Nguyễn Văn Trọng, nhưng bề trong họ vẫn bí mật giao thiệp với Khôi và giúp cho tiền bạc. Cái lỗi bắt cá hai tay ấy, ở đời không lạ.

Tướng sĩ bộ hạ Khôi cũng vui lòng khởi dạ, càng thêm phần chấn, hy vọng. Họ tin quyết binh triều đình sẽ bị đánh tan, toàn cõi Gia Định lục châu lại trở về tay Khôi thống hạt như mấy tháng trước.

Trong lúc ấy, ở chiến lũy ngoài thành, người ta buồn rầu với nhau không để đâu hết. Đại tướng Trọng vừa tức vừa thẹn, phát sốt mấy ngày; có lúc mê hoảng vùng chỗi dậy nói lớn:

- Ta đã bảo một ngày nào, thằng khốn nạn ấy chưa chết, một ngày ấy ta không thể ăn ngon ngủ yên!

Ba hôm sau bình phục, Trọng tự dâng biểu về triều nhận lỗi; một đảng tìm cách báo thù tuyết hận.

Trọng nghĩ vây thành mãi thế này chưa biết đến bao giờ mới phá vỡ mà trừ Khôi; hai bên chống giữ nhau xem chừng lai nhai còn lâu lắm, chi bằng lấy trí lực thay vào binh lực, ta cho người vào thành làm thuyết khách, dỗ Khôi quy hàng, không thì thừa cơ giết quách nó đi cho xong.

Theo kế hoạch Trọng đã định, việc dưới thành hay không thành chưa biết, nhưng có người sai đi được ngay.

Một toán lính chọn lựa sắc sảo, khỏe mạnh, vâng theo tướng lệnh, mon men đến chân thành, giả đồ công kích, rồi họ tùy tiện, hoặc quăng khí giới xin hàng giặc, hoặc để cho giặc bắt sống. Vào thành, tất họ bị giam một chỗ với trăm người bộ hạ Tổng Phúc Lương bị bắt

tại trận hôm nọ. Trong ngực, hai đám sẽ đồng mưu hợp lực với nhau, đêm khuya phá cũi đi ra, tìm giết được Khôi đành là vạn hạnh, không thì họ cũng cố sức làm sao mở tung cửa thành, đốt lửa làm hiệu, để cho binh triều đánh lửa vào.

Ngay chiều hôm ấy, quân sĩ Phiên An trấn giữ đông môn, bắt sống được trọn một tốp binh triều hơn ba chục người giải đến trình đại nguyên soái, chờ lệnh phát lạc. Nghĩa quân đang cần dùng nhân công, Khôi truyền đem giam họ vào trại tù binh, ở dinh đề đốc Hộ thành Nguyễn Kiều, nhập bọn với số tù binh trước.

Thế là cái mưu hành thích hoặc nội công theo ý Trọng muốn, đã có người sai đi vào thành trót lọt rồi.

Nhưng tìm người làm thuyết khách mới khó. Liệu phó thác ai đi cho may mắn được việc bây giờ?

Thoạt tiên, Trọng bảo mấy viên tùy tướng và quan văn tòng chinh, họ đều hoảng hồn, từ chối bầy bầy. Người này lấy cớ mình không hề biết người biết tính Khôi, làm sao hạ thuyết tù cho được, người kia thú thật họ tùy ý thống tướng sai khiến ra trận mặc gian nguy thế nào cũng xin vâng mệnh, không hề sợ chết, nhưng làm thuyết khách thì họ vô tài, sợ làm lỡ làng việc quan, càng thêm đắc tội.

Nghe mấy người nói thật thà có lý, Trọng không nỡ lòng ép buộc, chỉ ngồi thừ mặt ra suy nghĩ. Giá có ai đem cho một Tô Tần hay Trương Nghi lúc này, chắc ông mặc thụng xanh mà vái lạy tạ ơn.

Sau cùng, chợt một ý nghĩ nảy ra trong trí, thấy nét mặt ông hớn hờ vui mừng như người bắt được cả kho vàng ngọc, rồi vỗ đùi đắc chí, nói với mọi người:

- Thôi, không phiền đến các ông! Ta đã có người sẵn sàng, thế mà nãy giờ quên lửng.

Tướng tá bợ ngỡ nhìn nhau, chưa đoán ra ai, nghe ông gọi một tên lính và truyền:

- Mi cầm lệnh tiễn đi gọi ông chánh vệ ủy Thái Công Triều lại đây, mau!

Công Triều vừa mới lấy quân Định Tường lên tiếp ứng, cũng sự cuộc vây thành và hiện đốc chiến ở cửa bắc môn.

Một lát, Công Triều đến viên môn, vái chào khúm núm”.

- Bẩm cụ lớn đòi tiểu tướng lại có việc sai khiến?

- Phải, ta muốn phiên nhà người vào thành Phiên An; Nguyễn Văn Trọng nói một cách trực tiệt, không úp mở gì cả.

- Bẩm cụ lớn, nghĩa là tiểu tướng phụng mệnh dẫn một cánh quân đánh thành Phiên An? Công Triều hỏi lại, vì sự thật không hiểu bản ý của Trọng.

- Không phải thế! Trọng đáp, ta định sai nhà người vào thành làm thuyết khách, lấy lợi hại nhủ bảo bọn Khôi ra hàng Triều đình... Nhà người sắp sửa đi ngay, để ta cắt tướng khác đốc chiến ở Bắc môn thay cho!

Công Triều sợ toát mồ hôi, sắc mặt ngăm đen biến ra trắng bệch như một xác chết, vừa nói vừa run:

- Cụ lớn sai đi việc ấy, thà cứ chặt đầu tiểu tướng đưa làm quà cho bọn Khôi trước còn hơn.

- Ô! Tại sao lại thế? Trọng hỏi lại sung sĩa. Chẳng phải nhà người quen biết cả bọn Khôi ư? Quen biết thì mới dễ đến gần, dễ nói. Nhà người cứ lấy ngay gương mình mà nói, đã quy thuận triều đình mà được tha thứ trọng dụng thế này, tất chúng nó tin lời chịu nghe. Vì thế, ta cốt ủy thác nhà người.

- Bẩm cụ lớn chưa biết thằng Khôi cang cường võ đoán thế nào, nên mới tưởng vậy, Nó đang oán hận tiểu tướng đến xương, hễ vớ được là nó băm nó chém tức tốc, có đợi cho há miệng đâu mà phân trần nghĩa lý lợi hại gì được với nó? Bởi vậy, tiểu tướng không dám phụng mệnh.

- Nhưng nhà người cứ đi xem sao. Tướng lệnh không phải chuyện chơi, nhà người hẳn biết.

- Bẩm tiểu tướng biết lắm, cho nên mới xin chặt đầu này trước đưa vào cho giặc còn hơn.

- Hiện thời ta cần người đi du thuyết, mà xét trong tướng tá không ai có đủ tài năng và được điều thuận tiện như nhà người, biết làm thế nào?

Trọng nói đến thế, tỏ ý bắt buộc Công Triều phải tuân lệnh, không còn năn nỉ thoái thác gì được nữa.

Công Triều đứng lặng ngắt giây lâu, trong óc quay cuồng ý nghĩ làm sao cứu gỡ được mình lại không trái với lệnh tướng việc quan. Tên gian hùng bỗng tìm ra đường hẻm thoát thân:

- Bẩm cụ lớn, nếu tiểu tướng tìm được một người đi thay, nhiều phần chắc chắn nên việc, cụ lớn có cho phép không?

- Ai thế? Nguyễn Văn Trọng hỏi:

- Thưa, Lê Văn Hán ạ!

- À, Lê Văn Hán! Nó là cháu Lê Văn Duyệt phải không?

- Bẩm, chính phải.

- Hiện nó ở đâu, không ở trong thành với thằng Khôi à?

- Bẩm không. Hấn muốn tranh quyền vị của Khôi không được, cho nên trong lòng vẫn ghen tức ngầm, không cùng ở một chỗ với nhau. Và cũng có ý muốn quy thuận triều đình mà chưa có dịp.

- Thế ư? Nhà ngươi hẳn biết tung tích nó?

- Vâng, tiểu tướng mới được tin Hán cùng mười mấy người giáo sĩ đến An Lợi chiều tối bữa qua, hiện chắc còn lưu ở đó, Cụ lớn sai Hán đi thuyết Khôi, có lẽ thành công.

- Thế thì nhà ngươi đi tìm nó đến đây. Hễ nó làm thành việc, nhà ngươi cũng được dự phần công lao.

Công Triều dạ một tiếng rồi ra đi liền trong mình nghe nhẹ nhàng, cất hẳn được gánh lo sợ.

Ba giờ sau, Công Triều đưa Hán đến viên môn, Đại tướng Nguyễn Văn Trọng tiếp đãi niềm nở và ngỏ ý mình muốn:

- Theo phép triều đình, một người khởi ngụy thì cả tộc thuộc liên can bị bắt bị tội. Nhưng đảng này triều đình biết rõ cậu chỉ bị Khôi cảm dỗ lôi kéo một hai hôm đầu, về sau không dự gì đến công việc phản nghịch nó làm, cho nên triều đình rộng lượng, chẳng muốn làm phiền đến cậu. Nay tôi muốn khuyên nó bãi binh quy hàng, sẽ được tha thứ bổ dụng như cũ, nhưng tìm mãi chưa có người nào đến gần giảng giải cho nó nghe. Cậu là chỗ người nhà, có tình thân thuộc với nó, tất bảo nó nghe...

Trọng chưa nói hết lời, Hán vội chận ngang, khoe mình:

- Vâng, tôi khuyên bảo tất Khôi phải nghe ngay.

- Bởi thế, tôi muốn phiên cậu vào thành nhủ Khôi quy thuận, cậu có vui lòng đi hộ không? Trọng niềm nở nói tiếp. Cố nhiên tôi sẽ bảo tâu triều đình thưởng công cho cậu một cách xứng đáng.

Hán có ý nhơn nhơn tự đắc ngẫm, gật đầu nhận lời:

- Vâng, công việc quan hệ cho dân sinh quốc kế, quan lớn đã bảo, tôi xin lĩnh mệnh. Nhưng trước hết chỉ xin một điều.

- Điều gì? cậu cứ việc nói.

- Nếu được cam đoan rằng triều đình đề chức tổng trấn Gia Định cho tôi, thì tôi vào thành bảo được Khôi phải hạ khí giới, nộp thành trì, bó tay ra hàng lập tức.

Trọng giựt mình, cười thầm Lê Văn Hán ngu si mà tham vọng quá đáng; được tha khỏi chết là may, lại muốn tấp tễnh làm tổng trấn Gia Định như Lê Văn Duyệt ngày trước kia. Thật là con cóc muốn phình bụng cho to bằng con bò! Nhưng đang lúc việc quân dùng người, Trọng là một cáo già, khôn ngoan thối lơ đủ vẻ, tuy trong bụng ghét Hán đáo đẽ mà cố nén xuống, ngoài mặt làm bộ tươi cười hể hả:

- Ôi chà! tưởng là điều gì, chứ điều ấy tôi xin cam đoan với cậu. Muốn cho thành việc, triều đình luận công ban thưởng, có lẽ phong vương cho cậu cũng nên, không phải khur khur một chức tổng trấn Gia Định mà thôi.

- Quan lớn hứa chắc với tôi như thế, Hán hỏi vặn lại.

- Phải, tôi hứa chắc và sửa soạn viết biểu dâng về kinh sư ngay bây giờ. Cậu cố đi cho được việc, tôi sẽ mở tiệc khao quân thật to, và mừng quan tổng trấn mới luôn thể.

Trọng nói và cười, như thật thà nhả nhận, mà ngụ vẻ ranh mãnh kín đáo, khiến Hán không thấy.

Ham công tin lời, Hán hăm hở ra đi, sau bữa tiệc trong quân thật đãi rất hậu. Trọng sai ba người tâm phúc đi theo, để thừa cơ dò thám binh tình và các cuộc phòng thủ của giặc; vì thâm ý ông ta không dám tin chắc ở sự du thuyết thành công, chẳng gì mình cũng dò xét hiểm yếu trong thành được ít nhiều, để phòng đánh phá.

Lê Văn Hán dẫn ba người tùy tùng đến chân thành, gọi cửa.

Khôi nghe báo, vội vàng lên dịch lầu dòm xuống, thấy bọn Hán đều ăn mặc lịch sự, diện mạo tươi tỉnh, không có đáng gì là người đào nạn, cho nên trong bụng sinh nghi. Tuy vậy, Khôi cũng sai quăng thang dây xuống cho họ lên mặt thành, rồi lấy khăn buộc kín hai mắt, bảo lính đưa vào dinh Hộ thành để họ ở đấy.

Bịt mắt dẫn vào, để bọn Hán không thể dòm dò những cơ quan phòng thủ trong thành, Khôi là con nuôi, Hán là cháu ruột của Lê Văn Duyệt, nhưng từ đêm hôm đốt bỏ chánh Bạch Xuân Nguyên làm ngọn đuốc sống, làm lễ tế cờ khởi binh, Hán có tham vọng làm minh chủ mà không thành, rồi bỏ đi tự bạ chơi bời, nay đây mai đó, chứ không thật tình cộng sự với nghĩa quân, vì thế Khôi rất ghét Hán.

Dẫn vào ở dinh Hộ thành, là để canh gác cho dễ.

Trong khi lính đưa bọn Hán đến dinh Hộ thành, Khôi vẫn còn đứng trên dịch lầu, bàn soạn việc quân với Nguyễn Văn Trân và Tăng Vô Ngại. Ông này ghé bên tai Khôi, nói nhỏ:

- Tôi xem bộ dạng mấy người này thật khả nghi. Thành Trì ta bị vây tứ phía chặt như nêm cối thế này, mà họ đến dưới chân thành gọi cửa, người nào người nấy khăn áo bánh bao, cử chỉ nhàn hạ như đi ăn cưới, chẳng lạ lắm sao?

- Tiên sinh nói phải lắm! Khôi vỗ vai Tăng vừa cười vừa đáp. Sở kiến hai ta sao mà hợp nhau thế. Chứng cứ là tôi sai lính bịt mắt chúng nó và đưa về giam lỏng ở dinh Hộ thành. Nhưng theo ý tiên sinh, Hán xin vào thành cốt có mục đích gì? Mặc dầu có tình anh em, tôi ngờ thẳng ấy hết sức.

- Không vào du thuyết thì là do thám, chứ gì! Tăng đáp.

- Nếu thế thì chúng ta nhân kế của người để thi hành kế ta, càng hay.

Khôi nói rồi day qua Nguyễn Văn Trân, dặn bảo ít câu.

Trân gật đầu và đi xuống ngay.

Một lúc sau, ở Nghị sự đường bày biện cờ quạt, binh khí trông rất oai nghiêm, từ ngoài cổng vào đến dưới thềm, quân lính nai nịt nhung phục, đứng dàn hầu hai bên, chọn toàn những người vạm vỡ khỏe mạnh, Khôi ngồi chính giữa, án thư trước mặt để hòm ấn và thanh bảo kiếm; chư tướng ngồi hai hàng tả hữu như hình chữ bát.

Đoạn có lệnh truyền cho bốn người mới đến ban này vào hầu.

Có người áp dẫn bọn Hán đến chờ sẵn ở ngoài cổng. Theo mật ý của Khôi, lần này người ta không bịt mắt Hán và ba kẻ tùy hành; lại cốt đưa đi quanh co, để họ trông thấy một phần những hầm lũy và kho chứa lương thực của nghĩa quân, rồi mới đến Nghị sự đường.

Sau khi được thấy lực lượng trong thành tỏ ra sung túc, đến vẻ oai nghiêm ở Nghị sự đường làm chột dạ thêm, Hán và ba người theo cùng run sợ tái mặt, định chắc nghĩa quân hội họp để tuyên án xử tử bọn mình.

Nhưng Hán khác ba người kia, chỉ giựt mình thoáng qua, rồi trấn tĩnh như thường, vì có chỗ ý mình với Khôi là anh em thân thuộc, hấn không nở mỗ bụng ta đâu mà sợ.

Khôi cất tiếng hùng dũng, nói:

- Này, chú Hán! Tôi với chú khi ở nhà là tình anh em bà con, nhưng phải biết ở đây là chốn công đồng hội nghị, vả lại đang cơn lưỡng quốc giao binh, không thể nào vị tình riêng mà bỏ việc chung. Vậy tôi hỏi thật chú nghe: có phải chú gọi cửa vào thành, cốt làm thuyết khách cho quân Huế thì nói.

- Vâng, anh cho phép thì em mới nói... Hán chầm rãi đáp.

- Ủ, nói đi, chú nói giữa đây cho tam quân tướng sĩ cùng nghe.

- Em không cốt vào thành để làm thuyết khách gì cả, nhưng cốt vì tính mệnh sinh linh và sự lợi hại của Lục châu ta...

- Ôi chà! Chú nó thương dân lắm nhỉ!

Khôi chặn ngang lời Hán. Phải chi chú nó đem tấm lòng tử tế ấy ra Huế, khuyên can được triều đình trừ bỏ tham quan ô lại cho dân Lục châu, đừng có giết người theo đạo, và biết nhớ công nghiệp của Thượng Công, thì hay biết bao!

- Anh để cho em nói chứ... Em nghĩ hai bên đánh nhau mãi, chỉ khổ sinh dân không được an cư lạc nghiệp, ai có lương tâm cũng phải lấy làm đau xót. Huống chi cái thế mạnh yếu được thua lại chênh lệch nhau quá, anh là người thông minh, há không tự biết?... Bởi vậy, em chẳng nề nguy hiểm vào đây khuyên anh nên bãi binh nộp đất, quy thuận triều đình, chẳng những họ Lê nhà ta không mất cái ngôi Tổng

trần Nam Kỳ, mà anh và các bạn anh đều được triều đình dung thứ và bổ dụng, không có tội tình gì cả... Người ta cam đoan với em như thế...

- Người ta là ai?

- Đại tướng Nguyễn Văn Trọng.

- À, tôi ra hàng, sẽ tâu triều đình thưởng công chú bằng chức Tổng trấn Nam Kỳ, nối nghiệp Thượng Công ta ngày trước, có phải thế không?

- Chính thế, Hán trả lời không ngượng tí nào, lại còn hớn hờ đầy trên gương mặt; có lẽ trong trí tưởng chắc Khôi ăn phải bả rồi.

Trái lại, Khôi nổi giận hầm hầm, đứng phắt dậy, chụp lấy thanh gươm cầm tay, dí mũi gươm vào mặt Hán”

- Khôn nạn cho mày! Sao mày ngu thế, Hán!... Tao với các bạn đồng chí anh hùng, vì sự lợi sự sống cho cả sinh dân Lục châu mà chống với triều đình Minh mạng, chứ có phải vì cái ghế tổng trấn Nam kỳ đâu!... Mày nghe lời con cáo già Nguyễn Văn Trọng xúi bả, định gạt gẫm các anh này đây, nhưng các anh mày dễ bị gạt gẫm lắm sao?... Đại trượng phu làm việc đời, một là hành động, hai là bại tử, khi nào chịu hàng phục ai!... Tao giết mày chỉ tổ bắn gươm, và cũng không bỏ... Mày với tao là anh em, đáng lý đồng tâm cộng sự với tao mới phải; chẳng ngờ mày vì chút hư danh tiểu lợi, muối mặt đi phò tá kẻ thù định vào du thuyết thám thính tao!... Quân đâu! Dem giam cổ bốn thằng này xuống trại Hộ thành, nghe!

Thấy Khôi nóng như lửa, thét như sấm, bây giờ Hán sợ chết thật, không dám nói năng gì nữa, lẳng lặng đưa tay cho lính trói và điệu đi.

Cũng ở trong dinh Hộ thành, nhưng lúc mới đến, bọn Hán được tiếp đãi ở phòng khách, giờ bị nhốt vào trại giam, liền một khu cấm cố những tù binh.

Vào ngục, Hán bứt đầu bứt tai, than dài thở vắn, hình như hối hận mình đã nhận lấy một việc làm đại đột; trong bụng lo ngay ngáy, chỉ sợ Khôi thay đổi ý kiến, không tha chết cho mình thì nguy.

Ba người bị giam với Hán, phải kiếm lời an ủi và rì tai cho Hán biết rằng sự cầm tù thế này không đáng thất vọng, lại chính là bắt đầu của sự thành công.

Chúng ta đã biết đại tướng Nguyễn Văn Trọng có cái mưu kế cho một bọn mấy chục người cầu lấy thua trận bị bắt, để lọt vào trong thành, sẽ thừa cơ nội ứng, hoặc tìm cách giết Khôi.

Ba tên lực sĩ đi theo Hán cũng vâng mật lệnh ấy, cho nên không thấy bị giam mà buồn, lại còn được cơ hội thuận tiện để giao thiệp âm mưu với đám trước.

Nhưng đề đốc Hộ thành Nguyễn Kiều đã phòng bị về điều bất trắc ấy.

Từ mấy hôm trước, có kẻ bộ hạ khuyên Kiều nên cho một vài tên lính nhà, giả làm tù binh, vào ở trại giam với bọn kia để dò xét nghe ngóng cử động của chúng. Kiều lắc đầu và nói:

- Nếu quả chúng nó âm mưu chuyện gì, ta cứ dùng ngay chúng nó dò xét tố giác lẫn nhau còn hơn. Lạ gì người xứ ta, phần nhiều ham sống sợ chết, bất cứ mưu toan một việc nào cũng có kẻ chực phản bội tố cáo nhau để lập công danh, tìm lợi lộc; chúng có Thái Công Triều sờ sờ ra đây! Người ta vẫn nói “lấy giáo giặc đâm giặc” là thế!

Vịn vào chỗ hiểu tâm lý nhân tình ấy, Nguyễn Kiều lựa trong đám tù binh lấy một lợi lộc đồ dành, bảo nó để ý dò la đồng bối, hễ thấy có cử động gì lạ thì mật báo lập tức, sẽ được nghĩa quân hậu thưởng, lại tha cho ra ngoài thành mà trốn về quê quán với vợ con.

Quả nhiên kế ấy được việc.

Ngay đêm hôm bọn Hán bị tổng giam, trong ngục có cuộc âm mưu của đám tù binh, hẹn nhau đêm mai thì phá ngục chạy ra mở cửa bắc cho quân triều vào thành. Mỗi đêm chỉ có mười chú lính thay phiên canh gác, mà họ những ngót hai trăm người, sự phá ngục chắc dễ như bỡn. Tuy có nhiều người không tán thành âm mưu ấy, cũng bị cưỡng bách phải theo.

Sáng hôm sau, một người trong bọn thừa lúc đi ra làm việc khổ sai, đem chuyện mưu tính ban đêm đầu của tai ếch thế nào, mật báo cho Nguyễn Kiều biết cả.

Chờ đến chập tối về trại giam ăn uống đông đủ, quan đề đốc Hộ thành thân dẫn ba trăm lính ập vào cùm trói khắp lượt, không để tự do trong khám như trước.

Chừng hai chục người bị vào là chủ xưởng, thì Nguyễn Kiều sai dẫn lên một chái công đường nhốt riêng, để lấy cung rồi xử án.

Thế là cái mưu của đại tướng Nguyễn Văn Trọng sai người vào thành du thuyết và nội công, hai đường cùng hồng.

Tron số hai chục tên đầu trò, Lê Văn Hán là một.

Nhưng, theo lời Khôi dặn bảo, Nguyễn Kiều giả đồ lơ đễnh cho Hán trốn đi, lại giúp ngầm va leo thành ra ngoài; một là nghĩ tình con cháu Thượng công, chẳng nỡ gia hại, hai là cốt để va sống sót, có người kể lại công việc cho Nguyễn Văn Trọng nghe.

Nửa đêm, Hán được thoát chết, ra khỏi vòng thành, hót hơ hót hải đến yết kiến Nguyễn Văn Trọng, trước hết xin lỗi vì nhiệm vụ thuyết khách không xong, sau bày tỏ công cuộc phòng thủ của bọn Khôi kiên cố và khôn khéo thế nào, cho nên việc âm mưu nội công cũng phải hồng nốt.

Giận cá chém thớt, đại tướng Nguyễn Văn Trọng mắng nhiếc Hán một hồi đáo để, rồi truyền lệnh cho quân sĩ bốn mặt cùng tiếp tục đánh thành dữ hơn.

Từ đây, Hán ở trong hàng ngũ binh triều, đóng vai thừa hành nhỏ mọn, có ý muốn lập công chuộc tội; nhưng rốt cuộc Hán cũng như Công Triều, một khi xong việc, vẫn không khỏi bị triều đình hỏi tội và kết án. Ấy là chuyện sau.

Đây hãy nói tiếp về vụ âm mưu trong ngục đã phát giác.

Trừ ra Hán đã cho tẩu thoát, còn 19 người chính phạm, Nguyễn Kiều đem ra xét hỏi ngay lúc bây giờ.

Bà đề đốc và cô Tần ở trong nhà nghe nói là vụ án quan hệ, cùng ra công đường, đứng nấp sau bình phong để nghe. Những lời vấn đáp cách đây mấy bước, hai chị em đều nghe rõ.

Đầu hết là một người trai trẻ, tuy sắc mặt võ vàng như đang có bệnh, nhưng tiếng nói vẫn rắn rỏi.

- Tên chú này là gì?
- Thừa là Trần Hạnh.
- Bao nhiêu tuổi?

- Thưa, tôi 26 tuổi.

- Bộ hạ ai?

- Bẩm tôi là vệ sĩ của quan lớn Tổng Phúc Lương.

- Này, quan lớn của nhà người đề bên ngoài thành kia, đây chỉ nói đích danh cho gọn chuyện, nghe?

- Vâng, thế thì chủ tướng của tôi là Tổng Phúc Lương.

Bọn các người mưu toan phá ngục rồi mở cửa thành cho binh Huế kéo vào phải không?

- Anh em chúng tôi xin thú nhận.

- Chú là người thủ xướng?

- Bẩm ngài, sự thật anh em chúng tôi đây không ai là người thủ xướng cả. Thủ xướng chính là quan trên chúng tôi ở ngoài thành kia; chúng tôi chỉ là kẻ thừa hành lệnh trên, nhưng cũng tự biết là nguy hiểm, mười phần không chắc phần nào thành công. Là vì công cuộc phòng thủ của các ngài kiên cố vô cùng. Việc mưu tính không xong mà bị phát giác, chúng tôi đành phận đã chết vì việc vua việc quan, không ân hận gì cả.

Trần Hạnh khai một cách thái nhiên không sợ hãi và không ngạo mạn, khiến cho Nguyễn Kiều ngạc nhiên, có ý kính nể.

Nhưng người ngạc nhiên hơn hết là cô Tần. Mỗi lời Hạnh nói là mỗi lời bắt nàng giựt mình.

Trong khi Nguyễn Kiều hỏi cung những người sau, nàng lôi chị dâu vào nhà trong, nói về hồi hộp:

- Đích thị hấn ta, chị ạ!

- Cô này vợ vắn! Hấn ta là hấn ta nào? Bà đề hỏi. Bỗng dưng nói đột ngột như thế ai hiểu?

- Chính là người ở Mô Xoài đêm nọ, tha em không giết đó!

- Sao cô biết chắc?

- Tuy đêm ấy không thấy rõ mặt, nhưng tiếng nói thì em nhớ lắm, chị ạ. Vừa rồi nghe tiếng hấn ta nói, bỗng đánh thức trí nhớ của em; hấn lại khai tên là Hạnh, vệ sĩ của Tổng Phúc Lương, thế thì đích là hấn ta, không sai...

- Sai với không sai, hấn tự rước tội vào thân thì phải chịu lấy, chứ sao?

- Với chị thì thế, nhưng với em phải khác...

- Thế, cô định thế nào? Bất quá chờ hành hình rồi, ta xin xác hấn chôn cất tử tế; chắc vậy là sở nguyện của cô?

- Không, em muốn hơn nữa; em muốn cứu sống hấn ta cũng như hấn ta đã có dịp tha chết cho em.

- Nhưng quyền sống chết người ta đâu phải ở tay chị em mình?

- Vẫn biết thế. Em sẽ xin với anh đề đốc nhà ta; hoặc có phải đến xin với đại nguyên soái, em cũng không từ.

Một lúc lâu, Nguyễn Kiều xong việc hỏi cung, trở về tư thất, chưa kịp đặt mình ngồi húp bát cháo trắng với muối, để còn ra chiến lũy, cô Tần ghé lại nói đột ngột, vẻ mặt nghiêm nghị:

- Em cần cớ xin anh tha chết cho người tên là Trần Hạnh.

- Vì lẽ gì? Nguyễn Kiều sững sốt, hỏi lại.

- Vì người ấy là cứu mệnh ân nhân của đứa em gái anh.

- Cô à?

- Thưa vâng, chính em?

Đoạn, nàng kể lại câu chuyện đi Mô Xoài định giết Tống Phúc Lương không xong, rồi Trần Hạnh được lệnh dẫn nàng đi chém mà động lòng nghĩa nghiệp tự tiện tha nàng đào thoát, tức là câu chuyện độc giả đã biết.

Nguyễn Kiều nghe em nói đến đâu, cảm động và kinh ngạc đến đấy, không ngờ con em gái mình có can đảm trượng phu tính làm một việc lạ lùng đến thế.

- Thảo nào, ta đi tìm mãi con dao Mã Lai mà không biết mất vào đâu! Nguyễn Kiều nói. Nhưng, khó một nỗi quốc pháp vô thân, lấy lẽ nào miễn tử cho người đó bây giờ?

- Khó gì? Em nghĩ một là lấy cớ hấn ta đang bệnh nặng, không dự vào âm mưu, hai là nói thật ngay với đại nguyên soái...

- Nói thật với đại nguyên soái thế nào? Cô tưởng đâu dễ lắm!

- Vâng, anh cứ xét cái lý thế này, dù ai cũng phải cho là phải: em đi làm việc thích khách bị bắt quả tang, mà người ta tha cho không giết; đằng này Trần Hạnh chỉ mới bàn tính, chứ nào đã nách dao tay chém gì đâu, nếu xử vào cực hình, chẳng hóa ra nghĩa quân Gia Định ta nhỏ nhen, hẹp lượng, không bằng một tên lính bên địch kia sao?

- Ủ, con bé này viện lý sự đúng quá! Nguyễn Kiều gật gù khen em.

- Bởi vậy, những người kia tùy anh nghiêm khắc thế nào cũng được, duy có Trần Hạnh thì em xin anh để ra ngoài, cho em săn sóc bệnh hoạn, gọi là trả nghĩa đền ơn người ta. Không khéo rồi nghĩa quân ta sẽ thêm một đồng chí, một chiến sĩ...

- Mà cô thì rồi có chồng cũng nên!... bà đề vừa vười vừa nói vào câu nàng đang nói dở dang, chưa hết ý.

Cả hai vợ chồng Nguyễn Kiều cùng cười, làm cho cô Tần then đỏ mặt.

Qua ngày hôm sau, vào lúc xế trưa, trên mặt thành Phiên An bày ra một cảnh rùng rợn: 18 cái xác nghiêng đầu ngoẹo cổ, căng thành hàng chữ nhất, trước ngực mỗi xác có dán một chữ to tướng, cứ theo thứ tự mà đọc từ xác đầu đến xác cuối, chập lại thành một câu hiệu lệnh, một tờ yết thị vắn tắt, dịch nghĩa ra sau này: *“Ai dám chống cự và mưu toan thám thính nghĩa quân Gia Định thì hãy trông nào đây”*.

Binh triều ở ngoài, trèo lên ngọn câu hoặc công kênh nhau, cổ nhìn rõ mặt mày từng xác, rồi lắc đầu le lưỡi bảo nhau:

- Thôi, thế là bọn thằng Sửu, thằng Văn, thằng Tuất, đi đòi cả nút. Tao trông thấy rõ mặt chúng nó.

- Đấy nhé! Anh em mình xông xáo đến chân thành phải rờ hồn, không thì giặc nó cũng làm thịt rồi căng xác như thế!

Nghĩa quân khéo làm quảng cáo, đoạn 18 cái xác ấy luân phiên bày khắp bốn mặt thành cho binh triều tứ phía cùng trông thấy, rồi quăng xuống bờ hào, truyền loa gọi: *“Nguyễn Văn Trọng ra lấy thịt này về nướng mà nhắm rượu!”*

Ấy là một toán binh triều vâng theo mật kế của đại tướng Nguyễn Văn Trọng, giá thua trận bị bắt cho được lọt vào trong thành Phiên

An, để mưu việc phá ngục nội công, nhưng nghĩa quân phát giác, xử tử 18 người quan hệ, căng xác lên mặt thành làm gương.

Kỳ dư, gồm cả tù binh thật và giả, nghĩa quân đều tha. Họ rửa nhau đầu hàng tất cả; và đăng vào đội cảm tử, tăng thêm đội này được mấy trăm người.

Còn một mình Trần Hạnh, ngay buổi tối thăm vấn, chàng khai xong liền vật ra ốm nặng, nằm sốt mê man ở chái công đường Hộ thành; giá như lúc ấy người ta cứ chặt đầu chàng đi, chàng cũng không biết.

Vốn khi ở ngục, chàng đã mang bệnh rồi, giờ thêm việc thất bại làm cho kích động quá, khiến phải quy xuống bất tỉnh nhân sự, sau khi cố gượng cung khai rành rọt.

Sáng ngày, chàng mới hồi tỉnh, mở mắt nhìn quanh, trong trí bàng hoàng ngỡ ngẩn, không tự biết mình mộng hay tỉnh, sống hay chết. Không hiểu cùm xích biến đi đâu cả, mình được cất nhắc chân tay tự do, lại nằm trên giường chiếu sạch sẽ, có gối mềm êm ái. Té ra mình chưa chết à? Không phải ở trong trại giam nữa à? Nhưng mình đang nằm đây là đâu, nhà ai thế này?

Rồi cổ họng thật khát, bụng thấy đói, chàng đang tơ tưởng làm sao có chén nước nóng mà uống thì dễ chịu vô cùng, có thể đồng thời tạm yên cả hai việc đói khát. Bỗng nghe tiếng vải kêu sột soạt và nhịp nhàng của bước chân từ xa lại gần, rồi thấy hiện ra bên giường mình nằm một thiếu nữ xinh xắn nõn nà, tay này xách ấm nước, tay kia bưng bát cháo nóng sốt, miệng nói tươi cười dễ yêu:

- Anh cố ngồi dậy ăn bát cháo cho khỏe. Lúc đêm sao mà anh sốt ghê quá, ai hỏi cũng chẳng nói, gọi chẳng thưa.

- Cám ơn cô!... Chàng cố thu hết sức còn lại, nhồm dậy và nói. Thưa cô, tôi ở chỗ này là đâu thế này?

- Đây là chái tây của dinh Hộ thành đề đốc.

- Tức là quan lớn hỏi cung anh em chúng tôi... chiều tối hôm qua hay hôm kia tôi quên lửng. Khôn nạn, một trận sốt rét làm tôi kém mất trí nhớ.

- Vừa mới tối hôm qua, anh khai xong một lát, vật ra sốt ngay... Thôi anh ăn cháo cho nóng, rồi nằm mà nghỉ.

- Cô có lòng tốt, tôi rất cảm động... Để lát nữa tôi sẽ ăn. Thưa cô, những người cùng bị một lượt với tôi ở đâu cả?

- Họ bị giải đi nơi khác, có lẽ giờ này sắp ra pháp trường.

- Còn tôi thì bao giờ?

- Không, anh thì không có bao giờ cả; anh cứ yên tâm dưỡng bệnh.

- Tại sao lạ thế, thưa cô?

- Tại nghĩa quân Gia Định rộng lượng, để báo đáp một việc hào hiệp mà anh đã làm.

Chàng sùng sốt hết sức.

- Lạ nhỉ! Thuở nay tôi có làm việc gì hào hiệp đối với nghĩa quân? Hay là cô nói xa xôi bóng bẩy thế nào đấy, tội nghiệp cho tôi.

- Không, tôi nói tình thật mà!

Nàng nói, và rót một chén nước trà nóng, ép chàng phải uống.

Đỡ lấy chén nước, uống cạn một hơi, chàng nghe trong mình khỏe khoắn, tỉnh táo; bỗng một sự nhớ mơ màng xuất hiện trong trí:

- Quái lạ! Không khéo tôi đến phát điên! Chàng để chén xuống vò đầu và thở dài, hai mắt nhìn nàng trừng trừng.

- Chuyện gì mà anh vò đầu trừng mắt, trông dễ sợ thế? Nàng hỏi và cười.

- Tôi suy nghĩ muốn bể óc, chẳng hiểu vì sao các ông nghĩa quân trong thành này lại không giết tôi, theo như lời cô vừa nói; còn cô là ai, lại phải mất công đem nước đem cháo cho một thằng tù thế này; tôi tự lấy làm áy náy, không yên tâm chút nào!

- Ô! Anh nghĩ vợ vẫn làm gì cho mệt! Tôi làm phận sự phục dịch một người đau ốm, thế thôi, anh hà tất phải tìm đầu dây mối nhợ làm gì không biết?

- Xin lỗi cô, tôi nghe tiếng cô nói thật quen, dường như được nghe ở đâu rồi, mà giờ nghĩ không ra.

Chàng nhắm mắt bóp trán, để gọi hồi trí nhớ:

- Thật à? Nàng hỏi và đưa bát cháo tận tay, giục chàng ăn đi kéo nguội.

Nể quá, chàng chỉ húp một thìa cháo, rồi ngừng lại:

- Vâng, tiếng nói của cô trong trẻo, có duyên, ai chỉ nghe một lần, có thể ghim chặt trong trí nhớ; thế mà tôi vì binh đao, vì tai họa, vì bệnh tật, cho nên lãng quên thật là đáng tiếc.

- Để tôi nhắc hộ anh nhé! Có điều anh phải ăn hết bát cháo này đã.

Chàng vâng lời, nuốt vội nuốt vàng hết bát cháo rồi giục già:

- Nào, cô làm ơn nhắc hộ trí nhớ của tôi đi.

Nàng nói chậm rãi:

- Anh có nhớ một đêm nào được lệnh quan trên bảo dẫn một người đàn bà đi hành hình không?

- Có, có, một đêm ở Mô Xoài.

- Rồi tự nhiên anh thả người đàn bà ấy đi, không nỡ hạ thủ...

- Vâng, chính thế, Nhưng sao cô lại biết chuyện ấy kìa? Hay là...

- Phải, người đàn bà ấy đang đứng bên anh bây giờ; người đàn bà ấy tức là tôi.

- Trời ôi!...

Chàng thốt ra hai tiếng kêu trời rồi quên hết tật bệnh, nhảy vọt xuống khỏi giường, đứng khoanh tay nhìn sững nàng, như chiêm ngưỡng một vị thiên thần, phải kinh ngạc, phải cung kính:

- Thế ra, người con gái trẻ trung, can đảm, toan đâm chết chủ tướng tôi đêm ấy là cô?

- Phải, tôi.

- Mà cô là một người ở trong nghĩa quân Gia Định?

- Phải, tôi là em quan đề đốc Hộ thành. Vì thế, tôi làm lại cái cử chỉ hào hiệp anh đã làm với tôi. Anh yên tâm dưỡng bệnh, hôm nào lành mạnh, tôi sẽ đưa anh ra ngoài thành cho mà về.

Nhờ cô Tàn săn sóc tận tâm, mười ngày sau, Trần Hạnh thu dần sức khỏe gần như thường.

Nhưng bây giờ cả hai người cùng mắc phải một bệnh không ở trong bờ cõi y khoa mà ở thiên tính: *bệnh yêu*.

Họ yêu nhau một cách tha thiết, âm thầm không ai dám thổ lộ với ai. Cái tình yêu phải làm thinh, phải giấu kín, phải dồn vào trong tâm tưởng, bao giờ cũng khổ sở, khó chịu, khác nào người đau ốm mà không được rên, còn gì, bực cho bằng.

... (mất 2 trang báo)

Nàng yêu ở Hạnh một người thanh niên khôi ngô mà có khí phách hào mại, cử chỉ đứng đắn, tuy xuất thân hàng ngũ, nhưng vẫn giữ được thiên chân, không nhiễm theo thói thường, không có mấy may thái độ võ biền như phần nhiều thầy cai chú lính ý mình có bộ áo nẹp của nhà vua, tha hồ vênh váo, hồng hách. Cái đêm ở bên rừng Mô Xoài, chỉ vợ có Hạnh với nàng, một người có quyền, một người có tội. Nếu một chú lính khác, tất nàng phải chết, mà trước khi phải chết, tất bị ô nhục, hay là thượng cẳng chân, hạ cẳng tay, người ta dẫn vật, nguyên rùa trăm cấp, còn khốn khổ chán mới được chết cho.

Thế mà đêm ấy Hạnh đối đãi nàng một cách quân tử, kính trọng nàng, thương hại nàng, rồi tự nhiên mở trời tha cho nàng đi. Hạnh làm việc ấy, chỉ theo thiên lương phát động dừng đứng thế thôi, chẳng biết nàng là ai, chẳng có một chút tư ý, chẳng trông mong gì mai sau.

Người ấy, cử chỉ lạ ấy, nàng vô cùng kính phục và ghi mãi trong trí nhớ. Lòng riêng vẫn khát khao ao ước làm sao mai sau mình được một người quân tử như thế mà thờ, mà trao gởi tấm thân. Không ngờ sự tình cò lại đưa người ấy đến trước mặt, nàng tin tưởng nhân duyên run rủi tự nhiên nảy ra tình yêu.

Hạnh thì yêu ở nàng một người con gái nhu mì xinh đẹp đã đành, nhất là một người con gái có can đảm trượng phu, vì đức tin lòng thành đối với công việc bẽ đảng mình mà dám xông pha định làm tới một thủ đoạn người ta không thể tưởng tượng. Chàng cũng suy nghĩ hôm nọ mình tha nàng không giết, để cho bây giờ lại gặp nhau trong vòng vây này, ý hẳn ông tạo vật có vì hai người xếp đặt định mệnh sao đó, không phải là chuyện ngẫu nhiên. Huống chi người như này, dù ai được gặp ở trường hợp nào cũng phải động lòng hâm mộ thương yêu, không thể đứng được.

Nhưng mỗi người một cảnh ngộ, trái nghịch hẳn nhau, biết làm thế nào?

Nhiều lần, Hạnh cũng như nàng, người nọ toan đánh bạo nói với người kia ba tiếng: “*tôi yêu mình*”, nhưng rồi vàng hồng nổi trên gò má, và như có cái gì chặn ngang đầu lưỡi, không thốt ra được.

Thành ra họ chỉ có thể yêu nhau lặng lẽ, làm thinh; duy trong cử chỉ ngôn ngữ có cái ý vị thân yêu mà họ hiểu ngầm với nhau được thôi.

Những lúc trong tâm não hai người đều có một trận chiến đấu giữa ái tình và danh nghĩa, chưa biết bên nào thắng, tiếng súng binh triều bắn vào thành và thỉnh thoảng trong thành bắn ra, xen với những tiếng quân sĩ reo hò, trống trận dồn thúc, làm vang động một góc trời. Ngày nào, binh triều cũng có đôi ba đạo ồ ạt đánh thành, nhưng chiến sĩ Phiên An lấy tử lực chống trả, buộc phải tháo lui.

Sau nửa tháng, Hạnh hoàn toàn bình phục, cô Tần nhắc lại lời hứa trịnh trọng ở bên giường bệnh:

- Giờ anh đã khỏe hẳn rồi, bất cứ ngày giờ nào muốn ra ngoài thành, anh chỉ nói một tiếng, truyền một lệnh; tức khắc tôi đưa anh ra, theo như lời ước.

Nàng nói mà trong tâm hồi hộp đợi câu trả lời:

- Cô đuổi tôi? Hạnh cười và nói.

- Không, tôi mời anh trở về phận sự đấy chứ. Cũng như độ nọ anh tha tôi về với nghĩa quân mà anh không biết.

- Cám ơn cô, nhưng tôi chẳng muốn đi đâu hết. Cô thừa hộ quan đề đốc chém tôi như bọn kia, hay là cho tôi ở lại trong thành.

- Thật à? Anh không muốn trở ra ngoài thành? Nàng hỏi, có vẻ sung sướng hiện trên gương mặt.

- Vâng, tôi... tình nguyện ở lại trong thành! Chàng nói dần mạnh tiếng “*tình*” một cách dụng ý.

- Được, tôi thừa với anh tôi bằng lòng ngay. Nhưng anh không muốn về bản trận là tại làm sao?

Nàng có ý muốn dồn Hạnh tới chỗ phải thú thật: “Tại tôi yêu cô”; nhưng nàng thất vọng. Hạnh không khi nào chịu để ái tình ở trên

danh nghĩa, ở trên phận sự, mặc dầu chàng tha thiết yêu nàng; nếu sung sung nói câu ấy ra, chàng sợ bị nàng khinh bỉ trước hết.

- Thừa cô, một bọn cùng vâng mệnh vào thành mưu việc nội công, chỉ có một mình tôi sống sót, mặt mũi nào trở ra trông thấy anh em đồng ngũ. Vả lại, chắc hẳn ngoài thành người ta cũng coi tôi như là chết rồi. Hạnh trả lời khôn khéo, càng nâng thêm khí khái của chàng ở trước mắt người yêu. Mà cũng là nói thật tình: anh em đồng ngũ ngoài thành cầm chắc Hạnh bị quân giặc làm mất rồi, không còn đâu nữa.

Nàng đang mừng thầm không phải xa mất người mình thờ mến trong lòng, thì Hạnh nói tiếp:

- Tôi tình nguyện ở lại trong thành, và lại tình nguyện làm việc mà sống, chứ ở lại đây mà phải ăn nhờ ở đậu phố phường dân xã, tôi không chịu được.

- Anh tính làm việc gì?

- Bất cứ việc gì. Cái đó tùy quan đề đốc sai khiến.

- Nghĩa là anh sẵn lòng giúp việc nghĩa quân?

- Vâng, đại khái như thế.

Cô Tần hớn hờ chạy vào nói với Nguyễn Kiều.

Thế là cô níu giữ được người yêu ở bên mình và thêm cho nghĩa quân một chiến sĩ.

XIII. HÀNG XÓM VÀ ANH VỢ

Các ngài hẳn nhớ hôm Khôi rút binh vào thành Phiên An cố thủ, đã viết thư khẩn cấp cầu viện Phi Nhã Chát Tri, một lão tướng Xiêm mà Khôi được quen biết hai chục năm trước, lúc đi theo ông Tả quân Duyệt đến thành Nam Vang hội thương về việc Chân Lạp.

Một mặt khác sai người tâm phúc lên ra Bắc Hà, lên mạn ngược phiên động những dân Mườn thổ ở vùng Cao Bằng, Tuyên Quang, và đốc thúc người anh rể là Nông Văn Vân cố sức kháng chiến đến cùng, chớ thôi, chớ hàng.

Mục đích Khôi cốt làm cho binh lực triều đình phải chia tán mất nhiều nơi, đánh dẹp nhiều chỗ, không thể dồn cả về mặt Gia Định, rồi Khôi xem chiều thời thế, sẽ đánh quật trở ra, khôi phục cả Nam Kỳ, chứ sợ tâm không chịu nhốt mình vĩnh viễn ở trong bốn vách tường Phiên An.

Tiếp được thư Khôi cầu cứu, lão tướng Chát Tri cả mừng, lập tức vào bệ kiến Xiêm hoàng.

Xiêm hoàng ưng ngay và phong Chát Tri làm thống tướng đem quân sang giúp Khôi.

Vua Minh Mạng được tin cấp báo các nơi, vẻ lo ngại hiện trên sắc mặt. Đương thời suốt cả Nam Bắc, cơ hồ không chỗ nào không có giặc. Nhất là miền Nam.

Quân lính thường trực ở kinh thành cùng các tỉnh phụ cận, đã phân phát đi đánh dẹp hoặc ra bắc, hoặc vào nam cả rồi. Huống chi còn phải góp quân để sai đi chống giữ ở mặt trận từ Quảng Trị ra đến Nghệ An, không còn thừa đâu mà phái vào Nam. Nếu sai đại tướng Nguyễn Văn Trọng lấy quân đang vây bọc Phiên An xuống Châu Đốc thì hỏng to; không khác gì triều đình chịu thua Khôi và thả cho hắn trở qua quật cường! Cố nhiên không thể làm như thế được.

Triều thần mỗi ông một cách, đều không thích hợp thời thế, Vua Minh Mạng tính chỉ có cách chia quân thứ Gia Định làm ba, bèn sai ngựa lưu tinh đem sắc thư khẩn cấp vào cho đại tướng Nguyễn Văn Trọng, bảo chia bớt quân lính cho Trương Minh Giảng và Nguyễn Xuân đi đánh.

Trọng phải vâng lời, để lại chừng một vạn quân cả bộ lẫn thủy, kế tiếp vây bọc Phiên An, còn bảy nghìn thì chia tạm cho hai tướng Trương Minh Giảng và Nguyễn Xuân đem xuống Châu Đốc.

Binh quý thần tốc hai tướng được lệnh được quân trong tay, lập tức lên đường, đi suốt ngày đêm. Cuối tháng giêng năm Giáp ngọ, quân Trương Minh Giảng và Nguyễn Xuân đến trước thành An Giang, Chát Tri được tin quân Nam ở Gia Định xuống, nhưng tính đường đất họ mới đến khoảng Cần Thơ là nhanh, không ngờ đâu nhanh quá như thế.

Trương Minh Giảng lợi dụng thông thuộc địa thế nửa đêm kéo binh đến đánh bất thành linh.

Nhờ vậy, binh ta ngăn được giặc phải chịu dừng bước không xâm lấn hơn được nữa.

Hai bên lập đồn lũy đối diện ở trên sông Hậu Giang, giữa khoảng Lập Vò thuộc lãnh Bình Thành Tây, để chống giữ nhau.

Còn Nguyễn Xuân thì tiến đánh thành Châu Đốc. Trận đánh này kịch liệt, bên nào cũng tử thương khá nhiều. Nhưng rốt lại quân ta phá tan được thủy sư giặc ở đây và khôi phục được thành trì.

Trong thủy quân giặc có cả người Tàu, và chính người mình theo đạo, nhập bọn cũng nhiều. Một vị linh mục ta, tên là Nguyễn Văn Tam, oán giận triều đình cấm đạo, không ngần ngại hô hào bọn đạo nên giúp tiền tài và thanh thế cho Khôi. Chính ông cổ vũ người mình đăng vào thủy bộ binh hai, ba nghìn người, để chống với triều đình.

Trương Minh Giảng và Nguyễn Xuân thấy bà con mình nổi giáo cho giặc như thế, hết sức căm giận, cho nên hễ bắt được tù binh là kẻ có đạo thì ngược đãi đủ điều, ai nghe cũng phải ghê sợ.

Hai ông cổ ra oai, cho tới mang tiếng độc ác cũng không từ, cốt làm gương cho những người kia thấy mà kinh hồn táng đờm, phải bỏ cả tín ngưỡng và quân giặc mà quy thuận triều đình.

Mấy hôm sau Thái Công Triều đem thêm viện binh ở Gia Định xuống, bấy giờ quân ta đánh rát, lấy lại Hà Tiên, khiến cho binh giặc trên bộ phải đứt mối giao thông với thủy sư ngoài bể.

Thế là ta thu phục tất cả mấy nơi ở phía tây Nam Kỳ đã bị quân giặc xâm chiếm, và đuổi giặc ra khỏi bờ cõi.

Thế là hy vọng của Khôi đặt vào phía tây nam đã tan vỡ, còn hy vọng đặt vào phía bắc cũng chỉ tan nát trong miền rừng rú.

Chúng ta đã có dịp biết Khôi có người anh vợ tên là Nông Văn Vân, dòng dõi thế hào ở đất Tuyên Quang. Thuở trẻ hai người là bạn sã bạn vui chơi với nhau rất tương đắc. Thấy Khôi là người có chí khí to, võ nghệ giỏi, Vân gả em gái cho, rồi cùng nhau uống máu ăn thề, ước hẹn mai sau vinh hoa cùng hưởng, lưu loạn cùng chia, nếu ai phụ lời, quỷ thần tru戮.

Sau Khôi bỏ rừng núi xuống Thăng Long tìm đường công danh, đi theo Tây Sơn một độ rồi về hàng ông Lê Văn Duyệt, trước

là thủ hạ, sau thành con nuôi. Lúc đã thành danh đặc chí, Khôi nhớ lời thề cũ, nhân thế lực ông Duyệt nói với ông Lê Chất, tổng trấn Bắc hành, lấy một vài quân công nho nhỏ cất nhắc Vân một tiếng lên chức tri châu.

Nhưng Vân sinh bình phóng túng đã quen, nhà lại giàu có sẵn, tôi tớ đông, chỉ ưa kết giao với bọn sơn lâm hảo hán, lấy rượu chè săn bắn làm vui, chẳng mộ làm quan, cũng không chịu luồn lụy. Thành ra trải mười mấy năm, Vân cứ là một viên tri châu, không được thăng quan tiến chức gì cả. Có khi bỏ việc quan hàng mấy tháng, vì lặn lội trong rừng theo đuổi một con cọp hay một con gấu. Triều đình cần dùng thổ hào để trị thổ dân mạn ngược, cho nên không trách hỏi gì về tội khoáng phế chức vụ.

Cuối tháng 5 năm Quý tị, Khôi khởi binh ở Gia Định, lúc ấy Vân đang làm tri châu Bảo Lạc.

Triều đình ban chỉ sai tỉnh thần Tuyên Quang và Cao Bằng nã tróc anh em họ hàng nội ngoại Khôi đem về kinh trị tội. Thời đại ấy, một người có công chưa chắc cả họ được nhờ theo như lời người ta nói, nhưng một người có tội thì cả họ phải chịu vạ lây, dù chẳng hiểu biết liên can cũng mặc.

Khôi nổi loạn ở Gia Định thành lĩnh, vợ con, cháu nội ngoại ở Bắc không biết đến. Sự thật, nửa năm nay, Vân không được tin tức nào của Khôi, trong trí vẫn tính như em rể mình còn làm chức phó vệ úy, không về kinh đô làm việc quan thì chỉ quanh quẩn nơi xứ Đồng Nai.

Một hôm về đầu tháng bảy, Vân đang tụ bọn thủ hạ làm thịt nai đánh chén trên núi bỗng một tên gia đình phi ngựa chạy đến báo tin:

- Bẩm ông có lính trên tỉnh sai về răn rộ, nã tróc bà con họ hàng ông phó vệ úy Khôi được hơn hai chục người, đã giải đi rồi. Còn trên tỉnh phái và một tốp lính ở lại, đang định bắt thêm nữa...

- Việc gì mà dữ dội thế? Vân hỏi một cách hốt hoảng, vì lòng yêu Khôi.

- Nghe nói ông Khôi khởi loạn ở Gia Định từ hồi tháng năm.

- Khởi loạn?

- Vâng, giết mấy tinh thần để tế cờ, chiếm cứ thành Phiên An, thống trị Lục tỉnh, tự xưng đại nguyên soái, nhiều đạo binh triều đình đi theo, đánh đâu được đấy, thanh thế to lắm...

- Thế à? Ai nói mà mi biết được rõ ràng thế?

- Bẩm ông, tôi hỏi dò mấy chú lính trên tinh phái về đó... Họ nói bây giờ sáu tỉnh Đồng Nai đều thuộc về loạn quân làm chủ. Nghe đâu triều đình đã sắc phái quan lớn Nguyễn Văn Trọng làm thảo nghịch đại tướng quân, đem đại binh vào Gia Định tiểu phủ.

- Nguyễn Văn Trọng nào nhỉ? Vân hỏi Nông Văn Hồ, một người em họ, hiện làm đầu mục mỗi toán lính đồng ở Bảo lạc.

- Nếu tôi nhớ không sai thì ông ấy tổng đốc Thanh Hóa! Nông Văn Hồ đáp.

Vân tu một hớp rượu rồi vỗ tay cười nói hể hà:

- Thế mà Khôi anh hùng hơn cả bọn anh em mình đây! Đại trượng phu sống chẳng làm nên danh thơm muôn thuở, thì chết để lại tiếng xấu nghìn thu, cũng vẫn hơn bọn mình sống một đời vô danh, vô vị!

Đoạn trở một đùi nai, bảo tên gia nhân:

- Đây, mày đem về nhà trước, dọn dẹp phòng khách, chốc nữa tao và mấy ông khách về.

- Ấy chết! Bẩm ông đừng về! Tên gia nhân ghé bên tai Vân nói khẽ.

- Sao? Vân hỏi lớn tiếng.

- Vì trong giấy nã tróc có cả tên ông, họ đang lùng đấy, ông về nhà thì họ bắt giải tỉnh mất.

- Có lệnh bắt cả tao?

- Vâng, chính viên tinh phái đã đến nhà hỏi ông đi đâu, tôi không dám nói thật.

Sẵn thấm hơi men, Vân nổi nóng cả người, hai mắt đỏ như mắt cá cháy, đứng phắt dậy múa tay vỗ ngực và nói:

- Triều đình làm thế thì ra bất công và ức hiếp dân quá! Mọi việc Khôi làm ở cách xa những mấy nghìn dặm, triều đình lại muốn bắt gọi cả ta, là nghĩa lý gì?... Ô! Chẳng triều đình thì chớ, chẳng tri châu thì

đừng thẳng Vân này tha không cự, tha chết chứ không chịu để triều đình ức hiếp đâu!... Hồ ơi! Ta bảo chú nghe: chú lập tức đem thủ hạ đi bắt trói tất cả bọn tinh phái, rồi đợi ta về xử trí chúng nó. Đi mau!...

Chỉ biết nhắm mắt vâng lời, Nông Văn Hồ dạ rồi thót lên mình ngựa đi liền.

Buổi chiều hôm ấy, dinh tri châu Bảo Lạc không phải là một quan nha thay mặt triều đình nữa, trở nên một nơi công phủ của loạn đảng mà chủ tướng tức là Nông Văn Vân.

Một bên phần khích bởi triều đình bắt bớ, một bên thúc dục bởi sự thành công của Khôi ở Gia Định, Vân cùng bọn đồng chí nhất định khởi loạn.

Nội những thân nhân thủ hạ cũng sẵn có năm sáu trăm người, Vân mộ thêm vài nghìn người nữa. Bọn dân vô lại đi theo rất đông.

Họ tụ tập trong núi, vật trâu, mổ bò làm lễ tế cờ, Vân tự xưng làm *Tiết chế thượng tướng quân*, rồi gọi viên tinh phái và mấy tên lính đến, thích vào mặt mỗi người một hàng chữ “*quan lại triều đình hại dân*” và đuổi về, cốt mượn tai mắt họ về báo tin cho quan tỉnh biết.

Giặc chia làm hai đạo, đánh phá các châu huyện rồi tràn lên hãm thành Tuyên Quang và Thái Nguyên. Quan triều cô thế phải bỏ thành chạy, đưa tin về Huế cáo cấp.

Vua Minh Mạng được tin báo, lo sợ thất sắc. Vì trong nước lúc ấy, chỉ trừ một giải Trung kỳ yên ổn, còn hai đầu Nam Bắc cùng có giặc giã liên miên. Ở Gia Định, Khôi vừa khởi nghĩa hơn hai tháng, uy thế bỗng bột như nước tràn lửa cháy, đến nỗi kinh đô phải đoạn tuyệt giao thông với toàn cõi Nam Kỳ. Còn ở đất Bắc, dồn dập hai ba cuộc loạn; mấy năm trước giặc Ba Vành làm cho quan quân khổ sở tổn hại khá nhiều, chỗ thương tích ấy hàn gấn chưa lành, tháng ba năm nay lại có Lê Duy Lương dựng cờ phản đối, lấy danh nghĩa con cháu nhà Lê, tung hoành sát phạt ở vùng Hưng Hóa. Nhà vua vội vàng khiển tướng điều binh, tận lực đánh dẹp, vì lòng dân tưởng mộ nhà Lê còn nhiều, sợ để Duy Lương mạnh quá, thì Bắc Hà về giặc, cũng như Nam Trung. Việc loạn Duy Lương hồ xong, thì bọn Nông Văn Vân đã nổi lên, hưởng ứng với Khôi trong Gia Định, mà lực lượng xem ra không phải tầm thường, nhà vua lo sợ là phải.

Nhất là không thể đưa quân ở kinh đô và mấy tỉnh Đảng trong ra đánh giặc ở mạn ngược xứ Bắc, lồm chồm toàn thị núi rừng. Tất phải dùng quân đội nào quen chịu thủy thổ và từng trải sơn chiến mới được.

Vua Minh Mạng hiểu rõ chỗ ấy bèn sai ngay Sơn Hưng Tuyên tổng đốc là Lê Văn Đức làm *tam tuyên tổng thống quân vụ*, Hải An tổng đốc Nguyễn Công Trứ làm tham tâu, hội với Ninh Thái tổng đốc Nguyễn Đình Phổ, đem binh đi tiêu giặc Nông.

Tháng chín, quân giặc vây bọc hai thành Lạng Sơn và Cao Bằng, tình thế rất gấp. Binh triều đồn trú ở hai thành này không đông, nhưng được điều may là quân lính từng trải chiến trận, và lại sẵn sàng lương thực đạn dược, cho nên tuy bị giặc cắt đứt giao thông và chẹn đường tiếp tế binh lương, nhưng vẫn cố sức kháng chiến. Nhiều phen giặc ồ ạt công hãm không được, quyết đem thêm viện binh tới, hạ cho kỳ được Cao Bằng Lạng Sơn mới nghe.

Đạo binh Lê Văn Đức mắc chống giữ ở mặt trận Tuyên Quang Thái Nguyên, còn lo đuổi sức, không thể phân binh cứu ứng Cao Lạng.

Lê Văn Đức phi báo về triều, xin phát thêm binh.

Vua Minh Mạng gấp sai Tạ Quang Cự, tổng đốc Nghệ An, lĩnh chức khâm sai quan vị đại thần, đem quân bản tỉnh ra đánh giặc ở mạn Cao Lạng.

Quân giặc đông lại dựa vào rừng núi trùng điệp, quen thuộc thung thổ và khéo dùng lối đánh đoản binh, du kích mà thủ hạ toàn dân Mường Mán, bản giỏi, leo trèo núi non thoăn thoắt. Chúng phân ra nhiều tốp, thường ẩn núp trong hang trong động, các đường hiểm yếu đều đào hầm gài bẫy để rình rập quân triều, hễ liệu thế đánh được thì đánh, đánh rồi lùi vào bụi cây kẹt đá, không còn thấy tăm bóng đâu mà tìm.

Vì thế, binh triều phải bạt thiệp gian khổ, có khi cả một toán một hai trăm người bị sa hầm chết sạch. Chưa kể lam sơn chương khi làm chết cũng nhiều.

Đạo binh nào cũng đòi quân tiếp ứng luôn luôn. Nhà vua hạ lệnh cho các tướng, dù phải hao tổn bao nhiêu quân sĩ cũng là, miễn trừ diệt cho tới một tên giặc sau chót.

Mãi đến tháng chạp, đạo binh Tạ Quang Cự mới giải được vây cho tỉnh Lạng Sơn rồi lại thu phục được tỉnh Cao Bằng đã lọt về tay

giặc hết mười mấy ngày. Trận này, binh triều đánh đôi hai tỉnh với một giá hơi đắt: ngót bốn nghìn tráng sĩ hi sinh tính mệnh vì phận sự đối với vua quan.

Đồng thời, đạo binh Lê Văn Đức và Nguyễn Công Trứ xông pha muôn vàn nguy hiểm, tiến vào đến Vân Trung, tức là Bảo Lạc sào huyệt quân giặc. Vì binh triều đông quá, giặc thiếu cả lương thực lẫn đạn dược, không thể cản trở; Nông Văn Hổ tử trận.

Biết thế sào huyệt sắp vỡ Nông Văn Vân đem gia quyến vào một ít bộ hạ tạm lánh sang đất Tàu, từ đó tái chiến.

Trước đây dăm hôm, người thân tín của Khôi sai đem thư ra cho Vân ở Gia Định khởi hành khoảng cuối tháng mười, giờ mới lần mò đến Bảo Lạc.

Trong thư, Khôi kể rõ công việc mình chủ trương từ hồi tháng năm cho đến tình cảnh nguy nan hiện tại, đang cô thủ cô thành, bị vây tứ phía, vậy xin Vân rán cứu viện nhau bằng thanh thế; hoặc tiến về được Thăng Long dựng nên đình đám cho thật to chuyện càng hay; hoặc cố sức thì thủ ở mạn ngược rõ lâu để chia sức của binh Triều, không thể dồn hết toàn lực vào miền Nam, tự nhiên vòng vây Phiên An sẽ bị phá vỡ v.v...

Vân xem thư, ứa nước mắt khóc, nắm tay vò nhàu bức thư và tự đâm ngực huỳnh huých, kêu trời mà than thở:

- Không ngờ ta với Khôi cùng gặp bước anh hùng mạt lộ đến thế này ư? Trời hỡi trời!

Một lát, Vân nghiền răng trợn mắt, vạch mũi gươm xuống đất và nói với người đem thư của Khôi:

- Không! Không! Ta chưa chịu thua đâu! Ta còn đánh; đánh cho tới khi nào cái đầu này rụng hay là kẻ địch kia phải tiêu diệt mới thôi. Nay mai ta lui sang Tàu chỉ là tạm thời, để xếp đặt quật cường tái chiến, như con mãnh hổ trước khi vồ lấy miếng mồi, thu mình lại để lấy thế mà vọt ra thật xa thật khỏe ấy mà! Ta với Khôi, anh em đã thề sinh tử uy hoạn có nhau, khi nào ta quên? Nhà người trở về Đồng Nai, nói rõ ý ta cho Khôi biết nghe. Cứ nói là ta còn đánh binh triều ở Bắc Hà này để làm thanh viện cho hấn trong Nam; ta đánh cho tới khi thành công hay là cái đầu này rụng mới thôi.

Quả nhiên, Vân giữ lời hứa, chỉ lánh sang Tàu độ một tháng, lại trở về củ hợp đồng chí, chống cự triều đình suốt cả năm Ngọ, giết hại binh triều không biết bao nhiêu nữa. Cho đến tháng ba năm Mùi, thế cùng lực kiệt, vẫn không chịu ra hàng, ẩn núp trong mộ khu rừng, đành để binh triều phóng hỏa đốt rừng mà chết. Đó là chuyện sau, nhưng chúng tôi muốn nói tắt như thế cho các ngài biết chung cuộc của Vân ngay ở đây, vì sau này không phải nhắc đến nữa.

XIV. HAI CON HỔ CÙNG CHẾT

Chúng ta đã biết sau khi hai mặt thủy lục cùng tiến, rầm rộ đánh vào mé tây xứ Nam kỳ, đại tướng quân Nguyễn Văn Trọng vâng lệnh triều đình, chia bớt số quân đang vây thành Phiên An cho tướng quân Nguyễn Xuân và tham quân Trương Minh Giảng đem xuống ngăn giữ ngoại địch ở mặt Hà Tiên Châu Đốc.

Tuy thế, vòng vây Phiên An không vì sự cầu véo ấy mà lỏng ra tí nào.

Chỉ có đại tướng quân Nguyễn Văn Trọng phải bận việc hơn và nặng lo thêm: ông sợ rằng Khôi thừa cơ chạy vượt ra mất, thì triều đình không để cho cái đầu bạc còn dính trên cổ, mà thanh danh mình làm quan làm tướng mấy chục năm, nhất đán tằm bùn bôi nhọ.

Bởi vậy, ngày đêm ông phải thân hành đốc chiến và tuần phòng luôn luôn. Không hở giây phút nào trong trí ông không quay cuồng hai ý nghĩ tha thiết: hoặc phá vỡ Phiên An bắt sống được Khôi là hay nhất, hoặc mưu kế làm sao dỗ nó ra hàng cho mau. Hai việc cầu lấy được một, để lập đại công với triều đình, không thì nay mai Nguyễn Xuân phá được giặc, chẳng hóa ra mình thua tài một viên phó tướng, còn gì là thể diện?

Hôm ấy, bóng đã xế trưa, ông mới trở về bản dinh ăn cơm tắt tả qua loa, vừa toan bước ra cửa dinh lại đi đối chiến, bỗng thấy hai tên bộ hạ theo sau một người thiếu nữ tuyệt đẹp, ung dung tiến vào.

Nét mặt lo nghĩ đổi hẳn, ông nhìn người thiếu nữ một cách hớn hở tươi cười hai con mắt nảy ra hào quang thèm muốn vô hạn. Trong

khi nàng và cả hai người lính chưa kịp nói gì, ông vẫy một người lính đến khít bên mình rầm rì hỏi nhỏ:

- Của quý ở đâu thế mi?

- Bẩm chúng con dẫn tới hầu cụ lớn! Chú lính nói và cố mím miệng để dấu nụ cười.

- Thế sao đêm qua bay không dẫn cái cô này đến cho tao, để gọi con yêu tinh quỷ sứ kia đến giờ tao còn thấy tôm?

- Bẩm, người này bây giờ chúng con mới bắt gặp...

Chú lính nói chưa hết lời, thực sự cụ lớn đã vô vập chặn ngang, vì trong ý màng tưởng thế khác:

- Được đấy! Hãy tạm ký một nhà nào trong xóm, đến tối sẽ hay.

- Bẩm cụ lớn, người này ở trong thành trèo ra, tự xưng có quốc gia quan trọng muốn đến yếu kiến cụ lớn, cho nên chúng con áp dẫn đến trình.

- Ở trong thành Phiên An trèo ra?

- Thưa vâng!

- Thằng chó! Sao mày không nói trắng ngay lúc nãy?

Ông lườm chú lính với vẻ hằn học kín đáo, ta có thể giải nghĩa ra thế này: “Mày làm ông hộp tộp mắc lờm, để chốc nữa ông cho một trận”. Tức thời, ông trở lại sắc mặt nghiêm trang của một bậc thượng tướng, đồng đặc hỏi người con gái mới đến:

- Con bé kia đến có việc gì?

- Thưa, con là người của Lê Văn Khôi, có bức thư đệ trình cụ lớn.

Nàng nói và lấy bức thư trong túi ra, hai tay thận trọng đặt vào tận tay ông. Da thịt bàn tay nàng như có sóng điện mát rượi, làm ông thấy rùng mình. Mắt ông không nhìn bức thư, mà chăm chú nhìn vào gương mặt hồng hào kiều mị của người đưa thư; nhất là hai hồ mắt gợn sóng hữu duyên, như muốn lôi cuốn ông chìm lìm.

Ông mở bức thư ra xem; không biết nội dung nói những gì, người bàng quan nhận thấy gương mặt ông qua mỗi hàng chữ thêm vẻ hân hoan tươi tắn lên một tầng. Xem thư xong, ông đắc ý cười khúc khích một mình, rồi hô lính kéo ghế mời thiếu nữ ngồi.

Mọi người tả hữu mỉm cười đưa mắt với nhau, chẳng hiểu ra thế nào. Một bức đại thần thượng tướng, hách dịch nghiêm khắc như ông, mà lại mời ngồi một kẻ đem thư của tên tướng giặc, họ lấy làm lạ.

Nhưng đây là ông lấy tư cách một người tuy già mặc lòng còn biết yêu chuộng cái đẹp tặng một pho tượng hóa công tuyệt đẹp lên ghế mà nằm nghỉa, tỏ mình yêu đẹp, chứ không phải quan thượng tướng triều đình mời kẻ đem thư của tướng giặc đâu.

- Cô em năm nay bao nhiêu tuổi? Ông niềm nở hỏi sau khi thiếu nữ đặt mình trên chiếc ghế đầu một cách tự nhiên, không có vẻ gì e lệ, khúm núm.

- Bẩm, con 19 tuổi ạ! Nàng đáp chững chạc, tỏ ra người mạnh dạn lanh lợi.

- Nhưng cô với Lê Văn Khôi là thế nào? Chắc là thân thuộc?

- Vâng, ông Khôi là bậc thúc bá chí thân của con.

- Sao hắn ta không sai người nào đem thư, lại phiền cô làm vậy?

- Xin cụ lớn xét cho: vì con là người thân tín, mà công việc này phải ủy thác cho người thân tín mới được.

- Ủ, có lẽ thế! Nguyễn Văn Trọng gật gù nói, trong khi cặp mắt dán vào nhan sắc nàng, không ngượng không chớp. Vậy hắn ta định dâng thành quy phục thật chứ?

- Thừa tình thế bắt buộc phải vậy.

- Là vì...?

- Bẩm, vì lẽ thứ nhất là tuyệt lương; trong thành mấy hôm nay cạn hết lương thực, quân gia phải lột vỏ cây, đào rễ cỏ mà ăn, nông nổi khổ sở cực điểm. Tuy thuốc súng hãy còn, nhưng người ta chẳng nhai nó mà có sức khỏe đánh trận được. Hai nữa là vì tự nghĩ hối hận, không thể nào chống nổi triều đình, chỉ bằng bó tay quy thuận sớm ngày nào đỡ sự tổn hao vật vả cho trăm họ ba quân ngày ấy. Có điều mọi sự mong nhờ cụ lớn che chở hộ bác Khôi con được nhẹ tội với triều đình phần nào, tức là chúng con được nhờ phúc đức cụ lớn phần ấy.

Nàng nói với giọng âu sầu, lại rơm rớm nước mắt khiến Trọng cũng phải mũi lòng.

- Phải chứ! Quy phục triều đình sớm đi là phải; kháng cự mãi chỉ luống công vô ích mà thêm nặng tội. Được, ta sẽ bảo tâu triều đình châm chế cho Khôi... Còn cô, ý hấn cũng mong như thế, để tìm chỗ nương dựa tấm thân, chứ xuân xanh vui dập trong vòng binh lửa, chẳng uổng phí một đời ư?

Trọng vừa nói vừa cười, thích ý nhất là khi được nghe nàng trả lời:

- Cụ lớn sinh phúc, chúng con nguyện làm tì thiếp để báo bổ đại ân.

- Nhưng trong thư Khôi viết, sao không ấn định ngày giờ và cách thức nộp thành thế nào? Ông hỏi lại.

- Bẩm, chỗ đó bác con dặn miệng để thưa với cụ lớn thế này... Song việc quân cơ mật, xin cho tả hữu lui ra, con sẽ nói hết.

Ông ra hiệu cho tả hữu lui đi, rồi nàng nói tiếp:

- Bác con quyết hàng, và muốn hàng ngay, nhưng trong tướng tá bộ hạ có một số khăng khăng quyết đánh tới cùng, sống chết không kể. Với họ, nói chuyện nghĩa lý thế nào cũng vô ích chỉ có cách chặt đầu làm thịt mới xong. Bác con đang bí mật sắp đặt việc ấy, cho nên sai con đem thư trình cụ lớn trước và xin ước hẹn thế này: chậm lắm là ba hôm, bất cứ giờ khắc nào, tự tay bác con trừ được bọn khánh mệnh ấy càng tốt, không thì cũng thừa dịp mở cửa Tuyên Hóa và đốt lửa làm hiệu, chừng ấy cụ lớn cứ khua đại binh tiến thẳng vào thành, rồi nội ứng ngoại hợp, tất việc xong ngay. Cụ lớn nghĩ thế nào?

Nguyễn Văn Trọng trầm ngâm giây lát rồi hỏi gạn:

- Quái! Lê Văn Khôi vốn là đầu đảng, mà sự hàng hay đánh, lại không sai bảo được các tướng à?

Nàng cười rất mơn trớn:

- Con đoán trước thế nào cụ lớn cũng đặt câu hỏi ấy. Chẳng qua cụ lớn chưa rõ nội tình vòng vây, lâu nay hỗn độn lạ thường, bác còn tưởng là đầu đảng mà vì nhu nhược, để nhiều tướng tá bộ hạ hiếp chế, lấn quyền, lắm nỗi bức dọc, đây cũng là một cơ khiến bác con muốn hàng phục cho sớm.

- Thế thì mưu định của Khôi chắc như lời cô vừa nói?

Vâng, nếu cụ lớn còn nghi ngại gì, tưởng cũng không khó giải quyết: bản thân con xin ở lại đây làm tin.

- Ô! Được thế thì còn nói gì!

Ông mừng thầm về chỗ nàng tự nguyện ở lại làm tin: mừng vì một hy vọng gì khác hơn là quân sự. Nhưng nàng lại thêm ngay:

- Chỉ hiềm, nếu con ở lại thì không ai đem tin cho bác con biết cụ lớn đã chuẩn y mật ước, mà để cụ lớn sai kẻ khác đi thì lộ chuyện ra mất. Chi bằng cụ lớn cho phép con được làm nhiệm vụ này trọn vẹn đến nơi đến chốn, rồi hôm cụ lớn vào thành, con xin đến tạ ơn, trăm sự nhờ cụ lớn bao dung che chở.

Lòng hiếu danh cao hơn hiếu sắc, ông Trọng lấy làm tiếc phải tán thành:

- Ủi! Cô không về thì ai đem tin? Đợi ta viết mấy chữ phúc đáp, cô đưa về bảo Khôi y ước thế nghe!

Thiếu nữ đợi lấy phúc thư, tươi cười từ giã, rồi thót lên mình ngựa, phóng về cửa thành.

Không ngờ giữa đường gặp Thái Công Triều, nàng nhanh trí khôn, nghiêng nón che mặt, nhưng cũng đã bị cặp mắt gian hùng nhìn rõ.

Công Triều gia roi tể ngựa, thẳng đến viên môn yết kiến Nguyễn Văn Trọng; sau khi thủ lễ kính chào bề trên, lời nói trước hết là lời bắt nọn:

- Quan nguyên soái vừa mới tiếp kiến người ở trong thành sai ra?

- Sao nhà ngươi biết? Trọng hỏi lại bằng vẻ mặt sừng sốt?

- Người ấy là một thiếu nữ?

- Anh này là ma xó chắc!

- Tiểu tướng không hiểu giặc Khôi cho mỹ nhân ra nói với quan nguyên soái chuyện gì, nhưng có điều biết chắc là chuyện ấy bất lợi cho triều đình.

- Nhà ngươi tin tưởng như thế?

- Thừa vâng! Nếu không phải là chuyện đáng giữ bí mật, xin quan nguyên soái cho tôi biết đại khái có được chăng?

- Được, ta đang tính hỏi ý kiến nhà ngươi đây.

Đoạn, Nguyễn Văn Trọng kể cho Thái Công Triều nghe việc Khôi gửi thư tình nguyện làm nội ứng để dâng nộp thành trì hàng phục triều đình.

Công Triều chắt lưỡi và thở dài hai ba lần trong khi nghe Trọng thuật chuyện.

- Vậy quan nguyên soái đã nhận lời ước hẹn với Khôi, hễ lúc nào thấy trong thành báo hiệu thì ta dẫn binh tiến vào? Triều hỏi.

- Chứ sao! Trọng đáp ra vẻ cương quyết. Nhà ngươi tính xem quân lính ta vây thành mấy tháng này chỉ có tổn hại, chứ không tiến được phân tấc nào; nay nhờ hồng phúc Hoàng thượng mà Khôi biết tự hồi và xin quy hàng, thế là may mắn lắm, còn chẳng nhận lời thì sao? Không thế thì mùa mưa sắp đến, quân lính khổ sở về dầm nước lội bùn mong gì đánh chắc lấy lại được thành Phiên An!

- Quan lớn đã nghĩ kỹ chưa?

- Ta nghĩ kỹ lắm rồi.

Không dám đương diện chê bai quan trên, Công Triều làm bộ ủ rũ mày mặt và khóc rung rức, bắt buộc Trọng phải kinh ngạc, hỏi:

- Ô kìa! Tại sao nhà ngươi khóc?

- Bẩm, tôi thấy quan lớn có lòng thương hại quân lính cực khổ mà cảm động quá, bất giác nước mắt tuôn ra... Công Triều lấy vạt áo chùi mặt và nói.

- Bởi thế, ta càng căm quyết hiệp mưu với Khôi, để kết thúc cuộc loạn này cho chóng... Hay là nhà ngươi có sở kiến bất hợp thế nào, cứ việc nói thẳng đi?

- Bẩm quan lớn cho phép?

- Ừ, nhà ngươi biết Khôi rõ lắm, hoặc trong sự nó xin hàng, có ẩn gian kế gì chăng?

- Thưa, quả có thể. Quan lớn chưa rõ Khôi là người độc đoán và rất được lòng bộ hạ; chẳng khi nào Khôi có một lệnh truyền, một ý muốn, mà bộ hạ nó chẳng nhắm mắt cho vâng lời răm rắp. Nay nó viết thư ra cho quan lớn, ngỏ ý muốn hàng, nhưng còn có một phần bộ

hạ kháng mệnh, nó xin thừa dịp mở cửa thành, làm nội ứng, để binh triều tiến vào; tôi tưởng đây là một gian kế, lừa cho quân đội ta vào nửa chừng, thì đổ ra đánh, e không còn ai sống sót được với nó. Ban nãy tôi khóc, thực tình là khóc mấy nghìn quân sĩ ta sắp bị làm thịt ở chân thành Phiên An vậy. Nhất là lực lượng Khôi còn mạnh lắm, đã suy chuyển gì đâu mà phải xin hàng? Chỗ đó thật là đáng nghi!...

Nguyễn Văn Trọng như người mơ ngủ mới tỉnh, vỗ vai Công Triều:

- Nhà ngươi nói phải! Tí nữa ta làm cho ba quân sa vào cạm bẫy gian tặc, tội lỗi không nhỏ.

Thấy mình chẳng thế, Công Triều hờn hờ:

- Bẩm, lần này là lần thứ hai, tôi biến mưu kế giúp nguyên soái khỏi lâm lỡ việc quân, vậy xin ngài nhớ ghi công hộ tôi để mai sau triều đình châm chế cái tội theo giặc lúc trước.

- Được! Được! Ta không quên công lao nhà ngươi đâu. Chốc nữa ra viết sớ tâu về triều đình ngay.

Nguyễn Văn Trọng yên ủi cho qua chuyện thế thôi, không hề bảo tâu hộ Thái Công Triều một lời nào: vì ông vốn hiếu thắng, che lấp công lao kẻ dưới, triều đình cao xa có biết chỗ ấy đâu.

- Tuy nhiên có một điều nghĩ mà đáng tiếc ! Công Triều dậm chân và nói.

- Còn điều gì nữa? Trọng hỏi.

- Đáng tiếc quan lớn thả cho con bé đem thư đi mất.

- Ô! Ban đầu ta nhận lời ước hẹn của Khôi kia mà, tự nhiên để nó trở về thông tin... Vả lại nó là một đứa con gái hèn yếu có đủ khinh trọng gì mà tiếc.

- Chết nỗi! Quan lớn chưa biết con ranh ấy thế nào ư? Khôi chẳng sai ai đem thư mà sai nó, là có dụng tâm đáo đẽ. Chính nó độ trước dám đến tận Mô Xoài, dùng mọi nhan sắc tí nữa đâm chết Tống Phúc Lương đấy.

Trọng nghĩ thầm, hơi có ý thẹn, cúi mặt và nói:

- Thật ư?

- Vâng, nếu giữ con ranh ấy lại, ta khéo đồ dành hoặc làm oai tra tấn, thế nào cũng dò biết nội tình của giặc không ít.

Trọng thét gọi hai tên lính áp dẫn lúc nãy:

- Hai đứa bay tức tốc đuổi bắt con bé ấy lại đây cho tao, sống hay chết cũng được.

Hai người lính đi một chập, trở về bẩm rằng không đuổi kịp, con bé ấy đã leo thang dây lên đến mặt thành mất rồi.

*

Độc giả thừa đoán người thiếu nữ đem thư ra lệnh lừa Nguyễn Văn Trọng không phải ai lạ, tức là cô Tần.

Vòng vây tuy chặt như nêm cối, nghĩa quân trong thành Phiên An vẫn có tai mắt để ở bên ngoài. Sự động tĩnh của họ ở trong có lẽ binh triều không biết; nhưng từ chân thành trở ra cho đến mấy trăm dặm chung quanh, mỗi sự động tĩnh ở ngoài đều có kẻ đưa tin cho họ biết cả.

Mặc dầu bộ binh Nguyễn Văn Trọng canh gác rình mò nghiêm ngặt, đêm khuya thường có mũi tên hay hòn đá bí mật vùn vụt bay ngang trên đầu binh triều mà vào trong thành. Cố nhiên mũi tên hòn đá ấy chẳng phải đi không; nó buộc hoặc gói một tờ giấy bản, tức là bức thư thông tin.

Một hôm, ở phía Cầu Bông giữa ban ngày có mấy đứa trẻ đem điều bướm bướm ra thả chơi. Dăm sáu cậu lính Huế ở trong cơ binh phòng thủ một chiến lũy gần đấy, chắc là buồn tình, rủ nhau ra chơi điều. Các cậu rùng mỡ, tuôn mãi với trẻ cho vui buông dây ra cho điều bay lên cao tít. Bỗng dưng đứt dây, con điều rơi vào trong thành Phiên An mất. Đứa trẻ có điều tiếc của, lăn khóc bù lu bù loa, kêu réo âm ỉ:

- Tôi bắt đèn đấy nào!... Phải vào thành lấy điều trả lại cho tôi nào!

- Tại mi chứ tại tao à? Một cậu lính nạt nộ nó buống, toan bẻ cả vú lấp miệng em.

- Cậu nói ngang quá ghê. Mặc kệ chúng tôi chơi bởi với nhau có được không? Ai bảo mấy cậu tuôn mãi dây cho đứt mất điều tôi? Hu!... Hu!... bắt đèn đấy nào!

Nó càng khóc càng thảm, càng gào càng to; các cậu lính sợ đến tai trưởng quan biết, sẽ bị trừng phạt vì bỏ chiến lũy đi chơi, đành bảo nhau chung góp bốn tiền để bồi thường đưa trẻ có điều cho xong chuyện.

Các cậu có ngờ đâu chính nó bấm đứt dây cho con điều rơi đúng vào trong thành Phiên An? Nó tức là một thám tử của quân giặc, cốt thả điều để báo tin; trên giấy phát điều viết chữ chi chít, nhưng không phải giấy lộn sách cũ, kỳ thực là một bức thư của bọn làm tai mắt bên ngoài, thông tin khẩn cấp cho Khôi biết.

Đây là một trong nhiều mưu chước ranh mãnh của cánh Gia Định trong ngoài mách bảo tin tức với nhau, thành ra nhất cử nhất động ở ngoài vòng vây thế nào, họ ở vào cảnh cá chậu chim lồng, nhưng không chịu mất đuôi tai điếc.

Còn lương thực thì có hai ba con nước ở ngoài thông vào trong thành, nhất là rạch Thị Nghè và cái rạch thẳng đường Charner ngày nay, người ta đã lấp đi, cho nên có tên gọi con đường ấy là đường Kinh lấp.

Cũng thừa đêm khuya, bọn ở ngoài vẫn đưa thóc gạo mắm muối tiếp tế cho quân Gia Định, mặc dầu thủy sư Trần Văn Năng không giây phút nào không tuần phòng chặt chẽ.

Bọn ấy hầu hết là dân đạo, có cảm tình thân mật với bọn Khôi và bất bình vua Minh Mạng hành hạ tôn giáo.

Nhờ thế mà bao nhiêu chiến sĩ và dân cư trong thành không thiếu lương thực, cho tới tướng Chát Tri tiến công Hà Tiên Châu Đốc thế nào, binh triều phải chia bớt lực lượng thế nào, Khôi cùng các bạn đồng chí nhận được tin tức hằng ngày, không bằng cách nọ thì cách kia, khiến họ như được mục kích vậy.

Lúc được tin Chát Tri đến Hà Tiên, Châu Đốc rồi, Khôi vui cười hăng hái, trong ý nảy ra một chiến lược cực mạo hiểm: chia quân làm hai, một nửa ở lại giữ thành, còn một nửa theo mình liều chết đánh phá vòng vây xông ra, để tiếp ứng binh Xiêm. Nhất là chặn đường cứu viện của quân triều từ Đàng ngoài vào; đồng thời thu phục lấy thanh thế mình đã mất ở Lục tỉnh.

Nhưng phần đông chư tướng không tán đồng chiến lược ấy.

- Tại sao? Khôi quắc mắt, hỏi.

- Chúng tôi tưởng không nên tháo thứ Đặng Vĩnh Ung và Tăng Vô Ngại cùng trả lời, thay mặt phần đông chủ trương dè dặt... Ta nên đợi xem quân Chât Tri tiến thủ thế nào sẽ hay.

Khôi nhăn mặt thờ dãi:

- Chết nổi! Các ông tính nước há miệng chờ sung thế thì hồng bét. Một người khoanh tay ngựa hòng ở dưới gốc sung, chỉ trông sự may rủi, quả nào rơi tọt giữa miệng mình mới được ăn. Không may nhằm phải quả ung, quả thối cũng phải nhắm mắt mà nuốt, quyền lựa chọn miếng ngon không ở nơi mình. Vì sao? Vì mình chẳng muốn tốn công dùng sức cũng trèo lên cây như người ta, tự nhiên phải chịu như thế...

Ai nấy lẳng lặng ngồi nghe, có vẻ tư lự. Khôi nói tiếp:

- Việc đời, tự mình chẳng muốn nhọc hơi tí nào, nhất nhất trông đợi vào người ta, tình cảnh đại khái cũng thế. Chúng ta với Chât Tri đến cứu viện, thật là một sự vạ bất đắc dĩ. Công rắn cắn gà nhà nên lấy gì làm vui! Nói thật, họ mong đợi về thổ địa mà kéo binh sang đây thôi, bản tâm chẳng vì có cảm tình thương xót gì anh em ta. Mà dầu có phải thương xót cứu viện ta đi nữa, tự ta càng nên hoạt động mạo hiểm, để chỉ tỏ cho họ trông thấy mình dám hi sinh kiệt lực, tự lo lấy việc mình hơn là hoàn toàn trông cậy vào người. Không thế thì một mai họ thành công muốn thí cho ta phần nào ta được phần ấy, mà ta không phần nản gì được; bởi ta chỉ khoanh tay trông họ làm giúp mà! Ví dụ nay mai cả xứ Chân Lạp và Nam Kỳ về tay quân Xiêm, dễ thường họ chấp tay mời chúng ta ở trong thành Phiên An kéo ra để nhận lấy đất, rồi họ rút về tay không đấy ư? Các ông thừa biết không có khi nào như thế. Chừng ấy, chẳng qua mượn sức giặc nọ đuổi hộ giặc kia, anh em ta không chắc được hơn chút nào, lại còn mang tội với đất nước ông bà nữa là khác...

- Thừa đại ca, mang tội với đất nước ông bà thế nào? Hoàng Nghĩa Thư lấy làm lạ, hỏi.

- Mang tội công rắn cắn gà nhà, rước voi về dày mà chứ sao! Khôi đáp và nói tiếp. Bởi đây ta muốn mạo hiểm phá vòng vây ra, một là tỏ cho quân Xiêm biết ta có lực lượng và dám hy sinh đến phút cuối cùng, hai là làm thế ỷ gốc với họ; ba là cản trở họ luôn thế họ

muốn xâm phạm dân Chân Lạp thế nào mặc ý chứ ta để mặc nửa tắc đất Lục Châu cũng không được. Các ông nếu chịu dóm xa nghĩ rộng như tôi, chắc hẳn đồng ý?

Chư tướng rầm rì với nhau, chịu là nói phải. Đặng Vĩnh Ưng thay mặt anh em, bày tỏ ý kiến.

- Đại Nguyên Soái mới nói đây là lý; kể lý như thế thật đúng lắm rồi, chúng tôi không còn đặt lời bài bác vào đâu được nữa. Nhưng việc đời không riêng có lý mà thôi, còn phải tùy thế. Hiện nay ngài muốn thân dẫn một vài nghìn tử sĩ, xông phá vòng vây thật là một việc làm tráng liệt! Nhưng ngài có xét rằng binh triều đang vây ngoài thành kia thừa sức ăn tươi nuốt sống vài nghìn tử sĩ của ta không?

- Mấy hôm nay Nguyễn Văn Trọng không phải chia bớt binh lực đi xuống Hậu Giang án ngữ ư? Khôi hỏi:

- Vâng, tôi đã dò biết binh số giải vây đi theo Nguyễn Xuân và Trương Minh Giảng, độ tám chín nghìn người! Nguyễn Kiều đáp:

Tăng Vô Ngại xen vào:

- Ta nên nhớ binh triều vây ta mấy tháng nay ngót hai vạn người, chưa kể thủy sư. Dù họ có đem đi nơi khác một vạn chẳng nữa, ở đây cũng còn một vạn người hay non non số ấy để cầm giữ ta. Chắc gì một vài nghìn tử sĩ của ta phá nổi vòng vây?

Nói cho già giận mà nghe: ví dụ nguyên soái với một vài nghìn tử sĩ ấy phá vòng vây ra được, Nguyễn Văn Trọng khôn ngoan, để mặc cho đi, bây giờ hãy tận lực hãm thành, binh ta còn lại trong thành, chắc không đủ chống giữ được nào. Sau khi hắn chiếm được căn bản ta rồi, sẽ khua đại binh đi theo chân tiểu trừ nguyên soái, thì chẳng mấy hơi. Lúc ấy căn bản đã mất, bốn bề không nữa, hẳn ngài chỉ còn có nước chót là nhập với quân Xiêm hay bó tay chịu tội với triều đình, dù muốn làm chủ một thành Phiên An cũng chẳng được nữa. Ngài nghĩ mà xem: sự mạo hiểm không chắc có lợi mà chỉ có hại. Anh em chúng tôi chỉ mong thành việc, chứ không phải sợ chết đâu!

Chư tướng đồng thanh phụ họa:

- Tiên sinh nói phải. Nén sự mạo hiểm mà có ích cho việc chung, tất cả tướng sĩ xin theo nguyên soái, dù chết cũng cam. Bao nhiêu lâu

nay, hằng giờ hằng phút chúng tôi vẫn tươi cười đón rước cái chết! Nghe họ Tăng mấy lời đề tỉnh về chỗ binh lực quá ít, không cho sự mạo hiểm được mấy may kết quả, Khôi bỗng giựt mình, ngồi thừ suy nghĩ; một lát mới nói:

- Vậy thì bây giờ nên làm thế nào? Chả lẽ chúng ta khoanh tay bó gối, tọa quan thành bại của Chắt Tri; bề nào ta cũng phải hoạt động mới được chứ!...Giờ các ông nghĩ cho tôi một hạ kế xem nào?

Trong khi chưa ai kịp ngỏ ý kiến, Khôi nói tiếp:

- Hay là ta làm kế trá hàng; Tăng tiên sinh nghĩ sao?

- Kế trá hàng ấy thế nào, xin nguyên soái cho biết? Tăng hỏi.

- Ta viết thư thông thiết cho Nguyễn Văn Trọng, bịa chuyện ra nói rằng bây giờ trong thành chúng ta đã mệt mỏi, sắp sửa tuyệt lương, tướng sĩ đã chia rẽ nhau, kẻ quyết hàng, người vẫn muốn đánh. Tôi giả đồ là người chủ hàng, vì đã ăn năn hối hận, giờ tôi gửi mật thư ra ước hội với Trọng, tình nguyện làm nội ứng cho binh triều vân... vân... Chủ ý là gạt họ tiến vào thành, ta mai phục mà triệt cho một trận thật toại bời, khiến lực lượng họ phải giảm đi, bây giờ ta sẽ đột vây mà ra, tự nhiên vô ngại. Tiên sinh liệu xem Trọng có bắt mối ấy không?

- Nguyên soái tưởng miệng hấn ta hãy còn hơi sữa chắc! Tăng Vô Ngại cười và đáp. Hấn lão thành chinh chiến, vị tất đã bắt mối trá hàng của mình đâu. Có điều ta cứ nên thí nghiệm, lão già ấy họa lai thần âm, mắc mớ không biết chừng! Và lại gửi một bức thư cũng chẳng tổn hại mất mát gì; nguyên soái thử làm kế này xem, nếu không thành, tôi sẽ hiến một kế khác, chưa muộn.

- Vậy nhờ tiên sinh viết cho bức thư ấy đi, lời lẽ phải khôn ngoan tha thiết, mảy ra mới như được cộp đến chỗ sa hãm.

- Vâng, tôi xin thảo ngay.

Tăng nói rồi lấy giấy bút viết thư trá hàng trong lúc Khôi mời mọi người bàn soạn cách thức mai phục.

Viết xong, Tăng đọc lại cho mọi người nghe. Phần tướng sĩ biết chữ, đều trầm khen ngợi từ khéo văn hay, cho rằng ngày xưa tướng Hoàng Cái ở Đông Ngô viết thư trá hàng, sai Hàm Trạch đem đi, gạt Tào A Man vào trận Xích Bích, âu cũng đến thế.

Tăng gật gù vừa hỏi vừa cười:

- Với bức thư này, tôi chắc được năm phần cảm dỗ lòng tin của Nguyễn Văn Trọng, nhưng còn năm phần nữa quan hệ ở người đem thư... Ai đóng vai Hàm Trạch hộ chúng ta được bây giờ?

Lưu Tín và Trần Văn Tha cùng đưa tay lên ra hiệu xin đi.

- Hai ông ra trận chém tướng thì giỏi, nhưng đi việc này không được đâu!

- Tùy ý tiên sinh lựa chọn nên khiến ai đi; Khôi nói. Có lẽ trong hàng tướng sĩ ta không có lấy một người đóng vai Hàm Trạch được khéo hay sao?

- Thật thế, nội đám anh em ta không ai dùng vào việc này được; Tăng ung dung trả lời. Vì tôi muốn rằng vai Hàm Trạch của ta phải là đàn bà thì hơn.

- Đàn bà? Khôi hỏi với vẻ sững sốt, trong ý thăm nghĩ họ Tăng cầu kỳ hiếu sự.

- Vâng, đàn bà; cần nhất là một thiếu nữ nhan sắc, lại phải có tài khẩu thiệt ứng biến, ấy thế mới khó.

- Tôi biết tính Nguyễn Văn Trọng hảo ngọt (hiếu sắc) lắm; phải thêm nhan sắc người ấy bỏ vào văn từ của tôi, có lẽ hẳn ta mới dăm lòng tin.

- Chết nổi! Trong thành bây giờ tìm đâu có của hiếm hoi ấy? Khôi chắt lưỡi nói một cách hậm hực than tiếc.

Có tiếng ứng thanh đáp ngay:

- Tôi có!

Mọi người nhìn ra Nguyễn Kiều.

Kiều mặc đi tuần thành, mới đến dự hội vào đoạn chót, nghe bàn tính mỹ nhân kế mà chưa có người, liền nghĩ đến cô em mình, cho nên ứng theo tiếng Khôi mà nói: Tôi có.

Đoạn, với giọng thành thực, Kiều tỏ mình có người em gái son trẻ, xét ra đủ những điều kiện mà hội đồng đang ao ước; thưở nay lại sốt sắng với công việc của nghĩa quân, có thể xem như một nữ đồng chí, nếu bây giờ nghĩa quân sai khiến, Kiều xin cam đoan rằng em

mình vui lòng phụng mệnh ngay, dù khó khăn nguy hiểm cách mấy cũng không quản ngại.

Khôi vui mừng tươi tỉnh:

- Có phải là cô em đã toan làm thích khách ở Mô Xoài độ nọ và hôm mới rồi lại thu phục được Trần Hạnh nhập bọn chúng ta đây chẳng?

-Thưa, chính phải! Kiều đáp.

- Nếu thế thì còn nói gì! Vậy ông làm ơn cho mời cô em đến ngay.

- Tôi xin thân hành đi gọi.

Kiều nói rồi tức tốc về nhà bảo cô Tần sửa soạn và dẫn đến súp phủ. Khôi và Tăng Vô Ngại dặn dò cơ mưu, rồi trao mật thư cho nàng đi.

Đầu trống canh năm, người ta lựa một chỗ kín đáo, thả dây cho nàng leo ra ngoài thành.

Mon men gần đến đồn canh thứ nhất, nàng cố làm ra vẻ trồn lén bí mật, để cho tiền đội binh triều bắt được. Một cậu lính Huế thèm nhạt, soi đuốc thấy người xinh đẹp, xúm lại thả lời chòng ghẹo và lăm le xâm phạm vô lễ. Nhưng không ai chịu nhường ai, bọn hàn định rút thăm chia phần kẻ trước người sau. Nàng cả tiếng nạt nộ:

- Nói cho các chú rờ hồn, không được hỗn láo! Tôi mang một việc quân cơ tốt bụng quan hệ trong mình, các chú phải hộ vệ tôi đến ra mắt đại tướng quân; nếu để lỡ lầm đại sự, đến tai cụ lớn thì đừng có trách!

Một cậu nghe nói điếng hồn, bảo nhau đăi nàng tử tế; sáng lại, chuyển giao cho đội hậu vệ, đưa nàng tới chỗ đóng dinh của Nguyễn Văn Trọng.

Chinh nàng đến trước mặt Nguyễn Văn Trọng đưa thư và hẹn ước nội ứng ngoại công thế nào, độc giả đã biết.

Lúc trở về trong thành, nàng kể lại công chuyện, ban đầu Tăng Vô Ngại và Khôi đã mừng, cảm chắc Nguyễn Văn Trọng phải trúng gian kế. Nhưng khi nàng nói tiếp rằng bận về, Trọng cấp cho một con ngựa cỡi đi, giữa đường gặp Thái Công Triều, nàng cố nghiêng mặt để tránh mà không kịp. Tăng giựt nảy mình, tự vỗ trán và nói:

- Thế thì hỏng rồi!

- Sao?... Sao?... Khôi nóng nảy hỏi dồn.

- Thằng cáo già ấy đang cần lập công chuộc tội với triều đình, tất là phá mất gian kế của ta, không để cho Trọng mắc mớ.

- Tôi vái trời làm sao bắt sống được thằng khốn nạn ấy, mỗ lấy gan nó mà ăn cho sướng! Khôi nghiêng răng nói. Vậy thì tâm cơ mình xếp đặt cơ mưu này kể như mất toi?

- Mười phần có lẽ hết chín nên coi như thế!... Tăng đáp.

- Hôm qua tiên sinh nói kế này bất thành, sẽ định kế khác; vậy là kế gì?

- Tôi trù nghĩa cầu viện một nước Tây dương. Nhưng hãy để nghe ngóng, nếu như quân Xiêm bất lợi bấy giờ sẽ tính. Lâm thời, chính tôi phải thân hành đi một chuyến mới xong.

Như điên như cuồng, Khôi đứng phất lên, vừa đấm ngựa vừa nói phẫn uất:

- Tức quá! Đại trượng phu làm việc không thành, bất quá chỉ có một chết... Đợi ngày thứ ba, nếu quả Nguyễn Văn Trọng không dám vào thành, thì tôi nguyện đem tất cả anh em chiến sĩ xông ra ngoài thành sinh tử với binh triều phen này, còn thì còn, mất thì mất, tiên sinh ạ! Một điều chắc chắn là không khi nào thằng Khôi này chịu để Minh Mạng bắt sống được nó!...

Khôi phẫn uất đến nổi vận máu lên hai mắt đỏ ngầu, rồi tức tốc phi ngựa ra mặt thành đốc chiến, hét gào quân lính rầm rĩ. Giá như lúc bấy giờ tướng sĩ cùng ồ lên một tiếng, tình nguyện liều chết đột vây, chắc Khôi mở cửa thành xông ra ngay, bắt kẻ sinh tử.

*

Ngày hôm sau, các tướng sĩ thay phiên nhau ra chiến lũy, trên gương mặt người nào cũng hiện vẻ lo nghĩ, buồn rầu, vì đại nguyên soái của họ nằm liệt trên giường trọng bệnh, xem thế mỗi giây phút một thêm gần đất xa trời.

Khôi đang hăng hái khỏe mạnh như trâu, bỗng dưng thụ bệnh nguy cấp tới chết, dường như có thiên ý muốn rút ngắn việc loạn Gia

Định cho mau kết liễu vậy. Có thuyết bảo Khôi bị thủ hạ đánh thuốc độc. Vô lý! Khôi rất được lòng tướng sĩ yêu mến, vả lại tất cả tướng sĩ đều hăm hở quyết chiến, không ai có ý chịu quy phục triều đình, vậy không có lẽ nào họ đi mưu hại người mình chủ mà ai nấy cùng đặt cảm tình và hy vọng. Chứng cứ là Khôi có mưu định kén chọn vài nghìn tử sĩ để theo mình đột vây đánh ra, trong khi lệnh ấy chưa truyền, mà hơn bốn nghìn quân lính còn lại trong thành cùng muốn tranh nhau ứng tuyến, không ai chịu nhường ai. Lòng quân như thế, mà bảo họ đầu độc chủ tướng, thật là trái ngược.

Sự thật khác hẳn.

Nguyên chiều hôm trước, cũng như mọi khi, Khôi ăn cơm xong, liền phóng ngựa ra mặt thành đốc chiến. Khôi đứng nhìn kỹ trận thế và đồn lũy quân triều, thấy thừa thớt, lẻ tẻ, lũy nọ phân cách lũy kia hơi xa, không có vẻ dày đặc như cũ. Trong ý Khôi định chắc Nguyễn Văn Trọng lại phải chia thêm binh lực xuống Hậu Giang đối địch quân Xiêm, thế tất lực lượng ở vòng vây đã mỏng đi nhiều, ta đem vài nghìn tử sĩ, đột nhiên đánh ra, có thể phá được. Bởi vậy Khôi càng cương quyết trong trí cái mưu đột vây, nhất định thực hành trong mai mốt. Nguyễn Kiều đứng bên cạnh, Khôi trò tay về phía đầm ruộng sinh lầy và nói:

- Ông xem quân địch sợ hãi lội bùn đắm nước, cho nên phòng thủ lơ thơ mặt này, ta sẽ khua binh ra cửa hậu rồi chia làm hai, đánh bọc tới mặt tiền, xuất kỳ bất ý, chắc phá vỡ quân địch như chơi, mà bắt sống được Nguyễn Văn Trọng cũng nên.

- Vâng, ý tôi cũng...

Nguyễn Kiều muốn nói ý mình cũng nghĩ việc mạo hiểm đột vây lúc này là phải, mười phần có đến sáu bảy may mắn thành công. Nhưng mới nói được bốn tiếng, bỗng thấy Khôi như choáng váng mày mặt rồi ngã vật mình sượt dưới đất, mắt trắng già, bọt miệng sùi ra, bất tỉnh nhân sự.

Kiều sợ hoảng thất sắc, độ chừng Khôi trúng phải gió độc, lập tức hô quân sĩ xúm lại khiêng về đại dinh, lấy dầu bạc hà thoa bóp và sắc nước gừng đồ cho, một lúc sau Khôi mới hồi tỉnh.

Đặng Vĩnh Ưng biết thuốc, chạy tới xem mạch, bảo Khôi chỉ bị cảm xoàng, để uống một vài thang thuốc thì bình phục.

Nội đêm ấy, do lỡ trống ở rạch Thị Nghè, Đặng thông tin với tai mắt bên ngoài, trao đơn thuốc cho một người tín cẩn, bảo hẩn chạy vào Chợ Lớn bốc thuốc đem về. Hiệu thuốc Tế sinh của chú Dếch trong Chợ Lớn, nửa đêm có tiếng gõ cửa, hỏi rõ là bốc thuốc cho Đại nguyên soái Lê Văn Khôi, chú niêm nở bốc ngay, không dám tính tiền, lại gửi thêm một cân sâm Cao Ly để kính biểu nữa. Thế cho biết thương khách ở Chợ Lớn lúc bấy giờ, bề ngoài tuy sợ uy lực triều đình, thường tỏ sự cung kính Nguyễn Văn Trọng, nhưng bề trong vẫn giữ cảm tình với nghĩa quân trong thành Phiên An.

Gần sáng, nhận được thuốc và sâm đưa vào, Đặng Vĩnh Ứng vội vàng đến đại dinh, tưởng chắc sẽ thấy Khôi đang nằm ngủ yên ổn ngon giấc. Không ngờ khi để tay lên mình Khôi, thấy nóng như lò lửa, mà lay gọi mấy cũng không thưa; Đặng soi đèn thấy những quầng đen lấm tẩm nổi lên khắp cả mình mẩy, bất giác kinh khủng, nắm lấy cổ tay bắt mạch.

Đặng án mạch giây lát bỗng biến sắc mặt, thở dài và khóc mếu:

- Trời đất ơi! Nguyên gốc chỉ cảm xoàng, sao bây giờ biến chứng ghê sợ thế này?

- Hay là tại chỗ nằm này không được kín gió? Tăng Vô Ngại và mấy viên tướng có mặt ở bên giường bệnh, cùng nói.

- Không phải tại gió; Đặng trả lời. Có lẽ tại nước, làm cho thành chứng ban cua mà lại nhập lý rồi đây mà!

Đặng nói rồi gọi giật tên lính hầu cận của Khôi:

- Giáp! Lúc nãy ông mầy có tắm nước lạnh không?

- Bẩm có! Giáp vừa nói vừa run.

- Chết rồi! Sao mầy không khuyên, lại để cho ông tắm!

- Nào con có biết! Lúc nửa đêm, quan lớn tỉnh táo như thường, truyền lệnh bãi hầu, cho con đi ngủ. Con nằm một chập, nghe tiếng dội nước ầm ầm, chắc hẩn ngài tắm, con đâu có dè!

Quả thật, lúc chập tối, sau khi hồi tỉnh, Khôi thấy mình hơi nóng hâm hấp, lấy làm bức bối, suy nghĩ nếu mình đau ốm nằm liệt mãi đây, thì công việc quân gia trận mạc làm thế nào. Quen như mọi lần, hễ gặp cơn sốt hồ nổi lên, cứ tắm nước lã chân đi, tức thì cơn sốt

chạy mất. Bởi vậy, lần này nằm đến nửa đêm, Khôi vùng dậy ra sân dội nước tắm. Tắm vào một lúc, người phát nóng như lửa, đến lúc Đặng đem thuốc vào thì Khôi đã mê man, không biết gì cả.

Đặng lại soi đèn, vạch miệng kéo lưỡi ra xem, lắc đầu và nói:

- Khô quá! Số mệnh nhất định cướp người minh chủ của anh em ta rồi, các ông ạ!

- Ông xem bệnh tình nguyên soái nguy kịch đến thế kia ư? Chúng tướng hỏi.

- Chứ còn gì nữa! Đặng nói. Các ông xem thương hàn đã nhập lý, mà lưỡi đen thế này, có mà trời cứu. Chúng ta nên lo xếp hậu sự đi thôi. Tuy có thuốc men cũng là vô ích.

Lê Văn Cừ, đứa con 6 tuổi độc trụ của Khôi, đứng bên giường bệnh khóc nức nức khóc nở, vì thấy cha nằm mê man và mọi người chung quanh đầy vẻ lo buồn thương xót.

Khôi nóng sốt bất tỉnh như thế, cho mãi đến quá trưa. Chúng tướng thay phiên nhau, người ra mặt trận, kẻ ở phục dịch bên mình bệnh nhân. Đặng Vĩnh Ứng sẵn sóc, đổ nước thuốc nước sâm đến đâu, bệnh nhân nôn ra đến đó. Chứng bệnh chỉ còn đợi tử thần rước đi, chứ không chịu nhận thuốc men gì nữa.

Cuối giờ Mùi, Khôi sè cựa mình rồi từ từ mở mắt, nhìn quanh thấy gần đủ mặt anh em đồng chí, tự nhiên ứa hai hàng nước mắt, muốn nói lắm mà âm ức phát thanh không được, vì đã cấm khẩu mất rồi.

- Có lẽ hồi tỉnh được chăng? Họ Tăng mừng thầm, hỏi nhỏ Đặng.

- Ngọn đèn hết dầu, thường phùng lên một cái rồi mới tắt; Đặng trả lời. Con người ta sắp thở hơi cuối cùng cũng thế.

Vừa lúc Nguyễn Văn Trân ở chiến lũy về, đến thẳng đại dinh thăm bệnh. Khôi trông thấy, vẫy Trân lại gần bên cạnh, rồi kéo bàn tay thẳng Cừ đặt vào trong lòng bàn tay Trân, và nắm chặt cả hai bàn tay làm một.

Đặng hiểu ý, bảo Trân:

- Đại ca muốn phú thác đứa trẻ sắp sửa mồ côi cho ông đấy!

Khôi lẳng lặng, chỉ tay lên vách tường, chỗ treo thanh bảo kiếm, tỏ ý bảo lấy xuống cho mình. Lính Giáp vội vàng lấy đem lại để ngay

bên chỗ nằm. Khôi đỡ thanh kiếm, lại đặt vào bàn tay kia của Trân, rồi nhìn quanh mọi người.

Đặng nói:

- À, tôi hiểu rồi. Đại ca muốn phú thác cô nhi và giao phó cả binh quyền cho Trân thay mặt nói chí đây... Thừa, có phải ý muốn của đại ca như thế không?

Khôi gật đầu hai ba lần.

Trân cảm động quá, khóc sục sùi và nói:

- Đại ca phú thác cô nhi, tôi xin nhận lĩnh, đến như binh quyền thì tôi đâu có tài đương nổi, vậy xin đại ca lựa chọn người khác... Phần riêng tôi, dù đại ca mất cũng như còn, tôi nguyện hiến thân tới cùng, trọn lời thề ước.

Khôi lắc đầu nhăn mặt, trở vào thanh bảo kiếm ở trong tay Trân, ra hiệu không thuận cho Trân chối từ, vả lại như một lệnh truyền vậy.

Bình nhật, chúng tướng đều mộ tài năng và tâm địa Trân, nay thấy Trân được ủy thác binh quyền như thế là xứng đáng, cho nên ai thấy cùng sốt sắng tán thành:

- Đại nguyên soái biết tài biết bụng ông, mới phú thác tất cả quyền to, gánh nặng cho, ông không nên trái ý. Trước mặt nguyên soái, chúng tôi xin tôn phù ông để nói theo chú lớn đến cùng. Vậy ông nên bái lĩnh đi!

Trước mệnh lệnh Khôi và lòng tín nhiệm của chúng tướng, Trân không còn có thể khiêm nhường từ chối, liền ôm Cừ vào lòng, đưa thanh bảo kiếm lên ngang mặt, và nói:

- Vâng, tôi tuy bất tài, cũng xin bái lĩnh di mệnh của đại ca, thề có thần minh chứng giám rằng: nếu Trân này nhát hèn, bội ước, không cùng anh em đồng chí nói theo việc lớn, thì trời tru đất diệt... Xin đại ca yên tâm dưỡng bệnh, dù có mệnh hệ thế nào còn anh em chúng tôi đây, nhất quyết hễ mà thành công thì dựng nước Nam Kỳ may thất bại thì cùng thành Phiên An cùng chết, không khi nào chúng tôi làm phi danh xấu tiếng anh em minh thệ của đại ca đâu.

Chúng tướng nói tiếp:

- Tất cả chúng tôi xin thề trước mặt Đại nguyên soái.

Khôi lại đưa mắt nhìn khắp mọi người, nét mặt dường như hớn hởi và trên môi gương hé nụ cười, tỏ dấu sung sướng vì được nghe tướng sĩ thề nguyện nối theo chí mình.

Đoạn, từ từ nhắm mắt và nằm thêm thiếp, độ nửa giờ sau thì tắt nghỉ.

Hôm ấy là chiều 14 tháng hai, năm Giáp Ngọ, Khôi thụ bệnh qua đời, sau khi cử binh chống cự Nguyễn triều hơn chín tháng, và trước khi trông thấy cuộc thất bại của binh Xiêm mà Khôi cầu viện đến, và của người anh vợ là Nông Văn Vân nổi lên hưởng ứng ở miền Cao Bằng.

Trên bàn chúng tướng không nên nao động phát tang gì cả, sợ quân địch bên ngoài thừa cơ thúc bách. Trong thành vẫn giữ vững yên tĩnh, làm như ngoài cuộc chiến tranh đang kế tiếp, nghĩa quân chẳng có biến cố gì xảy đến. Ai nấy chỉ thương xót khóc thầm, chứ không được to tiếng.

Tướng sĩ hạ một cây to, khoét thủng ở giữa, liệm thi hài Khôi vào trong, rồi đào sâu mười thước dưới đền Kính thiên làm chỗ mai táng, đầu quay về hướng nam, nơi chôn và cách chôn đều ngụ ý đối chọi triều đình.

Trước khi hạ huyệt, Trên có mời Cố Harebard - vẫn ở trong thành Phiên An từ lúc bị vây – đến đọc kinh, mặc dầu bình nhứt Khôi không đi đạo. Cử chỉ khôn khéo ấy cốt để mua chuộc cảm tình dân đạo ở trong thành ngoài thành, để họ sốt sắng giúp đỡ nghĩa quân.

Khôi nằm xuống đất rồi, từ giây phút ấy về sau, người cầm giữ binh quyền trong thành Phiên An và ra mặt đối kháng triều đình là Nguyễn Văn Trân.

Cuộc chiến tranh vẫn tiếp tục như thường và càng ngày càng thêm kịch liệt.

*

Tuy nhiên, việc Khôi bạo tử, trong thành cũng không dấu diếm ngoài thành được lâu. Vô quýt dày, móng tay nhọn, nếu quân Phiên An có tai mắt bên ngoài là bọn giáo dân, thì quân triều đình cũng có

ít nhiều tai mắt để trong thành là bọn quan lại theo giặc vì sự tình bức bách. Nhất là bọn phủ huyện lại mục ở Lục tỉnh, phần nhiều miễn cưỡng phải theo nghĩa quân rút về Phiên An cố thủ. Máy lúc Khôi còn, họ khiếp sợ uy nghiêm và lại bị đề phòng gắt, cho nên ít dám hó hé. Có nhiều người đã bị phanh thây hoặc xẻo tai cắt lưỡi vì bắt được quả tang làm gián điệp cho binh triều. Từ hôm Khôi mất, lòng quân ban đầu hơi có vẻ bối rối, bọn ấy bèn thừa cơ mật báo tin tức ra ngoài, cốt dọn đất lập công chuộc tội với triều đình sau này.

Vì thế mà từ lúc Phiên An hãm vào vòng vây, nhất cử nhất động trong thành có nghiêm thủ bí mật, chẳng qua chỉ giữ được ít lâu, rồi thế nào cũng có gió đưa đến tai Nguyễn Văn Trọng.

Không có bút mực nào tả hết được sự mừng rỡ của quan Đại tướng quân binh Triều khi ngài nhận tin phi báo cho biết rằng kẻ địch thủ của ngài không còn ở đời này nữa.

Ba bốn hôm nay ngài se mình, nằm rũ rượi trong trướng. Việc quân phú thác mấy viên bộ tướng coi sóc. Nhưng ngài se mình không phải vì cảm mạo lam chướng như lũ binh sĩ cắt phiên nhau gói dáo nằm sương, phơi mình trước nắng kia. Nói ngài lo quá phát ốm thì đúng.

Ngài lo phát ốm vì hai lẽ.

Một là việc đánh thành Phiên An lâu nay chỉ thấy có hại, chứ phần thắng lợi chưa thấy đâu. Khí thế và lực lượng quân giặc vẫn mạnh, thành trì họ cố thủ lạ lùng, binh Triều chưa làm mẻ được viên gạch nào. Thế mà quân sĩ luôn mấy tháng trời phải lăn lóc giữa đám lau sậy bùn lầy, phải chịu đựng mọi sự thiếu thốn, phải làm mọi cho các thứ muỗi mòng, rắn rết, tật bệnh, chướng khí, chẳng những số người đã hao dần mà sức khỏe cũng mỗi ngày một kém đi nữa. Mùa mưa lại sắp đến nơi, Nguyễn Văn Trọng đang lo sẽ phải giải vây, rút quân đi một chỗ khô ráo tạm trú, rồi hết mùa mưa lại đánh Khôi. Không thể thì sức quân đăm đuổi vì bệnh tật khí hậu, hoặc lòng quân sinh ra oán hờn, chẳng khỏi có biến. Mà tạm thời rút quân giải vây, cũng là mở cửa cho giặc trong thành Phiên An lại ra hoành hành, điều đó Nguyễn Văn Trọng không thể nghĩ đến mà không lo sợ phát sốt.

Lẽ thứ hai còn làm cho ngài khổ sở khó chịu hơn. Trong khi chính mình là đại tướng cầm quân đánh thành Phiên An chưa mẻ

được viên gạch nào thì hai viên phó tướng Nguyễn Xuân và Trương Minh Giảng đi chống cự binh Xiêm lại liên chiến liên thắng. Luôn hai mươi ngày nay, ngài tiếp được tin báo về Gia Định liên liên, mặt trận quân ta ở Hậu Giang đã chuyển bại làm thắng: Té ra hai viên phó tướng của mình có chiến công to tát, còn mình thì khoanh tay vô dụng trước thành Phiên An; cho đến cái thắng phản phúc Thái Công Triều kia đem binh đi tiếp ứng cũng được dự nhiều ít huân lao! Nguyễn Văn Trọng nghĩ lấy làm xấu hổ.

Quan lớn ta lo buồn đến phát sốt phát rét từ đây. Ngài nằm xuôi xị trên giường bệnh; lúc nào hơi tỉnh táo là trong trí quay cuồng suy nghĩ mưu chước, không biết làm sao trừ được Khôi, hạ được thành để rửa mặt với kẻ dưới và khỏi mang tội “xuất sư vô công” với triều đình. Ngài càng nghĩ càng thâm oán Khôi, vì hôm nọ hắn ta định lừa ngài bằng mưu trá hàng.

Đêm khuya, những tiếng trống canh sừng biên trong thành rền đưa tới bên tai ngài, càng làm cho ngài khổ tâm, thao thức.

Giữa lúc ấy có tiếng Lãnh binh Trương Văn Sĩ hỏi dồn tên lính gác cửa:

- Cụ lớn còn thức hay ngủ?

- Có việc gì thế, thầy Lãnh? Vào đây!... Ngài vội vàng trả lời thay chú lính, trong lòng hồi hộp, lại sợ được tin hao binh thất trận gì chẳng.

- Bẩm, chúng tôi vừa có tin báo cho biết Lê Văn Khôi đã chết rồi! Lãnh binh Sĩ bước vào, và thở và nói.

- Thật thế à?

Cụ lớn vùng dậy, nhảy vọt từ trên giường xuống đất, mặt mày tươi tỉnh sung sướng hơn là tiếp chiếu thiên tử phong cho quận công; bao nhiêu nhức đầu, sốt rét, hổ thẹn, lo buồn, nhất thời tiêu tán. Ta nên để ý Nguyễn Văn Trọng nguyên là tổng đốc tỉnh Nghệ, phụng mạng cầm tiết việt làm đại tướng đi giệp giặc, giữa nơi binh hỏa chiến trường, vẫn không quên những khí vị bệ vệ một vị văn quan:

- Lính đâu?... Châm điều, mày! Pha nước trà Tàu mau!... Lấy trà Thiết quan âm của khách Chợ Lớn đem lễ hôm trước đó, nghe!...

Thầy Lãnh ngồi chơi nói chuyện... Chà tự nhiên ta thấy nhẹ nhõm cả người!

Lãnh Sĩ ngồi kể cho cụ lớn nghe một lượt những tin do tai mắt trong thành vừa mật báo cho biết Khôi trúng độc mà chết và quân giặc chôn cất kín đáo thế nào.

- Bẩm thế là hắn chết, tính ra đến nay ngoại hai chục ngày rồi; Lãnh Sĩ kết thúc.

- Thằng quái ấy chết, từ nay ta ngủ mới yên! Nguyễn Văn Trọng nói và cười khanh khách, đắc ý.

Đoạn, đưa tay lên trán, nói tiếp:

- Thật nhờ có hồng phúc của đức Hoàng đế, thằng Khôi đi đời rồi, phen này ta hạ thành Phiên An dễ dàng như phá nhà giấy, chặt cành khô vậy.

- Bẩm cụ lớn, thế giặc xem ra còn mạnh lắm, có lẽ ta không nên khinh thường Lãnh Sĩ nói cách ung dung từ tốn.

- Thầy bảo trong thành còn có mặt nào? cụ lớn nhăn mặt hỏi lại.

- Thưa, chúng tôi thiết tưởng quân giặc còn nhiều tay lợi hại lắm.

- Lấy bằng cứ nào mà thầy tin tưởng như thế?

- Bẩm, chúng tôi lấy bằng cứ là từ hôm Khôi chết đến giờ, ngót một tháng, giặc vẫn kế tiếp kháng chiến, chứ không nhục bót nhuệ khí chút nào. Thế đủ rõ trong vòng vây còn có người khác.

- Ta hãy hỏi Khôi chết rồi, bây giờ ai làm đầu đảng giặc?

- Chúng tôi nghe nói là Nguyễn Văn Trân, một tay giỏi trận mạc và được quân giặc yêu mến lắm.

- Hình như thằng ấy là Tướng quân thì phải.

- Vâng.

- Hừ! Ta bất chấp cả!... Trừ ra thằng Khôi, chúng nó chỉ là một phường du côn tẹp nhẹp, có biết binh cơ trận pháp là cái quái gì; cả thằng Trân ta cũng coi như đồ bỏ... Để ta hạ thành, bắt sống hết ráo chúng nó phen này! Ngày mai, thầy loan báo anh em đến đây nghe ta hiệu lệnh nghe!

Lãnh binh Trương Văn Sĩ dạ và lui ra, nét mặt buồn thiu, có lẽ không mãn ý về chỗ thượng quan mình khinh địch thái quá sẽ gặp bất lợi, hay tự mình cảm giác một điều gì chẳng lành vậy. Qua ngày mai, Trọng chay tịnh thắp hương khấn vái rồi mở lịch thử ra xem ngày giờ, thấy ngày Dần giờ Tí lợi việc hành binh, tức nửa đêm hôm sau.

Buổi trưa, các tướng tá được lệnh hội họp ở đại dinh để nghe truyền bảo cơ nghi, nhất định đêm mai khởi cuộc tổng tiến công thành trì Phiên An.

Nhân dịp, Trọng sai biện trầu rượu, vàng hương cúng tế hết thầy các vị sùng thần công, để cầu các ngài sẽ trở hết thần oai trong khi lâm trận. Lại sai thui trâu mổ lợn cho quân sĩ ăn uống thỏa thuê, rồi yết thị khuyến khích mọi người như sau này:

“Thượng tướng quân Nguyễn truyền bảo cho quân sĩ được rõ:

Bấy lâu các người vì việc vua việc nước phải đem thân xông pha lao khổ ở nơi xa xôi lam chướng này, triều đình vẫn ghi nhớ công trạng của các người, và ta là chủ tướng các người, chính mắt trông thấy sĩ tốt gian nan kiên nhẫn chùng nào, lòng ta cảm khích ngợi khen các người chùng ấy.

Từ ngày các người trông theo ngọn cờ, vâng theo tướng lệnh của ta, đuổi giặc chạy dài, đánh đâu được đấy, lại dồn cả quân nguy vào trong vây thành này, đó là một chiến công vẻ vang, ta cùng các người chia phần đồng lao cộng hưởng.

Nhưng, quân nguy kia một ngày chưa quét sạch, thì chúng ta có chức phận cầm gươm bảo vệ đất nước, một ngày chúng ta chưa được ăn ngon ngủ yên.

Các người tòng quân lâu ngày, quê quán sao khỏi chạnh lòng vợ con sao khỏi mong nhớ? Nhân tâm ai chẳng muốn sớm nên công nghiệp, chóng về gia hương? Ta muốn cho các người được sớm nên công nghiệp, chóng về gia hương, cho nên phen này quyết đánh một trận đáo để, ngõ hầu trừ diệt cho hết tàn đảng quân nguy và thu phục thành trì Phiên An nộp lại triều đình.

Vậy tất cả tướng hiệu sĩ tốt đều nên gắng công hết sức phen này. Ai nấy cùng lo chùi súng mài gươm, hăm hở dũng dục, một khi lâm trận, thì phải nghe theo lệnh truyền, lặn vào mà đánh, xông pha

không kể chết, có tiến không có lui, kỳ cho phá thành Phiên An, giết sạch quân giặc mới thôi. Ta đã xếp đặt mưu cơ đồ trận, để đưa các người tới chỗ toàn vẹn ấy.

Xong trận quyết liệt này, những kẻ nào sống sót hoặc bị thương tích, sẽ được ta tâu xin triều đình ân thưởng xứng đáng và phủ tuất tử tế, là lẽ cố nhiên. Còn những kẻ bất hạnh tử trận, cũng được triều đình chu cấp cho gia đình và thưởng thụ ẩm sinh cho một đứa con, hoặc ban cấp công điền cho cha mẹ vợ con được trọn đời no đủ; như thế thì vong linh của người vương sự quyền sinh không phải lạnh lòng ân hận.

Các người cứ vững lòng tin cậy độ lượng của triều đình và lời hẹn chắc của ta!

Trái lại, nếu ai ra trận mà nhút nhát tháo lui, không tròn phận sự, thì quốc pháp rất trọng, quân lệnh chí nghiêm, lúc ấy đừng trách ta không báo trước.

Nay lệnh.”

Quân sĩ nghe lời hiểu thị, xúm năm tụm ba, thăm thì bàn tán, sau khi mỗi người đã được dôi chặt một bụng thịt trâu, lòng lợn no say:

- Anh em nói vụng với nhau mà nghe, thế giặc xem ra còn hăng lắm, chưa chắc phá nổi thành trì mà vào lọt được với chúng nó.

- Vào lọt hay không, mặt kệ; tướng lệnh bảo xả thân mà đánh, thì anh em ta phải nhắm mắt vâng lời, không có cũng chết!

- Cái ấy đã đành...

- Anh ạ! Tôi nghĩ cứ đánh một trận rõ quyết liệt thế này cũng phải. Có thắng thì ta được trở về quê hương; bằng không thì chôn thân dưới chân thành sớm ngày nào hay ngày ấy. Còn hơn dây dưa tháng ngày, dãi dầu lam chướng, nay cơn sốt, mai đi lý, rốt cuộc cũng đến chết dần chết mòn, mà vất vả khổ sở.

- Cố nhiên như lời anh nói... Song tôi chạnh nhớ đến cảnh quê nhà nghìn dặm, trong lòng thấy bứt rứt thế nào ấy!...

- Phải rồi! Tôi hiểu tại sao thằng Giáp nó bứt rứt?... Người thứ ba cười và nói xen vào.

- Rõ khéo nói trạng! Người tên là Giáp trả lời. Đó là thường tình ai cũng thế, chứ có tại sao?

- Phải, đó là thường tình, nhưng riêng với anh còn một lẽ khác... Để tôi nói trắng ra nhé: vì anh mới cưới con vợ trẻ măng, ằm chỗ chưa được ba đêm, thì có lệnh bắt đi tòng quân... Anh chị thêm thường nhớ nhung nhau, phải biết!

- Nhưng vì đâu mà biết rõ tình cảnh Giáp được như thế? người khác hỏi.

- Dạ, chúng tôi ở gần làng nhau.

- Nên thế, phen này nó chẳng may chết trận mà mày sống sót, thì về bảo cho vợ nó lấy chồng khác... Người ta trẻ trung mà bắt phải cô phòng thủ tiết, nghĩ cũng tội nghiệp.

- Thôi, anh Giáp làm sẵn tờ cái giá cho chị ấy đi!

Ai nấy cười ồ, làm cho Giáp hơi thẹn, nói xằng:

- Mấy anh này nói gở miệng! Đã chắc gì phen này tôi tử trận à?... Dù sao, năm sương gối giáo, da ngựa bọc thây, chỉ là sự thường của kẻ nam nhi... Ngày mai lâm trận, tôi sẽ nhảy lên mặt thành trước nhất cho các anh xem!

Trong khi ấy, tốp khác đùa bỡn nhau về chuyện cậu ằm:

- Có thấy quan tướng chúng ta đại lượng ấy không? Ngài hẹn kẻ nào tử trận, một đứa con sẽ được phong ằm tử!... Đẳng ấy sẽ bất hạn thế nào, thằng cu ở nhà sẽ là cậu ằm, sung sướng vong linh nhé!

- Thôi, nhà cháu không có mã làm quan, các ông ạ!... ằm với chén gì?... Các ông khéo tin lời hứa ấy mà nhờ!

- Sao thế, anh?

- Lại còn phải hỏi! Người ta khéo dứ mồi thế cho anh em mình xả thân tận lực đấy thôi. Một mai có thắng trận khai hoàn, bao nhiêu vinh hoa kẻ trên hưởng hết, đâu đến thứ anh em mình? Với mình, nếu không bị vùi xương ở chân thành này thì cũng trở về làm thằng lưng đen khổ rách, lại sống với bắp cày con trâu của mình là cùng. Anh em mình chỉ có việc lấy sức hay đem xương ra xây đắp lâu đài hạnh phúc cho kẻ khác thì có. Cổ nhân đã nói: *“Nhất tướng thành công vạn cốt khô”*, các bác không nhớ ư?

Một người lính bị thương nặng ở chân, phải chống gậy, nãy giờ đứng bên nghe chuyện, bỗng cười hề hà và nói bông lơn:

- Các chú mở mắt mà xem: tôi được phong quan nhất trụ rồi đây, này!

Mọi người cùng phá cười rồi tản lạc ai về đồn lũy ấy.

Quả nhiên, y theo ngày giờ bói toán đã định, đúng nửa đêm hôm sau, đại tướng Nguyễn Văn Trọng đốt pháo thăng thiên làm hiệu, ra lệnh cho bộ hạ nhất tề đánh thành Phiên An.

Tức thời, hơn bốn chục vị súng thần công lớn nhỏ của binh triều đã được vàng hương cúng tế, thi nhau khạc đạn vào cổng thành và mặt thành bên địch. Tứ phía nghe tiếng vang động như sấm; khói lửa tung lên mịt mù.

Ta nên nhận rõ chiến lược của binh triều chuyển này thay đổi: súng đạn không cốt công phá những kho tàng lương thực và quân hỏa trong thành như mọi lần; giờ chỉ chuyên chú phá vỡ cổng thành vách thành để mở đường cho bộ binh tràn vào công hãm.

Luôn bốn đêm ngày, chung quanh vòng thành Phiên An bị đợt mưa đạn tứ tung, liên thanh bất tuyệt. Trong lúc pháo binh đứng trong đám khói, hì hục lau chùi lòng súng, nhồi thuốc, châm mồi, bắn quả đạn xảy ra liền nập luôn quả khác vào, bộ binh đã sắp đặt sẵn sàng, đủ các thứ khí dụng như thang mây, bao đất, hỏa hổ, câu liêm, ai nấy lăm le túc trực, chỉ còn đợi một tiếng lớn, một hiệu lệnh, là xông vào hãm thành.

Lạ thay trong thành êm lặng như ru, không nghe bắn trả một phát súng nào, ban ngày cũng chẳng thấy một bóng người nào thấp thoáng ra về phòng thủ hay kinh hãi gì, làm như bao nhiêu người trong thành đã vỡ óc chết sạch đâu rồi, chỉ còn trơ lại những bức tường trống không mà nguy nhiên bất động vậy.

Đến nửa đêm hôm thứ tư, binh triều ngừng bắn thần công, để cho bộ binh tiến lên hành động. Đại tướng Nguyễn Văn Trọng mặc nhung bào, cầm gươm trần trong tay, thân ra đốc chiến. Ai nấy đều nghĩ luôn bốn đêm ngày bắn dữ như thế thành trì tất đã vỡ tan một vài cửa, sạt hãm một vài nơi, quan quân chỉ có việc do mấy chỗ ấy mà leo vào thành, không có gì khó.

Tứ phía, đình liêu nổi lên sáng rực, tiếng quân sĩ hò reo xen lẫn với tiếng ngựa rít voi gầm, và Nguyễn Văn Trọng dùng cả tượng binh kỵ để trợ lực công thành.

Nhưng ông kinh ngạc dựng cả tóc gáy, sau khi tể ngựa đi củ soát một vòng, thấy thành trì vẫn còn uy nguy như núi sắt tường đồng, chẳng bong một tấm ván, vỡ một viên gạch nào, mà ngược mắt trông lên, từ vọng lâu đến mặt thành, chỗ nào cũng thấy lỗ nhó quân giặc trầm tĩnh ứng chiến. Trong ánh đuốc sáng, ông nhận rõ trên thành có cả đàn bà con gái tát tả lên xuống, chắc là đem cơm nước và đạn dược tiếp tế cho các chiến sĩ.

Bây giờ quân giặc mới bắn. Họ bắn rất hà tiện. Chốc chốc họ bắn ra một hiệp, vài đạn vào một tốp binh triều mon men đến gần chân thành: dăm ba chục người không lẫn ra giấy chết thì cũng què quặt với họ.

Chính con ngựa Nguyễn Văn Trọng cỡi, trúng đạn giữa đầu, nó chết gục trần tiền, vật ngã ông xuống đất.

Kể ra ông xếp đặt chiến lược không phải không chu đáo, quyết thắng; nhưng chiến lược ông xếp đặt thế nào; có tai vách mạch rừng, đã mật báo cho quân giặc trong thành biết trước cả. Thành ra bốn đêm ngày binh triều định dọn đường mở lối bằng súng thần công, họ cứ mặc kệ cho bắn; ban ngày họ giả như một thành chết, đêm khuya mới lạng lẽ mạo hiểm lần mò, xem chỗ nào sạt hãm thì tức tốc sửa chữa. Họ đợi đến đêm thứ tư là đêm binh triều quyết liệt xung đột, mới ra ứng chiến án ngữ.

Nguyễn Văn Trọng tức lộn cả ruột gan, xem mình như đã ngồi trên mình cọp mất rồi, không nhảy xuống được nữa, chỉ còn nước đánh một được một thua, một sống một chết. Ông rao truyền tướng lệnh khắp cả bốn cửa, rồi tay dơ cao thanh kiếm lên, miệng hò hét dữ tợn:

- Quân bay cứ tiến lên, nghe!

- Dạ!... Tiến lên bớ anh em!... Máy nghìn quân sĩ ứng thanh đáp lại tướng lệnh và rần rần rộ rộ áp đến bên thành, khí thế rất hùng dũng.

Chỉ trong mấy phút, binh triều vượt qua bờ hào, tốp này chuyền thang mây đặt bên vách thành, tốp kia tung giây câu móc, rồi cùng reo hò sấn sổ leo lên. Ai nấy đều có đoản đao giắt lưng hay ngậm mã tấu ở miệng, để khi nhảy lên mặt thành, tuốt ra chém giết quân giặc.

Tội nghiệp, đám nào như đám ấy, chỉ leo lên mới được lưng chừng hay mấp mé đến gần mặt thành, đã bị quân giặc ở trên lăn gỗ đá xuống, không thì tưới dầu và các vật dẫn hỏa vào giữa đám, rồi phóng tên lửa xuống theo mà đốt. Những người còn ở dưới đất, bị gỗ đã làm cho vỡ

đầu gãy chân, kêu khóc oai oái. Bọn đang leo thang thì bị lưới dầu bén lửa, áo quần đầu tóc nhất thời phát hỏa, đến thang cũng cháy vèo vèo rồi gập quăng họ xuống đất, trông rất ghê sợ. Người ta tưởng trong như những chùm sung chín đỏ trên cây bị trận cuồng phong đánh rụng vậy.

Trong lúc ấy binh triều lại nã súng lên thành để hộ vệ cho đội xung phong, nhưng quân giặc chết người này tiếp người khác, vẫn ngang nhiên phòng ngự như thường, không hề nao núng, lui bước. Chúng nhất định không cho binh triều có thể đặt chân lên mặt thành, Nguyễn Văn Trân, Mạch Tấn Giai, Nguyễn Kiều, Lưu Tín, Võ Vĩnh Lộc, chia nhau mỗi người đốc chiến một chỗ, khuyên lơn sai ếp chiến cực kỳ anh dũng.

Dưới này đại tướng Nguyễn Văn Trọng cũng chẳng nhụt tí nào. Toán quân này chết cháy, ông hò hét thúc giục toán khác xông lên; gào thét lớn quá đến rát cả cổ họng.

Nhưng toán nào đến bên chân thành cũng bị đánh hay đốt cháy một cách thâm như trước.

Nhất là ở Nam môn, nơi mà binh triều dồn hết sức nặng, và cũng chính là nơi tướng giặc Nguyễn Văn Trân phòng ngự.

Quân giặc trên thành cười khúc khích với nhau, chõ mặt xuống thách đố:

- Có ai giỏi thì leo lên nữa đi!

- Có ta!

Lãnh binh Trương Văn Sĩ hăng tiết, ứng thanh nhận lời thách đố của giặc, quay lại vẫy bộ hạ đi theo mình, rồi phăm phăm chạy đến một cái thang để dựa bên thành chưa bị đốt cháy, trèo hai ba bước một, trong chớp mắt nhảy lên mặt thành. Ông múa đại đao, tả xung hữu sát, cố giữ đầu thang cho bộ hạ đang noi gương can đảm, thi nhau trèo lên.

Nhưng chỉ độ bảy tám người kịp nhảy lên mặt thành tiếp chiến, thì cầu thang vừa bị quân giặc bắn gãy. Những người trèo sau ngã vật từ trên cao xuống đất, hoặc chết tức khắc, hoặc bị trọng thương. Thấy thế, chẳng ai dám lại gần nữa.

Thành ra bọn Lãnh Sĩ chín người trở nên cô lập vô viện, tới lui đều khó. Tuy vậy, họ cũng cố cầm cự chốc lát, rồi bị bắt sống, đưa tới nộp Nguyễn Văn Trân.

- Nhà ngươi là một bức hảo hớn đó. Trân nhìn Lãnh Sĩ và nói. Chịu hàng thì nghĩa quân ta tha chết cho.

Lãnh Sĩ trợn mắt:

- Tính mạng chúng bay như sợi chỉ mảnh treo chuông, còn rủ ai hàng? Ta là quan chức triều đình, khi nào đầu giặc. Bay đã bắt được tui tao thì cứ giết đi, không nói nhiều chuyện.

- Anh em ta cũng theo quan Lãnh, thà chết không thềm hàng giặc!... Tám người đồng thanh nói lớn, trong số ấy có người lính tên là Giáp mà ta đã biết. Thì ra chàng đã giữ trọn lời hứa, theo chân Lãnh Sĩ nhảy lên mặt thành trước nhất, vâng theo tiếng gọi của khí khái anh hùng; giây phút ấy chàng không nghĩ gì đến người vợ trẻ trung ở gia hương ngàn dặm.

Nguyễn Văn Trân có ý tâm phục, bảo một viên vệ sĩ đứng bên:

- Thôi, chú làm phúc đưa cho tui này mỗi đứa một nhát gươm, để chúng nó đi theo quan tướng chúng nó cho trọn nghĩa.

Nghe bốn tiếng “đi theo quan tướng”. Lãnh Sĩ giựt nảy mình, ngảnh lại hỏi Trân:

- Mày nói đi theo quan tướng?...

- Ủ, Nguyễn Văn Trọng, quan tướng bắt tài của bay chứ còn ai!... Trân mỉm cười và đáp.

- Thứ chúng bay mà bắt được quan thượng tướng của triều đình à? Lãnh Sĩ hỏi, ra vẻ không tin.

Trân lẳng lẳng, nắm hai tay bị trói của Lãnh Sĩ, dẫn đến lan can vọng lâu, bảo trông xuống và nói:

- Thượng tướng của triều đình nhà bay có nằm co quắp như con chó tiền rười trong đồng thây ma chồng chất kia kia!... Đây cái xác áo nhung phục, không phải Nguyễn Văn Trọng nhà mi đó à!

Lãnh Sĩ nhìn xuống, nhờ ánh sáng đèn hiệu, nhận quả là tử thi chủ tướng mình, thờ dài một tiếng, rồi day lại cúi mặt đi theo người vệ sĩ đưa đến chỗ hành hình.

Trận đại chiến chung kết vào lúc ấy, quân giặc chống cự rất quá, binh triều tổn hại nhiều, đành phải rút về đồn lũy vòng vây, không dám mạo hiểm xung đột nữa.

Sáng ra, người ta bới trong đám tử thi ngổn ngang ở trước Nam môn, quả thấy quan thượng tướng của triều đình đã chết chung, một ngọn mác xuyên qua bụng và đâm xuống đất.

Thì ra hồi Lãnh Sĩ nhảy lên được mặt thành, Nguyễn Văn Trọng cầm chắc quân mình thắng thế, sắp phá vỡ thành trì Phiên An đến nơi cho nên chính ngài thét quân xông vào. Bỗng một ngọn mác từ trên mặt thành lao xuống rất mạnh trúng ngay giữa bụng ngài, chết lả tại trận.

Trận này, binh triều tử thương hơn ba nghìn người. Bốn phía thành lúc nhúc những thầy ma.

Nghĩa quân kiểm điểm lại số thiệt hại của mình, thấy khuyết đi mất 450 chiến sĩ. Trong số ấy có Nguyễn Kiều, đề đốc hộ thành, và Trần Hạnh, người đã theo về nghĩa quân trong trường hợp nào, hẳn các ngài còn nhớ.

Cô Tần vừa khóc anh ruột, vừa khóc người yêu.

XV. MỘT CHÉN THUỐC ĐỘC CHẲNG GIẾT ĐƯỢC AI

Trước đây mấy hôm, vua Minh Mạng khiêm an. Hôm nay mới ra thị biểu, vừa nhận được tin báo ở Phiên An bại binh: đại tướng Nguyễn Văn Trọng, lãnh binh Trương Văn Sĩ tử trận, quan quân tử thương hết mấy nghìn người.

Ngoài mặt ngài làm ra thịnh nộ, quở trách tướng sĩ Nam chinh bất lực bất tài: nhưng trong thâm tâm thì lo ngại. Không ngờ giặc đã bị vây mà còn quật cường đến thế? Giờ phải sai tướng tài nào có thể vào Gia Định quét được quân giặc?

Nhà vua rất phân vân về sự lựa chọn.

Lại dùng Tống Phúc Lương? Không được ; vì triều đình phải dùng một viên tướng đã từng bại trận giáng chức như thế, thì còn gì là thanh thế.

Hay là với Trương Minh Giảng hay Nguyễn Xuân, hai người lấy một, ở mặt trận Hậu Giang về? Cũng không được; vì họ đang bận, hai người hai nơi, chống cự giặc Xiêm, không phải không quan hệ.

Triều thần xin điều ông Tạ Quang Cự ở ngoài Bắc vào, nhưng cũng không tiện. Vẫn biết ông này có tướng tài, song lại đang mắc đánh giặc Nông Văn Vân ở vùng Cao Bằng, Tuyên Quang, cũng là giặc lớn. Vả lại đường sá điệu vợ xa xôi, gọi ông ta ở Bắc đi qua kinh đô rồi mới vào Gia Định, mất nhiều ngày giờ; việc binh quý thần tốc mà ông tướng phải đi như rùa bò thì nguy.

Nhà vua lo nghĩ quá, bệnh cũ lại phát, nằm trong hậu cung, không ra thị triều nhiếp chính gì được. Có lệ triều đình ta, lúc vua ốm đau phải giữ bí mật; trừ ra mấy cụ đại thần, tin ấy không được truyền bá cho công chúng biết, vì sợ có cuộc mưu đồ phản nghịch gì thừa thời phát xuất chẳng.

Tuy vậy, cái tin bại binh ở Gia Định làm râm cả chốn Kinh sư, không giấu giếm ai được.

Một mục bán quán nem ở xóm Đông Ba, có chồng làm đội trưởng, đi quân thứ Gia Định; sáng sớm hôm ấy mẹ con nhà mục bỗng khóc bù lu bù loa, như có ai chết; hàng xóm kinh ngạc, kéo lại hỏi thăm:

- Có chuyện gì mà mẹ con thím gào khóc, nghe thảm thương ghê người lên thế?

Nước mắt chan hòa, mục nức nở kể chuyện:

- Ô, ông bà cô bác ôi! Nhà tôi chết rồi!...

Đêm qua tôi nằm mộng thấy nhà tôi máu me nhễ nhại, hai tay bung đầu, hiển linh về báo tin cho mẹ con tôi biết đã xấu số tử trận rồi... Tôi hoảng kinh và hỏi: Mình sống khôn thác thiêng, hãy chỉ rõ mồ mả cho vợ con vào nhận lấy xác... Hồn nhà tôi trả lời trận này quan quân ta chết ngổn ngang, thầy chồng như núi ở chân thành Phiên An, cái thì mất đầu, cái thì cháy đen, rồi sau người ta chôn chung một hố, còn biết xác ai là ai mà hòng nhìn nhận?... Khổ chửa, trời hời! Từ nay mẹ con nhà tôi, mẹ thì góa, con thì cô!

- Hừ!... Chuyện mộng mị lấy gì làm bằng? Một người hàng xóm khuyên giải Thím chớ nên tin, mà phải thương tâm vô ích.

- Không có gì làm bằng thì tôi đâu có tin!... mù đội Thập – vì chính là tên mù - trả lời và tay trở lên một cái rui nhà. Xin ông bà cô bác hãy trông đoạn tre vừa mới cưa xong kia kia.

Ai nấy bờ ngỡ chưa hiểu, thì mù đội Thập nói tiếp:

- Nào tôi có biết lúc trước nhà tôi ăn nhịn để dành được ba nén bạc cất giấu vợ con ở trong cái rui nhà đó. Đêm qua vong linh nhà tôi nhập mộng, chỉ rõ chỗ ấy, bảo tôi cưa ra mà lấy làm vốn, mẹ con buôn bán nuôi nhau... Sáng sớm thức dậy tôi hốt hoảng bán tín bán nghi, chùng đi cưa rui nhà, quả thấy số bạc y như mộng triệu đã chỉ... Tức là ba nén bạc đây này!... Các ông các bà bảo tôi đừng tin sao được?

Mù nói đoạn, càng khóc thảm thiết, và đưa ba nén bạc lặn trong lưng ra cho mọi người xem. Hàng xóm nhìn nhau, chắt lưỡi giựt mình, cho là sự linh thiêng quái lạ, rồi tản mác về dần.

Chuyện lạ ấy thực hư thế nào chưa rõ, chỉ biết không đầy nửa ngày, nó truyền từ miệng nọ đến miệng kia, đi quanh khắp kinh thành nội ngoại. Ai nấy sẵn có mầm mê tín dị đoan ít nhiều trong trí, đều tin tưởng anh linh đội Thập về báo mộng cho vợ con là chuyện thật có.

Trong dân gian nhân đây tuyên truyền sôi nổi rằng binh lính triều đình sai vào đánh giặc Gia Định bấy lâu, mới bị giặc Khôi đánh cho một trận “toàn quân phúc một”, từ quan thượng tướng cho đến một tên tiểu tốt, chẳng còn sống sót mống nào.

Những gia đình ở kinh thành, cha có con, vợ có chồng, anh có em, sung vào quân thứ ấy, chả biết thân nhân mình sống hay chết, chỉ nghe tin huyền truyền kia, nhất thời xao xuyến lạ thường. Đi qua xóm nào cũng nghe có tiếng khóc than rầm rức. Nhiều nhà cứ tự nhiên bày bàn thờ, đốt tang phục, rước thầy cúng về chiêu hồn, đến chùa làm chay phả độ. Nội thành ngoại thành chẳng ước hẹn nhau, mà những nhà có chồng con anh em cầm chắc tử trận, đồng thời ma chay khóc lóc như thế, trông rất thảm đạm. Những tiếng oán hận âm thầm là chưa nói đến.

Nhà vua ngự ở điện Dưỡng Tâm, đêm khuya nghe văng vẳng từ phía cùng có tiếng chuông mõ trống kèn, trong ý lấy làm lạ, gọi thị vệ hỏi:

- Hôm nay là ngày gì, bách tính họ cúng cấp nhiều thế, bay?

- Tâu ngài ngự, ấy là những nhà họ làm ma chay cho thân nhân đã tử trận ở Gia Định vừa rồi!... Viên thị vệ quý tâu sự thật.

Nghe nhắc đến chuyện bại trận, nhà vua lại động lòng bức bối lo buồn, bỗng quên cơn sốt, ngồi dậy, sai gọi quan Trung quân, Đô thống và Trục thần (ông quan mỗi đêm nằm túc trực ở Nội các) đêm ấy vào chầu nghe lệnh.

Với ông trên, ngài giao cho công việc tra xét nguyên ủy huyện truyền tin tức đã làm dân tâm xao xuyến và cho phép ông được tiện nghi hành sự. Còn với trục thần thì ngài dạy bảo tờ chỉ dụ, ngày mai sẽ dán trước Phu Văn Lâu cho bách tính xem; trong ấy quy tội cho Nguyễn Văn Trọng khinh địch, mới có cuộc thất trận trong tháng vừa qua, nhưng quan quân chẳng thiệt hại mấy chút, mà dư đảng giặc Khôi thì sắp tiêu diệt đến nơi; vậy những gia đình có người đi quân thứ, cứ việc an cư lạc nghiệp, chờ đợi tin tức khai hoàn sẽ đến nay mai, không được nghe lời đồn huyễn, làm gì trái thường, mà phạm quốc pháp v.v...

Hôm sau, ông Trung quân Đô thống mở cuộc dò xét, té ra những nhà ở kinh thành sở dĩ này đặt ma chay là bởi có tin đồn ở Gia Định “toàn quân phúc một”, mà sở dĩ có tin ấy, nguyên ủy là từ mộ đội Thập kể chuyện nằm mộng thấy chồng hiển linh về báo tin tử trận và chỉ nơi giấu bạc. Ông liền sai bắt mộ tổng giam vào ngục Hộ thành và xin làm án trăm quyết, lấy cớ rằng mộ bày chuyện mộng mị, làm mê dân hoặc chúng náo động nhân tâm.

Tội nghiệp vợ đội Thập thương nhớ chồng nằm mộng thế nào kể với hàng xóm như thế, không đâu bị buộc vào tội tày đình, bỏ năm sáu đứa con thơ dại bơ vơ ở nhà, vào nằm trong ngục để chờ ngày chết? Nỗi oan những muốn vạch trời mà kêu!

Nếu mấy hôm sau không có tin mừng ở Đảng trong đưa ra làm cho nhà vua đổi buồn hóa vui, triều đình trở lại phần chán, thì chắc vợ đội Thập chết oan mạng thật.

Ấy là tin quan quân đại thắng giặc Xiêm, đuổi ra khỏi bờ cõi Nam kỳ và Chân Lạp, lại cướp được khí giới ngựa voi của giặc khá nhiều.

Trận đại thắng này cách trận đại bại kia không đầy một tháng.

Tin thắng phi báo đến kinh, vua Minh Mạng vui mừng hơn hờ, bệnh hoạn tự lui, mình rồng bình phục, không phải cần dùng đến các quan Thái y viện nữa.

Cả triều đình và nhân dân lại phấn chấn yên vui; kinh thành tan hẳn không khí ảm đạm hôm trước.

Trên sông Hương có cuộc diễu duyệt thủy sư và đua bơi thuyền rồng; vua ngự ra xem, dân chúng được thấy nghi vệ oai nghiêm, cảnh tượng vui vẻ. Phố xá đều kết hoa treo đèn, có vẻ rộn rịp hơn tất nguyên đán.

Trong dịp ấy, ngài châu phê xá tội cho vài chục người phạm tử hình; trong số đó mộ đội Thập là một. Lại truyền thưởng cho mộ mười quan tiền.

Mộ trở về túp nhà tranh ở cửa Đông Ba, ôm lấy lũ con, mừng ra nước mắt. Lũ trẻ ngây thơ ấy đã có cha tử trận ở chân thành Phiên An, tí nữa chúng nó mồ côi lần thứ hai nếu người mẹ thác oan dưới thanh gươm của chú lính đao phủ! Mà thầy đội Thập quả chết trận thật, vì trong sổ quân lính tử thương trận ấy vừa mới tư về bộ binh, cả tên thầy. Mười quan tiền vua ban cho mộ, tức là số tiền tuất quả vậy.

Bây giờ khắp kinh thành đều ca ngợi công trạng Nguyễn Xuân và Trương Minh Giảng; nhất là Nguyễn Xuân. Vì những trận ta thắng nhờ có tài năng thao lược của ông nhiều lắm.

Sau Trương Minh Giảng ở lại Nam Vang, kinh lý việc bảo hộ Chân Lạp; Nguyễn Xuân thì đem quân trở về trước thành Phiên An, viếng mộ Nguyễn Văn Trọng và được chứng kiến những dấu vết thảm bại vừa qua, chưa kịp vui lấp hàn gấn.

Vua thấy Nguyễn Xuân bày tỏ tài năng và lập được chiến công như thế, liền hạ chỉ, dụ phong làm Thượng tướng, thay chân Nguyễn Văn Trọng, nghĩa là giao phó cho ông cái trách nhiệm khôi phục uy lực của triều đình ở đất Nam kỳ và phải tiêu trừ nguy đảng cho xong.

Nguyễn Xuân tuy riêng mừng cho mình được thăng thưởng một cách trọng hậu, nhưng nhìn lại bộ hạ không khỏi ái ngại lo nghĩ.

Đạo quân chiến thắng mà mình vừa đem ở Hậu Giang về, tinh thần có phần hăng hái, mà sức lực cũng đã mỏi mệt, sau những trận giao phong với quân cường địch luôn đêm luôn ngày. Nói gì những quân lính vừa mới thảm bại ở Phiên An còn được sống sót xem ra càng đuối hơi kiệt lực hơn nữa. Thôi thì đội ngũ tan tác, vết thương chưa hàn, cho đến khí giới quân như thứ gì cũng thấy tồi tệ, thiếu

thốn. Ai nấy ngồi trong chiến lũy đều có vẻ bơ thờ, ủ rũ, phần vì bệnh tật không rời bên mình, phần bởi tiết trời lúc này đang xấu. Binh lực đuối sức như thế, bảo họ phá thành giết giặc làm sao cho được?

Ông nghĩ mà giựt mình thon thót: lúc này quân nguy trong thành không dám tràn ra là may; chúng nó mạo hiểm đột vây chưa chắc quan quân có sức cản nổi?

Bởi vậy, ngay khi phụng mạng cầm giữ binh quyền trong tay, ông gấp thay đổi chiến lược và thi hành bãi việc khẩn yếu nhất.

Một là bỏ những hào lũy khi trước, dời hẳn quân lính đi cách xa thành trì Phiên An, đóng đồn ở tận Gia Định, trên những khu đất khô ráo sạch sẽ, chỉ cốt chẹn giữ các đường hiểm yếu, không cho nguy đảng trong thành có thể thoát ra. Quân nhà yếu đuối bệnh tật, ông để riêng một nơi, lo sự thuốc men điều trị cho họ.

Hai là làm cho quân tâm sĩ khí được phấn khởi; tinh thần họ phải yên vui hoạt bát mới nẩy ra sức lực cường kiện cho mình dùng mà đánh giặc.

Tuy vậy, Xuân chưa nghĩ ra cách khích lệ tướng sĩ nên làm thế nào cho có hiệu lực mau chóng.

Giữa lúc ấy, tham tán Hoàng Đăng Thanh đến hỏi việc quân cơ. Xuân trả lời xong, thở dài, nói chuyện một cách thân mật:

- Tướng là đuối giặc Xiêm rồi, anh em mình được về nghỉ ngơi dưỡng sức, chẳng dè lại vướng luôn của nợ Phiên An này, chưa biết đến bao giờ mới trả xong?

“Nam nhi vị liễu công danh trái, tu thính nhân gian thuyết Võ hầu” (Làm trai chưa trả xong nợ công danh, nghe người ta kể chuyện võ hầu tự lấy làm thẹn), Hoàng Đăng Thanh ứng khẩu đọc hai câu thơ của Phạm Ngũ Lão, danh tướng đời Trần, rồi cười và nói tiếp: Theo ý tôi tướng, cái ngày anh em mình gỡ xong món nợ Phiên An, có lẽ không xa!

- Ông tin chắc thế ư? Xuân hỏi.

- Vâng, mà chắc tướng quân cũng tự tin như thế! Đăng Thanh đáp.

- Ông xem lực lượng quân giặc thế nào? Liệu chúng nó còn quật cường được nữa không?

- Ô! Chúng nó như cá nằm trên thớt cả rồi, còn gì phải nói.

- Chết rồi! Ông lại khinh địch thì có lúc khôn đấy.

- Không, tôi lấy thực sự mà nói, chứ không phải có ý khinh địch.

Tướng quân thử nghĩ xem: nếu quân giặc quả còn lực lượng khá, thì vừa rồi chúng nó đã thừa thắng phá vây đánh thốc ra. Lúc ấy cơ hội thật là dễ dàng, vì ngài Nguyễn Văn Trọng mới thảm bại, binh lực kém sút mỏng manh, mà các đội quân ta còn mắc chống cự với Xiêm ở Hậu Giang, không thể kéo lên tiếp ứng; dù kéo lên được cũng chẳng kịp nào. Thế mà quân giặc không thừa cơ hội đánh thốc ra, dù rõ lực lượng chúng nó mặc dầu thắng được nhất thời, cũng đã hao mòn, suy kiệt. Giờ ta chỉ có việc sửa soạn đâu đó, rồi đánh cho chúng nó một trận, như búa Thiên Lôi giáng ngay vào đầu chúng nó, là xong. Nhưng có một điều...

Đặng Thanh ngập ngừng không muốn nói tiếp, hoặc tránh sự động chạm vào lòng tự ái của Xuân, hoặc đợi ông này gạn hỏi sẽ nói. Hai người bây giờ mới có danh phận trên dưới (một đảng vừa mới được phong Thượng tướng, một đảng văn chức Tham tán từ khi đánh giặc Xiêm), nhưng trước là bạn đồng học, lại là đồng liêu, cho nên trong lúc đối diện đàm tâm, không khỏi quên cả hình thức và có vẻ anh em thân mật.

Quả nhiên, Xuân nóng nảy hỏi gạn:

- Nhưng có một điều thế nào?... Đang nói sao lại thôi đi?

- Ấy, tôi đang nghĩ về ông Thiên Lôi!... Đặng Thanh vừa vười vừa đáp. Thật thế, Thiên Lôi muốn đánh một búa chắc tay, không thể nào trật, tất nhiên phải mài lưỡi cho sắc, lấy gân cho cứng rồi nhắm đích cho trúng, chỉ giáng một búa là xong việc, chả phải đến hai. Nay ta muốn đánh một trận diệt trừ tặc đảng, cần phải bắt chước Thiên Lôi mài búa lấy gân, nghĩa là trước khi định đánh, phải làm thế nào chấn phát tinh thần chiến đấu của quân sĩ mới được, kéo họ mỗi một chán nản lắm rồi!...

Bị gãi trúng ngay chỗ ngứa, Xuân hớn hờ vỗ vai Đặng Thanh:

- Trời ơi! Người ta vẫn bảo ông là cái túi khôn, thật quả như thế... Ông làm như soi thấu ruột gan tâm não tôi... Cổ nhân nói: “Hạng người trí mưu, sở kiến giống nhau”; chính tôi đang băn khoăn nghĩ ngợi về chỗ ông vừa nói đó... Thôi, giốc nốt túi khôn ra đi!... Bây giờ,

ý ông định làm cách nào cho được chấn phát tinh thần chiến đấu của quân sĩ ta?

- Khó gì! Cho họ thả cửa ăn uống vui chơi, không lo tổn hại mất sức khỏe của họ đi sao?

- Không, kỳ thật trái lại, nếu ta biết xếp đặt các cuộc vui chơi cho họ. Phải hiểu họ toàn là người Thuận Quảng nghìn dặm vào đây, cậu nào lại chẳng có cái tình nhớ quê nhớ nhà; bấy lâu phải bó buộc thân hình, dầu dãi mưa nắng, bao nhiêu sự vất vả kham khổ làm họ càng thêm bức bối rầu buồn, giờ ta nên tìm cách cho họ giải trí mua vui mấy hôm, khiến tinh thần họ được thư sướng phần chấn trở lại, lúc ấy sẽ nói chuyện đánh.

- Thế thì việc này tôi ủy thác cho ngô huynh toàn quyền lo liệu nhé? Xuân nói và trao cờ lệnh cho Đăng Thanh. Này, cờ lệnh đây! Ông cố làm sao cho quân sĩ vui vẻ hăng hái, khi nào khả dĩ đưa họ ra xông pha chỗ chết được thì để đó phần tôi.

- Vâng, tiểu đệ xin lĩnh mệnh, vì là tướng lệnh, mà cũng là việc chung của triều đình quốc gia! Đăng Thanh đón lấy cờ lệnh và nói tiếp: Tướng quân giao cho tiểu đệ là thầy lang chữa bệnh chán nản của quân sĩ, vậy thầy lang xin đi kê đơn bốc thuốc ngay.

Từ giã viên môn ra đi, Hoàng Đăng Thanh tức thời bắt tay vào công việc.

Trước hết, các cơ các đội đều chia ra ba phần, để hai phần ở dinh túc trực, còn một phần thì được suốt ngày thông thả, cho phép đi dạo chơi phường phố trong Chợ Lớn hoặc các hương thôn quanh vùng Gia Định. Mỗi người lính được phát hai tiền để tiêu dùng trong lúc ngao du. Ngày mai đến phần khác trọn hưởng một ngày tự do. Cứ luân phiên cắt lượt như thế, người lính nào cũng được hưởng ba lần giải trí riêng, cho tới khi có những cuộc giải trí chung.

Cái hiệu Hoa thương trong Chợ Lớn và nhân dân ở Hóc Môn, Gò Vấp, cùng tiếp được giấy sức, kỳ hẹn ba ngày, phải đem nộp quân thứ: đèn, pháo, tre, gỗ, bánh trái, hoa quả v.v... để dùng vào việc khao lao quân sĩ. Bọn khách Chợ Lớn đang cần mua chuộc cảm tình của binh triều, có bao nhiêu đèn pháo trong hiệu đem ra nộp hết, mà không lấy về đồng tiền nào; lại còn tặng thêm các thứ thuốc men và

đường mật vô số. Các món vật dụng lục tục chở đến Xóm Chiều ngọt trăm chuyến xe và thuyền.

Mấy hôm sau, tại đây và ở Gia Định bày ra nhiều cuộc vui chơi chung cả binh sĩ và dân chúng. Ban ngày có cờ người, đánh vật, bơi chải, múa gươm, bịt mắt bắt dê, thi lặn dưới nước; đêm đến rước đèn, đốt cây bông, hát tuồng Triều Châu.

Nguyễn Xuân khôn ngoan, tạm quên mình là bậc thượng tướng, cũng đi dự các trò vui với binh sĩ, hỏi han người này, vồn vã người kia, tỏ ra vẻ thân yêu mật thiết.

Luôn năm đêm ngày, binh sĩ được ăn uống hả hê, vui chơi thả cửa, ai nấy đều quên sự nhọc nhằn đã trải, có ý thâm cảm lòng tốt của triều đình và quan thượng tướng đối với những người nằm sưng gỏi giảo, vì nước liều thân. Tâm hồn họ phần nhiều mộc mạc, không suy nghĩ gì xa xôi, cho nên chỉ một vài trò chơi và bữa chén, đủ khiến họ khôi phục tinh thần, giờ lại vui lòng để người ta giắt mũi đưa vào chỗ chết mà không chút gì ân hận.

Nhân dân Gia Định trông thấy giữa lúc can qua bối rối, lại vừa mới bị trận đòn khá đau, mà binh triều có vẻ ăn chơi nhàn hạ trấn tĩnh như vậy, tự nhiên họ đối với triều đình cũng thay đổi tình cảm khác hơn lúc trước. Trừ ra dân đạo vẫn thủy chung phản đối triều đình và giữ nguyên tình cảm với nghĩa quân Phiên An, còn mọi người thì đã dần dần tin tưởng sức mạnh của nhà vua, chắc hẳn quân giặc không chống cự được lâu nữa. Nhất là họ thấy Lê Văn Khôi đã qua đời, mà những người nối chí thì kém tài năng và không được nhân tâm ái mộ như Khôi.

Nguyễn Xuân thi hành diệu kế của Hoàng Đăng Thanh, như một mũi tên bắn trúng cả đàn chim, không những khôi phục được tinh thần quân lính, thu hồi được hảo ý của nhân dân, lại gián tiếp làm cho nao núng ít nhiều vây cánh quân giặc trong thành nữa.

Những kẻ theo giặc bởi tình thế miễn cưỡng, bây giờ thấy gió xoay chiều, không khỏi manh tâm phản trắc.

Quả nhiên cuộc vui chưa tàn, Đăng Thanh đã nhận được mật thư của một người tên là Phạm Hữu Nguyên sai kẻ tâm phúc nửa đêm trèo thành đem ra xin hàng.

Đặng Thanh tất tả đem bức thư lại trình Nguyễn Xuân, nét mặt hớn hờ:

- Tướng quân xem cái mưu phần khởi quân tâm của tôi có kết quả đến thế này: bên ngoài binh sĩ ta vui chơi, khiến cho phe đảng quân giặc trong thành nao núng!

- Nao núng gì đâu? Xuân đón ấy bức thư và nói. Mấy bữa nay, quân giặc trong thành hình như cũng bày trò vui chơi, khao thưởng bộ hạ, có ý đối chọi với ta...

- Ấy, thằng tướng giặc Nguyễn Văn Trân quỷ quyết bày vẽ ra thế, muốn tỏ rằng ngoài thành chúng ta vui chơi nhàn hạ, thì trong thành chúng nó cũng nhàn hạ vui chơi, không kém cạnh gì. Nhưng phe đảng chúng nói nào phải trung nghĩa hy sinh với nhau cả đâu, tướng quân cứ xem bức thư sẽ biết.

Nguyễn Xuân vội vàng khêu đèn lên, xem bức thư, thấy văn chương trôi chảy, từ ý có vẻ thật thà, khẩn thiết.

Phạm Hữu Nguyên người viết mật thư ấy, trước vốn là quan lại của triều đình làm tri huyện Vĩnh Trị thuộc tỉnh Vĩnh Long, giữa lúc quân giặc chiếm cứ tỉnh này vào hồi tháng sáu tháng bảy năm ngoái. Đáng lẽ giữ thành đến chết, trọn đạo trung thần, Nguyên hèn nhát sợ hãi, lạy lục như tể sao và xin hàng giặc, lại biến nhiều mưu chước khôn khéo, giúp sức cho giặc trong công việc bình định Lục châu. Vì lúc ấy Nguyên thấy thế giặc mạnh như sấm, như sét, tưởng bề nào Lê Văn Khôi cũng xong việc khai cơ lập quốc ở miền Nam, thì mình không mất địa vị khai quốc công thần. Cổ lai những phường quan lại khiếp nhược, sáng phò vua, tối theo giặc, là bởi sợ chết, mà cũng bởi mình sống với công danh phi thường như thế.

Nhờ lập công nhiều, Nguyên được Lê Văn Khôi đề ý, gọi lên Phiên An, phong cho một trọng chức trong phủ đại nguyên soái, giữ công việc văn thư giao thiệp.

Từ hồi thành bị vây, và trước ngày Khôi mang bệnh qua đời, Nguyên được Khôi thăng lên chức Đồng nhung, giúp Hậu quân đại tướng Võ Vĩnh Lộc cùng giữ Tuyên Hóa là chính môn thành Phiên An.

Nay thấy Khôi đã chết, xem chừng nghĩa quân gãy mất rường cột, không mong phần khởi như xưa được nữa, Nguyên bèn mạnh

tâm phản trắc, quay trở về triều đình, cho nên lén gửi thư ngỏ ý với Thượng tướng Nguyễn Xuân.

Trong thư đại ý tán tỉnh như sau này:

- “Ty chức xưa kia theo giặc, chỉ vì lâm phải sự thế bất đắc dĩ, nhưng trong thâm tâm không giờ khắc nào quên được ân đức trời bể của triều đình, những mong chờ có cơ hội để tỏ lòng báo đáp.

Hiện nay ty chức có trọng trách giữ cửa Tuyên Hóa. Bọn giặc bộ hạ, toàn là lính Hồi lương cũ, phần nhiều đã ăn năn hối hận, muốn được trở lại làm thần tử triều đình; những lúc cùng nhau nói chuyện tâm sự, họ vẫn ngỏ ý ước ao tha thiết như thế. Điều ấy ty chức dám lấy tính mệnh cam đoan.

Những bạn đồng tâm chúng tôi đã uống máu ăn thề với nhau, sẽ thừa cơ giết chết đầu đảng Nguyễn Văn Trân rồi mở cửa Tuyên Hóa cho binh triều tiến vào, hạ thành Phiên An và tận trừ đảng dễ dàng như một cuộc đưa sĩ tốt đi tiêu dao hóng mát vậy.

Thế là về phần triều đình có thể mau chóng dẹp loạn yên dân, mà về phần chúng tôi thì được cơ hội công đền tội trả. Dám mong nguyên soái lượng xét, bảo tấu với triều đình, cho ty chức được lấy công hiến thành ngày nay, bù tội lầm lỗi khi trước, thì ty chức xin sớm thực hành kế sách như đã bẩm minh v.v...”

Bản tính thận trọng và đa nghi, Nguyễn Xuân đọc bức thư xong, ném tọt xuống đất, lắc đầu và nói:

- Đồ trẻ con! Chúng nó lại tính kế trá hàng để làm thịt một mớ quân sĩ ta chứ gì?... Lừa dối thế nào được ta!

Đoạn, ngảnh lại nói với Đặng Thanh:

- Ông trả lời thẳng đem thơ về bảo Nguyên rằng tôi sẵn lòng tâu xin triều đình cho y đái tội lập công; nhưng mỗi việc y phải thương lượng với Võ Vĩnh Lộc mà làm. Nhất là phải đốt kho thuốc súng của giặc trước khi mở cửa hiến thành, thì ta mới tin.

- Tướng quân bảo y thương lượng với Võ Vĩnh Lộc?... Đặng Thanh sừng sốt hỏi.

- Phải!

- Kẻ phản gián?

- Có lẽ như thế!... Xuân mỉm cười trả lời.

- Nếu vậy thì tướng quân mượn tay Võ Vĩnh Lộc giết Nguyên chứ gì?

- Ông tin rằng Nguyên muốn quy thuận là chân tình?

- Vâng, đồ tiểu nhân thấy ai yếu thì phản ai mạnh thì theo, xưa nay vẫn thế. Tôi quyết chắc hẳn ta muốn giữ không rụng đầu lâu, thật tình xin quy thuận; nhưng đến việc đốt kho thuốc súng và dâng cửa thành, thì vị tất đã làm nổi với Võ Vĩnh Lộc. Nếu hẳn thật thà, nghe lời tướng quân, đi thổ lộ tâm sự với Lộc thì nó giết chết mất...

- Ô! Được thế càng hay!... Xuân cau mặt, nói. Việc quân của mình chẳng thiệt hại gì, mà đời bớt đi một thằng phản trắc. Cho chúng nó đáng kiếp! Và lại, có mặt dụ của Thánh thượng khuyên bảo chúng ta phải luôn luôn coi chừng lũ quan lại trước theo giặc, sau về hàng; vì sự hàng của họ chưa đủ làm tiêu cái tội theo kia. Chỗ anh em thân, tôi nói riêng cho ông biết: những kẻ như Thái Công Triều, chẳng qua triều đình tạm gởi cái thủ cấp ở trên cổ họ đấy thôi.

- Nhưng nghĩ như tướng quân, thì ta bịt mắt con đường cái tà quy chính của người ta còn gì?

- Ông đừng lo; đấy lại là một chuyện khác. Đến như bọn cùng cảnh ngộ với Nguyên, thì rồi tự thế bắt buộc, hết đĩa nợ thì đĩa kia, cầu cạnh lập công chuộc tội, chả thiếu gì đâu!

Cả hai người nói cùng có lý. Phạm Hữu Nguyên đại đột, hôm sau thổ lộ tâm sự với Võ Vĩnh Lộc, bị Lộc chém chết thật, bêu đầu ở cửa thành. Nhưng lũ rắp lòng phản bội, không vì trông thấy gương ấy mà sợ, vẫn kế tiếp trèo thành trốn ra, mong sự tăng công chuộc tội như thường. Lạ gì một tòa nhà sắp đổ, sâu một càng được thể sinh ra đục khoét thêm, trò đời vẫn thế.

Quả nhiên, luôn mấy ngày sau, đều có người trong thành lén trèo ra đầu hàng binh triều. Không phải là bạn đồng chí ăn thề hay bộ hạ tâm phúc của Khôi lúc đầu, họ chỉ là bọn bất đắc chí với triều đình, hoặc bách vì sự thế mà giữa đường theo Khôi, không ý tin cậy ở cuộc thành công của Khôi mà họ úy phục, sau đến cuộc ngoại viện của Xiêm mà họ cảm chắc gỡ được nước bí; nay Khôi đã chết và Xiêm đã thua, họ mất hết hy vọng. Bị giam hãm mãi trong thành khổ

sở, thêm phần nắm lỏng cái chết sắp sửa đến nơi, tự nhiên họ phải liều tìm đường sống, là trở về triều đình.

Nửa đêm, lãnh binh Võ Văn Duyên và một tốp bảy người nữa liều mạng chui qua lỗ cống dưới chân thành ra sông Thị Nghè, mấy lần chết hụt với cá sấu, mới lần mò đến thủy trại Trần Văn Năng, tự trói tay xin hàng, ngỏ ý hối hận.

Cả bọn được dẫn tới đại binh ở Gia Định. Không hỏi han gì hết, Nguyễn Xuân truyền giam cả lại, chờ lệnh triều đình phát lạc. Trước mắt ông, bất cứ một người nào từ trong thành ra, đều là tội nhân của triều đình hay là thám tử của quân giặc.

Nhưng một chặp sau, Trương Văn Dĩnh mò đến, với tin tức quan hệ, khiến được ông thay đổi thái độ trước.

Lúc Dĩnh đến, vừa mở miệng xin quy phục, ông trợn mắt thét lính:

- Bay gông cổ thằng này lại cho tao!... Dem giam nó với tội ban này nghe!

Dĩnh đứng trả lời cứng cỏi:

- Té ra tôi ở trong thành theo giặc cũng chết, ra đây xin hàng triều đình cũng chết. Quan lớn có giết kẻ hàng thì cứ giết đi, hà tất trợn trừng và gào thét cho rát họng.

- À! Thằng này hỗn xược! Xuân giận quá, miệng nói tay rút gươm sẵn lại toan chém.

Dĩnh lùi xa mấy bước để tránh và nói lớn, cũng có vẻ giận:

- Tôi cốt đem một tin quân cơ hệ trọng để làm lễ tiến kiến đầu hàng, chưa chi quan lớn đã thịnh nộ muốn giết tôi; có giết tôi thì tôi đem tin tức quý hóa ấy theo xuống âm phủ là xong.

- Tin tức hệ trọng gì? Mày kiếm chuyện nói láo!

Dĩnh vốn là cuồng sĩ, bình nhật ngạo mạn đã quen, bây giờ tuy đứng trước mặt ông thượng tướng và cách xa gang tấc cái chết, nhưng không sợ hãi tí nào, bô bô cãi lại dõng một với ông Nguyễn Xuân:

- Quan lớn đã nghe nói tin tức gì chưa, mà dám bảo người ta kiếm chuyện nói láo nào?... Nói thật, chẳng có tôi, không khéo quan lớn đi theo ông Nguyễn Văn Trọng cho mà xem!...

Ông nghe chột dạ, đổi hẳn sắc mặt quăng thanh gươm đi và tươi cười nhìn Dĩnh:

- Ta muốn thử khí phách của nhà ngươi đấy thôi. Nào, tin tức hệ trọng thế nào, nói đi!

- Chết nổi! Quan lớn thử khí phách như thế, tí nữa con không còn đời!... Giờ xin quan lớn ban cho một vài chén rượu áp kinh rồi con xin kể chuyện.

Lập tức, Xuân truyền lấy nậm rượu đưa ra. Dĩnh nốc một hơi cạn sạch rồi chậm rãi kể chuyện nội tình quân giặc và kế hoạch của chúng dự bị thi hành.

Cứ theo lời Dĩnh, từ độ Khôi chết, phú thác đưa con nhỏ và binh quyền cho Nguyễn Văn Trân, sĩ khí trong thành không được thuận hòa vượng thịnh bằng trước. Có một phe tướng tá, ban đầu có ý ganh công kỵ tài, không phục tòng Trân; chúng tầm ngầm mưu sừ với nhau, toan bề tranh quyền bảo hộ Lê Văn Cừ - đứa con Khôi - và đoạt ngôi minh chủ của Trân. Nhưng con người lão luyện này chỉ chuộng nghĩa khí, phận sự không thiết gì hư danh; đối với bọn phản đối luôn luôn một niềm khôn khéo nhún nhường, mà đến kỷ luật trong quân thì giữ gìn nghiêm khắc và ngày đêm trông nom Lê Văn Cừ rất kỹ, sợ để hở cơ, bọn kia có thể làm hại đứa trẻ vô tội. Vì thế, phe bất bình vẫn phải nể mặt sợ uy, chưa có cơ hội gây ra nội chiến.

Đến sau, vì tướng quân Nguyễn Văn Trọng tháo thứ khinh địch mà phải tử trận và làm binh triều thảm hại hôm cuối tháng ba mới rồi, Trân thắng trận ấy mà địa vị hóa ra vững vàng. Bọn phản đối trở lại ăn năn, kính phục, nể sợ Trân một phép, không dám manh tâm gì nữa.

Duy có ngay hồi bấy giờ mưu sĩ của giặc là Tăng Vô Ngại bàn tính thừa thắng, đánh thốc ra ngoài thành rồi tiến thẳng xuống Hậu Giang, liên lạc thanh thế với quân Xiêm, có nhiều phần hy vọng khôi phục được cơ nghiệp dĩ vãng. Lão nói: “Chính tôi lúc trước khuyên can ông Khôi đừng nên mạo hiểm phá vây, thế mà nay tôi khuyên ông việc ấy, là vì tình thế mỗi lúc một khác. Bây giờ ta thừa thắng đánh bừa ra, chắc là giải vây cho thành Phiên An được đấy!” Nhưng Trân lấy lẽ binh lực mình ít; binh triều tuy thua một trận, quân lính khí giới vẫn còn nhiều lắm, chớ nên khinh thường. Trân muốn luyện tập thêm

quân sẽ hay. Vì chuyện bất đồng ý kiến đó, Tăng Vô Ngại đã bỏ thành trốn ra, nói riêng với Đặng Vĩnh Ứng rằng đi Chân Lạp hoặc qua Xiêm tìm chỗ ẩn dật tu hành, chứ không mặt mũi nào quy phục triều đình và phân bội đồng chí. Lão già ấy đi, quân giặc thiệt mất một bộ óc khôn, chưa để tìm ai bù đắp.

Mấy tháng nay, Trần đề hết tâm lực vào công việc rèn tập thêm quân để đánh giải vây. Hắn ta tự tin thời cơ giúp sức, từ khi thấy Nguyễn Xuân cầm quyền thượng tướng, lại chỉ đề một lớp quân mỏng manh phòng thủ trước thành, còn đại binh thì rút về đóng ở Gia Định.

Huống chi vấn đề lương thực khủng hoảng đến nơi. Trước khi rút vào Phiên An, quân giặc đã tích trữ thóc gạo ngô khoai rất nhiều, có thể nuôi vài ngàn chiến sĩ một năm dư dật. Chúng xây hầm dưới đất, để thật kỹ lưỡng, tưởng chừng chỉ có ăn mất dần, không bao giờ hư hỏng gì được. Bất hạnh vừa rồi bị đạn bắn trúng, cháy rụi hết mấy kho; lại thêm mỗi một đục khoét mấy kho khác, thành ra phế vật trù liệu đủ cách, chứ không phải vừa; vả dụ trong thành còn trống miếng đất nào, chúng đều lợi dụng hết sức, trồng tía các thứ, cốt lấy cái ăn bổ sung cho quân lính, để cố thủ lâu dài. Song mười phần hoa màu ấy không thu hoạch được sáu bảy, vì thời tiết phá hỏng ít, mà vì khói đạn dày đặc tan nát nhiều.

Lúc trước, dân đạo bên ngoài còn có thể đêm hôm lén chở thóc gạo đến tiếp tế; có khi tới đôi ba thuyền gạo bởi rạch Thị Nghè, bí mật chuyển vận vào thành. Nhưng thủy sư Trần Văn Năng canh phòng đường nước gắt gao, bịt hẳn cái ngách vận lương ấy của giặc.

Vì thế, gần đây ngót hai nghìn chiến sĩ trong thành đã bắt đầu ăn uống thiếu thốn, kham khổ; chúng phải tính cách tiết kiệm vật thực, đến nỗi chia phiên cắt lượt với nhau, bữa nào ai ra chiến lũy mới được ăn no, kẻ nghỉ trong trại cam chịu ăn đói. Thóc gạo mới chẳng thấy tằm hơi đâu, còn lại ít kho thóc gạo cũ mỗi ngày tiêu mòn đi mãi; tính ra cũng chẳng còn được bao lâu.

Tình hình nguy khốn ấy bắt buộc quân giặc sắp phải dùng tới cực đoan. Bởi vậy, cách hai hôm nay - vẫn là lời Dĩnh nói - các tướng giặc có cuộc họp bàn sôi nổi, để tìm phương chống trả nạn đói. Ai nấy đều tán thành quyết nghị của Trần, nghĩa là sửa soạn toàn quân một

sống hai chết, mở tung cửa thành đánh thốc ra ngoài đổi lấy đường sống với giá đắt thế nào cũng được. Nếu thắng được thì hay, ví bằng không thành công thì các tướng đồng thời đâm cổ tự sát tại trận, để cho quân lính đầu hàng triều đình. Từ Trần trở xuống, ngót ba chục tướng tá lớn nhỏ, đã thề nguyên nhất định với nhau như thế.

Nguyễn Xuân nghe Dĩnh kể chuyện tới đó, phải giựt mình tái mặt. Ông suy nghĩ nếu quân giặc quả có cái mưu như lời Dĩnh nói thì nguy cho mình; là vì ông đã rút đại quân về Gia Định, chỉ lưu lại trước thành một ít đồn lũy canh gác cầm chừng, quân giặc có thể xuất kỳ bất ý, thoát ra vòng vây như bôn.

Song ông vẫn còn nghi Dĩnh đặt chuyện làm quà, để tâng công chuộc tội:

- Chú nói câu chuyện vô bằng chứng ta khó tin quá! Ông nói và nhìn Dĩnh tròn trọc, cố xét thần thái của hắn.

- Phải, vô bằng chứng thì quan lớn không tin. Vậy xin quan lớn xem thử cái gì đây.

Dĩnh trả lời cứng cỏi, rồi móc túi đưa trình ông một tờ giấy ghi chép đại khái chiến lược của quân giặc định thi thố ra sao. Nhất là vị trí mọi đồn lũy binh triều ở chỗ nào, do cơ lính nào đóng giữ, số người bao nhiêu, viên tướng quản suất tên là gì, đều có ghi chép rõ ràng, tỏ ra quân giặc thám thính giỏi và quả có mưu đột kích thật.

Ông xem rồi lắc đầu le lưỡi:

- Chết nổi! Quân giặc thông tỏ binh tình của ta đến thế này ư?

- Bẩm vâng, có thế này mới tỏ ra tin tức của tôi là quý hóa! Dĩnh nói với giọng dương dương đắc ý. Muốn biết các tướng giặc cả quyết đến thế nào, tôi xin nói thêm để quan lớn rõ: hôm nọ chúng hội nghị, tất cả hăm hăm về sự đánh và sự chết, chứ không một ai chịu nói đến tiếng đầu hàng... Nay mai tất còn có nhiều kẻ khác phản giặc, trốn ra quy thuận triều đình; quan lớn cứ hỏi lại, sẽ nhận lấy lời tôi nói đúng.

- Được rồi, ta sẽ ghi vào sổ quân công cho nhà ngươi, và tâu xin triều đình bỏ qua tội trước cho! Nguyễn Xuân yên ủi Dĩnh và nói tiếp. Có điều bây giờ ta muốn sai khiến một việc, chẳng biết nhà ngươi có dám nhận không?

- Bẩm, việc gì quan lớn sai bảo tôi cũng dám lĩnh, trừ ngài giao trả tôi cho quân giặc thì tôi xin chịu!... Dĩnh gãi đầu, gãi tai, nói.

- Ô, chính ta muốn thế đấy.

- Trả tôi lại cho quân giặc?

- Ừ!

- Ấy chết! Nếu thế thì chúng nó làm mắt tôi mất....

- Ta muốn phiên nhà ngươi trở về trong thành dò xét cử động của quân giặc, hề thấy gì lạ thì báo cho ta biết ngay... Nhà ngươi đã trốn ra được, tất cũng có cách lộn sông mà trở vào... Được thế công cán nhà ngươi càng to; triều đình chẳng những xá tội, lại sẽ trọng thưởng là đằng khác... Ta cho hai tên thủ hạ cùng đi với ngươi, nghe!

Dĩnh chết điếng cả người, tự biết việc sai khiến ấy có thể nguy đến thân mình, nhưng không thể nào không tuân lệnh. Tức thời, Nguyễn Xuân gọi hai tên thủ hạ thân tín là Nguyễn Văn Thanh và Nguyễn Văn Long, dặn dò cơ mật, rồi sai đi theo Dĩnh vào thành dò thám.

Đêm khuya, nhân được trời tối như mực, ba người lần mò đến chân thành, nghe ngóng giây lâu, tính quãng thang giây để trèo lên; bất đồ bị quân giặc đi tuần phát giác, kêu la rầm rĩ.

Ba người sợ hoảng bỏ chạy. Long và Thanh nhanh chân thoát được. Dĩnh say chập choạng, chạy sau, bị giặc bắn trúng vào bắp chân, ngã gục xuống; một chập gượng dậy, bò mãi gần sáng mới đến đồn lũy binh triều.

Nguyễn Xuân thấy tứ vi thành trì, lúc nào giặc cũng tuần phòng cẩn mật đến thế, trong bụng càng thêm lo.

Ông thầm nghĩ tướng giặc Nguyễn Văn Trân thật không là tay tầm thường; nó có thể bất thời kéo cả toàn quân đánh ra, như lời Dĩnh nói. Bởi vậy, ngay tảng sáng hôm sau, ông đem 5 nghìn quân ở Gia Định ra, bổ thêm lực lượng vào các đồn lũy để phòng ngự quân giặc.

Dĩnh đã nói đúng: số quan viên sợ chết, lăm le phản giặc trèo thành ra hàng còn nhiều; họ đùn ra dần dần nếu có cơ hội thoát hiểm. Mỗi chú có ý kiến xin tâng công chuộc tội một cách khác.

Trưa hôm ấy, tham tán Hoàng đẳng Thanh đang ngồi ở chái tây đại đồn Gia Định, xem xét công văn mới nhận ở Huế gửi vào, chợt thấy

hiện ra trước mặt mình một người hình thù cổ quái, góm ghieếc: mặt mày hốc hác, râu tóc xồm xoàm, thân trên mặc chiếc áo cánh đã rách tả tơi, ngoài khoác một tấm vĩ buồm để che mưa còn phần dưới thì đóng khố, phơi bộ đùi phù thũng, to và tròn như hai vị súng thần công, Thoạt nhìn, tưởng chừng như người ở đời Toại Nhân Phục Hi còn sống sót, chứ không phải người kim thời. Nhất là trong quân đội triều đình, ai nấy nón sơn áo nẹp chỉnh tề, làm gì có hạng dị kỳ như thế.

Đặng Thanh giựt nảy mình, quắc mắt thét bỏ:

- Thằng quý ở đâu đến thế này? Có việc gì?

- Bẩm, con tên là Lâm Ích, vừa ở trong thành Phiên An trốn ra; người lạ ấy cung kính trả lời.

- Ra xin quy thuận?

- Bẩm phải.

- Tụi giặc không cho bay ăn uống gì sao mà hốc hác khốn nạn thế?

- Bẩm, lệ trong thành gần đây, duy có chiến sĩ mới được phép ăn no đủ lấy sức, còn những hạng già yếu vô dụng như con, chỉ được bữa khoai bữa cháo cầm chừng là may.

- Hắn mày bị chúng nó đánh đập hình phạt thế nào, sưng cả chân lên như hai cái trĩnh, thấy ghê?

- Bẩm quan, không phải! Con mắc bệnh phù thũng đấy.

- À quên! Cặp giò mày thế kia mà bảo trèo thành trốn ra được à?... Quân này nói láo, ông chém bay đầu đi bây giờ!

- Bẩm quan, thật tình chẳng phải tự con trèo thành ra được. Làm sao leo trèo với hai chân như hai cái vại này? Song, nhờ có thầy con ở trên mặt thành, thòng dây thả con xuống đất.

- Thầy mày?

- Vâng, nghĩa là bề trên cơ lính con đóng ngày trước, tức thị quan thầy của con.

- Quan thầy mày tên gì?

- Thưa, lãnh binh Nguyễn Đức Diên, nguyên trấn thủ đồn An Lương...

- À, à! Ta nhớ hình như quen...

Đặng Thanh nói và mở quyển sổ ghi tên những quan viên chức sắc đã phản triều đình đi theo ngụy đảng, quả thấy có tên Nguyễn Đức Diên; dưới chừa thêm mấy chữ sau này: “Tự ý bỏ đồn, dẫn theo hơn trăm bộ hạ đầu hàng giặc Khôi, từ tháng 6 năm Tỵ”. trên đầu tên có chấm một chấm son, đánh dấu kẻ phạm tội nặng, không thể dung thứ.

Diên làm quan võ, đã thăng tới lãnh binh, nhưng bị tổng đốc Nguyễn Văn Quế không ưa, tống ông đi trấn đồn An Lương thuộc hạt Gia Định, nhằm chỗ lam chướng, hẻo lánh. Vì thế bức mình, Diên đem cả quân lính, khí giới và lương thực của triều đình, tự đến hàng Khôi, ngay lúc Khôi mới khởi loạn. Vẫn biết là người võ nghệ xuất sắc, Khôi vui lòng dung nạp và tin dùng Diên, phong cho làm *Tả hộ vệ sứ Hồ Dực tướng quân*, thuộc phủ Đại nguyên soái, nghĩa là ở gần Khôi; bây giờ gần Nguyễn Văn Trăn.

Nhờ có địa vị ấy, giờ định làm phản, Diên mới có bề thế dễ dàng, lén cho tên thủ hạ tâm phúc là Lâm Ích ra lọt ngoài thành, để giao thiệp với Hoàng Đăng Thanh về điều kiện quy thuận.

Do Lâm Ích thay mặt ngỏ lời, Diên khoa mình có thanh thế đối với những đội lính Hồi lương cũ, bản sao chúng theo vậy; lại được ở gần bên Nguyễn Văn Trăn luôn; nếu như triều đình cam đoan xá tội cho y thì y xin tận lực lấy trung nghĩa dỗ dành bọn Hồi lương và đánh thuốc độc cho Trăn chết, rồi y cùng các bộ hạ đồng tâm sẽ làm nội ứng cho binh triều lấy thành.

Trái hẳn tin tức mà Dĩnh đã ngỏ với ông Nguyễn Xuân trên kia. Diên báo quân giặc tuy có ý định toàn quân đánh ra ngoài thành, nhưng không phải vì lẽ thiếu ăn sợ đói. Sự thật, giặc muốn tiết kiệm lương thực cho được kéo dài lâu ngày, chứ không phải đã đến nỗi nào. Theo lời Diên, mấy nghìn chiến sĩ ở bên trong bức tường Phiên An còn đủ thóc gạo và thuốc đạn làm hàng muôn binh triều ở ngoài vất vả còn lâu, mới động tới lông chân họ được.

Bởi thế, cái mưu của va định làm nội ứng và đầu độc Trăn, để binh triều mau hạ Phiên An chính là một công cán to. Mai sau triều đình luận công hành thưởng, có thưởng và thế nào hay là không cũng được bây giờ có điều cần nhất là cam đoan quên bỏ lỗi trước, đừng

truy vấn cái tội va phản vua theo giặc, có thể thì va xin tận lực với triều đình.

Diên lo cứu thủ cấp mình, không ngại mặc cả với triều đình một cách ráo riết, và lại đòi có giấy mực để làm bằng.

- Được rồi!... Đặng Thanh mím miệng cười gằn, trả lời Lâm Ích. Đợi ta viết thư cho đem về.

Lập tức, Đặng Thanh viết mấy hàng văn tắt cho Diên cầm làm bằng, dưới đóng ấn “*Gia Định quân thứ*” đỏ chói. Đại ý bức thư như sau này:

“Nhà người biết ăn năn hối quá, dốc lòng trung nghĩa, thế nào triều đình cũng lượng thứ việc cũ và ban thưởng cho xứng. Vậy phải hết lòng làm sao cho mau thành việc đã hứa.”

Viết rồi trao cho Lâm Ích:

- Đây, cầm cái này đem về trao cho lãnh Diên và căn dặn y làm việc cẩn thận nghe!

Lâm Ích nhận thư toan đi, Đặng Thanh ra hiệu bảo hãy đứng lại và hỏi:

- Mà lại trở vào thành được à?

- Bẩm không...

- Không là thế nào?

- Thưa, con một lần ra thoát, đã là vạn hạnh, còn trở vào làm gì?... Con có cách riêng đưa tin cho quan lãnh... Và lại con thân tàn ma dại thế này, trèo thành trở về không nổi!

- Ủi nhi, ta quên!... “Tráng sĩ nhất khứ bất phục hoàn”... Đặng Thanh gật gù đọc câu cổ thi ấy, có vẻ tự đắc mình nhớ sách, và đem ra tức cảnh rất hợp.

- Bẩm quan lớn, con đâu dám đương hai chữ “tráng sĩ”... Lâm Ích ứng khẩu nói, trong ý tưởng Đặng Thanh đọc câu thơ ấy vì mình. Thưa, với con thì “Bệnh phù nhất khứ bất phục hoàn” có lẽ hợp người đúng cảnh hơn.

- Ô! Chú này cũng biết chữ ư? Đặng Thanh sừng sốt hỏi, giờ gọi bằng chú, không mày tao nữa.

- Dạ, lúc trước con có đi học, đã thi vài khoa vào nhất trường, rồi phần chí, cho nên gác búi đầu quân.

- Tội nghiệp, thế mà đi theo đảng nguy, ta tiếc hộ chú! Đảng Thanh nói và thở dài, thương hại cả người bệnh lẫn nhà nho.

- Quan lớn có lòng đoái thương như thế, con rất cảm động... Chẳng qua vì tình thế bức bách phải theo bề trên, chứ bản tâm con đâu có muốn làm người phản bội triều đình!

- Thôi, chú đi thông tin cho lãnh Diên, rồi trở lại ta cho ở đây thuốc men điều dưỡng, nhân tiện làm chân thơ lại; rồi ta tìm cách xóa tên trong sổ “tòng nguy” đi cho, khỏi sợ tội vạ... À này, chú làm sao đưa thừa vào thành cho lãnh Diên được? Phải cẩn thận cho lắm, kéo nguy cho hấn ta đấy, nghe!

- Bẩm, con có cách bí mật và chắc chắn đến nơi thầy con...

Lâm Ích tỉ mỉ kể chuyện va cùng lãnh Diên đã giao ước nhau, lựa chọn một khoảng cực vắng vẻ ở thành hậu làm chỗ tin đi mỗi về. Đằng sau thành, khoảng ấy toàn là đầm vũng sinh lầy, cả binh triều và quân giặc cùng không đặt đồn lũy canh phòng gì ở đó. Đêm khuya, Lâm Ích sẽ đi men bờ, đến bên chân thành, đếm từ cây trụ đá phía hữu trở đi, cách năm chục bước, sờ thấy một hòn ngói buộc sợi giây gai nhỏ, từ trên mặt thành truyền xuống tới đất; có thư từ tin tức gì cứ buộc vào đấy, rồi lãnh Diên sẽ mò đến rút lên.

Vì được địa vị tin cẩn như ta đã biết, lãnh Diên thường đêm có phận sự đi tuần phía sau thành, có thể tự nhiên đến chỗ sợi giây nhận tin hoặc gởi tin với Lâm Ích mà không ai để ý, không sợ phát giác.

*

Nhận được tin Lâm Ích, nhất là mấy hàng thủ bút của Đảng Thanh hứa hẹn trân trọng, lãnh Diên vui mừng khắp khởi, nửa đêm đi lại trên mặt thành, trong chí không tưởng gì đến phận sự tuần phòng mà chỉ suy nghĩ về việc phản bội.

- Nếu thế thì ta sửa luôn cả Trân với thằng Cừ một lúc, công cán tất sẽ to hơn! Lãnh Diên tự nghĩ. Phên này xong việc, triều đình chẳng những không bắt lỗi ta, lại còn trọng thưởng là khác. Cái chức Đề đốc nắm lỏng trong tay!

Diên xây mộng kê vàng trong trí, vì định chắc việc làm ngon ăn lắm, nhưng một lát, hần lắc đầu nói lắm bầm một mình:

- Khó nhất là làm sao đánh lừa được con ranh con!

Ngoài bức thư, còn một gói gì nhỏ của Đặng Thanh trao tay Lâm Ích gửi vào cho, Diên bỏ vào túi kỷ lưỡng rồi bước xuống thành đi về trại; vừa nói vừa tư lự, nếu ai đi bên cạnh tất nghe hần chắt lưỡi, nói câu này hai ba lần”

- Ô! nhất thành nhất bại... Đã túng thì phải tính, còn hơn là chết khô như con nằm ở trong vòng vây này!

Diên gọi “con ranh con” tức là cô Tần.

Từ khi anh ruột và người yêu đồng thời tử trận, cách sau mấy tuần, bà chị dâu cũng buồn rầu mà chết, nàng trở nên người chơ vơ, côi cút, tứ cố vô thân. Có lúc nàng quần trí, đã toan ra cây mít sau nhà, thắt cổ chết theo anh và Trần Hạnh. Nhưng nàng nghĩ lại mình chẳng báo thù được mấy may cho cốt nhục và ái tình đã vội chết, té ra uổng phí vô ích. Chí bằng cứ sống; sống nguội lạnh về mặt thể sự nhân tình, nhưng mà sống nồng nàn với chí khí báo thù tuyệt hận. Nàng nghĩ thế cho nên cố gắng ngậm sầu nuốt khổ mà sống. Sung vào đội hỏa đầu quân, nàng lo việc thổi cơm nấu nước, xay lúa giã gạo, suốt ngày làm vất vả, không hề oán thán, cũng không hay chuyện vẫn nói cười với ai, dù trong bọn đàn bà con gái đồng sự cũng vậy.

Người ta tôn kính sự đau khổ của nàng, để nàng lặng lẽ, không ai muốn gợi chuyện, sợ đánh thức ở nàng những nỗi thương tâm.

Được mấy hôm, Nguyễn Văn Trân nghe tiếng, gọi nàng vào ở trong soái phủ, coi như con em, giao trọn công việc bếp nước và trông nom Lê Văn Cừ.

Trân biết nàng là người trung thành, lại có nghĩa khí, và khá võ nghệ, nên muốn nàng ở với Lê Văn Cừ cho có bạn, nhân thể săn sóc bảo hộ đứa trẻ mồ côi ấy giúp mình. Vì lúc trước trong hàng tướng sĩ có phe ganh ghét, âm mưu với nhau định khuynh đảo Trân để cướp ngôi đại nguyên soái, mà công việc đầu hết là bắt lấy Lê Văn Cừ. Ai cũng biết nội tình Phiên An từ lúc Khôi qua đời, Cừ là cái đầu Trân là cánh tay. Gần đây, nhất là sau trận đại thắng tỏ tài của Trân như ta đã

biết, chính bọn phản đối đã phải ăn năn tâm phục rồi, nhưng Trân vẫn nơm nớp phòng bị nhân tâm biến chuyển bất trắc. Huống chi trong thành có nhiều quan lại binh sĩ của triều đình theo hàng bấy lâu, chính là phần tử khiến Trân đem lòng quan ngại hơn cả.

Chúng có thể làm hại đến tính mạng thằng Cừ không chừng. Trước mắt Trân, thằng bé sáu tuổi ấy là linh hồn của nghĩa quân, để sự gì xảy đến thân nó, thì Trân phụ lòng ký thác, trái lời thề nguyện với Khôi, mà nghĩa quân cũng mất tính cách thiêng liêng, không còn cổ kết nhân tâm được nữa.

Bởi vậy, Trân lo gìn giữ bảo hộ Cừ hơn là bản mệnh, lúc phú thác cho cô Tần, không quên bày tỏ điều ấy. Trân lấy một thanh gươm đặt vào tay nàng, căn dặn tha thiết:

- Thanh gươm này để giết kẻ nào xâm phạm đến Cừ, hoặc em tự giết lấy em, chứ không để cho Cừ lọt vào tay ai!

Nàng rơm rớm nước mắt nhận lấy thanh gươm và mệnh lệnh.

Từ đây, nàng phụng sự Trân như cha như anh, chăm nom Cừ như em như chủ, dồn cả ngày giờ tâm trí vào sự sống yên lành của hai người ấy.

Cơm nước hằng ngày, bất quá rau dưa chẳng khác gì ai, nhưng chính tay nàng sửa soạn lấy cho Trân và Cừ ăn, kéo sọt có kẻ thừa hư đầu độc. Lúc nào Trân ra chiến lũy thời nàng nắm cơm với thức ăn, bỏ vào trong giỏ, niêm phong cẩn thận, rồi sai người lão bộc đem đi, giao hẹn giữa đường không để ai làm mất dấu niêm, bất cứ vì lẽ gì.

Lúc rồi nàng đem những truyện anh hùng liệt sĩ đời xưa, kể cho Cừ nghe, chủ ý muốn cấy sâu mầm giống cách mệnh triều đình vào trong đầu óc nó. Ngày đêm, nàng không rời thằng bé ra ngoài tầm con mắt lúc nào. Từ cơm cháo đến hoa quả bánh trái, không có miếng ăn thức uống nào cho nó mà nàng không xem xét, cẩn thận. Nó mất cha mẹ sớm, tự nhiên thân yêu nàng, riu riu bên nàng, xem như một người vú nuôi, hơn nữa, một bà mẹ non vậy.

Lãnh Diên là một trong số mấy người vì phận sự năng ra vào soái phủ, tức là gần gũi Trân. Không hiểu sao chính Diên là một người khiến nàng gườm gườm để ý nhất, từ hôm nàng vào ở soái phủ.

Có lẽ tại Diên vốn cựu tướng triều đình theo hàng nghĩa quân về sau, chứ không phải bọn anh em đồng minh lúc đầu?

Nhưng có lẽ tại thấy Diên mắt to mắt nhỏ mà nàng không ưa, vì nàng nhớ lại bình thời anh chị có lúc nói chuyện cho biết rằng người nào *“lương mục bất tề, tâm chung bất chính”*.

Nàng sinh nghi nhất, từ hôm Diên gợi chuyện với nàng và tò mò hỏi đến sự ăn uống của Trân và Cừ.

- Mỗi bữa, chủ soái ăn cơm có được nhiều không, cô nhỉ? Diên hỏi.

- Ngài cũng ăn phần lương thực như các tướng sĩ, chứ làm gì có hơn! nàng nhìn vào mặt Diên mà đáp.

- Nghĩa là cũng có hôm phải ăn giảm một bữa?

- Chính thế!

- Dễ thường đồ ăn cũng bất ngoại mắm muối và cá khô là cùng?

- Vâng.

- Cả công tử (trở vào Cừ) cũng thế?

- Phải, cũng thế! Nàng cố trả lời lạt lẽo cho Diên thôi đi mà không được.

- Mỗi bữa, hân chủ soái và công tử ngồi ăn chung một mâm?

- Cố nhiên, chỉ trừ lúc nào ngài mắc việc ở chiến lũy.

- Tội nghiệp! Tôi kính trọng và thương hại quan chủ soái hết sức... Diên nói và thở dài, làm bộ buồn bã. Ngài ăn uống kham khổ quá thế thì chịu sao cho được, cô nhỉ?

- Ông tính ở trong cảnh ngộ này, ngài phải chung chịu với tướng sĩ và lấy mình làm gương cho mọi người chứ!

- Đã đành rằng thế, nhưng ngài có trách nhiệm nặng, công việc

nhiều, tất phải bổ dưỡng mới có sức khỏe mà gánh vác phận sự. Có thực mới vực được đạo, cổ nhân đã dạy... Không mong hằng ngày hằng bữa, có điều mâm cơm ngai xoi, thỉnh thoảng nên có món ăn bổ dưỡng, một bát gà hầm hột sen hay một cái chân giò chẳng hạn!

- Chết nổi! ông nói tôi đủ thềm nhều nước miếng! Nàng nói và bật cười. Lấy đâu ra những của quý ấy ở trong vòng vây này?

- Cô tưởng thế, chứ muốn cần dùng đến chẳng thiếu gì!

- Đâu mà sẵn thế, ông?

- Ngay trong thành này chứ đâu! Cô không biết trong làng xóm cũng còn có nhà nuôi gà. Còn muốn ăn thịt heo, vẫn có thể mua ở ngoài thành đem vào kia mà!

Nhưng tôi biết ý quan chủ soái không khi nào chịu lấy tiền kho ra mua món ngon vật lạ, để độc hưởng cho sung sướng một mình... Không! Không!... Ngài muốn thủy chung sống khổ như tất cả tướng sĩ.

- Bởi thế, tôi nghĩ không đành tâm chút nào, cô ạ! Ngài ở ngôi mình chủ, sự phụng dưỡng tất phải khác người, chẳng ai trách vào đâu được... Tôi định thỉnh thoảng kiếm một vài món ngon giai vị để dâng ngài dùng... Lúc này tào được con gà trống thiên, tôi đã bảo lính nấu món hầm, chốc nữa đem biếu mấy bát, cô nhớ dọn bữa ngài xoi nhé!

- Vâng...

Nàng trả lời vắn tắt, rồi ngảnh lại dắt Cừ ra sau vườn chơi.

Quả nhiên đến chiều, lãnh Diên thân hành đem lại soái phủ một mâm đồ biếu, trong để hai bát gà hầm, một đĩa xào lòng hũy còn nóng hổi, mùi thơm ngào ngạt. Cô Tần niềm nở đón lấy và nói:

- Ông có lòng tốt thế này, chắc hẳn chủ soái cảm động khôn xiết... Chốc nữa tôi dọn để ngài xoi, khỏi nói cũng biết ngài sẽ thấy thích khẩu ra sao... Bao lâu nay mới có mấy món giai vị như vậy.

Nàng day lại nói với Cừ:

- Bữa tối nay tha hồ cậu xoi ngon miệng nhé!

Lúc ấy Trần còn mắc việc ở cửa Tuyên Hóa, một chập sau mới trở về dinh. Nàng kể lại đầu đuôi rồi nói một cách như van lơn.

- Cháu muốn xin bác đừng dùng mấy món đồ ăn này!

XVI. NGÓT 2.000 NGƯỜI BỊ CHÔN SỐNG!

Thấm thoát đến ngày 13 tháng 7 năm Ất Mùi...

Chúng ta đã nhảy qua một thời gian độ chừng mười tháng.

Trong khoảng mười tháng ấy, binh triều vẫn vây bọc bên ngoài, quân giặc vẫn cố thủ trong thành, hai bên chỉ thủ thế cầm chừng, thỉnh thoảng mới có một trận giao chiến nho nhỏ, mà phần thiệt hại, binh triều thường phải gánh chịu nhiều hơn.

Tuy vậy, cái lực lượng quyết thắng vẫn thuộc về cánh quân vây bọc bên ngoài, còn cánh quân bị giam hãm giữa bốn vách tường, dù có dũng cảm đến đâu, nhưng vì cạn lương đuổi sức, chỉ còn một việc kéo dài ngày giờ kháng chiến được chừng nào hay chừng ấy, rốt cuộc cũng phải đến lúc tận số: một hàng, hai là chết. Họ thừa biết chống cự mãi cũng đến chết, mà có đầu hàng cũng không mong được sống nào, cho nên họ quyết đánh tới cùng, chẳng chịu hàng phục.

Tình thế chênh lệch bày ra hiển nhiên: binh triều càng ngày càng xếp đặt vững thêm công cuộc đánh phá, trong khi quân giặc càng ngày càng đi sâu vào cảnh thiếu cơm đuổi sức.

Chúng ta đã biết cuối mùa thu năm ngoái, Hoàng Đăng Thanh mưu đánh thuốc độc Nguyễn Văn Trăn không thành, nhờ có trí sáng của cô Tần, mà Trăn thoát nạn. Lại nhân vụ ấy vỡ lở, Trăn đề phòng rất mực nghiêm ngặt, khiến bọn chân trong chân ngoài không thể đào thoát và làm tai mắt cho binh triều được nữa.

Khi thấy đầu lĩnh Diên bên trên mặt thành, đại tướng quân Nguyễn Xuân chẳng lấy làm quan hệ khinh trọng gì, vì ông là một tướng võ trăm phần trăm, đã phụng mệnh nhà vua giao cho công việc đánh giặc thì chỉ nghĩ cách đánh, chứ không muốn dùng những thủ đoạn ám muội, như là phản gián hay đầu độc chẳng hạn. Nhưng Đăng Thanh thì lấy làm khó chịu, thấy việc mình chủ trương lại hỏng; nhất là nghe Nguyễn Xuân hỏi đùa một cách phong nhã mà điều cốt kín đáo:

- Thế nào!?... Hẳn ông đã nghĩ xong câu đối phúng Nguyễn Văn Trân rồi?

- Nghĩ là tức trào máu!... Đặng Thanh nhăn mặt và đáp. Thuốc độc như thế mà Trân ăn phải không chết, thật tôi không biết nói thế nào! Hay là nó có ngọc quý trong mình, cho nên đạn bắn không trúng và thuốc độc không phạm được chăng?

- Sao ông này còn tin tưởng những chuyện dị đoan được thế? Nguyễn Xuân vừa nói vừa cười. Chắc hẳn thuốc độc của ông không phải là thuốc độc chứ gì!

- Bẩm không! Hôm nọ chúng tôi thân hành vào Chợ Lớn cân thuốc rồi tự tay tôi điều chế, tự tay tôi đưa Lâm Ích để trao cho lãnh Diên... Thiết tưởng, ai ăn nhầm mấy vị độc ấy cũng chết lăn đùng không kịp ngáp mới phải. Có lý nào Trân trúng độc mà còn sống được?... Tôi lấy làm bức tức vô cùng!

- Ôi! hơi đâu mà bức tức! Xuân vỗ vai Đặng Thanh nói... Đâu thằng Diên phơi nắng trên mặt thành kia, chỉ tỏ việc nó làm bại lộ mà Trân không hề nhúng môi vào thuốc độc tay ông bào chế...

- Vâng, có thể chứ! Đặng Thanh ngắt lời Xuân và nói cách đặc ý. Nếu nó nhúng môi thì đã chết tám đời rồi, còn đâu!

- Tôi khuyên ông từ nay đừng nghĩ đến việc chiêu hàng hay đầu độc như thế nữa. Có đánh thuốc độc chết thằng Trân này, quân giặc sẽ có thằng Trân khác lên thay quyền cầm quân, chống cự triều đình như thường. Bây giờ chúng ta chỉ có việc đường đường chính chính mà đánh chúng nó, phá tan sào huyệt, trừ sạch loạn đảng, để phục mệnh triều đình.

Nghe nói tiếng “đánh”, Đặng Thanh đổi ngay sắc mặt, đang buồn hóa vui, vì sự thật từ hôm Nguyễn Xuân phụng chỉ thay Nguyễn Văn Trọng nắm giữ binh quyền trước thành Phiên An, chưa giao chiến với giặc trận nào cho ra trận. Đang ức về chỗ mưu trừ Nguyễn Văn Trân để lập công mà hóa thất bại, Đặng Thanh vui mừng nghe nói sự đánh:

- Vâng, xin tướng quân ra lệnh tiến công đi!... Hôm nào bắt sống thằng Trân, cho tôi mổ lấy lá gan của nó mà ăn mới được thỏa nguyện.

Xuân chưa kịp trả lời, Đặng Thanh đã nói tiếp:

- Vả lại có dụ chỉ của Hoàng thượng hai ba phen giục giã tiến công để dẹp loạn Gia Định cho mau xong việc hấn tướng quân còn nhớ.

- Phải, tôi nhớ lắm! Xuân đáp. Kẻ làm tôi con, nhất là làm tướng cầm binh ở ngoài, khi nào dám quên lời thánh chỉ. Có điều mùa này đã quá mùa dùng binh mất rồi, mà thật ra binh lực cũng chưa đủ quyết chiến. Những điều ấy tôi đã tâu rõ về triều, chắc được Hoàng thượng chuẩn y... Các ông nên tin nơi tôi, tôi định đánh một trận là xong, không phải dây dưa. Nhưng hiện giờ chưa đến lúc đánh.

- Thế thì bây giờ chỉ đóng binh ở đây cho họ ăn no dưỡng sức hay sao? Đặng Thanh hỏi lại, có ý bất mãn, vì nghe Xuân mới nói chưa phải lúc đánh.

Vốn người ưa thực hành nhiều hơn đàm luận, Xuân lẳng lẳng tìm chồng giấy công văn, rút lấy một tập giấy viết chân phương hàng tám, mỗi trương giáp lề, đều đóng dấu son "*Gia Định Quân thứ*", trao tay cho Đặng Thanh và nói:

- Phương lược phá giặc của ta ở tất cả trong này. Giờ tôi ủy thác ông cứ y theo đây mà thi hành, mỗi ngày có tôi trông nom kiểm xét... Ông liệu thi hành cho đúng, một mai khai hoàn, tôi sẽ tìm một cô gái Huế tuyệt sắc, thưởng cho làm tiểu tinh - Nguyễn Xuân nói và cười, rồi trở lại nét mặt nghiêm chỉnh, - nếu như vi lệnh thì chiếu theo quân pháp đây, nghe!

Trước mệnh lệnh chủ tướng, Đặng Thanh đã lấy tập giấy công văn, chưa kịp xem trong ấy phương lược thế nào, cũng không dám hỏi han gì khác.

*

Thật thế, bọn Khôi dấy loạn và chiếm cứ thành trì Phiên An đã lâu ngày, binh triều chỉ thấy tổn hại mà chưa làm gì nổi, vua Minh Mạng lấy làm sốt ruột. Thử thời nam bắc cùng có giặc giã nổi lên tứ tung, dân gian thường bị mất mùa và khổ về việc binh, có ý oán thán đời mình không được thái bình an lạc; những lời ấy bay đến triều đình, khiến nhà vua bức dọc, đứng ngồi không yên. Chỗ này giặc chưa dẹp xong, đã có giặc khác dấy lên chỗ kia, triều đình cơ hồ không đủ binh tướng để ứng phó khắp cả mọi nơi, đến nỗi có mặt trận

xin binh tiếp ứng rất gấp, mà triều đình thu xếp lúng túng chậm trễ, hoặc không còn cơ vệ nào rảnh, có thể sai đi.

Huống chi Gia Định vốn là đất khai cơ của bản triều, lẽ nào để có một bọn cứng đầu kháng cự mãi được? Nhà vua nóng ruột tiểu trừ đám ấy trước nhất.

Bởi vậy, nội mùa thu năm Ngọ, hai phen vua Minh Mạng hạ chỉ thúc giục Nguyễn Xuân tiến binh, miễn là quét sạch nguy đảng và thu lại Phiên An, bất luận đánh đổi với giá đất nào.

Nhưng mỗi lần Nguyễn Xuân đều dâng sớ xin hoãn, lấy cớ rằng mùa này mưa gió bùn lầy, dùng binh không tiện; vả lại, thế giặc xem ra còn to, mà binh triều hiện có trước thành Phiên An không đủ một trận quyết chiến, vậy phải đợi mùa là một, thêm binh là hai, mới có thể tiến công và nắm cơ tất thắng.

Nhân dịp ông dâng ngự lẫm và xin châu phê một vài phương lược thiết yếu mà ông đã trù nghĩ chín chắn.

Một là xin dùng ngay binh lực trong khi chưa đánh, thêm với ân phụ sở tại, xây đắp chung quanh vòng thành Phiên An, những ụ đất cao hơn mặt thành, trên dựng pháo đài chiến lũy, đặt súng thần công, để tiện ngắm trúng đích mà bắn vào các kho tàng cùng cơ quan phòng ngự của giặc. Công cuộc này lợi tiện cho việc hành binh nay mai, nhưng phải thi hành tốn kém một khoản tiền to, - độ mười vạn quan! - tự ông không dám quyết định.

Mà trước khi hành binh, những ụ đất ấy còn có công dụng khuy thám nhất cử nhất động của giặc; dù chúng có muốn tẩu thoát ra ngoài cũng chẳng được. Một mặt khác, thủy sư chặn hết các ngã sông và bộ binh tuần phòng nghiêm ngặt bịt chặt các đường hiểm yếu, không để quân giặc tiếp tế lương thực vào đâu được nữa, tự nhiên dần dà đói ăn kiệt sức, bây giờ chỉ đánh một trận là bắt sống tất cả.

Hai là xin cho phép bắt lấy dân đinh sở tại Lục tỉnh ra sung quân, như thế vừa thuận tiện hơn là cho viện binh từ Thuận Quảng hay các miền khác ở Bắc Hà vào. Lính xa đưa đến, không quen khí hậu, không thuộc thung thể cho bằng người sinh trưởng ở ngay chỗ dùng binh. Ví dụ cứ chiếu đinh số năm tên lấy một là vừa. Có điều mất công luyện tập ít lâu rồi mới dùng được.

Sự thật từ lúc Gia Định có cuộc loạn đến nay, binh triều đã bị thiệt hại nhiều; tính cả đến vài ba vạn người, già nửa chết vì tay giặc, non nửa chết về bệnh tật, lam chướng. Triều đình dầu điếm chỗ ấy, sợ làm kinh động dân tâm. nếu cứ đem binh đảng ngoài vào tiếp ứng mãi, lòng người không khỏi nhốn nháo sinh nghi, bởi vậy Nguyễn Xuân muốn bắt lính sở tại, vừa được êm thấm, lại đỡ sự phiền phí chuyên chở.

Cả hai phương lược của Nguyễn Xuân đều được vua chuẩn y, tức là phương lược Nguyễn Xuân đã giao cho Hoàng Đăng Thanh thi hành.

Bắt đầu tháng chín, tứ phía ngoài thành, cách xa độ ba trăm thước, binh lính và dân phu làm việc tấp nập. Người khuân tre gỗ, kẻ vác sọt đất, ai nấy phơi mình trần dưới lò lửa mặt trời, vừa làm vừa hát, cho quên sự mệt nhọc.

Số người phục dịch đông như kiến, cả dân lẫn lính đến ngót ba vạn; họ làm quần quật từ sáng sớm đến tối mịt, bởi việc quân cần làm gấp rút.

Đăng Thanh phải cỡi ngựa đi vòng quanh chỉ huy; Nguyễn Xuân cũng ra đứng dưới nắng, trông nom chăm chút.

Không đầy sáu tháng, ngoài bốn mặt thành Phiên An, nổi lên bốn chục ụ đất đắp cao như trái núi nhỏ, từ dưới đi lên, có bậc xây rộng, trên mặt bằng phẳng, có thể dung được hai ba chục người đi lại thông thả. Trên mỗi ụ xây vòm gác kiên cố và đặt một cỗ súng thần công hướng mũi vào thành. Từ ụ này có đường thông sang ụ kia, ngoài cấm cừ tre đẽo nhọn, chằng chịt lấy nhau, cốt để đỡ đạn cho quân lính khi họ chạy đi chạy lại.

Tóm lại, ngoài thành Phiên An như dựng lên một lớp thành mới bao bọc, mà lại cao hơn; đứng trên vòm gác trông suốt vào trong thành, quân giặc cử động gì đều thấy tỏ rõ.

Công cuộc xây dựng của binh triều sở dĩ đến sáu tháng mới hoàn thành, là vì ban đầu thường bị quân giặc thừa lúc đêm tối, lén ra đốt phá tai hại.

Lúc bên ngoài mới khởi công, Nguyễn Văn Trân đứng trên vọng lâu dòm ra, trông thấy binh dân tấp nập khiêng tre vác đất, hiểu ngay là binh triều xếp đặt công cuộc, quyết kế phá thành. Trong ý Trân

phập phồng lo sợ, nhưng không phải lo sợ mà chịu bó tay chờ chết, chẳng cố sức đối phó lại thế nào?

Một mặt, Trần đốc sức thủ hạ đào thêm hầm hố để cất dấu lương thực và thuốc đạn, sửa sang lại các chiến lũy cho được kiên cố, kín đáo hơn. Phàm các chỗ hiểm yếu xem chừng bên địch dòm dò nhất, Trần đều sai đóng cừ đặt súng, bố trí cách thức phòng thủ khác trước. Nhất là từ cửa Tuyên Hóa vào đến đại trại, hai bên đường có chôn địa lôi và gài cam bẫy rất khéo; vì Trần đoán trước nay mai binh triều tiến công, tất là chú trọng phá cửa Tuyên Hóa hơn cả, dù có lọt vào trong thành, cướp được đại trại, cũng phải đánh đổi máu thịt với một giá cực đắt.

Chỉ khổ cho nghĩa quân, là những việc phòng thủ ấy toàn phải làm mò mẫm ban đêm, vì sợ làm ban ngày, bên ngoài có thể dòm thấy. Mà đêm khuya cũng không dám dùng đèn đuốc, họ hì hục làm mò với nhau, gọi là ánh sáng chỉ có mấy ngôi sao nhấp nháy ở không trung chiếu xuống.

Một mặt khác, Trần kén chọn một bọn trai trẻ, nhanh nhẹn, dám hy sinh tính mạng, sai họ đêm khuya lén ra ngoài thành, gài địa lôi phá vỡ những pháo đài và lũy đất của binh triều đang xây đắp dở dang; hoặc dùng các vật dẫn hỏa tưới đốt những đồng tre gỗ chất cao như núi.

Mỗi khi, thủ đoạn mạo hiểm ấy làm xong, họ chạy trở về thành được càng hay, nếu rủi ro bị bắt thì đành vờn cổ chịu chết.

Vì thế, trong mấy tháng đầu, binh triều bất ngờ bị giặc đốt phá vật liệu và các cuộc kiến thiết, tổn hại vô kể. Nhiều pháo đài xây gần xong, bỗng dưng có tiếng nổ như sấm, đổ ụp thành đồng gạch vụn. Không kể những đồng tre lá tự nhiên phát hỏa cháy ngùn ngụt, không sao cứu chữa được. Có khi giữa ban ngày, quân giặc trá hình thường dân, đỉnh trắng làm râu, cả gan trà trộn giữa đám đông, thi hành thủ đoạn đốt phá rồi nhanh chân trốn thoát.

Nguyễn Xuân tức mình, phái nhiều cơ lính ngày đêm canh phòng ráo riết, bấy giờ công cuộc quân sự mới yên ổn làm tiếp được. Việc đáng làm xong vài tháng phải kéo dài đến nửa năm.

Qua tháng ba năm sau (năm Mùi) thành trì Phiên An bị vây chặt chẽ hơn: ngoài vòng vây bằng người thêm vòng vây bằng sắt đá bao bọc tứ vi, tưởng chừng con ruồi muốn bay qua không lọt.

Các tướng sĩ định chắc Nguyễn Xuân ra lệnh tổng công ngay,

sau khi những pháo đài và lũy gạch đã xây dựng hoàn thành, nhưng ông lắc đầu cười nói:

- Ô! Các người thèm nhát máu tươi thịt sống lắm thế ư? Đi đâu mà vội. Ta để cho quân giặc đói meo với nhau đã, gió thổi đủ ngã lãn chiêng, bấy giờ tha hồ các người trở tài, chỉ đánh một trận là xong. Hiện nay, tuy thế chưa phải lúc đánh!... Thông thả dăm ba tháng nữa có làm sao!

Sự thật, Nguyễn Xuân đã có thành toán xếp đặt trong trí, quyết làm như người đánh bạc về sáng, có bao nhiêu tiền trong túi trút ra hết, chỉ đợi nước bạc là đánh hết một tiếng. Nghĩa là ông muốn khua cả hai ba vạn quân một lúc quyết liệt một trận tất thắng với giặc. Hiềm vì lúc này hơn một vạn quân mới mộ còn đang luyện tập chưa khô ráo thuận tiện, cho nên ông nghĩ không nên đánh vội.

Tay chưa đánh giặc bằng súng đạn gươm đao, nhưng luôn từ mùa thu năm ngoái đến giờ chẳng ngày nào ông quên đánh giặc về mặt kinh tế lương thực. Ta đã biết chủ trương ghê gớm của vị danh tướng này là cắt hết lương thảo quân giặc cho đâu đó đứt đuôi nòng nọc rồi sẽ đánh.

Trước kia, binh triều chưa dò biết được hết mảnh lối của nghĩa quân trong thành Phiên An, dù cho canh phòng nghiêm nhặt thế nào, họ cũng vẫn có cách đem lương thực ở ngoài vào tiếp tế luôn luôn. Nhất là do đường thủy. Ai không nghĩ trên sông Saigon có thủy sư chiến thuyền của Trần Văn Năng cắm trại dày đặc, tuần phòng đêm ngày, thế thì nghĩa quân còn dùng đường thủy vận lương làm sao được? Ấy thế mà họ vẫn bí mật chuyển được gạo, bắp, mắm muối vào thành mới kỳ!

Ví dụ đêm khuya trên sông xuất hiện năm mươi chiếc tam bản con con, trên mỗi chiếc chỉ có một người ngồi với đồ nghề câu cá, áo rách nón mê, trông rất tiêu tụy, là thủy quân đi tuần phòng bắt gắp, chắc không thể nào tưởng tượng những người ấy khác hơn là lũ dân nghèo ban đêm đi câu tôm câu cá kiếm ăn.

- Thuyền nào đi đâu đấy?

- Bẩm, thuyền con đi câu ạ! Trăm lạy các qaun các cậu rộng

lượng cho con nhà nghèo đi tìm cá đổi cơm, tội nghiệp!

- Trên thuyền có chở gì thế, đưa khám xem nào?

- Khốn nạn! Thuyền bằng lỗ mũi thế này, ngồi một mình còn lo tròng tránh dễ dắm, bảo chở đồ gian lận vào chỗ nào không biết!... Thưa đây là cái giỏ... đây là gói mồi... đây là gói cơm nắm, để đêm khuya đói thì ăn!...

- Được rồi, nhưng phải đi nép vào mé bờ, không được bơi chàng ràng giữa sông nghe!

Lát nữa tới chiếc thuyền khác, câu chuyện ứng đối tra xét đại khái cũng thế. Toàn là thuyền câu tí hon của hạng người bần cùng lam lũ, nghe lính tuần thét hỏi thì sợ run lên, nói năng rất lễ phép và có giọng van lơn, năn nỉ. Giả như lúc ấy có chú lính tuần nào ngẫu nhiên cắc cớ, bảo họ thử bơi thuyền đi mau xem nào, tất nhiên họ phải chịu phép và chân tướng họ bại lộ ngay.

Kỳ thật, họ chính là người bí mật vận lương cho giặc trong thành. Dưới đáy mỗi con thuyền tí hon ấy có buộc giây thông ngầm dưới nước, mà đầu mỗi kia thì đeo những vật nặng, hoặc một bao gạo, hoặc một giỏ cá khô, bên ngoài bọc gói vải sơn, nước không thấm ướt. Thuyền họ vờ vẹt đi câu, chỉ cốt rìu những bọc ấy vào rạch Thị Nghè, rồi mở giây thả nó ở một chỗ ước hẹn, chốc nữa có kẻ tài bơi tài lặn tự trong thành mò ra lấy, đem vào cho nghĩa quân.

Có lúc một vài chiếc thuyền vô chủ mà xếp đầy vật thực, đậu dưới bóng cây bần um tùm kín đáo ở tận bên kia sông, chờ khi lính tuần vừa đi qua, mặt sông vắng vẻ, mấy chiếc thuyền ấy tự nhiên chạy qua bờ bên nọ, vùn vụt như bay, mà không có ai bơi chèo gì cả. Thì ra họ buộc giây ngầm, có người núp sẵn trên bờ đối diện chỉ đợi cơ hội là kéo tuột sang.

Những mảnh lời quý quyết đại khái như thế, che mắt thủy sư Trần Văn Năng được một độ khá lâu.

Nhờ vậy mà trên hai nghìn nghĩa quân cố thủ trong thành Phiên An, tuy chẳng được no nê sung túc, nhưng vẫn thường nhận lương thực của đồng chí bên ngoài tiếp tế cho, không đến nỗi quá ư thiếu thốn. Mỗi người phải tập quen dạ dày thu nhận vật thực ít đi thì có, nhưng đến bắt nó chịu trống rỗng thì chưa. Một đoạn trên chúng tôi đã nói: nghĩa quân nhường nhịn chia phần với nhau, bữa nào nhằm

phiên ai ra chiến lũy thì được ăn no, lấy sức mà chống giữ, còn kẻ ở trại vui lòng ăn ít, gọi là cầm hơi.

Song từ khi cái vòng sắt của Nguyễn Xuân bắt đầu vây bọc tứ phía ngoài thành, và các cơ mưu vận lương thuở này lần hồi bị khám phá chẹn giữ hết, nghĩa quân mỗi ngày một lâm vào cảnh đói khổ hãn hoi.

Trông thấy mấy kho lương càng ngày càng vơi mãi mà phương pháp bù đắp vào không có, Trần lo buồn hết sức. Muốn chi trì lâu hơn, thế tất anh em phải tự hạn chế sự ăn: từ tướng tá đến quân lính, bây giờ rút lại ngày có một bữa và bữa có hai lưng cơm chấm muối.

Ai nấy nhờ có tinh thần nâng đỡ, cho nên cam chịu cảnh khổ với nhau. Có điều dần dà trong mười người hết ba bốn, rồi đến phân nửa, vì thiếu ăn mà đuối sức, phát bệnh. Số người liệt nhược nằm ngổn ngang trong trại.

Không kể lúc trước, chỉ nói từ cuối tháng chạp năm Ngọ đến giữa tháng ba năm Mùi, binh số của nghĩa quân xóa tên vĩnh viễn hơn sáu trăm người, không phải chết vì súng đạn binh triều, mà chết vì gạo không đủ no, bệnh không có thuốc.

Tuy nhiên, người chết cũng giúp được việc, là để phần ăn của mình lại cho kẻ còn sống có thể gia tăng mỗi bữa chút ít.

Tội nghiệp, muốn bổ sức thêm, mỗi người bóc cả vỏ cây, đào cả rễ cỏ, lần mò bắt lấy con chuột, con cóc, hay con rắn mà ăn, tóm lại, vớ được thứ gì có thể nhồi vào dạ dày được thì nhồi, bất kể lành hay độc.

Cổ Du, tức giáo sĩ Marchand, lá người Tây Dương độc nhất ở trong vòng vây, cũng thái nhiên chia xẻ tình cảnh khốn đốn với người bốn đạo.

Trong nghĩa quân, có lẽ đến non nửa theo đạo. Dù đói ăn yếu sức, Cổ vẫn giảng kinh làm lễ, cứu rỗi phần hồn cho họ như thường. Nhiều người khuyên Cổ đi ra, nhưng Cổ không chịu.

- Cha nên lánh ra ngoài cuộc lâm than nguy hiểm này! Họ nói: bất quá Triều đình ra lệnh trục xuất, không cho cha ở trong nước là cùng, không có gì thiệt hại tính mệnh mà lo.

- Không. Cha có sợ chết đâu. Song giữa lúc các con khổ sở như

vây, Cha bỏ đi cầu lấy sung sướng phần xác một mình mà đành lòng được ư?

Cố ung dung trả lời, rồi vui vẻ cầm nắm cơm chấm muối ăn, ngon lành không khác mọi người.

Trong vòng vây, nhà tu hành đạo đức ấy được tôn kính như vị thần sống. Nhiều kẻ bệnh tật, lính cũng như dân, nhờ sự chăm nom chỉ bảo của Cố mà được tai qua nạn khỏi... Nhất là khi một người lính ở chiến lũy trúng đạn bị thương, dù là đêm khuya, Cố cũng thân hành đến trại, ra tay băng bó và tìm cách điều trị thương tích cho, bất cứ người ấy có đạo hay ngoại. Vì đó nghĩa quân càng cảm phục kính trọng, bảo nhau xin rửa tội theo đạo thêm đông.

Bước sang đầu tháng tư, trên ba chục ụ đất bao bọc thành Phiên An đặt súng thần công xong cả, Nguyễn Xuân sai bắn thử mã tài một loạt, tiếng nổ nghe rùng rợn, cốt để thị uy cho quân dân phản nghịch trong thành biết rằng binh lực và khí giới triều đình dữ dội như thế đấy, chớ có kháng cự dây dưa vô ích.

Kế lại bắn tờ hiệu dụ vào thành như bướm bướm, khuyên nhủ bọn Trần nên tự hồi quá đầu hàng, thì triều đình còn châm chước tội lỗi cho, nếu để nay mai Đại binh phải dùng sức, làm cỏ thành trì, bấy giờ ăn năn không kịp.

Nguyễn Văn Trần liệu thế binh triều sửa soạn quyết chiến đến nơi, mà anh em đồng chí và thủ hạ mình kiên nhẫn chịu đựng những nỗi đói khát bệnh hoạn đã lâu ngày, số chiến sĩ không đánh cũng chết mòn vì thiếu ăn, yếu dần vì mang bệnh, tự nhiên trong lòng Trần lấy làm đau đớn sâu khổ, muốn tự tử để quân sĩ đầu hàng cho rồi.

Bấy giờ trong hàng chiến tướng đã tàn khuyết nhiều, từ Mạch Tấn Giai trở xuống chỉ còn độ mười lăm người đủ sức gượng gạo chống chọi với lũ ma bệnh ma đói, Nguyễn Văn Trần họp chư tướng và cai đội các cơ vệ để bàn định với nhau một lần sau chót, xem nên đánh hay nên hàng.

Trần ứa nước mắt nói:

- Còn nhớ từ đầu mùa đông năm kia, Lê đại nguyên soái chúng ta rút quân về vô thủ thành này, gồm hơn bốn nghìn người trai tráng vạm vỡ... Lúc ấy chúng ta binh rộng lương đủ, tưởng là ngày một ngày hai

có thể cùng nhau phá vỡ vòng vây, tung hoành thiên hạ, cho toại chí to và lời thề nguyện... Không ngờ sao dời vật đổi, thấm thoát một năm rưỡi nay chúng ta vẫn còn bị nhốt chặc trong lồng bằng gạch này, hơn bốn nghìn chiến sĩ hồi nào đã vì súng đạn, vì đói khát tật bệnh làm tiêu diệt dần mòn, chỉ còn lại phần nửa, mà phần nửa ấy cũng bị đói khát tật bệnh làm yếu đuối, vô dụng đến một phần ba, chắc không còn bao lâu cảnh ngộ khốn cùng sẽ lôi cuốn hết... Thấy quân lính khổ sở thế này mãi, thật tôi không đành tâm chút nào; hình như vì tôi mà anh em chịu nổi lắm than, mà cuộc kháng cự chẳng qua chỉ kéo dài ngày giờ, chung quy rồi cũng vô ích... Đạn dược hết dần... lương thực khô cạn... Không còn trông mong giải vây quật cường gì được nữa!... Âu là...

Chỗ này, Trần nghẹn ngào phải nghỉ ngơi một lát mới nói tiếp:

- Âu là tôi xin đâm cổ tự tử ngay bây giờ, để anh em mở cửa thành đầu hàng cho đỡ khổ sở thì hơn...

Không ai hẹn nhau trước, mà bấy nhiêu người cùng khăng khải một lòng, nhất thời nhao nhao lên dơ tay trợn mắt và nói với giọng quả quyết:

- Không hàng!... Không hàng! Đại ca nên cố sống với chúng tôi đến giây phút cuối cùng, đánh nhau với quân Triều cho tới khi hết sạch cả đạn, hết sạch cả cơm, hai tay không còn sức cầm nổi cây súng hay thanh gươm mới thôi!... Chết thì chết, chúng ta nhất định không hàng!

- Thế là anh em quyết chí kháng cự tới cùng? Trần hùng dũng hỏi.

- Vâng! Cứ đánh! Chư tướng đồng thanh trả lời.

- Tất cả anh em chiến sĩ cùng nhất tâm chăng?

- Nhất tâm lắm!... Vì chúng tôi biết rõ sở nguyện của họ: đánh cũng chết, hàng cũng chết, vậy thà đánh mà chết với nhau oanh liệt còn hơn.

- Anh em vui vẻ chịu đựng mọi sự đói khát thiếu thốn, theo đuổi kháng chiến tới phút sau chót, cùng tòa thành trì này cùng còn mất, có phải thế chăng? Trần hỏi lại căn vặn.

- Vâng, đấy là bản tâm của chúng tôi! Chư tướng đáp lại dũng được.

- Ai nấy nhất đức nhất tâm, không có mảy may nào do dự hay là ân hận chứ?

- Vâng, chúng tôi xin thề!

- Được, thề thì còn nói gì!... Tôi xin giữ cái thân tàn này lại để cùng anh em sống thác có nhau!... Nhất định rằng binh triều có giới bước qua trên thây xác chúng ta mới vào lọt được thành này... Ngày giờ chúng nó tiến công sắp sửa đến rồi đây, anh em ta cố sức phòng bị kháng chiến nghe!

Chư tướng nghe Trần nói cùng tuốt gươm hoặc mã tấu đưa lên cao, tỏ ý thề nguyện phục mệnh, rồi tản tác đi ra chiến lũy. Ai nấy đều có vẻ hăm hở, khẳng khái quyết chiến đến cùng; tinh thần mạnh mẽ giúp họ quên cả mọi nỗi xác thịt vất vả.

Thật quả mấy nghìn chiến sĩ còn sống ngắc ngoải trong thành Phiên An, từ viên tướng lĩnh đến một tên quân bực chót, từ kẻ đang nằm ốm liệt trên đồng rơm cho đến những người còn đủ sức múa được thanh gươm sai khiến khẩu súng, không một ai chịu nghĩ tới sự đầu hàng; mặc kệ thiếu ăn, mặc kệ tật bệnh, mặt kệ tình cảnh khôn đốn gần đến cực điểm.

Trước khi Trần họp tướng sĩ để hỏi ý kiến như trên đây vừa kể, người ta đã bàn định riêng với nhau, cân nhắc lợi hại và quyết chí kháng chiến đáo để rồi. Họ mạnh bạo xét bàn thời cuộc, tự đặt ra câu hỏi, tự đáp lấy đúng theo lý sự, rồi rút ra một kết luận đánh chết thì thôi, cả trăm phần trăm không nên bó tay nộp mình.

- Hiện thời tình trạng chúng ta đi đến chỗ nào?

- Chúng ta đang đi đến chỗ tuyệt lương, sắp hết đạn dược, chết khô cả lũ với nhau trong vòng vây này. Vì thế nảy ra ý nghĩ hàng quách cho rồi!

- Nhưng hàng để làm gì?

- Để cho tướng sĩ đỡ phải chết đói khổ thân.

- Song ta nên nhìn biết Minh Mạng hoàng đế là người rất nghiêm khắc, nhẫn tâm, bấy lâu oán giận chúng ta đến tím gan bầm ruột, ví dụ chúng ta có hàng cũng chẳng được tha thứ cho sống nào!

- Ấy đó, hàng để mong mồi chết đói, nhưng hàng lại bị chết

chém, thế thì chúng ta cứ đánh mà chết, không hơn là tự đưa đầu ra nhờ người ta chặt hộ ư?

Nghĩa quân lý luận với nhau như thế, cho nên ai nấy vui lòng chịu đói chịu khổ mà chống giữ với binh triều đình, không ai có chút biến tâm hay hối hận.

Sở kiến của họ quả không lầm đoán sở định của nhà vua. Sự thật, từ hôm tháng giêng, Nguyễn Xuân đã tiếp được mật chỉ do một vị quan khâm mạng từ Huế đem vào, dạy ông phải “tiêu trừ đảng nguy một cách thẳng tay, không cần thương xót Nhà người được phép tiện nghi hành sự: đập thành Phiên An thành đất bằng, giết quân phản nghịch cho tiết nọc. Tất cả tướng sĩ nên gắng sức vì nước lập công, sớm được khai ca, không phục tòng trăm ủy thác, mong đợi”.

Cứ theo ý nghĩa mật chỉ thế ấy dù nghĩa quân có ra hàng cũng chẳng thoát khỏi tru lục. Hôm trước Nguyễn Xuân bắn tờ hiệu dụ vào thành, ngọt ngào khuyên bảo người ta quy thuận, bất quá là một cách nhử mồi vào cạm bẫy vậy.

Thế rồi đến ngày mười ba tháng bảy...

*

Trước ba ngày, nghĩa là từ sáng mùng mười, Nguyễn Xuân điều khiển các cơ các đội lục tục kéo đến dàn trận khắp bốn phía thành, với tất cả khí giới vật liệu để dùng vào việc công phá.

Hình như các đội quân chủ lực đều dồn cả về mặt tiền, nhất là cửa Tuyên Hóa, vì hình thế lợi tiện cho cuộc hành binh, cả bộ lẫn thủy, cho nên ba mặt kia chỉ để một lớp quân mỏng, cốt án ngữ không để giặc tàu thoát, thế thôi. Càng ở phía ấy có nhiều đầm vũng sinh lầy, càng lơ thơ ít quân, cách mấy chục thước mới để một nhóm; Nguyễn Xuân đồn rằng trong thành đói ăn với bệnh hoạn lâu ngày, chẳng còn được bao nhiêu chiến sĩ, dù có muốn thoát thân mặt hậu cũng không qua lọt vòng vây.

Tính ra binh triều lúc này đông đến hai vạn rưỡi người, để vây đánh một tòa thành trì rộng chưa đầy 200 mẫu đất và trong đó chỉ còn độ 2500 quân giặc, mà hết một phần ba đã kiệt lực, không cầm nổi binh khí.

Số hai vạn rưỡi ấy, ngót một vạn là lính sở tại mới mộ và luyện

tập chừng dăm tháng nay, thêm ba bốn nghìn thổ binh Chân Lạp mà Trương Minh Giảng vừa đem ở Nam Vang xuống trợ chiến. Hạng lính này, cho uống ba hớp rượu vào, xách dao xông pha trận mạc, không kể sống chết; bởi thế, Nguyễn Xuân sắp đặt vào hàng tiền tuyến, để họ che đỡ mũi tên hòn đạn cho quân lính nhà.

Đối với thành Phiên An bị vây gần hai năm, lực lượng binh triều như thế, không khác gì núi Thái Sơn sắp sửa đè xuống quả trứng.

Chiều hôm 12, Nguyễn Xuân dời bản doanh đến đóng sau một mô đất đối diện với cửa tiền để tiện việc chỉ huy tướng sĩ, trên nóc trại cắm lá cờ “*Lệnh*” bay phấp phới. Giặc đứng trên vọng lâu trông ra tất thấy rõ ràng.

- Bẩm nguyên soái, mệnh hệ ba quân cốt ở ông tướng, sao nguyên soái lại cắm trại ở chỗ bộc lộ quá thế này? Một viên tướng của Nguyễn Xuân nói, tỏ ý muốn can ngăn.

- Bộc lộ thì có làm sao! Nguyễn Xuân cau mặt hỏi lại.

- Thưa, quân giặc sẽ nhắm chỗ này làm đích mà bắn thì nguy...

- Ô! Nhà ngươi thật thà quá! Binh pháp hư thực, thực hư, thế mới khó lường... Quân giặc có nhiều đạn thì cứ nhắm vào đây mà bắn, ta càng mừng!...

- Dù sao mặc lòng, chúng tôi muốn van lơn quan nguyên soái đóng trại cách xa độ vài ba trăm thước nữa thì hơn!

- Không, tướng lệnh chỉ có một lời, chứ không có hai. Nhà ngươi có sợ chết thì ta cho phép cắm trại cách xa đằng sau; còn ta thì nhất định đóng chỗ này để chỉ huy hiệu lệnh cho dễ... Rồi ai tận lực hay nhút nhát, không qua được mắt ta!

Nguyễn Xuân hậm hực trả lời, rồi thét bảo quân lính đào sẵn một cái hố sâu ở bên mô đất, kích thước liệu chừng một thân người nằm lọt. Khi quân lính đào xong, ông trở tay vào hố và nói khẳng khái:

- Phen này ta không trừ xong giặc Khôi và thu phục thành Phiên An lại cho triều đình, cho phép chúng bay chặt đầu ta rồi đập thây ta xuống hố này, nghe!

Một lát ông nói tiếp, ra vẻ trực tiệt:

- Bất kỳ tướng sĩ lớn nhỏ, mai sáng hễ ai ra trận không làm hết bốn phận, thì ta chặt đầu người đó trước, nghe chưa!

Nội đêm, ông loan báo cho tướng sĩ các pháo đài chiến lũy biết rõ hiệu lệnh và giao hẹn đầu đó tức trực ứng chiến.

Mờ sáng hôm 13, một hồi tù và thổi ra hiệu vừa dứt, súng thần công đặt trên pháo đài chung quanh ngoài thành, đồng thời phát nổ, kế tiếp liên thanh, khắc đạn tứ tung vào thành, âm âm như trận mưa sấm sét.

Từ giây phút ấy, binh triều bắt đầu bắn phá thành Phiên An.

Chiến lược của Nguyễn Xuân cốt đánh bằng đại bác thần công trước, một là hủy phá những cơ quan quân sự của giặc ở trong thành, hai là dọn đường cho binh sĩ xung phong đột trận sau.

Suốt từ mờ sáng cho tới đúng trưa, mấy chục cỗ thần công của triều đình nạp mỗi nọ bắt mỗi kia, tung vãi vào thành đến hai trăm viên đạn. Khói và cát bụi bay lên mịt mù. Nhà cửa trong thành đổ ngã lung tung, phát hỏa nghi ngút.

Tướng sĩ hí hửng bảo nhau:

- Quân giặc chắc hấn nát như ra cám tất cả!

Người ta có tin tưởng ấy, vì từ lúc binh triều khởi công, bắn vào dữ dội và thế, tuyệt nhiên không thấy giặc xông xao kháng chiến, cũng không nghe chúng bắn trả lại một phát súng nào. Ai nấy cảm chắc phen này phá thành dễ như trở tay, ngon như gói.

Bởi vậy đến trưa, tướng lệnh truyền nghỉ bắn thần công và hô quân sĩ rút đoản đao nhất tề xông tới hãm thành, tứ phía tiếng người reo hò vang dậy, đồng thời bức đến chân thành, nghe ồ ạt rừng rợn như nước lụt vỡ đê, chảy tủa vào binh nguyên, không có sức nào ngăn nổi.

Chẳng ngờ sức ồ ạt rừng rợn ấy đến cách xa chân thành khoảng năm chục hay một trăm thước, bỗng dừng hẳn lại. Những hiệp sung của quân giặc bắn vãi như mưa, đón rước họ ở nửa đường; vật ngã hàng tiểu đội nằm ngổn ngang khiến bọn đằng sau khiếp đảm, phải đứng sừng lại, không dám tiến nữa.

Họ phải nằm rạp xuống lề đường và bờ ruộng để tránh đạn giặc, mặc dầu hiệu lệnh hò hét cứ tiến.

Thì ra những lúc thần công vãi đạn vào thành, quân giặc làm thỉnh giả chết, không hề lên tiếng trả lời, chỉ núp kín ở những hầm hố đào sẵn bên chân thành. Trên miệng hầm đậu bằng tấm ván, lót mấy lớp rơm rạ nhúng nước, dù đạn thần công có rơi nhằm cũng vô hại. Chờ khi binh triều sắp tới gần, chúng mới nhoi lên ứng chiến, bắn ra loạt nào trúng đích loạt ấy, thành ra binh triều tử thương rất nhiều. Nhất là thổ binh Chân Lạp mà ta cho đi trước con đường, chú nào chú nấy hơi có hơi men ngà ngà, hùng hổ dẫn vào trước tiên, bị vài hiệp đạn, liền múa đao quay trở lại, vừa chạy vừa la, mặc kệ trật tự và kỷ luật. Bọn thổ binh ấy làm cho hậu đội chen lấn, dày đạp lên nhau, và bị thương tích vô số, đến nỗi muốn tiến cũng chẳng được, vì hàng ngũ đã vỡ lở mất rồi.

Nguyễn Xuân gào thét rất cổ, và chính tay phải chém chết mười mấy tên lính tại trận, mới bắt buộc được quân sĩ khỏi xông xao tháo lui.

Ông nghiêm lệnh tướng sĩ phải cố sống chết ở ngay chỗ họ đã đến, không tới hơn nữa thì thôi, nhưng không được lùi lại. Theo ý ông muốn, tiến được phân tấc nào hãy giữ vững phân tấc ấy rồi sau sẽ liệu.

Trời nắng như thiêu như đốt, quân sĩ phải xoay trần ra cầm cự với giặc. Tóp nập gặp được chỗ có bụi tre bóng mát còn khá; nhiều người phơi mình dưới lò lửa mặt trời, lại làm bia chịu đạn của giặc mà chẳng dám oán thán nửa lời. Hơi hám ở những cây ma ngổn ngang trước mắt, làm họ đủ ghê tởm, khó chịu. Trời còn ban ngày, không thể nhặt nhạnh cây ma ấy mà chôn cất hay đem đi đâu, vì hễ họ nhô đầu thò mặt lên, khác gì gọi giặc mà bảo tôi đây, xin ngài bắn hộ.

Cuộc tấn công buổi trưa thất bại và thiệt thòi khá đau, nhưng Nguyễn Xuân thành thực tự trách mình nhiều hơn là đổ tại bộ hạ bất lực. Ông cho cuộc tấn công này chỉ là thí nghiệm dò thử sức giặc thế nào, sự thành bại không đủ khinh trọng và cũng không đụng chạm thay đổi gì chiến lược đã định. Hồng keo này ta vật keo khác, miễn đến chung kết hạ được kẻ đối thủ thì thôi.

Liền ngay lúc ấy, ông truyền lệnh cho quân sĩ nghỉ ngơi dưỡng sức, rồi một mặt sai lính hỏa dầu bắc bếp thật xa, nấu cơm và nắm đem lại trước thành cho quân sĩ ăn; một mặt vời hợp Trương Minh Giảng, Hoàng Đăng Thanh, Thái Công Triều cùng các bộ tướng lớn nhỏ, để dặn bảo cơ nghi.

Ông bảo chủ tướng:

Lúc tiến lên xung sát, quan quân thấp đuốc sáng trung còn quân giặc thì đánh mò, lại ở trên cao đánh xuống, được thế mạnh hơn. Chúng cứ nhắm vào đám sáng mà bắn vãi, làm quan quân tổn hại nhiều quá, đành phải rút lui.

Qua ngày thứ hai, cả ban ngày lẫn đêm, quan quân bốn lần bắn súng thần công tàn phá trước rồi bộ binh tiến vào sau ra sức xung sát, nhưng lần nào cũng bị giặc kháng chiến rất quá, không làm thế nào mà leo lên thành được. Mỗi lần thiệt hại đến hàng nghìn người là ít.

Giữa trưa, người ta đứng trên pháo đài dòm vào trong thành, thấy cảnh tàn phá la liệt, ghê thảm tột bậc, thế mà quân giặc vẫn cố thủ, kháng cự, nhuệ khí chưa nhụt tí nào. Chúng quần tụ từng nhóm dăm ba chục người, mình trần trụi trụi, đầu đội tàu lá hoặc chiếc khăn vuông rách tả, để che ánh nắng khốc hại của mặt trời chính ngọ. Người nào cũng cầm khí giới lăm lăm trong tay, không rời ra giây phút. Thấp thoáng vô số đàn bà con trẻ, đầu đội rổ cơm, tay xách vò nước, đem tới phân phát cho các chiến sĩ. Hình như mỗi người chỉ có một phần cơm nắm nho nhỏ, mà không có đồ ăn gì cả, bày tỏ ra lương thực của họ đến lúc khô kiệt lắm rồi. Dòm thấy nhiều người cởi trần phơi rõ bộ xương gầy còm thì biết.

Tuy vậy, chúng vẫn hăng hái chiến đấu, lấy sức một chống chọi lại trăm, khiến cho quan quân ngã lòng và có vẻ lo sợ. Tướng sĩ thăm thì bàn nhau, tỏ ý ao ước hãy tạm đình chiến, để chờ dịp khác có binh lực hùng hậu hơn và luyện tập đầy đủ hơn, mới hạ nổi quân giặc.

Thầy đội Lê Viết Thành, vốn tính nóng nảy, đã bị đạn trúng vào mang tai trong trận đánh lúc đêm, mà không được mấy ông điều hộ quân thứ chăm nom rịt thuốc tử tế, có ý bức dọc, thờ giọng oán hờn quan trên ra mặt. Lại công nhiên phiến động binh sĩ nên bỏ hàng ngũ mà trốn đi, tội gì phải hy sinh tính mệnh vô ích, viện cớ rằng đánh trận có thắng, công danh ân thưởng, tất cả về phần người trên, chứ lũ tiểu tốt được gì mà xông pha tên đạn, bao giờ cũng lũ tiểu tốt chết trước.

Nguyễn Xuân kiểm điểm lại binh số, tính ra trong hai ngày sáu trận huyết chiến, đã tổn thất hơn năm nghìn người. Có cơ vệ chết sạch. Vì dụ cơ Hùng Võ và mấy đội thổ binh Chân Lạp của Trương Minh Giảng đưa từ Nam Vang về, đếm lại không còn được hơn mười mạng sống sót.

Nay quân tâm xao xuyến, nếu để sinh biến thì nguy, thế tất phải ra uy một vài và làm cho tướng sĩ nô nức mới được.

Sẵn có câu chuyện Lê Viết Thành xui giục quân lính đào ngũ, Nguyễn Xuân liền sai chém ngay thầy đội ấy, bêu đầu khắp các pháo đài chiến lũy để cho binh lính thấy mà kiêng sợ. Ông lại hiệu dụ các quân với những lời quyết liệt sau này:

- Phàm trong quân ta, ai nói đến tiếng lui, đều chiếu quân pháp xử trảm tức khắc như tên đội Lê Viết Thành này. Ai nấy trông đó làm gương! Bản soái nhất định nội nhật ngày mai dẫn tướng sĩ vào thành Phiên An uống rượu khao thưởng. Vậy bất cứ ai cũng phải cố gắng một trận cuối cùng, theo hiệu cờ tiếng trống mà tiến; sau khi hạ thành, mỗi người đều có phần thưởng, và kho tàng tiền bạc của giặc còn bao nhiêu, cho phép các người lấy hết. Ngày mai lâm trận, kẻ nào nhút nhát thụt lùi, trái với hiệu lệnh, tất bị chém chết tại trận, quyết không dung thứ!

Sự thật, kho tàng tiền bạc của giặc chẳng còn gì, điều ấy Nguyễn Xuân thừa biết. nhưng ông cứ giao hẹn quân sĩ cho cướp lấy chia nhau, để họ có nhiều hy vọng mà ganh nhau chiến đấu tận lực. Quả nhiên ông khéo kêu gọi lòng sợ và lòng tham của quân sĩ, khiến họ đang chán nản lo ngại, bỗng trở lại hăng hái, ai cũng lăm le muốn xông vào thành Phiên An trước.

Qua sáng hôm sau, Nguyễn Xuân chuyển hết thần công lại mặt tiền dữ tợn, làm vách thành sát vỡ mấy chỗ. Nhưng giặc mạo hiểm khói đạn, khuôn gỗ đá hàn gắn lại ngay. Kẻ nọ trúng đạn ngã, kẻ kia tiếp tay lập tức, không hề sợ chết. Mọi người đã hóc hác, mỗi một lăm rồi, mà sức cự chiến còn hăng đáo đẽ. Có lẽ chúng còn nhin đó mà đánh là khác.

Xế chiều, tiếng súng mới ngớt, tính lại không biết bao nhiêu viên đạn quăng vào một góc thành mà không phá vỡ. Nguyễn Xuân tuốt gươm, hò thét quân sĩ tiến lên; một mặt, sai một đoàn tượng binh gồm mười lăm con voi chiến rất lực lưỡng, xông vào phá cửa Tuyên Hóa.

Từ lúc bảy giờ cho đến nửa đêm, trước sau bốn lần quan quân hồ leo vào thành lại bị giặc đánh gạt ra.

Nguyễn Xuân vội vàng rút lấy tám phần mười binh lính trấn giữ cửa hậu và hai bên tả hữu, đem lại tiền môn, nhất định đánh tiếng bạc chót.

Mãi tới đầu trống canh năm, quân giặc chống giữ ở cửa Tuyên hóa luôn ba đêm ngày, người nào người nấy mệt lả kiệt sức hầu như không cử động nổi khí giới nữa; bấy giờ quan quân mới ồ ạt phá trọc cửa thành mà lọt vào thành ngoại.

Nguyễn Xuân dẫn một toán lính trèo lên mặt thành, thấy quân giặc nằm sóng sượt gối đầu lên nhau, mắt lờ đờ, miệng há hốc, người đã chết cứng rồi, kẻ còn hoai hóp thở. Bước vào vọng lâu, cảnh tượng cũng thế, chứng tỏ bọn giặc trấn giữ cửa thành đã mạnh bạo kháng cự đến phút cuối cùng, đến hơi thở sau chót.

Ông gọi Thái Công Triều lên xem có nhận diện được ai không, Công Triều giờ được soi đèn từ thi xếp hàng ở vọng lâu, nhìn ra mấy mặt mà hẩn quen biết:

- Bẩm, thằng này là Lưu Tín, thằng này là Nguyễn Văn Đà... còn thằng có râu, tay cầm đại đao này chính là Nguyễn Văn Trân, làm đầu đảng từ lúc Khôi chết đến giờ... À! Mình nó còn hơi nóng, hình như chưa chết... Vết thương ở cổ đây, chắc nó tự cắt, nhưng xem chừng không phạm lắm.

Công Triều nhận đúng, chính Nguyễn Văn Trân. Luôn ba đêm ngày, Trân ở trên vọng lâu, đốc chiến mặt tiền, quên cả ăn ngủ, cho đến lúc quá nửa đêm nay, liệu thế cửa thành bề nào cũng bị phá vỡ, Trân bảo một người thủ hạ chém hộ mình chết đi cho khỏi bị bắt mang nhục. Người thủ hạ ấy thương xót chủ tướng, hoặc gân tay đã yếu, cho nên vội đưa một nhát gươm không được mạnh lắm, rồi tự tử ngay bên cạnh. Nhát gươm ấy còn níu giữ hơi thở mong manh của Trân, khi Công Triều soi đèn nhìn mặt và nói ồn ào, làm Trân hồi tỉnh, mở mắt thấy Triều, uất khí vận lên, nghiêng răng và nói trắng trợn:

- Mày đây à, thằng khốn kiếp! Mày phản bội chúng tao để cầu phú quý, rồi xem mày có được hưởng không, nhớ!

Trân nói xong, nấc lên mấy cái rồi tắt nghỉ. Công Triều đang tay chặt đầu người bạn đồng chí cũ, xách xuống thang lầu.

Trong lúc đó quan quân vẫn phải hò hét đánh nhau với giặc từng bước; từ đây cho tới phá được vòng thành nội vào đến đại dinh, bị những địa lôi hầm hố cạm bẫy của giặc sắp đặt rải rác bên đường, làm cho tử thương vô số. Hai bên đánh nhau ở đường phố Saigon.

Qua mỗi chòm cây, mỗi góc tường, quan quân đều gặp một tốp giặc mai phục trở ra đánh cực dữ tợn. Đến khi chúng đâm chém đã thềm và kiệt quệ gân sức mới chịu buông khí giới để cho quan quân bắt trói.

Chúng đã thực hành được sở nguyện, là chết thì chết, thua thì thua, nhưng bắt buộc binh triều phải mua cuộc thắng trận bằng một giá rất đắt.

Gần sáng, quan quân vào lọt cả hai lớp thành, thế mà còn phải bồi thêm vài nghìn mạng người, và đánh bất kể sống chết, tới lúc mặt trời lên cao ba trượng, mới quét sạch những tốp giặc chòm giặc nhóm mai phục tứ tung, xó nào cũng có. Vì thế quan quân nổi cục, trông thấy thường dân hoảng sợ giắt nhau đi trốn, cũng đuổi theo bắn giết, bảo họ là giặc. Tội nghiệp thường dân bị vạ giận cá chém thớt mà phải uổng mạng cũng nhiều.

Người ta đồn cả tù binh - gồm cả chiến sĩ và một số đàn bà con trẻ, thân quyến của giặc, - tụ họp ở một khu đất trước mặt hành cung, đếm được 1994 tên.

Duy có một đứa tuy còn bé bỏng nhưng rất quan hệ, là cậu bé Lê Văn Cừ, con Lê Văn Khôi, không thấy có mặt trong đám tù binh mà Thái Công Triều đã tìm đi soát lại rất kỹ.

Nó còn sống hay đã chết giữa loạn quân rồi? Mặc kệ phải tìm kiếm cho ra, nếu để sót mất thằng nhỏ ấy, triều đình sẽ trách cứ không phải chuyện chơi. Biết đâu chẳng có dư đảng cứu thoát nó đi chỗ nào, rồi tôn làm minh chủ, mưu toan phục thù phiên loạn nữa thì nguy to.

Nguyễn Xuân giục già bộ hạ chia nhau tứ tán đi lùng trong thành, phải tập nã thằng nguy tí hon ấy cho kỳ được, nếu quả nó chết trận thì đem xác về nộp.

Họ lần mò đến một cây đề cổ thụ rườm rà sầm uất, ở cạnh miếu Hội đồng (tức Hiền lương từ của nhà Nguyễn lập ra, thờ những văn võ có công lao khai quốc), thấy gốc cây có một cái hốc to, bên trong vùng rộng, trải một chiếc chiếu mà còn thừa chỗ. Tương truyền thuở xưa Hoàng tử Cảnh, chơi đùa với mấy bọn trẻ, thường đến ẩn náu trong hốc ấy, kín đáo hiểm hóc, lũ bạn tìm mãi không ra.

Bọn lính thắc mắc, đồ chường trong hốc không khéo còn có một

hai tên giặc ần núp, bèn bảo nhau dòm vào thử coi.

Một người vạch tàu lá ngồi che ngoài, chui đầu vào dòm giấy lát, vội vàng thụt ra, mặt đầy vẻ kinh ngạc:

- Ghê quá! hần nói và tắc lưỡi:

- Cái gì thế? Máy bạn đồng sự xúm hỏi. Thấy rắn có mào hử?... Phải rồi, hóc cây cổ thụ thường sẵn hổ ấy.

- Ghê quá, các anh ạ! Chú lính kia trả lời. Không biết là người hay ma quỷ hiện hình? Trên manh chiếu rách một cái xác nằm xoài, giữa ngực cắm con dao găm ngập lút cả lưỡi, máu còn đầm ướt chung quanh; bên cạnh, một thằng bé ở trần đen thui, đầu trọc lóc, ngồi gục mặt xuống, nghe như khóc thầm; gần đấy, một hũ nước, một nắm cơm ăn dở dang... Trông cảnh tượng thật âm u, dễ sợ...

- Anh nói thằng bé?

- Phải, trông nó còn bé lắm, tôi cho bảy tám tuổi là cùng... Không lẽ thằng ranh con ấy giết người kia rồi ngồi bên mà khóc? Hay yêu ma biến hóa ra thế để nhát anh em mình chăng?

- Dễ thường thằng bé là Lê Văn Cừ đấy, báo hại chúng ta đi tìm mãi!

- Nhưng còn người có dao găm đâm lút vào ngực kia?

- Biết đâu?... Chỉ biết thấy có nhân mạng khả nghi thì chúng ta điếu cả đũa chết đũa sống, đưa về trình báo quan trên, kỳ dư mặc kệ thiên hạ... Đã thấy mà không trình báo, vạn nhất là chuyện quan hệ, chúng ta tất bị trách cứ... Có phải thế không?

- Thế thì phải!

Cả bọn phụ họa tán thành rồi kéo thằng nhỏ ra trước, xác chết ra sau, kẻ dắt người khiêng, trở về đại trại.

Họ kinh ngạc hơn nữa, là khi kéo xác chết ra ngoài hóc cây, nhận thấy diện mạo đàn bà, chính thật là mọi người con gái còn trẻ măng. Giữa đường, người ta cố dỗ dành, hăm dọa, vỗ về thằng bé, muốn cạy miệng nó, nhưng đều vô hiệu.

- Có phải em là Lê Văn Cừ không?

- Mà không nói thật, tao vạn cổ chết.

- Chính mày giết người con gái kia phải không?

- Hay là ai giết, mày nói đi?

Dỗ ngọt, dọa già, gạn hỏi thế này thế khác, thằng bé một mực ngậm miệng làm thinh, chẳng chịu nói năng ừ hừ gì hết.

Bọn lính dẫn thằng bé về tới công đường.

Thái Công Triều lúc ấy cũng ở công đường thấy dẫn thằng bé vào, liền chụp lấy nó và nói hớn hờ:

- Trời ơi! Thằng ngụy con đây rồi, thế mà đi tìm mãi.

- Ông nhận diện đúng nó là Lê Văn Cừ, con Khôi? Trương Minh Giảng hỏi.

- Bẩm vâng, tiểu tướng đã nhận mặt cha con nhà nó!... Rõ giềng thiu điu, không thể làm lẫn được.

- Còn cái xác chết để ngoài sân kia là ai?

Công Triều ra sân xem xét tử thi và vết tích cẩn thận, rồi trở vào thờ vắn thờ dài:

- Tiếc quá, nó tự tử mất!... Đáng lẽ nên bắt sống con ngụy cái này mà để triều đình chính pháp làm gương thì phải. Tôi nhận đích nó là Thị Tần, em ruột Nguyễn Kiều; cả hai anh em cùng trung thành với quân ngụy... Thằng anh đã tử trận năm ngoài; con em thì lâu nay đóng vai hộ vệ thằng Cừ. Hắn nó sợ tôi, cho nên tự đâm ngực chết trước đây.

Công Triều đoán trúng.

Trước mấy hôm thấy binh triều rục rịch công thành, Trần đã chọn cái hốc cây cổ thụ bên miếu Hội đồng và dặn bảo cô Tần.

- Phen này quân địch sắp sửa đánh ta dữ dội lắm đa, cháu! Đến hôm ấy, cháu đem Cừ vào đó mà núp; bác đã xem hốc cây khá rộng, hai chị em có thể nằm ngồi thông thả, lại vừa kín đáo, nhờ có bức tường đỡ che...

- Thưa, cháu với Cừ cứ núp quanh trong dinh này cũng được! Cô Tần nói. Hà tất đem nhau đi xa tới miếu Hội đồng?

- Ấy chớ! Trần nhận mặt và nói, dấu tỏ mỗi khi có chuyện hệ trọng. Cháu phải biết thần công chúng nó sẽ bắn vãi vào thành, chẳng nhắm những nhà cửa dinh thự, thì còn bắn vào cái gì?... Bởi vậy ta

phải lo bảo toàn phòng bị cho Cừ, nếu nó rủi ro thế nào, thì Nghĩa quân ta tuyệt vọng, mà bác có lỗi với anh linh của Lê Nguyên soái... Nay mai, chắc bác phải đốc chiến ngày đêm sáng tối ở trên mặt thành, không trông nom đến nó được đâu. Vậy bác hoàn toàn phú thác tính mạng nó cho cháu... (Trân suy nghĩ ngẩn ngừ rồi nói tiếp): Sống cùng sống, chết cùng chết đó, nghe!

Sáng sớm hôm 13, binh triều bắt đầu nổ phát súng đánh thành, cô Tần ôm chiếc chiếu, xách lọ nước gỏi cơm và dắt Cừ đến ẩn trong hốc cây cổ thụ bên miếu Hội đồng, theo Trân dặn dò phú thác.

Nàng trải chiếu rồi đẩy Cừ vào tận trong, còn mình thì ngồi phía ngoài, như con gà mái xè cánh ra che chở gà con, phòng có mảnh đạn nào rơi đến gần, thà mình hứng lấy nguy hiểm. Nhưng sự thật chỗ này bình yên, là vì gần mạn đồng lầy, binh triều không đánh rát như các mặt kia, thành ra không sợ trúng đạn.

Tuy vậy, nghe súng nổ ầm ầm chung quanh, nhất là thò cổ nhìn ra phía nào cũng thấy khói bụi mịt mù, hai bên chiến đấu chưa bao giờ dứt đội như lần này, cô Tần hơi có ý chợn. Không phải vì mình, mà chỉ vì Cừ. Nàng ôm ấp Cừ, chẳng khác người mẹ ôm chặt lấy con bé khi có sấm sét, tay đặt vào ngực để nghe tiếng đập của quả tim, âu yếm hỏi nó:

- Súng nổ dữ thế, em có sợ không?
- Em không sợ, chị ạ! Thằng Cừ đáp. Máy năm nay đã nghe quen lỗ tai rồi.
- Thế thì em giỏi, chị ngỡ em sợ.
- Đây, chị xem em có đánh trống ngực đâu nào! Nhưng em chỉ tức mình, không hiểu tại sao người ta cứ đánh nhau hoài vậy, chị? Cừ hỏi một cách ngây thơ.
- Tại người ta thù ghét ba em.
- Thế ư?... Nhưng ba em chết rồi còn đâu mà họ thù ghét?
- Phải, ba em chết, mà có bác Trân họ cũng thù ghét bầm gan tím ruột.
- Tại sao ba em với bác Trân để họ thù ghét, hả chị?
- À, để chị giảng sơ cho em nghe: tại Triều đình xử tệ bạc với

Thượng công...

- Ông nội của em đó à?... Cừ chặn ngang lời nói của cô Tần.

- Chính thế! Triều đình xử tệ bạc với ông nội em, cho nên ba em với bác Trân lấy làm bất bình, nổi lên chống cự họ, khiến họ tổn hao chết hại nhiều, tự nhiên họ thù ghét, gọi là quân ngụy... Em đã hiểu chưa?

Nàng xoa đầu Cừ và nói tiếp:

- Giờ chị hỏi thật em câu này nha: em có thương ba em không nào?

- Ô!... Em thương ba em vô cùng, chị ạ! Bởi chúng vây thành, làm cho ba em đau ốm chẳng có thuốc men mà chết, cho nên em đây cũng oán giận chúng thấu xương...

Cừ trả lời và rơm rớm nước mắt, khiến nàng cũng mũi lòng, không cầm được lụy.

- Nhưng oán giận họ thì em làm gì được họ, em hãy còn bé thế này? Nàng hôn hít Cừ và hỏi.

- Hừ! Chị bảo em không làm gì được à... Thử chúng lại gần, em lượm đá em ném, xem chúng có vỡ đầu vỡ mặt không?... Chị không thấy em ném đá tài tình ư? Hôm nọ con chim đỗ trên cành cây mà em ném một cục đá trúng ngay vào đầu, ngã lăn quay đấy!...

- Thôi, chị hỏi mai sau em lớn, em định làm gì nào?... Đi học thì đỗ ông cống ông nghè rồi ra làm quan nhá?...

- Không!... Không!... Em chỉ thích học võ cho thật giỏi, để trả thù cho ba em thôi!... Bây giờ, chúng nó làm ba em chết oan và làm khổ bác Trân, em chỉ vái trời cho em mau lớn để em trả thù...

Cừ nói mà trợn mắt múa tay, ra vẻ hăng hái, cả quyết. Nàng nghĩ bụng mừng thầm: Thế thì thằng bé này không phải đồ bỏ! Có thể chứ, chả lẽ hổ phụ sinh ra khuyến tử bao giờ!

Chị em mải nói chuyện, không biết trời đã quá trưa. Lúc này tiếng súng đã yên, nhưng đến tiếng người hò reo rầm rĩ, nhiều nhất là ở mặt tiền và bên hữu. Cô Tần buông tay Cừ và nói:

Em cứ ngồi đây, để chị đảo về dinh chốc lát, xem bác Trân có bảo gì không nhớ!... Nhất định em không được ra khỏi hốc cây một

bước nào đấy.

- Vâng, em xin y theo lời chị!... Cừ đáp và nằm dài, xoay mặt vào phía trong. Chị về xem bác có sai bảo gì, lại mau mau trở ra với em nghe.

- Ủ, chỉ nhai dập bã trầu thì chị trở lại với em.

Kỳ thật, nàng nghe tiếng quân sĩ đôi bên reo hò dữ quá mà nóng ruột, tất tả chạy ra mặt thành, để xem binh tình biến hóa thế nào; quân nhà liệu có hy vọng gì không?

Một chặp nàng tất tả cũng như lúc đi, trở lại gốc cây với nét mặt vui vẻ, tay cầm nắm cơm sốt rẻo đưa cho Cừ và nói:

- Đây cơm sốt có tôm rang bên trong ăn đi em!

- Có chuyện gì mà coi chị tươi cười lắm thế? Cừ đón lấy nắm cơm và nhìn vào mặt nàng, lúc ấy mặt trời rọi ngay vào, làm cho hai gò má đỏ ửng, như dán hai bông hường mới nở.

- Em hỏi chuyện gì mà chị tươi cười ư?... Quân nhà đánh chúng nó chết lả như rạ, em ơi! Chị được trông thấy sương cả mắt. Lạy trời!... Lạy Phật!...

Nàng vừa nói vừa ôm lấy Cừ mà nựng nịu như mẹ nựng nịu con.

Trưa hôm sau, nàng lại dẫn Cừ nằm yên trong hốc cây một mình, rồi trùm khăn vuông trên đầu, phăng phăng chạy ra chiến lũy.

Lần này nàng vắng mặt khá lâu, vì còn lần quần hết nhóm này qua nhóm kia, hoặc phụ giúp mấy người chị em thổi cơm bung nước lên mặt thành cho chiến sĩ ăn uống, hoặc giúp tay săn sóc những lính bị thương.

Lúc này trở về hơi buồn, Cừ thấy thế không dám hỏi han chuyện trò gì cả.

Hôm ấy nàng thôn thức suốt đêm, dường như suy nghĩ việc gì hung lắm. Mỗi khi Cừ trở mình tỉnh giấc, đều nghe hơi nàng thở vắn than dài.

Đến hôm thứ ba cũng thế: quá trưa nàng lại để Cừ ở hốc cây mà ra chiến lũy làm việc phục dịch như hôm trước.

Bận này càng lâu hơn. Mãi lúc chạng vạng mới trở về. Cừ ngồi

xôm, thò mặt ra ngoài hốc cây, hồi hộp mong đợi. Nó ngạc nhiên thấy nàng đi thất tha, thất thiêu bước chân uể oải, như cất lên không nổi. Chừng nàng đến nơi, Cừ ta sững sốt hơn nữa, vì nhìn thấy gương mặt nàng rũ rượi, mà lần này nàng lại mặc đồ lính, bên lưng đeo con dao mã tấu đựng trong túi da, không còn vẻ gì là người con gái yếu ớt.

- Sao bữa nay chị về trễ thế, hờ chị?... Em mong đợi hết sức!... Cừ nói và ôm lấy chân nàng, tỏ ý mừng rỡ.

- Lại có nắm cơm sốt chị đem về cho em đây, em ăn đi kéo đói... Rồi để mặc chị nằm ngủ nha! Hôm nay chị mệt đuối.

Nàng nói và chui vào hốc cây, nằm nhoài bên Cừ, day mặt ra cửa, tay để lên trán ra chiều nghĩ ngợi.

Hai ngày nay, nàng buồn bã tuyệt vọng, vì xem thế binh triều công kích dữ dội, mà nghĩa quân thì hơi tàn sức kiệt lắm rồi; chỉ đói ăn cũng đủ chết; không nay thì mai thành trì tất bị phá vỡ, không còn gượng gạo được nữa. Chính nàng vừa ra chiến lũy cả buổi chiều, thấy rõ tình thế nguy ngập đến nơi, lại nghe tướng sĩ bảo nhau cố đánh tới cùng, giết hại quân địch được nhiều chừng nào hay chừng ấy, rồi thì chết theo thành trì, chứ không còn cách nào khác hơn. Bữa nay Cừ mong đợi sốt ruột và trông thấy nàng trở về với nhau sắc tiều tụy là vì thế.

Nàng nói dối Cừ, bảo nó để yên cho mình nằm ngủ, kỳ thật nàng cần lặng lẽ cả xác lẫn hồn, cho được cân nhắc suy nghĩ mọi việc ghê gớm.

Việc ấy đã nẩy mầm trong trí nàng từ đêm hôm qua, đến nay sự thế bắt buộc phải giải quyết, cho nên bây giờ nàng đem hết mọi lẽ thiện ác thị phi đặt lên bàn cân tư tưởng để xem đảng nào phải thì làm, mà phải làm ngay.

Trong lúc ấy thằng Cừ đã ngủ ngon lành, mặc dầu tứ phía vẫn có tiếng súng nổ ì ùng quân reo inh ỏi.

Nàng nghĩ thầm: “Phần riêng tôi thì đã đành thế rồi!... Anh chết, chị chết, người yêu cũng chết, cho đến cái cơ khiến ta gượng sống ở đời cũng là ngọn lửa sắp tắt, ta còn có mấy may vui thú gì mà cầu lấy sống?... Cố nhiên ta phải tự xử, không khi nào chịu để mình lọt vào tay quân địch, cho chúng nó làm nhục ta, hành hạ ta, rồi thì chém giết

ta!... Không vương víu thằng bé này thì thân ta tự giải quyết mau quá. Khốn nhưng còn vương có nó, mà ta lãnh trách nhiệm trông nom, hộ vệ, bây giờ không biết phải tính thế nào?”

Nàng nhăn mặt cau mày, chốc lát lại thờ một hơi dài, tỏ vẻ phân vân khó nghĩ:

“Ta có nên giết quách nó đi, cho nó cùng chết với ta chẳng?... Để nó bị bắt, đổ khỏi triều đình xử đến cực hình, vì nó là con ông Khôi, người cầm đầu khởi loạn, chống cự triều đình ngót ba năm nay!... Bởi thế, bác Trân phú thác nó cho ta, mà đình ninh căn dặn tới những tiếng sống cùng sống, chết cùng chết ý hẵn bác đã tiên liệu dù đến sự thế ra sao cũng không để một giọt máu còn sót lại của ông Khôi cho người ta dày vò hình phạt... Nếu thế thì bây giờ ta giết nó đi, tức là làm một việc đảng nào cũng phải: hợp theo ý muốn bác Trân, khỏi hổ vong linh ông Khôi, vừa cứu nó khỏi bị hình phạt nhục nhã, lại vừa tròn vẹn phận sự của ta... Ủ, nên lắm!... nên lắm!... ta nên quyết định đi thôi, kéo để dây dưa, không khéo chậm trễ mất... Giây phút này có lẽ quân địch sắp phá thành vào lọt rồi chẳng?”

Nàng ngồi bật dậy, rút lấy mã tấu gói dưới chiếu, lăm lăm cầm tay, định chừng đúng chỗ thằng Cừ nằm, rồi thì nhắm mắt bặm môi, thu hết đảm lực... chỉ còn thiếu đẩy mũi dao tới là xong.

Nhưng nàng lắng nghe hơi thở nó đều đều, trong giấc ngủ say lại nhẹ nhàng đưa tay lần được vạt áo nàng và nắm chặt lấy, như là van lơn nàng hộ vệ nó, lúc thức cũng như lúc ngủ, cơn tỉnh cũng như cơn mê vậy. Bỗng nàng toát mồ hôi, chính tay cầm dao thấy bủn rủn, trong bụng thì bồi hồi, đau xót, nghe như có tiếng của thần Thiên lương mách nhủ bên tai:

“Bất cứ vì lẽ gì mà lại dang tay kết quả một đứa trẻ măng sữa dễ yêu như thế ư? Mà có nghĩ đi phải có nghĩ lại thử xem nào!”

Tự nhiên nàng buông con dao, cúi xuống đặt mấy cái hôn rất âu yếm vào hai gò má thằng bé, rồi ngồi thờ thần nghĩ lại:

“Thật thế, ta có quyền gì thúc kết cái đời một thằng bé dễ yêu và đầy tương lai như thế này? Chết nổi! Ta cam đoan hộ vệ nó, lại đi giết nó, té ra ta làm việc sát nhân một cách hèn nhát, vì nó còn bé bỏng, thì tội của ta thêm nặng gấp năm, gấp mười... Không! Không! Ta định giết

nó là nghĩa lý gì?... Biết đâu chẳng có quỷ thần hay là anh linh cha nó che chở, bênh vực, lôi kéo, run rủi nó thoát con ba đào giông tố này, rồi thì khôn lớn, học hành, trở nên một người kia khác ở thế gian?... Lúc này, nó chẳng ngò với ta rằng nó lập chí mai sau trưởng thành, sẽ báo thù tuyệt hận cho cha nó đây ư?... Vậy mà ta định giết nó mà bảo là việc đại nghĩa đương nhiên, rõ thật nghĩ quẩn? Vả lại, cha nó làm phản triều đình thì cha nó có tội, chứ nó trẻ người non dạ, không dính dấp hiểu biết gì chuyện cha nó làm, vậy thì đối với triều đình, nó có phạm tội gì đâu nào? Dù có bị bắt, người ta cũng chỉ giam cầm ít lâu, rồi phải tha nó mà thôi!... Chả lẽ triều đình lại hình phạt gì đến một đứa bé vô tội, mới có bảy tuổi đầu? Sao ta quên nghĩ tới cái công lý ấy, tỵ nữa phạm tội sát nhân mà làm thằng bé chết lây oan uổng!... Phải rồi, ta chết một mình ta thôi, cứ để nó sống, bắt quá bị giam mấy tháng, hay người ta đưa nó đi đày là cùng, bề nào nó cũng còn sinh mệnh, vẫn có tương lai...”

Giữa lúc ấy binh triều đã phá vỡ vòng thành ngoài, đánh vào vòng thành nội, những tiếng quân sĩ hò hét, những tiếng địa lôi nổ âm âm, những tiếng đàn bà con trẻ trong làng xóm gào khóc kêu réo nhau đi chạy nạn, đều là dấu tỏ cho cô Tần biết thành trì đã bị công hãm, nghĩa quân đã đến cùng đồ rồi, mà thân nàng muốn tránh khỏi bắt bớ nhục nhã, cũng không nên kéo dài mạch sống thêm giây phút nào nữa.

- “Trời ơi! Tôi còn sống làm gì? Hồn anh Hạnh ở quanh đâu đây, rước em đi với!

Nàng khấn lầm rầm, vớ lấy con dao, day mặt lại hôn vào má Cừ để từ giã, rồi tự đâm một mũi dao phập vào giữa ngực... Tất cả chỉ trong một phút giây chớp nhoáng.

Cừ vẫn ngủ ngon, không biết gì cả. Mãi đến tảng sáng, nó tỉnh giấc, nghe như có nước thấm ướt dưới lưng, mới lồm cồm trỗi dậy, trông thấy cảnh tượng rùng rợn cô Tần nằm bên, dao cắm giữa ngực. Thì ra máu ở vết thương của nàng vọt ra lenh lách trên chiếu và thấm ướt lưng thằng bé nằm bên.

Nhưng nó không hiểu đầu đuôi thế nào, tưởng là ban đêm ai giết chị Tần của nó, động lòng xót thương, ngồi cạnh rên rỉ khóc lóc, cho đến lúc bọn lính đến bắt đi.

Bắt được Cừ, đại tướng Nguyễn Xuân vui mừng như vớ được

một vật thiêng liêng quý báu. Ông tỏ sự đặc ý với chư tướng:

- Thế này cuộc thắng trận của ta mới thật là trọn vẹn... Thà là thắng ranh con chết đi thì khỏi nói chuyện, nhưng nếu nó sống mà thoát đi đâu, tất nhiên chúng ta không khỏi triều đình quở trách. Thôi bây giờ ta yên tâm lắm rồi.

Tức thời, ông sai đóng cũi nhốt Cừ, và cắt riêng một toán lính hai chục người, luôn phiên canh gác đêm ngày, không được sênh ra lúc nào.

Ông lại ủy cho Hoàng Đăng Thanh công việc kiểm điểm và làm danh sách tù binh bắt lúc hạ thành Phiên An.

Đăng Thanh cùng bọn thuộc viên thơ lại làm hai ngày mới xong.

Trừ ra số đã tử trận không kể, quân giặc bị bắt hiện diện 1994 người. Trong số ấy, ông lão, đàn bà và trẻ con độ hai trăm người, còn thì toàn là chiến sĩ. Nhưng phần nhiều hoặc ốm đau, hoặc bị thương tích què quặt bởi chiến trận, người nào người nấy trần trụi, hốc hác trông chẳng ra hình người. Ngay những kẻ gọi là khỏe mạnh, vô bệnh vô thương, cũng đầu bù tóc rối, mặt mày lem luốc, thân thể gầy còm, vì nổi vất vả đói khát chịu đựng đã lâu; nhất là ba ngày đêm vừa qua, hơi sức còn được bao nhiêu, họ đem ra chiến đấu tất cả, đến nỗi nằm một nhòai ngủ quên lúc nào chẳng biết, chừng tỉnh dậy mới hay mình là tù binh.

Thế mà trước mặt kẻ thắng trận, không một ai hạ mình van lơn, năn nỉ, hay chối cãi mình không phải theo giặc, dù cho kẻ thắng ngược đãi và chửi mắng đến điều.

Nhiều người có đạo, cứ đọc kinh cầu nguyện một cách thái nhiên, mặc kệ lệnh cấm.

Một viên đội già, thủ hạ Trương Minh Giảng lắc đầu chất lưỡi, nói chuyện với đồng bối:

- Lão bặc đầu ở hàng ngũ trận mạc, từng theo quan quân đi dẹp giặc, khắp cả Nam Bắc Miên Lèo dư hai ba mươi năm, thú thật chưa thấy giặc nào cứng cỏi như lũ quân nguy này, dao kẻ tận cổ mà không thêm sợ sệt, hồi hận!

Nguyễn Xuân đề riêng sáu tên tù trọng yếu là Đặng Vĩnh Ứng, Võ Vĩnh Tiên, Võ Vĩnh Lộc, Mạch Tấn Giai, Lê Văn Cừ và cố Du tức

giáo sĩ Marchand; bỏ mỗi người vào trong một cái cũi đóng bằng tre, sai quân đi đêm ngày áp giải về kinh, hiến phù báo tiếp, nghĩa là đưa tù về dâng và báo tin thắng trận.

Người ngồi trong cũi tuy được dân phu khiêng đi, nhưng khổ sở vô hạn, vì cũi đóng chỉ vừa một người bó gối, không còn cựa quậy nhúc nhích gì được. Chưa kể chân tay mang xiềng và cổ đeo gông khá nặng.

Đồng thời, còn cái cũi thứ bảy đựng hai chiếc đầu lâu: một là đầu Nguyễn Văn Trân đã tự tử lúc thành thất thủ mà người ta cắt ra; hai là đầu Lê Văn Khôi, nói là sọ dừa thì đúng hơn vì người ta đã tìm được mả chôn kín ở dưới nền Vọng cung. Tất cả xương tàn của Khôi đem thiêu ra tro rồi bỏ vào miệng súng thần công bắn ra tứ phương, mỗi phương một ít, duy có cái sọ dừa thì đưa về kinh dâng nộp để chịu quốc pháp.

Còn lại 1988 người kia thì Nguyễn Xuân giải quyết một cách rất giản tiện, như kiểu ngày xưa tướng Tần và Bạch Khởi xử trí 40 vạn quân Triệu bắt được ở Trường Bình; ai đã xem truyện *Đông Chu Liệt quốc* hẳn phải rùng rợn.

Ông chọn một khoảng đất trống ở ngay trong thành, bắt dân phu khẩn cấp đào một cái hố rộng và sâu, rồi truyền lệnh cho quân đao phủ trói từng tốp năm chục hay một trăm tên tù, bất cứ nam phụ lão ấu, đến bên miệng hố, chặt cho mỗi kẻ một đao và lăn xác xuống đáy.

Cái hố ấy hãy còn dấu tích ở Saigon đến nay, gọi là **“Mả ngụy”**.

Đao phủ xong việc, tất tả về trại, để mặc dân phu lấp đất. Bọn mày vừa mới xúc được vài xèng đất, chưa kịp đổ xuống hố, bỗng nghe có tiếng chiêng rền trống nhịp, lại thấy người ta chạy ngược chạy xuôi tấp tểi, họ lấy làm lạ, ngừng tay xúc đất để nói chuyện khảo với nhau, vì công việc lấp hố chẳng phải vội gì.

Mỗi người một câu bàn tán:

- Quái lạ! Đám rước gì thế nhỉ?
- Ủ, lạ thật, làng xóm phố phường bỏ chạy tan hoang chưa về, không có kỳ thần bái xã gì mà có chiêng trống!
- Hay là quan nguyên soái đi trẩy về kinh chăng?
- Vô lý! Thành trì mới thu phục, quan lớn còn phải ở lại thu xếp mọi việc, chứ vội trẩy về Kinh thế nào được? Vả lại, tiếng chiêng

trống này lạ thường, nghe như đón rước gì thì phải...

- Ô, anh này giỏi âm nhạc thế kia ư? Nghe tiếng chiêng trống mà phân biệt đón rước hay tiễn đưa!

- Chớ sao! Sinh thời Thượng Công trấn thủ thành này, hay có những điệu chiêng trống này luôn, cho nên tôi nghe đã quen tai. À, các chú lắng yên, để tôi lắng tai nghe kỹ xem nào... Thôi phải rồi, đây là đám rước sắc chỉ!

- Chắc thế hử?

- Ừ, tôi quyết thế đấy, Các chú có dám đánh cuộc với tôi mười phong thuốc lá Gò Vấp không nào?

Giữa lúc ấy, những người đi lại trên đường reo mừng nhảy nhót; người này nói chuyện cho người kia nghe:

- Có sắc chỉ đấy, bà con ạ!

- Thật ư?

- Phải, sắc chỉ, mới ở Huế vào.

- Nhưng mà về chuyện gì chứ?

- Sắc chỉ Hoàng thượng đại xá cho hết thầy quân sĩ thứ Gia Định; ai đã lỡ theo đảng ngụy, bất kể thế nào, nhà vua đều gia ân đại xá cho yên lòng dân, chẳng làm tội ai hết...

Bọn dân phu lấp hố nghe rõ câu chuyện, không ai bảo ai, mà trên nét mặt mỗi người đều in một vẻ sùng sốt, thương hại. Một người đã có tuổi, hình như đám đầu mục đám ấy, lên tiếng giục giã:

- Thôi thì mỗi người một tay, chúng ta lấp đất mau mau cho yên mồ yên nấm của những người oan mạng này!... Cơ khổ, giá như sắc chỉ vào sớm mấy giờ đồng hồ, thì họ đã không chết, bắt quá đi đây đi thú là cùng!

Rồi ai nấy cặm cùi xúc đất lấp hố; tay làm việc, miệng không ngớt thở vắn than dài, yên trí rằng sắc chỉ nếu đưa vô đến nơi, không cần gì sớm chiều, chỉ độ ba giờ đồng hồ trước thôi, ngót hai nghìn người già trẻ lớn bé ở dưới hố này, không đến nỗi chết.

Những tiếng chiêng rền trống nhịp mà họ vừa nghe, quả thật là đám tờ chiếu Đại xá, kính cẩn đặt trên long đình, do một đạo binh

nhung phục chinh tề, gươm trần cò mở, tiền hô hậu hét, rước từ ngoài cửa Tuyên Hóa vào đến Vọng cung, để các qaun làm lễ bái mạng cho trọng sự thể rồi ban bố cho dân.

Trong tờ giấy vàng uy nghiêm nhân đức ấy, nhà vua tỏ hết độ lượng trời bể, tha thứ cho tất cả mọi người đã lầm lỡ đi theo nguy Khôi làm việc phản loạn. Nay, nguyên hung đã chết, thành trì đã thu phục, mấy tên trọng phạm đã giải ra kinh đô hậu thẩm, thế là công đạo trọn lành, quốc pháp rõ rệt; kỳ dư, triều đình đều rộng lòng tha tội cho, không thêm chấp trách v.v...

Một chặp sau, hàng trăm bản yết thị, sao lục tờ chiếu Đại xá, dán khắp trong thành Phiên An và gởi đi các tỉnh.

Theo lời thánh dụ ân cần rộng rãi như trên đã kể đại lược, cố nhiên 1988 người vừa bị chém đầu quăng xác xuống hồ kia cũng vào hạng được hưởng ơn Đại xá trước hết.

Nhưng mà sắc chỉ vào thì muộn.

Đến người thứ 1988 tắt thở và nằm chổng trên đồng xác, thì ngoài kia, ở cửa Tuyên Hóa, mới bắt đầu trống rung cò mở, rước chiếu chỉ Đại xá vừa đến nơi.

Số kiếp những người ấy chết oan hay là một vụ ngẫu nhiên hơi lạ?

Người ta xem yết thị đều phải thở than, rồi bản thân nói nhỏ với nhau:

- Đại tướng Nguyễn Xuân cầm tức quân giặc chống cự trong ba ngày ráo riết, làm cho binh triều đình vẫn hạ được thành, nhưng mà chết hại quá nhiều. Ông định bụng trả thù, chẳng những đối với bọn chiến sĩ đã cầm gươm kháng cự mà thôi, cả đàn bà con trẻ của họ, cũng bắt giam tất, để làm thịt một mẻ, cho được mát vong linh thủ hạ ông đã trận vong tai hạn vì họ. Bởi vậy, ông dụng tâm làm cho tờ chiếu Đại xá đến chậm mấy giờ đồng hồ. Nào có gì khó? Ông đã biết trước có tờ chiếu ấy sắp đến nơi, cho mấy tên bộ hạ thân tín phi ngựa đi đón tận trên Biên Hòa, tìm cách làm cho người lính trạm công văn hoặc được thù lạc, hoặc gặp sự trắc trở bất ngờ ở dọc đường; và do sự tính toán của ông để giờ khắc nào chôn xong mấy nghìn tù binh kia, tờ chiếu Đại xá sẽ đến cửa thành Phiên An là vừa.

Tuy có chiếu Đại xá công bố rồi mặc lòng, đại tướng Nguyễn Xuân vẫn chiếu theo danh sách của giặc mà ông đã vớ được trong khi hạ thành, trừng trị những người đã đang từng hay giúp đỡ giặc nhiều ít. Có một số Hoa kiều ở Chợ Lớn bị cắt tai vì họ ngầm giúp bạc tiền lương thực cho giặc. Nhiều người sở tại Gia Định bị tịch gia sản hay bắt đi sung quân, cũng vì tội ấy. Bọn tiểu nhân lại thừa cơ vu hãm và tố giác người ta, nhất là dân có đạo phải chịu báo oán khổ sở.

Việc ở Gia Định biết thế là đủ, ta hãy đi theo chân 6 người ngồi cũi và 3 chiếc đầu lâu áp giải ra Huế.

Tám chiếc đầu lâu biết đi

Sau tiết Trung thu vài ba ngày, đoàn cũi trọng tù giải từ Gia Định ra đến kinh thành.

Từ phía trong Hương Trà Thanh Thủy cho đến bến đò Hương Giang, thiên hạ lũ lượt kéo ra hai bên đường chờ xem, đông như trẩy hội. Người ta đồn nhau trong đoàn tù này có nhiều sự lạ, cổ kim chưa thấy: nào là một thằng bé mới có bảy tuổi đã có võ nghệ cao cường, nào là hai cái đầu lâu cũng bị giải ra triều đình xử tội. Cho nên khi đoàn cũi giải đi qua, ai nấy xúm xít dòm ngó hai điều lạ ấy nhiều nhất.

Đến khi thấy rõ bọn tù đều trần trụi, lem luốc, chẳng còn nhân hình, nhất là Lê Văn Cừ lập tâm nhin đói cho chết, dọc đường chẳng chịu ăn uống gì, trông càng hốc hác thảm hại. Bấy giờ người ta đổi lòng hiếu kỳ ra lòng thương xót.

Có người quên bằng những kẻ ngồi co ro trong cũi kia là trọng tù của triều đình, chỉ thấy họ đau khổ quá, khiến mình phải động tâm, bèn mua bánh trái đút vào cũi cho họ ăn. Nhưng quân lính áp giải thét mắng, cản trở; vì có lệnh trên nghiêm cấm, suốt từ Gia Định ra đến đây, không để cho tù được nhận bánh trái nước nôi của ai, sợ có phe đảng ngụy Khôi thừa cơ tráo thuộc độc để tù tự tử trước khi phải chịu quốc pháp chẳng.

Đến kinh, họ bị giam trong nha môn Hộ thành, riêng hẳn những tù khác là một toán năm chục tên lính cắt trong đội cấm vệ ra, canh gác đêm ngày.

Muốn cho chắc chắn hơn, người ta thay sang cũi mới, bề cao hai thước rưỡi ta, dài 3 thước và rộng 2; với cũi mới, tù vẫn phải ngồi xồm và cúi mình mới vừa.

Cũi xếp thành hàng dài ở trước hiên, cái nọ xa cách cái kia độ bảy tám thước. Dân chúng được phép vào đứng dưới hiên mà xem, cho biết mặt mũi những kẻ gọi là đại nghịch bất đạo mà triều đình đã bắt sống ở Gia Định đưa ra và sắp sửa xét án.

Thật thế, họ về đến kinh hôm trước qua hôm sau phải đem ra thẩm vấn.

Vua sắc cho Hình bộ lập thành hội đồng xét xử án lớn này ở Tam Tòa.

Tiếng là xử 6 người bắt trong Gia Định ra, nhưng kỳ thật là xét vụ Lê Văn Duyệt mà việc Khôi phản loạn tức là chi tiết bên trong.

Hội đồng xử án do ông lão thần Trịnh Hoài Đức làm đầu, các ông danh thần đương thời như Phan Bá Đạt, Hà Quyền, Nguyễn Tri Phương, Lê Bá Tú, Nguyễn Hữu Thận v.v... sung làm phán quan.

Sáng sớm hôm 18, các quan làm lễ bái mệnh rồi bắt đầu làm việc ngay.

Hội thành đến Tam tòa, mới mở cho tù ra, đứng xếp hàng dưới thềm để hậu thẩm. Mặc dầu cổ gông tay xích, họ thấy những giây phút này khoan khoái dễ chịu, vì hai chân được co duỗi tự do, bù với một tháng ròng rã chỉ ngồi gập mình xếp gối trong cũi.

*

Tiếng trên thềm thét truyền:

Thầy đạo lên hầu trước...

... Sau đến lượt Mạch Tấn Giai.

Độc giả hẳn còn nhớ Mạch Tấn Giai là người Tàu buôn bán trong Chợ Lớn, có chân trong Thiên địa hội, võ nghệ giỏi, dự vào bọn 28 đồng chí ăn thề khởi loạn buổi đầu. Khôi giao phó quản lãnh thủy quân. Chính Mạch Tấn Giai cầm binh đánh Trần Văn Năng nhiều trận, khiến thủy sư triều đình bị tổn hại vô kể. Sau lại tổ chức những cuộc bí mật vận lương vào thành do rạch Thị Nghè, nhờ thế mà một

năm đầu quân giặc bị vây, lương thực không bị thiếu thốn. Khôi mang bệnh chết, Mạch buồn rầu đã toan tự tử, Nguyễn Văn Trân can mãi mới thôi. Ở trên bộ và đánh trận cũng dữ tợn như dưới thủy; hai tay hai thanh gươm múa tít, chém bên này, đâm bên kia nhanh như chớp; binh triều khiếp sợ bảo nhau kiêng mặt. Hôm binh triều phá được vòng thành ngoài, vào thành trong, còn bị tổn hại nhiều; họ nhận thấy một mình Mạnh Tấn Giai làm tử thương ngót trăm người, cho đến lúc mỏi mệt quá, mới chịu buông gươm ngã nằm sóng sượt cho mà bắt.

Quân sĩ tức giận, vừa toan chặt ra làm mấy khúc để trả thù cho bạn hữu, nhưng Hoàng Đăng Thanh cười ngựa chạy đến nơi nhận ra Mạch Tấn Giai, vội vàng can lại:

- Trời ơi! Bay nắm óc được thằng đại phạm thế này, phải để nó sống, giải nộp mà lĩnh thưởng, chứ sao lại đại đột toan giết đi?

Vì thế lúc bấy giờ Mạch khỏi chết, nhưng cũng đã bị què hết một chân. Lúc giải về kinh lại phát bệnh thần kinh, nhiều khi như lãng trí khôn. Có điều là sự lãng trí kiêng đòn. Lính áp giải đã biết tính và quen lệ, mỗi khi va nói gì vẫn vờ làm nhảm cứ phết cho mấy roi đau điếng, tức thời trí sáng hồi ngay như thường.

Bây giờ lính dìu lên công đường, trước mặt các cụ đình thần uy vệ tôn nghiêm cũng thế. Mạch Tấn Giai tưởng như cuộc hội họp anh em đồng chí trong thành Phiên An lúc nọ, cho nên va tươi cười ra vẻ thân mật, gật gù chào cụ lớn nọ là *Tăng xénh xáng*, cụ lớn kia là *Lê đại ca* v.v... chỉ còn thiếu chạy lại vỗ vai bá cổ.

Trịnh Hoài Đức ngạc nhiên, cau mặt hỏi gắt:

- Thằng ni điên hay cố ý ngạo mạn đình thần hử? Quân bay, nọc...

- Dạ, bẩm cụ lớn, nó có cơn lãng trí, nhưng có cách trị được ngay!

Một thầy đội hầu ứng thanh nói, và thẳng tay vả cho Mạch Tấn Giai mấy cái thật đau, làm va chúi đầu, chúi mặt, nẩy đom đóm, trí nhớ hồi tỉnh nhấp nháy:

- Ôi chao!... Ôi chao!... Bẩm các quan bảo tôi khai thế nào, tôi khai thế ấy...

- Ủ, có thể chứ!... Lý Văn Phúc đỡ lời Trịnh Hoài Đức còn đang bậm môi trừng mắt, chưa hết kinh ngạc. Cụ lớn truyền cho mi đầu đuôi nhập lửa ngục Khôi thế nào, phải khai cho thực, nghe!

Mạch Tấn Giai chậm rãi đem những sự tình từ lúc ăn thề khởi loạn, kể hết một lượt, không giấu giếm gì cả.

Quan khâm mạng (tức Trịnh Hoài Đức vâng lệnh vua sai làm đầu xét xử vụ án lớn này) gọi tên bị cáo và hỏi:

- Nay, Mạch Tấn Giai! Mi là người Tàu sang đây kiêu ngụ buôn bán được bao lâu rồi?

- Thưa, đã trên 15 năm! Mạch đáp.

- Đó, trong bấy nhiêu năm mi nương nhờ đất nước này được an cư lạc nghiệp, không biết đã gởi bao nhiêu của về Tàu, đáng lẽ phải nhớ ơn triều đình, mi lại theo hùa thằng Khôi làm phản là nghĩa thế nào?

- Bẩm, tôi với Khôi là chỗ thâm giao lâu ngày, lại có chân trong Thiên địa hội, thề nguyên sinh tử hoạn nạn có nhau, dù sao cũng không thể phụ ước. Một khi hấn khởi binh, nhắc tới thề nguyên ấy, tôi không lẽ từ chối... Vả lại, hấn khởi binh lấy danh nghĩa và có mục đích là vì bản triều, như thế, nào phải làm việc phản loạn? Vì đó mà lúc đầu bá tính Lục châu quy phục như nước chảy.

Các cụ lớn cùng trừng mắt nhìn Mạch Tấn Giai lờm lờm, trong khi quan khâm mạng nói:

- Mi ra chỗ này phải rờ hồn cái miệng, chớ nói bá xàm mà chết!...

- Không, tôi đã hứa biết sao nói thế, không dám nói sai, Mạch đáp.

- Vừa rồi mi nói Khôi dấy loạn, lấy danh nghĩa và có mục đích vì bản triều?

- Bẩm vâng.

- Mi nói minh bạch ra xem: thế nào là lấy danh nghĩa và có mục đích vì bản triều?

- Thưa mục đích khởi binh của Khôi là để phù lập đức Hoàng trưởng tôn, con Đông cung Cảnh, lên ngôi hoàng đế; vì sinh thời Đông cung có công lao to với nhà nước và được nhân dân Lục châu kính mến vô cùng; họ bảo Đông cung chẳng may mất sớm thì ngôi báu về phần

Hoàng trưởng tôn là phải lẽ... Cái mưu phù lập này, chính đức ông Kiến An là ngự đệ Kim thượng (em ruột vua Minh Mạng) xướng khởi, mà Khôi là tay chỉ huy thực hành, có hai người phù tá trọng yếu là Nguyễn Văn Trân coi sóc quân sự, cố Du giúp về ngoại giao...

- Cố Du là người mô rứa hè? Quan khâm mạng chận lại hỏi, có vẻ sững sốt, vì ông mới nghe nói cái tên ấy lần đầu, Mạch Tấn Giai chưa kịp nói gì, nghe một vị quan trong hội đồng đã nhanh miệng trả lời hộ:

- Tức là thầy đạo mà ta vừa mới hỏi cung đó! Cố tức là thầy giảng đạo.

- Rứa à!? Trịnh Hoài Đức vui mừng, vừa nói vừa gật gù, vì bắt được một cái thóp. Lính đâu? Lại dẫn thầy đạo ban nãy lên, nghe!

Người ta lại đòi cố lên công đường. Vừa trông thấy mặt, Trịnh Hoài Đức dồn hỏi lia lịa:

- Thế nào?... Thế nào?... Hẳn thầy đã suy nghĩ chín chắn để cung khai thú tội đấy chứ?

- Các quan nên biết cho rằng sự thật những gì, ban nãy tôi khai hết cả rồi; Cố ung dung nói. Tôi không phải suy nghĩ thêm bớt gì nữa.

- Được rồi, chuyện ấy để đó sẽ hay!... Giờ tôi chỉ hỏi thầy có biết người này là ai hay không? Trịnh nói và trở tay vào Mạch Tấn Giai.

Cố đoán là câu hỏi gài bẫy, nên chỉ trả lời ngoài đề, mà cũng đúng sự thật:

- Ô! Đây là người bạn đồng hành trong cũi với tôi, từ trong Gia Định, lẽ nào không biết.

- Ta hỏi nhà thầy là hỏi có biết người này là ai lúc ở trong thành Gia Định kia mà?

- Có!... Có!... Đây là Mạch Tấn Giai, người khách, làm thủy quân đề đốc của Lê Văn Khôi, nếu như trí nhớ của tôi không sai.

- Trời ơi! Trí nhớ của thầy chắc như đinh đóng cột, chẳng sai tí nào!... Ta không hiểu sao thầy biết tường tận lắm nhỉ? Cả tính danh, quốc tịch cho đến chức tước. Hẳn thầy biết khắp mặt ngục đảng trong thành Phiên An, phải không?

- Vâng, tôi biết tên biết mặt dễ thường hầu khắp những người có chức phận trong thành lúc bấy giờ... Các ngài nghĩ xem: ở trong một thành này, cũng như ở trong một căn nhà hẹp, người ta buộc ông gặp gỡ chung đụng nhau hằng ngày, thế tất quen biết lẫn nhau, là chuyện rất tự nhiên; dù con trẻ đàn bà cũng thế, huống chi người có trí nhớ và chịu giao thiệp như tôi, cho đỡ cảnh buồn ở giữa vòng vây... Song, các quan có lòng công bằng vô tư, thì chắc phải xét hiểu lẽ này: biết mặt biết tên một người, có phải bắt buộc là bạn đồng tâm đồng sự với người ấy đâu...

Cổ còn muốn nói nhiều, nhưng quan khâm nạng cản lại:

- Thôi, nhà thầy thuyết lý vừa vừa chứ, đây ta chỉ cần biết sự thực. Mạch Tấn Giai đã khai rằng thầy là một yếu nhân của quân nguy, phò tá chúng nó về việc ngoại giao; thầy còn chối mãi vô ích, cứ thú nhận đi cho xong!

- Hấn ta man khai đấy! Cổ trả lời. Một việc tôi không hề làm gì thì bảo tôi thú nhận nỗi gì.

- Thầy liệu thú nhận ngay đi, cho khỏi bị kim kẹp đau đớn. Phan Bá Đạt nói với giọng nửa giọng dỗ dành, nửa đe dọa.

- Tùy ý các quan làm gì thì làm, tôi là người quả thật vô tội.

- Nhà thầy không chịu thú nhận hử?

- Tôi đã nói tôi vô tội mà!

Qua hôm sau, hội đồng mới hỏi đến bọn Đặng Vĩnh Ứng và anh em Võ Vĩnh Tiền, Võ Vĩnh Lộc.

Bọn này tự biết mình tất phải chết, không chạy đâu khỏi, cho nên khi ra trước mặt các quan đình thẩm, một mực giữ thái độ cứng cỏi, ngang ngạnh: hỏi câu nào họ cũng trả lời có, buộc tội gì họ cũng nhận, chẳng sợ hãi chạy chối gì cả. Họ nghĩ đảng nào cũng chết, việc gì phải chối cãi việc mình đã làm, cho hóa ra con người hèn nhát. Đại trượng phu đã dám làm việc khó khăn mạo hiểm, bất quá thành thì sống, bại thì chết, không phải tự hạ chữa mình hay là sợ ai.

Nếu việc họ làm thành công, thay ngôi đổi bậc, tất họ cũng xét xử những người đang ngồi xét xử họ bây giờ. Bởi vậy họ ra trước tòa, khai rất đồng dạc, không có chút nào tỏ ra yếu ớt, hoặc tìm cách bào chữa đồ quanh để cầu lấy sống.

- Mi đồng lõa với ngụy Khôi?

- Phải.

- Tại sao tui mi dám phản triều đình?

- Tại triều đình dung túng những bọn tham ô, lợi dụng như Bạch Xuân Nguyên, Hoàng Công Lý, chỉ hà hiếp bóc lột dân Lục châu, đến con trẻ đàn bà cũng phải công phần, huống gì chúng tôi có huyết khí, kiết dùng thanh gươm!

- Bay có mục đích khởi loạn để phục thù cho Lê Văn Duyệt?

- Phải, sinh tiền Thượng Công có huân nghiệp to với dân, với nước, mà triều đình vì tư hiềm nữ quên ơn, bôi nhọ một người công thần khai quốc như ngài, dân Lục châu đều lấy làm bất bình.

- Lũ bay phạm tội đại nghịch bất đạo, lại còn khéo già hàm, kiếm cố!

- Bẩm các ngài: thiên hạ còn có nhiều chuyện đại nghịch bất đạo bằng mấy, ví dụ bức hiếp chị dâu, sát hại cháu ruột, thì không ai dám mở miệng nói gì?

Người trả lời châm chích cạnh khốe ấy là Đặng Vĩnh Ứng. Các quan đưa mắt nhìn nhau. Trịnh Hoài Đức tái mặt, thét vang:

- Thằng khốn nạn, hãy câm cái miệng! Quân bay, vả vào mặt nó kia!

Thầy đội hầu đứng gần, dạ một tiếng rồi tay nọ túm ngực, tay kia vả hai bên mặt Vĩnh Ứng túi bụi. Vĩnh Ứng không thém năn nỉ hay kêu la nửa tiếng, lại còn nói giọng óc:

- Giờ người ta ở trong tay các chú rồi, các chú làm gì chả được? Thử đặng thằng gặp nhau ở chỗ chiến trường coi!

Thầy đội bị khích, toan xông lại thượng cẳng tay hạ cẳng chân nữa, nhưng các quan ra hiệu cản lại không cho hành hung, có lẽ vì câu nói của Vĩnh Ứng khiến các ngài suy nghĩ không muốn cạy quyền dờ thói võ phu với một tên tù.

Nhân tiện, các quan truyền cho tù vào cũi và đưa về ngục.

Lúc đứng dậy, Võ Vĩnh Lộc tự xé một miếng áo cộc trong mình đã rách, chùi máu cho Vĩnh Ứng và nói mấy câu sau này khá to, cốt để các quan đình thẩm nghe được:

- Họ muốn giết hay muốn làm gì anh em mình cũng thế thôi!.... Đây có phải sợ chết đâu, chỉ cần được chết cho chóng!

Còn thằng Cừ, bảy tuổi, các quan cũng đem ra lấy cung, chiếu lệ. Nó còn ngây thơ, thật thà, chả biết đầu đuôi câu chuyện ba nó khởi binh xướng loạn thế nào mà nói.

Ra trước mặt các quan, nó đứng xuôi tay trở mắt, nhìn hết bộ râu bạc phơ của ông nọ, đến chiếc điều ngà tráp khám của ông kia. Người ta hỏi câu nào đó trả lời được thì trả lời dõng một; phần nhiều là bởi việc ở trên sự hiểu biết của nó thì nó chỉ lắc đầu và đứng ngây người ra.

Ví dụ hỏi lúc ở trong thành Phiên An, ai săn sóc nó và ba nó có hay tụ họp bè bạn không, nó trả lời rằng lúc trước ở với vú nuôi, đến sau chỉ chơi với chị Tần, còn ba nó khi còn sống, thường họp bè bạn luôn, mà người nào cũng mang guom.

Một ông hỏi nó với giọng nhỏ nhẹ, vỗ về, nhưng không rõ là vô tình hay dụng ý:

- Ngay sau lớn lên, mi định làm gì nào?

- Tôi muốn học võ giỏi để báo thù cho ba tôi! Thằng Cừ thật thà trả lời như đã nói với cô Tần hôm nào.

- Vì sao thế? Ông quan hỏi lại.

- Vì quân giặc nó vây thành, làm ba tôi mang bệnh mà chết!

Thằng bé gọi binh triều là giặc. Không chừng trong óc non nớt của nó, tưởng ba nó vì phận sự đối với vua quan mà đánh nhau với giặc, rồi bị giặc vây, chứ không hiểu thế là phản loạn cũng nên.

Dù sao, câu trả lời thật thà của nó cũng là một hòn đá sẽ đè nặng trên ý quyết định của các quan làm án sau này. Có người nghĩ như thế. Nhưng chúng tôi nghĩ ở đời bấy giờ, một kẻ làm phản nhà vua, thì cả vợ con dòng họ phải chết, vô luận có tội hay không tội, biết hay không biết.

Vụ đáng lẽ chỉ xử mấy hôm là xong. Vì kết quả thế nào đã nhất định từ trước, ai mấy thừa biết rồi; ví bằng không bày vẽ xét xử đi nữa cũng được. Nhưng người ta cốt làm ra quốc pháp uy nghiêm, triều

đình công chính, lập thành tòa án đình thẩm, rồi nay hỏi một ít, mai một ít, kéo dài đến ngót tháng rưỡi mới xong.

Cả 6 người cùng bị kết án lăng trì, thứ hình phạt nặng nhất, ghê gớm nhất, chỉ để dành cho những người phạm tội phản nghịch nhà vua.

*

Ta hãy để bọn ấy ngồi khom trong cũi, cho đến ngày hành hình cứ một tiếng trống, xẻo đầu một miếng thịt, đây nói chuyện ông Lê Văn Duyệt tuy đã hết lâu rồi, cũng bị triều đình kết án nghiêm nhất.

Từ ngày Khôi dấy loạn, khiến triều đình tổn hao nhiều tiền nhiều máu mà đánh dẹp mãi chẳng xong, vua lại càng oán giận ông Duyệt, đổ lỗi tại ông sinh thời dung dưỡng thủ hạ, mới đẻ ra cuộc loạn ngày nay. Trong ý ngài càng nhất định truy phạt được Duyệt thật nặng, và đợi ngày bắt được bọn Khôi sẽ kết án thầy trò một thể.

Bây giờ các cụ triều thần làm án sáu người kia xong, dâng cả hồ sơ và bản án lên tâu vua chuẩn y. Trong lời tâu, không quên chiều đón ý vua, gài ông Lê Văn Duyệt vào một cách chặt chẽ, một hai xin vua trị tội ông để làm gương. Nhất là ông Phan Bá Đạt, chẳng những xin lột hết quan chức Lê Văn Duyệt mà thôi, lại xin bắt cả vợ con giao cho Hình bộ nghiêm trị nữa.

Vua liền hạ dụ như sau đây:

“Lê Văn Duyệt vốn xuất thân là kẻ yêm hoạn, lúc trước làm một tên đầy tớ trong nhà. Sau gặp buổi trùng hưng, rồng mây gặp gỡ, việc đánh dẹp Tây Sơn, nó cũng có dự phần công lao.

Đức Hoàng khảo ta nghĩ nó thuở nhỏ hầu hạ trong cung, nên đem lòng tin cậy, nhiều khi cho nó cầm quyền đại tướng. Không dè bọn ấy phần nhiều là quân bất lương, mỗi ngày sinh ra kiêu căng, manh lòng phản nghịch, sinh chí làm càn, ăn nói hỗn xược. Nhưng vì nó e sợ hoàng khảo ta thanh minh, cho nên dẫu có lòng gian mà chưa dám lộ. hoàng khảo ta đến mấy năm về già cũng đã biết rõ điều đó.

Tuy vậy, ngài suy nghĩ nó tuy manh lòng gian tà, song nay thiên hạ đã yên, hễ trong thần dân không ai đại gì đi theo đũa tôi tớ yêm hoạn như nó, thì nó chẳng làm gì nên chuyện mà lo.

Kịp đến trầm lên nói ngói, dòm lại cự thần không còn mấy người, lại nghĩ nó tuổi tác đã già, nên chỉ hãy tạm khoan dung, họa chăng nó biết ăn năn, hối cải cho được toàn vẹn công danh, như thế cũng là việc hay, trầm rất mong muốn.

Ngờ đâu tên Duyệt lòng như rắn rết, tính giống sài lang, càng ngày càng thêm kiêu ngạo, dám nói xấu triều đình trước mặt đông người và tự khoe tài cán mình chẳng ai bì kịp. Năm nọ những kẻ tù phạm xứ Thanh, xứ Nghệ, cùng là bọn hung ác bất lương, Duyệt đều chiêu dụ ra thủ, tâu xin ghép vào quân đội bản bộ để cho vây cánh thêm nhiều...

“Lê Văn Khôi là đứa vô lại, Duyệt tiến cử đến chức vệ úy, đặt dưới cờ mình, dùng làm thủ hạ tâm phúc. Thổ hào như bọn Dương Văn Nhã, Đặng Vĩnh Ứng, thì nó giao kết dùng ngầm, họ hàng như bọn Võ Vĩnh Tiên, Võ Vĩnh Lộc thì nó âm thầm lập đảng. Tù phạm ngoài Bắc đày vào Gia Định, nó cho ở cả trong thành, rồi thu biên làm lính; vợ vét thuyền bè khí giới của Nam kỳ lục tỉnh, đem chứa vào thành Phiên An; lại nghe lời tên Trần Nhật Vĩnh bày mưu lập kế, bòn rút của dân Nam kỳ.

Nó xây thành Phiên An, cố ý đắp cao như kinh thành, hào thì đào sâu hơn. Nếu bảo cần có thành cao hào sâu để phòng bị giặc Xiêm, thì mặt bể phải phòng ở Hà Tiên, mặt bộ phải phòng ở Chân Lạp kia, lẽ nào bỏ mặc bốn tỉnh An, Hà, Long, Tường không lo giữ, lại chỉ lo giữ ở Phiên An là nghĩa lý gì? Điều ấy chứng tỏ ra nó dụng tâm phòng bị đối địch triều đình, chứ không phải phòng bị ngoại xâm vậy. Cứ suy như thế thì ruột gan nó ra sao, người đi đường cũng nhìn thấy rõ, ai chẳng căm giận, chỉ tiếc không ai chịu nói rõ cho triều đình biết sớm mà thôi.

Đến nỗi ngày nay như nuôi cái ung độc để nên đau mỗi ngày mằm vạ một lớn, cho nên kẻ hoạn thị lộng quyền kia đều chịu quốc pháp chém giết mới đáng đời, mà bọn nhỏ nhất vây cánh nó còn dám giữ thành làm phản. Ví bằng quan cai trị không đón hèn như Nguyễn Văn Quế, tham tàn như Bạch Xuân Nguyên đi nữa, chúng nó cũng có ngày tìm cơ khác mà làm phản, không sao tránh khỏi. Bởi lũ bộ hạ nó toàn là hung đồ quen làm những việc gian ác. Chúng đã quen thấy nó dối chúa lẫn trên, đều bắt chước nó.

Rất đời nó dám nói với người ta rằng nó vào trấn Gia Định, vốn là phong vương để giữ lấy đài, chứ không phải như các tổng trấn tầm

thường khác. Mồ mả cha nó, em nó, cũng tiếm gọi là lăng. Có khi đối với người ta, nó dám tự xưng là “Cô”, để cho thủ hạ tập quen thành thói, chỉ biết kiêng sợ Lê Văn Duyệt mà không biết đến triều đình.

Xưa thầy Hữu tử đã có câu nói: Không ưa phạm người trên mà ưa làm loạn, chưa có lẽ ấy bao giờ. Vậy thì ưa phạm bề trên mà không ưa làm loạn, cũng chưa có lẽ thế bao giờ. Mỗi vạ gây nên đã lâu, muốn cho bọn tiểu nhân kia không làm phản sao được?

Vậy nên nó chết chưa bao lâu, bọn Lê Văn Khôi đã nổi loạn, mà cháu ruột nó cũng đồng tình dự mưu, để cho cả bọn bán bộ quân mã của nó đều theo giặc hết thầy, chẳng một tên nào trốn đi. Rồi tên Khôi kết tử đảng, cây có thành cao hào sâu, lương thực chứa chan, khí giới tinh nhuệ, vây cánh lại đông, ra mặt kháng cự quan quân, dai dẳng đến ba năm trời. Nhiều lần đã mở đường sống cho chúng nó, mà chúng nó vẫn không biết ăn năn hàng phục, một mực chống cự vương sư, đến nỗi binh lính nhân dân gan óc lầy đường, nói ra đau xót. Truy đến cội nguồn, thì tội của Lê Văn Duyệt kể từng sợi tóc cũng không xuể.

Nay hãy đem những công việc nó làm, rõ ràng ở tai mắt người ta, để gây nên họa hoạn, hiểu thị cho ai mấy đều biết.

Còn Lê Văn Duyệt và con cháu nó nên xử tội thế nào, thì giao cho đình thần xét rồi tâu lên”.

Đọc tời dụ này, ta thấy nhà vua buộc tội ông Duyệt hết sức gắt gao, ví dụ ông còn sống mà có phép tiên, rụng đầu này mọc đầu kia, chịu chém đến hàng chục thủ cấp cũng chưa vừa tội.

Nặng nhất là những tội tiếm việt. Nào là đắp thành Phiên An cao bằng kinh thành; nào là dùng tiếng “Cô” để tự xưng; nào là mồ mả cha mẹ dám gọi là lăng; ở đời quân chủ độc tôn, những việc làm ấy nguy hiểm cho phạm nhân, đến nỗi chỉ kể lấy một khoản thôi, cũng bị án sát thân diệt tộc.

Hồi đó ông Duyệt không còn sống để bênh vực ấy mình, nhưng đã có sự thật bào chữa hộ ông.

Thành Phiên An, ông xây xong năm Minh Mạng thứ 11 (1830), tường cao hào rộng thế nào, trước khi khởi công đã tâu vua chuẩn y; bây giờ bảo ông tự tiện xây cao bằng kinh thành là dụng tâm tiếm việt, thật oan cho ông. Mồ mả song thân của ông để ở Long Hưng, gần Rạch Gầm, lúc ấy vẫn sò sò trước mắt mọi người trông thấy ngôi

nào cũng xây bằng đá, theo kiểu cách mồ mã các nhà quan to đương thời, chứ không có vẻ gì là lăng tẩm. Ngôi mộ bà cụ xây năm Giáp Tuất (1814), có mộ chí khắc những hàng chữ sau này:

Tuế tại Giáp Tuất trọng hạ cái nhật
Việt cổ hiển tĩ Khâm sai trưởng kỳ
Lê hầu chính thất Nguyễn phu nhân chi mộ
Hiếu tử khâm sai Gia Định thành tổng trấn
Trưởng tả quân, bình tây tướng quân

Lê Văn Duyệt lập.

Nghĩa là:

“Năm Giáp Tuất, tháng trọng hạ, ngày lành. Đây là mộ mẹ tôi, Nguyễn phu nhân, chánh thất của quan Khâm sai Chương cơ, họ Lê, phong tước hầu.

Hiếu tử vâng mệnh Tổng trấn thành Gia Định, trưởng Tả quân, Bình Tây tướng quân, tước Quận công Lê Văn Duyệt dựng bia”.

Còn ngôi mộ ông cụ thì xây năm Tân Tỵ (1821), trước mộ cũng dựng bia khắc chữ: *“Đây là mộ thân phụ tôi, Vũ huân tướng quân, Khâm sai chương cơ, tể Thống chế, Lê hầu”.*

Giữa lúc ông Duyệt xây mộ cho song thân, là lúc ông đang làm tổng trấn Gia Định, uy danh hiển hách, được vua nể dân yêu. Ai xem mấy ngôi mộ ấy đều nhận thấy từ chi tiết cho đến toàn thể, chẳng có chút nào tỏ ra ông tiếm việt, dám gọi mồ mã cha mẹ mình là lăng tẩm như của nhà vua.

Theo chế độ xưa, một người được phong tước vương mới tự xưng mình là “cô” nhưng Nguyễn triều ta, ngay khi đức Gia Long nhất thống trong nước xong, liền định ra lệ không phong vương cho ai, trừ ra trong hoàng tộc, dù có công lao đến đâu cũng thế. Cho nên các ông Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Thành, Lê Chất v.v... đều có công lao khai sáng rất to, nhưng chỉ được *phong thưởng đến Quận công là tốt bậc*. Điều lệ triều đình đặt ra như thế, khắp nước đều biết. Chắc hẳn ông Duyệt không dại gì tự xưng là “cô” để mua lấy tiếng cười.

Đến như việc ông thu biên những tù đầy mãn hạn, cho vào quân đội, cũng là làm việc công cho nhà nước, nào phải vì việc riêng hay

là có ý phản nghịch? Một chứng cứ bày tỏ ra ông làm quan tận trung với vua, với dân, rõ ràng hơn hết là khi ông nhắm mắt, không để của cải gì cho vợ con khác hơn là vài ba mẫu ruộng.

Nếu lúc bấy giờ, một vị triều thần giàu công tâm đại nghĩa, sau khi đọc tờ dụ buộc tội của nhà vua, muốn bênh vực thanh danh hộ ông Duyệt, thật không thiếu gì sự lý hiển nhiên.

Song triều thần cũng không ưa gì ông, cho nên lửa cháy lại đổ dầu thêm, tìm cách buộc tội nhiều hơn, nặng hơn là khác.

Cứ theo sử chép, tờ dụ ban xuống hôm trước, hôm sau ba vị quan nội các là Hà Quyền, Hoàng Quýnh và Nguyễn Tri Phương cùng dâng sớ tâu rằng Duyệt bao dung cho quân phi loại, gây nên việc loạn ở Gia Định thật ra mầm vạ tích lũy đã lâu. Xét ngay trong những giấy tờ của Duyệt để lại, đủ thấy dấu vết y mưu đồ phản nghịch, là sáu việc kể ra sau đây:

1) *Tư thông Diển Điện*, - Năm Minh Mạng thứ tư 4, Duyệt sai thủ hạ thân tín là bọn Phan Đạt đi thuyền đem thư sang nước Diển Điện mượn cớ là đi do thám ngoại tình. Ý chừng trong thư có chuyện giao thiệp bí mật. Lấy nghĩa “làm tôi không được tự tiện giao thông với nước ngoài”, thì tâm sự Duyệt thế nào đã tỏ rõ ra đây. *Tội ấy là một.*

2) *Khinh thị triều đình*, - Sau Diển điện sai sứ qua nước ta. Sứ thần Diển điện đến thành, Duyệt mới tâu về triều, Hoàng đế hạ dụ nói việc đó quan hệ đến đại nghĩa, chớ nên khinh thường nghe lời bên ngoài mà bỏ tình hòa hiếu, gây mối cừ thù. Thế mà y cố xin dung nạp sứ bộ nước Diển. May mà triều đình trả đồ cống vật, cho xứ Diển Điện về nước, có thể danh nghĩa ta là nước lớn mới giải tỏ ra với thiên hạ,. Y mưu toan việc nước sai lầm, lại cố giữ ý riêng để che điều lỗi. *Tội ấy là hai.*

3) *Tự phụ có quyền*, - Năm Minh Mạng thứ 7, có một chiếc tàu Anh cát lợi bị gió đánh bật vào cửa Bình Thuận; quan sở tại tâu về triều, vua hạ chỉ sai ngay sở tại hô đưa tàu ấy ra bể. Duyệt cố xin đưa tàu vào Gia Định; trong sớ có câu: “Quan địa phương không bằng thần có quyền, khiến cho kẻ kia sợ tướng lệnh và biết binh oai nước ta.” Đạo làm tôi xưa nay vẫn kiêng nói hai chữ có quyền, thế mà Duyệt ngang tàng tự nhận, thật là kiêu căng. *Tội ấy là ba.*

4) *Bị miện thị phi* – Năm Minh Mạng thứ tư, Thị vệ Trần Văn Tình vào Gia Định có việc công sai, lúc về có tâu việc Trần Nhật Vĩnh

làm riêng phổ ngôi, mua trộm các món vật liệu, vì cậy có thể Duyệt che chở. Duyệt nghe chuyện ấy, năm sau về châu, một hai xin bắt Trần Văn Tình giao lại cho y để y chém, nếu không giao thì y xin trả lại chức tổng trấn Gia Định. Thế rồi y xin từ chức thật. Té ra y cố ý bức vua, còn có tội gì to hơn. Vả lại y đòi giết Trần Văn Tình, cốt ra oai để bịt miệng người ta, dù y có lòng quyền vi pháp thế nào, từ sau không ai dám nói nữa. Dụng tâm như vậy thật là nham hiểm. *Tội ấy là bốn.*

5) *Ngôn ngữ bất kính* – Đã có chỉ bổ Trần Nhật Vĩnh làm ký lục Vĩnh Thanh, mà Duyệt cố xin giữ lại ở Gia Định. Lê Đại Cương cũng có chỉ tuyên triệu về kinh, nhưng Duyệt kéo nài lưu lại làm việc phủ Lạc Hòa. Hai việc y đều cố ý trái nghịch chiếu chỉ. Trong bản tâu của y nói rằng: “ích cho nhà nước ở chốn biên cương.” Lại trong bản tâu xin chi lương bổng cho bọn thơ lại, cơ, đội, các vệ, có câu: “Lão thần ở ngoài biên khốn xa xôi, chỉ e triều đình tin dùng không được bền vững”. Lời lẽ ấy tỏ ra bất kính. *Tội ấy là năm.*

6) *Hy vọng thoán nghịch*, - Năm Minh Mạng thứ sáu, y tâu xin tăng thọ cho Lê Chất, có câu rằng: “Ấy là vị thánh được khởi tử hồi sinh, tiếc gì mà không làm”. Y giữ chức trấn thủ biên cương mà dám kết đảng tự tình như thế, rất trái đạo làm tôi. Vả lại nghe nói bình nhật y thường khoe với người ta rằng y xin thơ tiên được bốn câu như sau này:

*“Tả Hán tranh tiên chư Hán tướng
Phụ Chu ninh hậu thập Chu Thần
Tha niên nhược ngô Trần kiều sự
Nhất đán hoàng bào bức thử thân*

Nghĩa là:

*Giúp Hán không thua bầy Hán tướng.
Phòng Chu bá kém bọn Chu Thần.
Một mai gặp chuyện Trần Kiều⁽¹⁾ trước,
Bỗng chốc hoàng bào, khoác đến thân*

Tóm lại, bọn ông Hà Quyền xin vua giao cả lời tâu trên đây cho đình thần lấy tài liệu xét án Lê Văn Duyệt và định tội để rõ quốc pháp.

(1) Lấy điển Triệu Khuông Dã những làm quan Điện tiền Đô kiểm điểm nhà Chu, gặp lúc vua còn bé, phụng mệnh đem binh đi đánh giặc, đến Trần kiều, quân sĩ lấy hoàng bào khoác vào mình, tôn lên làm hoàng đế, ấy là Tống Thái Tổ (Tây lịch, thế kỷ thứ 10)

Vua chuẩn y.

Đã nói triều thần vốn sẵn lòng chẳng ưa ông Duyệt, lại muốn chiều theo ý vua, cho nên công việc nghị án làm rất chóng. Các cụ chỉ có việc lục xem các bản tấu sớ cũ, mà rút lấy những lời nói việc làm của ông Duyệt có thể buộc tội phản nghịch gồm có bảy tội nên chém, kể ra sau đây:

- 1) Sai người đưa thơ sang Diên Điện, bí mật ngoại giao;
- 2) Xin giao chiếc tàu Anh cát lợi vào thành Gia Định để tỏ
mình có quyền;
- 3) Xin giết thị vệ Trần Văn Tình để khóa miệng thiên hạ;
- 4) Vi lệnh triều đình, xin giữ những quan viên đáng lẽ
bổ dụng nơi khác;
- 5) Lập đảng và xin tặng thọ cho Lê Chát;
- 6) Giấu chứa giấy ngụy bảo;
- 7) Mò cha, tiếm gọi là lãng; đối với người ta, tự xưng là “cô”.

Ngoài bảy tội nên chém, còn có hai tội nên xử giảo: một là cố xin dung nạp Diên Điện để che chở lỗi mình; hai là nói chuyện với người ta xin được bài thơ tiên có câu: “Nhất đán hoàng bào bức thử thân”.

Thêm một tội nữa đáng phát phối sung quân, là tội tự tiện sai binh lính đóng tàu thuyền cho mình.

Triều thần xét ra vụ loạn Phiên An, chính Duyệt là đầu tiên, vậy chiếu theo luật mưu phản thì phải ghép y vào tội lãng trì mới đáng. Nhưng y đã chết rồi, vậy xin thu hết cáo sớ, mở quan quách ra mà giết thầy, hầu treo gương cho kẻ khác lấy đấy làm răn. Cho đến ông cha của y được phong tặng cáo sớ, nay cũng truy đoạt hết cả; mò mả có chỗ nào xây dựng lạm phép thì xin phá hủy; vợ con cũng phải chịu tội, tài sản nhà y đều tịch một sung công.

Bản án đệ lên ngự lãm; vua Minh Mạng muốn tỏ công bằng, sai Hình bộ sao lục gửi đi các tỉnh, hỏi ý kiến các hàng tổng đốc, tuần phủ, cho phép cứ thực tâu bày. Nhưng có ông mô dám ngỏ ý kiến gì khác là điều vua đã muốn? Thành ra mỗi ông đều tâu về tán tụng rầm rập; chẳng nghe một tiếng nào bênh vực ông Duyệt, ngay những

người từng chịu ơn đề bạt của ông cũng vậy.

Vin lấy chỗ gọi là công luận ấy, nhà vua có lời châu phê như sau này:

“Cứ xem như thế thì đủ rõ lẽ trời không sai, mà công đạo ở lòng người không ai giấu được. Kẻ quyền gian kia gây nên tai vạ, ai ai cũng phải căm giận, muôn miệng cùng lời, đủ tỏ cái án sắt nghìn xưa. Tội ác của Lê Văn Duyệt dù nhỏ từng sợi tóc mà kẻ cũng không hết, nói ra đau lòng; dù có bỏ quan quách ra mà giết thầy, cũng là đáng tội. Song nghĩ nó chết đã lâu, vả chẳng đã truy đoạt quan tước, thôi thì xương khô trong mả chẳng bỏ gia hình. Vậy truyền cho tổng đốc Gia Định đến mả nó, san làm đất bằng, và khắc đá dựng bia ở trên viết to những chữ: *Quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp xử* ⁽¹⁾ để chính tội danh cho kẻ đã chết mà tỏ phép nước về đời sau, làm gương cho kẻ quyền gian muôn đời.”

Còn cháu ông Duyệt là Lê Văn Hán, có một lúc đã đóng vai thuyết khách chiêu hàng, nhưng bị Khôi mắng nhiếc một chập rồi đuổi đi, chuyện ấy độc giả hẳn còn nhớ. Bây giờ nhà vua cũng nghĩ lại công ấy, cho Hán ban đầu tuy có giao thông với giặc, nhưng chẳng qua cuồng dại một lúc không như những kẻ trước sau theo giặc chống cự quan quân, nên chỉ Hán chỉ bị khép vào tội trăm giam hậu, cũng án treo thể thôi.

Phụ lão ở Gia Định tương truyền rằng: hôm các quan tỉnh Gia Định vâng chỉ thi hành cái án Lê Văn Duyệt, đến ngôi mộ ông tại Bình Hòa xã, san thành đất bằng và đặt một dây xiềng bằng sắt chung quanh tâm mốc đá có tám chữ theo lệnh vua dạy, trời đang quang đăng bỗng hóa ra âm ỷ thâm sâu. Người ta kinh dị bảo nhau:

- *Cái oan khí của Thượng Công phát tiết ra đây!*

Không muốn để lại một tý dấu vết phản loạn, hay là nguy đảng đã bị trị tội nghiêm khắc thì bức thành cũng không nên dung tha, đồng thời nhà vua sai phá thành Phiên An đi, xây thành mới, nhỏ hơn, lui vào phía trong. Ấy là thành Gia Định.

Cách sau mấy chục năm, người Pháp đến Saigon, ra tay xây dựng mở mang. Lúc khởi công xây nhà thờ lớn ở Saigon hiện nay,

(1) Đây là chỗ tên yêm hoạn lộng quyền Lê Văn Duyệt chịu quốc pháp.

người ta phải dọn dẹp nhiều gò đồng chung quanh, để san thành đất bằng. Nhân thế, người ta đào thấy một lớp tro tàn và những mảnh vụn đã cháy đen. Có lẽ đây là di tích kho tàng lương thực của Khôi định đốt cháy trong khi binh triều hạ thành Phiên An tháng 7 năm Mùi. Trong lúc đào đất, dân phu lại phát quật được nhiều đồng tiền đồng đã chảy và dính cục lại; vô số quả đạn bằng sắt hay bằng đá còn nằm y nguyên dưới đất, xen lẫn ngói vỡ gạch vụn. Lại thấy cả thi hài trẻ con bỏ trong chum trong thạp đầy kín nữa.

*

Trong những hôm Triều đình xử vụ án Lê Văn Duyệt, bọn Mạch Tấn Giai, Lê Văn Cừ thanh án, vẫn nằm ở ngục Hộ thành đợi ngày thọ hình chính pháp.

Chẳng ai một sống hay cầu sống, mà cũng không còn mảy may nào trông mong thoát chết được nữa, cho nên họ sốt ruột cầu lấy chóng chết cho mát tâm thân, nhưng mà ngày ấy đến bao giờ, chưa biết.

Vì chính triều đình cũng còn chờ đợi.

Muốn cho cuộc xử quyết này có vẻ uy nghiêm long trọng ở trước tai mắt dân gian nhà vua cốt đợi tất cả tướng sĩ thắng trận ở thành Phiên An trở về kinh đô, làm lễ phục mệnh và hiệu phù tử tế, rồi bấy giờ mới đem bọn Mạch Tấn Giai ra chính pháp.

Cuối tháng mười, đầu tháng mười một, đại quân mới lục tục kéo về đến kinh thành. Họ được nhà vua sai quan khâm mệnh đi đón rước từ ngoài hai mươi dặm và ban đồ khao lao quân sĩ một cách rất hậu.

Thái Công Triều đi theo đại quân khai hoàn và cũng được coi như một chiến tướng có công trận.

Cách một hôm sau, cơ nào vệ ấy, đội ngũ chỉnh tề, cờ xí rực rỡ, đứng xếp hàng trước cửa Ngọ Môn, đối diện mấy đội cấm binh mặc nhung trang đỏ chói và tàn quạt voi ngựa dàn hầu cực kỳ uy nghi. Vua Minh Mạng ngự chính giữa trên lầu, đằng sau là các vị thân vương hoàng tử, hai bên thì văn võ đại thần đều bận triều phục.

Dứt hồi chiêng trống phát âm, do quan Lễ bộ xướng lễ, các tướng sĩ ở Gia Định khai hoàn, từ Nguyễn Xuân trở xuống, bài ban làm lễ phục mệnh hiến phù, dâng lên quyển sổ kê biên các khoản khí

giới, lương thực, vật dụng, cho đến số quân nguy đã bắt được ở thành Phiên An.

Đoạn, người ta đem bọn Lê Văn Cừ sáu người ở trong cũi ra, bắt họ làm lễ ngũ bái tỏ ý đầu phục nhà vua, trước khi đi chịu hình.

Người nào người nấy ở cũi lâu ngày, hai đầu gối như đã tê liệt, không còn cử động co rút được nữa. Lính phải đỡ từng người ra xếp hàng chữ nhất trước cửa Ngọ môn, để cho họ hành lễ. Nhưng tới khi lính buông tay ra bảo họ lạy thì cả sáu người cùng khuỵu chân, ngã quay lơ trên sân đá một lượt, chẳng lạy lỵ được.

Giá như có đứng vững chân, họ cũng không chịu lạy nào. Có người lính cầm vệ đứng gần, trông thấy Đặng Vĩnh Ứng đưa mắt ra hiệu cho đồng bối, rồi cả bọn đồng thời ngã vật xuống, làm bộ tê chân, không thể làm lễ. Họ nghĩ hai bên tương địch, mình thua trận bị bắt, kẻ thắng trận bắt quá chặt đầu phân thân mình là cùng, việc gì mà phải lạy lỵ.

Tuy vậy, lính cũng phải chiếu lệ, hai người đỡ một tên tù đứng thẳng lên và thét họ lạy Ngai ngự đi.

Họ lại ngã vật xuống keo nữa, rên rỉ kêu đau vang trời.

Lính lại đỡ dậy, rồi một chú ôm giữ ngang hông cho khỏi quy xuống, một chú nắm chụm hai tay họ lại đưa lên đưa xuống, bắt vái năm vái.

Họ tro như người gỗ, mặc lính làm gì thì làm, chỉ cúi gằm mặt xuống đất, không hề cưỡng lại mà cũng không ngó lên trên lầu Ngọ môn. Người bång quan tưởng họ đã kiệt sức tê gân, chẳng thể làm lễ quy bái theo đúng nghi tiết triều đình, nhưng sự thật dường như họ làm ra vậy, lập tâm không lạy.

Lễ hiến phù xong, quan Đề đốc Hộ thành thân dẫn 150 tên lính, nhận lấy tù đưa thẳng ra hình trường chính pháp.

Trời tháng một chạp, vừa mưa vừa lạnh, mỗi tù nhân chỉ đóng một chiếc khổ mỏng để mình mảy trần trụi, cho nên người nào cũng lạnh tím da thịt và run lẩy bẩy.

Đội lính dẫn tù đi hành hình, có cờ trống, gươm đao, voi ngựa, quan Hình bộ giám sát, mặc đồ đại trào cỡi ngựa, mang gươm tuốt trần, xem rất uy nghi. Bọn tù cũng ngồi trong cũi có người khiêng.

Từ cửa Ngọ môn ra hình trường là bãi chợ Đông Ba, không có mấy bước đường, nhưng người ta được lệnh phải đi quanh co nhiều phố phường dân cư, để cho thiên hạ xem mà làm gương. Đi một khúc đường lại nghe tiếng loa thét vang, nói cho dân chúng biết rằng: đây là sáu tên đầu đảng quân ngụy Phiên An đã bị triều đình đánh tan, bắt sống, bây giờ đưa đi xử lăng trì.

Lúc đi ngang phố phường Thượng tứ, có mấy nhà từ tâm, thương hại bọn tù rét mướt run rẩy, lén quăng cho người thì gói mền cũ, người thì tấm áo rách, để họ khoác lên mình cho đỡ lạnh lẽo.

Người ta đi diễu quanh phố để làm quảng cáo mãi, hết một trống canh mới đến hình trường.

Giữa bãi, mỗi người thụ hình phải quỳ gối, ngảnh mặt về phía Hoàng cung, hai tay tréo lại sau lưng, trói chặt cả chân tay vào một cái cọc. Người nọ cách người kia độ 5 thước ta.

Mười hai đao phủ quân tuốt mã tấu ra sáng quắc, hơi sắt làm lạnh cả tóc gáy thiên hạ đứng xem chung quanh. Muốn được cẩn thận mười phần, các chú đem theo cả đá mài, để ngay trước mặt tội nhân mà liếc mài soàn soạt, trong khi những người lính kia hì hục làm việc trói tay đóng cọc.

Ba hồi trống giục...

Vừa dứt tiếng trống, quan Hình bộ đứng ngân giọng tuyên đọc tờ chiếu rồi đến bản án kể nhĩ sáu người đóng cọc kia vào tội lăng trì,

Thiên hạ lặng lẽ lóng tai, nhưng chỉ nghe lảng vảng những chữ “loạn thần tặc tử” và “quốc pháp” thể thôi.

Cuộc hành hình bắt đầu.

Sáu tội nhân đồng thời thụ hình.

Đao phủ quân cầm dao lăm lăm trong tay, cứ nghe hiệu trống đánh một tiếng đùng, thì tốp nào tù nấy, đưa dao xéo của tội nhân một miếng thịt, bất cứ ở vai, ở đùi, ở lưng, ở bụng, con dao múa một vòng tiện đâu hạ xuống cắt đấy.

Người đứng xem tứ vi, dày đến mấy lớp. Nhiều khán giả may được chỗ đứng ở lớp trong, gần kê, xem rõ, nhưng lại yếu bóng vía, hễ nghe tiếng trống thì nhắm mắt lại; một lát mở ra, trông thấy máu

đỏ lỏm nhể nhại ở chỗ thịt vừa bị cắt. Trừ kẻ có lá gan sắt mới đứng xem mãn nhãn từ đầu chí đuôi, lắm người chỉ mở mắt nhắm mắt, hai lần, rồi thì lui đi chỗ khác.

Những người đứng lớp ngoài xa, tự nhiên không trông thấy gì cả, chỉ nghe sau một tiếng trống, là những tiếng ối, tiếng ái, tiếng kêu trời ơi, xen lẫn với những tiếng mắng, tiếng chửi... trước còn nhiều và rõ, lâu dần thưa bớt, nghe yếu mãi đi.

Thì ra tội nhân có sức chịu đựng khác nhau: cậu bé Lê Văn Cừ bị lóc có một miếng thịt đùi đã chết ngất, chẳng còn biết gì nữa; Đặng Vĩnh Ưng vốn là nho sĩ, da thịt mềm mọng cắn răn chịu được ba dao; duy có mấy viên võ tướng là bền hơi khỏe sức, coi sự cắt đi dăm bảy miếng thịt không có nghĩa lý gì, phải chặt đứt cổ thì họ mới chết.

Không ai lạ lòng gan góc như Võ Vĩnh Lộc bị xẻo tới mười hai người ba miếng thịt, nát khắp mình mẩy, máu loang đỏ người, mà trái tim vẫn đập như thường, miệng vẫn cười khanh khách và mắng chửi tứ tung:

- Chúng bay hèn lắm, muốn giết người ta thì chém phứt một đao cho xong, đừng cắt từng miếng chả bỏ ngựa thịt tao!... Chúng bay hèn lắm!

- Chặt đầu nó đi! Quan giám sát truyền lệnh.

Có thể mới bịt miệng thóa mạ của Võ Vĩnh Lộc.

Trong đám khán giả, nhiều người thuộc *truyện Tam Quốc*, xâm xì bảo nhau:

- Cái mặt của thằng cha đó, dễ thương to bằng mặt Khương Duy!

Một lúc sau, sáu tội nhân chỉ còn lại sáu chiếc thủ cấp bêu lên cao cho dân chúng thấy; còn thi thể đã cắt xẻo lung tung và những miếng thịt vụn, người ta nhặt nhanh đem đi một nơi đốt cháy thành tro rồi đổ xuống bể.

Sáu chiếc thủ cấp còn phải vát vả.

Vâng lệnh nhà vua, người ta lại bỏ sáu quả dưa có mắt mũi đỏ vào một cối, thêm hai cái sọ Lê Văn Khôi và Nguyễn Văn Trân là tám, trên cắm cây phượng dài bằng vải hồng điều, viết mấy chữ to: “*Đầu lâu bọn phản nghịch đã chịu quốc pháp*”, rồi sai chuyển đi các tỉnh, bêu cho dân thấy mà răn sợ.

Thoạt tiên, chuyển từ kinh đô ra Bắc Hà, tại từ Bắc Hà vào Nam Trung rồi trở về kinh để chịu lửa hóa ra tro, đem trộn với phân trâu phân ngựa, trước khi đổ trút xuống bể, tỏ ý làm tiêu diệt giống phản nghịch triều đình, không thể sinh hóa được nữa.

Tám thủ cấp đi chu du nam bắc hơn ba tháng trời, lúc trở về kinh chỉ còn trơ xương, hôi thối nồng nặc, trông rất ghê sợ. Ngay từ kinh đô chuyển ra Bắc Hà, đầu tháng giêng đến thành Thăng Long, mắt mũi ở tám chiếc mũi đã tiêu hết, chỉ còn lại mấy cái lỗ trống, nhiều người thấy gớm, không dám nhìn ngó chán chường.

Nhất là ruồi nhặng chui vào những lỗ trống ấy mà đục khoét chân rồi bay ra một lượt đàn ong, ai cũng sợ chúng lại đậu vào mình thì khôn.

Lúc bêu chuyển tới Gia Định, trời lại nắng to, ruồi nhặng bu lại càng nhiều, sự bẩn thỉu ghê tởm không thể tả hết. Đến nỗi người Gia Định chạnh lòng thương hại, bàn riêng nói lên với nhau:

- Người ta có tội, chém giết thì thôi, làm gì hành hạ tới đâu lâu quá thế?... Lúc nọ quân ngự bắt được binh triều tướng triều có xử nhân tâm đến nước ấy đâu!

Trong mấy tháng đầu lâu đi dạo như thế, ở kinh thành, quan Hình bộ tại xử một vụ án phản nghịch nữa, cũng dính líu chặt chẽ với loạn Phiên An.

Hai bị cáo là Nguyễn Chương Đạt và Thái Công Triều.

*

Độc giả hẳn còn nhớ Nguyễn Chương Đạt làm án sát Gia Định, giữa khi triều đình giao cho công việc, cùng với tổng đốc Nguyễn Văn Quế, bố chánh Bạch Xuân Nguyên, tra xét vụ án Lê Văn Duyệt lộng quyền. Hồi đó Lê Văn Khôi và mấy chục người nữa là bộ hạ cũ hoặc họ hàng thân thích ông Duyệt đều bị bắt giam để xét hỏi.

Khôi bị giam trong trại quan án, cốt làm ra bộ tòng phục hiền từ để cho Nguyễn Chương Đạt tin. Kẻ tù và quan án lại còn có tình đồng hương, vì cùng là người Cao Bằng, mạn ngược xứ Bắc.

Vì thế, trước hôm 18 tháng 5 Quý Tị, Khôi mượn cớ là ngày giỗ cha, được Đạt thả lỏng cho về nhà một vài hôm, giao hẹn cúng giỗ

xong lại trở vào ngục để tinh thần Gia Định giải nội bọn ra kinh đô thăm vấn.

Nhưng thừa cơ hai hôm thả lỏng, Khôi bí mật họp đồng chí uống máu ăn thề, rồi khởi loạn ở ngay trong thành Phiên An, gây nên to chuyện như ta đã thấy.

Nhân có ơn thả lỏng, cộng với chút tình đồng hương, Nguyễn Chương Đạt không bị bọn Khôi phanh thây xô sát như Nguyễn Văn Quế, Bạch Xuân Nguyên, lại để cho Đạt thoát ra ngoài thành đào nạn.

Đạt tự hỏi mình có tội to, nên thò mặt ra tát chết, bèn thay hình đổi dạng, thừa cơ đàn động, đáp thuyền mảnh trốn ra Bắc, lần trở về Cao Bằng ẩn trong rừng núi.

Kế triều đình có lệnh nã tróc bà con họ hàng Khôi ở Cao Bằng, người anh vợ Khôi là tri châu Nông Văn Vân khởi binh làm phản. Đạt liền đi theo làm mưu sĩ.

Tháng ba năm Ất Mùi, đạo quân tiểu phủ do Phạm Văn Diễn chỉ huy, đuổi dồn Nông Văn Vân vào một khu rừng ở Tuyên Quang, vây bọc bốn phía và nổi lửa đốt, Vân bị chết cháy, Dư đảng tan vỡ.

Giặc Nông Văn Vân dẹp yên trước cuộc loạn Phiên An bốn tháng.

Đạt nghĩ trốn tránh mãi cũng chẳng thoát được nào, đành về kinh tự thú, bị giam ở Phủ Thừa để chờ xét xử.

Nằm trong ngục, Đạt tự biết số phận mình bề nào cũng chết, không như Thái Công Triều nhơn nhơn tự tin mình đã lấy công lao đền quá tội lỗi, phen này tất được tiến chức thăng quan, không nhiều cũng ít.

Thái Công Triều từ hôm quan quân hạ thân Phiên An, rồi lại theo về kinh sự lễ hiến phù, vênh váo tự đắc ra mặt.

Sự thật, trong sổ quân công, đại tướng Nguyễn Xuân ghi công cho Triều khá nhiều, lại định ninh hứa hẹn sẽ hết sức bảo tâu giùm, không những được bỏ qua lỗi xưa, còn có phần chắc chắn thăng thưởng là khác. Người ta bảo ông Xuân khôn ngoan kín đáo, thừa đoán mai sau Triều sẽ có cái kết cuộc thế nào, nhưng trong lúc ông cần dùng Triều về việc quân thì cứ dùng, tha hồ cho hắn ta ăn bánh hy vọng, miễn là được việc cho ông.

Vì thế, hắn được thể ngạo nghễ, tự phụ bạn ngang hàng và những kẻ dưới, trong khi thâm thụt cầu lụy bề trên để phần thắng thường càng thêm nắm chắc. Mấy hôm mới về kinh hắn chịu khó đi khúm núm lạy lục khắp mặt các cụ đại thần, cơ hồ chẳng có nha môn công phủ nào không thấy in dấu chân tư yết. Nhưng ra ngoài thì hắn vênh mặt hất hàm, tuy chẳng dám thốt ra miệng, mà thái độ đủ tỏ cho người ta thấy hắn khoe công, nếu phải nói ra thì hắn nói thế này: “Chẳng có ta thì binh triều còn lâu mới hạ nổi lũ ngụy Phiên An!”

Sáng hôm mồng một tháng chạp xem lễ Ban sóc (ban lịch mới sang năm), rồi Triều cưỡi ngựa lên Kim Luông, tìm nhà lão thầy Cháp để xem một quẻ bói công danh, vì người ta đồn rằng thầy đoán chiết tự cực hay, lại tinh thông tướng pháp nữa. Lúc này hắn đã sốt ruột, hơi tỏ ý hồ nghi; các tướng sĩ Nam chinh được Binh bộ tâu xin thăng thưởng gần khắp lượt, riêng mình đợi mãi chưa nghe tin tức gì, mà mình lại vào hạng có công to, đáng được thưởng sớm hơn mới phải.

Thầy Cháp không biết khách là ai, nhưng lúc khách mới đặt mình ngồi, thầy liếc mắt nhận xét tướng mạo thế nào không biết, có bộ chân chờ ngần ngại không muốn xem.

Triều tinh ý, cũng hiểu như thế.

- Thầy xem hộ tôi một quẻ nào! Triều nói có vẻ giục giã.

- Vâng, ngài hãy ngồi chơi thong thả xơi chén nước trà Tàu đã! Thầy Cháp trả lời và hồi trẻ nấu nước, nhưng hai mắt chăm chú nhìn gương mặt khách.

- Nghe nói thầy giỏi cả tướng pháp lẫn chiết tự?

- Không dám! Người ta quá khen đó thôi, nào tôi có tài học gì đáng kể.

- Tôi muốn xem quẻ công danh...

- Vâng, vâng để mời ngài xơi nước đã!...

Nhưng tôi tưởng ngài chẳng cần phải xem làm gì.

- Tại sao vậy, thầy?

- Vâng, mời ngài xơi nước thong thả. Đun nước mau lên con!... Cho củi nhiều nhiều vào nghe!

Thầy Cháp không trả lời ngay câu khách hỏi, chỉ mời khách ngồi chơi, hỏi con nấu nước, ý muốn thoái thác khéo, mà không tiện nói ra. Vừa sáng sớm mở hàng, đã xem cho một người có hói khí trên mặt, sợ xui xẻo ế hàng cả ngày cho nên nhà nghề muốn tránh.

Nhưng Triều sống nước rồi năn nỉ ân cần quá, khiến thầy cả nể, không sao từ chối được, bèn đưa giấy bút và nói:

- Vâng, ông viết một chữ tôi xem.

Triều cầm bút nắn nót viết chữ “hữu 友” là bạn, rất tốt. Khi đặt bút ngẩng mặt lên, thấy lão thầy Cháp thè lưỡi dài như con ma nhát người, đầu lắc qua lắc lại lia lịa, còn lưỡi thì đánh nhịp tặc tặc trong miệng. Thầy nhìn thẳng Triều và hỏi:

- Ông muốn tôi đoán sự thật, hay là nói dựa lấy lòng?

- Ô hay! Người ta đã đến xem, chả cốt nghe lời đoán ngay thật chứ, không thì ai mất công đến làm gì! Triều trả lời với giọng gay gắt, khó chịu.

- Vâng, nếu vậy thì tôi xin nói thật với ông thế này: trên mặt ông ám đầy hói khí, giờ lại viết chữ “hữu” ấy là điềm ông sắp chết đến nơi rồi đây.

Triều quắc mắt hỏi gay:

- Thầy này nói thật hay bỡn thế?

- Nói thật đấy, ai bỡn với ông! Thầy Cháp trả lời cũng bằng giọng hơi xẵng.

- Hừ! Thầy hữu nhỡn vô châu, không biết đây là người thế nào chắc? Triều nói lên nước trịch thượng khoe mình. Đây là một bộ tướng Nam chinh vừa mới thắng trận khải hoàn, thầy không nghe à?... Nếu đoán láo thì mất đầu đấy, coi chừng!

- Quái! Ông này vô lễ nhì!... Thầy Cháp nghiêm nét mặt mắng lại. Ông là hộ tướng Nam chinh hay là Bắc chinh Đông phạt cũng mặc kệ ông, tôi cứ biết quẻ ứng sao đoán thế không sợ mịch lòng ai! Vậy mà vừa rồi bảo người ta cứ đoán thật...

- Đấy, tôi viết chữ “hữu” thầy đoán thật thì thế nào, thử giải ra xem!... Triều nói hơi dịu giọng, vì trong ý đã hơi chột.

- Dễ quá, trông thấy là biết ngay: đó là cái triệu “*phản tặc đứt đầu*” ứng ra nét bút rành rành còn phải đoán gì nữa!

- Thầy nói “phản tặc đứt đầu”?

- Phải, tôi nói hẵn thế đấy!

- Nhưng lấy lẽ gì mà thầy dám nói xung xung ra thế, thử cắt nghĩa cho tôi nghe có thông không nào?

- Này nhé: tôi để ý nhìn xem, lúc ông viết chữ “友 hữu” vừa xong, thì có con kiến bò ngang qua nét đầu từ bên này sang bên kia làm như trên mặt đầu chữ, còn lại chữ “反 phản”, Tôi lại xem gương mặt ông quý sắc bao phủ tất cả. Do đó tôi đoán quyết là *phản tặc đứt đầu*, tất ông phải chết nay mai.

Triều sầm mặt, lẳng lẳng ra về, bảy giờ trong trí mới đâm ra hồi hộp lo sợ, trời rét thảng chập mà mồ hôi toát ra ướt cả áo kếp.

Hắn suy nghĩ lẫn mẩn, hiểu lẽ vì sao Binh bộ đã tâu thăng thưởng cho nhiều tướng sĩ chinh nam mà bỏ rơi công mình chưa nói gì đến. Ừ, mình theo giặc buổi đầu, nhưng sau quy hàng triều đình, giúp nên công trận rất nhiều; bao nhiêu công trận ấy không đủ trừ tội thừa đi à? Dễ thường người ta âm thầm bàn tính, sắp sửa hỏi tội mình, không kể công lao chẳng? Không có lẽ đại tướng Nguyễn Xuân đã hứa bảo tấu chắc chắn kia mà! *Phản tặc đứt đầu!... Phản tặc đứt đầu!...* Lão thầy Cháp đoán sung sung, nghe ghê cả người.

Có tật giật mình, Triều sợ luống cuống, vội vàng đến gõ cửa Nguyễn Xuân; ông này đi vắng. Rảo khắp các dinh quan thầy, đều không được tiếp kiến. Hôm nay Ban sóc, các cụ được vô dự yến trong nội, chưa về.

Lo thân, phần chí, oán mình, giận đời, đủ các thứ ý nghĩ đánh nhau lung tung trong óc Triều, đến nẩy ra tư tưởng muốn ra Hương Giang đâm đầu xuống cho xong. Nhưng lại suy nghĩ: biết đâu lão Cháp không đoán láo nói xằng; mình tin theo mà sợ, sợ hão mà chết, chết rồi mà Binh bộ làm xong bằng sắc phong thưởng cho mình thì sao? Như thế chẳng là chết oan uổng ư?

Hay là đi trốn?

Cũng không được, Gia tử mình trốn rồi có thể thưởng công thì Nội các lục tổng cho ai? Khoan đã, việc gì phải trốn?

Con người ấy, hồi nào phản bội anh em đồng chí và cố kính lập công với triều đình thì quý quyết khôn ngoan, mỗi việc toan tính sáng suốt đáo để; giờ đến việc hệ mệnh cho bản thân thì vẫn vơ lúng túng, chả biết tiến thoái đường nào.

Bực mình, Triều về nhà trọ, sai đi mua nem rượu, ngồi một mình gật gù đánh chén, cho tới say như, nằm vật ra ngủ.

Xế chiều mới tàn hơi men, hấn vừa cựa mình tỉnh dậy đã nhận thấy hai tay bị trói năm sáu người lính đứng vây trước mặt, cầm mộc bài, tay thước, túi roi, thét bảo có lệnh quan Đề đốc Hộ thành nã tróc, rồi dựng đầu dậy, lôi đi tức thời.

Triều bị bắt, giam trong khám Hộ thành, riêng một căn phòng; cách đây mười bước là buồng giam Nguyễn Chương Đạt mà người ta mới giải ở Phủ Thừa qua hồi sáng.

Hôm sau đưa ra Hình bộ lấy cung, Triều mới hay Đạt cùng chung với mình một số phận.

Sau mười hôm, một buổi chiều chạng vạng, Triều đang ngồi khoanh tay bó gối trong buồng giam, chân xỏ vào cùm, đầu nghiêng dựa bên cột, nghĩ ngợi thở than, bỗng nghe cửa kẹt mở, một người đàn bà có bóng dáng như còn trẻ, bụng bát cơm gạo lức, trên phủ mấy con tôm kho, bước vào và nói:

- Này, tù dậy ăn cơm đi!

Triều sững sốt ngó, chẳng nói chẳng rằng, cũng không đỡ lấy bát cơm.

- Nè bụng lấy mà ăn, nhìn gì? người thiếu phụ đặt bát cơm vào tay Triều.

- Thế mụ già Khoách không cho cơm tù nữa sao, giờ đến cô lạ? Triều nói và đỡ lấy bát cơm, nhưng mãi vẫn nhìn sững.

- Ủ, mụ ấy về quê thăm nhà, tôi làm thay ít hôm... Ăn đi!... Lon nước uống đây!...

- Quái! Nghe tiếng quen quen,

- Dễ thường quen thực đây... Nhìn kỹ xem nào! Thiếu phụ nói mấy tiếng sau nho nhỏ.

Triều thu hết sức mắt và trí nhớ, một lát nhận ra, muốn kêu rú lên:

- Trời ơi!... Mình đây ư?

- Nói khẽ chứ! thiếu phụ đưa tay ra hiệu và nói tiếp chỉ vừa đủ hai người nghe. Phải, tôi đây, Cẩm Huê đây!... Hồi ở Gia Định tôi đã nói trước thế nào, không chịu nghe tôi, giờ để khổ thân.

- Số mệnh khiến thế, biết làm sao hử mình! Triều nói và thở dài. Thế còn thằng nhỏ đâu?

- Mình yên tâm; nó hiện ở Tây Ninh, tôi gọi một người quen nuôi hộ. Tôi đã biến tên đổi họ nó rồi... tôi đã hứa giữ lại một chút máu thịt của mình, tôi xin làm trọn.

- Thế mình ở Gia Định ra đây?

- Phải, vừa đến nơi thì mình đã bị bắt.

- Nhưng làm sao lọt vào chỗ này?

- Tôi cứ lót mụ Khoát và cai đội ở đây. Tay chân đưa cơm tù cho được gặp mình, nuôi mình và ... cứu mình.

- Cứu tôi?

- Phải, nếu như mình chịu... Nhưng mà thôi, ngày giờ còn nhiều, để hôm khác sẽ nói... Giờ nấn ná lâu, tội thủ ngục sinh nghi thì hỏng mất cả.

Triều gật đầu, cầm bát cơm đổ vào góc buồng rồi trao bát không cho thiếu phụ đi ra.

Thiếu phụ chính là ái thiếp của Triều, hồi ở Gia Định đã khuyên Triều đừng theo giặc không được sau lại khuyên Triều đừng phản giặc cũng không được, bèn viết thư để lại, ẵm con đi mất, hẩn độc giả còn nhớ.

Bây giờ nàng lần mò từ Gia Định ra Huế, cốt gỡ cho Triều trước khi bị bắt nhưng không kịp.

Từ hôm ấy trở đi, mỗi ngày nàng hai lượt đem cơm vào cho chồng, lén đưa dấm dúi nào quả bánh, nào đồ ăn, nào thuốc lá Cẩm Lệ và mỗi bận nói chuyện mấy câu.

Nàng năn nỉ Triều đào ngục, vì nàng đã dự bị đủ mưu chước có thể thành công mười phần. Nhưng Triều khẳng khẳng từ chối, trong ý tin chắc thế nào Nguyễn Xuân cũng nhớ lời ước hẹn mà cứu mình.

Đến hôm gần xử, nàng thừa lúc đem cơm, trao cho chồng một gói nhỏ. Triều mở ra thấy ba viên thuốc hoàn màu như thanh đồng, lấy làm lạ:

- Cái quái gì thế này?

- Thuốc độc đây! nàng trả lời:

- Mình đưa thuốc độc bảo tôi uống ư? Triều nhăn mặt hỏi.

- Phải! Họ đem mình ra xử là cố ý giết mình, chỉ biết mình có tội, chứ không hề mình có công... Thế thái nhân tình là thế... Thà tự tử trước còn hơn, đừng để họ đem mình ra công đường hạch hỏi bêu riếu nọ kia mà nhục.

- Không, họ không xử tử tôi được, bất quá xung quân hay đi đày là cùng. Giờ chót, Triều vẫn mơ màng sự sống, cho nên miệng nói chân đạp ba viên thuốc độc tan nát. Lý thị nhỏ nước mắt nói:

- Thế là lần thứ tư, tôi khuyên mình điều phải, mình không nghe, nhớ! Mình chết sẽ ân hận vô cùng.

Quả như Lý thị đã nói, sáng ngày hôm sau Thái Công Triều và Nguyễn Chương Đạt cùng phải ra trước công đường Hình bộ chịu cuộc xét xử.

Đạt thú nhận lỗi mình đã vì nhẹ dạ và cảm tình đồng hương, thả lỏng cho Khôi về nhà làm giỗ mà gây nên vụ biến Phiên An, chỉ xin triều đình nghĩ lại công mình tận trung vì chức vụ từ trước mà chước giảm cho.

Còn Triều thì đối khẩu với quan Hình bộ kể những công cán mình đã lập mưu biểu thế nào, quan quân mới dồn được Khôi vào thành Phiên An mà bao vây cho tới trừ diệt. Triều tự bênh vực thứ cấp mình một cách hăng hái, mạnh bạo.

Song triều đình bảo hấn tự hồi mà quy thuận, chỉ vì trông thấy quan quân thế mạnh, chứ không phải thành tâm. Hấn là võ quan đương chức của triều đình, phận sự phải đánh giặc ngay khi chúng mới nổi lên hay là tuần tiết vương sự mới được..

Triều làm thinh.

Kết quả, Hình bộ xử cả hai người phải án lăng trì, nhưng xét lại Đạt ra tự thú và Triều cũng lập công chuộc tội ít nhiều, cho nên giảm

xuống trảm quyết, mồ mả san bằng, gia sản cũng bị tịch một, vợ con thì bắt làm quan nô.

Ngay chiều hôm ấy, xử trảm Đạt và Triều ở bãi chợ Đông Ba, nơi đã lăng trì bộ Lê Văn Cừ hôm đầu tháng một.

Người ta chỉ bắt được vợ con Đạt sung làm quan nô, theo án triều đình đã xử, còn Lý thị chim ngàn cá nước, không biết đâu mà tìm.

MỤC LỤC

| | |
|--|-----|
| I. Một bó đuốc bằng thịt người | 5 |
| II. Thượng công là ai? | 15 |
| III. Nhưng vua Minh mạng không ưa | 24 |
| IV. Một chú Mường về trung châu | 36 |
| V. Lời thề viết bằng 28 giọt máu | 47 |
| VI. Bình Nam Đại nguyên soái. | 67 |
| VII. Một câu hát được vua khen thưởng. | 88 |
| VIII. Huyết chiến trước thành Biên Hòa. | 104 |
| IX. Thái Công Triều, con thò lò xấu mặt. | 123 |
| X. Hai người con gái lạ đời | 145 |
| XI. Thành Phiên An bị vây hãm | 167 |
| XII. Ái tình ở trước súng đạn | 185 |
| XIII. Hàng xóm và anh vợ | 208 |
| XIV. Hai con hổ cùng chết | 216 |
| XV. Một chén thuốc độc chẳng giết được ai. | 246 |
| XVI. Ngót 2.000 người bị chôn sống! | 271 |